

CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIỂU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

TRƯỜNG - CHINH TIỂU SỬ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TRƯỜNG - TRÌNH

TIÊU SỬ

**CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIỂU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC**

**TRƯỜNG-CHINH
TIỂU SỬ**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2007**

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

TRƯỜNG TẤN SANG	Trưởng ban
PHAN DIỄN	Ủy viên
HỒ ĐỨC VIỆT	Ủy viên
TÔ HUY RÚA	Ủy viên
LÊ HỮU NGHĨA	Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

LÊ HỮU NGHĨA	Chủ nhiệm
NGUYỄN KHÁNH BẬT	Phó Chủ nhiệm
LÊ VĂN TÍCH	Thư ký

BAN BIÊN SOẠN

PHẠM HỒNG CHƯƠNG	Chủ biên
ĐỖ ĐÌNH HẰNG	
TRIỆU QUANG TIẾN	
BÙI KIM ĐỈNH	
TRẦN MINH TRƯỜNG	
NGUYỄN DANH TIẾN	
NGUYỄN VĂN LANH	
TRẦN KIM NGÂN	
ĐẶNG KIM OANH	



Đồng chí TRƯỜNG - CHINH
(1907 - 1988)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng chí Trường-Chinh - một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam. Đồng chí là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1941-1951), Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam (1951-1957), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam (1986). Đồng chí là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là người đảng viên cộng sản kiên cường suốt đời trung thành, tận tụy phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng của đất nước, là nhà lãnh đạo có uy tín của Đảng, nhân dân và quân đội ta.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng lâu dài của mình, đồng chí Trường-Chinh đã trải qua hầu hết các lĩnh vực công tác, ở các cương vị lãnh đạo khác nhau. Dù trong bất cứ vị trí và hoàn cảnh nào, đồng chí đều tỏ rõ là một nhà lãnh đạo tài tình, có sức sáng tạo lớn, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng nước ta.

Nằm trong chương trình biên soạn tiểu sử của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta theo Quyết định của Bộ Chính trị, nhằm thiết thực kỷ niệm 100 năm ngày sinh của đồng chí Trường-Chinh (9-2-1907 – 9-2-2007), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách ***Trường-Chinh Tiểu sử***, do Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng tổ chức biên

soạn, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo chương trình do đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư - làm Trưởng ban.

Cuốn sách trình bày một cách có hệ thống về cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của cố Tổng Bí thư Trường-Chinh. Với việc xuất bản cuốn sách này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia hy vọng cung cấp cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân một nguồn tư liệu quý về vị Tổng Bí thư yêu quý của mình. Việc nghiên cứu tiểu sử của đồng chí Trường-Chinh sẽ giúp cho mỗi người chúng ta rút ra những bài học bổ ích: suốt đời vì Đảng vì dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đặc biệt là bài học dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn luôn đổi mới trên cơ sở nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, dựa vào dân, coi nhân dân là gốc của mọi thắng lợi.

Mặc dù đã hết sức cố gắng, song trong quá trình chuẩn bị, cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với đồng bào, đồng chí trong cả nước.

Tháng 1-2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Tám mươi một tuổi đời (1907-1988), sáu mươi ba năm liên tục hoạt động cách mạng kiên cường, đồng chí Trường-Chinh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hoạt động trong phong trào yêu nước và là đảng viên thời dựng Đảng, đồng chí Trường-Chinh đã đảm nhiệm trọng trách quyền Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1940), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1941-1951), Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam (1951-1957), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) và trong nhiều năm đồng chí là người đứng đầu Quốc hội và Nhà nước ta. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng và của dân tộc bởi sự xuất hiện của đồng chí trong mỗi bước ngoặt gắn với những sự kiện thắng lợi trọng đại của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, góp phần thúc đẩy cách mạng nước ta tiến lên những chặng đường phát triển mới phù hợp với sự tiến hóa của nhân loại và thời đại mới: Cách mạng tháng Tám; kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược và đổi mới xây dựng đất nước.

Là nhà lãnh đạo chính trị kiệt xuất, nhà văn hóa lớn, nhà báo nổi tiếng và là một tấm gương sáng ngời của người chiến sĩ cách mạng, một nhà lãnh đạo cộng sản, với nhiều cống hiến to lớn cho cách mạng, Đảng và dân tộc ta đã tôn vinh đồng chí là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cuốn sách ***Trường-Chinh Tiểu sử*** là một sản phẩm thuộc *Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử, thân thế, sự nghiệp cách mạng của mười đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta* theo Quyết định số 50/QĐ-TW ngày 4-9-2002 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng con người ở nước ta trong suốt thế kỷ XX, các hoạt động của đồng chí Trường-Chinh vô cùng phong phú. Bởi vậy, do nhiều điều kiện, mặc dù nhóm tác giả đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn còn nhiều hạn chế. Rất mong nhận được những ý kiến bổ sung để cuốn sách có chất lượng cao.

Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo sát sao của Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm Chương trình, cảm ơn Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nam Định, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sơn La, các nhà khoa học, cảm ơn Giáo sư Đặng Xuân Kỳ và gia đình đã hết lòng giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công trình này.

NHÓM TÁC GIẢ

Chương I

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ (1907-1927)

1.1. Hành Thiện, Xuân Trường

Đồng chí Trường-Chinh tên thật là Đặng Xuân Khu, sinh ngày 9-2-1907, tại làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường¹, tỉnh Nam Định.

1. Thời nhà Đinh (968) vùng Xuân Trường chưa có tên riêng. Đến nhà Lý, Xuân Trường thuộc lộ Hải Thanh, sau nhà Trần đổi là lộ Thiên Thanh. Năm 1262, đời vua Trần Thánh Tông, Xuân Trường thuộc phủ Thiên Trường.

Thời nhà Lê (1722), Xuân Trường thuộc trấn Sơn Nam hạ. Năm 1862, vua Tự Đức đổi tên phủ Thiên Trường thành phủ Xuân Trường. Phủ Xuân Trường lúc đó có chín tổng, trong đó tổng Hành Thiện gồm tám xã. Năm 1933, phủ Xuân Trường lại bị chia thành huyện Xuân Trường và huyện Giao Thủy. Năm 1967, Xuân Trường và Giao Thủy hợp nhất thành huyện Xuân Thủy. Năm 1997, huyện Xuân Thủy lại tách thành huyện Xuân Trường và huyện Giao Thủy.

Làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường ngày nay cũng nằm trong những biến đổi về địa vực đó.

Hình thành trên những dải đất bồi ven sông từ trước thời nhà Lý¹, sau nhiều thế kỷ được thiên nhiên bồi đắp và con người khai phá, xây dựng, Hành Thiện mới có hình dáng như ngày nay và trở thành một làng quê có truyền thống văn hoá và cách mạng.

Trước khi tới xây dựng làng ở đây, người dân Hành Thiện chủ yếu sống tại Quảng Lăng Quán Cai, thuộc làng Giao Thủy, phủ Hải Thanh (nay thuộc khu vực bến dò Quán Các, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực). Vì làng bị lở xuống sông, người dân nơi đây phải chuyển đến ở làng Nghĩa Xá (phía nam Lạc Quần)². Làng Quán Các là nơi phong cảnh đẹp, có vườn Kim Quất (cam ngọt), vua thường lui tới du ngoạn, nên đặt tên là Hành Cung Trang. Sau đó, làng Nghĩa Xá cũng bị lở xuống sông, dân làng lại phải chuyển đi xây dựng làng mới và ở đó cho đến ngày nay. Để tưởng nhớ về làng cũ, họ lấy tên làng cũ đặt cho làng mới là Trang Hành Cung. Thế kỷ XIX, triều Minh Mạng đổi là xã Hành Cung. Năm Minh Mạng thứ 4 (1823) đổi là Hành Thiện³.

1. Dấu tích còn lại là chùa Thần Quang được xây dựng từ thời nhà Lý.

2. Đặng Xuân Viện: *Hành Thiện xã chí* (1933) xuất bản tại Sài Gòn, 1974, tr.11.

3. Năm 1947, Hành Thiện sáp nhập với các xã Tiên Châu (Ngọc Cục) và Chí Thiện, đổi thành xã Tiên Châu. Năm 1956, Hành Thiện tách ra thành xã Xuân Khu. Năm 1968, Hành

Cũng như nhiều nơi khác của vùng duyên hải, người dân Hành Thiện phải vật lộn với thiên nhiên khắc nghiệt, chiến đấu chống các thế lực ngoại xâm để bảo vệ quê hương và cuộc sống của mình. Chính từ quá trình khai phá, dựng xây, bảo tồn và phát triển đó đã tạo nên truyền thống lao động cần cù, dũng cảm và đoàn kết, tương thân tương ái của người dân Hành Thiện.

Làng Hành Thiện chủ yếu sống bằng nghề nông, bên cạnh đó còn có một số nghề tiểu thủ công, đánh cá, đóng thuyền,... Với ưu thế nhiều đất bãi bồi ven sông thuận lợi cho việc trồng dâu nuôi tằm, ương tơ, dệt vải, nên từ lâu, tiếng dệt cửu tới tận canh khuya, tiếng chày đập vải từ sáng sớm là những âm thanh quen thuộc ở đây. Cảnh chồng đọc sách, dạy học, vợ quay tơ dệt lụa là hình ảnh khá phổ biến ở làng Hành Thiện¹. Nghề có

Thiện sáp nhập với các xã Xuân Tiên, Dũng Trí, Lục Thủy, Phú Yên, Xuân Thiện (gồm cả Chí Thiện) thành xã Xuân Hồng. Xuân Hồng là xã lớn nhất tỉnh, diện tích gần 27km², dân số khoảng 12.000 người. Riêng Hành Thiện có khoảng 5.000 người.

1. Trong bài "Trường-Chinh - nhà văn hoá lớn", Giáo sư Vũ Khiêu viết: "Buổi sáng sớm trong vùng ấy đã vang lên tiếng đọc sách của con trai, tiếng đập vải của con gái xen lẫn tiếng sáo diều réo rắt suốt ngày đêm. Con trai cố học giỏi thi đỗ, con gái giữ gìn nét na để phụng dưỡng cha mẹ, để giúp chồng ăn học, để dạy con cái nên người:

Sáng trăng, trải chiếu hai hàng,

Cho anh đọc sách cho nàng quay tơ.

ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành nhân cách của con người nơi đây là nghề làm thuốc và dạy học¹. Do vậy, ở Hành Thiện, truyền thống học tập và đạo đức được đề cao.

Có vị trí gần phủ lý huyện Xuân Trường, lại ở bên sông, sát cửa biển, tiếp xúc với các trung tâm Phật giáo lớn như chùa Cổ Lễ, chùa Keo², các lễ hội hàng năm... nên Hành Thiện rất thuận tiện cho việc giao lưu mọi mặt trong cộng đồng dân cư khu vực và vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Giao thông thuận lợi, ngành nghề đa dạng với nhu cầu

Đó chính là hình ảnh thanh bình của một nếp sống thi thư. Đó cũng là cảnh chính Trường-Chinh đã ghi lại qua những câu thơ rất trữ tình của mình:

*Trăng xuống làm gương em chải tóc,
Làm đèn anh học suốt canh dài”.*

Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.401.

1. Ở Hành Thiện có nhiều người làm nghề thuốc giỏi. Họ ngoại của Đặng Xuân Khu cũng có nghề y gia truyền.

Người làng Hành Thiện đỗ đạt nếu không ra làm quan đều về làng mở lớp dạy học (như cụ Đặng Viết Hoè là cụ nội của Đặng Xuân Khu). Một số người làm quan, khi về hưu, cũng về làng mở lớp dạy học (như cụ Đặng Xuân Bảng là ông nội của Đặng Xuân Khu).

2. Chùa Keo ở Hành Thiện (còn gọi là chùa Keo dưới - chùa Keo trên thuộc xã Dũng Nghĩa, hiện nay là xã Duy Nhất, tỉnh Thái Bình). Hội chùa Keo (Hành Thiện) là lễ hội lớn của khu vực, hàng năm mở từ ngày 10 đến 15 tháng 9 Âm lịch.

trao đổi lớn, do đó, một thời Hành Thiện là nơi tiểu đô hội, trên bến dưới thuyền, khá nhộn nhịp, hoạt động kinh tế nổi trội hơn so với các làng quê thuần nông khác. Và điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa đó đã tạo cho con người Hành Thiện nét phóng khoáng trong tính cách, quảng giao và năng động trong các hoạt động của mình¹.

Hành Thiện là một làng quê có quy hoạch quy củ, thể hiện ở cách bố trí xóm, thôn, nhà cửa, đường lối đi lại², chứng tỏ, ngay từ khi đến xây dựng làng, người dân Hành Thiện đã biết cách tổ chức chặt chẽ. Điều này còn được thể hiện trong việc tổ chức gia đình, dòng họ, phe

1. Làng Hành Thiện như hình một con cá chép từ ngoài sông bơi vào. Phía trước đầu cá (cách con sông nhỏ) có hình bút và nghiên mực. Phía lưng cá (phía tây, cũng cách sông) có một khoảnh ruộng hình cái bâng. Các nhà phong thủy cho đây là vùng đất có thể "địa linh nhân kiệt".

2. Làng Hành Thiện được chia làm 14 *giông* ngõ, *giông* nọ cách *giông* kia đúng 60 ngõ. Mỗi *giông* lại chia thành hai xóm, nửa phía tây là xóm Trước, nửa phía đông là xóm Sau (gia đình Đặng Xuân Khu ở *giông* thứ 7). Xung quanh và dọc theo giữa làng đều có đường lớn đi lại thuận tiện. Trong mỗi *giông* lại có các đường nhỏ, xóm Trước đi thông với xóm Sau. Đặc biệt, các khoảnh đất thổ cư đều được chia bằng nhau, đúng 1,5 sào Bắc Bộ (540m²).

giáp¹ của làng và trong việc duy trì, phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp và lối sống trọng đạo lý, ngay thẳng, tiết kiệm, hướng tâm, hướng thiện, mở rộng điều lành, giữ gìn lễ phép. Tên làng là Hành Thiện (nghĩa là luôn làm những điều thiện) cũng đã phần nào nói lên điều đó.

Vì vậy, trải qua nhiều thế kỷ, Hành Thiện luôn giữ được những nét đặc trưng của một làng quê văn hiến, có trật tự và quy ước chặt chẽ, xứng đáng với mười điều ban huấn "*Mỹ tục khả phong*" mà vua Tự Đức đã ban tặng cho làng². Hương ước của làng quy định chặt chẽ từ tổ chức xã hội đến việc giữ gìn truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của làng, đồng thời

1. Ở Hành Thiện có sự chênh lệch số người giữa các dòng họ khá lớn: họ Nguyễn chiếm gần nửa dân số; họ Đặng có hơn một phần ba dân số, nhưng có họ chỉ có một vài trăm, thậm chí một vài chục người. Điều này cho thấy Hành Thiện luôn rộng mở đón mọi người đến cùng sinh cơ lập nghiệp. Đây cũng là một đặc điểm trong tính cách của người Hành Thiện.

2. Mười điều ban huấn của vua Tự Đức cho làng Hành Thiện gồm: 1- Đôn nhân hậu (luôn ăn ở có luân thường đạo lý); 2- Chính tâm thuật (ăn ở ngay thẳng); 3- Thương tiết kiệm (chuộng đường tiết kiệm); 4- Hậu phong tục (duy trì lệ tốt); 5- Huấn tử đệ (dạy con em cho có nếp); 6- Vụ bản nghiệp (duy trì nghề nghiệp tốt); 7- Sùng chính học (chuộng học tập điểm ngay); 8- Giới dân thác (tránh những điều dân dục); 9- Thân pháp thư (giữ gìn lễ phép); 10- Quảng Hành Thiện (mở rộng điều lành).

khuyến khích sự học hành và tinh thần cố gắng vươn lên¹.

Ở Hành Thiện có nhiều đền, miếu, đình, chùa như chùa Đình Lan, miếu Tam Phủ, Bách Linh, Ông Đò; đền Nhị Thánh (thờ những người có công đức), văn chỉ (thờ thánh Khổng Tử, nhằm tôn vinh sự học hành), võ chỉ (thờ các vị võ tướng)... Cùng với việc tôn thờ trời đất, thờ cúng tổ tiên, người dân Hành Thiện luôn hướng tâm, hướng thiện, rất gần gũi với giáo lý đạo Phật, vì thế, ở đây ngoài đạo Phật, hầu như không có người theo đạo khác. Chùa Keo là một trong những trung tâm của Phật giáo, thờ đức Dương Không Lộ, người được cả làng coi là Thánh tổ, được xây dựng ngay trên đất làng Hành Thiện. Người Hành Thiện dù đi xa, làm gì, ở đâu, họ cũng luôn đề cao vị Thánh tổ của làng, luôn làm việc thiện và phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương.

Cùng với việc tổ chức lễ hội chùa Keo, hàng năm dân làng Hành Thiện còn tổ chức các hoạt động văn

1. Ở Hành Thiện, các chức hương thôn, xã trưởng, quan viên, tiên chỉ... đều được hương ước quy định rõ. Ai đỗ đạt cao hơn về khoa bảng mới được làm tiên chỉ, mới được giữ lệ làng. Ai đỗ cử nhân trở lên về văn khoa và đỗ từ lục phẩm trở lên về võ khoa mới có thể được làm hương trưởng. Những người đỗ đạt hay làm quan cao hơn có thể được ngồi trước các vị trí đó. Các chức sắc khác cũng được quy định chặt chẽ, coi trọng về chức vụ và nghiêm ngặt về thứ bậc.

hoá, thể thao như lễ hội đua thuyền, hát chèo, bơi chải, kéo co, đấu vật, yến lão¹... thể hiện rõ nét văn hoá của cư dân vùng Đồng bằng sông Hồng. Đó là tinh thần yêu lao động, tinh thần thượng võ, đạo lý uống nước nhớ nguồn và khát vọng vươn lên xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Người Hành Thiện lịch lãm trong giao tiếp, tôn trọng người cao tuổi, kính thầy, tin tưởng ở lớp trẻ, hướng thiện, đả phá các thói hư, tật xấu... Hàng năm, theo lệ, dân làng thường tập trung ở đình làng để nghe các vị chức sắc có uy tín giảng giải về hương ước và mười điều ban huấn của vua đã ban tặng cho làng, nhằm giữ gìn truyền thống tốt đẹp, khuyến khích học hành và sự cố gắng vươn lên của mỗi người. Trong các gia đình, dòng họ thường tập trung để nghe gia huấn của gia đình, dòng họ mình.

Hành Thiện được cả nước biết đến với truyền thống học hành khoa bảng, có ý chí cao. Những gia đình giàu không tiếc tiền mời thầy giỏi về dạy cho con em (và cả các trẻ trong làng) hoặc gửi con đi học với các thầy nổi tiếng. Các gia đình không đủ tiền thuê thầy thì vừa làm vừa tự học. Lúc đỗ đạt, nếu không ra làm quan, họ trở

1. Yến lão là một mỹ tục để con cháu chúc mừng các cụ cao tuổi, thể hiện lòng biết ơn ông bà, cha mẹ và cũng là dịp để tình làng nghĩa xóm được thể hiện gần gũi, gắn bó với nhau.

về mở trường dạy học tại quê nhà. Do tinh thần cố gắng đó nên người Hành Thiện đỗ đạt rất nhiều¹ và Hành Thiện trở thành một làng nổi tiếng về sự học hành, đỗ đạt với câu nói "*Đông Cổ Am, Nam Hành Thiện*". Trong làng có 17 họ thì 11 họ có người đỗ đạt làm quan². Cùng với đỗ về văn khoa, Hành Thiện còn có nhiều người đỗ võ khoa. Số lượng người đỗ võ khoa

1. Để khuyến khích con em học tập, các chức sắc của làng đã quyết định bán 30 mẫu ruộng, để lấy tiền mở trường thuê thầy về dạy học cho con em trong làng.

Tinh thần học tập còn được khuyến khích bằng sự tôn trọng, ưu ái của các phe giáp trong làng. Những người có văn bằng, chức phẩm cao, được dành cho ngôi thứ cao trong các dịp lễ hội, việc làng và được tôn kính ở mọi nơi. Cha mẹ, vợ con của họ cũng được trọng vọng hơn. Những điều này khuyến khích mọi người cố gắng học tập và khích lệ các bậc cha mẹ quan tâm, chăm lo đến việc học hành của con em mình.

2. Kể từ năm 1522 (là năm cụ Nguyễn Thiện Sĩ khai khoa, mở đầu truyền thống học tập của làng) đến năm Duy Tân thứ 9 (1915), cả làng Hành Thiện có 347 người đỗ đạt, trong đó có bảy vị đỗ đại khoa, 97 vị đỗ cử nhân. Có khoa đỗ hai tiến sĩ, có khoa đỗ cả giải nguyên và á nguyên. Có khoa thi cả năm người là cha con, anh em, chú cháu đỗ cử nhân, tú tài...

Thời Pháp thuộc, làng Hành Thiện có hơn 30 người tốt nghiệp đại học.

Từ năm 1945 đến 2003, có gần 700 người tốt nghiệp đại học, trong đó 116 người là thạc sĩ, tiến sĩ, giáo sư, nhiều người là nữ.

có 179 người, trong đó cựu võ giai (trước năm 1888) là 95 người, tân võ giai là 84 người¹. Truyền thống hiếu học của dân làng Hành Thiện đã tác động trực tiếp tới các thế hệ sau này.

Khoan nhường, khiêm tốn và thanh bạch, người Hành Thiện luôn tỏ rõ sự trung thực, bất khuất. Tiêu biểu cho các tấm gương đó là các ông Đặng Văn Bính (tức Đẩu Quang); Đặng Đức Dịch (Thượng thư bộ Lễ); Đặng Xuân Bảng (Tuần phủ Hải Dương); Nguyễn Ngọc Liên (Tri phủ Nam Sách)... Những tấm gương đó được người Hành Thiện kính trọng và noi gương.

Không gian văn hiến truyền thống đó thấm đậm vào tâm trí Đặng Xuân Khu.

Ruộng đất của Xuân Trường tuy khá nhiều và màu mỡ, nhưng bọn hào lý, địa chủ, được chính quyền thực dân dung túng, tìm mọi cách thâm tóm chiếm đoạt và bóc lột sức lao động của nông dân². Ở Hành Thiện, hầu

1. Hành Thiện có nhiều người đỗ võ sinh, xuất đội, võ cử... Ông Nguyễn Ngọc Phu đã làm đến Dũng tướng phó thiện bộ (triều Lê), ông Vũ Văn Dinh đã làm Kinh tiết tả kỹ uy phó bộ quân hiệu đỉnh tài ba. Với nhiều người đỗ đạt về nghề võ, đã góp phần khẳng định thêm truyền thống học hành của người Hành Thiện.

2. Địa chủ Vũ Ngọc Hoánh chiếm hàng ngàn mẫu ruộng ở Xuân Trường, Giao Thủy và 3.000 mẫu ruộng ở Hải Hậu. Nhà Chung cũng chiếm nhiều ruộng đất. Các cha cố toà giám mục Bùi Chu đã chiếm tới hơn 500 ha; Nhà thờ xứ An Bài chiếm 216 ha...

hết ruộng đất đều bị địa chủ chiếm đoạt¹. Do vậy, tuyệt đại bộ phận nông dân Xuân Trường không có tư liệu sản xuất, thiếu ruộng phải đi cấy thuê, cấy rẽ cho địa chủ, phải nộp địa tô và các khoản phụ thu nặng nề². Bên cạnh hình thức bóc lột bằng địa tô, cho vay lãi còn có rất nhiều thứ thuế, nhưng dã man và vô lý nhất là thuế thân³. Nhiều người phải đi làm thuê quanh năm vẫn không đủ tiền đóng thuế thân, buộc họ phải bán vợ, đẻ con, cuộc sống vô cùng khổ cực.

Hậu quả là nhiều người dân Hành Thiện do không chịu nổi khó khăn, túng thiếu phải bỏ nhà đi làm phu đồn điền cao su, hầm mỏ... và hầu hết họ không bao giờ trở lại quê hương nữa. Hàng ngày, được chứng kiến

1. Địa chủ Nguyễn Duy Hàn chiếm gần hết cánh đồng phía trước làng Hành Thiện (42/44 mẫu). Các địa chủ lớn của làng Hành Thiện còn đi xâm chiếm ruộng đất ở nhiều nơi khác như Xuân Trường, Giao Thủy, Vũ Thư...

2. Mức địa tô và các khoản phụ thu khác chiếm từ một phần hai đến hai phần ba thu hoạch thực tế, nên nhân dân thường xuyên lâm vào cảnh nợ nần đói khổ. Họ phải vay tiền, vay thóc với giá cắt cổ, hoặc bán lúa non, cứ một thùng thóc vay thì đến mùa phải trả từ 1,3 đến 1,5 thùng. Vì vậy, vào mùa gặt hái, nhiều gia đình nông dân vẫn hết thóc gạo lại phải tiếp tục đi vay lúa lãi để ăn.

3. Nam giới từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng 2,5 đồng thuế thân cho "nhà nước bảo hộ" (tương đương gần 2 tạ thóc). Nếu tính cả các khoản phụ phen tạp dịch khác còn lên tới 3,5 - 4 đồng.

những cảnh thương tâm đó, Đặng Xuân Khu rất cảm thông với những người dân nghèo khổ và thường tìm cách gần gũi, giúp đỡ. Chính những điều này đã thôi thúc Đặng Xuân Khu sớm ra đi làm cách mạng để giải phóng cho con người khỏi những áp bức, bất công.

Một trong những yếu tố tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm của Đặng Xuân Khu là truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân trong vùng nói chung và Hành Thiện nói riêng.

Hành Thiện là một cù lao nhô ra chắn giữa dòng một con sông lớn (Mom Rô) chia sông Hồng thành hai nhánh đổ ra cửa Ba Lạt và cửa Ninh Cơ, lại nằm trong khu vực "cửa biển Kỳ Bó", là cửa ngõ giữa biển khơi và đất liền. Đi vào sông Hồng, từ cửa Ba Lạt hay cửa Ninh Cơ đều phải qua địa phận Hành Thiện (Mom Rô), nên khu vực Xuân Trường nói chung và Hành Thiện nói riêng đã ghi lại nhiều dấu tích oanh liệt trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc¹.

1. Thời nhà Đinh, tướng quân Trần Lãm (bố nuôi Đinh Bộ Lĩnh) trấn giữ vùng cửa biển Kỳ Bó, sau này giúp vua Đinh dẹp loạn 12 xứ quân, thống nhất đất nước. Thời Lý, Trần đã diễn ra nhiều trận đánh lớn chống quân Chiêm Thành và giặc cướp vùng ven biển. Thời Trịnh - Mạc phân tranh, đây là khu vực trung tâm của cuộc khởi nghĩa Vũ Đình Dung. Trong cuộc khởi nghĩa đó, làng Hành Thiện có chín người hy sinh vì dân làng nên được tôn thờ là "Cửu Công".

Năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, nhiều người dân Xuân Trường đã hăng hái tham gia đội quân nghĩa dũng của cụ Đốc học Phạm Văn Nghị hành quân vào Nam đánh giặc. Sau đó, nhân dân Xuân Trường lại tiếp tục tham gia nghĩa quân của Nguyễn Thiện Thuật ở Hưng Yên. Năm 1889, nhân dân Xuân Trường đã nổi dậy đánh úp đồn binh Lạc Quần. Năm 1902, do bị ức hiếp nặng nề, nhân dân Xuân Trường đã cùng đứng lên bao vây đồn Đoan, cầu Sắt, giết chết tên đồn trưởng và đốt hết mọi sổ sách của chúng.

Đầu thế kỷ XX, nhân dân Xuân Trường ủng hộ mạnh mẽ phong trào Đông du do Phan Bội Châu khởi xướng và phong trào bất hợp tác với Pháp do Phan Chu Trinh phát động¹. Cùng thời gian này, nhiều thanh niên

Nhân dân Xuân Trường tích cực tham gia các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu (1741), Nguyễn Kim Phẩm và Trần Xuân Trạch khi họ kéo về tiến đánh huyện Thượng Nguyên.

Đầu thế kỷ XIX, nghĩa quân của Phan Bá Vành xây dựng căn cứ ở vùng Trà Lũ, Hành Thiện (Xuân Trường, Nam Định); Minh Giám (Vũ Thư, Thái Bình) và tiến công giết quan trấn thủ Nam Định là Lê Mậu Cúc. Triều đình phải cử các tướng như Phạm Văn Lý, Nguyễn Công Trứ đem đại quân trấn áp. Nhiều trận chiến đấu đã diễn ra trên đất Xuân Trường.

1. Các nhà nho như: Đặng Tử Kính, Đặng Bằng Đoàn, Đặng Tử Mẫn (Hành Thiện), Phạm Quang Thiết (Ngọc Cọc), Đặng Quốc Kiều, Nguyễn Xuân Thúc, Đặng Tử Dương...

ở Hành Thiện như Đặng Vũ Giá, Đặng Hữu Quý, Đặng Văn Nhã... tiếp tục sang Nhật Bản, Trung Quốc và gia nhập Việt Nam Quang phục Hội, Duy tân Hội... Nhiều thanh niên ở Hành Thiện như Nguyễn Xuân Khải, Đặng Nguyên Roanh, Đặng Xuân Mậu, Đặng Kinh Bang, Đặng Ngọc Đĩnh, Đặng Hữu Lai, Đặng Hữu Cảnh, Đặng Vũ Long... góp nhiều công sức vào việc liên lạc, dẫn người xuất ngoại trong phong trào Đông du. Ông Đặng Xuân Viện, thân phụ Đặng Xuân Khu, là người tích cực tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thực.

Truyền thống yêu nước trong lịch sử, nhất là những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở vùng Hành Thiện, Xuân Trường, đã góp phần tạo nên phong trào cách mạng sôi nổi, thôi thúc tinh thần yêu nước và tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm cách mạng của các thế hệ tiếp theo như Nguyễn Thế Rục, Đặng Xuân Khu, Đặng Xuân Thiều...

Hành Thiện, Xuân Trường với truyền thống văn hoá đặc trưng là những yếu tố tích cực tác động sâu sắc và góp phần tạo nên tinh thần và nhân cách Đặng Xuân Khu từ thời thơ bé.

1.2. Họ Đặng ở Hành Thiện và chi họ Đặng Xuân

Họ Đặng là một họ lớn, nổi tiếng ở làng Hành Thiện và trong vùng.

Thủy tổ họ Đặng ở Hành Thiện là Đặng Đại Lang, còn gọi là Đặng Tiến Pháp, hay Đặng Chính Pháp. Đến nay, con cháu họ Đặng trong làng đã lên tới 12-13 đời¹. Đặng Xuân Khu là đời thứ 11.

Họ Đặng (Hành Thiện) có nguồn gốc từ họ Đặng (Trần Lâm) ở làng Lương Xá (huyện Chương Mỹ, tỉnh Sơn Tây). Trước đó, họ Đặng (Trần Lâm) có nguồn gốc từ họ Trần². Người đầu tiên đổi từ họ Trần sang họ Đặng là tiến sĩ Trần Văn Huy (tức Trần Công Vi), đổi thành Đặng Hiên³.

1 Ông nội của Đặng Xuân Khu là Đặng Xuân Bảng thuộc đời thứ 9; Bố của Đặng Xuân Khu là Đặng Xuân Viện là đời thứ 10. *Đời thứ 11* gồm: Đặng Xuân Khu, Đặng Xuân Đĩnh, Đặng Xuân Quát, Đặng Xuân Phi, Đặng Xuân Dương (liệt sĩ); *Đời thứ 12* gồm các con của đồng chí Trường-Chinh (Đặng Xuân Khu): Đặng Xuân Kỳ, Đặng Việt Nga, Đặng Việt Bích, Đặng Việt Bắc.

2. Đặng Trần Lâm là con tiến sĩ Trần Văn Huy, cháu Trần Quốc Hiệu (tức Hưng Trí vương) - con trai thứ tư của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.

3. Lý do họ Trần đổi thành họ Đặng là do hai lần họ Trần bị truy sát. Lần thứ nhất vào khoảng năm 1300, khi Hồ Quý Ly lên nắm quyền, các quý tộc nhà Trần chống lại, bị nhà Hồ truy sát, nên họ Trần phải đổi là họ Đông (chữ Đông thực chất là do chữ Trần bỏ bộ liểu leo bên trái). Sau khi nhà Hồ bị diệt, họ Đông lại phục hồi thành họ Trần.

Lần thứ hai vào khoảng năm 1511, Trần Tuân (cháu Trần

Phát huy truyền thống dòng họ, con cháu họ Đặng ở Hành Thiện luôn nêu cao tinh thần yêu nước, bền bỉ chống chọi với thiên nhiên, lao động cần cù, cố gắng vươn lên trong cuộc sống và có nhiều người quyết chí theo con đường khoa cử. Thời phong kiến, họ Đặng có tới 105 người đỗ đạt (hai tiến sĩ, hai phó bảng, một giải nguyên, một á nguyên, 26 cử nhân, 73 tú tài)¹.

Cận) cầm đầu cuộc khởi nghĩa ở vùng Hưng Hoá, Sơn Tây, Vĩnh Phúc, đã từng kéo xuống Từ Liêm uy hiếp kinh thành Thăng Long. Triều đình khép Trần Tuân vào tội phản loạn và truy nã, nên họ Trần (gồm con cháu các dòng Trần Cận, Trần Du, Trần Lâm...) phải đổi sang họ Đặng. (Chữ Trần có bộ liễu leo bên trái, chữ Đặng có bộ liễu leo bên phải. Đổi như thế là ngầm ý mong muốn con cháu họ Đặng sau này không được quên gốc là họ Trần. Nhiều người còn đem chữ Trần đặt ngay sau chữ Đặng thành Đặng Trần. Nhiều người họ Đặng ở Hành Thiện vẫn nghe các cụ kể lại họ Đặng là họ Trần lần hai đổi họ mà thành).

Họ Đặng ở Chương Mỹ (Hà Tây) có nhiều người học rộng, tài cao, làm quan cả văn lẫn võ, hiện nay phát triển thành nhiều nhánh sinh sống ở nhiều nơi trong nước.

Trong số con cháu của Trần Lâm có người tên là Đặng Chính Pháp đã đến sinh sống, lập nghiệp ở làng Hành Thiện. Từ đó đến nay, họ Đặng ở làng Hành Thiện trở thành một họ lớn trong làng.

1. Tiêu biểu như các ông: Phó bảng Đặng Kim Toán - Tổng đốc Nghệ An; Phó bảng Đặng Đức Dịch - Thượng thư bộ Lễ; Cử nhân Đặng Đức Cường - Tổng đốc Hải Dương, hàm Thái tử Thiếu bảo Hiệp tá đại học sĩ; Huyện thừa Đặng Nguyên Nhiễu;

Đặng Xuân Khu chịu ảnh hưởng sâu sắc truyền thống quê hương, dòng họ, gia đình, đặc biệt là tác động từ ông nội và cha mẹ.

Ông nội Đặng Xuân Khu là cụ Đặng Xuân Bảng (1828-1910), tự là Hy Long, hiệu là Thiện Đình (dân làng thường gọi là cụ Tuần Đốc), là người có ý chí học hành và thành đạt trên con đường khoa bảng. Từ nhỏ, cụ Bảng nổi tiếng là người thông minh, hiếu học và có trí nhớ tốt, khiến nhiều người phải kính nể. Tuy không được cấp sách tới trường và chỉ ở nhà học cha mình là tú tài Đặng Viết Hoè (bảy lần đỗ tú tài), nhưng 12 tuổi, cụ đã giỏi các thể loại thơ văn; 18 tuổi đã đậu tú tài lần thứ nhất; 20 tuổi đậu tú tài lần thứ hai; 23 tuổi đậu cử nhân (1851). Khi đậu cử nhân, cụ được cử làm Giáo thụ Ninh Giang (Hải Dương). Mặc dù đã làm quan song cụ vẫn quyết chí tiếp tục con đường khoa cử. Năm 28 tuổi (1856), cụ đỗ đầu hàng Tam giáp Tiến sĩ¹ và được bổ làm quan.

Trong thời gian làm quan, cụ đi nhiều nơi, làm

Tú tài Đặng Nguyên Trác; Thầy đồ Đặng Nguyên Quế; Tú tài kép Đặng Xuân Dậu; Thầy đồ Đặng Viết Hoè (bảy lần thi đậu tú tài, được nhà vua tặng bốn chữ "Giáo tử đẳng khoa"); Tiến sĩ Đặng Xuân Bảng - Tuần phủ Hải Dương...

1. Bài thi của cụ đáng được đậu Hoàng giáp, nhưng vì trong bài cụ đã khuyên vua chớ mãi vui sẵn sẵn mà quên việc nước, nên vua không bằng lòng, giáng xuống đỗ đầu Tam giáp Tiến sĩ.

nhiều công việc khác nhau¹ và từng trải qua nhiều công việc khó khăn. Ngay từ khi đỗ tiến sĩ, mặc dù còn rất trẻ, nhưng cụ đã giữ chức Bí thư Văn phòng Nội các và được giao hiệu đính cuốn sách *Khâm định nhân sự kim giám* quan trọng của triều đình. Sau đó, chỉ trong khoảng thời gian ngắn làm Giám sát Ngự sử, cụ đã tìm hiểu tình hình và có ba tờ sớ quan trọng tâu lên vua về vấn đề tài chính, dân chính và binh chính².

1. Năm 28 tuổi, cụ làm Bí thư Văn phòng Nội các, được giao hiệu đính bộ sách *Khâm định nhân sự kim giám*; 29 tuổi làm Tri phủ Thọ Xuân (Thanh Hoá) và Tri phủ Yên Bình (Tuyên Quang); 34 tuổi được cử làm Giám sát Ngự sử; 35 tuổi, cụ được thăng chức Trưởng khoa Lại ấn, một chức vụ có thực quyền lớn; 37 tuổi, cụ nhận chức Án sát Quảng Yên; 39 tuổi, cụ được thăng chức Bố chính Thanh Hoá, sau đó là ở Tuyên Quang, Hà Nội, Sơn Tây... Năm 42 tuổi, cụ được thăng chức Tuần phủ Hưng Yên. Hai năm sau đổi sang làm Tuần phủ Hải Dương. Năm 58 tuổi nhậm chức Đốc học Nam Định. Năm 60 tuổi cụ xin nghỉ hưu (lần thứ hai) về nhà dạy học. Theo: Đặng Nguyên Khu: "Hy Long di thặng" trong báo *Nam Phong*, 1928-1929 và Đặng Xuân Đỉnh: *Cuộc đời và sự nghiệp của nhà nho Đặng Xuân Bảng*, Hà Nội, 2001.

2. Về tài chính, không nên mua hàng xa xỉ nước ngoài mà nên tự sản xuất hàng phỏng theo nước ngoài mà dùng để vừa phát triển công nghệ trong nước, vừa đỡ phải "đem tiền đi đổ sông Ngô". Về dân chính, nên nắm chắc dân số để định thuế và binh ngạch cho chính xác, tránh được tham nhũng trong việc khai tăng, giảm đinh và tề đoan của lý dịch. Về binh chính, phải

Cũng trong thời gian làm Giám sát Ngự sử, được dự bàn những việc quân cơ, cụ có nhiều ý kiến xác đáng, vua cho là phải, nhưng không quyết cho thi hành¹.

Mặc dù là quan văn nhưng do có tài thao lược, cụ vẫn được triều đình cử cầm quân. Là người có đầu óc kinh bang tế thế, cụ từng đứng ra chiêu mộ nhân dân khai phá đồn Vàng (đồn Thực Luyện), đồn Yển Mao (Hưng Hoá), năm 1876 và khai khẩn các huyện Tiên Hải (Thái Bình), Giao Thuỷ (Nam Định), năm 1888.

Trung thực, thanh liêm, ghét thói xiểm nịnh, khi thấy những điều có lợi cho dân cho nước, thì dù khó khăn mấy cụ cũng tìm cách hiến kế, thi hành. Khi gặp những điều sai trái thì dù là đại thần hay vua, cụ cũng tìm cách can ngăn². Là người có tinh thần yêu nước và

tập luyện quân đội thường xuyên, chỉ nên để một số ít binh sĩ ở lại canh gác và phục dịch. Các cơ binh phải tập luyện ít nhất một tháng hai kỳ cho quen chiến trận. Cụ phân biệt rõ quân chính quy và dân binh (như dân quân của ta hiện nay) và rất chú trọng về hậu cần và trang bị vũ khí cho quân đội.

1. Cụ can vua không nên phái Phan Thanh Giản đem vàng bạc châu báu đi thương thuyết nghị hoà mà nên chuẩn bị lực lượng dùng binh lực đòi lại. Nhưng nhà vua không nghe.

2. Trong bài văn đi thi, cụ đã khuyên vua chớ nên mãi vui săn bắn mà quên việc nước. Khi làm Trưởng khoa Lại ấn, do thẳng thắn cương trực nên không được lòng một số quan lại và họ đã ngầm ngầm tìm cách dò xét để hại cụ. Người nhà biết được, khuyên can, cụ trả lời: "Tôi làm việc cho triều đình chứ

kiên quyết chống giặc ngoại xâm, nhiều lần cụ đề xuất với triều đình nên chuẩn bị lực lượng, rèn luyện quân sĩ để sẵn sàng đối phó với quân địch¹. Với lòng thương dân sâu sắc, cụ luôn quan tâm và tìm mọi cách làm cho dân đỡ khổ².

không phải làm việc cho các ông ấy. Kể chúc mình còn kém xa, nhưng Trương án là đại quan, lệ được kiểm soát các việc trong bộ, phải vì triều đình mà giữ công pháp. Nếu mình làm quan dưới mà xiểm nịnh quan trên thì mất cả nhân cách. Nếu xiểm nịnh dẫn đến chống được thăng bổ, nhưng nếu đem cái nhục mà đổi lấy cái vinh thì trong lòng nghĩ cũng chẳng sung sướng gì".

1. Lúc là Tuần phủ Hải Dương, cụ tâu với triều đình phải chuẩn bị lực lượng đánh Pháp, nhưng triều đình không nghe. Khi Pháp đánh Hải Dương, do so sánh lực lượng quá chênh lệch, Hải Dương nhanh chóng thất thủ. Để mất thành, là Tuần phủ, cụ phải về kinh chờ hậu xét. Nhà vua hỏi đến, cụ nói: "Kẻ hạ thần xin thề trước Hoàng thượng rằng hạ thần và con cháu không bao giờ chịu đầu hàng giặc Tây. Muốn đánh Tây và chống giặc ngoại xâm thì xin củng cố quân ngũ, luyện tập thường xuyên, chuẩn bị quân lương vũ khí cho tốt, dựa vào thể dân. Có thể mới mong thắng được". Với lời tâu có lý đó, nhà vua không thể kết tội nặng cho cụ.

2. Khi làm Tri phủ Thọ Xuân (Thanh Hoá), thấy dân trồng quế vất vả, cụ đề nghị với quan đầu tỉnh bỏ lệ bắt dân xã Thọ Vạn phải nộp quế hàng năm. Ở Yên Bình (Tuyên Quang), cụ tìm hiểu dân tình, dò tìm những tên trộm cướp, thầy cúng, thầy kiện những nhiễu hại dân để tìm cách trừng trị. Lúc làm Tuần phủ Hưng Yên, đề sông bị vỡ, dân chúng đói khổ, cụ bàn với các quan

Mặc dù đã hết sức cố gắng trên chốn quan trường, nhưng trước cảnh đất nước rối ren, họa xâm lăng đang treo lơ lửng, vua tôi hèn kém, những người tài và lời nói phải tâu lên không được dùng, biết sức mình không thể xoay chuyển nổi, nên cụ đã cáo lão về quê nuôi mẹ già và nghiên cứu, viết sách¹. Khi về hưu, cụ vẫn tiếp tục đọc sách, nghiên cứu và dạy học². Lĩnh vực nghiên cứu của cụ bao gồm cả văn học, triết học, lịch sử, quân sự, thiên văn học... Cụ đã sưu tầm và lập ra Thư viện Hy Long (lớn nhất Bắc Kỳ thời bấy giờ) và bỏ tiền thuê khắc gỗ in ra rất nhiều sách dùng cho việc nghiên cứu, học hành.

lấy thóc phát chẩn cho dân. Họ khuyên đợi lệnh vua, cụ nói: "Nếu đợi lệnh, dân đói gần chết đến nơi thì cứu vào đâu? Việc lấy thóc xin cứ lấy, tôi xin chịu một mình. Chỉ xin các ông nghĩ việc phát chẩn thế nào cho tốt". Trước thái độ như thế, nên khi nhận được số của cụ, nhà vua đã đồng ý. Cụ còn đề xuất việc tu sửa đê điều, nạo vét luồng lạch để chống vỡ đê, lụt lội, đỡ khổ cho dân.

1. Sau đó triều đình định phục chức cho cụ, nhưng xét thấy con đường hoạn lộ đã qua không thoả được chí mình, chỉ còn dạy học giúp người giữ lấy cái gốc là việc làm có ích, vì thế cụ xin nhận chức Đốc học Nam Định. Học trò đến theo học rất đông, cụ kết hợp giảng cho học sinh về trí dục, đức dục, lịch sử, giáo dục lòng yêu nước. Cụ tự bỏ lệ học trò nộp quyển phải mất tiền và thăng thán phê phán những thói xấu trong nghề.

2. Học trò của cụ có một người đỗ thủ khoa, sáu cử nhân và sáu tú tài.

Tuy là một mẫu mực trung quân ái quốc theo kiểu Nho giáo, nhưng cụ cũng là một nhà cách tân¹. Lòng yêu nước, thương dân của cụ luôn được thể hiện bằng những việc làm cụ thể. Cụ đã để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị như *Sử học bị khảo*, *Việt sử cương mục tiết yếu*, *Cư gia khuyên tắc giới*, *Đặng Xuân Bảng hành trạng*²... Khi rời chốn quan trường, cụ chọn cho mình nghề dạy học để đóng góp với đời một cách hữu hiệu nhất. Với nghề dạy học và các tác phẩm như *Huấn tử quốc âm ca*, *Huấn tục ca*, *Cư gia huấn tắc giới*... cụ đã góp phần giáo dục cho thế hệ sau giữ gìn nhân đức, làm điều lành, tránh điều ác, thể hiện rõ thiện tâm và là một tấm gương mẫu mực về liêm khiết, hiếu nghĩa để mọi người noi gương học tập. Đạo đức, tác phong, tính cách và ý chí vươn lên của cụ đã tác động rất lớn đến con cháu.

1. Triều đình nhà Nguyễn không thừa nhận triều đại Tây Sơn, nhưng cụ Bảng vẫn công nhận thực tế triều Tây Sơn đã trị vì 15 năm.

2. Các tác phẩm khác: *Độc sử bị khảo* (3 tập); *Thiên đình văn*, *Thiện đình thơ*, *Khâm định tập văn trích yếu*, *Huấn tử quốc âm ca*, *Thánh tổ hành thực diễn ca*, *Bắc sử thông giám tập lãm tiện độc sử*, *Nam sử tiện lãm*, *Cổ nhân ngôn hành lục*, *Nam phương danh vật bị khảo*, *Huấn tục ca*, *Tuyên Quang phủ*, *Như Tuyên thi tập*...

Cụ Bảng có năm con trai¹ và tám con gái. Con trai thứ tư của cụ là Đặng Xuân Viện, thân phụ của Đặng Xuân Khu².

Gia đình ông Đặng Xuân Viện là một mẫu hình gia phong nền nếp, nhân hậu, có truyền thống giáo dục, học hành và sống có kỷ cương, phép tắc. Chồng dạy học, viết sách, vợ làm ruộng kiêm nghề canh cửi³. Ông tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thực, tuy không bị tù đầy, nhưng bị thực dân Pháp ghi vào sổ đen, bị theo dõi suốt đời. Ông là một cây bút xuất sắc trong nhóm "Nam Việt Đồng Thiện Hội". Cũng như cha mình, lĩnh vực nghiên cứu của ông rất rộng, phong phú. Ngoài những sách viết về phong tục, văn học, địa lý... ông dành nhiều thời gian

1. Các con trai của cụ Bảng gồm: Đặng Xuân Huy (Cả Giác), Đặng Xuân Mậu (Hai Thâm), Đặng Xuân Tiết (Ba Bình), Đặng Xuân Viện (Bốn Đễ), Đặng Xuân Lân (Năm Lân).

2. Ông Viện tức Bốn Đễ, sinh năm 1880, mất năm 1958. Ông có bút danh là Phục Ba Thiện Đình, Đặng Nguyên Khu, Đặng Viết Nhiêu. Là người học rộng, có tài, từng theo đuổi chốn quan trường, làm Thừa phái ở Tiên Lữ (Hưng Yên), sau đổi lên Hoà Bình (khoảng bốn năm), nhưng không đạt ý nguyện, ông trở về nhà viết sách và dạy dỗ các con.

3. Trên diện tích đất ở (thổ cư) 1,5 sào, ông có một ngôi nhà ngói năm gian (ngôi nhà này do bà Đặng Thị Tường - bà hai cụ Bảng, mẹ đẻ ông Đặng Xuân Viện xây dựng cho). Tuy còn có năm mẫu ruộng ở ấp Tả Hành, xã Chung Nhất (nay là xã Duy Nhất, Thái Bình), nhưng do đông con, nên ông Viện vẫn phải vay nợ.

ngiên cứu và viết các tác phẩm về lịch sử, như: *Vô danh anh hùng*, *Hữu danh anh hùng*, *Lịch sử Tây Sơn*, *Lịch sử Nguyễn Hữu Cầu*, *Gia Định Tam hùng*, *Triệu úy Đà*, *Ngô vương Quyền*, *Trần - Nguyên chiến kỷ*, *Hậu Lê chính trị*, *Tây Đô thắng tích*¹... Gửi nhiều tâm huyết vào từng trang sách, các tác phẩm của ông đều đề cao tinh thần, khí phách dân tộc, nhằm nuôi dưỡng ngọn lửa thiêng yêu nước trong lòng người dân nước Việt².

Cũng như cha mình, ông là người khảng khái, nhân ái, phong độ thư thái, ung dung, bạn bè xa gần đều rất kính phục, ca ngợi:

"Khảng khái bi ca dòng hào sĩ
Phong lưu văn sắc bậc đại nhân"³.

1. Ngoài ra còn các tác phẩm: *Minh Đô sử* (100 quyển), *Nói có sách, Thiên Đình xã chí*, *Hà phòng quản kiến*, *Hán văn sơ học tiếp giới*, *Nghi lễ phổ thông*, *Nhuận Hồ tiểu sử*, *Nguyễn Tự tiên sinh truyện*, *Truyện đức Dương Không Lộ*, *Tổ quốc phong thi*, *Ninh Bình phong vật chí*, *Nam Định địa dư nhân vật khảo*, *Nam Kỳ địa chí*, *Gái anh hùng*, *Mấy tay tuần lại nước Tàu đô hộ ta xưa...*

2. Ông cũng tham gia viết báo và thơ văn. Trong một cuộc thi thơ do báo *Đông Pháp* tổ chức, ông giành được cả giải nhất và giải nhì. Hiện nay, trong nhà ông còn một bức hoành phi do báo *Đông Pháp* tặng (trong kỳ thi đó) với ba chữ "Ngọc kỳ âm", nghĩa là tiếng nói (giọng văn thơ) trong như ngọc. Theo học chữ Nho, nhưng trong phần lớn tác phẩm, ông viết bằng chữ Hán - Nôm và chữ Quốc ngữ. Với ông, viết sách là để cho nhân dân đọc.

3. Câu đối của bạn bè chí cốt tặng ông vào dịp Xuân Kỷ Mùi (1919).

Nét đặc sắc nhất trong ông là tinh thần yêu nước, không chịu ràng buộc bởi các lễ giáo phong kiến bảo thủ mà luôn có tư tưởng canh tân. Khi có điều kiện tiếp xúc với chủ nghĩa Mác, nhận thấy tư tưởng cốt yếu của chủ nghĩa Mác là giải phóng nhân loại, ông nói: "Tôi hoàn toàn tán thành, các bậc tiên Nho cũng đã bàn về thế giới đại đồng rồi. Anh nói với Khu, con trai tôi rằng, tôi đồng ý và mong cho các anh thành công". Không những ông tự nhận thức được chân lý mà còn ủng hộ con mình đi theo con đường mà ông cho là đúng đắn.

Ông dạy các con sống nhân đức, có ý chí vươn lên, giúp đỡ và bênh vực người nghèo¹. Hiểu rõ tính nết, sở trường của từng người con để có cách uốn nắn, giáo dục, và nhận thấy Đặng Xuân Khu là người có chí hướng, ông để tâm dạy dỗ và tạo mọi điều kiện cho con học hành. Tài năng, đạo đức và nhân cách, cùng với những biện pháp giáo dục của ông đã ảnh hưởng trực tiếp đến các con ông.

Thân mẫu của Đặng Xuân Khu là bà Nguyễn Thị Từ, con cụ Cử nhân Nguyễn Đức Ban. Họ Nguyễn là một họ lớn ở làng Hành Thiện², có truyền thống học

1. Khi đi học, Đặng Xuân Khu thường giúp dân nghèo làm đơn đòi quyền lợi, vì thế đôi khi gây mâu thuẫn với những người giàu có trong làng.

2. Năm 1933, số trai đinh của họ Nguyễn có 830 người trên tổng số 1.991 trai đinh làng Hành Thiện (chiếm 42%).

hành khoa bảng và có nhiều người nổi tiếng. Trong thời phong kiến chỉ riêng họ Nguyễn ở Hành Thiện đã có 126 người đỗ đạt¹ và rất nổi tiếng với những hành động thẳng thắn, không chịu khuất phục². Cụ Ban đã từng làm quan Huấn đạo, song vì không chịu được những nghịch cảnh ở chốn quan trường, cụ chuyển sang làm nghề bốc thuốc Nam, với mục đích cứu người, tích phúc, rất nổi tiếng.

Tiếp thu truyền thống của một gia đình khoa bảng, nhân đức, có nền nếp gia phong, khi về nhà chồng, bà Nguyễn Thị Từ là người vợ thủy chung, người mẹ hiền, "công, dung, ngôn, hạnh" vẹn toàn, hết lòng chăm sóc chồng con. Vừa là người sinh thành, nuôi dưỡng, bà Từ vừa là người thầy giáo đầu tiên của các con mình. Suốt cuộc đời, bà tần tảo cấy lúa, trồng khoai, trồng dâu, nuôi tằm, quay tơ, dệt vải để chu cấp cho chồng, con ăn học

1. Trong số 126 người đỗ đạt, có một tiến sĩ, hai giải nguyên, một phó bảng, 41 cử nhân, 81 tú tài. Nổi tiếng có: Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Liên, Cử nhân Nguyễn Duy Hàn, Cử nhân Nguyễn Hữu Lợi (Án sát Cao Bằng), Cử nhân Nguyễn Xuân Tiêu (Án sát Thanh Hoá), Giải nguyên Nguyễn Âu Chuyền (Bố chính Bắc Ninh)...

2. Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Liên, Tri phủ Nam Sách, đã hành động "bất bái toàn quyền" để tỏ rõ thái độ của mình. Khi viên toàn quyền Pháp đến, bắt các quan lại Việt Nam phải cúi lạy, riêng ông Nguyễn Ngọc Liên chống lại không lạy.

và rèn dạy các con theo truyền thống quê hương, dòng họ, gia đình. Là người có tinh thần yêu nước, bà đã góp phần nhóm lên ngọn lửa ấy trong lòng các con và ủng hộ con mình đi làm cách mạng¹.

Truyền thống vẻ vang của quê hương, đất nước, trong đó có làng Hành Thiện, và truyền thống gia đình, dòng họ (đặc biệt là sự giáo dục của ông nội và cha mẹ) đã tác động tích cực tới tuổi thơ của Đặng Xuân Khu. Đó chính là những hành trang quý giá đầu đời để Đặng Xuân Khu vững bước dấn thân vào cuộc đời hoạt động cách mạng đầy thử thách nhưng hết sức vẻ vang, oanh liệt sau này.

1.3. Tuổi trẻ học đường

Ông Đặng Xuân Viện và bà Nguyễn Thị Từ sinh được năm người con là: Đặng Thị Yên sinh năm 1903, Đặng Xuân Khu sinh năm 1907, Đặng Thị Uẩn sinh năm 1911, Đặng Thị Thường sinh năm 1915, Đặng Xuân Đĩnh sinh năm 1919².

1. Có lần Đặng Xuân Khu bị vây bắt không kịp mang theo tài liệu. Bà Từ (và vợ đồng chí Đặng Xuân Khu là Nguyễn Thị Minh) đã khôn khéo cất giấu các tài liệu đó, sau đó chuyển lại cho đồng chí.

2. Ông Đặng Xuân Viện có hai vợ. Bà hai là bà Lương Thị Chấn (còn gọi là bà Đôi). Bà Chấn là người tháo vát, đảm đang, có tinh thần yêu nước, giúp đỡ cách mạng. Chính bà đã giúp

Thời thơ ấu cho tới năm 16 tuổi, Đặng Xuân Khu sống với gia đình tại làng Hành Thiện.

Sinh trưởng trong một gia đình có “không khí hiếu học, thanh bản và lễ nghĩa”¹ với truyền thống khoa bảng, yêu nước và cũng là một gia đình thuộc hàng khá giả trong làng, cùng với các chị, các em, Đặng Xuân Khu được nuôi dạy, chăm sóc chu đáo. Từ nhỏ, Đặng Xuân Khu là một cậu bé hiền hoà, vâng lời cha mẹ, ngoan ngoãn, lễ phép, nên được mọi người yêu quý².

Đến tuổi đi học, Đặng Xuân Khu được gia đình cho học tiểu học tại trường huyện, đồng thời được cha dạy học chữ Nho tại nhà nên anh đã “ít nhiều làm quen với

đồng chí Đặng Xuân Khu tránh khỏi sự truy lùng của thực dân Pháp vào cuối năm 1939 đầu năm 1940. Bà được Nhà nước tặng thưởng Bằng Gia đình có công với nước. Bà sinh được ba người con trai và bốn người con gái.

1. Vũ Khiêu: "Trường-Chinh - nhà văn hoá lớn". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr.401.

2. Khi Đặng Xuân Khu 10 tuổi, chị Yên, người chị cả vừa chăm học, vừa hiền thảo chẳng may bị bệnh thương hàn không chữa được và qua đời năm mới 15 tuổi. Trước lúc tắt thở, chị gọi em Khu vào dặn dò, trăng trối:

- Chị không sống được nữa đâu, em cố gắng học hành để đền đáp công ơn thầy mẹ, mở mày mở mặt với mọi người.

Đặng Xuân Khu ghi tạc lời chị. Anh quyết tâm thực hiện bằng được nguyện ước cuối cùng của người chị giỏi giang, thảo hiền nhưng bạc mệnh.

Tứ thư, Ngũ kinh, thuộc những thơ Đường, thơ Tống và qua cha anh của mình tiếp xúc với văn học và sử học nước nhà”¹. Do vậy, anh “giữ lại những nhân tố hợp lý của Nho giáo như tinh thần hiếu học, như thái độ trọng nghĩa khinh tài, như cuộc sống thanh đạm và liêm khiết, coi đó là công cụ đã được Việt Nam hoá để chuyển tải và duy trì những truyền thống của chính bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam”². Anh ham hiểu biết, thông minh và có trí nhớ tốt. Thấy có hiện tượng gì lạ, việc gì không hiểu, anh hỏi luôn và chỉ khi nào được giải thích bằng hiểu mới thôi.

Suốt thời gian học tập tại quê nhà, cùng với sự rèn học nghiêm khắc của các thầy đồ trường huyện, Đặng Xuân Khu được cha giáo dục, rèn cặp chu đáo cả về học chữ và học đạo làm người. Là con trai trưởng, niềm tin tưởng, hy vọng của cả gia đình, nên ông Đặng Xuân Viện đã dồn tâm sức để dạy dỗ mọi điều trí đức cho Đặng Xuân Khu. Chính tại thư viện "Hy Long" của gia đình, cùng với hàng loạt sách khảo cứu do ông nội Đặng Xuân Bảng và người cha viết được lưu giữ trang trọng tại ngôi nhà của gia đình và sự chăm sóc, nâng giắc về tinh thần của cha mẹ, đã giúp cho tuổi niên thiếu của Đặng Xuân Khu có những tri thức sâu sắc về văn hóa -

1, 2. Vũ Khiêu: "Trường-Chinh - nhà văn hoá lớn". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, *Sđd*, tr.402, 402-403.

xã hội, về lịch sử oai hùng của dân tộc, của vùng quê Hành Thiện - Thiên Trường với truyền thống Đông A làm rạng rỡ non sông, đất nước.

Qua theo dõi tỉ mỉ sự học hành và tính cách của các con, ông Đặng Xuân Viện nhanh chóng phát hiện Đặng Xuân Khu không chỉ là người con siêng năng, thông minh mà còn sớm bộc lộ tư chất của một người có bản lĩnh và chí lớn. Ông quyết định gửi Đặng Xuân Khu lên Nam Định, nơi có trường Thành Chung - trường cao đẳng Pháp - Việt đầu tiên ở khu vực phía nam Đồng bằng Bắc Bộ, để Đặng Xuân Khu có điều kiện học tập, mai sau trở thành người hữu ích cho đời.

Năm 1923, già biệt tuổi thiếu niên và quê hương Hành Thiện, Đặng Xuân Khu được gia đình đưa lên học tại trường Thành Chung, thành phố Nam Định. Mặc dù lớn lên trong một gia đình khá giả ở làng Hành Thiện, song tuổi thơ của Đặng Xuân Khu gắn liền với cảnh sống lam lũ, thuần hậu, chất phác của những người nông dân quanh năm nghèo khó, với nhịp sống bình lặng của vùng thôn quê, vì vậy thành phố Nam Định là môi trường thực sự xa lạ với tuổi 16 của Đặng Xuân Khu.

Thời gian đầu lên học ở Nam Định, Đặng Xuân Khu trọ học ở xóm lao động của công nhân Nhà máy sợi. Đây là xóm thợ do chủ tư bản dựng cho công nhân ở các vùng nông thôn có nơi trú ngụ nên hết sức tạm bợ, với những dãy nhà lá dột nát, gần trại lính khố xanh, bên cạnh là

con đường vào nghĩa địa với những nấm mồ san sát. Trong xóm lao động đó, Đặng Xuân Khu xin ở trọ nhà cụ Nhiêu, cụ có mấy người con làm công nhân Nhà máy sợi Nam Định. Cũng như tất cả các gia đình thợ dệt, gia đình cụ Nhiêu rất nghèo, nhưng rất tốt. Mọi người trong gia đình đều coi Đặng Xuân Khu như thành viên trong nhà. Thỉnh thoảng vào ngày chủ nhật, Đặng Xuân Khu còn được con trai cụ Nhiêu, một công nhân, đưa vào Nhà máy sợi tắm nước nóng và được tận mắt quan sát nơi làm việc, với những điều kiện hết sức cực nhọc của công nhân máy.

Trường Thành Chung, nơi Đặng Xuân Khu theo học, được thành lập từ năm 1922¹. Chương trình học khá toàn diện gồm có toán, lý, hoá, văn, sử, địa... chủ yếu dạy bằng tiếng Pháp. Đây cũng là trường giáo dục Pháp - Việt đầu tiên ở khu vực phía nam Đồng bằng Bắc Bộ².

1. Lúc đầu trường được đặt gần Cột cờ thành phố, hai năm sau, trường chuyển về phố Bến Ngự, gần hồ La Két bên cạnh Nhà thờ Xanhtoma. Thời kỳ này trường chỉ có tám lớp (Thành Chung năm thứ nhất: hai lớp, năm thứ hai: hai lớp, năm thứ ba: hai lớp và năm thứ tư: hai lớp) tốt nghiệp được nhận bằng Diplome. Khi Đặng Xuân Khu vào học, số lượng học sinh toàn trường là 320 người.

2. Học sinh của trường chủ yếu quê ở các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình và Hưng Yên. Mặc dù chương trình học của nhà trường thể hiện rõ mục đích đào tạo những công chức, viên chức phục vụ sự thống trị của thực dân Pháp, song trên thực tế, trường Thành Chung lại là nơi tạo ra một thế hệ trí thức mới yêu nước trong những năm đầu thế kỷ XX.

Sống và học tập ở Nam Định, Đặng Xuân Khu có điều kiện mở mang hiểu biết. Thành Nam lúc này đang sôi động trong cơn lốc khai thác thuộc địa. Cùng với hàng loạt nhà máy, xí nghiệp mọc lên như Công ty bông sợi Bắc Kỳ, Công ty tơ lụa xuất nhập khẩu Pháp - Việt (SFATE), Công ty thương mại châu Á, Nhà máy rượu, Nhà máy đèn, Nhà máy nước... thì sự có mặt của tư bản người Pháp, binh lính Pháp càng đông và chúng ngang nhiên áp bức, bóc lột người dân thuộc địa. Những cảnh đó thường xuyên diễn ra trên đường phố khiến cho Đặng Xuân Khu và nhân dân Nam Định hết sức căm phẫn.

Ở trong xóm của những người công nhân dệt, Đặng Xuân Khu thấu hiểu cuộc sống cơ cực, đói khổ, bị bóc lột tàn bạo của những người công nhân. Sống ở một trong những khu công nghiệp lớn nhất Đông Dương lúc đó, nhân dân Nam Định, do nhiều nguyên nhân, bị bản cùng hoá và nhiều người trở thành công nhân cho Công ty bông sợi Bắc Kỳ và chính nơi đây đã vắt kiệt sức lao động của họ.

Học tập ở Nam Định, Đặng Xuân Khu có thêm một lớp bạn mới. Học sinh trường Thành Chung hầu hết là con viên chức, tiểu thương ở thành phố, còn ở quê lên là con các gia đình khá giả và đều rất hiếu học. Trong những bạn cùng trang lứa, anh kết thân với nhiều người như Đặng Châu Tuệ, Nguyễn Văn Hoan, Phạm Năng Độ,

Nguyễn Khắc Lượng, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Văn Năng... Họ đều là những người học giỏi và có tinh thần cách mạng¹.

Học ở trường Thành Chung, có điều kiện mở rộng kiến thức, Đặng Xuân Khu càng miệt mài học tập. Anh say sưa tìm đọc các tác phẩm của các nhà tư tưởng lớn như G. Rút-xô, Mông-tét-xki-ơ, về lịch sử cách mạng Pháp 1789, cách mạng Trung Hoa 1911, cách mạng Nga 1917... Những tác phẩm đó đã hướng anh tới tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái. Song, cũng chính từ ngày lên Nam Định, sống cùng với những công nhân dệt trong xóm lao động, được tận mắt chứng kiến cảnh bị áp bức, bóc lột dã man và đời sống khốn cùng của công nhân Nhà máy sợi Nam Định, Đặng Xuân Khu hết sức xót xa cho kiếp sống nô lệ của người dân xứ mình. Những điều bất công, tủi nhục đó cùng với hình ảnh những người tá điền đói nghèo, lam lũ quanh năm nơi quê nhà làm anh càng thêm xót xa cho thân phận người dân nước Việt. Vì vậy, mỗi dịp nghỉ hè về quê, gần gũi với nông dân, anh thường giúp họ làm đơn hoặc tìm cách can thiệp cho họ đòi bỏ tô phụ, giảm tô chính. Những việc làm của Đặng Xuân Khu đã dẫn đến sự va chạm với một số địa chủ trong làng.

1. Sau này, Nguyễn Văn Hoan là người giác ngộ và giới thiệu Đặng Xuân Khu vào Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (năm 1927).

Năm 1925, năm học thứ hai ở trường Thành Chung, Đặng Xuân Khu chuyển nơi ở trọ về nhà số 1 phố Hàng Tiện, nằm ngay trung tâm thành phố, gần sát chợ Rồng, Nam Định. Nơi đây gần trường học hơn nên rất thuận lợi cho việc đi lại, học tập.

Thời gian này, đất nước đang trở mình trước những cuộc đấu tranh của phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Từ khi lên học ở Nam Định, Đặng Xuân Khu được chứng kiến các phong trào đấu tranh liên tiếp của công nhân ngày càng mạnh mẽ. Thành phố Nam Định trở thành trung tâm đấu tranh của công nhân dệt, điển hình là cuộc đấu tranh của 2.500 công nhân Nhà máy sợi nổ ra ngày 30-4-1925 đòi tăng lương và phản đối việc sa thải thợ, đã gây tiếng vang, khiến cho tư bản và thực dân Pháp hết sức lo ngại. Phong trào không chỉ dừng lại trong công nhân mà lan nhanh ra các tầng lớp nhân dân khác. Trong các trường học, học sinh bí mật chuyển tay nhau đọc các sách báo yêu nước tiến bộ như báo *Le Paria*¹ (Người cùng khổ) đã nhàu cũ. Có những

1. Ông Nguyễn Văn Hoan, học sinh trường Thành Chung, cùng khoá với Đặng Xuân Khu viết: “Học sinh trường Thành Chung, Nam Định chúng tôi được đọc báo *Le Paria* và những tác phẩm của G. Rút-xô và Mông-tét-xkiơ, trong đó tác phẩm *Luận về sự bất bình đẳng* của Rút-xô tố cáo chế độ quân chủ chuyên chế ở

số báo, chữ in bị mờ nét đã được ai đó tô lại cho dễ đọc. Đọc các tờ báo đó, Đặng Xuân Khu càng hiểu rõ hơn những "tự do, bình đẳng, bác ái" mà "nước Đại Pháp" đang khai hoá cho nhân dân Việt Nam. Cùng với báo *Người cùng khổ*, nhiều tác phẩm văn học gọi lòng yêu nước như *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc, *Tiếng cuộc kêu* của Việt Quyên, báo *Thần Chung*, *L'An Nam*, *Việt Nam hồn*, đã có ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức, tư tưởng của nhiều người, nhất là với lớp trí thức trẻ như Đặng Xuân Khu.

Năm 1925, cụ Phan Bội Châu, một chí sĩ yêu nước lỗi lạc của Việt Nam bị thực dân Pháp bắt ở Trung Quốc đưa về nước để chờ ngày xét xử. Tin đó nhanh chóng lan ra khắp cả nước. Khắp nơi dấy lên phong trào đấu tranh mạnh mẽ đòi ân xá cho cụ Phan. Được biết tin này, Đặng Xuân Khu nung nấu ý nghĩ phải hành động để góp phần chặn đứng bàn tay giết người của đế quốc Pháp. Cùng với việc lấy chữ ký, làm đơn phản đối gửi Toàn quyền Varen, Đặng Xuân Khu còn bàn bạc với hai

Pháp, vạch trần bản chất xấu xa của giai cấp tư sản, có ý nghĩa động viên quần chúng đấu tranh. Rồi lịch sử cách mạng Pháp 1789 được xem như môn học bổ trợ. Những vấn đề này trên thực tế đã thôi thúc lòng yêu nước của học sinh trường Thành Chung, Nam Định. Cũng có thể nói nó là đầu mối quan trọng dẫn đến những cuộc đấu tranh của anh em chúng tôi". *Hồi ký*. Lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

người bạn thân làm truyền đơn với nội dung tố cáo chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp và đòi chúng phải trả tự do cho chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu. Truyền đơn do các anh tự viết và in tại nhà trọ của Đặng Xuân Khu (số 1 phố Hàng Tiệm). In xong tài liệu, anh cùng các bạn phân công nhau lợi dụng đêm khuya đi bỏ truyền đơn vào khe cửa từng nhà và rải trên các đường phố. Việc làm hết sức ý nghĩa đó đã kích thích phong trào phản đối chính quyền thực dân thêm mạnh mẽ. Đồng đảo thanh niên, công nhân, học sinh đã ký đơn gửi toàn quyền Pháp đòi trả tự do cho cụ Phan Bội Châu.

Ngày 23-11-1925 thực dân Pháp đưa cụ Phan ra xét xử, nhiều thanh niên, trí thức Nam Định đã lên Hà Nội dự phiên toà để được tỏ rõ lòng tôn kính, ái mộ Phan Bội Châu và tận mắt chứng kiến buổi xét xử mà nhân dân cả nước hàng quan tâm, theo dõi. Tại phiên toà, trước hội đồng xử án và đông đảo đồng bào ngưỡng mộ nhà chí sĩ yêu nước, tú tài Nguyễn Khách Doanh, người làng Dầm, xã Nam Bình, huyện Nam Trực đã tự nguyện xin được chịu án thay cụ Phan. Những việc làm yêu nước và nghĩa cử của nhân dân Nam Định đã gây xúc động lớn và thôi thúc tinh thần đấu tranh trong các tầng lớp nhân dân, góp phần cùng đồng bào yêu nước khắp nơi chặn đứng bàn tay đao phủ của thực dân Pháp đối với cụ Phan Bội Châu. Đây là hoạt động đầu tiên của Đặng Xuân Khu trong phong trào yêu nước của dân tộc, nó

đánh dấu mốc sự trưởng thành của anh trước vận mệnh dân tộc.

Từ sau sự kiện tự in rải truyền đơn và hoà mình trong phong trào đấu tranh của học sinh thành Nam đòi trả tự do cho chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu giành thắng lợi, bên cạnh việc học tập, Đặng Xuân Khu càng chú ý hơn tới tình hình chính trị của đất nước. Tháng 3-1926, khi dư âm của cuộc đấu tranh đòi ân xá đối với cụ Phan Bội Châu vẫn còn gây xúc động và để lại những ảnh hưởng lớn cho Đặng Xuân Khu và các tầng lớp nhân dân, tin cụ Phan Chu Trinh, sau hơn 10 năm bị lưu đày, thực dân Pháp đưa về Sài Gòn và cụ qua đời ở đây, đã làm chấn động tinh thần mọi tầng lớp nhân dân. Đồng bào cả nước tổ chức lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Nhân dân thành phố Nam Định cũng muốn làm lễ truy điệu để tỏ lòng tôn kính chí sĩ Phan Chu Trinh.

Thấy rõ nguyện vọng của nhân dân, với lòng kính phục và tiếc thương cụ Phan, Đặng Xuân Khu bàn với một số học sinh có tư tưởng yêu nước trường Thành Chung như Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Khắc Lượng, Đặng Châu Tuệ, Nguyễn Danh Đối, Nguyễn Văn Hoan... vận động một phong trào bãi khoá trong thanh niên, học sinh gây áp lực với nhà cầm quyền để đòi được tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh. Đặng Xuân Khu, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Khắc Lượng trở thành

ban lãnh đạo của phong trào bãi khoá. Ngoài việc vận động học sinh trường Thành Chung, ban lãnh đạo còn cử người đi vận động học sinh các trường khác tham gia, như trường Cửa Bắc (trường tiểu học Guyot Phery (Jules Ferry))¹. Đã có kinh nghiệm từ đợt đấu tranh đòi trả tự do cho cụ Phan Bội Châu, các anh quyết định in truyền đơn rải trong thành phố để vận động nhân dân hưởng ứng.

Cùng với việc làm truyền đơn, phát tán rộng khắp để kêu gọi các tầng lớp nhân dân phối hợp hành động, các anh đi vận động một số nhà Nho tiến bộ có uy tín ở thành Nam như cụ Tú Du, cụ Tú Khắc, cụ Cử Bình đứng ra xin phép nhà cầm quyền được tổ chức tang lễ truy điệu cụ Phan. Trong lúc đề nghị chưa được công sứ Pháp chấp thuận, các anh phát động học sinh bãi khoá làm áp lực.

1. Trong *Hồi ký*, ông Đặng Việt Châu viết: “Vào một buổi chiều tháng 4-1926, hai học sinh lớn của trường Thành Chung có nước da trắng trẻo (sau này hỏi ra mới biết là anh Cảnh và anh Khu) đến trường Cửa Bắc, vào các lớp cổ động học sinh trường này. Khi đến lớp chúng tôi, hai anh xin phép được nói chuyện. Một anh nói: Cụ Phan Chu Trinh tức cụ Phan Tây Hồ là một chí sĩ yêu nước. Cụ mới mất, cả nước để tang. Vậy các em cùng các bạn lớp khác đi tham dự cho đông. Tất cả mặc áo dài trắng, đội mũ trắng, có băng đen trên mũ”. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Bãi khoá nổ ra ở trường Thành Chung, rồi lan nhanh sang trường Cửa Bắc, trường Tú sĩ, trường Ngoài, và cả trường Con Gái (trường dành cho học sinh nữ). Học sinh tất cả các trường học ở thành phố Nam Định đều nhất loạt bãi khoá. Suốt hai ngày, các trường học phải đóng cửa, học sinh cấp sách đồ ra đường, len lỏi trong các ngõ xóm của người lao động hô hào tổ chức lễ truy điệu cụ Phan khiến cho không khí thành phố hết sức náo nhiệt. Một số giáo sư trường Thành Chung cũng hưởng ứng.

Trước phong trào bãi khoá của học sinh, đích thân Chánh thanh tra nhà trường, Raun Misen, dẫn cảnh binh và mật thám đi lùng bắt học sinh ở khắp các ngả phố. Chúng đã bắt hơn 200 học sinh, trong đó có Đặng Xuân Khu, khi các anh đang đi hô hào bãi khoá, đem về giam ở Sở cấm và Sở sen đầm. Cầm kích trước tinh thần ái quốc của học sinh, bất chấp sự soi mói của bọn mật thám, nhân dân lao động thành phố Nam Định đã đem quà bánh, cơm, nước đến tiếp tế, ủng hộ học sinh đấu tranh và đòi nhà cầm quyền phải thả những học sinh bãi khoá. Đến tối, khi học sinh của các trường đã trở về nhà, chúng mới thả những người bị bắt.

Khi cuộc bãi khoá bước sang ngày thứ ba, thấy không thể đàn áp được yêu cầu chính đáng của học sinh và nhân dân thành Nam, nhà cầm quyền Pháp buộc phải nhượng bộ, đồng ý cho tổ chức lễ truy điệu cụ Phan

nhưng yêu cầu phải làm giấy cam đoan bảo đảm trật tự và không được đả đảo chính quyền.

Cuộc bãi khoá của học sinh do Đặng Xuân Khu và một số học sinh trường Thành Chung lãnh đạo đã đạt được mục đích duy trì ngọn lửa thiêng yêu nước của dân tộc khi con đường mới của dân tộc còn đang hình thành. Lễ truy điệu chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh được các nhà Nho và học sinh Nam Định đứng ra tổ chức rất trang trọng tại nghĩa trang Bắc Tế, thu hút hàng ngàn lượt người. Nhân dân Nam Định và các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình tập trung về nghĩa trang Bắc Tế để tưởng nhớ chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh. Học sinh trường Thành Chung và các trường khác tập trung trước nhà bưu điện thành phố để đi về nghĩa trang Bắc Tế tham gia lễ truy điệu.

Trên bàn thờ trang nghiêm thành kính, trước ảnh cụ Phan phủ đầy hương, hoa, các bức trướng nổi bật đôi câu đối thiêng liêng:

*“Truy điệu Tây Hồ nhật
Hoán tỉnh quốc dân hồn”¹.*

Đúng như ý nghĩa sâu xa của đôi câu đối, lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh trở thành cuộc biểu dương lực lượng bày tỏ lòng ái quốc của nhân dân cả nước, trong

1. Nghĩa là: Ngày truy điệu Tây Hồ
Thức tỉnh hồn dân nước.

đó có nhân dân Nam Định. Buổi lễ truy điệu đã khơi dậy, thức tỉnh và cổ vũ tinh thần yêu nước trong mọi tầng lớp nhân dân.

Ngay sau buổi lễ truy điệu cụ Phan tại nghĩa trang Bắc Tế, những người đi dự về lại tiếp tục tổ chức lễ truy điệu cụ Phan tại địa phương mình như ở Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình.

Học sinh trường Bưởi (Hà Nội) có mối liên hệ chặt chẽ với nhóm Đặng Xuân Khu ở trường Thành Chung, Nam Định, từ đó các anh cùng bàn bạc, khích lệ anh em học sinh trường Bưởi tổ chức bãi khoá đấu tranh để làm lễ truy điệu cụ Phan. Thực dân Pháp vô cùng lo ngại nhưng không có lý do gì để ngăn cản phong trào.

Phong trào đấu tranh bãi khoá và tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh thắng lợi. Thấy rõ nguy cơ của một làn sóng cách mạng mới đang trỗi dậy, nên sau lễ truy điệu cụ Phan, mật vụ Pháp ráo riết điều tra, truy lùng những học sinh tổ chức cầm đầu phong trào học sinh bãi khoá. Hồng dập tắt phong trào, thực dân Pháp đã quyết định đuổi nhiều học sinh. Riêng trường Thành Chung - nơi chôn cất cho cuộc đấu tranh bãi khoá - có 54 học sinh bị đuổi học vĩnh viễn, 63 học sinh bị đuổi học có thời hạn. Số còn lại trong hơn 200 học sinh bị bắt khi tham gia bãi khoá đều bị lưu ban hoặc học năm thứ ba nhưng không được dự thi. Đặng Xuân Khu, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Khắc Lượng cùng nhiều anh em

khác trong ban lãnh đạo bãi khoá của trường Thành Chung đều bị đuổi học vĩnh viễn. Hai anh Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Khắc Lượng còn bị buộc phải bồi thường tiền học đã được miễn trong suốt thời gian học.

Trong danh sách của mật thám Pháp, Đặng Xuân Khu được coi là đối tượng nguy hiểm, vì anh là người đứng đầu nhóm học sinh bí mật in truyền đơn, tài liệu tố cáo tội ác của thực dân, phong kiến, là một trong những thanh niên tiên phong phát động phong trào lấy chữ ký gửi Toàn quyền Varen đấu tranh đòi ân xá cho chí sĩ Phan Bội Châu. Trong cuộc vận động học sinh các trường toàn thành phố bãi khoá đấu tranh đòi được làm lễ truy điệu chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh, Đặng Xuân Khu cũng là thủ lĩnh.

Những năm tháng học đường đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước trong trái tim người thanh niên Đặng Xuân Khu. Anh rời trường ngày 30-8-1926.

Bị đuổi học, Đặng Xuân Khu cùng những học sinh bãi khoá lại tổ chức các hoạt động giàu tình nhân ái như diễn kịch quyên tiền ủng hộ những đồng bào nghèo khó và cứu giúp những người dân gặp hoạn nạn. Những buổi diễn kịch vì nghĩa đồng bào của nhóm học sinh cấp tiến trường Thành Chung, Nam Định đã gây được tiếng vang và thiện cảm sâu sắc, thu hút sự quan tâm của đông đảo nhân dân hai tỉnh Thái Bình, Nam Định đón xem, vừa là cổ vũ cho nhóm kịch học sinh, vừa là để

chia sẻ bớt nỗi khó khăn với đồng bào Thái Bình đang trong cơn hoạn nạn¹.

Những năm tháng học tập và hoạt động của người thanh niên yêu nước Đặng Xuân Khu ở Nam Định tuy không dài, nhưng đó là tháng ngày anh bắt đầu bước vào hoạt động chính trị hết sức sôi nổi của tuổi trẻ yêu nước. Các hoạt động chính trị đầu tiên đó có ý nghĩa quyết định đối với cuộc đời hoạt động cách mạng của Đặng Xuân Khu sau này. Các hoạt động của Đặng Xuân Khu và những học sinh có tư tưởng yêu nước tiến bộ lúc đó đã góp phần tạo ra động lực và hướng phong trào yêu nước ở Nam Định theo xu hướng mới, đặc biệt là đã thu hút, tập hợp được tầng lớp trí thức và thanh niên, học sinh yêu nước khá đông đảo ở địa phương. Lớp trí thức yêu nước ấy đã tiếp nhận ánh sáng cách mạng của chủ

1. Khoảng tháng 8-1926, lũ lụt diễn ra nghiêm trọng làm mất mùa trên nhiều tỉnh thuộc Bắc Kỳ. Ở Thái Bình, dê Hà Lão (Hưng Nhân) bị vỡ, nước ngập bằng tám huyện, mùa màng mất trắng. Nhân dân các huyện này lâm vào tình trạng đói khổ. Thương xót trước cảnh đồng bào bị thiên tai, Đặng Xuân Khu cùng với nhóm bạn thân thiết, đã từng tham gia bãi khoá ở trường Thành Chung, tổ chức đội diễn kịch lưu động ở thành phố Nam Định và thị xã Thái Bình nhằm lấy tiền giúp đỡ đồng bào vùng lũ lụt. Các anh chọn và diễn thành công vở kịch *Toà án lương tâm* của tác giả Vũ Đình Long. Đặng Xuân Khu và Nguyễn Đức Cảnh cùng tham gia vở diễn.

nghĩa Mác - Lênin và tuyên truyền vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước của nhân dân ta. Trưởng thành từ phong trào đấu tranh yêu nước, họ đã tìm đường sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp bồi dưỡng hoặc tiếp tục hoạt động cách mạng bí mật ở trong nước. Hầu hết số học sinh trường Thành Chung bị đuổi học đều lên Hà Nội tiếp tục học, hoặc kiếm việc làm để tiếp tục hoạt động cách mạng.

Đặng Xuân Khu cũng lên Hà Nội học tại trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương.

Một thời kỳ hoạt động cách mạng mới của anh bắt đầu.

Chương II

TRƯỞNG THÀNH TRONG CÁCH MẠNG (1927-1940)

2.1. Trở thành người cộng sản

Sau khi tham gia tổ chức bãi khóa và bị đuổi học, Đặng Xuân Khu vẫn ở lại Nam Định hoạt động trong phong trào thanh niên, học sinh. Anh được đồng chí Nguyễn Văn Hoan, một thành viên của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Định, tuyên truyền, giác ngộ cách mạng. Thỉnh thoảng, đồng chí Nguyễn Văn Hoan dẫn anh về ngôi nhà riêng ở con phố nhỏ sát bờ sông, đưa cho anh đọc các tài liệu của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, chủ yếu là báo *Thanh niên* và tài liệu tuyên truyền do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc biên soạn.

Qua nghiên cứu tài liệu, liên hệ giữa lý luận và thực tiễn, anh dần hiểu được nhiều vấn đề bấy lâu chưa sáng tỏ. Anh hăng hái lao vào hoạt động, mong muốn đem bầu nhiệt huyết yêu nước của tuổi trẻ cống hiến cho cách mạng, góp phần đưa dân tộc đến chân trời tự do.

Sau một thời gian thử thách, năm 1927, Đặng Xuân Khu được đồng chí Nguyễn Văn Hoan giới thiệu và được tổ chức kết nạp vào Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Sự kiện quan trọng này đánh dấu bước trưởng thành của người thanh niên yêu nước Đặng Xuân Khu trên con đường đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành người cộng sản¹.

Hoạt động ở Nam Định một thời gian, Đặng Xuân Khu quyết định lên Hà Nội học tiếp để có thể tiếp tục hoạt động. Anh trao đổi suy nghĩ đó với lãnh đạo của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Định và được các đồng chí đồng ý giới thiệu cho một số cơ sở liên lạc ở Hà Nội. Mùa Thu 1927, Đặng Xuân Khu lên Hà Nội tự học và tự học để hoàn thành chương trình Thành Chung, thi lấy bằng Diplome, sau đó thi đỗ vào trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương.

Trường Cao đẳng thương mại Đông Dương² là nơi đào tạo các viên chức phục vụ cho bộ máy cai trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương³. Hầu hết các sinh viên học ở đây đều là con nhà

1. Xem: "Người dân quê tôi" in trong cuốn sách *Trường-Chinh người con của quê hương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 45.

2. Trường này được thành lập ngày 2-11-1920.

3. Trường có ba khoa: Btu chính và điện báo; Điện báo vô tuyến và Thương mại.

giàu có, nhưng ngôi trường này cũng là nơi tập trung những thanh niên trí thức yêu nước như Khuất Duy Tiến, Ngô Đức Trì¹ (Hội Việt Nam cách mạng thanh niên), Nguyễn Thái Học (Việt Nam Quốc dân Đảng). Đặng Xuân Khu nhanh chóng hòa mình vào không khí cách mạng sôi nổi của trường, nhanh chóng bắt liên lạc với cơ sở Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở đây và hằng hái tham gia các hoạt động của Hội. Những năm tháng là sinh viên, Đặng Xuân Khu có dịp đọc sách báo tiến bộ nhiều hơn, trong đó có các tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin được in bằng tiếng Pháp do Đảng Cộng sản Pháp gửi qua. Là người thông thạo Pháp ngữ nên anh có điều kiện hấp thụ chính xác những vấn đề căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin qua các tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin.

Mùa Hè 1928, học hết năm thứ nhất, Đặng Xuân Khu về quê nghỉ hè. Ở quê nhà, chứng kiến tình cảnh xóm làng xơ xác vì sự ly tán và nỗi thống khổ của những người dân quê không ruộng đất, hoặc không chịu nổi sưu cao thuế nặng, đã phải bỏ quê hương đi làm phu

1. Ngô Đức Trì (con trai nhà yêu nước Ngô Đức Kế), hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, được đưa đi đào tạo ở trường Đại học Phương Đông (Liên Xô). Sau khi về nước hoạt động, bị mật thám Pháp bắt (1930), Ngô Đức Trì đã đầu hàng, phản bội.

mỏ, phu đồn điền cao su Nam Kỳ, hoặc đi phu ở Tân thế giới (Niu Calêdônia), Đặng Xuân Khu ngày đêm suy nghĩ tìm cách giúp họ đấu tranh với địa chủ, đòi bỏ tô phụ, giảm tô chính... để đời sống của họ bớt bần hàn.

Bàn bạc và nhận được sự giúp đỡ của người em họ là Đặng Xuân Thiều và người cháu họ là Đặng Xuân Quyền, Đặng Xuân Khu thành lập ban biên tập và cho ra tờ báo lấy tên là *Dân cày* do anh làm chủ bút. Đặng Xuân Thiều chữ đẹp được phân công chép bài, Đặng Xuân Quyền phụ trách việc in (in thạch). Tờ báo được phát hành chủ yếu ở trong làng và các vùng lân cận¹.

Đặt trụ sở in báo trong ngôi từ đường thờ cụ Đặng Ngọc Toàn, một nơi kín đáo, an toàn, các số báo *Dân cày* bí mật ra đời đều đặn. Hầu hết các bài viết đều do Đặng Xuân Khu thực hiện với nội dung kêu gọi nông dân, tá điền đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi cho mình và lên án sự áp bức, bóc lột dã man của bọn thực dân, phong kiến tay sai. Tờ *Dân cày* đã có ảnh hưởng tích cực đối với nhân dân trong vùng, thu hút được một số thanh niên tham gia phát hành như hai anh em Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Xuân Khiêm... Báo ra được bốn số thì hết thời gian nghỉ hè, Đặng Xuân Khu phải trở lại Hà Nội học tiếp. Công việc viết bài, biên tập, được giao lại cho

1. Xem: "Người dân quê tôi" in trong cuốn sách *Trường-Chinh người con của quê hương, Sđd*, tr. 40-41.

Đặng Xuân Thiều và Đặng Xuân Quyền. Các anh cố gắng ra được mấy số báo nữa rồi phải đình bản.

Cuối năm 1928, tình hình cách mạng trong nước và Đông Dương đã có bước phát triển mới đòi hỏi phải thành lập một chính đảng nhằm thống nhất sự lãnh đạo cách mạng trong cả nước.

Tháng 3-1929, tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, Đảng bộ Thanh niên Bắc Kỳ đã thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên, đánh dấu quá trình *bônsevích hóa Việt Nam cách mạng thanh niên*. Quyết định đúng đắn đó đã tạo ra bước phát triển quan trọng, cả về mặt tổ chức và xu thế thống nhất của đảng cách mạng. Tuy nhiên, những diễn biến trong thực tế lại không được như mong đợi. Tháng 5-1929, Đại hội lần thứ I của Việt Nam cách mạng thanh niên được tổ chức tại Hương Cảng (Trung Quốc), đoàn đại biểu Bắc Kỳ đưa ra ý kiến đề nghị thành lập Đảng Cộng sản, nhưng không được chấp nhận, đã bỏ Đại hội ra về.

Việc đoàn đại biểu Bắc Kỳ bỏ Đại hội ra về đánh dấu sự phân liệt trong Việt Nam cách mạng thanh niên. Nhưng thực chất của sự phân liệt đó là một sự trưởng thành trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đồng thời, sự phân liệt đó cũng có nghĩa là quá trình *bônsevích hóa* trong tổ chức cách mạng ấy càng được đẩy mạnh.

Ngày 16-6-1929, tại số nhà 312, phố Khâm Thiên,

Hà Nội, các đại biểu tiên tiến trong tổ chức Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc Kỳ đã họp Hội nghị quyết định thành lập Đông Dương cộng sản Đảng, ra *Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ*, thành lập các cơ quan tuyên truyền, trong đó có tờ báo *Búa liềm*. Hội nghị đã bầu ra Ban Trung ương lâm thời. Đây là một sự kiện lịch sử hết sức quan trọng trong quá trình vận động tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Là thành viên tích cực tham gia các hoạt động của hội nghị, Đặng Xuân Khu trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của Đông Dương cộng sản Đảng.

Ngay sau khi ra đời, Đông Dương cộng sản Đảng đã đi vào hoạt động thực tiễn hết sức khẩn trương và phát triển tổ chức trên phạm vi cả nước. Riêng hoạt động của Ban tuyên truyền của Đông Dương cộng sản Đảng, do đồng chí Trịnh Đình Cửu - Ủy viên Trung ương lâm thời phụ trách - cho ra tờ báo *Búa liềm* - cơ quan ngôn luận của Đảng¹, Đặng Xuân Khu được phân công làm công tác biên tập².

Báo *Búa liềm* phản ánh đời sống bần cùng của nhân dân ta, lên án sự bóc lột thậm tệ của thực dân, phong kiến, vạch trần chính sách ngu dân của đế quốc Pháp.

1. Báo *Búa liềm* ra đều đặn mỗi tháng một số, tất cả được chín số.

2. Xem: Tạp chí *Học tập* (số 1960), tr. 14.

Báo đưa tin về các cuộc bãi công của thợ thuyền, kêu gọi quần chúng tham gia vào công hội, nông hội, ủng hộ Cách mạng tháng Mười Nga và đứng lên đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đông Dương cộng sản Đảng¹.

Mặc dù hình thức và nội dung còn sơ lược, nhưng báo *Búa liềm* đã góp phần tích cực vào việc khơi dậy tinh thần yêu nước và tuyên truyền, quảng bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Hoạt động trong Ban tuyên truyền của Đảng, Đặng Xuân Khu tích cực tham gia tuyên truyền, vận động trong giới trí thức, sinh viên và binh lính.

Tháng 9-1929, Tổng hội sinh viên được tổ chức và ra báo *Người sinh viên*. Đặng Xuân Khu được cử làm chủ bút của tờ báo này.

Cuối năm 1929, Đặng Xuân Khu bỏ học để tham gia hoạt động cách mạng². Từ đây, anh bắt đầu sự nghiệp của một nhà cách mạng chuyên nghiệp, hiến dâng cả cuộc đời cho độc lập của dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào mình.

Mùa Hè 1929 An Nam cộng sản Đảng ra đời. Theo dõi và thấy được sự lớn mạnh của phong trào cách mạng

1. Xem: Nguyễn Thành: *Đồng chí Trường-Chinh với báo chí*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2003, tr.13-15.

2. Khoảng thời gian này đồng chí Đặng Xuân Khu lập gia đình riêng.

Việt Nam và Đông Dương, Đông Dương cộng sản Đảng cử đồng chí Đỗ Ngọc Du (tức Phiếm Chu) sang Hồng Kông gặp đại diện của An Nam cộng sản Đảng để bàn việc hợp nhất Đảng. Sự việc không thành do hai bên không thống nhất được với nhau về một số vấn đề, nhưng chủ yếu là do chưa có một người đủ uy tín đứng ra lãnh đạo. Như một sự tất yếu của lịch sử, giữa lúc đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm (Thái Lan) đến Quảng Châu. Trên danh nghĩa đại diện của Quốc tế cộng sản, Người triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam và bắt đầu họp ở Cửu Long (Hồng Kông) từ ngày 6-1-1930. Các đại biểu đã nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản để lập thành một đảng duy nhất.

Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức được thành lập và Đặng Xuân Khu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cách mạng nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới.

Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam ngày càng lâm vào suy thoái. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) của chủ nghĩa tư bản tác động mạnh đến nước ta cùng với nạn đói trầm trọng do mất mùa, làm cho tình hình kinh tế - xã hội đất nước ngày càng suy sụp, đời sống nhân dân ngày càng cực khổ. Tình trạng công nhân thất nghiệp tăng lên; thợ thủ công và những người buôn bán lâm vào tình trạng phá sản; viên chức bị sa thải hàng loạt... Chính sách khủng

bố về chính trị, chèn ép và bóc lột không giới hạn về kinh tế, ngu dân về văn hoá của thực dân Pháp làm cho đời sống mọi mặt của nhân dân ta ngày càng khốn cùng.

Tình hình chính trị nước ta cũng có nhiều biến động mới. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân Đảng tiến hành vào đêm mùng 9 rạng ngày 10-2-1930 ở Yên Bái và một số địa phương thuộc Bắc Kỳ bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Nhiều đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng, trong đó có người đứng đầu là Nguyễn Thái Học, phải lên máy chém. Thực dân Pháp thực hiện chính sách khủng bố trắng, liên tục tiến hành các cuộc bắt bớ những người yêu nước. Các tổ chức cơ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng hầu như tan rã. Trên vũ đài chính trị, vai trò của giai cấp tư sản Việt Nam cũng kết thúc theo sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

Mặc dù mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh mạnh mẽ, mà đỉnh cao là phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh (1930-1931), thúc đẩy cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân trên mọi miền đất nước.

Hoảng sợ trước cao trào cách mạng lên cao và lo ngại trước ảnh hưởng ngày càng rộng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các tầng lớp nhân dân, thực dân Pháp mở chiến dịch khủng bố cực kỳ tàn bạo bằng mọi thủ đoạn nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản, dập tắt phong trào cách mạng. Hàng vạn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ

cách mạng yêu nước bị bắt, bị giết. Nhà tù chật ních các đảng viên cộng sản và những người yêu nước khác.

Trong số những đảng viên cộng sản bị thực dân Pháp bắt có đồng chí Đặng Xuân Khu.

2.2. Trong ngục tù đế quốc

Ngày 14-11-1930, Đặng Xuân Khu được tổ chức giao nhiệm vụ đến khu vực chân Cột Cờ, Hà Nội, gặp một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp để nhận một tài liệu có nhan đề: "Chúng nó chuẩn bị chiến tranh như thế nào?". Đúng giờ, Đặng Xuân Khu vừa tới chỗ hẹn đã bị cảnh binh ập đến bắt giải về Sở mật thám. Sau đó, chúng đưa anh vào giam ở nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội.

Nhà tù Hỏa Lò do thực dân Pháp xây dựng từ những năm cuối thế kỷ XIX, nằm giữa lòng Hà Nội. Diện tích nhỏ, cách ly với đường phố là bức tường đá cao, trên còn có dây điện trần, ở bốn góc có chòi lính canh nghiêm ngặt suốt ngày đêm. Ngoài những dãy nhà giam, Hỏa Lò còn có xà lim đặc biệt để nhốt những người tù được xem là nguy hiểm, hoặc để phạt những tù nhân “cứng đầu”. Đặng Xuân Khu nhiều ngày bị nhốt trong xà lim đặc biệt này và bị mật thám Pháp tiến hành thẩm vấn suốt ngày đêm để moi tin tức về tổ chức đảng, tra hỏi về các cơ sở bí mật, vì chúng biết anh là một đầu mối quan trọng. Kẻ địch dùng đủ mọi thủ đoạn tra tấn nhưng trước sau chúng chỉ nhận được từ anh câu trả lời: Không biết!

Cùng bị giam chung khám với Đặng Xuân Khu, ngoài các đảng viên cộng sản còn có nhiều người tù là đảng viên Quốc dân Đảng. Dù có chung mục tiêu chống đế quốc, giải phóng dân tộc, nhưng con đường đi khác nhau, nên lúc đầu, những người tù Quốc dân Đảng thường xuyên tranh cãi, thậm chí gay gắt với các đảng viên cộng sản. Các cuộc tranh luận trực tiếp về tư tưởng, lý luận chính trị... giữa “Quốc” và “Cộng” diễn ra bằng hình thức “đấu khẩu” kéo dài suốt cả năm 1930-1931. Sang tới năm 1932, khi bắt đầu xuất hiện báo trong tù, hai bên “Quốc - Cộng” bắt đầu phát biểu chính kiến bằng các bài viết trên mặt báo.

Những người cộng sản cho ra đời tờ báo *Lao tù đở*, sau đó đổi thành *Lao tù tạp chí*. Các tờ báo khác như *Con đường chính*, *Bôn-sê-vích* cũng lần lượt được bí mật phát hành trong các nhà giam. Phía Quốc dân Đảng cũng có các tờ báo như *Đuốc đưa đường* của những đảng viên Quốc dân Đảng ly khai và tờ *Đường cách mạng* của các đảng viên Quốc dân Đảng chống cộng¹. Nhạo báng “trình độ văn hóa thấp” của những người cộng sản, tờ *Đường cách mạng* của một số tù nhân Quốc dân Đảng liên tục viết bài công kích.

Mặc dù thường xuyên bị nhốt trong xà lim tối, vì bị coi là “phần tử nguy hiểm”, ban đêm bị cùm chân,

1. Xem: Nguyễn Thành: *Đồng chí Trường-Chinh với báo chí*, *Sđd*, tr. 21-23.

Đặng Xuân Khu vẫn được chỉ bộ tín nhiệm phân công làm chủ bút tờ *Con đường chính* để viết bài tranh luận với những người Quốc dân Đảng¹. Cùng tham gia viết bài cho báo *Con đường chính* còn có các đồng chí Trịnh Đình Cửu, Đỗ Ngọc Du, Trần Quang Tạng, Nguyễn Văn Ngạn...

Với bút danh Cây Xoan, Đặng Xuân Khu đã viết nhiều bài trên báo *Con đường chính*, với những luận cứ khoa học, lôgích chặt chẽ, anh lần lượt bác bỏ những quan điểm mơ hồ, phản khoa học của một số đảng viên Quốc dân Đảng mà đại diện là Nghiêm Toàn với khái niệm về Tổ quốc². Tác giả Cây Xoan phân tích rằng, mất Tổ quốc là mất chủ quyền định đoạt vận mệnh của đất nước; mất quyền tự mình cai trị lấy mình cũng như quyền phát triển kinh tế, quyền thu các thứ thuế, quyền có quân đội riêng, quyền bang giao với nước ngoài...; tóm lại là quyền tự chủ dân tộc, chứ không phải những thứ lằng mằng, mơ hồ như ông Nghiêm Toàn nói. Tác giả Cây Xoan cũng giải thích thái độ đúng đắn của những người cộng sản về chiến tranh và kịch liệt phê phán

1. Các bài viết tranh luận trên một số chủ đề như: về khái niệm Tổ quốc; về khởi nghĩa; vấn đề chủ nghĩa; quan hệ giữa anh hùng và thời thế; những vấn đề triết học và lịch sử triết học; nguồn gốc của chiến tranh...

2. Ông ta viết: Tổ quốc là bụi tre xanh, bờ ruộng lúa, ông xã đoàn buồng diều, thằng bé con trước cột đình...

lược điểm sai trái của Quốc tế thứ hai trong Chiến tranh thế giới thứ nhất đã lợi dụng hai chữ “Tổ quốc” để mê hoặc giai cấp công nhân các nước ủng hộ và tham gia chiến tranh mà thực chất là bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Ở một khía cạnh khác, tác giả khẳng định rằng, người cộng sản nhắc lại câu nói của Mác “Giai cấp vô sản không có Tổ quốc” là muốn nói: ngay ở một nước độc lập, không kể thuộc địa, thì bao nhiêu quyền lợi cũng bị giai cấp tư sản chiếm hết, ngay cả nhân phẩm, giá trị của con người mà bọn tư sản thường khoe khoang lừa bịp là tự do, bình đẳng, thì chẳng qua cũng chỉ là tự do đi làm thuê với đồng lương rẻ mạt. Tổ quốc ta bị đế quốc chiếm làm thuộc địa, thì chúng ta phải đồng lòng quyết chí mà giành lại.

Trình bày quan điểm của những người cộng sản đối với vấn đề khởi nghĩa, thông qua sự kiện khởi nghĩa Yên Bái, tác giả Cây Xoan tỏ rõ sự kính trọng tinh thần yêu nước của các chiến sĩ tham gia khởi nghĩa, nhưng đồng thời cũng phân tích để thấy những hạn chế trong cách nhìn nhận thời cơ, chưa đánh giá đúng về so sánh lực lượng của Quốc dân Đảng với thế và lực của kẻ thù... dẫn đến thất bại không tránh khỏi. Nhân đây, tác giả cũng nêu ra quan điểm về khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền theo lý luận cách mạng của các nhà kinh điển Mác - Lênin.

Với thái độ khách quan, khoa học, qua các bài báo,

Đặng Xuân Khu và các đồng chí đã từng bước làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, soi rọi nó với thực tiễn khách quan để khẳng định chân lý. Các bài báo được thể hiện với thái độ nghiêm túc khiến cho nhiều đảng viên Quốc dân Đảng từ khâm phục đi tới giác ngộ và có khuynh hướng thân cộng sản, thậm chí có người tuyên bố ly khai Quốc dân Đảng. Chính vì vậy, một số lãnh tụ Quốc dân Đảng chống cộng tức tối, đe dọa trả thù và ngầm báo cho mật thám nhiều lần tổ chức khám xét tịch thu báo, tài liệu và mỗi khi bắt được tài liệu, chúng lại lấy cớ tra khảo những người tù cộng sản. Đặng Xuân Khu nằm trong số những người tù thường xuyên bị khủng bố như vậy¹.

Những ngày trong nhà tù Hỏa Lò, mặc dầu bị gông cùm, xiềng xích, Đặng Xuân Khu vừa làm báo, vừa học thêm lý luận và tích cực tham gia sinh hoạt trong chi bộ nhà tù, Anh còn làm thơ để động viên mọi người giữ vững niềm tin vào Đảng, vào thắng lợi của cách mạng. Bài "Tin tưởng" do Đặng Xuân Khu sáng tác trong nhà tù Hỏa Lò năm 1931 đã thể hiện khí phách ấy:

1. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng kể lại: "Một hôm chúng khám phá được tài liệu, liền bắt tôi, anh Trường-Chinh ra đánh. Trận này anh Trường-Chinh bị nó đánh nặng hơn cả, bây giờ tay của anh còn seọ đấy". Theo sách: *Anh Cả Nguyễn Lương Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.85.

“Chí lớn nấu nung trong ngực tôi,
Sẽ đem thi thố một ngày mai”¹.

Sau gần một năm giam giữ, tra khảo không chứng cứ, ngày 28-9-1931, tòa án thực dân mở phiên xử Đặng Xuân Khu và 40 chiến sĩ cách mạng khác. Trong phiên xử sáng ngày 29-9-1931, tòa án thực dân khép “tội” Đặng Xuân Khu - số tù 98290 - làm truyền đơn cổ động cho phong trào cách mạng và vận động binh lính Pháp, làm và phổ biến sách cấm, phải mang án 12 năm cấm cố (tính từ ngày 19-11-1930 đến 19-11-1942)². Tuyên án xong, chúng tiếp tục giam anh ở nhà tù Hỏa Lò cho tới đầu năm 1933.

Cũng trong tháng đối diện với tòa án thực dân, Đặng Xuân Khu được tin vợ đã sinh con trai - Đặng Xuân Kỳ. Tin vui ấy như tiếp sức mạnh cho anh vượt qua mọi thử thách ở phía trước³.

Cuối năm 1932, nổ ra cuộc đấu tranh tuyệt thực chống chế độ nhà tù hà khắc và sau đó xảy ra sự kiện

1. Sóng Hồng: *Thơ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1966, tr.15.

2. Hồ sơ cá nhân Đặng Xuân Khu của nhà tù Sơn La, lưu tại Bảo tàng Sơn La.

3. Đặng Xuân Kỳ sinh ngày 2-9-1931. Cuối năm 1931 đến 1932, được mẹ đưa vào thăm bố ở nhà tù Hỏa Lò. Từ năm 1947 theo cha đi kháng chiến, đến năm 1950, Đặng Xuân Kỳ vào bộ đội. Đồng chí Đặng Xuân Kỳ là Giáo sư triết học, là Ủy viên dự khuyết và chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VI và VII).

vượt ngục của bảy tù nhân cộng sản ở nhà thương Phủ Doãn. Sau những sự kiện này, bọn cai ngục tức tối khùng bố mạnh tay và xiết chặt hơn chế độ giam giữ. Các đảng viên cộng sản đều bị cùm, chúng còn cho xây thêm tường ngăn cách giữa các phòng giam, thông tin rất khó khăn... Báo *Con đường chính* vì thế cũng đình bản. Tuy nhiên, có thể nói *Con đường chính* đã kết thúc nhiệm vụ một cách thắng lợi, khẳng định niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản và sứ mệnh lịch sử của Đảng Cộng sản Đông Dương, góp phần tước bỏ vũ khí tư tưởng và chính trị, cùng với sự tan vỡ về tổ chức của chủ nghĩa quốc gia tư sản của Quốc dân Đảng. Qua tranh luận, ngòi bút sắc sảo của tác giả Cây Xoan chẳng những làm tăng uy tín của những người cộng sản, mà còn thuyết phục nhiều người trong hàng ngũ Quốc dân Đảng tự nguyện rời bỏ lập trường tư sản, bước sang hàng ngũ những người cộng sản.

Tháng 2-1933, Đặng Xuân Khu cùng 210 người tù cộng sản và Quốc dân Đảng ở nhà tù Hỏa Lò bị thực dân Pháp đưa đi đày tại nhà tù Sơn La.

Bấy giờ là tiết cuối Đông, trời lạnh, mưa phùn. Những tù nhân gầy yếu, bị xích thành một đoàn dài, xiêu vẹo đi trong tiếng gió thét gào. Đặng Xuân Khu và những người bạn tù phải đi mất gần nửa tháng mới đến được Sơn La. Trên con đường lưu đày xa tắp và lạnh lùng đó, những người tù cộng sản với bàn chân rớm máu vì đá nhọn, sưng phồng vì xiềng xích, có người kiệt sức

đã gục ngã trước khi đến được miền Tây Bắc xa xôi, nhưng không một ai nản chí.

Đoàn tù đến Sơn La ngày 3-3-1933. Đặng Xuân Khu mang số tù 318.

Sơn La là một vùng rừng núi hiểm trở nằm ở phía tây bắc Tổ quốc, khí hậu khắc nghiệt. Vào những năm 1930, ở Sơn La, giao thông chưa phát triển, việc đi lại từ miền xuôi lên và ngược lại hết sức khó khăn. Về mặt xã hội, Pháp lợi dụng sự chậm phát triển của các dân tộc Sơn La để bưng bít, chia rẽ, gây mối hằn thù với miền xuôi. Chúng cấm người dân tộc thiểu số học tiếng phổ thông nhằm ngăn ngừa sự tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản đối với đồng bào dân tộc.

Việc toàn quyền Đông Dương chọn nhà ngục Sơn La là một trong những nơi đày ải tù chính trị, nhằm cắt đứt mối liên lạc giữa họ với tổ chức đảng, đồng thời muốn dựa vào rừng thiêng nước độc cùng chế độ hà khắc của nhà tù để giết dần, giết mòn những người tù yêu nước¹. Mặt khác, chúng muốn cách ly họ với nhân

1. Điều này được thể hiện trong bức thư của Công sứ kiêm chúa ngục Sơn La Xanhpulốp gửi Thống sứ Bắc Kỳ vào năm 1932: "Xin ngài cứ tiếp tục gửi chính trị phạm lên Sơn La. Bọn này ở Hỏa Lò là những hạng hung hăng khó trị, nhưng nếu lên Sơn La chỉ trong vòng sáu tháng thôi, vì trùng sốt rét sẽ làm cho chúng suy nhược và trở nên hiền lành". Xanhpulốp: *Thư gửi Thống sứ Bắc Kỳ*, tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

dân, nếu tù bỏ trốn cũng không dễ gì thoát được, núi rừng bao la, trùng điệp, thưa dân, không chết đói vì lạc trong rừng thì cũng bị thú dữ ăn thịt.

Nhà tù Sơn La được xây dựng năm 1908. Diện tích lúc đầu là 500m² với hai buồng giam chính và bốn buồng giam phụ. Đến năm 1930, được mở rộng với diện tích gấp ba lần so với lúc mới xây, gồm hai nhà giam chính, một dãy xà lim ngầm có năm buồng lớn và một số buồng nhỏ gọi là xà lim cá nhân, nằm sâu dưới lòng đất 3m với một lối xuống nhỏ, hẹp, có cửa sắt kiên cố khóa chặt suốt ngày đêm. Xà lim lớn có thể chứa được từ 5 đến 10 người tù. Còn xà lim cá nhân có gắn cùm sắt, dài khoảng 2m, vừa một người nằm, "dành cho" những người có án nặng. Người tù ăn, uống, vệ sinh cá nhân đều trong xà lim, nên lúc nào cũng hôi thối, ngột ngạt. Không những vậy, có lần chúa ngục còn cho bơm nước phân vào phòng giam người tù để ép họ không được đấu tranh, khùng bố tinh thần các chiến sĩ cách mạng. Trong những năm tháng bị giam ở nhà tù Sơn La, Đặng Xuân Khu đã hai lần bị quản ngục bắt giam dưới căn hầm sâu lạnh lẽo và hôi hám ấy.

Cùng với sự dày ải của bọn cai ngục, khí hậu khắc nghiệt, ăn uống thiếu thốn, bệnh tật hiểm nghèo, ngục tù Sơn La đã giết chết biết bao chiến sĩ cộng sản. Chỉ

tính từ tháng 2 đến tháng 9-1933, ngục Sơn La đã có 43 người chết¹.

Thực dân Pháp cho rằng những người tù cộng sản sẽ tuyệt vọng trước cuộc sống và phải khuất phục trước số phận khắc nghiệt. Chúng đã lầm.

Ngay từ khi đến nhà tù, Đặng Xuân Khu đã tìm cách liên lạc với anh em đến trước để nắm được sự chỉ đạo chung. Anh tham gia Ban lãnh đạo của tù nhân, cùng với các đồng chí tổ chức những cuộc đấu tranh chống chế độ lao tù. Những tài liệu mà anh bí mật mang theo, đưa ra huấn luyện cho anh em, có tác dụng tốt trong việc nâng cao nhận thức về chủ nghĩa cộng sản. Vốn là cán bộ tuyên truyền của Đảng, tích lũy được nhiều kiến thức về lý luận cách mạng và kinh nghiệm đấu tranh, anh mang ra trao đổi, cùng anh em tù bàn luận, so sánh rút kinh nghiệm với thực tiễn. Cứ như vậy, mỗi ngày kiến thức của anh em lại được bồi dưỡng, nâng cao thêm.

Tháng 10-1933, được tin Toàn quyền Đông Dương Pátxkiê lên Sơn La kiểm tra tình hình và khánh thành con đường mang tên chúa ngục Xanhpulốp, anh em tù dự đoán, viên chúa ngục Xanhpulốp thế nào cũng mời Pátxkiê đến ngục Sơn La để chúng dâng công với quan

1. Số liệu lấy theo tài liệu của phòng trưng bày, Bảo tàng tỉnh Sơn La.

thầy trong việc đàn áp tù cộng sản. Vì vậy, nhân cơ hội này, anh em tù chính trị quyết định tổ chức đưa yêu sách và đấu tranh tố cáo tội ác của chế độ nhà tù trước viên toàn quyền. Đồng chí Đặng Xuân Khu được phân công tham gia vào việc chuẩn bị thảo bản yêu sách và cùng Ban đại diện tù nhân gặp trực tiếp Toàn quyền Pátxkiê.

Đúng như dự đoán, khi đến Sơn La, Pátxkiê được Xanhpulốp đưa vào thị sát nhà ngục. Chờ thời cơ thuận tiện, một đại biểu tù chính trị đã đưa yêu sách cho Pátxkiê, đòi chuyển tù chính trị về đồng bằng, cải thiện chế độ ăn uống và cấp thuốc men cho người tù, không được đánh đập và bắt người tù làm việc nặng nhọc. Đại diện tù nhân còn tố cáo chế độ khắc nghiệt của nhà tù đã làm nhiều người mang bệnh và chết. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ đó, Pátxkiê buộc phải nhận bản yêu sách và hứa sẽ xem xét giải quyết.

Khoảng giữa năm 1933, tình hình chính trị thế giới có nhiều biến chuyển theo hướng đòi mở rộng dân chủ. Công luận tiến bộ ở Pháp rất bất bình trước việc nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương đã bắt bớ, hành hạ nhiều tù chính trị. Theo báo cáo của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp đề ngày 13-6-1930, ở Đông Dương đã có 9.949 án chính trị, con số này tăng gấp ba lần vào năm 1933. Nhiều cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Pháp đã nổ ra đòi cải thiện bầu không khí chính trị ở Đông Dương.

Ngày 9-3-1933, một số nhân sĩ, trí thức Pháp tiến bộ cùng một số người cộng sản Pháp nhóm họp thành lập Ủy ban vận động đại xá tù chính trị Đông Dương¹. Ủy ban ra đòi nhằm thúc tỉnh dư luận Pháp đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp cải thiện chế độ lao tù đối với những người yêu nước ở Đông Dương, đồng thời xét lại các bản án và đại xá tù chính trị ở Đông Dương.

Ngày 16-3-1933, tại Hội bác học ở Pari, Ủy ban vận động đại xá tù chính trị đã tổ chức cuộc mít tinh đầu tiên với 1.200 người tham dự.

Trước sự đấu tranh quyết liệt của những người tù chính trị ở Đông Dương, lại được đông đảo nhân dân Đông Dương và dư luận tiến bộ Pháp ủng hộ, Toàn quyền Đông Dương buộc phải ký lệnh giảm hoặc xóa bỏ một số án tử hình, đưa một số tù chính trị ở ngục Sơn La về giam tại Hỏa Lò, Hà Nội.

Đồng chí Đặng Xuân Khu và nhiều tù cộng sản khác được chuyển về Hà Nội trong đợt này.

Ngày 17-11-1933, đoàn tù bắt đầu khởi hành từ Sơn La về Hà Nội. Chúng bắt những người khỏe đi bộ, còn ai

1. Nhiều nhà hoạt động xã hội và chính khách Pháp như Giuốc đanh (J.Jourdin), Henri Bácbuýt (Henri Barbusse), Rômanh Rôlăng (Romain Rolland), Mutê (M.Moutet), A.Viôlít (A.Viollis), F.Salâyê (F.Challaye)... đã hăng hái tham gia ủy ban này.

ồm yếu được đi thuyền dọc theo sông Đà về xuôi. Đặng Xuân Khu thuộc số người ốm yếu nên được đi theo thuyền.

Mất mấy ngày lênh đênh sông nước, vượt qua những thác ghềnh hiểm trở, đoàn tù may mắn nguyên vẹn về tới nhà tù Hỏa Lò. Biết tin đồng chí Đặng Xuân Khu trở về, các đồng chí trong tù đã viết thư thăm hỏi và thông báo cho đồng chí biết tình hình của chi bộ đảng trong tù.

Sau một thời gian tìm hiểu tình hình, Đặng Xuân Khu đã cùng một số đồng chí trung kiên bàn bạc, quyết định phương thức hành động chung. Thay mặt chi bộ, anh viết báo cáo gửi ra cho tổ chức đảng ở bên ngoài để tổ chức nắm được tình hình trong nhà tù Hỏa Lò; cất cử những đồng chí có trình độ tham gia vào công tác tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, giác ngộ cách mạng trong số anh em tù thường phạm.

Về vấn đề tổ chức sinh hoạt đảng trong tù, trong nội bộ các đảng viên cộng sản ở Hỏa Lò cũng có các ý kiến khác nhau. Người thì cho rằng, kẻ địch đã biết là cộng sản rồi thì không phải bí mật, cứ tổ chức công khai. Có ý kiến cho rằng chỉ nên tổ chức chi bộ cho những đảng viên mang án nhẹ từ năm năm trở lại sinh hoạt, vì những đồng chí này mới có điều kiện tiếp tục trở lại hoạt động. Còn những người có án trên năm năm thì không phải sinh hoạt chi bộ, vì biết bao giờ

mới được ra, như vậy sinh hoạt cũng không giải quyết được gì.

Đồng chí Đặng Xuân Khu lắng nghe các ý kiến rồi họp với các đồng chí trong Ban chỉ ủy là Nguyễn Lương Bằng, Bùi Vũ Trụ... tìm cách phân tích cho đảng viên trong tù hiểu rõ nguyên tắc trong bất cứ hoàn cảnh nào mọi đảng viên cũng phải sinh hoạt trong tổ chức, chịu sự lãnh đạo của tổ chức đảng. Bằng cách như vậy, đồng chí Đặng Xuân Khu và các đồng chí trong Ban chỉ ủy đã củng cố lại tổ chức và sinh hoạt của chi bộ trong nhà tù Hoả Lò, củng cố đội ngũ trước sự khủng bố ngày càng dữ dội của kẻ thù.

Qua bốn năm chống địch khủng bố trắng (1931-1935), nhiều tổ chức cơ sở đảng dần dần được khôi phục và phát triển ở nhiều nơi, ảnh hưởng của Đảng được mở rộng. Phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân nổ ra tại nhiều địa phương. Thực dân Pháp lo sợ trước tình hình này đã quyết định chuyển một số tù chính trị ở Hỏa Lò mà chúng xếp vào loại nguy hiểm ra Côn Đảo. Những người ốm yếu thì đày lên Sơn La. Đặng Xuân Khu thuộc danh sách đi Sơn La.

Tháng 5-1935, Đặng Xuân Khu cùng 50 tù cộng sản khác có mặt tại nhà tù Sơn La. Đây là lần thứ hai, Đặng Xuân Khu bị đày lên nhà tù Sơn La.

Tối ngục Sơn La lần này, Đặng Xuân Khu và các tù chính trị khác bị bọn cai ngục quản thúc rất chặt chẽ và

bắt lao dịch nặng nhọc. Phải lao động khổ sai, ăn uống cực khổ, song không vì thế mà những người cộng sản giảm sút tinh thần tranh đấu. Đặng Xuân Khu đã viết bài thơ "Lấy củi":

"Rủ nhau lấy củi sườn non,
Chim kêu vượn hót bốn chôn ruột gan.
Đồng bào đau xót lắm than,
Mà ai nằng xế, sương tan qua ngày!
Đốt cho tiêu kiếp tù đầy,
Cho bùng lửa hận, biết tay anh hùng.
Có về không, có về không?
Bước mau, mau bước non sông đợi chờ"¹.

Đặng Xuân Khu cùng với đồng chí Sao Đỏ (Nguyễn Lương Bằng) và một số đồng chí khác... họp bàn phải tổ chức lại cuộc sống trong nhà tù, phải bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho nhau trước sự đàn áp của kẻ thù. Để lãnh đạo mọi mặt hoạt động trong tù, các đồng chí quyết định khôi phục Ủy ban nhà tù² đã được lập ra từ năm 1933, nhưng có thời gian bị gián đoạn. Đồng chí Đặng Xuân Khu được cử làm chủ tịch³. Ủy ban hoạt động theo hình thức tự quản và được chia thành năm ban: Ban trật tự trong; Ban trật tự ngoài; Ban hợp tác xã; Ban

1. Sóng Hồng: *Thơ, Sđd*, tr.18.

2. Ủy ban nhà tù còn có tên gọi là Hội đồng thống nhất.

3. Theo tài liệu của Bảo tàng tỉnh Sơn La.

nhà bếp và Tổ nhà thuốc. Nhờ có các ban này, ủy ban duy trì được trật tự trong và ngoài nhà tù, hạn chế việc cai ngục ức hiếp tù nhân và cũng là cơ sở để thành lập chi bộ trong tù.

Bên cạnh các hoạt động củng cố tổ chức của Đảng ở trong tù, vượt lên tất cả những khó khăn trong nhà tù thực dân, với nghị lực phi thường, Đặng Xuân Khu đã viết xong cuốn sách *Chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa cải lương*. Cuốn sách là một bản án kết tội chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương và đồng minh của chúng là chủ nghĩa cải lương; đồng thời là luận chứng sinh động về một khả năng tạo nên cao trào cách mạng mới đấu tranh chống chiến tranh, đòi tự do, cơm áo, hòa bình ở Việt Nam. Cuốn sách luận chứng cách mạng Đông Dương cần phải chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng bước vào trận chiến đấu mới, chờ thời cơ, chuẩn bị tiến những bước cao hơn.

Viết xong cuốn sách nói trên, Đặng Xuân Khu tổ chức lớp huấn luyện chính trị và dùng ngay cuốn sách vừa viết làm tài liệu huấn luyện, trang bị cho anh em trong tù một nhận thức mới về thời cuộc.

Từ năm 1935 trở đi, tình hình chính trị thế giới có nhiều biến chuyển mau lẹ. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc ngày càng gay gắt. Đế quốc Đức, Italia và Nhật câu kết chuẩn bị gây chiến tranh. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với Liên Xô cũng rất sâu sắc. Phong trào

đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình nổi lên ở nhiều nước.

Tháng 7-1935, Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản được tổ chức ở Mátxcơva (Liên Xô) đã xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít; nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân lúc này chưa phải là đấu tranh đánh đổ toàn bộ chủ nghĩa tư bản mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, giành dân chủ và hoà bình, bảo vệ Liên Xô.

Thực hiện sự chuyển hướng chiến lược cách mạng của Quốc tế cộng sản, các đảng cộng sản ra sức vận động thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít. Tại Pháp, tháng 4-1936, Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt đã thắng thế, giành được thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử và thành lập chính phủ phái tả. Mặt trận nhân dân Pháp nêu ra việc thả tù chính trị, cử các phái đoàn điều tra tình hình thuộc địa, đặc biệt ở Bắc Phi và Đông Dương, thi hành một số cải cách xã hội cho giới lao động.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản, đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, căn cứ vào so sánh lực lượng, tháng 7-1936, Ban lãnh đạo của Đảng ta họp ở Thượng Hải đã kịp thời định ra đường lối, phương pháp tổ chức và đấu tranh trong thời kỳ mới.

Trước thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình, đòi trả tự do cho tù chính trị phát triển mạnh. Tháng 9-1936, Thủ tướng Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp tuyên bố "đại xá" tù chính trị ở Đông Dương. Nắm được tình hình đó, tù chính trị ở nhà tù Côn Đảo nổi dậy đấu tranh đòi thả tù. Nhờ vậy, hơn 200 chiến sĩ cách mạng được trở về đất liền. Nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương cũng buộc phải thả một số tù chính trị ở ngục Sơn La và một số nhà tù khác¹.

Ngày 29-9-1936, đồng chí Đặng Xuân Khu và hàng chục tù chính trị được trả tự do.

Từ Sơn La, Đặng Xuân Khu và những người được thả trong chuyến này đi thuyền xuôi về Hà Nội. Sở mật thám Hà Nội tuyên bố lệnh quản thúc rồi cho người tù trở về quê hương. Đặng Xuân Khu về làng Hành Thiện đoàn tụ với gia đình. Cha mẹ, vợ con, cùng bà con cô bác đón anh trong niềm xúc động sâu sắc. Tình cảm đó giúp anh tăng thêm sức mạnh để bước vào trận chiến đấu mới.

1. Đến cuối năm 1936, trên 1.000 tù chính trị được thả, và tính đến tháng 10-1937, có 1.532 tù chính trị, phần lớn là đảng viên cộng sản, được ra khỏi nhà tù đế quốc.

2.3. Lãnh đạo báo chí của Đảng

Cuối năm 1936, đầu năm 1937, sau phong trào Đại hội Đông Dương, Đảng lại đẩy mạnh cuộc vận động và tổ chức quần chúng biểu dương lực lượng bằng cách đi đón phái viên của Chính phủ Pháp - Gôđa và đưa yêu sách cho Chính phủ Pháp. Tháng 3 và tháng 7-1937, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp và nhấn mạnh phải có phương pháp tổ chức mới để thực hiện đường lối chính trị, tận dụng khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm tổ chức, đoàn kết quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hoà bình. Đẩy mạnh hoạt động báo chí công khai phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng là một hoạt động mới và nổi bật của Đảng lúc này.

Sum họp với gia đình ít ngày, đồng chí Đặng Xuân Khu thông báo với Tri huyện Xuân Trường, nơi quản thúc, lý do không biết làm ruộng phải đi Hà Nội để kiếm sống rồi từ biệt gia đình ra Hà Nội hoạt động.

Đến Hà Nội, đồng chí đi dạy học tư để kiếm sống và hoạt động cách mạng. Đặng Xuân Khu nhanh chóng bắt liên lạc với nhiều bạn tù chính trị mới được trả tự do, bắt tay ngay vào tìm hiểu tình hình và tham gia thực hiện nhiệm vụ mới của Đảng. Đồng chí được tổ chức phân công tham gia Ban biên tập của báo

*Le Travail*¹, một tờ báo của Đảng xuất bản theo Luật báo chí của Pháp².

Là Giám đốc chính trị chịu trách nhiệm về mặt chính trị của tờ báo, Đặng Xuân Khu viết nhiều bài đả phá những quan điểm sai lầm của một số phần tử

1. Báo *Lao động*.

2. Báo *Le Travail* ra số 1 ngày 16-9-1936 do đề xuất của một số giáo sư trường Thăng Long, sau đó báo được đặt dưới sự chỉ đạo của Ban vận động lập lại Xứ ủy Bắc Kỳ (Ủy ban sáng kiến). Trụ sở báo đặt tại số nhà 24, phố Phạm Phú Thứ. Đây là tờ báo viết bằng tiếng Pháp đầu tiên ở miền Bắc, là vũ khí đấu tranh của Đảng. Nó không những nói lên tiếng nói đấu tranh trực tiếp với bọn thống trị, mà còn gây được ảnh hưởng lớn đối với giới trí thức và đông đảo các tầng lớp xã hội khác. Nhóm *Le Travail* lúc đầu gồm có Nguyễn Thế Rục, Nguyễn Văn Tiến, Trịnh Văn Phú, Võ Nguyên Giáp, Vũ Đình Huỳnh, Đặng Thai Mai, Trần Đình Long, Trần Huy Liệu... Chủ nhiệm tờ báo là Nguyễn Văn Tiến, quản lý là Trịnh Văn Phú, đều là những trí thức du học từ Pháp trở về.

Cuối năm 1936, báo được bổ sung nhiều cán bộ có trình độ vào ban biên tập như: Đặng Xuân Khu, Khuất Duy Tiến, Tống Phúc Chiểu, Đặng Châu Tuệ, Hạ Bá Cang... làm cho báo *Le Travail* có đường lối chính trị cộng sản rõ rệt. Báo được nâng cao về chất lượng, nội dung, phong phú về hình thức, sức chiến đấu sắc bén, mạnh mẽ, nên có ảnh hưởng sâu rộng, được quần chúng lao động, tiểu thương và các tầng lớp xã hội khác tiếp nhận, hoan nghênh. Báo *Le Travail* trở thành diễn đàn rộng rãi của nhân dân tố cáo bọn thống trị, bênh vực quyền lợi của quần chúng, cổ động cho các chủ trương của Đảng. Báo ra được bảy tháng thì bị đình bản, nhưng đã gây được tiếng nói trong dư luận, nhất là những người dân chủ ở Pháp.

tờrốtkit (như Huỳnh Văn Phương), bảo vệ đường lối của Đảng. Nhờ đó, phong trào quần chúng bị chặn lại từ cuộc vận động Đại hội Đông Dương tháng 9-1936 đã nhanh chóng lấy lại khí thế và từng bước đi lên vững chắc. Tờ *Le Travail* không chỉ phát hành trong nước, mà qua các cơ sở bí mật của Đảng trong các thủy thủ tàu viễn dương, báo được gửi tới Đảng Cộng sản Pháp và một số trí thức dân chủ tiến bộ ở Pháp. Có lẽ, qua Đảng Cộng sản Pháp, tờ báo này đến với Nguyễn Ái Quốc khi đó đang hoạt động ở Liên Xô¹. Điều đó chứng tỏ tiếng nói và ảnh hưởng của Đảng ta thông qua con đường báo chí đã vượt ra phạm vi quốc tế.

Trước ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của *Le Travail*, chính quyền thực dân tìm đủ mọi thủ đoạn để đóng cửa tòa báo sau bảy tháng hoạt động².

1. Sau này, trong bản: "Những chỉ thị mà tôi nhớ và truyền đạt", viết năm 1939, Nguyễn Ái Quốc báo cáo với Quốc tế cộng sản: "Ban Chấp hành Trung ương phải kiểm soát các báo chí của Đảng để tránh những khuyết điểm về kỹ thuật và chính trị". Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr.139.

2. Cuối cùng, thực dân Pháp cho tên Tuần phủ Phúc Yên đứng ra phát đơn kiện tòa báo sau một loạt bài đăng trên *Le Travail* tố cáo hành động ôm gót thực dân, đàn áp dân thường của tên tay sai này. Vì không chịu bồi thường 6.000 đồng theo quyết định của tòa án thực dân, báo *Le Travail* đã phải đóng cửa sau khi ra số cuối cùng vạch trần dã tâm bỉ ổi, câu kết với nhau của chính quyền thực dân và bọn phong kiến tay sai.

Đầu năm 1937, đồng chí Đặng Xuân Khu đưa vợ và con trai lên Hà Nội thuê nhà số 80, phố Hàng Bạc làm nơi ở và nơi gặp gỡ, giúp đỡ nhiều chiến sĩ cách mạng khác¹.

Le Travail bị đóng cửa nhưng Đặng Xuân Khu và các biên tập viên, phóng viên vẫn tiếp tục nhiệm vụ, chỉ khác là dưới tên của tờ báo mới (được thành lập trước lúc *Le Travail* bị đóng cửa một tháng) mang tên *Rassemblement* (Tập hợp), tiếp đó là tờ *En avant!* (Tiến lên) vào tháng 3-1937. Là tiếng nói của Đảng Cộng sản, đại diện và bênh vực cho quyền lợi của nhân dân lao động, tố cáo mọi sự xấu xa, hủ bại của chính quyền thực dân và bọn tay sai, nên các tờ báo này chỉ hoạt động được trong một thời gian ngắn là bị nhà cầm quyền thực dân đóng cửa.

Sau khi được bổ sung nhiều cán bộ mới ở tù ra, Ủy ban sáng kiến - tên gọi của Ban vận động thành lập Xứ uỷ Bắc Kỳ - có thêm nhiều cán bộ giàu kinh nghiệm và được tổ chức thành hai bộ phận: một bộ phận hoạt động công khai, một bộ phận hoạt động bí mật. Đồng chí

1. Tại đây, bà Nguyễn Thị Minh, vợ đồng chí Đặng Xuân Khu, cùng một số người quê ở Hành Thiện mở hiệu may để kiếm sống. Gia đình ở trên gác hai với khoảng 25m. Ông Khuất Duy Tiến là người hay tới đây trao đổi công việc với đồng chí Đặng Xuân Khu.

Nguyễn Văn Cừ hoạt động ở bộ phận bí mật. Ủy ban sáng kiến phân công đồng chí Tô Hiệu về công tác tại Hải Phòng, Quảng Ninh, đồng chí Hoàng Văn Thụ về hoạt động ở các vùng dân tộc thiểu số phía Bắc. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Minh và Trần Quý Kiên phụ trách công tác chấp nối liên lạc với các đồng chí ở Trung Kỳ, đồng thời trực tiếp tham gia khôi phục và phát triển các cơ sở đảng ở Hà Nội và các vùng phụ cận. Đồng chí Đặng Xuân Khu được phân công đảm trách cơ quan tuyên truyền.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban sáng kiến, các tổ chức đảng lần lượt được lập lại ở Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định... Công tác phát triển đảng được đẩy mạnh làm cho số lượng đảng viên tăng lên, lực lượng của Đảng ngày càng lan rộng khắp trên địa bàn và các ngành trọng yếu. Đánh giá về vai trò tích cực của đội ngũ cán bộ mới ở tù ra được bổ sung cho các địa phương, đặc biệt trong công tác khôi phục và phát triển các cơ sở đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã khẳng định trong một báo cáo gửi Quốc tế cộng sản: “Việc tổ chức lại các tổ chức của Đảng có thể tiến hành khá nhanh, đó là nhờ hoạt động của các cựu tù chính trị được ân xá sau thắng lợi của Mặt trận bình dân ở Pháp”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.300.

Trên cơ sở sự phát triển của tổ chức đảng, yêu cầu lập lại Xứ uỷ Bắc Kỳ để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh trở nên cấp thiết.

Tháng 3-1937, Hội nghị thành lập Xứ uỷ lâm thời Bắc Kỳ được tiến hành. Tham gia hội nghị này có các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Tú Hưu, Nguyễn Văn Minh, Lương Khánh Thiện, Đặng Xuân Khu, Tô Hiệu, Hạ Bá Cang, Đinh Xuân Nhạ, Trần Quý Kiên, Trần Cung... Hội nghị đã cử đồng chí Lương Khánh Thiện làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời Bắc Kỳ, kiêm Bí thư Thành uỷ Hà Nội. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ được bầu vào Ban lãnh đạo của Xứ uỷ và được Xứ uỷ phân công làm đại diện của Xứ uỷ bên cạnh Trung ương Đảng. Đồng chí Đặng Xuân Khu được cử làm Xứ uỷ viên, phụ trách những hoạt động tuyên truyền công khai, nửa hợp pháp và hợp pháp, đặc biệt là chỉ đạo mặt trận văn hóa, báo chí, đồng thời làm một số công tác bí mật của Xứ uỷ.

Tận dụng được thời đoạn khá thuận lợi của tình hình chính trị với phong trào dân chủ, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Đặng Xuân Khu, những tờ báo cách mạng đã có nhiều tiến bộ về nội dung, hình thức. Báo chí cách mạng nước ta đã đóng vai trò to lớn trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, tập hợp quần chúng, và thông qua các hoạt động này, đã đào tạo được một đội

ngũ cán bộ báo chí cách mạng vững vàng về chính trị và nghiệp vụ.

Năm 1938, nguy cơ Chiến tranh thế giới thứ hai đến gần. Chính phủ Pháp ngả dần về phía hữu và bọn phản động thuộc địa ra sức đàn áp phong trào cách mạng ở Đông Dương. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (tháng 3-1938), xác định nhiệm vụ trung tâm là thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương, đề ra những chủ trương cụ thể về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, các tầng lớp tiểu tư sản thành thị và tư sản dân tộc, địa chủ nhỏ. Hội nghị nhắc nhở đấu tranh chống khuynh hướng tả, đồng thời chống khuynh hướng hữu khuynh coi thường phong trào đấu tranh của công nông và thiếu kiên quyết trong việc chống bọn tởtkít... Hội nghị đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng thay đồng chí Hà Huy Tập.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ năm (tháng 3-1938), đồng chí Đặng Xuân Khu vẫn được Trung ương Đảng phân công là người chỉ đạo các hoạt động báo chí công khai của Đảng ở Bắc Kỳ. Đồng chí thường có các buổi làm việc với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ về công tác tuyên truyền nói chung và công tác xuất bản báo chí công khai của Đảng ở Hà Nội nói riêng, nhất là tờ *Tin tức*.

Báo *Tin tức* là tờ báo công khai của Đảng có trụ sở

tại số nhà 105, phố Henry De Orléan, Hà Nội (nay là phố Phùng Hưng)¹. Nhiều lần Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã tới làm việc với ban biên tập tòa soạn báo *Tin tức*. Các phóng viên, biên tập viên hầu hết là cựu tù chính trị: ông Trần Huy Liệu (chủ bút), Lương Văn Tuân (quản lý) và các đồng chí lãnh đạo của Đảng trong vai ký giả và biên tập viên như: Trần Đình Long (bút danh Lương Phong), Đào Duy Kỳ (bút danh Trường Sơn), Khuất Duy Tiến (bút danh Tô Dân), Nguyễn Văn Năng (bút danh Thôn Dân) v.v.. Đồng chí Đặng Xuân Khu đảm nhiệm chức Giám đốc chính trị của tờ *Tin tức*². Dấu ấn lãnh đạo và tổ chức báo chí cách mạng của Đặng Xuân Khu đặc biệt in đậm trên báo *Tin tức*. Các đồng

1. Cuối năm 1937, lợi dụng sắc lệnh báo chí của chính quyền thực dân, Đặng Xuân Khu cử Lương Văn Ty (tức Thân) ở số nhà 112, phố Sinh Từ (Hà Nội) làm đơn xin phép ra tờ báo tiếng Việt lấy tên là tờ *Tin tức*. Ngày 23-2-1938, Toàn quyền Brêviê ký sắc lệnh cho phép xuất bản báo *Tin tức*. Báo *Tin tức* do Trần Huy Liệu làm chủ bút, xuất bản từ ngày 2-4-1938 đến 19-10-1938, được 43 số thì bị chính quyền thực dân thu hồi giấy phép xuất bản.

2. Sau này, đồng chí Trường-Chinh giải thích: “Giám đốc chính trị được rộng chân hơn. Các công việc giao dịch giấy tờ, đều do chủ bút giải quyết. Nhiệm vụ của Giám đốc chính trị là giữ sao cho báo viết đúng đường lối, đúng chính sách của Đảng”. *Bài nói chuyện của đồng chí Trường-Chinh với tạp chí Học tập* ngày 29-12-1959.

chí bàn bạc và nhất trí thành lập Nhóm Tin tức làm nòng cốt tập hợp một số tờ báo tiến bộ khác, với nội dung hoạt động: tuyên truyền công khai cho Mặt trận dân chủ - ban đầu là Mặt trận bình dân. Do tính chất định hướng của tờ báo, trong thời gian này, hầu hết những bài xã luận và bình luận chính trị trên báo đều do Giám đốc chính trị Đặng Xuân Khu viết, ký bút danh "T.t." (Tin tức), đề cập các vấn đề tự do, công lý và hoà bình.

Theo sự phân công của Xứ uỷ Bắc Kỳ, đồng chí Đặng Xuân Khu trực tiếp làm Bí thư chi bộ phụ trách Nhóm Tin tức, với nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thành nhóm công khai đại diện cho Đảng ta trong Mặt trận dân chủ ở Hà Nội. Dưới danh nghĩa này, Nhóm Tin tức đã liên minh với chi nhánh Đảng Xã hội (gồm cả người Pháp và người Việt Nam), với Nhóm Ngày nay (gồm một số trí thức tư sản, tiểu tư sản ở Hà Nội xung quanh tờ báo *Ngày nay*, nhưng không có một hệ thống tổ chức), xúc tiến việc thành lập Mặt trận dân chủ ở Bắc Kỳ, gồm các thành phần như: Nhóm Tin tức; Đảng Xã hội; Nhóm Ngày nay; đại biểu các giới lao động, tiểu chủ, tiểu thương, đại thương gia, Đoàn Thanh niên dân chủ, Hội Phụ nữ dân chủ, v.v.. Trên cơ sở liên minh này, trong thực tế, Mặt trận dân chủ đã chính thức được thành lập ở Hà Nội. Chính từ những kinh nghiệm hoạt động của Nhóm Tin tức ở Hà Nội, tháng 8-1938, Trung ương

Đảng đã chỉ đạo cho ra báo *Dân chúng* và thành lập Nhóm Dân chúng ở thành phố Sài Gòn.

Thực hiện chủ trương tranh thủ mọi khả năng để mở rộng phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp, của Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ, đồng chí Đặng Xuân Khu chỉ đạo các báo công khai cổ động mạnh mẽ, ủng hộ quyết định cử người của Đảng tham gia ứng cử vào các viện dân biểu và Hội đồng thành phố, nhằm lợi dụng các diễn đàn này để tố cáo những chính sách phản động của chính quyền thuộc địa, bảo vệ và bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động, qua đó, tuyên truyền, lôi kéo những phần tử tiến bộ thuộc tầng lớp trên trong xã hội tham gia Mặt trận dân chủ.

Để biểu dương lực lượng của Mặt trận, đồng chí Đặng Xuân Khu cùng một số đồng chí thuộc bộ phận công tác báo chí công khai của Đảng ở Bắc Kỳ (Nhóm Tin tức) đã vận động chi nhánh Đảng Xã hội Pháp đứng ra xin phép nhà cầm quyền tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1 tháng 5, vì biết họ cũng muốn dựa vào Mặt trận dân chủ Bắc Kỳ để chứng tỏ họ có lực lượng quần chúng đông đảo. Theo chủ trương của Đảng, nhân dịp này, Mặt trận dân chủ tranh thủ áp lực quần chúng thúc đẩy Đảng Xã hội tiến lên một bước tích cực hơn. Tuy nhiên, khi buộc phải chấp nhận đề nghị về tổ chức ngày kỷ niệm 1 tháng 5, nhà cầm quyền thực dân đã đưa ra điều kiện kiểm soát gắt gao như: phải trình

trước với nhà cầm quyền các bài diễn văn, phát biểu tại cuộc mít tinh; không được biểu tình ngoài đường phố; chỉ được tập trung trong khu vực Đấu Xảo; không được trưng cờ, biểu ngữ...

Để cổ vũ và định hướng cho cuộc mít tinh ngày 1 tháng 5, đồng chí Đặng Xuân Khu viết bài “Chúng ta muốn gì và đòi gì”, đăng trên báo *Tin tức*, chỉ rõ: Ngày 1 tháng 5 ở Đông Dương năm nay phải là ngày đoàn kết, thống nhất không phải của riêng người lao động mà còn của các hạng người yêu tự do, công lý và hòa bình...¹.

Nhưng diễn biến ngày kỷ niệm Quốc tế lao động 1 tháng 5 không như nhà cầm quyền Pháp sắp đặt. Theo chỉ đạo của Trung ương, Xứ uỷ Bắc Kỳ, Thành uỷ Hà Nội đã huy động hơn 2,5 vạn quần chúng nhân dân ở cả nội, ngoại thành và các vùng phụ cận tham gia cuộc mít tinh khổng lồ này.

Đúng 16 giờ ngày 1-5-1938, hàng chục lá cờ đỏ lớn có thêu tên các đoàn thể được giương cao. Sau bài quốc ca Pháp (*Marseillaise*), những người dự mít tinh đồng thanh hát vang bài *Quốc tế ca*. Khu Đấu Xảo² bùng bùng khí thế cách mạng của quần chúng có tổ chức. Lên diễn đàn cuộc mít tinh này là các đại diện của chi

1. Xem: Báo *Tin tức*, số 4, ngày 23 đến 30-4-1938.

2. Nay là khu Cung Văn hoá hữu nghị và Quảng trường 1 tháng 5, Hà Nội.

nhánh Đảng Xã hội Pháp, các nhóm Tin tức, Ngày nay; đại diện của các đoàn thể quần chúng - công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương... Các diễn văn và bài phát biểu đã công khai vạch trần trước hàng vạn quần chúng những chính sách bóp nghẹt tự do dân chủ, chính sách bóc lột tàn nhẫn của chính quyền phản động thuộc địa; đòi thực hiện quyền tự do, dân chủ cho dân chúng... Đồng chí Đặng Xuân Khu cùng một số đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ Bắc Kỳ, Thành uỷ Hà Nội cũng có mặt tại quảng trường để kịp thời chỉ đạo cuộc mít tinh.

Cuộc mít tinh của đông đảo nhân dân Hà Nội kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1938 là đỉnh cao của phong trào cách mạng thời kỳ Mặt trận dân chủ ở Hà Nội và cả nước. Đây là cuộc biểu dương lực lượng hùng hậu nhất của các tầng lớp nhân dân lao động, các tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ và trí thức, học sinh, sinh viên ở khắp nội, ngoại thành Hà Nội.

Thành công của cuộc mít tinh biểu dương lực lượng ngày 1-5-1938 đã khẳng định rõ những quyết định sáng suốt của Hội nghị Trung ương lần thứ năm (tháng 3-1938), nghệ thuật phối hợp tổ chức công tác giữa các bộ phận công khai của Đảng ta với các bộ phận công tác bí mật, giữa các đoàn thể thành viên của Mặt trận dân chủ. Đánh giá sự kiện này, trong báo cáo gửi Quốc tế cộng sản, tháng 7-1939, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “lần đầu tiên Hà Nội được tổ chức ngày 1-5

hợp pháp. Ngày đó thật là lớn và đối với Đông Dương, có thể nói là vĩ đại”¹.

Thành công này có phần đóng góp to lớn của Nhóm Tin tức do đồng chí Đặng Xuân Khu phụ trách, của các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ Bắc Kỳ và Thành uỷ Hà Nội. Đây là những bài học về kinh nghiệm chỉ đạo thực tiễn công tác hoạt động công khai, về công tác tổ chức Mặt trận và sự liên minh giữa các đảng phái, tổ chức quần chúng trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Sau cuộc mít tinh, đồng chí Đặng Xuân Khu đã viết ngay bài "Cuộc biểu tình vừa qua đã dạy cho ta những gì?" đăng trên báo *Tin tức*, số 5, ra từ ngày 4 đến 11-5-1938, đánh giá cuộc mít tinh ngày 1-5-1938 là “một bước thắng lợi” của anh chị em chiến đấu và sự kiện này chứng tỏ quần chúng đã trưởng thành về chính trị, giai cấp công nhân đã trưởng thành về tổ chức, kỷ luật. Quần chúng lao động đã biểu lộ sức chiến đấu mạnh mẽ và đáng kính nể với những khẩu hiệu rất đúng đắn và kịp thời, biết tổ chức và có kỷ luật. Cuộc mít tinh ngày 1 tháng 5 chứng tỏ giai cấp công nhân đã đủ lực lượng và tư cách điều dắt các tầng lớp trung sản ra trường tranh đấu. Quyền lãnh đạo của công nhân ngày càng bền vững và rõ rệt, thôi thúc quần chúng thống nhất hành động đấu tranh cho dân chủ, chống bọn tởrốt kít phá hoại đưa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.150.

ra "mặt trận công nông", "mặt trận những người bị bóc lột" để cản trở phong trào. Thực tiễn đã dạy cho chúng ta phải tin ở quần chúng, ở các đoàn thể dân chủ. Tác giả kêu gọi mọi người không phân biệt nòi giống, tín ngưỡng, hễ sống ở Đông Dương hãy liên hiệp lại; mọi người yêu chuộng tự do và hoà bình hợp lại chung quanh giai cấp thợ thuyền Đông Dương thành một mặt trận thống nhất các lực lượng dân chủ chống phát xít và chiến tranh, đồng thời mở cuộc vận động vào Viện dân biểu Bắc Kỳ.

Sau tháng 5-1938, đồng chí Đặng Xuân Khu viết một loạt bài báo phân tích tình hình và đánh giá về sự phát triển, tiến bộ của phong trào dân chủ; chỉ ra sự cần thiết của việc tiến tới thành lập Mặt trận dân chủ ở Đông Dương, cổ động cho việc thành lập Mặt trận dân chủ đòi tự do, cơm áo, hoà bình như bài "Một trách nhiệm của chúng ta sau ngày hội lao động" và bài "Để đi tới Mặt trận bình dân Đông Dương - Một việc dễ làm và phải làm"¹. Các bài báo nêu rõ việc thành lập "Ủy ban hành động chung" bao gồm đại biểu chi nhánh Đảng Xã hội, đại biểu của nhóm đồng chí Đặng Xuân Khu, đại biểu của đoàn lao động Hà Nội và nếu có thể, cả đại biểu anh em tiểu thương nữa. Ủy ban này có trách nhiệm thực hiện sự liên hiệp hành động của quần

1. Xem: Báo *Tin tức*, số 6, ngày 14 đến 21-5-1938.

chúng, tập hợp các tầng lớp nhân dân ngày một rộng để thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Nhằm giải thích cho nhân dân hiểu rõ hơn mục đích của việc thành lập Ủy ban hành động chung, Đặng Xuân Khu viết bài “Để đi tới Mặt trận bình dân Đông Dương - Nói rõ thêm”¹ và bài “Muốn tránh một sự hiểu lầm Mặt trận bình dân hay Mặt trận dân chủ”². Đồng chí kêu gọi mọi người bỏ qua những thành kiến, những điều ngộ nhận để đi đến con đường Mặt trận dân chủ và mục đích của việc thành lập Mặt trận này là đòi được cơm áo, hoà bình và tự do cho nhân dân.

Để tập hợp quần chúng, chống lại luận điệu giả danh cách mạng, chia rẽ phong trào của bọn tồ rôtkít, dưới bút danh Qua Ninh, Đặng Xuân Khu đã viết nhiều bài báo lên án những thủ đoạn, hành động quấy rối, phá hoại của bọn tồ rôtkít dưới cái vỏ bọc cách mạng như bài: “Luận điệu "cách mạng môm" nông nổi và vô chính trị của bọn tồ rôtkít” ; “Bọn tồ rôtkít”³; “Để đi tới Mặt trận dân chủ Đông Dương khẩu hiệu trống rỗng của bọn tồ rôtkít”⁴; “Để đi tới Mặt trận dân chủ Đông Dương hãy bắt tay vào việc”⁵; “Bọn Tồ rôtkít nói lung tung và chửi

1, 2, 3, 4, 5. Xem: Báo *Tin tức*, số 8, ngày 28 tháng 5 đến 4-6-1938; số 9, ngày 4 đến 11-6-1938; số 38, ngày 28 tháng 9 đến 1-10-1938; số 10, ngày 11 đến 18-6-1938; số 11, ngày 18 đến 25-6-1938.

sự thực”; “Nhân bài phỏng vấn tởrốtkit ở báo *Quốc gia* của Trương Tửu”¹... Trong những bài này, đồng chí nêu rõ quan điểm của Đảng về việc thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương để đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ và những cải cách cần thiết cho sự tiến hóa của xứ sở, đồng thời vạch rõ việc chỉ bảo vệ quyền lợi của giai cấp vô sản, gạt bỏ quyền lợi của các giai cấp khác theo quan điểm của bọn tởrốtkit trên thực tế là cô lập giai cấp vô sản; hoặc chủ trương của chúng là thành lập mặt trận công nông, không đếm xỉa gì tới quyền lợi của các tầng lớp khác là thái độ biệt phái cô lập của bọn tởrốtkit. Đồng chí kết luận: Như thế tội tởrốtkit đã mang lấy cái trách nhiệm lịch sử trước quần chúng; chia rẽ phong trào quần chúng giữa lúc dân chúng cần phải liên hiệp thành một mặt trận để đòi cơm áo, hòa bình và tự do. Lịch sử đã gíi thanh sắt đỏ vào trán bọn cách mạng mồm tởrốtkit, đã đánh dấu lấy bọn chia rẽ, bọn phá hoại”²... Những bài viết này đã góp phần tập hợp hơn nữa quần chúng đứng quanh Đảng, cô lập bọn tởrốtkit, đồng thời phê phán việc hợp tác vô nguyên tắc của một số đảng viên của Đảng với chúng.

Để cổ động quần chúng ủng hộ chủ trương đưa người của ta ra tranh cử vào Viện dân biểu Bắc Kỳ,

1, 2. Xem: Báo *Tin tức*, số 38, ngày 28 tháng 9 đến 1-10-1938; số 10, ngày 11 đến 18-6-1938.

đồng chí Đặng Xuân Khu dự thảo bản "Chương trình tối thiểu về cuộc tuyển cử của các đoàn thể mặt trận" và cùng một số người với danh nghĩa Nhóm Tin tức vận động Nhóm Ngày nay¹ và chi nhánh Đảng Xã hội Pháp thoả thuận, nhất trí thông qua Chương trình. Bản "Chương trình tối thiểu về cuộc tuyển cử của các đoàn thể mặt trận" được đăng trên báo *Tin tức*, số 12, ngày 25 đến 29-6-1938. Một tuần sau báo *Ngày nay* số 117² và báo *Đờmanh* (Demain) của chi bộ Đảng Xã hội dịch ra tiếng Pháp và đăng lại toàn văn bài viết trên báo *Tin tức*. Chương trình tối thiểu có năm mục: chính trị, pháp luật, tài chính, kinh tế, xã hội. Mỗi mục có nhiều điều cụ thể (tất cả 48 điều). Cuối cùng có Lời dặn: Những người ra ứng cử nếu tán thành chương trình này và nếu được các đoàn thể đã thảo ra nó thừa nhận, thì phải làm giấy cam đoan trung thành với bản Chương trình của mình đã tự do ưng thuận.

Trong tháng 7-1938, Đặng Xuân Khu viết bài "Hồi các bạn cử tri"³ và bài "Tiếng gọi của nhóm Tin tức cùng anh em cử tri Hà Nội" - đăng trên báo *Tin tức*⁴.

1. Nhóm Ngày nay là nhóm ra báo *Ngày nay*, đứng đầu là Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) và Trần Khánh Giư (Khái Hưng).

2. Ngày 3-7-1938.

3, 4. Xem: Báo *Tin tức*, số 14, ngày 2 đến 6-7-1938; số 15, ngày 6 đến 9-7-1938.

Các bài báo này cho biết Mặt trận dân chủ đã thành lập và tuyên bố chương trình ứng cử, tập hợp lại chống phe phản động, bộ đồ, trục lợi, đầu cơ, chỉ rõ thủ đoạn đê tiện của bọn phản động và mong cử tri hãy thận trọng lá phiếu, chọn người thành thực bênh vực quyền lợi của mình, hãy rủ nhau đầu phiếu cho các ứng cử viên của phe Mặt trận dân chủ. Không nên do dự, không nên giữ thái độ trung lập, lãnh đạm đối với việc bầu cử. Ai có quyền bầu cử hãy dùng cái quyền của mình một cách xứng đáng¹. Chúng ta phải có những đại biểu tỉnh táo, cương quyết để trong những giờ phút nghiêm trọng, có đủ năng lực đạo đạt ý nguyện của chúng ta cho Chính phủ và đủ tư cách hướng dẫn cho quốc dân. Những người ứng cử của phe Mặt trận dân chủ chính là những người có đủ năng lực ấy, đủ tư cách ấy. Các bạn bầu cho họ, tức là đòi sung sướng, tự do, công lý và hoà bình. Bài báo kêu gọi cử tri bỏ phiếu cho anh Khuất Duy Tiến - một ứng cử viên có đủ tài năng, đức độ, can đảm làm việc và bênh vực quyền lợi cho chúng ta.

Tin tức đăng đủ danh sách 28 đại biểu, có địa chỉ, nơi ứng cử, là người của Mặt trận dân chủ, có cả đảng viên cộng sản, đảng viên xã hội là người Việt Nam và những nhân sĩ, trí thức.

1. Xem: Báo *Tin tức*, số 14, ngày 2 đến 6-7-1938.

Cùng với xã luận của Đặng Xuân Khu, tờ *Tin tức* đăng tin, thơ ca cổ động cho bầu cử. Trong số 19 (ngày 20 đến 23-7-1938), tờ *Tin tức* đăng bài của Đặng Xuân Khu nhan đề "Những bài học của một cuộc tổng tuyển cử", tổng kết toàn bộ cuộc tranh cử. Tác giả phân tích những yếu điểm và nhược điểm của cuộc đấu tranh để làm bài học kinh nghiệm và dự bị bước đường đấu tranh sắp tới và chỉ rõ thắng lợi của Mặt trận dân chủ trước hết là nhờ có "Chương trình tối thiểu" hợp với quyền lợi của quần chúng; đoàn thể trong Mặt trận được nhân dân tín nhiệm; ý muốn thiết tha đòi cải cách dân chủ đang lan rộng trong nhân dân (đặc biệt, Khuất Duy Tiến chiến thắng vẻ vang, mặc dầu bị bác đơn hai, ba lần, không được ghi tên vào danh sách ứng cử viên). Bài báo cũng phân tích rõ tại sao có những lá phiếu bầu cho phái phản động hoặc có cử tri không đi bầu, và chỉ rõ nhiệm vụ của các thành viên Mặt trận dân chủ phải mở rộng tuyên truyền vận động để tập hợp những người còn thờ ơ với quyền lợi của mình, chưa quan tâm đến cải cách dân chủ... Đồng chí cho rằng cuộc tranh cử đã dạy cho ta hai điều: phải cải cách ngay chế độ đầu phiếu, ban hành các quyền tự do dân chủ, cải thiện sinh hoạt cho nhân dân, nhất là trước sự hăm dọa của chủ nghĩa phát xít; và Mặt trận dân chủ phải được tăng cường đoàn kết rộng rãi, chống chế độ phản động thuộc địa. Tác giả đòi trừng trị những điều phi pháp trong vụ bầu

cử này¹ và đòi phải mở rộng quyền bầu cử và bầu cử phải đi tới phổ thông đầu phiếu².

Sau khi hoàn thành bầu cử dân biểu, đến việc bầu cử Viện trưởng Viện dân biểu. Cuộc đấu tranh giữa Mặt trận dân chủ với thế lực phản động tiếp tục diễn ra gay gắt. Đồng chí Đặng Xuân Khu viết bài: "Hãy gạt phăng bọn buôn dân và bảo hoàng khỏi ghế nghị trưởng kỳ này"³ phân tích sai lầm của thành viên Mặt trận dân chủ, là đảng viên Đảng Xã hội, được giới thiệu ra ứng cử chức Viện trưởng lại rút lui, một số dân biểu khác của Mặt trận dân chủ bị chúng mua phiếu để bỏ cho phe phản động. Bài báo kết luận: Nếu trong đám nghị viên Mặt trận dân chủ có những kẻ phản bội Mặt trận và lừa dối dân chúng, Mặt trận dân chủ cố nhiên không tránh khỏi một cái ảnh hưởng không tốt, nhưng cũng chính vì cái bài học gắt gao ấy mà chúng ta càng phải kiểm điểm và củng cố lại hàng ngũ để vượt qua những bước khó khăn đi đến một mục đích đã định⁴.

1, 2, 3. Xem: Báo *Tin tức*, số 20, ngày 23 đến 27-7-1938; số 21, ngày 27 đến 30-7-1938; số 36, ngày 7 đến 10-9-1938.

4. Tiếp theo các bài báo trên là các bài của đồng chí Trường-Chinh như: "Một khẩu hiệu chính: Phải mở rộng quyền hạn cho dân viện" - *Tin tức*, số 17 (ngày 13 đến 16-7-1938); "Cái ý nghĩa thực của cuộc bầu cử lần thứ nhất ở Hà Nội" - *Tin tức*, số 18 (ngày 16 đến 20-7-1938); "Những bài học của một cuộc tuyển cử" - *Tin tức*, số 19 (ngày 20 đến 23-7-1938); "Nội dung Mặt trận dân

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Đặng Xuân Khu, báo *Tin tức* đã có những đóng góp quan trọng vào cuộc đấu tranh cho thắng lợi của Mặt trận dân chủ, đẩy lùi thế lực phản động thuộc địa, bộn tay sai của phản động thuộc địa Pháp và phát xít, bộn tởtkít, giành quyền tự do, dân chủ và cải thiện đời sống cho đồng đảo quần chúng, nâng cao giác ngộ chính trị và ý thức tổ chức cho các tầng lớp, trước hết là cho quần chúng lao động. Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, báo *Tin tức* còn cho đăng nhiều bài vở về văn học, nghệ thuật, với những xu hướng mới, được bạn đọc rộng rãi hoan nghênh¹.

Chính quyền thực dân lo ngại trước ảnh hưởng của báo *Tin tức*, không có cơ gì chúng cũng ký sắc lệnh thu hồi giấy phép, sau khi báo xuất bản số 43, ngày 15 đến 19-10-1938.

chủ" - *Tin tức*, số 27 (ngày 20 đến 24-8-1938); "Hãy gạt phăng bọn buôn dân và bảo hoàng khỏi ghế nghị trưởng kỳ này" - *Tin tức*, số 32 (ngày 7 đến 10-9-1938); "Rút một bài học kinh nghiệm trong cuộc bầu Viện trưởng Viện dân biểu Bắc Kỳ vừa rồi" - *Tin tức*, số 34 (ngày 14 đến 17-9-1938); "Nhân bài phỏng vấn tởtkít ở báo *Quốc gia* của Trương Tửu". "Bọn tởtkít nói lung tung và chối sự thực" - *Tin tức*, số 39 (ngày 1 đến 5-10-1938).

1. Không kể số đặc biệt ngày 1-5-1938, các số khác đều in ít nhất là 4.000 bản và thường dao động trên dưới 6.000 bản. Theo những thống kê về báo chí, như thế là vượt quá mức trung bình của một tờ báo tiếng Việt xuất bản lúc đó.

Ngày 21-10-1938, lấy danh nghĩa báo *Tin tức*, Đặng Xuân Khu viết hai bức thư gửi đi Pháp nói về tình trạng bóp nghẹt tự do báo chí, tự do đấu tranh cho dân chủ ở Đông Dương nói chung, tờ *Tin tức* nói riêng, để tố cáo trước dư luận Pháp.

Tin tức bị đóng cửa, Xứ uỷ chủ trương mua lại tờ *Đời nay*¹ thêm chữ "Tập mới" thành *Đời nay, tập mới*², ra số 1, ngày 1-12-1938. Như vậy báo cách mạng chỉ vắng bóng mất một tháng rưỡi.

*Đời nay*³ ra khổ nhỏ hơn tờ *Tin tức*. Toàn bộ những người viết báo *Tin tức* chuyển sang viết báo *Đời nay, tập mới*. *Đời nay, tập mới* công bố tính chất: là một tờ báo chính trị, xã hội, văn chương, văn học. Cũng như tờ *Tin tức*, đồng chí Đặng Xuân Khu vừa là người chỉ đạo chung, vừa viết bài về quan điểm và đường lối chính trị,

1. Tờ này của Nguyễn Thiện Tứ, ở 26 phố Hàng Thiếc, được phép xuất bản từ ngày 26-12-1937.

2. Ở số 1 có thông báo: Ban trị sự *Đời nay* tuyên bố: Tờ *Đời nay* lần này xuất bản với một thể tài mới, một toà soạn mới, một Ban trị sự mới. Ban trị sự *Đời nay* bây giờ không dính dấp gì với Ban trị sự *Đời nay* trước kia nữa. Nên chúng tôi tuyên bố để bạn đọc rõ: Chúng tôi không chịu trách nhiệm về tiền bạc, về tinh thần của tờ báo *Đời nay* cũ.

3. Từ đây, viết "Đời nay" là chỉ "Đời nay, tập mới", không phải "Tập cũ".

bình luận chính trị của tờ *Đời nay* nhưng không ký một bút danh nào¹.

Tình hình đấu tranh chính trị đã trở nên gay gắt và ngày càng căng thẳng. Báo *Đời nay* ra đời không thuận lợi như *Tin tức*. Bước vào cuộc tranh đấu, với tính chất số một là "chính trị", *Đời nay* đấu tranh quyết liệt cho các phong trào dân chủ, chống phản động thuộc địa và chủ nghĩa phát xít, chống các loại tay sai của chúng. Những bài viết về "xã hội, văn chương, văn học" cũng mang màu sắc chính trị rõ rệt. Ngoài những vấn đề chính trị có tính thời sự trong nước và quốc tế, *Đời nay* chú ý đến dư luận, như dịch đăng cuốn sách kinh tế học mácxít *Giá trị và giá trị thặng dư* của B. Gaby, bắt đầu từ số 1 và in trên nhiều số. Vì vậy, chính quyền thực dân đối phó trắng trợn, quyết liệt, khủng bố người bán báo và đọc báo, ra lệnh cấm ở Trung Kỳ...

Ngày 26-8-1939, ít ngày trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Chính phủ Pháp ban hành sắc lệnh quy định một số điều cấm, trong đó có trở lại chế độ kiểm duyệt báo chí. *Đời nay* cũng bị kiểm duyệt bài

1. Đồng chí Trường-Chinh kể lại: "Vào dịp mùng 5 tháng Giêng (Âm lịch) anh em giao cho tôi viết một bài kỷ niệm Đồng Đa, in đầy cả một trang báo. Bọn chúng để ta in xong rồi mới cho mật thám đến tịch thu". *Bài nói chuyện của đồng chí Trường-Chinh nhân dịp đến thăm tạp chí Học tập*, ngày 29-12-1959.

vở trước khi in. Ngày 22 đến 29-9-1939, *Đời nay* ra số 38, số cuối cùng, rồi tự động đóng cửa. Cán bộ của báo chuyển vào hoạt động bí mật¹.

Trong năm 1939, đồng chí Đặng Xuân Khu còn thay mặt Xứ ủy Bắc Kỳ đảm trách nhiệm vụ chỉ đạo chính trị cho một số tờ báo khác của Đảng như: *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta) xuất bản bằng tiếng Pháp²; *Ngày mới* và *Người mới* (xuất bản bằng tiếng Việt).

Tờ *Notre Voix* đã phát hành và đăng tải được nhiều bài có nội dung chính trị tỏ rõ khuynh hướng cộng sản, phổ biến rộng rãi quan điểm, chủ trương của Đảng ta. *Notre Voix* không chỉ phát hành trong nước mà còn được đưa ra nước ngoài. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc này đang ở Quế Lâm (Trung Quốc) cũng thường xuyên nhận và đọc *Notre Voix*³. Với bút danh P.C.Lin, Người đã gửi

1. Ngày 13-10-1939, Toàn quyền Đông Dương - Saten ký quyết định cấm báo *Đời nay*.

2. Do có luật báo xuất bản bằng tiếng Pháp không cần phải xin phép.

3. Trong Báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản cuối tháng 7-1939, Người đã viết về *Notre Voix*: “cương lĩnh của *Notre Voix* và cũng là cương lĩnh chung của các tờ báo cộng sản Đông Dương”. “*Notre Voix* sẽ là tiếng nói của những người mong muốn hòa bình, muốn được tự do và hạnh phúc hơn, của những người quyết tâm đấu tranh cho một cuộc sống tốt đẹp hơn, đấu tranh chống lại các lực lượng bảo thủ và áp bức xã hội, chống lại những kẻ gây chiến, chủ nghĩa phát xít trong nước và trên quốc tế”.

chín bài viết về địa chỉ công khai của tòa soạn ở Hà Nội, các bài viết này đã được đồng chí Đặng Xuân Khu trực tiếp nhận và cho đăng tải toàn bộ trên các số báo của *Notre Voix*¹. Việc đăng tải kịp thời các bức thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giúp cho Đảng ta nắm được những điểm chính trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản, kinh nghiệm kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc và những chỉ dẫn của Người về chống chủ nghĩa biệt phái, mở rộng mặt trận dân chủ chống phát xít, kiểm soát chặt chẽ báo chí công khai của Đảng và không có thoả hiệp nào, nhượng bộ nào với bọn tồ rố kít...

Trên tờ *Notre Voix*, số 16, ngày 30-4-1939, bài viết “Diễn văn của Đặng Xuân Khu trong tiệc trà tiễn Capuy”² đã gây tiếng vang trong dư luận trong nước và quốc tế. Tác giả viết, cuộc tiễn biệt này là dịp để khẳng

"Nói một cách chính xác hơn, *Notre Voix* sẽ hoạt động để mở rộng và củng cố mặt trận những lực lượng tiến bộ, mặt trận dân chủ Pháp - Đông Dương, để tăng cường tình đoàn kết của nhân dân Đông Dương với các chiến sĩ anh hùng Trung Quốc, Tây Ban Nha và nói chung, với toàn thể nhân dân thế giới". Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.154-155.

1. Xem: *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.3.

2. Capuy: Bí thư chi bộ Đảng Xã hội Bắc Đông Dương, có trụ sở ở Hà Nội. Nhân việc ông ta quay về Pháp, đồng chí Đặng Xuân Khu đã đọc bài diễn văn nổi tiếng này.

định những yêu sách, nguyện vọng đấu tranh, đoàn kết tất cả chúng ta và tin tưởng rằng khi về Pháp, Capuy sẽ bảo vệ những điều đó trước công luận và chính giới Pháp, nhất là những người trong phái “tả”, làm sáng tỏ tình hình thực tế ở Đông Dương đã bị người ta che giấu, xuyên tạc bấy lâu nay, để bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân Đông Dương và tiến hành những cải cách cần thiết.

Tác giả cũng chỉ rõ sự thay đổi chính sách đối với Đông Dương theo hướng phản động của chính quyền Pari đã cản trở sự phát triển của Đông Dương và phê phán Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Mutê, kêu gọi những người cộng sản, xã hội, những phần tử tiến bộ, các tầng lớp hầy đoàn kết, xiết chặt hàng ngũ trong Mặt trận dân chủ, tiếp tục đấu tranh chống sự đe dọa của chủ nghĩa phát xít. Tác giả cho rằng sự hiểu biết lẫn nhau giữa những người cộng sản Việt Nam và các bạn thuộc Đảng Xã hội sẽ tạo ra những tiến bộ trong cuộc đấu tranh chung.

Bài báo đã làm cho những người có quan điểm dân chủ, tiến bộ trong chính giới và nhân dân tiến bộ Pháp lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ nhân dân Đông Dương, đòi cải cách chính sách cai trị của Pháp ở Đông Dương.

Có thể khẳng định, trong thời kỳ Đảng ta lãnh đạo cuộc vận động dân chủ chống phản động thuộc địa và tay sai, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do,

cơm áo, hoà bình, với vai trò của một vị lãnh đạo báo chí công khai, một cây bút chính luận sắc sảo, đầy tính chiến đấu trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, vạch mặt bọn thống trị tàn bạo, đấu tranh không khoan nhượng chống bọn tòrottít giả danh cách mạng, hướng dẫn nhân dân đòi quyền dân sinh dân chủ, đồng chí Đặng Xuân Khu đã góp phần vào việc nâng cao ý thức dân tộc và ý thức giai cấp cho nhân dân, chuẩn bị về mặt tư tưởng cho phong trào cách mạng tiến lên một bước phát triển mới.

2.4. Viết sách *Vấn đề dân cày* và chủ trương lập Hội truyền bá Quốc ngữ

Nắm vững nhiệm vụ tuyên truyền tập hợp quần chúng cách mạng tiến hành cuộc đấu tranh trong khuôn khổ của Mặt trận dân chủ theo chủ trương của Đảng, cùng với việc lãnh đạo báo chí và xây dựng các tổ chức công khai nhằm tập hợp quần chúng ở Hà Nội, đồng chí Đặng Xuân Khu còn trực tiếp chỉ đạo biên tập và duyệt nội dung *Tập sách dân chúng*¹, phục vụ một cách hiệu quả cho các nhiệm vụ trên.

Tập sách dân chúng bao gồm những cuốn sách quan

1. *Tập sách dân chúng* là một loại sách có khi có, có khi không có nhà xuất bản, có hoặc không có địa chỉ in và phát hành ở Hà Nội, ra đời năm 1937.

trọng và có giá trị¹ của Đảng ta trong thời kỳ này công khai nói về các vấn đề chính trị trong nước, sinh hoạt của Đảng Cộng sản Đông Dương, Trung Quốc chống Nhật, tình hình Liên Xô hiện tại, chính sách xâm lược của phát xít Nhật, những vấn đề chính trị quốc tế. Cùng với những vấn đề chính trị, *Tập sách dân chúng* cũng đăng tải các bài về văn học, phóng sự, dịch thuật đem lại những nét mới cho báo chí nước ta trong thời kỳ này². *Tập sách dân chúng* là một hình thức tuyên truyền sáng tạo của Đảng ta và đem lại nhiều giá trị thực tiễn.

Trong cuộc vận động Đại hội Đông Dương mùa Thu 1936, nông dân các nơi hội họp, thảo luận, viết bản Dân nguyện gửi lên Ủy ban trừ bị. Các bản Dân nguyện này có ghi rõ ngày, tháng, tên và địa chỉ người bị nạn, tố cáo những quan lại có hành động áp bức, bóc lột, chiếm ruộng đất, ăn hối lộ của nông dân... Sau khi chính quyền thực dân ra lệnh cấm cuộc vận động, chúng tịch thu để huỷ đi một số bản Dân nguyện, nhưng vẫn còn nhiều bản

1. Ở Bắc Kỳ, việc viết và cho xuất bản các cuốn sách ở nơi này nơi khác của cán bộ, đảng viên ở Hà Nội đều được đồng chí Đặng Xuân Khu chỉ đạo về nội dung lý luận, tư tưởng và chính trị.

2. Tất cả có 15 cuốn sách của các tác giả: Cựu Kim Sơn (Trần Đức Sắc), Qua Ninh (Đặng Xuân Khu), Văn Đình (Võ Nguyên Giáp), Tô Dân (Khuất Duy Tiến), Đào Duy Kỳ, Nguyễn Thường Khanh, Trí Cường (Nguyễn Văn Cừ).

được cất giấu. Đồng chí Đặng Xuân Khu và Võ Nguyên Giáp khai thác nguồn tư liệu này, cùng với những thư, tin, bài gửi đến toà soạn các tờ báo cách mạng và những sự việc các đồng chí trực tiếp quan sát trong công tác, đã viết nên tác phẩm *Vấn đề dân cày* tập 1 và 2 dưới bút danh Qua Ninh (Đặng Xuân Khu) và Vân Đình (Võ Nguyên Giáp), cũng in trong *Tập sách dân chúng* năm 1937¹. Tập 1 được viết xong tháng 7-1937.

Phân tích tình hình của nông dân Việt Nam, các tác giả đã xác định tính chất giai cấp, phân chia các hạng dân cày ở nước ta và đánh giá thái độ chính trị không ổn định của họ. Các tác giả chỉ ra những nhược điểm như đầu óc tư hữu, mê tín, chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, không thấy được giai cấp bóc lột mình, không hiểu được lực lượng của mình. Tuy nhiên, các tác giả cũng khẳng định, do bị áp bức và bóc lột nặng nề, nếu được giác ngộ, được tổ chức và lãnh đạo thì dân cày sẽ có sức mạnh to lớn, sẵn sàng làm cách mạng.

Vấn đề dân cày là một tác phẩm phản ánh sâu sắc về xã hội Việt Nam, nhất là nông dân và nông thôn Việt Nam với những sự kiện sống động và điển hình về đời sống khốn khổ của nông dân, nhưng đồng thời cũng cho thấy khả năng và sức mạnh to lớn của nông dân

1. Trường-Chinh và Võ Nguyên Giáp: *Vấn đề dân cày*, Nxb. Sự thật, 1960, tái bản.

khi họ được Đảng Cộng sản giác ngộ, tổ chức và lãnh đạo. Cuốn sách *Vấn đề dân cày* đã tạo ra bức tranh hoàn chỉnh gồm các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở nông thôn, làm nổi bật tính tất yếu của cuộc cách mạng ruộng đất và cách mạng văn hóa trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. *Vấn đề dân cày* ra đời đem lại cái nhìn mới và cách trình bày quan điểm mới của những người cộng sản, góp phần thức tỉnh, phát động nông dân tham gia cao trào đấu tranh cho dân chủ, cơm áo, hoà bình, xây dựng lòng tin của họ vào những người cộng sản. Ảnh hưởng của cuốn sách rất sâu rộng, có ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục và tổ chức nông dân. Chính quyền thực dân lo ngại *Vấn đề dân cày* đi sâu vào nông thôn nên đã ra lệnh tịch thu và cấm lưu hành.

Đặng Xuân Khu, với bút danh Qua Ninh, cùng với Khuất Duy Tiến, với bút danh Tô Dân còn viết cuốn sách Một dự án cải cách thuế thân¹ in trong *Tập sách dân chúng*. Sách có phần mở đầu với tiêu đề: "Phải sửa đổi thuế thân theo tinh thần dân chủ", coi vấn đề cải cách thuế thân là một yêu cầu bức thiết khách quan, và đề nghị một cải cách: Có thể bắc cầu để đi tới chỗ thủ

1. Cuốn sách được các tác giả viết xong vào tháng 8-1938, dự định xuất bản dưới hình thức Phụ trương báo *Tin tức*. Xem: Báo *Tin tức*, số 32, ngày 7-10-1938.

tiêu chế độ thuế thân, lập ra thuế lũy tiến về lợi tức, một thứ thuế công bằng duy nhất.

Cuốn sách có hai phần: "Phân phê bình" phân tích và phê phán chế độ thuế thân hiện thời và luận giải việc phải sửa đổi loại thuế này "theo tinh thần dân chủ". Trong "Phân đề nghị", các tác giả đã yêu cầu phải tiến tới việc đặt một chế độ thuế thân công bằng cho tất cả mọi người và phải thi hành theo nguyên tắc tỷ lệ và lũy tiến; bắt các công ty nặc danh phải chịu một thứ thuế thẳng thu; bắt các công ty kinh doanh đay mà hội sở ở bên Pháp phải đóng thuế cho xứ ta; tính ra lợi tức và đặt ra những ngạch thuế thống nhất; phải đánh vào những bọn sống dựa vào lợi tức của tiền gửi nhà băng, giảm thuế cho gia đình đông con; nghiêm trị sự gian lận và phụ thu lạm bổ... Có theo đúng tinh thần những nguyên tắc ấy thì sự cải cách thuế thân mới có tính chất tiến bộ, lợi cho quảng đại quần chúng được.

Dự án đề nghị cải cách thuế thân do hai tác giả viết thể hiện rõ quan điểm cách mạng và sách lược đấu tranh cho dân chủ và củng cố Mặt trận dân chủ thống nhất chống phát xít. Dự án được dự kiến đưa ra vào mùa thuế năm 1938 theo Nghị định 1937. Đầu năm 1939, tình hình chính trị căng thẳng, dự án không có điều kiện đưa ra quần chúng thảo luận để trở thành yêu sách đòi nhà cầm quyền thực hiện. Tuy nhiên, sự xuất hiện của nó đã bóc trần chính sách bóc lột phi lý và tàn

bạo của chủ nghĩa đế quốc, làm cho nhân dân nhận rõ bạn và thù, củng cố lòng tin của họ vào sứ mệnh của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Phong trào cách mạng của nhân dân ta trong thời kỳ Mặt trận dân chủ phát triển sôi nổi, đòi hỏi báo chí, truyền đơn của cách mạng cần xuất bản và phát hành rộng khắp. Nhưng để cho nhân dân trực tiếp hiểu được những vấn đề của cách mạng, đòi hỏi phải biết đọc, biết viết. Do vậy, việc học chữ Quốc ngữ trở thành một yêu cầu của quần chúng lao động, đồng thời là trách nhiệm của những người cộng sản.

Mùa Thu 1937, ở Hà Nội xuất hiện cuốn sách xuất bản bằng tiếng Pháp có tên *Chúng ta đấu tranh chống nạn mù chữ* của tác giả Quản Xuân Nam, một thanh niên trí thức tiến bộ làm thư ký ở Tòa Đốc lý Hà Nội, trình bày sự cần thiết phải chống nạn mù chữ, đề xuất việc thành lập Hội chống nạn mù chữ và đề ra chương trình hoạt động. Sau đó, Quản Xuân Nam và một số người khác lại viết một số bài báo làm sâu sắc thêm nhiệm vụ và phương pháp chống nạn mù chữ ở nước ta.

Cuốn sách và những bài báo này đã gợi ý cho đồng chí Đặng Xuân Khu - người phụ trách công tác tuyên truyền của Đảng - nhận thấy đây là một cuộc vận động văn hoá mang tính chất chính trị và nó sẽ có tác dụng lôi cuốn đông đảo thanh niên, học sinh, trí thức tham gia. Đồng chí đã đề nghị với Xứ uỷ Bắc Kỳ về

việc thành lập Hội truyền bá Quốc ngữ và được Xứ ủy chấp nhận.

Đầu năm 1938, để bảo đảm tính hợp pháp và có hiệu quả, đồng chí Đặng Xuân Khu đã trực tiếp trao đổi ý kiến với các nhà trí thức như Phan Thanh, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp nhằm thống nhất chủ trương và đã đi tới việc nhất trí để giáo sư Phan Thanh mời ông Nguyễn Văn Tố, một học giả có uy tín, không đảng phái, đứng ra tổ chức Hội nhằm tập hợp các nhân sĩ, trí thức có quan điểm chính trị, xã hội khác nhau nhưng đều thống nhất về hoạt động truyền bá Quốc ngữ.

Chủ trương thành lập Hội truyền bá Quốc ngữ của Đảng ta đã được giới trí thức cả nước hoan nghênh nhiệt liệt. Các nhà giáo Lê Thuộc, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Văn Huyền, Bùi Kỷ, nhà sử học Trần Trọng Kim, nhà báo Tôn Thất Bình, bác sĩ Phạm Hữu Chương, các nghị viên Nguyễn Văn Lộ, Lê Thăng, tham biện Quản Xuân Nam, nhà nghiên cứu Trần Văn Giáp, đều tích cực tham gia các hoạt động của Hội.

Đầu tháng 3-1938, cuộc họp đầu tiên của Hội đồng trị sự lâm thời của Hội truyền bá Quốc ngữ đã được tổ chức dưới sự chủ trì của cụ Nguyễn Văn Tố. Hội đồng đã bàn về tổ chức và hoạt động của Hội và thống nhất việc cử cụ Nguyễn Văn Tố đi gặp Thống sứ Bắc Kỳ - Saten để trình bày dự kiến và thăm dò thái độ. Với bản danh sách những người đứng ra vận động lập Hội không có

nghi vấn hoạt động chính trị, Thống sứ Saten đã chấp nhận đề nghị của Hội, nhưng yêu cầu Hội phải có bản Điều lệ đưa cho ông ta xem trước.

Đây là một thắng lợi bước đầu rất thuận lợi. Đồng chí Đặng Xuân Khu, thay mặt Xứ uỷ, trực tiếp chỉ đạo và tham gia ý kiến vào việc soạn thảo Điều lệ¹.

Ngày 19-5-1938, Điều lệ được dự thảo xong và trình lên phủ Thống sứ.

Ngày 29-7-1938, Thống sứ Saten ra quyết định cho phép thành lập Hội, phê chuẩn Điều lệ. Một tổ chức chính trị hợp pháp chịu sự lãnh đạo của Đảng đã ra đời.

Ngày 28-5-1938, Hội truyền bá Quốc ngữ tổ chức cuộc họp ra mắt để tuyên truyền cho Hội, có mời cả những quan chức cao cấp người Pháp và quan lại người Việt cùng dự.

Hội truyền bá Quốc ngữ với những hoạt động công khai, sôi nổi, đã phát huy tác dụng to lớn trên tất cả các mặt văn hóa, chính trị và tập hợp quần chúng. Ngoài việc chống nạn mù chữ, tổ chức của Hội còn nhằm tập hợp lực lượng quần chúng to lớn dưới sự lãnh đạo của Đảng. Xứ uỷ lãnh đạo trên cơ sở xây dựng Điều

1. Điều lệ gồm 33 điều, nêu tên hội, mục đích và tác dụng của việc truyền bá chữ Quốc ngữ cho người Việt Nam biết đọc và viết đúng tiếng của mình, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hoá tinh thần.

lệ của Hội, không có tổ chức đảng đoàn trong Hội. Hội đồng quản trị với nhiều thành phần và quan điểm khác nhau, phản ánh tính chất mặt trận trên lĩnh vực văn hoá, đã cộng tác với nhau làm cho ảnh hưởng của Hội có uy tín ngày càng rộng lớn, có tiếng vang trong cả nước. Xuất phát từ Hà Nội, Hội truyền bá Quốc ngữ mở rộng địa bàn hoạt động ra các tỉnh ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, sang cả với Việt kiều ở Lào và Campuchia, được đội ngũ trí thức và nhân dân lao động nhiệt liệt ủng hộ.

Tại Hội nghị Xứ uỷ Bắc Kỳ, họp tháng 9-1938, đồng chí Đặng Xuân Khu đã báo cáo kết quả quá trình vận động và tổ chức Hội truyền bá Quốc ngữ. Hội nghị đánh giá cao sáng kiến này và khẳng định tiếp tục giao thiệp với các nhà trí thức, đề nghị lập ra các chi nhánh của Hội truyền bá Quốc ngữ, đồng thời xác định phương châm nên dựa vào Điều lệ của Hội đã được chuẩn y mà hoạt động, đừng làm gì để nhà cầm quyền có thể can thiệp làm khó khăn cho Hội.

Bằng nhiều hình thức hoạt động sáng tạo, Hội cử người đi quyên tiền, cổ động hội viên, mượn các đình chùa, trường học... để tổ chức các lớp dạy học, các buổi diễn thuyết do phái viên của Trung ương Hội ở Hà Nội đến giảng dạy, hay yêu cầu các nhà giáo, các thanh niên, trí thức trong địa phương giúp sức. Nhiều thanh niên, học sinh, trí thức đã trưởng thành qua

các hoạt động của Hội và được giác ngộ cách mạng¹.

Tổ chức và hoạt động của Hội truyền bá Quốc ngữ được Trung ương Đảng công nhận là một sáng kiến lớn, trong thời kỳ chiến tranh, Hội là một trong những tấm bình phong cho các tổ chức bí mật. Rõ ràng, một chủ trương, đường lối đúng, sẽ dễ dàng được quần chúng đón nhận và tạo nên những chuyển biến lớn lao cho toàn xã hội. Đây là bài học kinh nghiệm quý báu được rút ra trong quá trình lãnh đạo hoạt động thực tiễn cách mạng của Đảng ta.

Theo chủ trương của Xứ uỷ Bắc Kỳ mà đồng chí Đặng Xuân Khu là người khởi xướng và chỉ đạo trực tiếp, Hội truyền bá Quốc ngữ ra đời và hoạt động lâu dài kể từ năm 1938 là một sự kiện lịch sử nổi bật trên lĩnh vực văn hoá ở nước ta dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp.

2.5. Quyền Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương

Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Quân Nhật cũng mở

1. Về sau, những thanh niên này đã tham gia Đoàn Thanh niên dân chủ, Thanh niên phản đế, Thanh niên cứu quốc và các đoàn thể yêu nước khác trong Việt Minh và đã đảm đương những nhiệm vụ quan trọng trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể khác.

rộng chiếm đóng Trung Quốc và tiến xuống Đông Nam Á. Chiến tranh thế giới thứ hai ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp tới nước ta. Chính phủ phản động Pháp thực hiện chính sách đàn áp những người cộng sản và tiến bộ ở trong nước và các thuộc địa.

Ở Đông Dương, chính quyền thực dân điên cuồng tấn công Đảng Cộng sản Đông Dương và các đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo. Những quyền tự do, dân chủ giành được trong thời kỳ 1936-1939 bị thủ tiêu.

Hơn 20 ngày sau khi chiến tranh nổ ra, Đảng đã có “Thông cáo cho các đồng chí các cấp bộ” vạch ra một số phương hướng và biện pháp cần kíp trước mắt nhằm chuyển hướng các mặt hoạt động của Đảng phù hợp với “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”¹.

Trước những chuyển biến mới và nhanh chóng của tình hình trong nước và thế giới, trong các ngày 6, 7 và 8-11-1939, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, do đồng chí Nguyễn Văn Cừ chủ trì, đã họp tại Bà Điểm, Gia Định². Hội nghị nhận định chế độ cai trị ở Đông Dương đã trở thành chế độ phát xít quân phiệt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.756.

2. Tham gia hội nghị còn có các đồng Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần,...

tàn bạo và chỉ rõ Đảng ta phải chuyển từ lãnh đạo đấu tranh cho dân chủ, dân sinh sang lãnh đạo trực tiếp đánh đổ đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp, xây dựng Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, tổ chức xây dựng các đoàn thể bí mật, hướng các cuộc đấu tranh vào đế quốc tay sai, “dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc”.

Mặc dù đã dự đoán sớm, khá chính xác về cuộc chiến tranh này nên đã có một số chủ trương, biện pháp chuẩn bị chủ động đề phòng khi chiến tranh xảy ra như Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11-1939, “Nhưng cũng phải nhận rằng vì chính sách khủng bố gia tăng của đế quốc Pháp, vì sự chuyển hướng sang công tác hoàn toàn bí mật của Đảng sau cuộc đàn áp tháng 9-1939, không được mau lẹ và khôn khéo, nên có nhiều chi bộ xí nghiệp của Đảng ở Ba Son, Đépô (Depot), Xe lửa Sài Gòn, Máy sợi Nam Định, Máy tơ Nam Định, Xi măng (ciment) Hải Phòng, các mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả, xe lửa Vinh, v.v. bị phá”¹.

Bám sát thực tế và thực hiện chủ trương của Đảng, đồng chí Đặng Xuân Khu chỉ thị cho bộ phận công khai

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.59.

chủ động chuyển vào bí mật, phân tán lực lượng, tài liệu, một bộ phận cán bộ, đảng viên bị lộ chuyển về cơ sở nông thôn, nên đã bảo vệ được cán bộ, tránh những cuộc khủng bố lớn của địch ngay khi chiến tranh thế giới vừa bắt đầu.

Sau một thời gian chuyển vào hoạt động bí mật ở các vùng phụ cận Hà Nội và về quê¹, giữa năm 1940, đồng chí Đặng Xuân Khu bắt liên lạc được với Xứ ủy. Sau đó, đồng chí hoạt động chủ yếu ở các vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên, Đông Anh... vừa chỉ đạo, vừa xây dựng cơ sở của các ATK (an toàn khu), vừa ổn định hệ thống tổ chức và cơ sở cho các cơ quan tuyên

1. Phát hiện đồng chí Đặng Xuân Khu về quê, thực dân Pháp và tay sai đã đưa lính đến săn lùng ở Hành Thiện. Lúc đó đồng chí đang ở nhà mẹ vợ. Nhờ bố mẹ và người nhà báo cho biết, đồng chí đi dò qua sông sang huyện Vũ Tiên (Thái Bình) về thôn Tả Hành và được sự giúp đỡ chu đáo của bà Lương Thị Chấn cùng một số gia đình ở đây. Sau đó, ông Đặng Xuân Đĩnh (em trai đồng chí Đặng Xuân Khu) về tìm và chấp nối liên lạc với Xứ uỷ Bắc Kỳ. Xứ uỷ cử đồng chí Trương Thị Mỹ về đón đồng chí Đặng Xuân Khu và đưa lên Bắc Ninh. Ông Đĩnh được Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng Ba. Trong thời gian từ 1940-1945, cùng với ông Đĩnh, ông Đặng Chu Thạch (em rể đồng chí Đặng Xuân Khu) cũng thường xuyên giúp đỡ đồng chí Đặng Xuân Khu và là người bố trí chỗ đi về cho đồng chí ở vùng Đáp Cầu, Bắc Ninh. Ông Thạch được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến.

truyền của Đảng¹. Thời gian này, đồng chí cho tiếp tục xuất bản báo *Giải phóng*², cơ quan ngôn luận của Xứ ủy và trực tiếp làm chủ bút của báo³.

Tình hình trong nước và quốc tế ngày càng có những biến chuyển hết sức hệ trọng liên quan tới vận mệnh của cách mạng nước ta.

Lợi dụng lúc Pháp thua Đức, ngày 22-9-1940, phát xít Nhật tiến vào Lạng Sơn và đổ bộ xuống Hải Phòng.

Ngày 23-9-1940, tại Hà Nội, Pháp ký Hiệp định đầu hàng Nhật.

Khi quân Nhật tiến vào Lạng Sơn, quân Pháp rút chạy qua đường Bắc Sơn về Thái Nguyên, chính quyền địch ở đây tan rã. Đêm 27-9-1940, dưới sự lãnh đạo của

1 Năm 1940, đồng chí Đặng Xuân Khu có thêm con gái là Đặng Việt Nga. Từ năm 1952 được đi học ở Trung Quốc và Liên Xô, trở thành tiến sĩ kiến trúc năm 1963.

2. Cuối năm 1939, đồng chí Hoàng Văn Thụ - Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ chủ trương xuất bản báo *Giải phóng*, đặt trụ sở ở Đại Mỗ - Hà Đông (Hà Tây) cùng với cơ quan của Xứ ủy. Lúc đầu, đồng chí Hoàng Văn Thụ trực tiếp làm chủ bút và cũng là cây viết chính của báo. Ra được mấy số, báo *Giải phóng* bị phát hiện, nhiều cán bộ bị địch bắt. Khi đồng chí Đặng Xuân Khu phụ trách báo, do địch đánh phá liên tục, trụ sở phải di chuyển nhiều nơi, báo *Giải phóng* tái xuất bản được bốn số, đến ngày 25-3-1941, báo đổi tên thành *Giải phóng tập mới* - cơ quan tuyên truyền của Đảng Cộng sản Đông Dương.

3. Cho tới Hội nghị Trung ương mở rộng tháng 11-1940.

dảng bộ địa phương, nhân dân Bắc Sơn nổi dậy chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ và các vùng trong châu. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn giành được thắng lợi mau chóng nhưng sau đó lại bị đàn áp. Khởi nghĩa Bắc Sơn diễn ra một tháng và chỉ ở một huyện nhưng có ý nghĩa lịch sử to lớn: đó là tín hiệu mở đầu cho cao trào giải phóng các dân tộc Đông Dương, mở đầu thời kỳ cách mạng nước ta kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đánh đổ chính quyền đế quốc và phong kiến giành độc lập, tự do.

Cách mạng nước ta đứng trước những thử thách và yêu cầu mới.

Nhưng vào đầu năm 1940, một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt như Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Lê Hồng Phong, Võ Văn Tần... và hầu hết các uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đều bị địch bắt¹, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chưa lập lại được.

Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình quốc tế sau khi Pháp đầu hàng Đức quốc xã và tình hình sục sôi của phong trào cách mạng trong nước khi phát xít Nhật vào Đông Dương, đặc biệt là Ban lãnh đạo Đảng chưa lập lại được, các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hà Bá

1. Các đồng chí Nguyễn Văn Cừ bị bắt ngày 17-1-1940; Lê Hồng Phong bị bắt tháng 2-1940; Hà Huy Tập bị bắt ngày 30-3-1940.

Cang, Đặng Xuân Khu đã trao đổi, bàn bạc, thống nhất... về việc tổ chức lại Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Do đòi hỏi của tình hình và trước việc hầu hết các đồng chí uỷ viên Trung ương Đảng đã bị địch bắt, một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời đã được thành lập. Ban Chấp hành Trung ương lâm thời cử các đồng chí Đặng Xuân Khu, Hoàng Văn Thụ và Hạ Bá Cang vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Đặng Xuân Khu được chỉ định làm Quyền Tổng Bí thư của Đảng, thay Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã bị địch bắt ngày 17-1-1940.

Từ ngày 6 đến 9-11-1940, Hội nghị Trung ương lần thứ bảy của Đảng họp tại làng Đình Bảng (Bắc Ninh)¹. Dự họp có các đồng chí Phan Đăng Lưu, Đặng Xuân Khu, Hoàng Văn Thụ, Hạ Bá Cang, Trần Đăng Ninh...

Hội nghị phân tích kỹ lưỡng tình hình trong nước và quốc tế và cho rằng “chúng ta chưa đứng trước một tình thế trực tiếp cách mạng. Song những biến cố xảy ra sẽ đẩy nhân dân Đông Dương đến một tình thế phải tranh đấu quyết liệt để sống” và khẳng định “Một cao trào

1. Lúc đầu họp ở nhà ông Nguyễn Tiến Tuận (tức Đám Thi), làng Đình Bảng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Sau đó, do bị lộ, hội nghị lại chuyển về họp tại làng Tam Sơn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Tam Sơn, xã Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập”¹.

Hội nghị kiểm điểm sâu sắc và toàn diện tình hình số lượng, chất lượng, công tác tổ chức của Đảng, các hội quần chúng và tình hình của Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế và cho rằng sở dĩ có tình trạng ở một số nơi chưa thành lập được hệ thống Mặt trận là do “ở các nơi ấy không nhận thấy rằng sự liên minh của công nông là xương sống của Mặt trận. Muốn cho cái xương sống ấy được vững chắc, công hội, nông hội cần phải mở rộng. Cùng với Đảng, những tổ chức ấy phải làm cơ sở cho mặt trận dân tộc thống nhất phản đế”².

Hội nghị khẳng định sự đúng đắn trong những chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939 và xác định “Tình thế hiện tại không thay đổi gì tính chất cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương”³ và cho rằng “Quyền lãnh đạo cách mạng của vô sản giai cấp Đông Dương đã thành sự thực” nhưng để cho quyền đó vững chắc “luôn luôn phải củng cố nó, luôn luôn bồi dưỡng cho nó” và muốn vậy phải “Kéo cho được dân cày vào phe mình”; “Hết sức củng cố và mở rộng

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.58, 62, 68.

Đảng và các hội quần chúng”; “Mở rộng phong trào công nhân tranh đấu và trong những cuộc tranh đấu ấy, phải gắn những khẩu hiệu chung của dân tộc với những khẩu hiệu thiết thực về kinh tế của công nhân”¹.

Hội nghị đã bàn thảo và ra một phần nghị quyết riêng về vấn đề Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế và cho rằng “Chiến thuật của Đảng ta trong lúc này là tập trung hết thảy những lực lượng phản đế, phản phong ở Đông Dương, *dùng hết thảy những lực lượng ấy, dù nhỏ, dù yếu, liên hiệp các lực lượng ấy thành một Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế, ráng sức đập thẳng vào kẻ thù chính và các hạng tay sai của chúng*”². Do vậy, Hội nghị đã tập trung giải quyết về khái niệm và tổ chức Mặt trận phản đế; vấn đề Đảng lãnh đạo Mặt trận phản đế như thế nào và chỉ rõ rằng: “Mỗi đoàn thể phản đế đều có Đảng đoàn của Đảng ở trong đó” và “Những ý kiến của Đảng được thực hiện trong Mặt trận bằng hai cách công tác:

a) Bằng cách vận động của các đảng viên ở trong mỗi đoàn thể phản đế (công tác ở hạ tầng);

b) Bằng cách đề nghị của Đảng đoàn trong các ủy ban của hội và của Mặt trận”³.

Hội nghị cũng đề ra Chương trình của Mặt trận,

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.74, 77, 78.

chỉ rõ phương pháp tuyên truyền cổ động, cách thức tranh đấu mở rộng và liên hiệp của mặt trận nước ta với mặt trận kháng Nhật ở Trung Quốc. Vấn đề Mặt trận dân tộc thống nhất ở nước ta qua Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy được đặt ra hết sức nghiêm túc và có sự phát triển mới cả về lý luận và tổ chức thực tiễn.

Trước sự vận động sục sôi của phong trào cách mạng, trước những diễn biến vừa qua của khởi nghĩa Bắc Sơn và tình hình ở Nam Kỳ, hội nghị đã quyết định hai vấn đề cấp bách:

Một là, duy trì đội du kích Bắc Sơn, thành lập những đội du kích khi cần thiết thì chiến đấu chống khủng bố, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập căn cứ địa du kích, lấy Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm.

Hai là, chỉ thị cho Xứ uỷ Nam Kỳ hoãn ngay cuộc khởi nghĩa vì chưa đủ điều kiện đảm bảo cho khởi nghĩa thắng lợi¹.

1. Hội nghị đã giao nhiệm vụ cho đồng chí Phan Đăng Lưu truyền đạt chỉ thị của Trung ương tới Xứ uỷ Nam Kỳ. Khi đồng chí Phan Đăng Lưu về tới Sài Gòn, thì ngày, giờ khởi nghĩa, lệnh khởi nghĩa của Xứ uỷ Nam Kỳ đã gửi xuống các địa phương, không hoãn lại được. Cuộc khởi nghĩa thất bại và bị quân thù khủng bố, dìm trong bể máu.

Hội nghị cũng quyết định việc chấp nối liên lạc với Quốc tế cộng sản và bộ phận đảng ở ngoài...

Trước khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra, một mặt Thường vụ Trung ương cử đồng chí Phan Đăng Lưu lập tức trở về hoãn cuộc khởi nghĩa, mặt khác, ngay sau hội nghị, đồng chí Quyền Tổng Bí thư và Thường vụ Trung ương ra "Hiệu triệu các đồng chí cấp bộ Đảng Cộng sản Đông Dương" có trách nhiệm "là phải làm cho ngọn lửa đó cháy đến ở các tỉnh trung châu rồi bén sang dãy núi Hoàng Sơn để thiêu đốt cả hệ thống thuộc địa của Pháp và đánh tan cuộc đế quốc chiến tranh ở trên bán đảo Đông Dương"; Hiệu triệu toàn Đảng thống nhất ý chí và hành động, tổ chức các ủy ban bạo động, tổ chức mít tinh, biểu tình và biến các cuộc bãi công, bãi thị thành những cuộc tổng bãi công chính trị của thợ thuyền và quần chúng; gây ra những cuộc chiến tranh du kích ở những nơi hiểm trở, thành lập các đội du kích địa phương phá hủy giao thông vận tải, chiếm chiến cụ và lương thực của địch; phải mở rộng phong trào cách mạng bằng những cách thức cụ thể¹.

Khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã nổ ra, Ban Thường vụ Trung ương Đảng lại ra *Thông cáo khẩn cấp* giao "nhiệm vụ của Đảng bộ Trung, Bắc Kỳ là phải lập tức tổ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 86-87.

chức những cuộc hưởng ứng Nam Kỳ dạng gây thêm thanh thế cho quân bạo động, dạng phân chia lực lượng đế quốc không để chúng tập trung quân đội đàn áp phong trào cách mạng” và yêu cầu các đảng bộ “phải cấp tốc thi hành những phương pháp hưởng ứng Bắc Sơn, Nam Kỳ” với những chỉ dẫn cụ thể như tổ chức bãi công, bãi khóa, bãi thị, tổ chức du kích chiến tranh và các hình thức tuyên truyền khác. Để thực hiện những nhiệm vụ khẩn cấp này Trung ương yêu cầu “phải tổ chức ủy ban bạo động của xứ... liên tỉnh... ủy ban khu... thành, tỉnh, phủ, huyện quan trọng”¹.

Trên cương vị mới là Quyền Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí Đặng Xuân Khu lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân bước vào giai đoạn đấu tranh mới trực tiếp thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr. 89-92.

Chương III

CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THẮNG LỢI (1941-1945)

3.1. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương

Sau khi đánh chiếm Ba Lan, tháng 4 và 5-1940, quân Đức đánh chiếm Đan Mạch, Na Uy, Hà Lan, Bỉ, Lúcxăm-bua và tấn công nước Pháp. Ngày 22-6-1940, Chính phủ Pháp đầu hàng. Tiếp đó, từ cuối năm 1940, đầu năm 1941, Đức tiếp tục đưa quân vào Hunggari, Rumani, Bungari; đánh chiếm Nam Tư, Hy Lạp.

Ngày 22-6-1941, phát xít Đức tiến công Liên Xô.

Ở châu Á, phát xít Nhật mở rộng đánh chiếm Trung Quốc, tiến xuống Đông Nam Á; sáng 8-12-1941, Nhật tiến công cảng Trân Châu (quần đảo Ha Oai, Mỹ), mở rộng chiến tranh ở châu Á - Thái Bình Dương.

Cuộc chiến tranh do các nước phát xít gây ra đã chia thế giới thành hai phe: phe phát xít gồm Đức - Italia - Nhật và các chính phủ tay sai; phe Đồng minh chống phát xít (còn gọi là phe Dân chủ) gồm Liên Xô - Anh -

Mỹ - Trung Quốc, các lực lượng chống phát xít và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chủ nghĩa phát xít là kẻ thù chính, chủ yếu, trước mắt của tất cả các lực lượng cách mạng, dân chủ và tiến bộ trên toàn thế giới.

Ngay sau khi chiến tranh thế giới nổ ra (1-9-1939), ngày 26-9-1939, Tổng thống Pháp Lebrun đã ký sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản Pháp. Nước Pháp thua trận, Chính phủ đầu hàng của Pháp lại tiến thêm một bước trong việc thi hành những chính sách cực kỳ phản động: giải tán các tổ chức dân chủ, tiến bộ ở nước Pháp và ở các thuộc địa. Nhiều đảng viên cộng sản, nhiều người yêu nước, dân chủ và tiến bộ ở Pháp và các thuộc địa của Pháp bị bắt bớ, giam cầm¹.

Chiến tranh thế giới thứ hai đã ảnh hưởng mạnh mẽ trực tiếp đến nước ta, làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội Việt Nam.

Là thuộc địa của Pháp, Việt Nam và các nước trên bán đảo Đông Dương rên xiết dưới chính sách cai trị thời chiến của chính quyền thực dân. Đảng Cộng sản Đông Dương và các tổ chức quần chúng do Đảng lãnh

1. Tại Đông Dương, sau sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản, thực dân Pháp còn có sắc lệnh ngày 20-10-1940, cho phép quân chế và bắt giam không thời hạn tại các trại tập trung, không cần xét xử, bắt bất kỳ ai mà chúng cho là gây hại cho an ninh công cộng.

đạo bị kẻ thù điên cuồng tấn công. Báo chí tiến bộ bị đóng cửa. Những quyền lợi mà quần chúng đã giành được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ bị thủ tiêu. Hàng loạt cán bộ, đảng viên và quần chúng bị bắt bớ, giam cầm, dày dọa trong các nhà tù (Hoả Lò, Sơn La, Buôn Ma Thuột, Côn Đảo,...) và các trại tập trung mà đế quốc Pháp mới lập thêm (Bá Vân, Bắc Mê, Nghĩa Lộ ở miền Bắc; Đắc Lay, Đắc Tô, Trà Nê ở miền Trung; Tà Lài, Bà Rá ở miền Nam,...). Một số chiến sĩ cách mạng còn bị đế quốc Pháp đẩy sang các đảo thuộc địa của chúng ở châu Phi và Trung Mỹ. Nhiều cán bộ lãnh đạo của Đảng bị địch giết hại trong thời kỳ này: các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Hà Huy Tập, nguyên Tổng Bí thư; Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Ủy viên Trung ương, Nguyễn Thị Minh Khai, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn,... bị thực dân Pháp xử bắn ngày 28-8-1941; đồng chí Lê Hồng Phong, Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản, nguyên Tổng Bí thư của Đảng, bị địch hành hạ đến chết trong nhà tù Côn Đảo ngày 6-9-1942.

Đồng thời với đàn áp, khủng bố, đế quốc Pháp ra lệnh tổng động viên, bắt lính đưa sang Pháp phục vụ chính sách chiến tranh, bắt phu xây dựng các công trình quân sự ở Đông Dương. Tám vạn thanh niên ở miền Bắc Việt Nam đã bị bắt đi lính sau mấy tháng chiến tranh.

Chính sách kinh tế thời chiến của Pháp được thực

hiện nhằm vơ vét sức người, sức của ở Đông Dương phục vụ cuộc chiến tranh của Pháp. Các thứ thuế đều tăng; các xí nghiệp tư nhân bị trưng thu, trưng dụng phục vụ quân sự; sản xuất và phân phối, xuất khẩu và nhập khẩu bị kiểm soát gắt gao...

Trừ bọn tay sai đế quốc, bọn đại địa chủ và tư sản mại bản, mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam đều bị ảnh hưởng tiêu cực bởi chính sách cai trị thời chiến của đế quốc Pháp. Giai cấp công nhân bị bóc lột nặng nề. Giờ làm việc tăng từ 10 giờ lên 12 giờ một ngày; tiền lương bị cắt giảm, nhiều người bị sa thải, người thất nghiệp ngày càng nhiều; giá sinh hoạt đắt đỏ. Người có việc và người mất việc đều điêu đứng. Giai cấp nông dân càng đói khổ, cùng cực hơn vì tô cao, thuế nặng, bị bắt đi lính, đi phu,...

Tư sản dân tộc bị phá sản hàng loạt vì chính sách kinh tế thời chiến của đế quốc và vì sức mua của nhân dân giảm sút. Địa chủ, nhất là địa chủ nhỏ và vừa, bị thiệt hại nặng nề vì chiến tranh, vì phải nộp thuế cao, nộp thóc tạ và có nguy cơ bị tịch ký gia sản. Trí thức, viên chức thất nghiệp, sụt lương; học sinh thất học; tiểu thương ế hàng, tiểu chủ sản xuất giảm, một số đông đã phải đóng cửa và phá sản...

Tình cảnh nhân dân Việt Nam càng tệ hại hơn khi ở chính quốc, Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức (tháng 6-1940) và ở Đông Dương, chính quyền thực dân

Pháp chấp nhận yêu cầu chiếm đóng Đông Dương của phát xít Nhật (tháng 9-1940). Từ đó, nhân dân Việt Nam “một cổ hai tròng. Đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật”¹.

Ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, phát xít đè nặng lên tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân và toàn dân tộc ta. Mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội Việt Nam - mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc, gay gắt tới đỉnh tột cùng. Yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam là phải giải quyết mâu thuẫn đó, là phải tập trung lực lượng chia mũi nhọn chính của cách mạng vào bọn đế quốc, phát xít, đánh đổ ách thống trị của đế quốc, phát xít, giành độc lập dân tộc. Chiến tranh, một mặt gây thêm tai họa nặng nề cho nhân dân ta, mặt khác lại có tác dụng thúc đẩy nhân dân nhanh chóng vùng dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc. Cách mạng đã chuyển giai đoạn. “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”².

Lịch sử đặt lên vai Đảng ta - đội tiên phong cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 197.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.536.

mạng của giai cấp công nhân, bộ tham mưu duy nhất của dân tộc - sứ mệnh nặng nề. Và lịch sử chỉ đặt ra những yêu cầu, những nhiệm vụ mà điều kiện khách quan và chủ quan cho phép có thể giải quyết được.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, những điều kiện để giải quyết yêu cầu lịch sử của cách mạng Việt Nam đang trong quá trình hình thành. Nhiệm vụ của Đảng là, bằng đường lối, chủ trương, biện pháp đúng, thúc đẩy quá trình hình thành đó diễn ra một cách nhanh chóng để giải quyết thắng lợi nhiệm vụ lịch sử.

Sau Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (tháng 11-1940), nhận được tin đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã về đến gần biên giới Việt - Trung, Quyền Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu cử ngay đồng chí Hoàng Văn Thụ qua biên giới tìm gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc để báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo. Tháng 1-1941, tại cuộc gặp ở Tân Khư (Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc), đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chỉ thị cho Trung ương Đảng chuẩn bị nội dung Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương sẽ tổ chức vào giữa năm 1941.

Ngày 28-1-1941, sau 30 năm ra đi tìm đường cứu nước và hoạt động ở nước ngoài, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã về nước để trực tiếp cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người chọn Pác Bó (Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng) làm nơi

ở, nơi làm việc và đây cũng là địa điểm họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

Thực hiện chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, sau một thời gian tích cực chuẩn bị, Quyền Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu và các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hạ Bá Cang,... lên đường đi dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương. Để bảo đảm an toàn, đồng chí Đặng Xuân Khu và các đồng chí trong đoàn trong trang phục khăn xếp, áo the, quần trắng, như thầy lý, thầy cúng, không đi thẳng từ Bắc Ninh lên Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, mà đi theo đường vòng qua các cơ sở cách mạng, sang Yên Thế (Bắc Giang) - Bắc Sơn (Lạng Sơn) - đi dọc sông Kỳ Cùng bằng mảng - vượt biên giới sang Long Châu (Trung Quốc), đi tiếp đến Tĩnh Tây - về Pác Bó (Cao Bằng).

Lần đầu được gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng ta, người chiến sĩ tiên phong của phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc, đồng chí Đặng Xuân Khu và các đồng chí trong đoàn đều xúc động. Từ khi còn học ở trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương, đồng chí Đặng Xuân Khu đã có dịp nghiên cứu các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường Kách mệnh*,... và nhiều bài viết của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trên báo *Le Paria*, *Việt Nam hân*,... Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, khi đang chỉ đạo hoạt động báo chí công khai của Đảng, đồng chí lại nhận được thư, nhiều bài viết dưới một tên chung "Thư từ Trung Quốc", ký

bút danh P.C. Lin, đăng báo *Notre Voix* và những ý kiến chỉ đạo sắc sảo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc... Nay giữa núi rừng hùng vĩ, bên núi Các Mác, suối Lênin¹ được gặp vị lãnh tụ vĩ đại, trong bộ áo chàm giản dị, đồng chí Quyền Tổng Bí thư cảm động thưa: “Bác”... Từ đó, mọi người, từ già đến trẻ, đều xưng hô với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là “Bác” với lòng kính trọng, yêu mến,...

Từ ngày 10 đến 19-5-1941, tại lán nhỏ bên suối Khuổi Nặm, Pác Bó, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã họp dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Tham dự Hội nghị có các đồng chí Đặng Xuân Khu, Hoàng Văn Thụ, Hạ Bá Cang, Phùng Chí Kiên, đại biểu Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài.

Căn cứ vào sự phân tích chính xác tình hình thế giới và trong nước, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ, sôi nổi của phong trào cách mạng qua ba cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra (khởi nghĩa Bắc Sơn, tháng 9-1940; khởi nghĩa Nam Kỳ, tháng 11-1940; khởi nghĩa Đô Lương, tháng 1-1941), hội nghị chỉ rõ “Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng” và khẳng định “Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được

1. Những tên núi, tên suối ở Pác Bó do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặt.

các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật"¹. Hội nghị cho rằng muốn làm tròn nhiệm vụ ấy, Đảng phải tập trung được cho hết lực lượng cách mạng trên toàn cõi Đông Dương, liên minh tất cả các lực lượng của các giai cấp, đảng phái, các nhóm cách mạng cứu nước, các tôn giáo, các dân tộc kháng Nhật. Sự liên minh này không có nghĩa là thủ tiêu đấu tranh giai cấp. “Nhưng trong giai đoạn hiện tại, quốc gia trước hết, thì tất cả những yêu sách của bộ phận mà có hại đến quyền lợi của toàn thể, của giai cấp mà có hại đến quyền lợi của dân tộc thì phải gác lại để giải quyết sau. Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc”².

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định tính chất đúng đắn của chủ trương gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (tháng 11-1939),

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr. 112, 112-113.

tập trung mũi nhọn chống đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc, đồng thời nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng. Nhiệm vụ đấu tranh giai cấp, lợi ích giai cấp phụ thuộc vào cuộc đấu tranh dân tộc, lợi ích dân tộc. Đặt vấn đề như vậy không có nghĩa là chỉ lo đến việc phản đế mà quên lợi ích giai cấp. Khi giải quyết được vấn đề dân tộc thì thực ra cũng đã giải quyết được một phần vấn đề giai cấp, lợi ích giai cấp.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra *Chính sách mới* phân tích sâu sắc thái độ của các giai cấp, chỉ rõ thành phần của lực lượng cách mạng và phản cách mạng và khẳng định cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại “không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”. Nghị quyết giải thích rằng lúc này chưa làm cuộc cách mạng tư sản dân quyền không phải là bỏ nhiệm vụ điền địa, “không phải đi lùi lại một bước, mà chỉ bước một bước ngắn hơn để có sức mà bước một bước dài hơn”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.119.

Nghị quyết cũng chỉ rõ "... đừng tưởng rằng chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân sẽ làm giảm bớt sức chiến đấu đâu. Không, nông dân vẫn không giảm bớt sự hăng hái tranh đấu mà vẫn nỗ lực tranh đấu mạnh hơn"¹. Vì trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nông dân cũng được hưởng nhiều quyền lợi to lớn: đánh đuổi phát xít Pháp - Nhật, đó là lật được một cái ách áp bức, bóc lột nặng nề nhất đối với nông dân; đánh đuổi Pháp - Nhật, thủ tiêu thuế đinh, điền và các thứ thuế vô lý khác; được chia lại công điền một cách công bằng, giảm địa tô, sửa đổi nền chính trị hương thôn cho họ được hưởng nhiều quyền lợi hơn, lại được hưởng nhiều ruộng đất tịch thu của bọn Việt gian phản quốc và một phần của đế quốc tư bản; họ cũng được hưởng quyền lợi kinh tế, chính trị khác mà toàn thể nhân dân đều được hưởng... Nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc không có nghĩa là dừng lại ở đó mà phải "đi đến cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa"².

Nếu như Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11-1939, tháng 11-1940, trong khi nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, vẫn chủ trương giải quyết chung, đồng thời đối với ba dân tộc Việt

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.120.

Nam, Lào, Campuchia trên bán đảo Đông Dương theo sự chỉ đạo từ trước của Quốc tế cộng sản thì, từ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 5-1941, Đảng chủ trương *giải quyết nhiệm vụ dân tộc trong khuôn khổ từng dân tộc*, các dân tộc sống trên bán đảo Đông Dương sẽ tự quyết định vận mệnh của mình, tương lai của đất nước mình.

Ở Việt Nam, sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật, “sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ”¹. Trong Chương trình Việt Minh, mục tiêu này được nói rõ hơn như sau: “Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra”². Chính quyền cách mạng của dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của giai cấp nào mà là của chung của toàn thể dân tộc. Chủ trương như vậy không có nghĩa là tách rời cách mạng Việt Nam với cách mạng Lào và Campuchia. Cách mạng Việt Nam vẫn quan hệ mật thiết với cách mạng Lào và Campuchia. Pháp - Nhật là kẻ thù chung của ba dân tộc. Không thể thắng chúng nếu chỉ có riêng rẽ lực lượng của mỗi dân tộc. Muốn đánh đuổi chúng, “phải có

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.114, 150.

một lực lượng thống nhất của tất cả các dân tộc Đông Dương”¹, phải có sự đoàn kết, ủng hộ của phong trào cách mạng, phong trào dân chủ thế giới chống phát xít.

Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước của Đảng ta là thể hiện tư tưởng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - một tư tưởng nhất quán trong đường lối, chủ trương cách mạng do Người đề ra, trong các tổ chức cách mạng do Người sáng lập².

Nghị quyết Hội nghị nhấn mạnh tới “Một điều thứ hai nữa là đã nói đến vấn đề dân tộc tức là đã nói đến sự tự do độc lập của mỗi dân tộc tùy theo ý muốn của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 114.

2. Từ tác phẩm *Đường Kách mệnh* đến *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*, từ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đến Đảng Cộng sản Việt Nam, hai chữ “Việt Nam” luôn được nhấn mạnh, mục tiêu “Việt Nam độc lập” luôn được nêu cao. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giải thích việc đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam như sau: “Cái từ Đông Dương rất rộng, và theo nguyên lý chủ nghĩa Lênin, vấn đề dân tộc là một vấn đề rất nghiêm túc, người ta không thể bắt buộc các dân tộc khác gia nhập Đảng, làm như thế là trái với nguyên lý chủ nghĩa Lênin. Còn cái từ An Nam thì hẹp, vì An Nam chỉ là miền Trung của nước Việt Nam mà thôi, và nước ta có ba miền: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ. Do đó từ Việt Nam hợp với cả ba miền và không trái với nguyên lý chủ nghĩa Lênin về vấn đề dân tộc”. Theo sách: *Chủ tịch Hồ Chí Minh Tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.68.

mỗi dân tộc. Nói như thế nghĩa là sau lúc đánh đuổi Pháp - Nhật, ta phải thi hành đúng chính sách “dân tộc tự quyết” cho dân tộc Đông Dương. Các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hoà dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý... Văn hoá của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển tồn tại,... Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”¹.

Tuy nhiên, Hội nghị cũng chỉ ra rằng, để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc và dân tộc tự quyết "phải có một lực lượng thống nhất của tất cả các dân tộc Đông Dương hợp lại"; "cách mạng Đông Dương là một bộ phận cách mạng thế giới và giai đoạn hiện tại là một bộ phận dân chủ chống phát xít"²; cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Dương liên quan mật thiết với cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc và Liên Xô chống phát xít.

Từ đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã phát triển lên một bước mới *vấn đề thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất*. Hội nghị chủ trương Đảng ta phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân. Cho nên mặt trận không thể gọi như trước là *Mặt trận thống nhất phản đế*

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.113, 114.

Đông Dương mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính chất dân tộc hơn, có một mãnh lực để hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện trong tình hình hiện tại. Theo sáng kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh.

Hội nghị cũng xác định Đảng và Việt Minh phải hết sức giúp đỡ các dân tộc Campuchia, Lào để lập ra Cao Miên độc lập đồng minh, Ai Lao độc lập đồng minh để sau này lập ra *Đông Dương độc lập đồng minh*.

Như vậy, trong điều kiện lúc này, khi chưa có ý kiến của Quốc tế cộng sản và chưa có điều kiện để thành lập ở mỗi nước một đảng riêng, Đảng Cộng sản Đông Dương vẫn lãnh sứ mạng của nó trong việc lãnh đạo nhân dân Đông Dương tiến hành nhiệm vụ giải phóng các dân tộc Đông Dương, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Đặng Xuân Khu và Trung ương Đảng ta đã quyết định thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng nhằm để tổ chức và động viên tinh thần dân tộc của nhân dân mỗi nước¹.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã phát triển *vấn đề khởi nghĩa vũ trang* mà Hội nghị

1. Năm 1943, Quốc tế cộng sản tự giải tán, đến năm 1951, Đảng Cộng sản Đông Dương đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam và thành lập ở Lào và Campuchia mỗi nước một đảng riêng.

Trung ương năm 1939, 1940 mới có những phác họa bước đầu. Với kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương và dự đoán tình hình sắp tới, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã xác định nhiều vấn đề cụ thể như vị trí, điều kiện khởi nghĩa, hình thái khởi nghĩa, khả năng “có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương... mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”¹... và nhận định *chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm* của toàn Đảng, toàn dân.

Vấn đề xây dựng đảng được hội nghị đặc biệt chú trọng và đã chủ trương gấp rút đào tạo cán bộ, cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn về công vận, nông vận, binh vận...; tăng thêm thành phần vô sản trong Đảng, lấy việc vận động công nhân làm công việc đầu tiên trong việc tổ chức quần chúng của Đảng, làm cho phong trào công nhân lên cao và đi tiên phong cho các phong trào khác; Đảng bộ miền Nam, Đảng bộ miền Trung phải giúp đỡ việc xây dựng đảng ở Campuchia, Lào,... nhằm làm cho Đảng có đủ năng lực lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc đi đến toàn thắng...

Theo đề nghị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, để kiện toàn Ban lãnh đạo của Đảng, Hội nghị đã bầu ra

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.131-132.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng mới, bầu đồng chí Đặng Xuân Khu làm Tổng Bí thư¹, bầu Ban Thường vụ Trung ương Đảng gồm ba đồng chí: Đặng Xuân Khu, Hoàng Văn Thụ, Hạ Bá Cang. Chế độ làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo nguyên tắc mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nêu ra là: nêu cao tinh thần trách nhiệm; đoàn kết, nhất trí; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; phê bình và tự phê bình.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 5-1941 đã thành công và với việc thông qua Nghị quyết “thay đổi chiến lược”² đã hoàn chỉnh đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. “Chủ trương, chính sách mà Trung ương đề ra trong Hội nghị lịch sử đó đã được toàn Đảng chấp hành nghiêm chỉnh và đã dẫn đến thắng lợi của Cách

1. Đồng chí Trường-Chinh đã kể lại việc bầu cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Hội nghị như sau: “Khi bàn về công tác tổ chức, chúng tôi đề nghị Bác đảm nhận trực tiếp chức vụ Tổng Bí thư của Đảng. Bác trả lời đại ý: Tôi đang làm nhiệm vụ do Quốc tế cộng sản giao cho. Quốc tế cộng sản có thể điều động tôi đi làm những nhiệm vụ ở nơi khác, do đó tôi không thể làm nhiệm vụ Tổng Bí thư của Đảng ta được. Theo giới thiệu của Bác, Hội nghị bầu tôi làm Tổng Bí thư”. Xem: *Hội tưởng của đồng chí Trường-Chinh*, bản đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.118.

mạng tháng Tám (1945)”¹. Kết quả đó chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của Đảng ta trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, vào thực tiễn Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành đường lối của Đảng, mở ra một thời kỳ phát triển mới của cách mạng Việt Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương được đồng chí Đặng Xuân Khu “chuẩn bị từ trước, nhưng với lòng khâm phục lãnh tụ sâu sắc thì sự nhất trí đã có ngay từ lần trao đổi đầu tiên”² với đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Sự nhất trí giữa Quyền Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu, người lãnh đạo cao nhất của Đảng ở trong nước lúc đó với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, mới ở nước ngoài về, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với thành công của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, nhất là với sự ra đời của Nghị quyết thay đổi chiến lược và sự đoàn kết thống nhất của Đảng ta. Đây là sự kiện không dễ có

1. Trường-Chinh: *Hồ Chủ tịch lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1966, tr.23.

2. "Võ Nguyên Giáp: Cách mạng tháng Tám, kháng chiến, đổi mới - Những cống hiến sáng tạo nổi bật của anh Trường-Chinh". Theo sách: *Trường-Chinh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 29.

được trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế¹.

Trong điều kiện lúc đó, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương mang tính chất như một Đại hội Đảng. Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương và Tổng Bí thư, xây dựng các văn kiện như *Điều lệ tóm tắt của Đảng* và ra một văn kiện riêng về *Vấn đề Đảng*, nói rõ về Đảng Cộng sản của giai cấp vô sản và những nguyên tắc tổ chức và xây dựng đảng. Hội nghị còn xây dựng *Chương trình Việt Minh*, xây dựng *Điều lệ Việt Nam nông dân cứu quốc hội* và *Điều lệ của Việt Nam tiểu tổ du kích cứu quốc*². Điều này cho thấy lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu không chỉ quan tâm tới sự thống nhất tư tưởng, đường lối mà còn cả vấn đề thống nhất và củng cố tổ chức của Đảng cũng như các hệ

1. Đồng chí Võ Nguyên Giáp viết: “Bác Hồ nói: Hội nghị không phải là một Đại hội nhưng vẫn bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Tổng Bí thư. Hội nghị đánh dấu sự chuyển hướng chiến lược của Đảng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và trước hết. Hội nghị đề ra việc thành lập Mặt trận Việt Minh và xây dựng căn cứ địa. Với những thành công như vậy, Hội nghị Trung ương lần thứ tám không kém tầm quan trọng của một Đại hội”. Theo sách: *Trường-Chinh và cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr. 29.

2. Đây là những văn kiện của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương.

thống tổ chức chính trị xung quanh Đảng. Công tác xây dựng đảng và các tổ chức của Đảng vì thế có bước phát triển mới, làm cho các tổ chức này có đủ sức mạnh bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt giành độc lập cho dân tộc.

Nghị quyết đúng đắn của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và các văn kiện của Hội nghị là kết quả trí tuệ của toàn Ban Chấp hành Trung ương, trong đó có sự đóng góp to lớn của Tổng Bí thư Đảng Xuân Khu.

Hoà mình trong phong trào đấu tranh sôi nổi của quần chúng và từ nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, tổng kết thực tiễn của cách mạng Việt Nam, đồng chí Đảng Xuân Khu và tập thể Ban Chấp hành Trung ương đã đến với tư tưởng Hồ Chí Minh, biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành đường lối, chủ trương và đưa vào cuộc sống¹.

Ngày 6-6-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi toàn dân đoàn kết, đánh đuổi Nhật - Pháp theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương.

1. Đồng chí Trường-Chinh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng còn phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, bổ sung và cụ thể hoá đường lối, đưa cách mạng đến những thắng lợi quyết định, như trong Nghị quyết Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 2-1943, Chỉ thị tháng 3-1945... Đây là tư tưởng chỉ đạo thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương kết thúc, Tổng Bí thư và các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xuôi để triển khai tổ chức phổ biến và thực hiện nghị quyết, xây dựng Mặt trận Việt Minh, phát động phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Cuối tháng 9-1941, đồng chí Tổng Bí thư triệu tập Hội nghị cán bộ toàn xứ Bắc Kỳ để phổ biến Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương tại nhà một cơ sở ở Dương Húc, Tiên Sơn, Bắc Ninh.

Ngày 23 và 24-9-1941, Tổng Bí thư đã viết tài liệu tuyên truyền về Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương được đặt tên là Chính sách mới để phổ biến đến toàn Đảng. Đồng chí chỉ rõ: “Trong quá trình đấu tranh giải phóng cho giai cấp và cho dân tộc, Đảng ta phải kiểm tra đường lối, chính sách của mình trong mỗi giai đoạn cách mạng, xem sai đúng như thế nào”, và “Mỗi khi tình hình biến đổi, những điều kiện mới của cách mạng trong nước và cách mạng thế giới đã nảy sinh thì lập tức chúng ta phải xem xét lại đường lối, chính sách, chiến lược và sách lược của Đảng”¹. Chính sách mới phân tích rõ sự biến động của tình hình thế giới, trong nước và khẳng định kẻ thù chính của nhân

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, t.I, tr. 188.

dân ta là phát xít Nhật - Pháp. Mục đích trước mắt của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập. Do đó, cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc. Lúc này quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy nên nhiệm vụ chủ yếu là phải đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp nhân dân vào Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít; cô lập bọn phản quốc; động viên các tầng lớp nhân dân, tập trung các lực lượng cách mạng nhằm đánh đổ bọn đế quốc, phát xít Nhật - Pháp, giải phóng dân tộc, rồi sẽ tiến lên làm những nhiệm vụ mới của cách mạng.

Đồng chí Tổng Bí thư phân tích rõ: cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, "Song nhiệm vụ cấp bách nhất hiện nay là giải phóng dân tộc, cho nên *cuộc cách mạng ta phải tiến hành trước mắt đây là cách mạng giải phóng dân tộc, một bước của cách mạng dân chủ tư sản...*"¹. Về vấn đề ruộng đất, đồng chí nêu rõ: Hiện thời, ta chưa thể giải quyết cùng một lúc cả hai nhiệm vụ: cách mạng phản đế và cách mạng ruộng đất. Vì thực hiện cách mạng ruộng đất sẽ không phân hoá được giai cấp địa chủ, không tranh thủ, hoặc chí ít cũng trung lập được những tiểu địa chủ, nhất là những trí

1. *Trường-Chinh Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.I, tr.26.

thức, học sinh con em địa chủ và ta sẽ vô tình tước bỏ vây cánh của ta, tăng thêm lực lượng hậu bị cho địch. Phải làm cho nông dân hiểu rằng, cùng các tầng lớp nhân dân làm cách mạng giải phóng dân tộc để giành độc lập dân tộc, rồi sẽ tiến lên giải quyết triệt để vấn đề cách mạng ruộng đất. *Chính sách mới* nêu ra *15 khẩu hiệu đấu tranh* phù hợp với nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng; nêu rõ *hướng tuyên truyền, hình thức đấu tranh*, công tác *xây dựng Mặt trận Việt Minh và lãnh đạo Mặt trận, gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang*, một công tác vô cùng quan trọng và khẩn cấp lúc này...

Cuối cùng, Tổng Bí thư nêu lên một số việc cần làm để thi hành Nghị quyết Trung ương: Tuyên truyền, phổ biến tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đến tận chi bộ; Tổ chức việc thi hành Nghị quyết của Đảng; Làm cho quần chúng do kinh nghiệm bản thân mà nhận thấy chính sách mới của Đảng là duy nhất đúng và nhận thấy khẩu hiệu của Đảng là của mình; Phải ra sức đào tạo cán bộ để có người đủ năng lực đem chính sách mới của Đảng thi hành trong quần chúng; Kiên quyết tẩy trừ bệnh “tả” khuynh, cô độc, hẹp hòi làm cho Đảng xa rời quần chúng, đồng thời phải chống bệnh hữu khuynh...

Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu gọi Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương là chính

sách cứu quốc, là chính sách thực tế và cho rằng đó là “kết quả của sự kết hợp tinh thần yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản, kết quả của việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta hiện nay”¹.

Nhưng để đường lối, chính sách mới của Đảng có thể đi vào cuộc sống, một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Tổng Bí thư là vấn đề xây dựng đảng vững mạnh. Bởi vậy, ngay sau Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, với bút danh Thiết Tâm, Tổng Bí thư viết bài "Củng cố Đảng" đăng trên báo *Giải phóng*, số 2, tháng 6-1941, nói về vấn đề cán bộ và vấn đề sinh hoạt chi bộ. Bài báo phê phán “Đảng bộ Bắc Kỳ có một khuyết điểm lớn là chậm đào tạo được những cán bộ mới” mà nguyên nhân của nó là phần đông đảng viên xao nhãng với công việc của Đảng, làm việc không sát quần chúng, quan liêu, bao biện. Để giải quyết được việc này, đồng chí cho rằng phải giải quyết tốt vấn đề sinh hoạt chi bộ. Đồng chí cho rằng "Củng cố Đảng" là mục được đặt ra trên báo *Giải phóng* cốt để “thu những kinh nghiệm công tác của Đảng để bàn về những xu hướng của các đảng viên và nhất là để phê bình những khuyết điểm và những xu hướng hữu khuynh, tả khuynh” và yêu cầu “các cấp

1. Trường - Chính Tuyển tập, *Sổđ*, t.I, tr.45.

bộ hãy đặc biệt chú ý đến mục này và luôn luôn cung cấp tài liệu cho nó”¹.

Ngày 16-9-1941, Thường vụ Trung ương lại ra thông cáo gửi các cấp bộ “Phải dùng đủ cách để chống khủng bố”. Sau khi xác định “Những cuộc thất bại của ta một phần lớn là do ta làm ra chứ giặc Pháp không tài giỏi như người ta tưởng. Nếu ta xét những nguyên nhân thất bại thì ta thấy bảy phần mười là do ta kế hoạch kém, chủ trương sai, tổ chức vụng về, hành động vô nguyên tắc”², thông cáo nêu lên những sai lầm của tổ chức đảng trong lúc địch khủng bố trắng và chỉ rõ những cách thức toàn diện để chống địch khủng bố. Thông cáo nhấn mạnh: “Lúc này hơn lúc nào hết các đồng chí phải tôn trọng kỷ luật của Đảng, tôn trọng nguyên tắc làm việc và nguyên tắc tổ chức của Đảng”³ và đã chỉ ra 12 vấn đề mà “các cấp bộ phải tức tốc đem ra nghiên cứu đặt ấn định phương pháp thực hành và kế hoạch kiểm soát sự thực hành ấy”⁴.

Cùng với bài báo "Củng cố Đảng", thông cáo cũng chỉ ra những xu hướng sai lầm của Đảng bộ Bắc Kỳ. Chính những chỉ dẫn chính xác này của Tổng Bí thư và Thường vụ Trung ương đã dẫn đến việc triệu tập Hội nghị cán bộ toàn xứ Bắc Kỳ họp từ ngày 25 đến 27-9-

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr. 171, 174, 180, 183.

1941. Hội nghị cán bộ toàn xứ Bắc Kỳ đã ra nghị quyết mà phần đầu tiên là nói về *Vấn đề củng cố nội bộ* với nội dung coi “Công tác củng cố nội bộ là một công tác vô cùng khẩn cấp”¹.

Đến ngày 1-12-1941, dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng lại ra *Chỉ thị về công tác*, đề cập một cách rõ rệt hơn các vấn đề củng cố tổ chức và mở rộng cơ sở đảng, thống nhất tổ chức đảng, tổ chức các ban chuyên môn của Đảng và tổ chức đảng đoàn trong các đoàn thể cứu quốc, chỉ ra nhiệm vụ của công tác quần chúng “đặt khiến cho Đảng và Mặt trận được vững chắc phát triển”.

Vấn đề đặc biệt của văn kiện này là Đảng ta đã chỉ ra rất cụ thể vấn đề tổ chức quần chúng, “Nhất là mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận” và nêu lên “mấy vấn đề về nguyên tắc” tổ chức quần chúng. Trong đó, lần đầu tiên một văn kiện Đảng chỉ rõ “Đảng ta cũng là một bộ phận trong Mặt trận phản đế Đông Dương, bộ phận trung kiên và lãnh đạo” và “muốn xứng đáng với danh nghĩa Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế, Việt Nam độc lập đồng minh còn phải bao gồm hết thảy các đảng phái cách mệnh khác của người Việt Nam hiện chưa gia nhập Việt Minh”². Về nguyên tắc xây dựng tổ chức quần

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.186, 218.

chúng, bản chỉ thị nêu rõ: a) “mỗi giới đồng bào có quyền lợi đặc biệt và có xu hướng đặc biệt. Bởi vậy giới nào phải có tổ chức riêng của giới ấy”; b) “không nên dùng phương pháp Đảng mà tổ chức quần chúng”, c) “phải biết phá tan ảnh hưởng tai hại của địch trong quần chúng” và d) “hình thức tổ chức đúng với phong trào và hoàn cảnh”¹.

Bản chỉ thị đã nêu và giải thích rất cụ thể về mô hình hệ thống tổ chức của Việt Minh... Cuối cùng, bản chỉ thị đã chỉ ra phương châm: “Các đồng chí phải tỉnh táo nhận xét tình thế, một khi thời cuộc biến đổi, những điều kiện mới xuất hiện, vấn đề giành chính quyền đã đặt ra trước mắt, thì phải lập tức thay đổi những hình thức tổ chức cho thích hợp với phong trào tranh đấu giải phóng đang kịp thời triệu tập quần chúng chung quanh Đảng đánh đuổi quân cướp nước Pháp, Nhật”².

Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, cùng với việc tăng cường công tác xây dựng đảng và mặt trận, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 217-222.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.229. Đoạn văn này hoàn toàn giống trong *Chính sách mới* của đồng chí Tổng Bí thư, cho phép tin chắc rằng đây là một văn kiện do đồng chí Trường-Chinh chuẩn bị hoặc chỉ ít cũng chỉ đạo thực hiện.

công tác báo chí, tuyên truyền và coi đây là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng. Bởi vậy, bên cạnh việc chỉ đạo củng cố về tổ chức của Đảng và Mặt trận, trên cương vị là Tổng Bí thư, đồng chí Đặng Xuân Khu đã cho thành lập, chỉ đạo và viết bài cho các báo chí của Đảng. Thông qua các tờ báo này, Tổng Bí thư truyền đạt nhận định về thời cuộc, truyền đạt đường lối, chủ trương của Đảng, tổ chức và uốn nắn phong trào cách mạng... Chính chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo sát sao đó đã khởi nguồn cho sự ra đời của *Tap chí Cộng sản* - cơ quan lý luận chính trị của Trung ương Đảng (tháng 10-1941); báo *Cứu quốc* - cơ quan ngôn luận của Tổng bộ Việt Minh (tháng 1-1942) và *Cờ giải phóng* - cơ quan tuyên truyền, cổ động của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10-1942)¹.

Mặt khác, thực hiện chủ trương “Muốn cho sự tuyên truyền cho kịp thời và khỏi gián đoạn, mỗi khi các đảng bộ mất mối liên lạc với nhau thì mỗi đảng bộ địa phương phải tìm cách ra báo chí tuyên truyền. Ít nhất là các ban tỉnh ủy phải có ban tuyên truyền chuyên môn xuất bản báo riêng ở trong tỉnh để tuyên truyền cho kịp thời”² của

1. Báo *Cờ giải phóng* số 1 ra ngày 10-10-1942 và kéo dài đến ngày 18-11-1945.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 127.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, Tổng Bí thư chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh công tác báo chí tuyên truyền để tạo ra sự đồng bộ với sự phát triển của tổ chức đảng và quần chúng khắp cả nước. Vì vậy, một loạt báo địa phương đã ra đời, góp phần tích cực và kịp thời vào việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và thông báo những biến đổi mau chóng của tình hình trong nước và quốc tế đến nhân dân.

Do những hoạt động tích cực và bằng những biện pháp toàn diện của Tổng Bí thư, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và các xứ ủy, các tổ chức đảng được củng cố, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và các văn kiện của Đảng đã được phổ biến tới các đảng bộ, chi bộ địa phương, tới các đảng viên và quần chúng cách mạng. Đến đầu năm 1942, Chương trình, Tuyên ngôn của Việt Minh và thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc (6-6-1941) đã vào đến Sài Gòn và Hậu Giang¹. Tình hình đó đã tạo nên một khí thế cách mạng mới, một phong trào cách mạng mới trong cả nước. Mặt trận

1. Lúc này báo *Chiến đấu* của tỉnh ủy Hậu Giang đã ghi trên tiêu đề là cơ quan ngôn luận của Việt Nam độc lập đồng minh. Cuối năm 1942, báo này đình bản và đến tháng 5-1943, một số đồng chí ở Sài Gòn và miền Đông ra báo *Giải phóng* và ghi rõ là cơ quan của Việt Minh Nam Kỳ.

Việt Minh ra đời đã thu hút ngày càng nhiều các tầng lớp nhân dân, phát triển rộng rãi khắp nơi. Từ cuối năm 1941 đến 1942, các hội Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Tự vệ cứu quốc, Quân nhân cứu quốc,... đã được thành lập ở nhiều tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và ở các thành phố Hà Nội, Hải Phòng,... Các tổ chức phản đế trước đây đều chuyển thành các tổ chức cứu quốc đã tạo ra cơ sở chính trị vững chắc cho Đảng trong lòng dân tộc và hình thành những điều kiện cơ bản để Đảng duy trì các đội du kích và tiến tới thành lập lực lượng vũ trang, thành lập căn cứ địa và vùng giải phóng vào những năm sau.

Chính sách mới của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống.

3.2. Mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, sửa soạn khởi nghĩa

Sáng ngày 8-12-1941, phát xít Nhật tiến công cảng Trân Châu, đổ bộ vào Malaixia, tuyên chiến với Anh, Mỹ. Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.

Trong sáu tháng, quân đội phát xít Nhật đã chiếm được Malaixia, Xingapo, Miến Điện (Mianma), Philíppin, Hương Cảng và một số đảo ở Thái Bình Dương. Những sự kiện trên đã làm cho một số đảng viên tưởng rằng tình hình Đông Dương bỗng chốc trở nên trực tiếp cách mạng và những điều kiện cách mạng Đông Dương

nhanh chóng chín muồi. Thậm chí, ngày 15-12-1941, Xứ ủy lâm thời Trung Kỳ ra thông báo nhận định: Cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của ta đã đủ điều kiện để bùng nổ...

Trước tình hình đó, ngày 21-12-1941, Tổng Bí thư triệu tập cuộc họp Ban Thường vụ Trung ương Đảng và ra Thông cáo "Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng" gửi các cấp bộ đảng. Thông cáo phân tích nguyên nhân, triển vọng của chiến tranh Thái Bình Dương, phân tích thái độ của ta đối với vấn đề "Hoa quân nhập Việt" và xác định "toàn quốc ta chưa đứng về một tình thế trực tiếp cách mạng và những điều kiện khởi nghĩa Đông Dương chưa chín muồi", tuy nhiên "ta phải chuẩn bị gấp rút dạng kịp hưởng ứng với mọi tình thế bất ngờ xảy đến", các cấp bộ đảng "phải nhận xét đúng tình hình mà đặt chiến thuật cho sát"¹. Bản thông cáo nhận định việc quân Đồng minh tiến vào nước ta là điều không tránh khỏi, nhưng "Ta có mạnh thì họ mới chịu "đếm xỉa đến". Ta yếu thì ta chỉ là một khí cụ trong tay của kẻ khác, dầu kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy". "Nhất là đừng có ảo tưởng rằng quân Tàu và quân Anh, Mỹ sẽ mang lại tự do cho ta. Không, trong cuộc chiến đấu giải phóng cho

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 244-245.

ta, cố nhiên là phải kiếm bạn đồng minh đầu rằng tạm thời bấp bênh có điều kiện, nhưng công việc của ta trước hết ta phải làm lấy”¹.

Thường vụ Trung ương cũng đề ra những nhiệm vụ cụ thể của công tác tuyên truyền, tranh đấu, tổ chức; chỉ rõ thái độ của ta khi quân đội Trung Hoa vào nước ta và chỉ thị “lúc này Đảng phải theo đúng thuật du kích, phải duy trì các bộ đội du kích, phải duy trì và kiện toàn các lực lượng cách mạng mỗi khi cơ hội và tình thế thuận tiện hơn có thể phát động phong trào khởi nghĩa rộng lớn hơn”².

Tiếp đó, vào giữa tháng 1-1942, đồng chí Đặng Xuân Khu viết gửi Ban Tuyên truyền huấn luyện trung ương tài liệu "Chiến tranh Thái Bình Dương và cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Dương" để kịp thời uốn nắn một số lệch lạc trong nội bộ Đảng, giúp toàn Đảng nhận định đúng tình hình và xác định những nhiệm vụ cần kíp của cách mạng. Nêu lên những quan điểm cơ bản của Lênin về điều kiện cách mạng chín muồi, phân tích chính xác tình hình Nhật - Pháp ở Đông Dương và tình hình phong trào cách mạng ở Đông Dương, ở Việt Nam; đồng chí Tổng Bí thư nhận xét: ở Đông Dương nói chung, ở Việt Nam nói riêng, những điều kiện khởi

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.244, 252.

nghĩa chưa chín muồi. Tuy nhiên, do tình hình chiến tranh Thái Bình Dương, do đặc điểm của cách mạng nước ta, nhiệm vụ cần kíp của Đảng ta là phải *đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cổ động* chống cướp nhà, cướp thóc, bắt lính, bắt phu, chống khủng bố, giết chóc, tăng thuế;... phải nói rõ triển vọng chiến tranh Thái Bình Dương, nguy cơ thất bại của Nhật, làm cho quần chúng không sợ Nhật, tin tưởng cách mạng sẽ thắng lợi; *phải phát triển các đội tự vệ để bảo vệ cho quần chúng đấu tranh, phát triển các đội du kích miền núi, xây dựng các tiểu đội du kích ở trung du và đồng bằng*, tiến lên phát động chiến tranh du kích ở cả miền núi, trung du và đồng bằng; *nơi nào có quân Anh, Mỹ hoặc Trung Quốc vào thì đảng bộ địa phương phải lập tức lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng*;... phải lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống sinh hoạt đất đỏ, đòi tăng lương, bớt giờ làm, giảm tô, giảm thuế, chống bắt lính, bắt phu;... tổ chức các cuộc biểu tình, mít tinh... phải đặc biệt *huy động các lực lượng cứu quốc*, tổ chức những cuộc đấu tranh ủng hộ đội du kích Bắc Sơn;...

Trong tài liệu tuyên truyền, huấn luyện này, Tổng Bí thư nhấn mạnh: cách mạng nước ta là một bộ phận của cách mạng thế giới, nhân dân đứng vào mặt trận dân chủ quốc tế chống phát xít xâm lược. Cách mạng nước ta thắng hay bại có ảnh hưởng đến cuộc chiến đấu

của các lực lượng dân chủ chống phát xít trên thế giới; ngược lại, thắng lợi của cách mạng thế giới, của Mặt trận dân chủ chống phát xít có ảnh hưởng rất lớn đến cách mạng nước ta.

Tháng 8-1942, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đi Trung Quốc công tác và bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam, đến cuối năm 1944 Người mới về nước¹. Trong tình hình rất sôi động và có nhiều chuyển biến nhanh chóng ở cả trong nước và trên thế giới, nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng tập trung vào Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu. Cùng với Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí tiếp tục lãnh đạo triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xử lý kịp thời và đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh về chính trị, quân sự, tư tưởng và tổ chức, tạo điều kiện đưa cách mạng nước ta tiến lên vững chắc.

Bên cạnh việc chú trọng tăng cường sức mạnh của Đảng và Mặt trận về tư tưởng, tổ chức, trên cơ sở sự phát triển của lực lượng chính trị và lực lượng du kích, Tổng Bí thư đã có sáng kiến trong xây dựng các khu căn cứ địa bảo đảm cho cơ quan lãnh đạo của Đảng hoạt động liên tục và an toàn (gọi là An toàn khu - ATK).

Rút kinh nghiệm từ thực tiễn, Tổng Bí thư chỉ đạo

1. Cho đến tháng 3-1943 và tháng 10-1944, đồng chí Nguyễn Ái Quốc mới trở về nước.

xây dựng An toàn khu sát Hà Nội, trung tâm đầu não của kẻ địch, và cách Hà Nội 15 - 20km ở các địa phương thuộc các tỉnh Vĩnh Yên, Hà Đông, Bắc Ninh, Bắc Giang nhằm bảo đảm giao thông liên lạc thông suốt và sớm nắm bắt tình hình địch. An toàn khu không chỉ dựa vào địa thế hiểm trở của núi rừng mà còn dựa chắc vào “nhân sơn, nhân hải” (núi người, biển người), dựa chắc vào quần chúng nhân dân đã được giác ngộ cách mạng và được tổ chức chặt chẽ. Bên cạnh các An toàn khu của Trung ương (ATK1, ATK2), còn có An toàn khu của xứ uỷ, tỉnh uỷ thường ở vùng giáp ranh các địa phương, ở hai bên bờ sông Hồng, sông Đuống, sông Cầu,... Đồng chí cũng chỉ đạo phương thức hoạt động của các tổ chức cách mạng ở An toàn khu, quan hệ giữa An toàn khu với hệ thống tổ chức cách mạng trong cả nước. Thành công của việc xây dựng hệ thống An toàn khu, theo sự chỉ đạo chủ động, sáng tạo, táo bạo của đồng chí Tổng Bí thư, đã nối liên lạc từ các tỉnh Việt Bắc về Hà Nội, đồng thời bảo đảm cho Thường vụ Trung ương kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, nhanh chóng nắm bắt âm mưu của địch để có những biện pháp phù hợp, bảo đảm an toàn cho cơ quan Trung ương trong suốt thời kỳ chuẩn bị và lãnh đạo khởi nghĩa...

Nhờ có khu an toàn sát Hà Nội, trừ đồng chí Hoàng Văn Thụ vào công tác ở nội thành bị địch bắt, đồng chí

Tổng Bí thư và đồng chí Hạ Bá Cang, mặc dù bị địch kết án tử hình vắng mặt, được sự giúp đỡ của đồng bào, vẫn ra vào nội thành Hà Nội gặp cán bộ, các nhân sĩ và cả những người Pháp chống phát xít.

Cùng với việc mở rộng các ATK, Tổng Bí thư chỉ đạo mở rộng tuyên truyền, tổ chức và phát động phong trào cứu quốc chống Nhật và phản động Pháp, củng cố lại tổ chức đảng sau các đợt khủng bố của địch. Tháng 10-1942, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định ra báo *Cờ giải phóng* - cơ quan tuyên truyền, cổ động của Đảng Cộng sản Đông Dương, do Tổng Bí thư trực tiếp phụ trách. Ngay trong số 1, ra ngày 10-10-1942, đồng chí Tổng Bí thư đã viết bốn bài cho *Cờ giải phóng*: "Cải cách"; "Sinh hoạt đảng"; "Liên bang Xôviết muôn năm"; "Thế giới hòa bình". Bài "Sinh hoạt đảng" quán triệt tinh thần của *Chỉ thị về công tác tổ chức* ngày 1-12-1941 chỉ rõ: Chi bộ Đảng trong quần chúng là linh hồn của phong trào cách mạng trong xí nghiệp hay một địa phương. Chi bộ là trung tâm thu hút quần chúng khác nào đá nam châm thu hút những mảnh sắt vụn. Chi bộ là nơi kết nạp những đảng viên mới, là trường học dạy những đảng viên. Đồng chí đã nêu rõ sự thật "nguy hiểm" của tình trạng sinh hoạt chi bộ không đều hoặc chiếu lệ, để đảng viên thấy rõ trách nhiệm của mình không thể "khật khưỡng", "lờ phờ" trong xây dựng chi bộ mãi được. Bài báo kết thúc bằng câu hỏi: Trào

lưu cách mạng thế giới cứ rầm rập tiến tới, các đồng chí chi bộ còn ngủ gật mãi sao?¹.

Báo *Cờ giải phóng* ra đời đã thực sự trở thành công cụ tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể và tổ chức tập thể. Cùng với *Cờ giải phóng*, một mạng lưới báo chí bí mật cũng được hình thành trên cả nước.

Từ tháng 11-1942, quân đội Xôviết chuyển sang phản công trên nhiều mặt trận; tháng 2-1943, giành thắng lợi lớn ở Xtalingrát, đánh dấu bước ngoặt căn bản của cuộc chiến tranh giữ nước của Liên Xô và cuộc chiến tranh thế giới. Mùa Hè 1943, quân đội Xôviết đập tan cuộc phản công của quân Đức ở vòng cung Cuốcxcơ. Hai phần ba đất đai của Liên Xô được giải phóng. Quân Đức đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Chiến thắng của Liên Xô cổ vũ mạnh mẽ phong trào kháng chiến chống phát xít ở nhiều nước châu Âu, châu Á, đặc biệt ở Trung Quốc, ảnh hưởng tích cực đến phong trào cách mạng nước ta.

“Vì thời cuộc phát triển, tình hình thế giới và Đông Dương biến chuyển mau lẹ khác thường. Những nghị quyết của Trung ương Hội nghị lần thứ tám đã trở thành thiếu sót hay có chỗ không thích hợp nữa”² đòi hỏi Đảng ta phải có những quyết sách, biện pháp cụ thể,

1. Xem: Báo *Cờ giải phóng*, số 1, ngày 10-10-1942.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 272.

hiệu quả để đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa khi thời cơ đang tới gần. Do nhiều khó khăn, lúc này không thể triệu tập Đại hội Đảng hoặc Hội nghị Trung ương, “song tình thế không thể trì hoãn”, nên từ ngày 25 đến 28-2-1943, Tổng Bí thư đã triệu tập Ban Thường vụ Trung ương Đảng, họp ở Võng La, Đông Anh, Phúc Yên, để bàn việc *mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất và xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang*.

Hội nghị một lần nữa phân tích tình hình và triển vọng của Chiến tranh thế giới thứ hai, nêu rõ tình hình của phong trào cách mạng ở Đông Dương trong giai đoạn này và đã rút ra ba đặc điểm là: 1) Đảng ta “là đảng duy nhất lãnh đạo phong trào cách mạng” nhưng “những cuộc đấu tranh của thợ thuyền lại không được mạnh mẽ và rộng rãi, xứng đáng với vai trò lãnh đạo ấy”; 2) ở Đông Dương “thiếu một phong trào cách mạng quốc gia tư sản và phong trào thanh niên học sinh. Do đó, cuộc vận động cách mạng ở Đông Dương vẫn hẹp hòi, có tính cách công nông hơn là tính cách toàn dân tộc”; 3) ít tranh đấu hoà bình, nhưng “có nhiều cuộc đấu tranh vũ trang”, lại “cực khổ dưới hai tầng áp bức, lại được tình hình thế giới kích thích, nên phong trào cách mạng Đông Dương *có thể bỗng chốc tiến lên bằng những bước nhảy cao*”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 290.

Từ đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng phân tích *những điều kiện mới quy định chính sách lập Mặt trận* của Đảng và cho rằng kẻ thù số một của dân tộc Đông Dương lúc này chỉ là đế quốc, phát xít, đặc biệt là phát xít Nhật - Pháp, rằng các tầng lớp trung gian sẽ dần dần ngả về phía cách mạng, phần lớn người Pháp và Hoa kiều ở Đông Dương đều chống lại phát xít. Bởi vậy, Thường vụ Trung ương thấy phải *vận động mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật - Pháp* bằng cách đàm phán với các đảng cách mạng chưa gia nhập Việt Minh, lấy Chương trình và Điều lệ Việt Minh làm căn cứ, đồng thời ra chỉ thị về việc lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật - Pháp theo sáu vấn đề, trong đó có chỉ rõ: nguyên tắc lập; cách lập; cách củng cố, phát triển; cách lãnh đạo Mặt trận; vấn đề tuyên truyền và thái độ đối với các đảng đã thoát ly Đại Việt. Hội nghị còn chủ trương liên minh với các đảng phái chống phát xít của người ngoại quốc ở Đông Dương để thành lập *Mặt trận dân chủ* chống Nhật ở Đông Dương theo điều kiện của Chương trình tối thiểu bốn điểm¹. Để

1 Đó là:

1) Đánh đổ ách phát xít Nhật và các hạng tay sai của chúng ở Đông Dương: phát xít Pháp, Việt gian và Hán gian. 2) Công nhận quyền độc lập dân chủ của các dân tộc ở Đông Dương. 3) Thả hết những phần tử chống phát xít, hoặc tranh đấu cho độc

việc vận động thành lập Mặt trận dân chủ chống Nhật ở Đông Dương có kết quả phải chú ý tám điều trong nhận thức và cách thức hành động, vận động Hoa kiều và những người Pháp chống phát xít.

Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã vạch ra kế hoạch cụ thể về chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang: trong công tác tuyên truyền phải đẩy mạnh phổ biến những kinh nghiệm khởi nghĩa và chiến thuật du kích; coi trọng tổ chức và huấn luyện các đội tự vệ, các tiểu tổ du kích; đưa quần chúng ra đấu tranh với hình thức ngày càng cao; biểu tình thị uy, bãi công chính trị, tiến tới khởi nghĩa, chú trọng xây dựng lực lượng cách mạng ở thành thị. Công tác vận động các giới lao động được đặc biệt chú ý với những nội dung cụ thể cho từng giới cũng như vận động các dân tộc và Hoa kiều cùng tham gia khởi nghĩa.

Hội nghị nêu rõ phải kíp củng cố Đảng về mọi phương diện, làm cho Đảng được mạnh mẽ và bôn-sê-vích hoá, “Vì chính sách lập Mặt trận của Đảng càng rộng rãi thì vai trò lãnh đạo của Đảng càng phải vững chắc nếu không chẳng những Đảng không lãnh đạo được Mặt trận

lập, tự do của Tổ quốc mà bị tù. 4) Những người ngoại quốc chống phát xít ở Đông Dương được tự do sinh hoạt và sinh mệnh tài sản được bảo đảm. (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr. 296).

chống phát xít Nhật - Pháp mà còn theo đuôi Mặt trận”¹. Hội nghị đã quyết định phải tiến hành 15 phương pháp như: ra sức tổ chức chi bộ xí nghiệp; tăng cường sinh hoạt chi bộ, chú trọng kết nạp đảng viên mới; phải thanh trừ các phần tử cơ hội, lười biếng ra khỏi Đảng, tỉnh táo đề phòng bọn khiêu khích và phản bội chui vào Đảng; tăng cường học tập chủ nghĩa Mác - Lênin; tăng cường công tác đào tạo cán bộ các ban chuyên môn; liên lạc mật thiết với các cán bộ các thành phố lớn; phải biết tập trung công việc chính cho từng giai đoạn nhất định...².

Hội nghị đã ra *những quyết nghị đặc biệt* đối với các đảng không vào Việt Minh, vấn đề ngoại giao với Trung Quốc và thái độ với Chính phủ Đờ Gôn có thể thành lập. Nghị quyết xác định rõ: đối với Đại Việt và các đoàn thể Việt gian khác, “Đảng phải ra sức vạch rõ tội ác của các hạng Việt gian thân Nhật, thân Pháp, đặc biệt phải ra tài liệu kịch liệt đả phá chương trình bán nước của bọn Đại Việt và những khẩu hiệu “Pháp - Việt hợp tác”, “Pháp - Việt phục hưng” của bọn Việt gian thân Pháp” nhưng “phải hết sức vận động cho “V.N.C.M.Đ.M.H” và “Việt Nam độc lập đồng minh” hợp lại làm một, đảng mau tập trung lực lượng cách mạng Việt Nam đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp”³.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.307, 308-311, 311-312.

Về vấn đề ngoại giao với Trung Quốc, sau khi nêu lên các khó khăn thực tế trong thực hiện nhiệm vụ này, Ban Thường vụ Trung ương Đảng cho rằng, trước mắt phải làm cho Chính phủ Trung Quốc thấy rõ “Cuộc liên minh giữa các đảng phái cách mạng Việt Nam và Trung Quốc phải căn cứ vào nguyên tắc bình đẳng và tương trợ” và “Việc những người cộng sản Việt Nam có chân trong Việt Minh không những không cản trở cuộc liên minh giữa Việt Minh với Trung Quốc mà còn thêm sức mạnh rất nhiều cho mặt trận Hoa - Việt thống nhất kháng Nhật”¹. Thường vụ Trung ương đề nghị “những đồng chí ở hải ngoại phải kíp tẩy trừ cô độc chủ nghĩa, phải vận động những nhà cách mạng Việt Nam ở Trung Quốc mau đúc thành một khối biệt lập hẳn với một vài phần tử cơ hội”².

Về thái độ đối với Chính phủ Đờ Gôn có thể được thành lập³, Thường vụ Trung ương quyết định “không tán thành phái này lập một chính phủ thuộc địa” và phải “hết sức tranh đấu cho chính phủ cộng hòa

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr. 312-313, 313.

3. Vấn đề này còn được Tổng Bí thư chỉ dẫn qua bài “Chung quanh chính sách liên minh với Pháp Đờ Gôn”. Xem: *Báo Cờ giải phóng*, số 9, ngày 25-12-1944.

dân chủ của nhân dân Đông Dương thành lập”¹.

Điều cần lưu ý là trong nghị quyết đặc biệt còn chỉ rõ *đối với quân Anh - Mỹ - Trung Quốc vào Đông Dương đánh Nhật* là “Khi ấy ta phải lợi dụng dịp tốt khởi nghĩa giành chính quyền đồng thời giao thiệp với Anh - Mỹ - Trung Quốc để họ công nhận quyền tự do độc lập của nhân dân Đông Dương và rút ra khỏi Đông Dương sau khi đã cùng ta đánh bại phát xít Nhật - Pháp”².

Vấn đề đặc biệt cuối cùng được thông qua Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng là Nghị quyết *định chính một vài điều nhận xét sai lầm* do chưa nói rõ chiến lược của Đảng về mối quan hệ giữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng thổ địa trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám. Bởi vậy, Nghị quyết Ban Thường vụ Trung ương Đảng giải thích rõ thêm rằng: “Lúc này, nhiệm vụ dân tộc giải phóng cần kíp và quan trọng hơn. Nên Đảng phải thống nhất mọi lực lượng cách mạng đảng mau hoàn thành nhiệm vụ ấy trước. Muốn thế phải vận động đưa hết các tầng lớp nhân dân cả địa chủ, tư sản bản xứ vào mặt trận cách mạng. Do đó khẩu hiệu thổ địa cách mạng không thể đề ra lúc này. Như thế là chiến lược của Đảng có thay đổi ít nhiều chứ không phải chỉ có chiến thuật mà thôi”³.

1, 2, 3. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 313, 314, 314-315.

Sau Hội nghị này, Ban Thường vụ Trung ương Đảng lại tiến hành một cuộc họp nữa cũng tại Vĩng La để thông qua *Đề cương về văn hoá Việt Nam* do đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp dự thảo¹.

Đề cương về văn hoá thể hiện rõ ràng, sâu sắc *quan điểm của Đảng ta về văn hoá*: xác định mặt trận văn hoá là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hoá), không chỉ làm cách mạng chính trị mà phải làm cả cách mạng văn hoá, Đảng phải lãnh đạo phong trào văn hoá. Đề cương chỉ rõ “Những thủ đoạn phát xít trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam”². Đó là chính sách đàn áp các nhà văn hoá cách mạng, dân chủ; kiểm duyệt rất ngặt những tài liệu văn hoá; mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hoá; liên lạc với tôn giáo để truyền bá văn hoá ngu dân; tuyên truyền chủ nghĩa đầu hàng, chủ nghĩa ái quốc mù quáng;... của *văn hoá của Pháp*. Đó là tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á; tạo quan niệm người Nhật là cứu tinh của người da vàng, văn hoá Nhật Bản là tiến bộ, văn minh nhất; khuếch trương văn hoá Nhật; đàn áp các nhà văn chống Nhật và mua chuộc

1. Đồng chí soạn thảo bản Đề cương này tại nhà một cơ sở cách mạng ở Phú Gia, ngoại thành Hà Nội (nay thuộc xã Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội).

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 317.

các nhà văn có tài... Đồng thời, Đề cương cũng chỉ rõ tiền đề của văn hóa Việt Nam theo *hai ức thuyết* đó là *nền văn hóa phát xít* (văn hoá trung cổ và nô dịch hoá) thắng thì văn hoá dân tộc Việt Nam nghèo nàn thấp kém và *văn hóa dân tộc Việt Nam* do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi cải xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hoá tân dân chủ thế giới. Bản đề cương đặt câu hỏi: Hai ức thuyết, cái nào sẽ trở nên sự thực?, và cho rằng “Căn cứ vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay, cách mạng dân tộc Việt Nam nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên sự thực”¹.

Bản đề cương chỉ rõ quan niệm của người cộng sản về vấn đề cách mạng văn hoá là phải hoàn thành cách mạng văn hoá mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. Để hoàn thành được cách mạng văn hoá phải có Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo và cách mạng văn hoá có thể hoàn thành khi cách mạng chính trị thành công.

Đề cương đề ra *ba nguyên tắc* của nền văn hoá mới: Dân tộc hoá (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa), Đại chúng hoá (chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hoá phản lại hoặc xa rời quần chúng), Khoa học hoá (chống lại tất cả những gì làm cho văn hoá phản tiến bộ, trái khoa học). Văn hoá mới Việt Nam, có tính

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.318.

chất dân tộc về hình thức, dân chủ mới về nội dung, là nền văn hoá cách mạng nhất, tiến bộ nhất ở Đông Dương trong giai đoạn này. Từ đó, Đề cương đề ra *những nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hoá mácxít Việt Nam* (tranh đấu về học thuyết, tư tưởng làm cho chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử chiến thắng; tranh đấu về trào lưu văn nghệ, làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa chiến thắng; tranh đấu về tiếng nói, chữ viết, thống nhất và làm giàu thêm tiếng Việt, cải cách chữ Quốc ngữ,...). Đề cương nhấn mạnh: Đảng phải lợi dụng tất cả khả năng công khai và bán công khai, bí mật để tuyên truyền và xuất bản, tổ chức các nhà văn, đấu tranh giành quyền lợi thiết thực cho nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, chống nạn mù chữ, thống nhất mọi hoạt động văn hoá tiến bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đề cương về văn hoá Việt Nam, bản tuyên ngôn của Đảng về văn hoá, đã vũ trang cho toàn Đảng và những người hoạt động văn hoá phương hướng đúng đắn để chiến thắng phát xít Nhật - Pháp trên mặt trận văn hoá và tư tưởng, xây dựng nền văn hoá mới của nước ta¹. Đề cương là ngọn cờ tập hợp các nhà văn hoá, văn nghệ, trí

1. Đề cương này được đồng chí Trường-Chinh gửi tới đồng chí Đặng Thai Mai và trên cơ sở đó, đồng chí Đặng Thai Mai đã viết cuốn *Khái luận văn hoá Việt Nam*, xuất bản năm 1944.

thức và chỉ cho họ con đường đấu tranh để giải phóng dân tộc, giải phóng văn hoá và tự giải phóng. Đây là lần đầu tiên, kể từ ngày thành lập, Đảng ta đã họp bàn và có chủ trương đúng đắn về văn hoá, văn nghệ Việt Nam mà ảnh hưởng của nó còn có tác động sâu rộng đến mãi sau này.

Trước thời gian này, vào tháng 6-1942, với bút danh Sóng Hồng, đồng chí Tổng Bí thư đã viết bài thơ "Là thi sĩ", chỉ rõ trách nhiệm của người làm văn hóa:

"Dùng bút làm đòn chuyển xoay chế độ,
Mỗi vần thơ: bom đạn phá cường quyền"¹

Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 2-1943, do Tổng Bí thư Trường-Chinh chủ trì, đã bổ sung và cụ thể hoá Nghị quyết lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, tạo điều kiện đưa cách mạng cả nước tiếp tục tiến lên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng, hầu hết đảng bộ địa phương đồng bằng miền Bắc đã lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng, củng cố các đoàn thể cứu quốc ở nông thôn và thành thị, phát động nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân thu được kết quả.

Năm 1943, Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam ra đời và là một thành viên mới của Mặt trận Việt Minh.

1. Sóng Hồng: *Thơ, Sđd*, tr.25.

Tiếp đó, tháng 6-1944, Đảng ta giúp một số trí thức yêu nước thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam, tham gia Việt Minh, đã làm cho Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít thêm sâu rộng, đồng thời đập tan âm mưu của địch định lôi kéo tư sản dân tộc và trí thức. Nhân dân càng thêm tin tưởng ở Đảng và Mặt trận Việt Minh. Các tổ chức cơ sở đảng và Việt Minh được tiếp tục phát triển ở nhiều tỉnh miền Trung.

Sau hai năm bị khủng bố ác liệt, từ năm 1943, phong trào cách mạng dần được phục hồi ở miền Nam. Ở vùng rừng núi và trung du miền Bắc đã xuất hiện những dấu hiệu của cao trào cách mạng. Từ đội vũ trang Cao Bằng và đội Cứu quốc quân đầu tiên, nhiều đội du kích thoát ly ra đời - đội tự vệ vũ trang và đội du kích được thành lập ở các xã, các huyện. Trên mặt trận văn hoá, tư tưởng, Đảng ta cũng giành được nhiều kết quả đáng kể. Sách, báo của Đảng và Mặt trận Việt Minh trở thành vũ khí sắc bén tập hợp quần chúng chuẩn bị khởi nghĩa. Phấn khởi trước khí thế cách mạng của quần chúng, đồng chí Tổng Bí thư viết bài thơ “Diệt phát xít”:

“Hỡi vô sản, nhân dân toàn thế giới!
Hãy đứng dậy, ngoắc cánh tay chặt lại,
Dựng trường thành cao ngất khắp năm châu.
Diệt hùm beo phát xít, cứu cho nhau,
Khởi nô lệ dã man thời trung cổ!

...

Giờ giải phóng rung rồi, giờ quyết liệt,
Chuông tự do vang dậy khắp bầu trời”¹.

Để xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương tăng cường công tác binh vận trong binh lính người Việt, lính lê dương, lính Pháp và phân công đồng chí Hoàng Văn Thụ, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, phụ trách công tác binh vận. Đảng cử người liên lạc với một số đảng viên cộng sản, phái tả Đảng Xã hội Pháp trong đội quân lê dương và giới công chức Pháp ở Việt Nam; liên lạc với những người Pháp thuộc phái Đờ Gôn ở Đông Dương nhằm xây dựng liên minh chống phát xít Nhật - Pháp ở Đông Dương.

Để thống nhất về tư tưởng, hành động, một trong những vấn đề mà Trung ương Đảng cần phải giải thích rõ là việc ngày 15-5-1943, Quốc tế cộng sản ra tuyên bố tự giải tán. Ngày 1-6-1943, dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư, Trung ương Đảng ra thông cáo “Đẩy mạnh cuộc chiến tranh chống phát xít xâm lược” chỉ rõ rằng “Những hình thức tổ chức và tranh đấu phải tùy theo làn sóng tranh đấu và tình thế mỗi lúc mà thay đổi. Quốc tế cộng sản là một tổ chức. Cũng như các tổ chức khác, nó không phải là tuyệt đối. Trái lại hình thức tổ chức của nó, cách thức làm việc của nó cho tới sự tồn tại

1. Sóng Hồng: *Thơ, Sđd*, tr. 23, 24.

của nó, phải thay đổi tùy theo "Những đặc điểm của một tình thế nhất định"¹. Chủ trương của Quốc tế cộng sản đã làm cho Anh - Mỹ mất cơ hội hoãn việc mở mặt trận thứ hai đánh phát xít và "để củng cố mặt trận dân chủ quốc tế chống phát xít xâm lược, ủng hộ Liên Xô mau chiến thắng, làm cho cách mạng thế giới có thêm nhiều điều kiện thắng lợi". Đó là "hành động hết sức khôn khéo và có lợi cho cách mạng". Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi phải "đánh đổ những ý kiến dao động, hoài nghi nảy ra trong hàng ngũ ta sau việc Quốc tế cộng sản giải tán"...².

Kịp thời thông báo và giải thích đúng đắn về việc tự giải tán của Quốc tế cộng sản làm cho đội ngũ của Đảng càng thêm thống nhất về tư tưởng, chặt chẽ về tổ chức.

Nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của các lực lượng chống Nhật ở Trung Quốc tham gia, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, cuối năm 1944, Tổng Bí thư Trường-Chinh cử đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương, dẫn đầu Đoàn đại biểu Tổng bộ Việt Minh đến Quảng Tây bàn việc hợp tác chống Nhật³...

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sổ*, t.7, tr.322-323, 324-325.

3. Nhận lời của đại diện của Tưởng Giới Thạch ở Hoa Nam mời một đại biểu của Tổng bộ Việt Minh sang Trung Quốc bàn việc Trung Quốc giúp Việt Nam chống Nhật. Đồng chí Hạ Bá Cang

Để Đảng thêm vững vàng, đoàn kết nhất trí, đảm nhiệm được sứ mệnh lịch sử trọng đại trước dân tộc, Tổng Bí thư thường xuyên coi trọng nhiệm vụ củng cố và phát triển Đảng, chỉ đạo tổ chức đảng các cấp làm việc theo nguyên tắc tuyệt đối bí mật, thường xuyên cảnh giác với những phần tử A.B¹. Sau khi đồng chí Hoàng Văn Thụ bị địch bắt (tháng 8-1943) và bị xử bắn (tháng 5-1944), đồng chí Tổng Bí thư chủ trương tổ chức “lớp đảng viên Hoàng Văn Thụ” kết nạp những người ưu tú xuất thân từ công nhân, nông dân, trí thức yêu nước, nhằm giáo dục truyền thống kiên cường bất khuất, trung thành với Đảng, với dân, làm cho hàng ngũ Đảng thêm vững mạnh.

Đồng chí cũng chăm lo lãnh đạo và trực tiếp huấn luyện, đào tạo cán bộ, tổ chức các lớp huấn luyện ngắn ngày, các lớp bồi dưỡng cấp tốc ở nhiều cấp, nhiều địa phương nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ chính trị, quân sự, binh vận,... cung cấp cho phong trào cách mạng.

(lúc này mới lấy bí danh Hoàng Quốc Việt) và đoàn đi Quảng Tây (Trung Quốc) gặp đại diện của Tưởng Giới Thạch và các tổ chức Việt Nam cách mạng đồng minh Hội và Việt Nam cách mạng Đảng ở Trung Quốc vào tháng 3-1945. Nắm được ý đồ của Tưởng Giới Thạch muốn Việt Nam ủng hộ và giúp đỡ quân Tưởng vào Việt Nam chống Nhật, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã báo cáo với đồng chí Hồ Chí Minh và Người chỉ thị cho đoàn tìm cách về nước ngay vì thời cuộc đang thay đổi nhanh chóng.

1. Phần tử A. B.: Phần tử phản bôn-sê-vích (BT).

Ngày 7-5-1944, để đẩy mạnh hơn nữa việc chuẩn bị khởi nghĩa, lấy danh nghĩa Tổng bộ Việt Minh, Tổng Bí thư đã viết Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" nêu rõ thời cơ hết sức thuận lợi cho ta giành quyền độc lập sắp tới, song thời cơ không phải tự nó đến mà phải do ta chuẩn bị, thúc đẩy. Phải tìm mọi cách đẩy mạnh cao trào cứu nước, đưa quần chúng từ cuộc đấu tranh giành quyền sống hàng ngày tiến lên đấu tranh giành chính quyền; thống nhất các tổ chức cứu quốc; đẩy mạnh tổ chức các đội tự vệ, đội du kích; lập "quỹ mua súng" và tự tạo lấy một phần vũ khí; cử người phụ trách quân sự ở mỗi cấp; theo dõi sát thời cuộc để chọn đúng thời cơ khởi nghĩa và việc chọn giờ phát động khởi nghĩa là một nghệ thuật.

Để đưa chỉ thị quan trọng này vào quần chúng cả nước, bắt đầu từ mùa Thu 1944, trên báo *Cờ giải phóng* xuất hiện một loạt bài, với bút danh T.Tr. của Tổng Bí thư, tập trung giải quyết vấn đề này dưới tiêu đề chung "Sửa soạn khởi nghĩa".

Ngày 28-7-1944, trong bài "Hãy nắm lấy khâu chính", Tổng Bí thư đã chỉ ra năm việc quan trọng của công tác chuẩn bị khởi nghĩa phải tiến hành đồng thời là: phát triển lực lượng vũ trang; huấn luyện cán bộ quân sự; trang bị vũ khí cho các lực lượng vũ trang; vận động binh lính để lấy vũ khí của địch bắn địch; huấn luyện chiến thuật du kích và kinh nghiệm cho cán bộ, đảng viên. Để giải quyết từng nhiệm vụ trên, tác giả đề

ra những biện pháp cụ thể và nhấn mạnh: “muốn cho tất cả những công việc trên đây có kết quả tốt, các chiến sĩ của Mặt trận Việt Minh phải hăng hái giác ngộ quần chúng, phát triển các tổ chức cứu quốc và đẩy mạnh phong trào đấu tranh hàng ngày”, “Mỗi địa phương phải có kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa cho sát với địa phương mình” và khẩu hiệu lúc này là: “Giờ thực hành đã đến. Hãy bắt tay vào việc!”¹.

Trong số báo này còn có bài “Hãy tiến gấp” của Tổng Bí thư. Sau khi nhận định “Cả Đông Dương như một cánh đồng cỏ khô tàn lửa cách mạng động rơi vào đâu cũng có thể bốc cháy. Hai quân thù Nhật, Pháp cầm cự, giữ miếng nhau, hơn nữa lại tiêu hao lực lượng của nhau, làm cho quyền thống trị của chúng ở Đông Dương yếu dần”², đồng chí Đặng Xuân Khu kêu gọi: “Các chiến sĩ cách mạng Đông Dương! Các giới đồng bào yêu nước! Thời cuộc trong ngoài hết sức có lợi cho ta. *Dịp tốt ngàn năm có một đang lại*. Hãy tiến gấp! Hãy kíp sửa soạn khởi nghĩa theo chỉ thị đã ra. Các đồng chí hãy kiên nhẫn và mạnh dạn thuyết phục đồng bào. Hãy thi nhau phát triển tổ chức; thi nhau đẩy mạnh phong trào đấu tranh quần chúng. Vận mệnh các dân tộc Đông Dương đã đặt trong tay chúng ta. Phải hy sinh, phấn đấu. Phải

1, 2. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sổđ*, t.I, tr.282-283, 285.

kiên quyết, tích cực. Bỏ lỡ cơ hội là một tội ác. Phải sẵn sàng đón lấy thời cơ và chuẩn bị đủ điều kiện tóm lấy nó... Tiến lên chuẩn bị cầm súng, tuốt gươm, giải phóng cho dân tộc khỏi ách nặng nề của phát xít Nhật, Pháp! Tiến lên dự một phần vẻ vang vào công cuộc tiêu trừ phát xít, dựng lại hoà bình, hạnh phúc cho loài người!”¹.

Tiếp theo bài báo trên là loạt bài của Tổng Bí thư chỉ đạo, dưới bút danh Tân Trào, hướng dẫn cụ thể thực hiện từng nhiệm vụ trên².

Ngày 10-8-1944, Việt Minh ra lời kêu gọi quốc dân đồng bào “Sắm vũ khí! Đuổi thù chung!”, “Phải làm sao cho những đội quân du kích do Việt Minh tổ chức ra sẵn có khí giới trong tay để, một khi dịp tốt đến, có thể theo hiệu lệnh kịp thời xông ra giết giặc, làm cái đà cho các tầng lớp đồng bào nổi dậy đuổi chúng ra khỏi nước”³. Lấy vũ khí của địch, tự sắm lấy vũ khí, góp tiền mua vũ khí cho Việt Minh là việc chung của các giới đồng bào yêu nước.

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Sđd, t.I, tr. 285-286.

2. Như các bài: “Bồi bổ điều kiện vật chất cho cuộc khởi nghĩa” (số 6); “Sửa soạn khởi nghĩa việc võ trang các đội tự vệ phải thực hành cho sát” (số 7); “Điều tra quân sự” (số 9); “Chọn căn cứ địa” (số 15).

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.504.

Tiếp theo sự chỉ đạo trên, ngày 28-9-1944, báo *Cờ giải phóng* lại đăng bài báo của Tổng Bí thư nhan đề “Bồi bổ điều kiện vật chất cho cuộc khởi nghĩa” chỉ rõ rằng: Thắng lợi của cách mạng không bao giờ tự nó đến. Phải sửa soạn nó, chinh phục nó. Khởi nghĩa là một việc lớn, phải sửa soạn nó bằng những phương pháp cụ thể, thực tế và tỉ mỉ. Cố nhiên tinh thần cách mạng của nhân dân là cần. Nhưng không thể trông cậy vào tinh thần ấy mà giải quyết mọi vấn đề được. Phải sửa soạn điều kiện vật chất cho cuộc khởi nghĩa. Điều kiện vật chất ấy là gì? Là đội quân cách mạng và vũ khí.

Ngày 10-11-1944, với bút danh T.Tr. Tổng Bí thư tiếp tục nhắc lại vấn đề tích cực sắm sửa vũ khí trên báo *Cờ giải phóng*, số 8, với bài “Sửa soạn khởi nghĩa việc vũ trang các đội tự vệ phải thực hành cho sát”. Bài báo chỉ rõ các đội tự vệ cần “sắm vũ khí và khí cụ phá hoại cho sát với nhiệm vụ từng đội tự vệ và tập dùng những thứ ấy trong các cuộc tập luyện, thao diễn hằng ngày”¹ và việc chỉ đạo vũ trang tự vệ phải theo kế hoạch của mỗi tỉnh và phải “thích hợp với kế hoạch quân sự cách mạng toàn xứ và toàn quốc”².

Tiếp theo những bài báo trên là một loạt các bài báo liên quan giúp cho người đọc nắm rõ tình thế cách mạng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.355, 354.

trong và ngoài nước, thấy được thời cơ cách mạng đã đến gần, phải kịp thời nắm lấy mà tự giải phóng. Bài “Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mủ” đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 7, ngày 28-9-1944, là một điển hình. Đồng chí Đặng Xuân Khu nhận định: sự "hoà hoãn" này (giữa phát xít Nhật và Pháp ở Đông Dương - TG) có khác chi một cái nhọt bọc, chứa chất bên trong biết bao nhiêu vi trùng và máu mủ, chỉ chờ dịp chín mồm là vỡ tung ra”¹.

Bằng giác quan chính trị nhạy bén, đồng chí Đặng Xuân Khu đã phát hiện hàng loạt vấn đề liên quan đến nhiệm vụ sửa soạn khởi nghĩa để định hướng và chỉ đạo thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể giúp cho người đọc của *Cờ giải phóng* hiểu rõ rằng nhiệm vụ sửa soạn khởi nghĩa mà Đảng đưa ra từ tháng 5-1944 trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong lúc này của cách mạng nước ta. Vì vậy, từ nửa sau năm 1944, các yếu tố về điều kiện vật chất và tinh thần cho cuộc quyết đấu với kẻ thù được chuẩn bị kỹ càng và với không khí khẩn trương của đồng bào cả nước.

Tại các căn cứ địa cách mạng, quần chúng đã sẵn sàng nổi dậy. Ở căn cứ Võ Nhai (Thái Nguyên), cấp uỷ địa phương đã phát động khởi nghĩa khi địch mở cuộc càn quét lớn vào tháng 10-1944. Nhận được tin đó,

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.I, tr.294.

Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã biểu dương tinh thần cách mạng của cán bộ và quần chúng, đồng thời nghiêm khắc phê bình sai lầm của cấp uỷ địa phương và cử ngay cán bộ về tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ cơ sở bảo toàn lực lượng. Để hướng dẫn cho các địa phương trước sự khủng bố của kẻ thù, với bút danh Trương Trính, Tổng Bí thư còn có bài “Chống khủng bố” trên báo *Cờ giải phóng*, số 8, ngày 10-11-1944, chỉ đạo những việc làm cụ thể để bảo vệ phong trào với tinh thần: hãy tẩy rửa tâm lý chống khủng bố bằng cách chạy trốn và phải học lấy cách tích cực chống khủng bố ngay tại chỗ.

Tháng 10-1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc thông báo Người đã về nước và chỉ rõ “Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”¹. Về tới Pác Bó (Cao Bằng), Người đã quyết định hoãn việc phát động chiến tranh du kích (thực chất là khởi nghĩa) của Liên tỉnh uỷ Cao - Bắc - Lạng vì điều kiện chưa chín muồi. Ngay sau đó, Người đề ra chủ trương lập *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* để làm nòng cốt đẩy mạnh công tác chuẩn bị khởi nghĩa.

Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, do đồng chí Võ Nguyên Giáp tổ chức và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.506.

lãnh đạo, được thành lập ở Cao Bằng. Ngay sau đó, Đội đã liên tiếp đánh chiếm được hai đồn địch ở Phai Khắt và Nà Ngần, mở đầu truyền thống “quyết chiến, quyết thắng” của lực lượng vũ trang cách mạng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng cả nước.

Ngày 28-1-1945, với bút danh Trường-Chinh¹, Tổng Bí thư viết bài “Chúng ta học được những gì trong cuộc đấu tranh võ trang ở Thái Nguyên?” đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 10, chỉ ra những kinh nghiệm tốt của phong trào du kích ở Thái Nguyên đồng thời chỉ ra những khuyết điểm sai lầm như “coi thường bạo động”, “không nắm vững điều kiện khởi nghĩa” và khi làm chủ tình thế đã “không biết tổ chức một cơ quan gì để tạm giữ chính quyền cho nhân dân, để duy trì trật tự cách mạng và thi hành các phương pháp có lợi trực tiếp cho quần chúng” đồng thời “đã bỏ một dịp hiếm có để dạy cho quần chúng và tự mình học lấy cách lập chính quyền và giữ chính quyền”. Đồng chí cho rằng cuộc chiến đấu ở Võ Nhai đã cho ta một bài học bổ ích và “các chiến sĩ cứu quốc và toàn thể đồng bào hãy học lấy bài học sốt dẻo ấy để tiến tới một cuộc du kích cách mạng sâu rộng và quyết liệt hơn”².

1. Xuất hiện lần đầu tiên trên báo. Từ đây chúng tôi viết Trường-Chinh thay cho Đặng Xuân Khu.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.362-363.

Bài báo là bản tổng kết thực tiễn rất sâu sắc và là bước chuẩn bị trực tiếp về nghệ thuật khởi nghĩa cho cuộc tổng khởi nghĩa ở nước ta.

Như vậy, sau khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi công tác nước ngoài và bị bọn quân phiệt Tưởng Giới Thạch bắt tù đầy qua 13 nhà tù ở Trung Quốc (tháng 8-1942 đến tháng 10 - 1944), dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư Trường-Chinh, những nhiệm vụ sửa soạn khởi nghĩa đã được thực hiện chu đáo, toàn diện. Toàn Đảng và toàn dân ta sẵn sàng thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng tiến lên khởi nghĩa giành độc lập cho Tổ quốc khi thời cơ đến.

3.3. Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta

Tháng 2-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh đi công tác nước ngoài¹, công việc chỉ đạo toàn Đảng chuẩn bị khởi nghĩa do đồng chí Tổng Bí thư Trường-Chinh tiếp tục chịu trách nhiệm thực hiện.

Đầu năm 1945, Hồng quân Liên Xô đã quét sạch phát xít Đức ra khỏi lãnh thổ Liên Xô, giải phóng nhiều nước Đông Nam châu Âu, bao vây Béclin, sào huyệt của Hitle. Giờ tận số của phát xít Đức đã điểm. Số phận của phát xít Nhật cũng đã được định đoạt. Ở Đông Dương, tuy Nhật - Pháp còn tạm thời hoà hoãn nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt.

1. Đến tháng 5-1945 Người mới về nước.

Đúng như dự đoán của đồng chí Trường-Chinh trong bài báo “Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mủ” (ngày 28-9-1944), cái nhọt đã “vỡ mủ”. Đêm 9-3-1945, Nhật nổ súng đánh Pháp trên toàn cõi Đông Dương để độc chiếm Đông Dương và ngăn ngừa mối hậu họa sau lưng khi quân Đồng minh tiến vào. Chính quyền thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng. Nhật giữ nguyên bộ máy cai trị tay sai của Pháp để thống trị và bóc lột dưới lớp sơn độc lập giả hiệu.

Khi nhận được tin báo có dấu hiệu chuẩn bị chiến đấu của quân Nhật, Tổng Bí thư Trường-Chinh đã lập tức triệu tập Hội nghị mở rộng của Ban Thường vụ Trung ương Đảng tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh¹. Tham dự cuộc họp mở rộng Ban Thường vụ Trung ương Đảng có các đồng chí: Trường-Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Văn Trân...

Đêm 9 tháng 3, khi Hội nghị mới bắt đầu, cuộc đảo chính đã diễn ra. Đồng chí Trường-Chinh tiếp tục chủ trì cuộc họp, đồng thời cử người về Hà Nội nắm thêm tình hình cuộc đảo chính..

Nội dung cuộc họp quan trọng này được thể hiện đầy đủ trong bản chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng

1. Lúc đầu họp tại chùa Đồng Kỵ, sau chuyển tới họp ở nhà ông Nguyễn Tiến Tuân (Đám Thi), làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh, rồi lại chuyển đến nhà một cơ sở khác cũng ở làng Đình Bảng, đều là những cơ sở của Trung ương ở ATK1.

"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", do Tổng Bí thư Trường-Chinh khởi thảo và hoàn chỉnh.

Hội nghị nhận định: Do cuộc đảo chính diễn ra quá nhanh, các tầng lớp đứng giữa chưa ngã hẳn về cách mạng, đội tiên phong đang chuẩn bị khởi nghĩa, nên điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi. Nhưng cuộc đảo chính đã tạo ra khủng hoảng chính trị sâu sắc, làm cho những điều kiện khởi nghĩa chín muồi nhanh chóng. Điều kiện đó là: chính trị khủng hoảng, nạn đói ghê gớm, chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt. Từ đó, Hội nghị xác định: sau cuộc đảo chính, phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt; khẩu hiệu đấu tranh là *Đánh đuổi phát xít Nhật!* Hội nghị chủ trương “phát động một cao trào *kháng Nhật, cứu nước* mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa”¹; thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, cổ động đấu tranh và tổ chức cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa nhằm động viên mau chóng quần chúng lên mặt trận cách mạng, tập dượt cho quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền; thống nhất các chiến khu, thành lập *Việt Nam giải phóng quân*, tổ chức Ủy ban quân sự cách mạng, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng ở những vùng quân du kích hoạt động, phát động du kích chiến ở

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.367.

những nơi có địa thế, địa hình thuận lợi và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng Việt Nam theo hình thức như một Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam. Chỉ thị nêu rõ phải sẵn sàng hưởng ứng và có hành động thích hợp khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật và việc “chuẩn bị hưởng ứng quân Đồng minh một cách tích cực” là “ngay bây giờ phát động du kích, chiếm căn cứ địa, duy trì và mở rộng chiến tranh du kích, phải là phương pháp duy nhất của dân tộc ta để đóng vai chủ động trong việc đánh đuổi quân ăn cướp Nhật Bản ra khỏi nước”¹. Hội nghị dự kiến khả năng khách quan làm cho tổng khởi nghĩa có thể nổ ra và thắng lợi và nhấn mạnh: không được y lại và tự bó tay mình khi tình thế biến chuyển thuận lợi.

Chủ trương của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng do Tổng Bí thư Trường-Chinh triệu tập và chủ trì thể hiện rõ sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời, sáng tạo, nhạy bén của Tổng Bí thư. Chỉ thị là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, trực tiếp dẫn tới thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945).

Cuộc họp kết thúc vào ngày 12-3-1945.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.372.

Sau Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh về ngay cơ sở ở Viên Nội (Đông Anh) trong An toàn khu Trung ương để hoàn chỉnh bản chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, chỉ đạo việc in ấn và chuyển bản chỉ thị tới các xứ ủy, tỉnh ủy theo hệ thống giao liên “song hành”, “biệt lập” được chính Tổng Bí thư tổ chức một cách chặt chẽ, khoa học, an toàn.

Ngày 15-3-1945, Tổng Bí thư Trường-Chinh chỉ đạo Mặt trận Việt Minh phát động *Cao trào kháng Nhật, cứu nước*.

Để hướng dẫn tổ chức thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ngày 25-3-1945, Tổng Bí thư Trường-Chinh viết bài “Cuộc “đảo chính” của Nhật ở Đông Dương”, đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 11, phân tích nguyên nhân cuộc đảo chính và những khó khăn của Nhật. Trước tình hình đó, Đảng ta đã “*phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước*”¹ và “nhân dân Đông Dương đang tiến tới tổng khởi nghĩa một cách gấp rút, quyết đổ máu ra giành lại độc lập, tự do”². Với đề mục “Tiến lên”, Tổng Bí thư chỉ rõ:

“Chính quyền Pháp đã đổ. Chính quyền Nhật chưa ổn định. Các hạng tay sai của Nhật, Pháp đang hoang mang. Tình thế rất thuận lợi. Các chiến sĩ cách mạng

1, 2. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.I, tr.307, 308.

Đồng Dương phải lợi dụng đến cùng cuộc khủng hoảng chính trị đang tiếp diễn đang đầy mạnh cao trào. Rút dè, do dự lúc này là có tội.

Hãy tổ chức khắp các xí nghiệp, các làng, các đường phố những ỦY BAN GIẢI PHÓNG để luyện tập cho nhân dân cầm chính quyền. Hãy thành lập thật nhiều những đội tuyên truyền xung phong, tán phát xung phong và tổ chức xung phong đăng mở rộng cơ sở cứu quốc cho thật mau. Phải lãnh đạo quần chúng nhân dân ra đường biểu tình để động viên tinh thần quần chúng, làm cho quần chúng mạnh dạn tiến tới tổng khởi nghĩa. Phải đặc biệt phát triển các đội tự vệ cứu quốc;... mỗi đội, mỗi tiểu đội phải nhằm ngay một mục tiêu đánh và phá mà cấp tốc sắm vũ khí cho thích hợp. Phải thành lập nhiều căn cứ địa và phát triển bộ đội du kích ở những nơi có điều kiện. *Toàn bộ công tác của Đảng phải nhằm vào mục đích gấp rút gấp tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền, sẵn sàng hưởng ứng quân Đồng minh*¹.

Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” cùng với bài báo của Tổng Bí thư, là những mệnh lệnh hướng dẫn hành động cụ thể cho đảng bộ các địa phương, đã thổi bùng lên cao trào chống Nhật, cứu nước. Phong trào đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Sđd, t.I, tr.309.

tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần diễn ra sôi nổi ở thượng du, trung du miền Bắc. Ở Việt Bắc, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với nhân dân nổi dậy giải phóng hàng loạt châu, huyện, xã thuộc sáu tỉnh Việt Bắc. Nhân dân Bắc Giang nổi dậy thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng ở nhiều làng. Ở Quảng Ngãi, số đảng viên đang bị giam trong trại giam Ba Tơ đã khởi nghĩa, chiếm đồn, thành lập Đội du kích Ba Tơ. Dưới sự lãnh đạo của Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, tự vệ chiến đấu địa phương Hưng Yên đã đánh chiếm đồn Bần, Yên Nhân trên đường Quốc lộ số 5, chỉ cách Hà Nội chưa đầy 30km,...Hàng nghìn cán bộ cách mạng bị giam trong các nhà tù đế quốc đã nổi dậy phá nhà giam, vượt ngục ra ngoài, tham gia lãnh đạo cách mạng.

Do chính sách bóc lột, vơ vét của Nhật - Pháp, hai triệu người Việt Nam ở các tỉnh phía Bắc bị chết đói. Đồng chí Trường-Chinh đề nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng kịp thời ra khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”¹. Khẩu hiệu sát đúng giải quyết trúng

1 Đồng chí Trường-Chinh kể lại: Một hôm đi trên vùng đê của Từ Liêm, nhìn thấy đàn quạ đang sà xuống đồng rạ, xuống xem thì là xác người chết đã rữa. Nhớ lại Lê Quý Đôn vận động phá kho thóc chia cho dân để cứu đói, về đề nghị với Thường vụ ra khẩu hiệu vận động nhân dân phá kho thóc của Nhật. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

mâu thuẫn gay gắt trong đời sống xã hội lúc đó đã đẩy lên một phong trào cách mạng rộng lớn, đưa hàng triệu quần chúng từ đấu tranh cho quyền lợi kinh tế hàng ngày đến khởi nghĩa giành chính quyền.

Để đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang, từ ngày 15 đến 20-4-1945, Tổng Bí thư Trường-Chinh triệu tập và chủ trì Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, tại Hiệp Hoà, Bắc Giang (thuộc ATK2), *hội nghị quân sự quan trọng đầu tiên của Đảng nhằm giải quyết nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ quan trọng và cần kíp nhất của Đảng lúc này*. Dự họp có các đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Trân, Lê Thanh Nghị, Chu Văn Tấn,...

Sau khi phân tích tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị ra nghị quyết về những “Nhiệm vụ cần kíp của chúng ta” mà trước hết là “đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này”¹. Hội nghị cho rằng: “Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật, để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ”²; xây dựng *bảy chiến khu* trong cả nước; đánh thông liên lạc giữa các chiến khu Bắc Kỳ và Trung, Nam Kỳ; gây

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.391.

dựng những căn cứ địa kháng Nhật ở ba miền thuộc những khu vực hiểm yếu; thống nhất, củng cố và phát triển các bộ đội quân giải phóng lấy tên là Việt Nam giải phóng quân theo biên chế, tổ chức; thống nhất chỉ huy cụ thể đồng thời tổ chức những đội tự vệ thường, tự vệ chiến đấu và bộ đội địa phương cũng như tổ chức các đội quân đặc biệt; chỉ rõ những chiến thuật để chống lại sự tiến công của quân Nhật.

Về nhiệm vụ phát triển cao trào kháng Nhật, cứu nước ra toàn quốc, Hội nghị xác định rõ “nhân lúc cao trào này mà mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, phát động chiến tranh du kích trong các chiến khu; đưa nhân dân ra đường tranh đấu”¹ ở những nơi không có điều kiện phát động chiến tranh du kích; tổ chức ra chính quyền cách mạng hay những hình thức quá độ ở các chiến khu và Ủy ban dân tộc giải phóng ở những nơi ngoài chiến khu. “Hội nghị đề nghị triệu tập một cuộc đại biểu đại hội gồm có các giới, các đảng phái, các thân sĩ toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam”²; thực hiện ngay một số chính sách để tổng động viên nhân dân kháng Nhật, thực hiện các quyền dân chủ, cải thiện sinh hoạt cho nhân dân để

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.395, 396.

phát động nhân dân kháng chiến, tiêu trừ Việt gian phản quốc. Về vấn đề ruộng đất, Hội nghị chủ trương giải quyết theo hai nguyên tắc “làm cho nông dân có ruộng cày cấy”, “Điều hoà quyền lợi giữa dân cày nghèo và phú nông, địa chủ làm cho mặt trận thống nhất dân tộc thêm chặt chẽ”¹; vấn đề ruộng đất sẽ giải quyết bằng cách chia ruộng đất của Việt gian cho dân, hoặc cho dân tổ chức khai hoang tập thể; tích cực phát triển và thống nhất các tổ chức Việt Minh, đặc biệt chú ý gây phong trào thanh niên; giúp dân khám phá mưu mô của các phần tử thân Nhật; tiến hành các hoạt động binh vận.

Nghị quyết chỉ rõ về nhiệm vụ tuyên truyền trong đó “Nội dung tuyên truyền trong lúc này nhằm vào một mục đích chính là: kháng Nhật” dưới nhiều hình thức. Những vấn đề cán bộ, tài chính, vấn đề liên hiệp kháng Nhật với Pháp Đờ Gôn và Hoa kiều cũng được chỉ ra cụ thể đối với từng nhiệm vụ.

Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ, Bộ tư lệnh của Việt Nam giải phóng quân miền Bắc Đông Dương để “phụ trách chỉ huy các chiến khu miền Bắc Đông Dương về mặt chính trị và quân sự, đồng thời có nhiệm vụ giúp đỡ cho toàn quốc về mặt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.396.

quân sự. Ra tờ hiệu triệu của Ủy ban kêu gọi các tướng sĩ và quốc dân xông tới giết giặc”¹.

Nghị quyết Hội nghị đã cụ thể hoá chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ yếu về công tác quân sự nhằm đẩy mạnh việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Với việc triệu tập và chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ với *những quyết định của nó đánh dấu một bước phát triển mới của tư tưởng quân sự của Đảng về khởi nghĩa vũ trang, đấu tranh vũ trang, lực lượng vũ trang và xây dựng căn cứ địa cách mạng*. Về nội dung nghị quyết đã vượt quá nội dung quân sự đơn thuần bởi Hội nghị đã quyết định rất nhiều vấn đề chính trị như vấn đề thành lập các Ủy ban dân tộc giải phóng, cách thức tiến hành và tổ chức một chính phủ lâm thời; vấn đề mặt trận; vấn đề ruộng đất; vấn đề cán bộ... Đó là sự tiếp tục chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng, toàn diện của Đảng cho khởi nghĩa.

Cuối tháng 4-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh, sau chuyến đi Trung Quốc để liên hệ với Đồng minh chống phát xít, đã trở về Pác Bó, Cao Bằng.

Ngày 4-5-1944, Người bắt đầu rời Pác Bó về Tân Trào.

Ngày 21-5-1945, Người về đến Tân Trào (Tuyên Quang) để chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị Đại hội quốc dân.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.399.

Tổng Bí thư Trường-Chinh (khi đó đang giải quyết thí điểm việc cấp đất ở đồn điền Cờ Vát (huyện Hiệp Hoà, Bắc Giang) cho nông dân) và các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp,... đã đến Tân Trào báo cáo với lãnh tụ Hồ Chí Minh về những chủ trương của Trung ương, của Thường vụ; về tình hình phong trào cách mạng trong cả nước. Sau khi nghe báo cáo tình hình và tán thành chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng¹, Người chỉ thị thành lập *Khu giải phóng Việt Bắc*, căn cứ địa của cả nước, thi hành Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh...

Ngày 4-6-1945, Khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập.

Để cổ động cho công cuộc kháng Nhật, ngày 15-6-1945, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Cuộc kháng chiến anh dũng của chúng ta”, đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 14, nêu cao tinh thần “các dân tộc Đông Dương, với vũ khí thô sơ và thiếu thốn, đang kiên quyết *một mình* đảm đương công cuộc kháng chiến chống

1. Sau này, đồng chí Trường-Chinh kể lại: Bác tán thành chủ trương của Trung ương, của Thường vụ. “Bác rất thích thú về Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Bác bảo: cái này kịp thời”. Lời kể của đồng chí Trường-Chinh, ngày 15-7-1987, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Nhật trong những điều kiện hết sức khó khăn”¹ nhưng đã “tiếp tục chiến đấu, đương đầu thắng với Nhật”², thành lập Khu giải phóng và Việt Nam giải phóng quân. Sau khi chỉ rõ “Cuộc kháng chiến của ta là một bằng chứng sắt đá chỉ cho thế giới biết rằng: *dân tộc ta không hèn đớn nép mình dưới gót ủng của quân Nhật, cũng không chiến đấu cho quyền thống trị của Pháp như chính phủ Đờ Gôn đã tuyên bố, không y lại trông chờ ở lực lượng viện trợ bên ngoài*”³, bài báo kết luận bằng một tuyên bố rõ ràng về lập trường: “Chúng ta chống Nhật đến cùng. Song chúng ta sẵn sàng chống tất cả thế lực nào định bắt ta trở lại đời nô lệ cho chủ nghĩa đế quốc Pháp hoặc cho bất cứ một chủ nghĩa đế quốc nào khác, sau khi quyền thống trị của Nhật đổ.

Chỉ có cầm vũ khí trong tay, đoàn kết chiến đấu, dân tộc ta mới tự quyết định được số phận của mình trong những ngày sắp tới đây”⁴.

Ngày 28-6-1945, với bút danh Tân Trào, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Muội chính sách lớn trong khu giải phóng”, đăng báo *Cờ giải phóng*, số 14, tuyên truyền cho sự ra đời của Khu giải phóng và các uỷ ban nhân dân cách mạng và việc thực hiện Muội chính sách

1, 2, 3, 4. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sđd*, t.I, tr.319, 320, 321, 322.

lớn trong Khu giải phóng. Mười chính sách này "chưa bao gồm được hết các khoản trong Chương trình kiến quốc của Việt Minh, nhưng gắng thực hiện những điều mong muốn cấp bách nhất của quần chúng. Vì chính quyền toàn quốc chưa ở trong tay nhân dân ta, cho nên Chương trình Việt Minh chưa được đem thi hành triệt để. Song Mười chính sách lớn trong *Khu giải phóng* đã bao gồm được những điểm chính trong bản Chương trình kia rồi"¹. Tác giả kêu gọi: "Hỡi đồng bào! Lá cờ giải phóng dân tộc đang phấp phới bay trên các chiến khu. Hãy nhắm theo lá cờ ấy, đứng lên đuổi Nhật, đánh đổ chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, thành lập chính phủ lâm thời cách mạng toàn quốc, đem Chương trình Việt Minh ra thi hành khắp nước"².

Từ đây, ở nước ta đã hình thành trạng thái hai chính quyền song song tồn tại: chính quyền phản động tay sai của phát xít Nhật và chính quyền nhân dân ở Khu giải phóng và ở một số địa phương. Phạm vi hoạt động của chính quyền nhân dân tuy còn nhỏ nhưng thanh thế lớn và ngày càng mở rộng. Đồng chí Trường-Chinh nhận xét: "Nước *Việt Nam* mới phôi thai từ đó... Một phần Bắc Bộ đã thực tế đặt dưới chính quyền cách mạng"³.

1, 2, 3. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sđd*, t.I, tr.324-325, 326, 348.

Để đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị khởi nghĩa, cần có sự nhất trí cao hơn về đường lối cách mạng trong Đảng và trong hàng ngũ cách mạng, đồng chí Trường-Chinh đã viết một loạt bài báo kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc trong nội bộ Đảng và nhân dân¹.

Do bị bọn A.B. phá hoại, Đảng bộ Trung Kỳ bị tổn thất nặng, đồng chí Trường-Chinh chỉ đạo Thường vụ Trung ương gửi thư, ngày 27-6-1945, chỉ rõ “nhiệm vụ trước mắt của các đồng chí Trung Kỳ lúc này là phải cải tổ các tổ chức của Đảng từ trên đến dưới, định rõ tội trạng của bọn A.B. từng nơi, tẩy trừ những phần tử khả nghi, cơ hội, bè phái, không trung thành ra khỏi hàng ngũ Đảng; gấp tiến tới một cuộc toàn xứ đại biểu đại hội hay cán bộ hội nghị, đảng thống nhất đảng bộ bầu ra ban xứ uỷ và các ban tỉnh hay liên tỉnh uỷ chính thức” và chỉ định Uỷ ban thống nhất Trung Kỳ có nhiệm vụ “lựa chọn và chấp lại các mối và hợp hội nghị trừ bị đảng sửa soạn một cuộc hội nghị thống nhất toàn xứ”².

Đồng chí Tổng Bí thư còn phê phán các đồng chí

1. Đó là các bài trên báo *Cờ giải phóng* như: "Những bệnh của các đồng chí dân tộc thiểu số" (số 3, ngày 15-2-1944); "Làm thế nào để nhận biết một phần tử A.B." (số 9, ngày 25-12-1944); "Những bệnh sốt rét vỡ da của phong trào"; "Những trở ngại về việc xây dựng các chi bộ xí nghiệp" (số 15, ngày 17-7-1945).

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.402.

trong báo *Tiền phong* và báo *Giải phóng* ở Đảng bộ Nam Kỳ, từ không thống nhất về khẩu hiệu đấu tranh, trước và sau ngày 9-3-1945, đến không thống nhất về tổ chức. Trong bài “Hãy kíp đi vào đường lối!”, đảng báo *Cờ giải phóng*, số 15, ngày 17-7-1945, đồng chí Trường-Chinh phân tích rõ những khẩu hiệu sai lầm của *Tiền phong* và *Giải phóng*, nêu rõ quan điểm về vấn đề “khẩu hiệu cách mạng, nhất là khẩu hiệu chiến lược, phải đặt một cách hết sức khách quan, căn cứ vào sự phân tích khoa học tình hình trong nước và ngoài nước, căn cứ vào sự nhận định sáng suốt kẻ thù và các hạng đồng minh xa gần, và cố nhiên phải thích hợp với nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn” và kêu gọi: “Các đồng chí ấy hãy kíp gạt bỏ thành kiến mà đi vào đường lối của Đảng, thủ tiêu khẩu hiệu của riêng mình mà theo khẩu hiệu của Đảng... Chúng ta sẽ phạm phải một tội lớn, nếu trước giờ quyết liệt, chúng ta còn chia rẽ mãi”¹.

Những thắng lợi to lớn của lực lượng dân chủ chống phát xít càng thúc đẩy cao trào chống Nhật, cứu nước Việt Nam dâng lên mạnh mẽ. Ngày 9-5-1945, phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng minh không điều kiện. Lò lửa chính của Chiến tranh thế giới thứ hai đã bị dập tắt. Tổng Bí thư Trường-Chinh đã viết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.414-415.

bài “Phát xít Đức đã tắt thở”, đăng báo *Cờ giải phóng*, ngày 16-6-1945, đánh giá cao ý nghĩa lịch sử của thắng lợi đánh bại phát xít Đức và ảnh hưởng đối với cách mạng Việt Nam. Đồng chí nhấn mạnh: Chẳng bao lâu nữa phát xít Nhật sẽ trở về thiên cổ theo gót bạn chúng bên trời Âu... Dù sao nhân dân Đông Dương không thể bị động trông chờ những ngày may mắn từ đâu đưa lại... Phải đứng dậy đánh đuổi giặc Nhật, góp sức với Đồng minh dìm chết con thú dữ Nhật Bản dưới đáy Thái Bình Dương... sẵn sàng phát động tổng khởi nghĩa giành hẳn lại đất nước.

Ngày 9-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Trong vòng một tuần lễ, quân đội Xôviết đã tiêu diệt hoàn toàn đạo quân Quan Đông thiện chiến của phát xít Nhật, góp phần quan trọng buộc Nhật phải đầu hàng không điều kiện, chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ hai, tạo điều kiện cho các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh giải phóng dân tộc.

Quân đội Nhật ở Đông Dương hoang mang, rệu rã. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoàn toàn tê liệt. Trong khi đó, Mặt trận Việt Minh đã thu hút hàng triệu hội viên và hàng triệu người ủng hộ Việt Minh. Ngọn lửa cách mạng lên cao chưa từng thấy. Các tầng lớp trung gian ngả hẳn về cách mạng... Tình thế cách mạng trực tiếp đã chín muồi.

Ngày 12-8-1945, Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải

phóng đã ra mệnh lệnh nêu rõ: “Giờ phút khởi nghĩa đã tới, cuộc chiến đấu chúng ta đã đến lúc quyết liệt”¹, phải trấn tĩnh và kiên quyết huy động bộ đội đánh vào những nơi có đủ điều kiện thắng lợi, đánh vào chỗ địch rút lui, đối xử tử tế với hàng binh Nhật... và đề ra các biện pháp tăng cường lực lượng của ta.

Thực hiện Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường-Chinh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội để quyết định phát động tổng khởi nghĩa và thành lập Chính phủ lâm thời.

Từ ngày 13 đến 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp ở Tân Trào, thủ đô Khu giải phóng. Lãnh tụ Hồ Chí Minh vì ốm không đến dự đầy đủ các phiên họp nhưng vẫn chỉ đạo Hội nghị. Trước và trong quá trình Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh thường xuyên báo cáo và xin ý kiến của Người. Dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường-Chinh, các đồng chí uỷ viên Trung ương và đại biểu các Đảng bộ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ... đã về dự họp khá đầy đủ.

Hội nghị toàn quốc của Đảng nhận định những điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi, cơ hội tốt cho ta giành chính quyền đã tới và quyết định phát động tổng khởi

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.419.

nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Nguyên tắc để chỉ đạo khởi nghĩa là *tập trung, thống nhất* và *kịp thời*. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là “Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!”. Phương hướng hành động trong cuộc tổng khởi nghĩa là phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn, thành lập những uỷ ban nhân dân ở những nơi ta làm chủ; quân sự và chính trị phối hợp, phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh, chớp lấy những căn cứ chính (cả các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào...

Hội nghị quyết định những vấn đề quan trọng về đối nội và đối ngoại rất cụ thể với từng đối tượng sau khi giành chính quyền.

Về đối nội, Mười chính sách của Việt Minh là chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng.

Về đối ngoại, thực hiện chính sách thêm bạn, bớt thù, lợi dụng mâu thuẫn giữa Anh - Pháp và Mỹ - Tưởng, “tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh (Tàu, Pháp, Anh, Mỹ) tràn vào nước ta và đặt chính phủ của Pháp Đờ Gôn hay một chính phủ bù nhìn khác trái với ý nguyện dân tộc”¹,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.427.

tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và nhân dân các nước, nhất là nhân dân Pháp và Trung Quốc. “Dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và Đồng minh”¹.

Nhiệm vụ tuyên truyền phải nhằm vào việc nêu những khẩu hiệu động viên tinh thần cứu quốc, nguyện vọng của dân tộc, quốc gia hoàn toàn độc lập với những công tác rất cụ thể để thực hiện. Kế hoạch tác chiến quân sự được xác định rõ trong cả tiến và thoái; thống nhất tên Quân giải phóng Việt Nam, thống nhất biên chế, cải thiện công tác chính trị trong bộ đội, định rõ chiến khu, lập Bộ tư lệnh, đào tạo cán bộ, thành lập uỷ ban khởi nghĩa thống nhất chỉ huy cuộc chiến đấu...

Công tác vận động các giới và các đảng phái, nhiệm vụ kinh tế, giao thông, đào tạo và sử dụng cán bộ, thống nhất, củng cố và phát triển Đảng... được nhấn mạnh với những nhiệm vụ cụ thể trong nghị quyết của Hội nghị. Hội nghị bổ sung một số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương.

Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng do Tổng Bí thư Trường-Chinh chủ trì đã chỉ đạo mọi mặt hoạt động của Đảng trong quá trình lãnh đạo tổng khởi nghĩa và cả sau khi tổng khởi nghĩa thành công.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.427.

Trong khi hội nghị đang họp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã biết tin nội các Nhật quyết định đầu hàng Đồng minh không điều kiện qua bản tin của đài BBC (Anh). Lập tức, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh quyết định thành lập ngay *Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc* gồm các đồng chí Trường-Chinh, Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh, Lê Thanh Nghị và Chu Văn Tấn, do Tổng Bí thư Trường-Chinh phụ trách.

Đảng Cộng sản Đông Dương lập tức ra *Lời hiệu triệu* kêu gọi “Giờ khởi nghĩa đã đến, ngày vinh quang của Tổ quốc đã bùng nổ”, “Đồng bào và các đoàn thể cứu quốc, dưới quyền chỉ huy của Ủy ban dân tộc giải phóng, Ủy ban khởi nghĩa hãy cùng với giải phóng quân và tự vệ đội nổi dậy đánh chiếm các đồn các huyện lỵ, phủ lỵ và các tỉnh lỵ, tước khí giới của giặc Nhật”¹.

Đến 11 giờ đêm 13 tháng 8, Ủy ban khởi nghĩa đã ra lệnh khởi nghĩa trong cả nước:

“Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh!

Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!

... Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kíp đánh vào các đô thị và trong trận của quân địch; đánh chẹn các đường rút lui

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.416.

của chúng, tước vũ khí của chúng! Đạp qua muôn trùng trở lực, các bạn hãy *kiên quyết tiến!*...

Chúng ta phải *hành động cho nhanh*, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!”¹.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho một số đồng chí đại biểu dừng họp, trở về ngay địa phương, truyền đạt ý kiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa.

Dự kiến chính xác thời cơ, có kế hoạch chuẩn bị đón thời cơ và chớp thời cơ, khẩn trương, kiên quyết khởi nghĩa, là một thành công của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường-Chinh và Đảng ta trong lãnh đạo khởi nghĩa.

Ngay sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, Đại hội quốc dân đã họp ở đình Tân Trào, ngày 16-8-1945. Hơn 60 đại biểu Bắc, Trung, Nam, đại biểu kiều bào ở nước ngoài, đại biểu các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng, các dân tộc, các tôn giáo... đã tham dự.

Trong ngày thứ nhất của Đại hội, lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trì, Tổng Bí thư Trường-Chinh, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trình bày chủ trương của Đảng. Đại hội đã nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và Tổng bộ Việt Minh và biểu lộ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.421-422.

quyết tâm giành độc lập, thành lập chính quyền cách mạng trước khi quân Đồng minh vào nước ta. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: “Không phải Nhật bại là nước ta tự nhiên được độc lập. Nhiều sự gay go trở ngại sẽ xảy ra. Chúng ta phải khôn khéo và kiên quyết. Khôn khéo để tránh những sự không lợi cho ta. Kiên quyết để giành cho được nền hoàn toàn độc lập. Trên thế giới, sau cuộc chiến tranh này, một dân tộc quyết tâm và nhất trí đòi quyền độc lập thì nhất định được độc lập. Chúng ta sẽ thắng lợi”¹.

Đại hội hiệu triệu nhân dân toàn quốc kịp thời đứng lên phấn đấu thực hiện Mười chính sách lớn của Việt Minh, trước hết là giành lấy chính quyền, xây dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên nền tảng độc lập hoàn toàn và cử ra *Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam*² (tức Chính phủ lâm thời) do lãnh tụ Hồ Chí Minh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.561.

2. Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam gồm: Chủ tịch: Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch: Trần Huy Liệu. Các uỷ viên: Nguyễn Lương Bằng, Trường-Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Xuân, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Hữu Đang.

Thường trực Ủy ban: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Dương Đức Hiền.

làm Chủ tịch để thay mặt nhân dân Việt Nam giao thiệp với nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước.

Để tạo điều kiện hành động kịp thời, Đại hội quyết định giao toàn quyền chỉ huy khởi nghĩa cho Ủy ban khởi nghĩa.

Đại hội quốc dân Tân Trào thể hiện sự đoàn kết nhất trí của toàn thể dân tộc Việt Nam trong Mặt trận Việt Minh và quyết tâm thực hiện chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng. Đại hội biểu thị lòng tin tưởng tuyệt đối của toàn dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngay sau Đại hội quốc dân, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào, các đoàn thể cứu quốc, các cán bộ và chiến sĩ nổi dậy giành chính quyền.

Lời kêu gọi tổng khởi nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn:

“Hỡi đồng bào yêu quý!

Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước...

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹.

Trong bức thư này, lần cuối Người ký tên “Nguyễn Ái Quốc”, nhấn mạnh tinh thần tự lực tự cường trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.553-554.

cách mạng, đã có sức cổ vũ lớn lao toàn dân tổng khởi nghĩa, giành chính quyền.

Ngày 18-8-1945, Tổng Bí thư Trường-Chinh rời Tân Trào về xuôi. Đồng chí đi qua thị xã Thái Nguyên - đang vang rền tiếng súng đánh Nhật, qua Bắc Ninh - nước lụt trắng đất, trắng đồng... và bằng đủ các phương tiện (đi bộ, xe đạp, thuyền, ô tô,...).

Dưới ngọn cờ của Đảng và Mặt trận Việt Minh, theo lời kêu gọi của lãnh tụ Hồ Chí Minh, hơn 20 triệu đồng bào Việt Nam từ Bắc đến Nam, từ miền ngược đến miền xuôi, triệu người như một, nhất tề vùng dậy với sức mạnh như triều dâng thác đổ tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa oanh liệt, giành chính quyền trong cả nước.

Ngày 19 tháng 8, cuộc tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi rực rỡ tại Hà Nội, cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ các tỉnh và thành phố khác nổi dậy giành chính quyền.

Ngày 21 tháng 8, đồng chí Trường-Chinh về tới Hà Nội và ở số nhà 48, phố Hàng Ngang.

Ngày 23 tháng 8, ở Huế, kinh đô của chính quyền bù nhìn, nhân dân khởi nghĩa thắng lợi.

Ngày 25 tháng 8, nhân dân Sài Gòn khởi nghĩa thắng lợi, tạo ảnh hưởng quyết định đối với cuộc khởi nghĩa của các tỉnh miền Nam.

Trừ vài thị xã do quân Quốc dân Đảng Trung Hoa và bọn tay sai chiếm đóng (Hà Giang, Lào Cai, Móng Cái, Lai Châu, Vĩnh Yên), cuộc tổng khởi nghĩa tháng

Tám 1945 đã thành công trên cả nước trong vòng nửa tháng. Chế độ thực dân thống trị gần 100 năm, chế độ phong kiến kéo dài hàng nghìn năm đã bị lật nhào. Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, đây là một thắng lợi kỳ diệu của dân tộc ta, là một trong ba thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX.

Ngày 25-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh về tới Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội. Chiều tối chủ nhật, ngày 26-8-1945, đồng chí Trường-Chinh lên Phú Thượng đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về số nhà 48, phố Hàng Ngang. Đồng chí Trường-Chinh báo cáo với Người về việc Thường vụ Trung ương cử các đồng chí Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận vào Huế tiếp nhận sự thoái vị của Bảo Đại.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường-Chinh và Đảng ta khẩn trương triển khai hàng loạt công việc quan trọng cho sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Người đã họp với Ban Thường vụ Trung ương quyết định chọn ngày 2-9-1945 để tổ chức đại lễ mừng Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ đọc Tuyên ngôn độc lập, long trọng tuyên bố: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả

tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"¹.

Trong Cách mạng tháng Tám, Tổng Bí thư Trường-Chinh là người “đã có nhiều quyết sách đúng đắn, sáng tạo, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng, vai trò của đồng chí nổi bật là một trong những người lãnh đạo kiệt xuất đã đưa cuộc Cách mạng tháng Tám đến thành công”². Trên cương vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí Trường-Chinh đã hoàn thành chặng đường đầu tiên của cuộc trường chinh cách mạng giành độc lập dân tộc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.557.

2. Điều văn, do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Trường-Chinh. Báo *Nhân dân*, ngày 6-10-1998, tr.1.

Chương IV

LÃNH ĐẠO GIỮ VỮNG THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945-1946)

4.1. Kháng chiến và kiến quốc

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đưa nước ta từ một nước thuộc địa và nửa phong kiến trở thành nước độc lập và tự do, Tổ quốc ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do; nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng hoạt động bí mật trở thành đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước.

Nhưng vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thách thức.

Nạn đói khủng khiếp, hậu quả nặng nề của chính sách vơ vét, bóc lột thuộc địa của đế quốc, phát xít Nhật - Pháp chưa chấm dứt, trên vùng Bắc Bộ nước ta lại xảy ra nạn lụt lớn và sau đó là hạn hán nghiêm trọng: 50%

ruộng đất bị hoang hoá. Mọi ngành sản xuất đình đốn, các kho tàng trống rỗng, hàng hoá trở nên hết sức khan hiếm, giá cả tăng vọt. Tình hình tài chính vô cùng khó khăn, kho bạc chỉ có 1,2 triệu đồng, trong đó quá nửa là tiền rách. Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp. Khi quân Tưởng kéo vào lại tung tiền quốc tệ và quan kim ra thị trường gây rối loạn tài chính.

Di sản văn hoá lạc hậu do chế độ thực dân, phong kiến hết sức nặng nề: hơn 95% số dân nước ta bị mù chữ; các tệ nạn xã hội như nghiện thuốc phiện, nghiện rượu, nạn cờ bạc, trộm cắp, mê tín dị đoan... cần tập trung sức giải quyết.

Giành được độc lập nhưng nước Việt Nam lại bị đe dọa bởi nhiều thế lực đế quốc và phản động.

Theo thoả thuận của các nước lớn trong phe Đồng minh ở Hội nghị Potsdam (Posdam) sau khi thắng trận, việc giải giáp quân Nhật ở Bắc Đông Dương giao cho Trung Quốc (Tưởng Giới Thạch); ở Nam Đông Dương giao cho Anh.

Ở miền Bắc, hai chục vạn quân Tưởng tràn vào phía Bắc vĩ tuyến 16 nước ta với danh nghĩa tước vũ khí quân đội Nhật, nhưng thực chất là thi hành âm mưu thâm độc nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản, phá Mặt trận Việt Minh và lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ bù nhìn làm tay sai cho chúng.

Ở miền Nam, từ phía Nam vĩ tuyến 16, quân Anh

kéo vào để tước vũ khí của quân Nhật, nhưng lại mở đường cho thực dân Pháp quay trở lại cướp nước ta một lần nữa (kể cả quân Pháp bám theo quân Anh, số quân này lên tới gần 100.000 tên). Ngày 23-9-1945, được sự phối hợp của quân Anh, quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn rồi mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ.

Đều có những toan tính riêng và mâu thuẫn với nhau, nhưng các thế lực đế quốc đều có chung một mục đích tiêu diệt chính quyền nhân dân, xoá bỏ thành quả của Cách mạng tháng Tám ở nước ta.

Trong hoàn cảnh đặc biệt đó, Nhà nước Việt Nam mới vừa phải tự tổ chức, vừa chống giặc ngoại xâm và đối phó với các loại tổ chức phản động như Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc), Việt Nam cách mạng đồng minh hội (Việt Cách), Đại Việt.

Chưa bao giờ trên đất nước ta lại xuất hiện nhiều kẻ thù như lúc này.

Những khó khăn đó đặt dân tộc ta trước thử thách nghiêm trọng: chính quyền nhân dân vừa được thành lập có nguy cơ bị lật đổ, nền độc lập dân tộc vừa giành được có nguy cơ bị mất, tình thế cách mạng chẳng khác nào “ngàn cân treo sợi tóc”. Trong muôn vàn khó khăn đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta nêu cao tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường, quyết tâm giữ vững lời thề “đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính

mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”¹ như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu trong Tuyên ngôn độc lập.

Trở về Hà Nội, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường-Chinh và Trung ương Đảng hàng ngày tập trung chỉ đạo giải quyết nhiều vấn đề trọng đại, phức tạp của cách mạng và đất nước. Mặc dù trên cương vị phụ trách Ủy ban khởi nghĩa và là thành viên của Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, song đồng chí Trường-Chinh không tham gia vào Chính phủ lâm thời mà tập trung vào công tác Đảng và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Đảng. Sau này, đồng chí tham gia vào Ủy ban soạn thảo Hiến pháp và Ủy ban kiến thiết.

Trước những khó khăn và thử thách nghiêm trọng của cách mạng và của vận mệnh dân tộc, Đảng ta tập trung lãnh đạo vào nhiệm vụ xác định vị thế đại diện hợp pháp của Nhà nước mới thông qua việc tổ chức và xây dựng hệ thống chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân từ trung ương xuống địa phương; lãnh đạo thực hiện ngay sáu nhiệm vụ cấp bách vì dân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 3-9-1945, trong đó nổi bật là chống nạn đói, nạn dốt, tổ chức tổng tuyển cử...

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.557.

Để nhanh chóng định hướng các hoạt động của Đảng sau khi giành được chính quyền, nhất là ở khu vực phía Bắc, ngày 10 và 11-9-1945, Tổng Bí thư Trường-Chinh triệu tập Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương. Hội nghị đã ra Nghị quyết án nhận định tình hình và cho rằng “Giai đoạn cách mạng trên thế giới hiện tại vẫn là giai đoạn dân chủ tự do và dân tộc độc lập. Mặt trận dân chủ trên thế giới do Nga lãnh đạo đang củng cố và mở rộng để kiến thiết nên hoà bình cho nhân loại”¹.

Trên cơ sở phân tích những nguyên nhân thắng lợi của Tổng khởi nghĩa, chỉ rõ những khó khăn hiện tại (do thiếu nhân tài và cán bộ; lúng túng về xây dựng chính quyền; sự phá hoại của bọn Việt Quốc, Việt Cách và bọn tởrốtkit; nạn lụt và tình hình đói khổ của dân chúng; nền tài chính thiếu hụt, công nghiệp đình đốn, quân đội chưa được tổ chức chu đáo...); Hội nghị chỉ ra chủ trương là “phải lợi dụng những mâu thuẫn giữa Tàu, Mỹ và Anh để có lợi cho chúng ta”², đồng thời xác định nhiệm vụ chính trong lúc này là “Củng cố chính quyền, dùng chính trị, ngoại giao, vũ khí cần thiết đến dùng quân sự để giữ vững nền độc lập.

Chuẩn bị lực lượng sẵn sàng để chống mọi sự xâm lăng”³.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.4, 6.

Về chính trị, Hội nghị chủ trương cấp tốc tổ chức các Ủy ban nhân dân trong các làng, các phố, các ủy ban công sở và các ủy ban công nhân; chấn chỉnh các ủy ban, loại trừ bọn đầu cơ, phản động; bài trừ các "ông quan cách mạng"; mở lớp huấn luyện cách thức tổ chức các ủy ban nhân dân ở làng và huyện. Hội nghị cho rằng việc thi hành Chương trình Việt Minh phải cho thống nhất và phải được chính phủ định đoạt; việc tiêu trừ Việt gian phản động, cũng như việc tịch thu tài sản của Việt gian hay Pháp gian phải được thi hành cho đúng đắn. Về vấn đề quân sự, phải đặc biệt tổ chức các đội tự vệ chiến đấu các làng, tổ chức huấn luyện cho đội viên tự vệ, thống nhất tổ chức và hoạt động của các lực lượng vũ trang, phải "Thực hiện hoàn toàn khẩu hiệu quân dân nhất trí", "Phải dùng các hình thức tuyên truyền vận động để nâng cao trình độ tinh thần của quân đội về mọi phương diện"¹.

Nghị quyết Hội nghị cũng nêu lên những nhiệm vụ cụ thể về kinh tế, tài chính, văn hoá, xã hội, vận động các giới đồng bào và vấn đề tuyên truyền phải tập trung nhằm vào khẩu hiệu chính trong lúc này là:

Thống nhất đoàn kết

Chống xâm lược Pháp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.10.

Việt Nam hoàn toàn độc lập

Ủng hộ Chính phủ Dân chủ Cộng hoà

Về vấn đề tổ chức, Hội nghị chủ trương thành lập các cấp bộ Việt Minh, phân biệt rõ với cấp bộ đảng; mở rộng các tổ chức để thu hút các tầng lớp nhân dân, đưa các tổ chức cứu quốc ra công khai, có trụ sở. Về công tác đảng phải bán công khai, dùng cơ quan phát hành để chấp mỗi liên lạc; phân công rõ ràng nhiệm vụ cho các đồng chí hoạt động công khai hay bí mật; phải mở rộng tổ chức đảng và ở mỗi ban tỉnh uỷ phải có người chuyên lo về công tác chi bộ; phải dự bị vật liệu cơ quan và các điều kiện cần thiết để khi rút vào bí mật...¹.

Sự ra đời của Nghị quyết Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ là sự định hướng kịp thời và cụ thể trên phương diện lãnh đạo của Đảng trong nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng.

Quân Đồng minh bắt đầu kéo vào Đông Dương với danh nghĩa tước vũ khí của quân đội Nhật, nhưng cũng đồng thời trắng trợn can thiệp vào nội tình nước ta. Quân đội Anh cho quân Pháp đổ bộ theo vào Đông Dương, mưu toan trở lại thống trị dân tộc ta một lần nữa. Để tỏ rõ lập trường chính nghĩa của dân tộc Việt Nam, đồng chí Trường-Chinh đã viết bài “Đông Dương phải được độc lập”, đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 18, ngày 20-9-1945, chỉ rõ:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.12-13.

lịch sử đã chứng tỏ tinh thần đấu tranh anh dũng và bền bỉ của dân tộc ta chống bọn đi áp bức, quyết giành độc lập hoàn toàn và nhân dân Việt Nam cũng đã góp một phần xương máu vào cuộc chiến tranh tiêu trừ phát xít. Một dân tộc không y lại, không hèn dón, quyết mưu cầu độc lập; một dân tộc hiểu biết nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại và có ý thức chính trị như dân tộc ta nhất định phải được tự do... Các nước Đồng minh vì chính nghĩa mà chống xâm lược, quyết không thể dung túng bọn phi nghĩa thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Các nước Đồng minh có nhiệm vụ diệt trừ phát xít và tay sai của chúng, quyết không thể bênh vực bọn thực dân Pháp ở Đông Dương tay sai của phát xít Nhật đã giúp cho Nhật đánh lại Đồng minh ngót năm năm.

Đồng chí Trường-Chinh đưa ra thông điệp rõ ràng: Lý phải như thế! Nhưng nếu vì một lẽ ích kỷ nào đó, một trong những nước Đồng minh không công nhận nền độc lập của ta, thì dân tộc ta không có cách gì khác hơn là đem toàn lực ra chiến đấu, dùng mọi phương pháp chống lại.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn và dưới sự bảo trợ của quân đội Anh, bắt đầu mở rộng các cuộc tấn công lấn chiếm ra các vùng ngoại vi. Nhân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu, tạo thành bức thành đồng ngăn bước tiến của giặc, mở đầu cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư

"Gửi đồng bào Nam Bộ" khẳng định chúng ta nhất định thắng "vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân", "vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính đáng"¹.

Ngày 27-9-1945, đồng chí Trường-Chinh viết bài "Thực hiện lời thề", đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 20, nhắc lại lời thề của dân tộc như trong Tuyên ngôn độc lập mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc vào ngày 2-9-1945 và chỉ rõ quyết tâm: Đây là lúc chúng ta phải tỏ rõ nó bằng việc làm. Và đây cũng là lúc chúng ta thực hiện triệt để lời thề trên. Nghĩa là chúng ta không một ai nhập hàng ngũ quân Pháp để giết hại đồng bào; công chức, thợ thuyền sẽ đình công, bỏ sở, bỏ xưởng; hàng sẽ đóng cửa; chợ sẽ không họp; thực phẩm sẽ cất, huỷ đi để không sa vào tay giặc; không ai chịu làm tên chỉ điểm khốn nạn đưa đường mách lới cho Pháp. Và sau hết, tất cả cầm vũ khí đánh lại giặc Pháp"².

Để hỗ trợ cho cuộc chiến đấu anh dũng của đồng bào Nam Bộ, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường-Chinh lãnh đạo Đảng phát động trên cả nước phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. Chỉ trong một thời gian ngắn, hầu hết các tỉnh Bắc và Trung Bộ đã có các *chi đội Nam tiến* lên đường vào miền Nam giết giặc. *Phong trào Nam tiến* là một kinh nghiệm lớn của Đảng ta trong phát động tinh thần ái quốc của cả dân tộc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổđ*, t.5, tr.27.

2. Xem: Báo *Cờ giải phóng*, số 20, ngày 27-9-1945.

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trường-Chinh, từ số 24 (ngày 11-10-1945) trở đi, trên trang nhất báo *Cờ giải phóng* chạy hai khẩu hiệu đậm nét: “Tiếp tục kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng! Tinh thần chiến đấu của nhân dân Nam Bộ muôn năm!”.

Trước sự xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp và trước những khó khăn của đất nước, không thể không nảy sinh trong nhân dân những vấn đề tư tưởng, những băn khoăn về sức chiến đấu của ta trước tương quan lực lượng chênh lệch giữa ta và địch, trong khi Pháp được Anh bảo trợ nhưng các nước Nga, Mỹ, Trung Quốc lại không can thiệp. Trong tình hình đó, “tương lai nền độc lập của ta sẽ như thế nào?”.

Để giải quyết những vấn đề tư tưởng đó, Tổng Bí thư Trường-Chinh viết bài “Ta sẽ thắng”, đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 21, ngày 30-9-1945, cho rằng: “tình thế là nghiêm trọng. Chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thực” nhưng “không nên ảo tưởng” và “cũng không nên bi quan”. Tác giả phân tích rõ “ta đủ sức kháng chiến nếu ta đoàn kết chặt chẽ và chịu hy sinh; thi hành triệt để các phương pháp như tổng bãi công, tẩy chay về mọi phương diện, nhà không đồng vắng, phá hoại giao thông vận tải của giặc, đánh du kích”. Tác giả cho rằng sự ủng hộ của quốc tế sẽ có nếu dân tộc ta “biểu lộ một tinh thần anh dũng bất diệt nhất định sống chết với quyền độc lập” và khẳng định “Cuộc kháng Pháp của ta gan góc, dẻo dai, dũng cảm thì chẳng những

Nga, Tàu, Mỹ mà tất cả nhân dân các nước, kể cả dân Anh và dân Pháp cũng tán thành mục đích chính đáng của ta và ủng hộ ta”. Bài báo chỉ rõ, trên con đường độc lập của ta không ít “những trở lực chồng chất” như “Cuồng vọng dã man của thực dân Pháp, thái độ bênh Pháp của phái bộ Anh, hành động phản nghịch của bọn Đại Việt, sự khiêu khích của bọn tởrốtkit, sự quấy rối của bọn thổ phỉ”, “nhưng có hai điều kiện bảo đảm thắng lợi cho ta”, đó là:

Bên trong, toàn dân đoàn kết chung quanh Chính phủ lâm thời, quyết một lòng chiến đấu diệt bọn thực dân Pháp; tinh thần của ta cao; vũ khí của ta tạm đủ.

Bên ngoài, các dân tộc bị áp bức đang cùng ta đòi quyền độc lập; nhân dân các nước vừa ra khỏi chiến tranh sẵn sàng ủng hộ những cuộc vận động dân tộc giải phóng hợp tiến bộ.

Cùng với sự định hướng hoạt động và tư tưởng trong Đảng trước tình hình mới, thông qua báo chí, Tổng Bí thư Trường-Chinh dành sự chú ý đặc biệt trong việc hướng dẫn toàn Đảng thực hiện những nhiệm vụ khẩn cấp về chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự. Đó là các vấn đề về xây dựng chính quyền mới, diệt giặc đói, giặc dốt và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài với việc từng bước xây dựng, nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang toàn dân.

Ngay khi trở về Hà Nội, tại số nhà 58 phố Risô, đồng chí Trường-Chinh đã trực tiếp chủ trì cuộc họp thành lập tổ

chức cơ quan báo Đảng¹. Ngày 10-9-1945, Bộ Nội vụ cấp giấy phép cho báo *Cờ giải phóng*, cơ quan tuyên truyền của Đảng Cộng sản Đông Dương, xuất bản vào các ngày thứ Năm và Chủ nhật hàng tuần.

Ngày 12-9-1945, báo *Cờ giải phóng*, số 16, ra số đầu tiên xuất bản công khai tại Hà Nội, in mangan sét đỏ, với số lượng phát hành 10.000 tờ. Trên trang nhất, đồng chí Trường-Chinh viết:

Mấy năm sống và tranh đấu hoàn toàn bí mật, ngày nay *Cờ giải phóng* ra mắt các bạn đọc một cách dễ dàng hơn.

Vượt qua mọi gian lao nguy hiểm, *Cờ giải phóng* luôn luôn nêu cao tinh thần của giai cấp thợ thuyền Đông Dương và của các dân tộc bị áp bức Đông Dương.

Ngày nay, chính quyền đã ở trong tay nhân dân, nhưng cuộc cách mạng giải phóng chưa hoàn thành. Nạn ngoại xâm đang uy hiếp chúng ta. Nhân dân Đông Dương cần phải phấn đấu hơn nữa. Cách mạng đang tiến bước. *Cờ giải phóng* vẫn phải tung bay trước gió.

Dưới bóng *Cờ giải phóng*, muôn triệu người hãy xếp hàng lại, tiến lên, xua tan mọi lực lượng xâm lược.

Cờ giải phóng nguyện xung phong lãnh đạo đồng

1. Đồng chí Phạm Văn Khoa được cử làm người đại diện công khai để đứng tên trong đơn xin phép gửi Bộ Nội vụ với chức danh người quản lý báo.

bào toàn quốc giữ gìn đất nước, củng cố chính quyền nhân dân.

Mục "Cuốn sổ tay của chiến sĩ" trên báo *Cờ giải phóng* thường xuyên có bài viết của đồng chí Trường-Chinh, với bút danh XXX, đề cập những vấn đề thời sự nhất cần giải quyết trên tất cả các lĩnh vực. Đó cũng là những chỉ thị của Đảng về: Nhiệm vụ các đoàn thể Việt Minh các tỉnh lúc này là phải lập ngay những đội xung phong tuyên truyền và tổ chức, lần lượt phái đi các làng giúp đồng bào lập ra các uỷ ban nhân dân hay chấn chỉnh các uỷ ban nhân dân hiện có. Hoặc bổn phận các chiến sĩ Việt Minh là phải kíp giàn xếp các việc xích mích trong thôn quê; đánh tan cái không khí hằn học, cạnh tranh giữa các phe, các họ, các phường, các giáp. Làm sao cho dưới lá cờ Việt Minh, mỗi làng phải thành một khối, làm đơn vị cho toàn khối Việt Nam vô địch chống ngoại xâm¹.

Vấn đề xây dựng chính quyền mới ở các cấp là vấn đề được Tổng Bí thư quan tâm đặc biệt, nhất là mối quan hệ giữa tổ chức Việt Minh và Uỷ ban nhân dân các cấp. Trước tình trạng ở một số địa phương công việc hành chính bị đình trệ do tỉnh bộ Việt Minh và Uỷ ban nhân dân xung đột nhau, mệnh lệnh của cơ quan hành chính cấp trên đã về qua tay các uỷ ban nhân dân

1. Xem: Báo *Cờ giải phóng*, số 21, ngày 30-9-1945.

chuyển xuống địa phương không được quần chúng ở đó thi hành vì tỉnh bộ Việt Minh ra lệnh cho quần chúng không theo. Trong mục "Cuốn sổ tay của chiến sĩ" trên báo *Cờ giải phóng*, Tổng Bí thư Trường-Chinh phân tích nguyên nhân đó và chỉ ra rằng, tình trạng này phải kịp sửa chữa, nếu không mọi việc đình đốn hết và không khí chia rẽ, ngò vức giữa cán bộ hành chính và cán bộ chỉ huy Việt Minh địa phương ngày một nặng nề thêm. Đồng chí khẳng định: Cải tổ Ủy ban nhân dân hoặc Ban chấp hành Việt Minh địa phương và làm cho hai ban ấy mật thiết liên lạc với nhau, hoà thuận nhau, đó là phương pháp duy nhất để sửa chữa tình trạng nguy hiểm ấy¹.

Ngày 17-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng nêu rõ những yêu cầu chính quyền các cấp “ngay từ bước đầu, chúng ta phải theo đúng phương châm”, rằng “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”². Người chỉ rõ những lỗi lầm của cán bộ chính quyền như trái phép, cậy thế, hủ hoá, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo và yêu cầu

1. Xem: Báo *Cờ giải phóng*, số 24, ngày 11-10-1945.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.16-17.

“Ai đã phạm những lầm lỗi trên này thì phải hết sức sửa chữa”¹.

Tiếp theo thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường-Chinh viết bài "Phê bình hay là mất tín nhiệm" đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 32, ngày 11-11-1945, nêu rõ sự cần thiết của việc phê bình đối với chính quyền mới: Chúng ta vì dân, vì nước mà tổ chức ra chính quyền mới. Chúng ta phải vì dân mà vạch ra những thiếu sót và không đúng của chính quyền mới cho nhân dân rõ, dạy cho dân biết cách kiểm sát, giám thị những người thay mặt mình. Chúng tôi mong các uỷ viên nhân dân phạm lỗi kịp thời tự sửa chữa. Có sửa chữa như thế thì việc nội trị mới được êm thấm; nội trị có êm thấm thì kháng chiến mới dễ thắng lợi và ngoại giao mới có kết quả. Bài báo kết luận: Có điều nên nhớ: muôn việc bắt đầu khó. Chính quyền mới cũng có những bước khó ban đầu. Song, chính bởi nó là chính quyền mới, chính quyền của dân, nên nó rất có thể mau trở thành tốt vì nó luôn luôn có ý thức tự chỉ trích.

Cùng với những chỉ dẫn cụ thể trong nhiệm vụ xây dựng đảng, tổ chức, xây dựng chính quyền mới sau cách mạng, Tổng Bí thư Trường-Chinh luôn theo dõi chặt chẽ tình hình kháng chiến của đồng bào Nam Bộ và kịp thời

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 18.

đưa ra những chỉ dẫn cần thiết chỉ đạo cuộc chiến đấu. Ngay sau khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Nam Bộ, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và quyết định cử đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, dẫn đầu một phái đoàn Trung ương vào Nam để cùng Đảng bộ Nam Bộ chỉ đạo kháng chiến và lãnh đạo Đảng phát động phong trào trong cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, chỉ trong một thời gian ngắn, hầu hết các tỉnh Bắc và Trung Bộ đã có những chi đội (ngang với trung đoàn) Nam tiến lên đường vào Nam giết giặc. Sự kịp thời trong chỉ đạo của Đảng đã phát huy mạnh mẽ tinh thần ái quốc của dân tộc, tạo ra sự ủng hộ vật chất và tinh thần của cả nước cho cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Nam Bộ. Phong trào Nam tiến có tác dụng mở đầu cuộc vận động một phong trào ái quốc mạnh mẽ, cùng với các phong trào trên nhiều lĩnh vực khác tạo ra phong trào cách mạng rộng khắp của nhân dân cả nước để thực hiện thành công nhiệm vụ vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Sức mạnh đoàn kết vĩ đại qua phong trào ái quốc mạnh mẽ của toàn dân tộc được Đảng phát động và phát huy đã từng bước đưa cách mạng nước ta thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Bên cạnh việc theo dõi và đẩy mạnh các hoạt động chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, đồng chí Trường-

Chinh luôn theo dõi chặt chẽ mọi biến động của tình hình quốc tế liên quan tới Việt Nam và những động thái của các lực lượng nước ngoài đang có mặt ở nước ta, nêu rõ lập trường của nhân dân Việt Nam nhằm kịp thời đối phó trước các thủ đoạn của thực dân Pháp. Ngày 11-10-1945, báo *Cờ giải phóng* đăng bài của đồng chí Trường-Chinh nhan đề "Lại đánh", nêu rõ lập trường của nhân dân Việt Nam: sẵn sàng và quyết tâm kháng chiến đến cùng, cho tới khi giặc Pháp phải đầu hàng không điều kiện¹.

Trước việc Chính phủ Mỹ muốn đứng ra điều đình những rối ren ở Đông Nam châu Á nhưng bị Chính phủ Pháp phản đối, tuyên bố coi đó là việc “trong nhà” của Pháp và để yên cho Pháp “trị bọn phiến loạn”, đồng chí Trường-Chinh viết bài "Không thoả hiệp" đăng trên báo *Cờ giải phóng* ngày 25-10-1945, tỏ rõ lập trường: Nhân dân Đông Dương hết sức hoan nghênh việc Mỹ đứng ra điều đình những rối ren ở Đông Nam châu Á để sớm đem lại hoà bình cho Viễn Đông nhưng nhân dân Đông Dương quyết không thể thoả hiệp với bọn thực dân Pháp. Chính phủ Pháp không thừa nhận chủ quyền của nhân dân Đông Dương thì không thể có một sự “thoả hiệp” nào hết dù chỉ là “thoả hiệp” về kinh tế. Nhân dân Đông Dương không đòi hỏi một điều gì quá đáng. Bọn

1. Xem: Báo *Cờ giải phóng*, số 24, ngày 11-10-1945.

thực dân Pháp đã phản bội Đồng minh, đầu hàng Nhật. Nhân dân Đông Dương đã cùng Đồng minh đánh Nhật. Không đời nào nhân dân Đông Dương lại chịu trở lại dưới quyền bọn thực dân Pháp. Cuộc điều đình giữa Đông Dương và Pháp chỉ có thể có trên một lập trường hoàn toàn bình đẳng. Nếu không, những cuộc đổ máu ở Đông Dương cứ kéo dài cho tới khi không còn một tên thực dân Pháp ở trên đất Đông Dương nữa¹.

Ngày 11-11-1945, để tập trung cho nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng nhà nước cách mạng non trẻ, đập tan sự vu khống, phá hoại của bọn quân phiệt Tưởng Giới Thạch và tay sai, Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra thông cáo nêu rõ:

“1. Căn cứ vào điều kiện lịch sử, tình hình thế giới và hoàn cảnh trong nước, nhận rằng lúc này chính là cơ hội nghìn năm có một cho nước Việt Nam giành quyền hoàn toàn độc lập;

2. Xét rằng: muốn hoàn thành nhiệm vụ dân tộc giải phóng vĩ đại ấy, sự đoàn kết nhất trí của toàn dân không phân biệt giai cấp, đảng phái là một điều kiện cốt yếu;

3. Để tỏ rằng: những đảng viên cộng sản là những chiến sĩ tiên phong của dân tộc, bao giờ cũng hy sinh tận tụy vì sự nghiệp giải phóng của toàn dân, sẵn sàng đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi của giai cấp, hy

1. Xem: Báo *Cờ giải phóng*, số 28, ngày 25-10-1945.

sinh quyền lợi riêng của đảng phái cho quyền lợi chung của dân tộc;

4. Để phá tan tất cả những điều hiểu lầm ở ngoài nước và ở trong nước có thể trở ngại cho tiền đồ giải phóng của nước nhà”¹. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra nghị quyết tự động giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương.

Thông cáo cho cho biết: “Những tín đồ của chủ nghĩa cộng sản muốn tiến hành việc nghiên cứu chủ nghĩa sẽ gia nhập *“Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương”*”².

Đảng ra thông cáo tự giải tán, song thực tế là Đảng rút vào hoạt động bí mật, nhưng đây là quyết định khó khăn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách người sáng lập Đảng, cũng như của Tổng Bí thư của Đảng - đồng chí Trường-Chinh. Quyết định này là sự hy sinh danh nghĩa của Đảng vì lợi ích của dân tộc, của cách mạng và để bảo vệ Đảng tránh sự tấn công trực diện của kẻ thù vào Đảng. Đây là sự hy sinh chưa từng có trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế khi một Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng đã giành được chính quyền.

Ngay sau thông báo trên, đồng chí Trường-Chinh viết bài "15 năm đấu tranh giải phóng dân tộc" đăng trên báo *Cờ giải phóng*, số 33, ngày 18-11-1945, giải

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 19, 20.

thích những nguyên nhân về việc Đảng “tự giải tán”, đồng thời định hướng tư tưởng, công tác cho cán bộ, đảng viên trong điều kiện Đảng rút vào bí mật. Đồng chí nêu rõ: Thế mà ngày nay, giữa lúc nước nhà đang gặp nạn Pháp xâm và đói kém, tại sao những người cộng sản Đông Dương lại tự giải tán Đảng? Phải chăng họ sợ khó khăn? Phải chăng họ trốn trách nhiệm? Không! Đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết thảy, người cộng sản Đông Dương biết hy sinh lợi ích riêng của Đảng mình để mau hoàn thành sự nghiệp cứu nước. Người cộng sản Đông Dương tự ý giải tán Đảng khiến cho bọn phản động không còn có gièm pha, chia rẽ Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược, không có cớ ly gián nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với các nước Đồng minh... Những người cộng sản Đông Dương tự ý giải tán Đảng, nhưng không hề phản bội lại quyền lợi của giai cấp vô sản... nhưng không hề phản bội lý tưởng cộng sản. Những người cộng sản Đông Dương đã hy sinh nhiều trong 15 năm nay, quyết không lùi bước trước một sự hy sinh nào để giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Mặc dù Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán, những người cộng sản Đông Dương vẫn luôn luôn đứng mũi chịu sào trong công cuộc cứu nước”¹.

1. Xem: Báo *Cờ giải phóng*, số 33, ngày 18-11-1945.

Cũng trong số báo này, cùng với việc giải thích về việc Đảng ta tự giải tán, đồng chí Trường-Chinh còn viết bài “Mấy lời từ biệt” của báo *Cờ giải phóng* gửi đến bạn đọc. Theo sự chỉ đạo của đồng chí Trường-Chinh, báo *Cờ giải phóng* được thay bằng tờ *Sự thật* và vẫn đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư¹.

Tiếp theo những chủ trương kịp thời của Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ, để hướng dẫn cho toàn Đảng tập trung vào lãnh đạo các nhiệm vụ căn bản của cả nước trong tình hình mới, ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị về *kháng chiến kiến quốc*. Chỉ thị nêu rõ nhận định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những thay đổi căn bản của tình hình thế giới và quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chỉ ra những thuận lợi cơ bản và những thử thách lớn của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà nhân dân ta đang tiến hành. Căn cứ vào những nhận xét này, Ban Chấp hành Trung ương xác định rằng, cuộc đấu tranh của nhân loại

1. Sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Đứng trước tình hình gay go và cấp bách ấy, Đảng phải dùng mọi cách để sống còn, hoạt động và phát triển, để lãnh đạo kín đáo và có hiệu quả hơn, và để có thời giờ củng cố dần dần lực lượng của chính quyền nhân dân, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất.

Lúc đó, Đảng không thể do dự. Do dự là hỏng hết, Đảng phải quyết đoán mau chóng, phải dùng những phương pháp dù là những phương pháp đau đớn - để cứu vãn tình thế”. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 161.

cần lao và tiến bộ trên thế giới hiện nay là tranh đấu cho *hoà bình, tự do, hạnh phúc*; cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng *dân tộc giải phóng*. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành, vì nước chưa được hoàn toàn độc lập, nhiệm vụ *cứu nước* của giai cấp vô sản chưa xong. Giai cấp vô sản vẫn phải hăng hái, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng ấy.

Khẩu hiệu lúc này vẫn là “*Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết*” và kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.

Ban Chấp hành Trung ương xác định phải “*lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược*. Mở rộng Việt Minh cho nó bao gồm mọi tầng lớp nhân dân (chú trọng: kéo địa chủ, phong kiến và đồng bào Công giáo, v.v.)”; “*Thống nhất mặt trận Việt - Miên - Lào chống Pháp xâm lược. Kiên quyết giành độc lập - tự do - hạnh phúc dân tộc. Độc lập về chính trị, thực hiện chế độ dân chủ cộng hòa, cải thiện đời sống cho nhân dân*”¹. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Bởi vậy, về chính trị phải “xúc tiến việc đi đến Quốc hội để quy định hiến pháp, bầu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 26.

Chính phủ chính thức”; về quân sự phải “động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác đến triệt để”; về ngoại giao phải “kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc “bình đẳng và tương trợ””. Phải đặc biệt chú ý “...làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết... muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực”¹.

Ban Chấp hành Trung ương chỉ ra rằng, muốn hoàn thành các nhiệm vụ trên đây phải củng cố, phát triển Đảng và Mặt trận. Về Đảng, “phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng”, “*phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai*, điều hoà hai sự hoạt động ấy, coi công tác bí mật vẫn là gốc”². Trong phát triển Đảng, cần tuyển thêm đảng viên, “đặc biệt chú trọng gây cơ sở xí nghiệp của Đảng cho thật rộng, làm sao cho sự phát triển của Đảng ăn nhịp với sự phát triển của công nhân cứu quốc”³ và trong công tác phát triển Đảng phải tránh cả hai khuynh hướng quá hẹp hoặc quá rộng.

Về Mặt trận Việt Minh, Đảng chủ trương hết sức phát triển các tổ chức cứu quốc và thống nhất các tổ

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 27-29.

chức ấy lên toàn quốc, toàn kỳ; sửa chữa điều lệ cho phù hợp với tình hình mới; tổ chức thêm những đoàn thể cứu quốc mới vào mặt trận. Mặt khác, cần phải “*san phẳng những mâu thuẫn giữa U.B.N.D. và U.B.V.M.*”, trừ diệt hiện tượng hai chính quyền cạnh tranh”; chấn chỉnh tổ chức và các hoạt động của Mặt trận Việt Minh.

Về chính quyền, Ban Chấp hành Trung ương chủ trương “chấn chỉnh lại các bộ, và nếu vì lý do cần thiết thống nhất dân tộc và xúc tiến ngoại giao thì có thể cải tổ Chính phủ trước ngày họp Quốc hội” và, trong hoàn cảnh cho phép, “ban hành những sắc lệnh để mang lại ngay những tự do, và hạnh phúc thực tế cho nhân dân”¹.

Trước tình hình thực tế ở Nam Bộ, Ban Chấp hành Trung ương chủ trương phong toả về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiều loạn về quân sự các thành phố đã rơi vào tay địch. Phải áp dụng chiến tranh du kích triệt để và vận động nhân dân thi hành chính sách bất hợp tác ở các thành thị, thi hành “nhà không, đồng vắng” ở thôn quê và để tránh bị động phải chuẩn bị kế hoạch quân sự khi chiến tranh lan rộng.

Trên mặt trận chống giặc đói, Ban Chấp hành Trung ương chủ trương các đảng bộ phải gấp rút thi hành các biện pháp như khuyến nông, ngăn cấm đầu cơ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 30.

tích trữ, “thực hành khẩu hiệu “sẻ cơm, nhường áo” của Hồ Chủ tịch” và phải hết sức vận động các tầng lớp phú hào, địa chủ tham gia.

Về nhiệm vụ tổng tuyển cử sắp tới, Ban Chấp hành Trung ương chỉ thị phải xúc tiến chuẩn bị cho tổng tuyển cử và “Những phần tử c.s hay người V.M không dùng danh nghĩa đoàn thể mình ra ứng cử... đưa những người đã ở trong U.B.N.D có năng lực hành chính ra ứng cử, còn những người bất lực và thiếu tư cách thì cho nghỉ để làm việc khác. Cần giới thiệu những vị thân hào có tài, có đức ra ứng cử, và cùng đứng chung một số quốc gia liên hiệp với những người ứng cử của V.M”¹.

Với những chủ trương cụ thể sát với thực tế, về chính trị, Trung ương Đảng đã tập trung lãnh đạo thực hiện nhiều giải pháp để nhanh chóng tập hợp thêm lực lượng, phân hoá các thế lực có thể bị địch lợi dụng, như mời các nhân sĩ, trí thức tham gia các cấp chính quyền, mặt trận; giúp các nhà trí thức tiêu biểu thành lập Đảng Xã hội; tập hợp những nhân vật có uy tín để lập Hội liên hiệp quốc dân; mời Vĩnh Thụy (Bảo Đại) ra làm cố vấn chính phủ... Trên mặt trận kinh tế, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường-Chinh chỉ đạo toàn Đảng phát động trên cả nước phong trào

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 33.

tăng gia sản xuất và cứu đói. Chỉ trong thời gian ngắn, nhân dân cả nước đã hưởng ứng và quyên góp được hàng vạn tấn gạo cứu đói. Hoa màu và các loại cây lương thực ngắn ngày được trồng ở khắp các địa phương. Nông dân đẩy mạnh phục hồi diện tích đất hoang hoá... Nạn đói được khắc phục nhanh chóng.

Nhiều biện pháp khác nhằm ổn định và cải thiện đời sống nhân dân cũng được thực hiện như: tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian chia cho dân cày nghèo; chia lại ruộng công, giảm tô 25% cho nông dân, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác; quy định luật ngày làm 8 giờ, bảo vệ quyền lợi của công nhân trong quan hệ giữa chủ và thợ. Để khắc phục khó khăn trước mắt về tài chính, Chính phủ đã lập Ngân hàng quốc gia, phát hành giấy bạc, tổ chức Tuần lễ vàng, lập ngân quỹ toàn quốc, các xứ và các tỉnh. Các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, xây dựng đời sống mới, nhất là thanh toán nạn mù chữ rất được quan tâm. Tất cả các nhiệm vụ trên đều được thực hiện trên cơ sở vận động nhân dân tiến hành các phong trào thi đua rộng khắp trong cả nước, phát huy cao độ tinh thần làm chủ của nhân dân. Các phong trào Nam tiến, bình dân học vụ, xoá nạn mù chữ, phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phong trào hũ gạo cứu đói, phong trào Tuần lễ vàng... đã góp phần to lớn vào việc thực hiện thành công các nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc

trong những điều kiện cực kỳ khó khăn của đất nước. Chưa bao giờ sức mạnh dân tộc được phát huy mạnh mẽ như vậy và đây thực sự là sự biểu dương thực lực cho ngoại giao đấu tranh giành thắng lợi.

Để sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc thành công, vấn đề xây dựng chính quyền nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng chế độ mới là nhiệm vụ chính trị đối nội nhưng đồng thời cũng là thực hiện những nhiệm vụ đối ngoại của Đảng. Bởi vậy, nhiệm vụ tổ chức Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội và lập Chính phủ chính thức theo chỉ thị của Đảng là vấn đề cấp bách hàng đầu của Đảng ta vào thời điểm này.

Trong quá trình lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Tổng Bí thư Trường-Chinh luôn đưa ra những chỉ dẫn quan trọng. Thông qua báo *Sự thật* của Đảng, đồng chí Trường-Chinh hướng dẫn, nêu rõ ý nghĩa của cuộc bầu cử và kêu gọi toàn thể quốc dân hãy nêu cao quyền dân chủ chính trị thiêng liêng của công dân một nước tự do và độc lập. Ngày 3-1-1946, trên báo *Sự thật*, số 9, đồng chí Trường-Chinh có bài viết “Tất cả hãy đến thùng phiếu” kêu gọi tất cả công dân Việt Nam hãy hăng hái ủng hộ cuộc bầu cử và hãy đến thùng phiếu để làm tròn bổn phận của mình.

Tiếp đó, đúng ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Tất cả công dân Việt Nam

hãy bỏ phiếu” đăng trên báo *Sự thật*, số 10, nêu bật ý nghĩa của sự kiện chính trị trọng đại này. Bài báo kêu gọi tất cả công dân Việt Nam hãy hăng hái đi bỏ phiếu trong ngày tổng tuyển cử, bỏ phiếu để gây thêm tin tưởng cho toàn thể dân tộc vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc và để đập tan luận điệu hoài nghi, phản động của bọn thất bại và bọn Việt gian. Ngày tổng tuyển cử là ngày hội của toàn thể dân ta và cũng là ngày đấu tranh hiểm có trong lịch sử đất nước, việc thờ ơ, lãnh đạm đối với việc bỏ phiếu là một tội lớn, vì bỏ phiếu chính là “một cách góp sức vào công cuộc kháng chiến kiến quốc” và “chỉ cho thế giới biết rằng: dân tộc Việt Nam đã giành được chính quyền từ tay phát xít Nhật, đang xây dựng nền dân chủ cộng hoà và đang kháng chiến chống cuộc xâm lược dã man của thực dân Pháp”; bỏ phiếu để “chỉ cho các nước liên hợp thấy rằng: dân tộc Việt Nam muốn hoàn toàn độc lập và đã đủ trình độ hưởng hoàn toàn độc lập; dân tộc Việt Nam đang tự mình thi hành nguyên tắc dân tộc tự quyết và dân tộc bình đẳng mà các nước liên hợp đã trịnh trọng tuyên bố ở Cựu Kim Sơn”¹.

Đồng chí Trường-Chinh kêu gọi đồng bào hãy dùng lá phiếu của mình để nói lên tất cả ý nguyện, “để phát

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 406-407.

biểu những chính kiến của mình bấy nhiêu năm đã bị kìm hãm trong đáy lòng dưới chế độ thực dân Pháp” và “đi bỏ phiếu là đặt một viên gạch xây đắp nền cộng hoà dân chủ”, “là dịp chúng ta hưởng một phần độc lập, tự do”, “là một dịp chúng ta ủng hộ các chiến sĩ đang chiến đấu cho Tổ quốc”, “là một dịp đánh giặc Pháp ngay tại chỗ”. Bài báo kết luận: “Tổ quốc đau thương, tim ứa máu, nhưng chí vô cùng cương quyết, đang hô các chiến sĩ xông tới và vẫy tay gọi toàn quốc nhân dân tiến đến thùng phiếu thiêng liêng”¹.

Ngày 6-1-1946, tổng tuyển cử được tiến hành trên khắp cả nước.

Trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp, Đảng ta đã tổ chức thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử dưới mũi súng và bom đạn của kẻ thù. Thành công đó đã giáng đòn mạnh vào âm mưu thâm độc của các thế lực đế quốc cùng bè lũ tay sai; biểu thị sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân và ý chí sắt đá của nhân dân ta tự mình định đoạt lấy vận mệnh của mình².

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử tháng 1-1946 bầu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 407-408.

2. Trong 71 tỉnh thành của cả nước có 89 % tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu, bầu ra 333 đại biểu, trong đó có 57% thuộc các đảng phái khác nhau, 43 % không đảng phái.

ra Quốc hội của nước Việt Nam mới đánh dấu bước phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế dân chủ của nước ta. Đây là Quốc hội lập quốc, Quốc hội của độc lập dân tộc, của thống nhất đất nước và của đại đoàn kết toàn dân.

Sự ra đời của Quốc hội đầu tiên ở nước ta còn đồng thời bác bỏ mưu toan của các nước đế quốc muốn áp đặt ách thống trị mới thông qua chế độ *quản trị quốc tế* của Liên hợp quốc đối với các thuộc địa cũ như Việt Nam và toàn cõi Đông Dương.

Trong bài "Chế độ quản trị quốc tế và vấn đề độc lập của Đông Dương", đăng trên báo *Sự thật*, ngày 20 đến 23-1-1946, sau khi phân tích rõ khái niệm chế độ quản trị quốc tế của Liên hợp quốc¹, đồng chí

1. Trong bài báo này, đồng chí Trường-Chinh viết: Chế độ quản trị quốc tế là gì? Là đem một nước thuộc địa hay uỷ trị cũ giao cho nhiều nước có chân trong Liên hợp quốc trông nom và điều dắt trong một thời hạn nhất định để giúp cho nước ấy tiến tới độc lập hoàn toàn... một nước đặt dưới chế độ quản trị quốc tế tuy có thể bị hai hay nhiều nước quản trị chia nhau đóng quân trên nước mình trong một thời gian, nhưng theo Hiến chương Liên hợp quốc, nhân dân nước ấy vẫn có quyền bầu lấy chính phủ của mình, chính phủ ấy phải chịu Ủy ban quản trị quốc tế giám sát và cố vấn... Chúng ta coi đó: chế độ quản trị quốc tế là một bước tiến bộ đối với chế độ thuộc địa, chế độ tự trị hay chế độ uỷ trị cũ của Hội quốc liên đã qua đời. Nhưng đối với chế độ độc lập, nó là thoái bộ.

Trường-Chinh viết: Cuộc Tổng tuyển cử ngày 6 tháng Giêng năm 1946 vừa rồi lại chỉ cho thế giới biết rằng nhân dân Việt Nam, một dân tộc lớn nhất Đông Dương, rất đáng được hưởng tự do độc lập. Và nếu Liên hợp quốc muốn các dân tộc nhỏ yếu lên tiếng phát biểu nguyện vọng của họ... thì như cuộc Tổng tuyển cử vừa rồi, dân tộc Việt Nam đã phát biểu rõ ràng nguyện vọng là: Độc lập - Tự do.

Liên hợp quốc tự nguyện trung thành với Hiến chương Cựu Kim Sơn, còn chờ gì nữa mà không coi vấn đề độc lập của Đông Dương là việc đã rồi và bắt Pháp phải rút quân ra khỏi Đông Dương?

Nhân dân Đông Dương đã vượt ra khỏi ách của đế quốc Pháp. Nhân dân Đông Dương không thể quay gót trở lại chế độ thuộc địa, cũng không thể thụt lùi xuống chế độ quản trị quốc tế...

Nhân dân Đông Dương đang chiến đấu trong những điều kiện vô cùng gian nan, quyết giữ vững nền độc lập. Họ đã phát biểu nguyện vọng đòi tự do, độc lập bằng nhiều cách. Người ta không thể quyết nghị cái gì về Đông Dương mà không hỏi ý kiến nhân dân Đông Dương, hay không thêm đếm xỉa đến nguyện vọng tha thiết của 25 triệu người Đông Dương.

Đồng chí Trường-Chinh nêu rõ lập trường: Nhân dân Đông Dương đang cầm võ khí trong tay quyết sống chết với nền độc lập. Nhân dân Đông Dương chưa hạ võ

khí nếu quyền độc lập thiêng liêng của mình chưa được Liên hợp quốc công nhận hoàn toàn.

Trong thời gian này, để thống nhất tư tưởng trước những biến động chính trị quốc tế cũng như ở Pháp, đồng chí Trường-Chinh viết một số bài báo phân tích về “Hội nghị Mạc Tư Khoa và vấn đề Đông Dương”, về vấn đề “Chính phủ Đờ Gôn từ chức”¹ và chính sách thuộc địa của Chính phủ P.Goanh...

Đồng chí cho biết những diễn biến trong việc giải quyết vấn đề Viễn Đông của Hội nghị Mạc Tư Khoa và chỉ ra rằng: Người ta không viết lên cát trong khi gió lốc đang thổi mạnh. Vậy, nhân dân Đông Dương đừng há miệng chờ sung, đừng ỷ lại vào ai hết! Hãy kiên quyết chiến đấu, chiến đấu đến cùng. Dù sao tự do độc lập của ta cũng tự tay ta làm lấy và thực lực của ta quyết định một phần lớn số phận dân tộc ta². Và mặc dù có sự thay đổi chính phủ ở Pháp nhưng không nên ngây thơ tin tưởng vào chính sách của chính phủ ấy về vấn đề thuộc địa. Cách mạng giải phóng dân tộc của ta trước hết vẫn là việc của nhân dân ta. Phải tự tin. Phải khách quan và thiết thực. Đừng quá ngây thơ mong tưởng nơi người mà thất vọng một cách vô lý. Và không kể thái độ của bọn thực dân Pháp và Chính phủ Pháp như thế nào rồi

1, 2. Xem: Báo *Sự thật*, số 15, ngày 25 đến 27-1-1946; số 11, ngày 10 đến 12-1-1946.

cuộc thực lực của ta là quyết định tiền đồ dân tộc ta. Dân ta đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu dẻo dai và mãnh liệt thì chẳng những Chính phủ Pháp sẽ phải tỏ rõ thái độ nhân nhượng với ta, mà ngay cả bọn thực dân Pháp cũng phải cùng chúng ta nói chuyện bằng miệng chứ không phải bằng bom đạn¹.

Mặt khác, trong bài “Cương nghị nhưng kỷ luật” đăng báo *Sự thật*, số 16, ngày 20-2-1946, đồng chí Trường-Chinh nhắc nhở sinh viên cũng như mọi tầng lớp nhân dân lúc này phải hết sức trầm tĩnh. Hăng hái, sốt sắng chưa đủ. Còn phải biết suy xét trước khi hành động, cân nhắc mỗi chủ trương... Đừng tưởng đi vào Nam Bộ hay lên Lai Châu mới được kháng chiến. Hãy sẵn sàng chiến đấu tại chỗ. Giặc Pháp không những ở mạn ngược hay trong Nam. Giặc Pháp có thể mọc ra ở bên ta. Đồng chí kêu gọi: Hãy nghe theo mệnh lệnh của chính phủ kháng chiến. Đừng hăng hái nhất thời. Đừng say sưa trong chủ nghĩa lãng mạn cách mạng mà mơ tưởng “những bước chinh phu”. Đừng huyền hoang, đừng âm ỹ như Đôngkisốt hay AQ. Hãy học cách im lặng của Trần Quốc Toản trong lúc giận không được dự bàn việc nước ở Hội nghị Diên Hồng chỉ bóp bẹp quả cam, nhưng đã tổ chức một đội quân cản đường rút lui của giặc Nguyên hung bạo.

1. Xem: Báo *Sự thật*, số 17, ngày 17 đến 20-2-1946.

Để chuẩn bị tốt cho kỳ họp đầu tiên của Quốc hội mới vào tháng 3-1946, cùng với việc chỉ đạo tiến hành các giải pháp làm giảm áp lực từ phía quân đội Tưởng và sự chống phá của bọn tay sai bằng việc nhân nhượng đối với Việt Quốc và Việt Cách được tham gia Chính phủ liên hiệp (1-1-1946), từ tháng 2-1946, Tổng Bí thư Trường-Chinh đã viết một loạt bài đăng trên báo *Sự thật* định hướng những nội dung mà các đại biểu Quốc hội cần tập trung thực hiện để chuẩn bị tốt cho kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước ta. Trong bài báo “Hãy gấp rút chuẩn bị mở Quốc hội”, đăng báo *Sự thật*, số 17, ngày 20-2-1946, đồng chí Trường-Chinh xác định rõ: các đại biểu Quốc hội các tỉnh cần “mở ngay những cuộc khai hội rộng rãi với đồng bào” để thảo luận về Hiến pháp và thu thập ý dân, dân nguyện và các vấn đề khác. Đồng chí chỉ rõ các vấn đề chuẩn bị cho kỳ họp Quốc hội đầu tiên cần phải hướng vào những cải cách về kinh tế, văn hoá xã hội, cải thiện đời sống nhân dân...

Về vấn đề kinh tế và tài chính, đồng chí cho rằng, phải tiến hành các cải cách phù hợp như đặt chế độ thuế mới; cải cách địa tô cho hợp lý, chú ý đến quyền lợi của cả địa chủ và tá điền; đặt chế độ tiền lương theo giá sinh hoạt; lập ngân hàng quốc gia, phát hành giấy bạc; tăng gia sản xuất, phát triển và khuyến khích các hợp tác xã; sửa chữa đê điều, cầu cống, đường sá ở những vùng chưa trực tiếp kháng chiến; định lại chế độ công điền,

công thổ; tổ chức việc tiếp tế và cứu tế; tạm thời sử dụng các xí nghiệp của thực dân Pháp và Việt gian để cấp tốc tăng gia sản xuất.

Về vấn đề chính trị, phải tập trung vào vấn đề quy định Hiến pháp và luật cho nước Việt Nam mới, bổ sung hay sửa đổi những gì trong bản dự thảo; giải quyết các vấn đề đảng phái và sự phân tranh, xích mích giữa các đảng phái trên mọi phương diện như quân sự, hành chính, tư pháp, tuyên truyền; trừng trị Việt gian; ban hành các quyền tự do dân chủ trong thời kỳ kháng chiến; ân xá chính trị phạm... Quốc hội mới phải định chính sách ngoại giao trong đó tập trung vào việc “đòi Liên hiệp quốc cử phái bộ điều tra sang Đông Dương và can thiệp vào vấn đề Đông Dương để mau giải quyết cuộc chiến tranh giữa ta và thực dân Pháp; vận động cử đại biểu đi dự các cuộc hội nghị của Liên hiệp quốc và nhất là cuộc Đại hội hoà bình thế giới tháng Năm tới đây; định chính sách với Trung Quốc và Pháp”¹. Phải định rõ chế độ ngoại kiều ở nước ta.

Về vấn đề quân sự và dân tộc kháng chiến, cần tổ chức một đội quân quốc gia thống nhất, từ tên gọi, biên chế, ăn mặc... “Động viên toàn dân và toàn diện thực hiện trường kỳ kháng chiến, giành thắng lợi cuối cùng;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 410.

kiểm điểm kinh nghiệm kháng chiến; triển vọng của cuộc kháng chiến”¹; phải biến các đoàn thể thanh niên cứu quốc, tự vệ, thể dục hướng đạo thành tổ chức bán quân sự, phải thay đổi chương trình dạy học cho thích hợp với nhu cầu của thời kỳ kháng chiến; đặt đảm phụ quốc phòng.

Về *vấn đề văn hoá - xã hội*, phải kiểm điểm lại chương trình học và dạy học; bài trừ hủ tục tàn tích dạy theo lối nhồi sọ thực dân; tích cực chống nạn mù chữ; đào tạo giáo viên và dịch sách giáo khoa; gửi học sinh đi học nước ngoài; mở các thư viện bình dân và các phòng thí nghiệm; khuyến khích văn học nghệ thuật; lập Viện văn hoá và Hàn lâm viện Việt Nam; đặt các giải thưởng và bồi dưỡng nhân tài; tiến hành các cải cách xã hội ở nông thôn như cải tạo hương thôn, tiến hành vận động đời sống mới, lập hội đồng hoà giải; định phương pháp chống nạn thất nghiệp và nạn mại dâm; chấn chỉnh y tế và tổ chức giữ gìn vệ sinh chung...

Đồng chí Trường-Chinh kết luận: “Việc sửa soạn mở Quốc hội không phải là việc riêng của những đại biểu. Nó phải là việc chung của cả dân tộc. Vậy các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân hãy cùng các đại biểu mở những cuộc khai hội thảo luận lấy ý kiến chung

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 411.

trao cho các đại biểu mang lên Quốc hội. Các vị đại biểu thu nhận những bản dân nguyện hãy xếp dọn những ý kiến trong đó vào từng vấn đề để cho công việc thảo luận và giải quyết của Quốc hội được mau chóng và hợp lý”¹.

Định hướng rất cụ thể cả về nội dung và cách thức tiến hành cho hoạt động của các đại biểu Quốc hội đã đem lại những hiệu quả thiết thực và uy tín cao cho Quốc hội đầu tiên của nước ta. Đại biểu Quốc hội trong cả nước tích cực hoạt động theo định hướng trên để thu thập ý kiến của nhân dân tiến tới kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Theo đó, các báo chí cũng đăng tải nhiều bài về dân ý và dân nguyện, tranh luận và trao đổi nhiều vấn đề hệ trọng liên quan tới vận mệnh của đất nước. Tinh thần dân chủ đi vào các sinh hoạt trọng đại của đất nước, nhất là sự chủ động tham gia của nhân dân trong lĩnh vực chính trị, đã giải phóng tinh thần cho cả dân tộc ta, và chính điều này đã tạo ra nguồn động lực và sức mạnh vĩ đại mà theo đó, sức mạnh dân tộc với sự đoàn kết của toàn dân được phát huy cao độ vào công cuộc kháng chiến và kiến quốc.

Ngày 2-3-1946, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá I

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 412.

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chính thức thông qua quyết định công nhận Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và “trao quyền bính cho chính quyền ấy”. Quyết định nêu rõ: Chính phủ liên hiệp kháng chiến có nhiệm vụ thực hiện triệt để sự thống nhất các lực lượng của quốc dân về phương diện quân sự, tuyên truyền cũng như về phương diện hành chính, tư pháp, tổng động viên nhân tài vật lực và tài sản quốc gia theo nhu cầu của tình thế, để đưa kháng chiến đến thắng lợi và nước nhà đến độc lập hoàn toàn. Quốc dân sẽ luôn luôn ủng hộ Chính phủ trong công cuộc ấy¹.

Quốc hội đầu tiên của nước ta cũng ra tuyên ngôn khẳng định: Chủ quyền của nước Việt Nam độc lập thuộc về toàn thể nhân dân Việt Nam. Vận mệnh quốc gia Việt Nam là ở trong tay Quốc hội Việt Nam, chính thể của nước Việt Nam là chính thể dân chủ cộng hoà, có nhiệm vụ bảo vệ tự do và mưu đồ hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân... Quốc hội Việt Nam kiên quyết bảo vệ đến cùng nền độc lập và lãnh thổ quốc gia và quyền tự do của nhân dân Việt Nam. Quốc hội Việt Nam ra lệnh cho toàn thể quốc dân tận lực chống giữ giang sơn và xây dựng lại Tổ quốc để dân tộc

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, khoá họp thứ nhất. Hồ sơ số 1, Văn phòng Quốc hội.

Việt Nam tiến nhanh tới vinh quang cường thịnh¹.

Với việc phổ thông đầu phiếu bầu ra Quốc hội của nước Việt Nam mới và sự ra đời của Chính phủ liên hiệp kháng chiến, vị thế chính trị của nhà nước dân chủ ở nước ta được nâng lên một tầm cao mới: Chính phủ liên hiệp kháng chiến trở thành đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân Việt Nam để tiến hành các hoạt động đối nội và đối ngoại.

Trong điều kiện và tình thế cách mạng cực kỳ khó khăn, những hoạt động của Tổng Bí thư Trường-Chinh trong giai đoạn này để lại những kinh nghiệm hết sức quý giá về sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực, đặc biệt là trong xây dựng, tổ chức nhà nước dân chủ mới ở nước ta².

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, khoá họp thứ nhất. Hồ sơ số 1, Văn phòng Quốc hội.

2. Sau này đồng chí Trường-Chinh viết: “Cuộc đấu tranh chống giặc ngoài, thù trong rất khó khăn, phức tạp. Đảng ta chưa có kinh nghiệm cầm chính quyền, nhưng Trung ương Đảng đã luôn luôn nắm vững ngọn cờ của chủ nghĩa Mác-Lênin, toàn Đảng mật thiết liên hệ với quần chúng và đồng chí Hồ Chí Minh, lãnh tụ của Đảng và của dân tộc, một chiến sĩ cộng sản đã được thử thách và có nhiều kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, đã cùng Trung ương Đảng vận dụng sách lược một cách tài tình để giữ vững chính quyền cách mạng, làm thất bại mọi âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và đưa nước nhà ra khỏi bước hiềm nghèo”. Theo sách: *Trường-Chinh: Hồ Chủ tịch lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam, Sđd*, tr. 27.

4.2. Hoà để tiến

Trong khi thực dân Pháp tiếp tục mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam, bọn quân phiệt Tưởng Giới Thạch và tay sai thực hiện nhiều âm mưu thâm độc hòng lật đổ chính quyền nhân dân ở miền Bắc.

Trước tình hình phức tạp đó, Đảng ta đề ra một số chủ trương và tiến hành những biện pháp cần thiết phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đồng thời áp dụng một sách lược hết sức khôn khéo, mềm dẻo, nhằm phân hoá, cô lập cao độ kẻ thù. Để giữ vững thành quả cách mạng, Đảng lãnh đạo thực hiện sự hoà hoãn, hợp tác với quân Tưởng trong việc giải giáp quân đội Nhật; kiềm chế trước hành động khiêu khích của quân Tưởng và tay sai, tránh xảy ra xung đột về quân sự. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về kinh tế, tài chính, nạn đói còn đe dọa, nhưng Chính phủ ta vẫn cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho quân Tưởng, nhân nhượng với Tưởng để tập trung mũi nhọn vào kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm nhất là thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 28-2-1946, Tưởng Giới Thạch ký với thực dân Pháp một hiệp ước ở Trùng Khánh, trong đó Pháp nhân nhượng một số quyền lợi kinh tế cho chính quyền Tưởng trên đất Trung Hoa để quân đội Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay thế quân đội Tưởng. Chính quyền Tưởng nhân nhượng với Pháp để rút quân về nước nhằm đối phó với Quân giải phóng nhân dân

Trung Quốc. Như vậy, nhà cầm quyền các nước đế quốc đã phơi bày dã tâm sắp xếp cho thực dân Pháp chiếm lại nước ta, lộ rõ sự thoả hiệp tạm thời nhằm thực hiện chiến lược phản cách mạng của chúng.

Trước tình thế đó, ngày 3-3-1946, Tổng Bí thư Trường-Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng để phân tích tình hình và thống nhất ra Chỉ thị Tình hình và chủ trương do đồng chí Trường-Chinh soạn thảo.

Bản chỉ thị phân tích kỹ tình hình trong và ngoài nước và cho rằng trước khi rút về nước, quân Tưởng sẽ tăng sức ép đòi cho bọn tay sai của chúng vào chính phủ của ta nhằm ba mục đích:

a) Bắt nhân dân Việt Nam nhắm mắt nuốt chửng Hiệp ước Hoa - Pháp.

b) Yêu sách Pháp thêm ít nhiều quyền lợi nữa.

c) Ngăn ngừa cuộc đàm phán riêng giữa Việt Minh và Pháp”¹.

Trên thực tế, bọn tay sai Tưởng giương khẩu hiệu “đánh đến cùng”, “không đàm phán với Pháp” nhằm đẩy ta chống lại cả Tưởng, Pháp và bọn phản động có cơ để tiến công lực lượng cách mạng. Khi đó, quân Tưởng lấy lí do ở lại Đông Dương. Còn thực dân Pháp muốn xúc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 42.

tiến nhanh việc đàm phán với ta để đưa quân ra Bắc Việt Nam và không phải đụng độ với quân Tưởng.

Ban Thường vụ Trung ương Đảng xác định: “Đứng trước tình thế trên đây, chúng ta phải quyết đánh hay hoà với Pháp? Có thể nói phút ngay rằng: nếu Pháp giữ chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản Tuyên ngôn ngày 24-3-45, thì nhất định đánh, và rất có thể đánh lâu dài theo lối du kích, nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hoà, hoà để phá tan thâm thù của bọn Tàu trắng, bọn phản động Việt Nam và bọn phát xít Pháp còn sót lại, chúng định hãm ta vào tình thế cô độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc để giữ thực lực của ta tiêu hao”¹.

Ban Thường vụ Trung ương Đảng cho rằng “Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng”². Phân tích “*những điều kiện lời lãi*” về chủ trương “đánh đến cùng” và chủ trương “chủ hoà”, Ban Thường vụ Trung ương Đảng cho rằng mặc dù “chủ hoà” sẽ bị bọn phản động lợi dụng tuyên truyền cho chúng và vu cáo ta phản quốc, “là bán nước cho Tây” và thực dân Pháp có thể tăng lực lượng để

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 43-44.

một ngày kia bội ước, nhưng cũng cho ta hai điều lợi lớn đó là:

“a) Phá được mưu mô bọn Tàu trắng, của bọn phát xít, và của bọn Việt gian, bảo toàn được thực lực.

b) Dành được giây phút nghỉ ngơi để sửa soạn cuộc chiến đấu mới phối hợp với các cuộc chiến đấu của nhân dân Pháp, tiến tới giành độc lập hoàn toàn”¹.

Để thực hiện công việc hoà đàm với Pháp, bản Chỉ thị nêu ra tám công việc cụ thể phải tiến hành:

Về đối nội, phải giải thích cho dân hiểu, diệt trừ bọn phản động, tay sai các loại; chấn chỉnh đội ngũ, đào tạo cán bộ, củng cố phong trào; giải quyết vấn đề dân sinh và có chính sách đúng đối với địa chủ, quan lại, tư sản, trí thức.

Về đối ngoại, phải đề phòng Pháp đánh lại ta; phải liên lạc mật thiết và hành động chung với Đảng Cộng sản Pháp và tăng cường tuyên truyền quốc tế.

Những chủ trương trên cho thấy quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Tổng Bí thư và Ban Thường vụ Trung ương Đảng về sự chuyển hướng trong sách lược đấu tranh với kẻ thù: thay vì sách lược hoà với Tưởng để kháng chiến chống Pháp ở miền Nam bằng sách lược hòa với Pháp để đẩy mau quân Tưởng về nước,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 45.

tranh thủ thời gian củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thiết thực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Bản chỉ thị nêu rõ: “Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những *không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu*, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta”¹.

Để thực hiện đàm phán với Pháp, “Lập trường giảng hoà của ta đi với Pháp là *độc lập* nhưng *liên minh* với Pháp. Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của dân ta, ta có “Chính phủ, quân đội, nghị viện, tài chính, ngoại giao, v.v.” và “sự thống nhất quốc gia của ta”.

Ta có thể nhận quyền đóng quân của Pháp trên đất nước ta, nhưng quyền ấy chỉ có thể tạm thời và có hạn” và chúng ta phải đòi “quyền tự chủ hay ít nhất quyền tự trị rộng rãi về chính trị”² cho Lào và Campuchia.

Ngày 6-3-1946, sau nhiều lần đàm phán căng thẳng với đại diện của Pháp, sau khi thống nhất với Ban Thường vụ Trung ương Đảng và thông qua Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp, tại số nhà 2 phố Lê Lai (nay là Cung Văn

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 46, 46-47.

hoá thiếu nhi Hà Nội). Theo Hiệp định, Chính phủ Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, tài chính riêng.

Ký Hiệp định Sơ bộ là một thành công trong thực hiện chủ trương của Đảng ta mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người trực tiếp thực hiện.

Ngày 9-3-1946, để làm sáng rõ quan điểm của Đảng và giải thích về việc ký Hiệp định ngày 6 tháng 3 cho toàn Đảng, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị Hoà để tiến thông báo nội dung căn bản của Hiệp định Sơ bộ 6 tháng 3 và nhận định rằng: Hiệp định là kết quả của “sự chiến đấu anh dũng của chúng ta... và nhờ tinh thần yêu chuộng tự do, chính nghĩa của dân Pháp, Chính phủ Pháp đã phải công nhận quyền tự chủ và sự thống nhất quốc gia của ta”, đó “là vì nước Việt Nam mới có lực lượng chiến đấu mới và nước Pháp mới cũng có tinh thần tự do mới”¹.

Chỉ thị phân tích chủ trương hoàn hảo với Pháp để:

"1. Tránh tình thế bất lợi: phải cô lập chiến đấu cùng một lúc với nhiều lực lượng phản động (thực dân Pháp, Tàu trắng, bọn phản cách mạng trong nước), chúng sẽ đúc thành một khối... để đánh ta.

2. Bảo toàn thực lực dành lấy giây phút nghỉ ngơi và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 48-49.

củng cố vị trí mới đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào. Tóm lại để chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tốt tiến lên giai đoạn cách mạng mới”¹.

Ban Thường vụ Trung ương chỉ rõ: sau Hiệp định Sơ bộ cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Dương vẫn chưa hoàn thành, do vậy, “Mục đích của giai cấp tiền phong - giai cấp công nhân - ở Đông Dương trong giai đoạn này vẫn là hoàn thành giải phóng cho Tổ quốc, thống nhất dân tộc và hoàn thành củng cố chế độ cộng hoà dân chủ”² và kẻ thù cụ thể trước mắt ta lúc này là bọn phản động Pháp. Bởi vậy, trong tình hình mới phải đổi Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược thành *Mặt trận dân tộc thống nhất chống phản động và giành độc lập hoàn toàn*. Do vậy, Đảng phải xem xét lại những khẩu hiệu cổ động, thay đổi kịp thời các hình thức tổ chức và tranh đấu cho hợp với tình hình mới, các khẩu hiệu “kháng chiến” phải nhường chỗ cho khẩu hiệu “kiến quốc”, cuộc tranh đấu về quân sự phải chuyển thành cuộc tranh đấu về chính trị, kinh tế, văn hoá...³.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 49, 50.

3. Báo *Sự thật*, số 29, ngày 30-3-1946, đăng bài của đồng chí Trường-Chinh, bút danh T.Tr., nhan đề “Thay đổi khẩu hiệu

Bản Chỉ thị nêu rõ “Một chủ trương mới phải kèm theo những công tác mới” và chỉ ra nhiệm vụ cho toàn Đảng là phải căn cứ vào Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* mà giải thích cho Mặt trận và quần chúng về việc tại sao lại giảng hoà với Pháp, đồng thời phải chống lại các xu hướng hành động vô nguyên tắc, hoặc bị khiêu khích hay ngây thơ cho rằng dân tộc đã tránh được khó khăn rồi mà không chuẩn bị, không sẵn sàng chiến đấu. Mặt khác, phải đề phòng thực dân pháp bội ước, kiếm có tấn công ta lật đổ chính quyền nhân dân. Bởi vậy, toàn Đảng phải tiếp tục chuẩn bị kháng chiến lâu dài, nhưng kín đáo, đồng thời phải “đối với Tàu cho

tuyên truyền và khẩu hiệu tranh đấu” giải thích cặn kẽ về sự thay đổi đó: Khẩu hiệu tuyên truyền cổ động cũng như hình thức tổ chức và tranh đấu đều thuộc về chiến thuật, phải thay đổi, biến hoá tuỳ theo trào lưu lên xuống, tuỳ theo tình thế và nhiệm vụ mỗi lúc khác nhau.

Trong lúc dân tộc ta thay đổi chủ trương - đang đánh mà hoà - chúng ta phải soát lại hết một lượt các khẩu hiệu đã đề ra trên mặt báo, trên các bức tường, trong các cuộc mít tinh... Khẩu hiệu nào thích hợp thì để; không hợp nữa thì bỏ đi dặng kịp thời thay những khẩu hiệu mới vào.... Nhiệm vụ kháng chiến bớt đi thì nhiệm vụ kiến quốc tăng lên. Cho nên phải nêu cao những khẩu hiệu kiến quốc. Hoà bình trở lại thì khẩu hiệu cải thiện đời sống nhân dân phải đề lên hàng đầu. Đánh giặc không phải là công việc hàng đầu nữa, nhưng vẫn phải xua tan giặc đói và giặc dốt...

khéo” và chống lại những hành động của các đảng phái phản động thân Tàu và Pháp.

Trước tình hình trên, những nhiệm vụ trong công tác nội bộ của Đảng là nhân lúc giã hoà mà “nối lại các dây liên lạc... cho chặt chẽ, đào tạo cán bộ, phát triển cơ sở quần chúng, củng cố phong trào”. Trong Đảng, phải bài trừ các chủ trương, hành động khiêu khích, phá chính sách ngoại giao cũng như những xu hướng bi quan; phải mở rộng sự hoạt động của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương để thu hút quần chúng, chống “chủ nghĩa Mác cải lương” hay “chủ nghĩa cộng sản thuộc địa”, “chủ nghĩa cơ hội một mùa” hay những phần tử xã hội dân chủ Pháp ở Đông Dương.

Bản chỉ thị cũng chỉ rõ những nhiệm vụ đối với Nam Bộ và vấn đề Lào.

Cuối bản Chỉ thị, Ban Thường vụ Trung ương kết luận: “Tổ quốc gặp những bước khó khăn. Nhưng con thuyền cách mạng đang lượn những mỏm đá ghênh để lướt tới. Chúng ta “hoà” với Pháp để dành thời gian, bảo toàn thực lực, giữ vững lập trường càng mau *tiến tới độc lập* hoàn toàn”¹.

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trường-Chinh, chỉ trong một thời gian ngắn Bộ chỉ huy tối cao của Đảng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 56.

đã đề ra được những chủ trương chính xác: Chỉ thị "Tình hình và chủ trương", Chỉ thị "Hoà để tiến". Đây là sự vận dụng sách lược hết sức đúng đắn, nhạy bén, phù hợp với sự chuyển biến của tình hình đất nước, ứng phó kịp thời và có hiệu quả với những âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù¹, nhờ đó, cách mạng nước ta từng bước vượt qua những hiểm nghèo.

Thực hiện sách lược của Đảng với việc ký Hiệp định ngày 6-3-1946, chúng ta đã “khéo đỏi” 20 vạn quân Tưởng ở miền Bắc về nước, Việt - Pháp thoả thuận đình chỉ xung đột ở miền Nam tạo tiền đề ban đầu để đi đến đàm phán ký hiệp định chính thức. Trên thực tế, với việc ký vào Hiệp định 6-3-1946, thực dân Pháp đã phải công nhận sự tồn tại và vị thế của Chính phủ Hồ Chí Minh. Đây là một thắng lợi chính trị có ý nghĩa quốc tế của Nhà nước ta, đồng thời cũng bóc trần bộ mặt xâm lược của thực dân Pháp.

Khôn khéo và kiên quyết trong đấu tranh trực diện

1. Để tiếp tục giải thích cho nhân dân rõ chủ trương của Đảng, đồng chí Trường-Chinh đã viết bài “Ngày 1-5-1946”, đăng trên báo *Sự thật*, số 33, ngày 29-4-1946, nói cụ thể hơn:

“Hoà với Pháp không phải là thôi tranh đấu, mà chỉ thay đổi hình thức tranh đấu.

Hoà với Pháp không phải ngây thơ tin rằng mọi việc đều xong cả, mà trái lại phải tích cực chuẩn bị đối phó với mọi sự bất trắc”.

với kẻ thù, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường-Chinh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng lãnh đạo bền bỉ đấu tranh đòi thực dân Pháp thi hành đúng những cam kết trong bản Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, tranh thủ những cơ hội tìm kiếm hoà bình, kéo dài thời gian hoà hoãn để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài biết trước là không thể tránh khỏi.

Ngày 11-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi Chính phủ và nhân dân thế giới, cùng đồng bào cả nước sau khi ký Hiệp định Sơ bộ: “Đồng bào đã tin tôi và Chính phủ mà tạm hoãn cuộc tranh đấu giành hoàn toàn độc lập, mà nhận chế độ tự chủ, mà bình tĩnh chờ đợi kết quả cuộc đàm phán chính thức ở Ba Lê.

Nay vì sự dùng dằng bên phía Pháp mà đồng bào phần uất, tôi kêu gọi đồng bào hãy bình tĩnh, sẵn sàng chờ lệnh của lệnh của Chính phủ”¹.

Ngày 30-3-1946, báo *Sự thật*, số 29, đăng bài của đồng chí Trường-Chinh nhan đề “Những người mácxít Đông Dương kêu gọi đồng bào”, tố cáo chính sách “vừa xoa vừa đâm”, “nhường tay nọ, giành tay kia”, “thi hành chính sách việc đã rồi để lấn bước”... “của các phần tử thực dân ngoan cố phản bội nước Pháp, đầu hàng Nhật, mưu toan giành giật lại đặc quyền đặc lợi ở Đông Dương”. Thay mặt những người mácxít Đông Dương,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 202.

đồng chí Trường-Chinh kêu gọi đồng bào cả nước:

Chúng ta phải đoàn kết nhất trí, tích cực chuẩn bị làm hậu thuẫn cho Chính phủ, ủng hộ Hồ Chủ tịch trong cuộc giao thiệp Việt-Pháp.

Chúng ta phải tỏ ra cho bọn phản động Pháp biết rằng: dân tộc Việt Nam cam kết trung thành với hiệp định Việt-Pháp và rất yêu chuộng hoà bình, nhưng dân tộc Việt Nam sẵn sàng hy sinh hết thảy để phá tan mọi mưu mô phản phúc và dè hèn của phái phản động Pháp.

Đồng chí khẳng định: Được rèn luyện trong đấu tranh giải phóng dân tộc liên miên và gian khổ ngót một thế kỷ nay, dân tộc Việt Nam đã đủ tinh thần và nghị lực chặn đường phái phản động Pháp và dân tộc Việt Nam sẽ thắng vì đã có một thứ vũ khí mạnh hơn máy bay và thiết giáp của người Pháp. Đó là: *sự đoàn kết, thống nhất bất diệt của hai mươi triệu đồng bào*. Khẩu hiệu lúc này là “Tích cực chuẩn bị nhưng kỉ luật chờ lệnh chính phủ Hồ Chí Minh”¹.

Cùng với việc tỏ rõ quan điểm trên đây, qua báo *Sự thật*, đồng chí Trường-Chinh liên tục viết bài phản đối thái độ lặt lọng của giới cầm quyền Pháp và khẳng định lập trường chính nghĩa của Việt Nam. Đó là các bài “Không nên khêu những đồng tro tàn ấy nữa” và

1. Xem: Báo *Sự thật*, số 29, ngày 30-3-1946.

“Không đàm phán chính thức ở đâu hết ngoài Pari” phản đối Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Mutê coi Việt Nam *thành nước tự do trong đế quốc Pháp* là không đúng với Hiệp định 6 tháng 3 và vu khống cuộc chiến đấu giải phóng của dân tộc Việt Nam là do Nhật tổ chức; phản đối việc Chính phủ Pháp mưu toan xoá bỏ các thoả thuận trong Hiệp định 6 tháng 3 và coi cuộc gặp gỡ giữa Đácgiăngliơ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hạ Long là ý định chỉ đàm phán ở Đông Dương chứ không phải ở Pari để tránh sự chống đối của dư luận tiến bộ Pháp...¹.

Cuối tháng 3-1946, do thái độ kiên quyết của Chính phủ và nhân dân ta, Chính phủ Pháp đã phải đi đến một thoả thuận: Chính phủ Việt Nam cử một phái đoàn sang Pháp và Pháp cử một phái đoàn sang Việt Nam để chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc ký kết Hiệp định chính thức ở Pari. Một hội nghị trù bị sẽ được tổ chức từ ngày 17 tháng 4 đến 12-5-1946 tại Đà Lạt để chuẩn bị cho cuộc đàm phán chính thức ấy.

Ngày 14-4-1946, để hướng dẫn dư luận và thể hiện lập trường của phía Việt Nam trong thương thảo với Pháp tại Đà Lạt, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Những vấn đề lớn sẽ bàn ở Hội nghị trù bị Đà Lạt”, đăng trên báo *Sự thật*, số 31. Bài báo cho biết hội nghị chính thức sẽ đàm phán về ba vấn đề:

1. Xem: Báo *Sự thật*, số 30, ngày 6-4-1946.

a) Những mối liên lạc ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài;

b) Chế độ tương lai của Đông Dương;

c) Quyền lợi văn hoá giữa Pháp và Việt Nam.

Nhằm vào những điểm ấy, tại hội nghị trù bị, phải tập trung vào sáu vấn đề quan trọng, đó là những vấn đề về: hợp nhất ba kỳ; vấn đề tự chủ của nước Việt Nam; vấn đề Liên bang Đông Dương; vấn đề Liên bang Pháp quốc; quyền lợi kinh tế và văn hoá của Pháp ở Việt Nam và vấn đề Pháp kiều ở Việt Nam¹.

Đồng chí Trường-Chinh khẳng định: Vấn đề *ba kỳ hợp nhất* phải được hiểu trước hết là nước Việt Nam là một khối không thể chia rẽ, gồm có ba kỳ. Ba kỳ phải theo chung một chế độ cộng hoà dân chủ. Nếu phải trưng cầu ý kiến nhân dân Việt Nam về vấn đề thống nhất ba kỳ thì phải mở trong một thời hạn nhất định và mở với điều kiện các đoàn thể ái quốc phải được công nhận hợp pháp ở những nơi Pháp làm chủ. Quân Pháp không được dùng vũ lực làm mất tính cách tự do của cuộc trưng cầu ý kiến đó.

Về vấn đề *nước Việt Nam là một nước tự chủ*, nghĩa là nước Việt Nam có Chính phủ riêng (tổ chức theo Hiến pháp của mình; bên cạnh hay bên trên chính phủ ấy không có một cơ quan nào khác có thể coi như một chính

1. Xem: Báo *Sự thật*, số 31, ngày 13-4-1946.

phủ bảo trợ của người Pháp hay bù nhìn thân Pháp), có nghị viện, quân đội, tài chính riêng và có quyền ngoại giao trực tiếp với nước ngoài.

Liên bang Đông Dương gồm ba nước: Việt Nam tự chủ, Ai Lao và Cao Miên theo chế độ tự trị; ba nước này hợp thành một khối và liên minh với nước Pháp trong Liên bang Pháp quốc. Tổ chức liên bang không thể như một chính phủ mà chỉ là một hội đồng liên tịch và chỉ có quyền điều hoà quyền lợi kinh tế, hoà giải những chuyện phân tranh giữa ba nước, hạn định việc phòng thủ chung. Dân tộc ta kiên quyết chống lại lối lập chính phủ Liên bang với Thượng sứ Pháp có quyền hạn như một vị Toàn quyền mà chỉ có thể nhận là cố vấn tối cao. Điều cốt tử là phải tránh sao cho trong Liên bang Đông Dương, nước Việt Nam tự chủ không bị coi như nước Cao Miên tự trị.

Đồng chí Trường-Chinh cho rằng, trong khối Liên hiệp Pháp (gồm nước Pháp, đất thuộc Pháp ở hải ngoại và những nước kết hợp với Pháp), nước Việt Nam là “một nước kết hợp với nước Pháp” nhưng “kết hợp theo quy ước chứ không theo Hiến pháp”, vì vậy Việt Nam có thể cử đại sứ thẳng đi các nước, có quyền gia nhập Liên hiệp quốc không cần nhờ Pháp đại diện, có quyền ký hiệp ước liên minh quân sự với bất kỳ nước nào, miễn là không chống lại nước Pháp.

Về quyền lợi kinh tế và văn hoá của nước Pháp ở

Việt Nam, đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ: Pháp có đặc quyền, đặc lợi kinh tế ở Việt Nam nhưng các quyền đó phải “hạn chế và thu hẹp lại” theo phân loại thành bốn hạng xí nghiệp. Nước Pháp được hưởng chế độ thuế quan đặc biệt và về văn hoá, người Pháp có quyền dạy học, truyền đạo, viết báo, mở phòng thí nghiệm... miễn là những việc ấy không xâm phạm đến chủ quyền của nước ta thì thôi.

Pháp kiều cũng như Hoa kiều ở Việt Nam phải theo một chế độ rõ rệt, do đó tính mệnh và tài sản hợp pháp của họ được bảo đảm. Nhưng nếu họ phạm pháp thì phải do toà án hoà giải Việt – Pháp xét xử (về tội nhẹ) hoặc toà án Việt Nam xét xử (về tội nặng).

Những quan điểm trên đây được phái đoàn Việt Nam thể hiện đầy đủ ở Hội nghị trù bị Đà Lạt, nhưng phía Pháp luôn ngoan cố bám giữ lập trường thực dân, do đó Hội nghị trù bị Đà Lạt bị bế tắc. Trong bài báo “Chung quanh Hội nghị Đà Lạt”, đăng trên tờ *Sự thật*, số 34, ngày 5-5-1946, đồng chí Trường-Chinh nêu rõ trước công luận những bế tắc này: Xét ý tứ, phía Pháp núp dưới hai quan niệm: 1) Liên bang Đông Dương là một khối kết hợp chính trị đủ lấn át nước Việt Nam tự chủ; 2) Nam Bộ là một bộ phận phải tách ra khỏi nước Việt Nam... Còn phái đoàn Việt Nam? Cũng lấy ý tứ mà xét thì phái đoàn Việt Nam chủ trì hai điều đáng chú ý dưới đây: 1) Quân Pháp phải đình chỉ ngay những cuộc

hành quân trong Nam Bộ để gây một không khí thuận tiện cho cuộc đàm phán... 2) Quyền lợi nước Việt Nam dung hoà với quyền lợi của Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp chỉ trong phạm vi không hại đến quyền tự chủ căn bản của nước Việt Nam.

Để tiếp tục tìm kiếm cơ hội hoà bình, kéo dài thời gian hoà hoãn chuẩn bị lực lượng kháng chiến, phía Việt Nam tiếp tục lộ trình đã thoả thuận với Pháp ở Hạ Long.

Ngày 16-4-1946, Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu lên đường đi thăm nước Pháp. Nhân dịp này, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Nhiệm vụ của phái đoàn Việt Nam qua Pháp”¹. Nhắc lại lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn phái đoàn trước khi lên đường rằng “Phái đoàn có ba việc phải làm là *đoàn kết, cẩn thận, làm cho người Pháp hiểu ta*, để gây tình hữu nghị giữa hai dân tộc”, đồng chí Trường-Chinh phân tích cụ thể nội dung ba nhiệm vụ này và cho rằng “Làm cho nhân dân Pháp hiểu ta để tăng cường tình thân ái, sự giúp đỡ giữa hai dân tộc Việt-Pháp, đó là một nhiệm vụ khá quan trọng của phái đoàn Quốc hội Việt Nam sang Pháp lần này”.

Ngày 31-5-1946, theo lời mời của Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm chính thức nước Pháp,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 424-426.

với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp. Tiếp theo đó là cuộc đàm phán chính thức Việt-Pháp diễn ra ở Phôngtennoblô¹.

Trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Pháp với tư cách thượng khách của Chính phủ Pháp, từ ngày 31 tháng 5 đến tháng 10-1946, Tổng Bí thư Trường Chinh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng cùng với cụ

1. Từ ngày 6 tháng 7 đến 10-9-1946, cuộc đàm phán chính thức giữa phái đoàn Chính phủ Việt Nam do Phạm Văn Đồng dẫn đầu và phái đoàn Chính phủ Pháp đã được tiến hành ở nước Pháp, tại Phôngtennoblô.

Lập trường đúng đắn và kiên quyết của Chính phủ ta tại cuộc đàm phán được nhân dân Pháp và dư luận tiến bộ trên thế giới đồng tình ủng hộ. Tuy nhiên, cuộc đàm phán đã không đem lại kết quả cụ thể, bởi thái độ ngoan cố của thực dân Pháp, trước sau chỉ muốn đặt lại ách thống trị thực dân trên đất nước ta. Ngay cơ một cuộc chiến tranh quy mô toàn quốc gần kề. Để tranh thủ thêm thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến, trước khi rời Pháp về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp Tạm ước 14-9-1946, thoả thuận một số điều về quan hệ kinh tế, văn hoá giữa hai nước, đình chỉ xung đột quân sự ở miền Nam và sẽ tiếp tục ngồi vào bàn đàm phán vào tháng 1-1947.

Chuyến đi thăm Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn đàm phán của Chính phủ ta, tuy không đạt được mục đích ký hiệp định chính thức, nhưng đã làm cho nhân dân Pháp hiểu và ủng hộ nhân dân ta, làm cho dư luận quốc tế chú ý đến Việt Nam và thấy được nguyện vọng hoà bình tha thiết của dân tộc ta.

Huỳnh Thúc Kháng, người được Chủ tịch Hồ Chí Minh uỷ nhiệm là quyền Chủ tịch Chính phủ, trực tiếp lo liệu mọi công việc trong nước, tận dụng thời gian hoà hoãn với Pháp lãnh đạo nhân dân xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt, chủ động đối phó với chiến tranh có thể xảy ra trên cả nước.

Về kinh tế, Đảng lãnh đạo tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, tích trữ lương thực để chuẩn bị hậu phương cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Về quân sự, Đảng ta tập trung vào việc lãnh đạo vũ trang toàn dân, xây dựng dân quân tự vệ. Theo Sắc lệnh số 71/SL ngày 22-5-1946, Vệ quốc đoàn chuyển thành Quân đội quốc gia Việt Nam¹.

Về chính trị, Đảng ta chủ trương tiến hành các biện pháp nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Qua Hội nghị Đà Lạt, với thực tiễn đoàn kết của các thành viên trong đoàn đàm phán, Ban Thường vụ Trung ương chỉ đạo Tổng bộ Việt Minh ra Thông cáo ngày 16-5-1946, hạ lệnh cho toàn thể hội viên ở toàn quốc không được xung đột với anh em Quốc dân Đảng và hết sức hữu nghị với anh em”. Cùng ngày, đại biểu Mặt trận Việt Minh là Võ Nguyên Giáp và đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng là Vũ Hồng Khanh đã ký Thông cáo

1. Đến cuối năm 1946, bộ đội thường trực đã có 80.000 người, tự vệ có gần 1 triệu người.

“Để thực hiện triệt để sự đoàn kết giữa các đảng phái và chuẩn bị đi đến sự thống nhất lực lượng của toàn dân, từ nay tất cả đảng viên các đảng phái tuyệt đối cấm chỉ không được xung đột và cần phải tỏ tình hữu nghị cùng nhau”¹.

Nhằm đẩy mạnh quá trình thống nhất dân tộc, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Đoàn kết hơn nữa!”, hoan nghênh “Trong cuộc tranh đấu này, phái đoàn Việt Nam đã đúc hản thành một khối vững chắc. Giữa những phần tử trong phái đoàn, các màu sắc chính trị, các xu hướng đảng phái đều xoá hết. Ai nấy chỉ còn biết có quyền lợi thiêng liêng của quốc gia, dân tộc. Ai nấy đều giốc hết tâm trí, đem hết tinh thần, nghị lực ra phụng sự nước nhà”. Từ đó, đồng chí Trường-Chinh “nghĩ đến một sự thống nhất rộng rãi, vượt ra ngoài phạm vi các đảng phái - một sự thống nhất của toàn dân” và chỉ rõ rằng “Đã đến lúc Mặt trận dân tộc thống nhất phải thật rộng rãi, *bao trùm tất cả các đảng phái và các tầng lớp nhân dân vô đảng, vô phái*.”

Đã đến lúc, các đảng phái cam đoan đoàn kết, *phải thành thực đoàn kết - đoàn kết không chỉ ở lời nói mà ở việc làm*.

Quyền lợi quốc gia buộc ta phải thế. *Con đường thống nhất là con đường cứu sống duy nhất của dân tộc ta*.

1. Xem: Báo *Sự thật*, số 36, ngày 18-5-1946.

Sẽ bị quốc dân ruồng bỏ và lịch sử lên án kẻ nào đi ngược lại con đường ấy”¹.

Ngày 29-5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam đã được tuyên bố chính thức thành lập ở Hà Nội. Viết về sự kiện này, trong bài “Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời” trên báo *Sự thật*, số 38, ngày 1-6-1946, đồng chí Trường-Chinh khẳng định sự ra đời của Hội Liên Việt là “Một hiện tượng chính trị quan trọng. Một tin mừng của dân tộc Việt Nam” và “Cuộc đại đoàn kết ngày nay sẽ mang lại tự do chắc chắn cho dân tộc và có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của các thế hệ Việt Nam sau này”².

Trong tháng 7-1946, để thực hiện tốt nhiệm vụ thống nhất dân tộc, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Chính sách của chúng ta”, đăng liên tục trên các số 42, 43, 46 của báo *Sự thật*, trình bày chính sách của Đảng lúc này là *Thống nhất bên trong; Tìm bạn bên ngoài* và nêu lên những *Điều kiện đoàn kết*, thống nhất dân tộc.

Bài báo phân tích rõ: kẻ thù của chúng ta là thực dân phản động Pháp thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc, chia rẽ Nam - Bắc, chia rẽ giai cấp, chia rẽ tôn giáo và chia rẽ đảng phái, bởi vậy để “Chống lại chính sách chia rẽ nguy hiểm và thâm độc ấy, chúng ta chủ trương

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr. 427-428; 71.

thống nhất, đoàn kết. Thống nhất quốc gia. Đoàn kết dân tộc”¹. Đảng chủ trương các dân tộc lớn nhỏ ở Đông Dương phải bình đẳng tương trợ và thừa nhận quyền tự quyết của các dân tộc Miên, Lào và quyền địa phương tự trị của các dân tộc thiểu số, nhưng “tự trị trong chế độ dân chủ cộng hoà” và không thể tự trị tách ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để làm khí cụ cho người. Trung - Nam - Bắc là ba bộ phận của nước Việt Nam và đồng bào ở ba miền đều là công dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Về vấn đề giai cấp, Đảng “không chủ trương “giai cấp thoả hiệp” hay phản lại thuyết “giai cấp đấu tranh”; nhưng... trong hoàn cảnh Đông Dương hiện thời, các giai cấp trong nước muốn thoát cảnh nô lệ, nhất định phải nhường nhịn nhau, đặt quyền lợi giai cấp dưới quyền lợi dân tộc”². Đảng ta “hết sức bênh vực quyền tự do tín ngưỡng, kiên quyết phản đối tôn giáo xung đột. Trong khi thừa nhận quyền tự do chỉ trích mê tín, chúng ta kịch liệt phản đối bài bác tôn giáo, vì trong giai đoạn này, làm như thế có khác gì nổi giáo cho giặc?”³. Đồng chí Trường-Chinh viết: “Tất cả những chủ trương trên đây có thể tóm lại bằng hai chữ *thống nhất*. Kẻ nào không hiểu những chủ trương ấy thì không hiểu một chút gì về

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sổđ*, t.8, tr. 434, 436.

chính sách của đoàn thể trong giai đoạn này”¹.

Về vấn đề *Tìm bạn bên ngoài*, bài báo nêu rõ: “Muốn chống phản động Pháp, lập mặt trận thống nhất chưa đủ. Phải tìm bạn bên ngoài nữa.

Mục đích của ta lúc này là tự do, độc lập. Ý chí của ta lúc này là dân chủ, hoà bình. Là bạn của ta trong giai đoạn này tất cả những nước nào, những dân tộc hay lực lượng nào trên thế giới tán thành mục đích ấy, cùng ta chung một ý chí ấy”². Đó là các dân tộc thuộc địa và bán thuộc địa đang đấu tranh giành tự do, độc lập, là nhân dân Pháp, nhân dân Liên Xô, các lực lượng hoà bình và dân chủ tiến bộ trên khắp thế giới. Điều cốt yếu là chúng ta phải biết tìm kiếm, phải đứng vào phe các lực lượng đấu tranh cho hoà bình và dân chủ, bài trừ tàn tích phát xít, chống phản động quốc tế. Để làm được những việc trên phải củng cố chế độ dân chủ cộng hoà, tiếp tục con đường tiến bộ, phải giành lấy ngoại giao, đòi gia nhập Liên hợp quốc, ra sức tuyên truyền quốc tế, phá tan những luận điệu vu khống của bọn Pháp phản động.

Đồng chí Trường-Chinh cho rằng đoàn kết là một nghĩa lớn, không có gì quan trọng bằng, “Nhưng đoàn kết phải có điều kiện” và chỉ ra bốn điều kiện của mặt

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr. 436, 437.

trận dân tộc thống nhất và cũng là bốn điều kiện cần phải có của Hội Liên hiệp quốc dân là:

“Một là, những phần tử trong mặt trận quốc dân liên hiệp phải chân thành *vì dân, vì nước* chứ không thể đeo mặt nạ cách mạng, ái quốc mà phản nước, hại dân.

Hai là, các đảng phái đoàn kết không phải chỉ đoàn kết trên mặt tờ giấy, mà phải *hành động chung*, nghĩa là cùng làm những việc nhất định để đạt mục đích chung.

Ba là, các đảng phái trong mặt trận có quyền giữ nguyên bản sắc chính trị và tổ chức của mình, *nhưng phải tuân theo một chương trình tối thiểu chung của mặt trận và tham gia sinh hoạt mặt trận*.

Bốn là, trong khi đoàn kết các đảng phái phải luôn luôn *giám thị lẫn nhau và phê bình nhau một cách thân mật và có chứng cứ*¹.

Cùng với việc xây dựng Mặt trận Liên Việt, đề ra các nguyên tắc cho xây dựng mặt trận thống nhất dân tộc, Đảng chỉ đạo thành lập Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (tháng 5-1946), Đảng Xã hội Việt Nam (tháng 7-1946), Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (tháng 10-1946). Cuối tháng 11-1946, Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ nhất được triệu tập. Đầu tháng 12-1946, Hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 440-441.

ngợi đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam được tổ chức nhằm đoàn kết các dân tộc trong nước chống lại âm mưu chia rẽ thâm độc của thực dân Pháp. Mặt trận thống nhất dân tộc ngày càng được mở rộng, trở thành hậu thuẫn mạnh mẽ cho các hoạt động đối ngoại và giải quyết những vấn đề an ninh xã hội, trấn áp bọn phản cách mạng.

Để mở rộng đoàn kết dân tộc, phải tăng cường đoàn kết trong nội bộ Đảng. Thời gian này, một số người cộng sản dưới cái nhãn hiệu “Việt Minh mới” và “Việt Minh cũ” đã “xung đột nhau ở vài nơi, có chỗ đã bắn giết nhau nữa”. Trước thực trạng đó, Tổng Bí thư Trường-Chinh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng khẩn trương họp bàn phương thức giải quyết tình trạng “hết sức đau đớn” này.

Trong các ngày 25, 26, 27-5-1946, Tổng Bí thư Trường-Chinh và Thường vụ Trung ương đã triệu tập các đồng chí hoạt động ở Nam Bộ đang công tác tại Hà Nội để họp bàn về vấn đề Nam Bộ, kiểm điểm tình hình và bàn các biện pháp giải quyết. Sau khi thảo luận, Ban Thường vụ Trung ương Đảng thống nhất cử ba đồng chí Duẩn, Thập, Châu¹ vào Ủy ban cải tổ Đảng bộ Nam Bộ, với nhiệm vụ vào Nam Bộ cùng các đồng chí Xứ ủy hiện hoạt động trong Nam thành lập Ủy ban

1. Các đồng chí: Lê Duẩn, Nguyễn Thị Thập và Châu.

cải tổ Đảng bộ Nam Bộ. Với khẩu hiệu hành động cải tổ Đảng bộ Nam Bộ “thống nhất, trong sạch” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ngày 30-5-1946, đồng chí Trường-Chinh thay mặt Ban Thường vụ Trung ương soạn thảo "Thư gửi các đồng chí Xứ uỷ Nam Bộ", “kêu gọi tất cả các chiến sĩ Nam Bộ còn sốt sắng với chủ nghĩa cộng sản, còn thiết tha với quyền lợi của giai cấp vô sản, còn hăng hái tiến bước trên con đường giải phóng dân tộc, hãy cương quyết thi hành phương pháp cải tổ Đảng bộ Nam Bộ đảng mau làm cho giai cấp công nhân Đông Dương có một đảng tiên phong bền vững, mạnh mẽ và thống nhất, xứng đáng với nhiệm vụ lịch sử của họ.

Được vậy chúng ta mới đủ sức lãnh đạo các giới đồng bào vào mặt trận rộng rãi theo chủ trương mới: “Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam” (Mặt trận thống nhất của toàn dân) để đánh tiêu chánh sách chia rẽ và phản động của bọn phản quốc và bọn ngoại xâm, đảng tiến lên giải phóng hoàn toàn cho Đông Dương”¹.

Tổng Bí thư Trường-Chinh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đề ra năm vấn đề lớn cần tập trung thực hiện trong cải tổ Đảng bộ Nam Bộ:

"1. U.B cải tổ phân công đi chấp mỗi với những đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 65-66.

chí tốt ở các địa phương, cùng họ điều tra các đảng viên ở đó, đặt thành danh sách.

2. Lựa chọn trong danh sách ấy, những người tốt xếp đặt họ lại thành các tiểu tổ Đảng và loại những phần tử xấu.

3. Tổ chức thêm một lớp đồng chí mới trong đám quần chúng hăng hái, trung thực xuất sắc trong thời kỳ kháng chiến vừa qua.

4. Tẩy trừ tàn tích “V.M cũ”, “V.M mới” và kiên quyết gạt những phần tử bè phái... phạm lỗi làm cho đồng bào oán ghét ra ngoài Đảng.

5. Lập Xứ uỷ lâm thời và đi tới Hội nghị cán bộ toàn kỳ để cử ra Xứ uỷ chính thức¹.

Nhờ sự chỉ đạo kịp thời, kiên quyết của Tổng Bí thư và Ban Thường vụ Trung ương Đảng, cùng với tinh thần phê bình và tự phê bình nghiêm túc của các đồng chí Nam Bộ, những mâu thuẫn trên đã sớm được khắc phục, tạo điều kiện xây dựng tổ chức Đảng bộ Nam Bộ đủ sức lãnh đạo quân dân Nam Bộ đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đây cũng là khoảng thời gian bọn phản cách mạng có những hoạt động chống phá rất quyết liệt. Tháng 6-1946, phần lớn quân Tưởng đã rút về nước, nhưng bọn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 67-68.

tay sai vẫn tiếp tục các kế hoạch phá hoại, dự định lật đổ chính quyền của ta vào ngày Quốc khánh nước Pháp (14-7-1946). Do nắm được âm mưu của chúng, chính quyền ta đã chỉ đạo chặt chẽ lực lượng công an đập tan mưu đồ đen tối của bọn phản cách mạng. Sáng ngày 12-7-1946, công an ta lần lượt tấn công vào các sào huyệt của bọn phản động, bắt những tên trùm sỏ, giáng đòn mạnh vào sào huyệt của bọn Quốc dân đảng phản động trong vụ án ở phố Ôn Như Hầu, đập tan âm mưu thâm độc của chúng, củng cố sức mạnh của nhà nước dân chủ nhân dân.

Trong dịp này, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Nhân mấy vụ xét bắt mới đây”, đăng báo *Sự thật*, số 45, chỉ rõ: trong Việt Nam Quốc dân Đảng có nhiều phần tử phức tạp từng tham gia vào những việc phản quốc và làm tay sai cho địch, đó chỉ là bọn lưu manh côn đồ đội lốt đảng phái chính trị để làm những việc phản nước, hại dân. Việc khám bắt đã có tác dụng lột mặt nạ bọn phản động bên trong, tay sai của bọn phản động bên ngoài, nó có ý nghĩa tẩy uế Mặt trận dân tộc thống nhất, giúp cho các đảng phái thực hiện khẩu hiệu đoàn kết một cách thiết thực.

Cũng trong số báo này còn có bài của đồng chí Trường-Chinh nhan đề: “Đoàn kết nhưng chỉ đoàn kết với những phần tử chân thành yêu nước”, nghiêm khắc chỉ rõ Việt Nam Quốc dân Đảng phải chịu trách nhiệm

trước Toà án cách mạng và dư luận quốc dân về hành động phản quốc của một số đảng viên Việt quốc. Bài báo kết luận bằng lời của cụ Huỳnh Thúc Kháng: “Chúng ta cần đoàn kết để kiến thiết, để ủng hộ ngoại giao, để xây dựng nền dân chủ cộng hoà... Nhưng những kẻ bất cóc tống tiền, ám sát phải nghiêm trị... Còn những anh em đảng viên chân chính của Việt Nam quốc dân đảng hãy theo truyền thống của nhà chí sĩ Nguyễn Thái Học vì nước, vì dân”¹.

Tiếp theo vụ việc trên, lực lượng vũ trang của ta được lệnh tập trung tiến đánh bọn phản động trên tuyến đường sắt Hà Nội-Vân Nam, phá tan cái gọi là “chiến khu” Vĩnh Yên - Việt Trì - Lào Cai của chúng².

4.3. Chuẩn bị cho kháng chiến

Trước những biến chuyển của tình hình chính trị, ngoại giao, từ ngày 31 tháng 7 đến 1-8-1946, Hội nghị cán bộ Trung ương đã được triệu tập. Hội nghị phân tích tình hình thế giới, tình hình Đông Dương (về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao); tình hình giữa ta với Tàu, Mỹ; tình hình chung trong nước (chính trị, quân sự, kinh tế-tài chính và Chính phủ Trung ương).

1. Xem: Báo *Sự thật*, số 45, ngày 19-7-1946.

2. Sào huyệt cuối cùng của Việt Nam Quốc dân Đảng đóng ở Lào Cai bị tiêu diệt vào đầu tháng 11-1946.

Hội nghị kiểm điểm về công tác đối nội và chỉ rõ vấn đề “*Hoà hoãn bên trong, toàn dân đoàn kết* (chưa thực hiện được thiết thực và rộng rãi)”; còn có chủ trương tả và hữu đối với đảng phái phản động; chính sách dân tộc thiếu sót ở địa phương có sai lầm. Những sai lầm về “chủ trương trong nội bộ” như hẹp hòi, bè phái, thiếu thiết thực, thiếu kỷ luật, hình thức chủ nghĩa... Hội nghị chỉ rõ thái độ đối với các đảng phái khác và Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam, đồng thời đề ra kế hoạch sửa chữa những sai lầm trong chính sách tôn giáo và đối với dân tộc thiểu số.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhất trí cho rằng, nhiệm vụ cần kíp của cách mạng Đông Dương, một mặt, phải liên minh với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới, nhất là với các nước láng giềng khu vực, để củng cố vị thế cách mạng; mặt khác, phải tăng cường củng cố nội bộ, nhất là chuẩn bị lực lượng quân sự, chính trị, bảo đảm đủ sức ứng phó với mọi bất trắc của tình hình và mọi khả năng xấu nhất có thể xảy ra. Hội nghị cho rằng, phải có một chính sách mềm dẻo hơn đối với các đảng phái chính trị, tôn giáo và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Hội nghị nêu lên những yêu cầu mới cho công tác cán bộ và đề ra yêu cầu phải gấp rút đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng và tăng cường

công tác vận động công nhân, phụ nữ, thanh niên. Về văn hoá, hội nghị đề ra nhiệm vụ phải chấn chỉnh văn hoá cứu quốc đoàn, "phải nêu một người lãnh tụ văn hoá", "Ra khẩu hiệu: dân tộc, khoa học, đại chúng... cho khéo"¹.

Hội nghị cũng chỉ ra những yếu kém về quân sự để khắc phục và đề ra kế hoạch bảo đảm chính sách tài chính tình hình mới.

Để thống nhất tư tưởng và hành động trong tình hình mới, tiếp theo Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương, nhân dịp kỷ niệm một năm Cách mạng tháng Tám thành công (tháng 9-1945 – tháng 9-1946), đồng chí Trường-Chinh đã viết một loạt bài về Cách mạng tháng Tám đăng liên tục trên báo *Sự thật* trong tháng 8 và tháng 9-1946. Những bài báo này được tập hợp và tháng 10-1946, Nhà xuất bản Sự thật in thành sách Cách mạng tháng Tám. Lời nói đầu do Đồng chí Trường-Chinh trực tiếp viết², chỉ rõ mục đích nhằm "ghi lại lịch sử một cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc ta, đánh giá cuộc đấu tranh ấy một cách nghiêm túc; định rõ tính chất và ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám, thử phác hoạ bước phát triển của cách mạng Việt Nam từ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 112.

2. Lời nói đầu đề ngày 29-9-1946.

nay về sau; đồng thời, đề nghị với quốc dân, đồng bào nhiệm vụ chính phải làm ngay để thực hiện *độc lập, tự do và hạnh phúc*¹.

Để chống lại những quan điểm phủ nhận giá trị của Cách mạng tháng Tám, tác giả trình bày rõ “Một trang lịch sử oanh liệt” của Cách mạng tháng Tám từ “Cao trào chống Nhật” đến “Khởi nghĩa tháng Tám” và “Việt Nam Dân chủ cộng hoà ra đời”; chỉ ra chủ trương “thêm bạn, bớt thù” với “sách lược mềm dẻo” của Việt Minh để giành thắng lợi; nêu lên những ưu, nhược điểm, đồng thời khẳng định tính chất và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám. Trên cơ sở đó, cuốn sách trình bày “Triển vọng của cách mạng Việt Nam” với những điều kiện thuận lợi, chặng đường phải tới và bước tiến triển, con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam.

Sau khi phân tích tình hình trong và ngoài nước, đồng chí Trường-Chinh xác định “Sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta trong giai đoạn hiện tại phải nhằm hoàn thành những điểm chính: ĐỘC LẬP, THỐNG NHẤT, DÂN CHỦ, PHỤC HƯNG”².

Nội dung của nhiệm vụ thực hiện DÂN CHỦ là “giữ vững và phát triển chế độ cộng hoà dân chủ, củng cố

1, 2. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.I, tr. 341, 404.

chính quyền nhân dân; xây dựng Hiến pháp dân chủ cho nước Việt Nam theo tinh thần... dân chủ mới... Làm cho nước Việt Nam thành một nước dân chủ thật sự ở Viễn Đông”¹.

Nhiệm vụ PHỤC HƯNG được xác định là “xây dựng và củng cố nền tảng của chế độ dân chủ, bằng cách phục hồi kinh tế và phát triển văn hoá, cải thiện đời sống cho nhân dân... về vật chất và tinh thần... Làm cho ai nấy đều góp một phần vào công cuộc phục hưng dân tộc... Làm cho nước Việt Nam thành một nước dân chủ chưa đủ. Phải làm cho nước Việt Nam thành một nước... có một nền kinh tế và văn hoá dân chủ mới nữa.

Mặt khác, phải làm cho nhân dân, trước hết là những người lao động (lao động tay chân và lao động trí óc) đủ ăn, đủ mặc để có sức mà sản xuất, làm việc; làm cho giống nòi khoẻ mạnh, trẻ con đỡ chết yếu, bệnh tật khỏi hoành hành”².

Đồng chí Trường-Chinh khẳng định: Chế độ dân chủ phải thành lập trong toàn quốc. Công cuộc phục hưng phải đạt mục đích cải tạo nước nhà - nước nhà từ Bắc đến Nam. Bởi vậy "nước Việt Nam phải được thống nhất và lãnh thổ Việt Nam toàn vẹn... Chúng ta phải có một quốc gia xứng đáng với danh hiệu ấy. Vì nước Việt Nam

1, 2. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sổđ*, t.I, tr. 405-406, 406-407.

là một khối thống nhất về dân tộc, đất đai, chính trị, kinh tế và văn hoá; khối thống nhất ấy thành lập bằng xương máu, trải qua các thời đại lịch sử, chứ không phải là một sự ngẫu hợp nhất thời”¹.

Đồng chí chỉ rõ ý nguyện dân chủ, phục hưng, thống nhất, sẽ bị khập khiễng nếu nước nhà không được độc lập. Nước đã không độc lập, thì do bọn thực dân can thiệp bằng cách này hay cách khác cũng khó lòng thống nhất, không thể phục hưng mạnh mẽ, và nền dân chủ sẽ bị co hẹp lại. Do vậy, “Phải tranh đấu giữ lấy chủ quyền, làm cho nước nhà không những có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng, nghị viện riêng, mà còn *phải có ngoại giao riêng*. Phải tranh đấu để từ địa vị một nước tự chủ tiến lên địa vị một nước hoàn toàn độc lập, theo nguyên tắc dân tộc tự quyết”².

Đồng chí Trường-Chinh cho rằng, bốn mục tiêu và nhiệm vụ thiết lập và củng cố chế độ cộng hoà dân chủ, phục hưng và cải tạo quốc gia tức là kiến quốc. Chiến đấu giành thống nhất và độc lập cho nước nhà, chống lại sự tấn công của thực dân Pháp, tức là kháng chiến. Đây là hai vấn đề có quan hệ mật thiết với nhau. Nhưng “Muốn kháng chiến và kiến quốc, chúng ta phải động viên mọi sinh lực quốc gia, chống chính sách chia rẽ của

1, 2. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.I, tr. 406-407, 405.

thực dân Pháp; củng cố *khối đoàn kết toàn dân và tìm thêm bạn đồng minh trên thế giới*"¹. Bởi vậy, phải củng cố đoàn kết toàn dân. Phải xác định đại đoàn kết là một nhiệm vụ mấu chốt, phải đoàn kết dân tộc, tôn giáo, quốc dân, giai cấp, đảng phái thành một Mặt trận dân tộc thống nhất chống phản động thực dân Pháp giành độc lập hoàn toàn... làm cho nước nhà thống nhất và độc lập; dân tộc được sung sướng, tự do. Hội liên hiệp quốc dân là "hình thức đoàn kết toàn dân rất thích hợp mà dân tộc ta đã tìm thấy trên đường đấu tranh chống thực dân Pháp và bọn Việt gian trong giai đoạn này"². Đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ, để cho Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam được rộng rãi và vững chắc, phải phát triển và củng cố Việt Minh. "Và muốn cho *Việt Minh* phát triển và củng cố, *cần nhất* là các tổ chức của giai cấp công nhân Việt Nam phải được thống nhất và phát triển khối liên minh công nông phải được củng cố"³; phải đoàn kết với dân tộc Pháp, liên minh với các dân tộc yêu chuộng hoà bình và dân chủ, phải đòi vào Liên hợp quốc, "phải nhảy lên vũ đài quốc tế như một dân tộc đã tham gia chống phát xít"⁴...

Để thực hiện toàn dân đoàn kết, làm cho nước nhà được độc lập, thống nhất, *dân chủ và phục hưng*, "toàn

1, 2, 3, 4. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.I, tr. 410, 411, 411-412, 413-414.

thể đồng bào và trước hết... chiến sĩ cách mạng phải sửa chữa khuyết điểm, sai lầm". Đó là, phải tẩy trừ "khuyñh hướng vô chính phủ, vô kỷ luật"¹; "khuyñh hướng cô độc, hẹp hòi"²; "khuyñh hướng chủ quan chủ nghĩa, "tả" khuyñh"; "khuyñh hướng bảo thủ, hữu khuyñh, nhân nhượng vô nguyên tắc"; "khuyñh hướng tự mãn, say sưa với những thắng lợi nhỏ"; "khuyñh hướng bi quan"... Chỉ rõ "nguyên nhân của những khuyết điểm, sai lầm trên kia là do điều kiện cụ thể của phong trào cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này, đồng chí Trường-Chinh cho rằng, "Chúng ta không có ảo tưởng cho rằng trong một thời gian ngắn... cách mạng sẽ mau chóng gột rửa được hết những thói hư, tật xấu của chế độ cũ để lại"³. Kèm theo cuộc cách mạng chính trị, cuộc cách

1. Đồng chí Trường-Chinh viết: "Khuyñh hướng này chứng tỏ sự hiểu lầm chế độ dân chủ, không nhận thức được thế nào là trật tự cách mạng và kỷ luật dân chủ, tưởng rằng đã là dân chủ thì có thể hành động bừa bãi, lộn xộn". Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.I, tr. 414.

2. Đồng chí Trường-Chinh viết: "Khuyñh hướng tai hại này biểu thị thái độ không tin ở quần chúng và ở chính mình; hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin một cách giáo điều, máy móc". Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.I, tr.415.

3. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.I, tr. 416.

mạng văn hoá với phong trào nếp sống mới của nó, phải hoàn thành nhiệm vụ cải tạo tư tưởng, tập quán và cuộc cách mạng kinh tế phải cải tạo đời sống vật chất cho nhân dân để cung cấp những điều kiện thuận tiện cho sự thắng lợi của cách mạng chính trị và văn hoá đang tiến triển.

Do vậy, theo đồng chí Trường-Chinh, sau khi đã định rõ chủ trương, đường lối, sau khi nhận ra những việc phải làm, thì vấn đề cán bộ quan trọng hơn hết và “nhiệm vụ quyết định trong lúc này là làm sao để có thêm nhiều cán bộ”. Cần nhắc một cách đúng mực và công bằng những cán bộ cũ; đào tạo kiên nhẫn và có phương pháp với những cán bộ mới. “Đừng sợ họ. Phải mạnh bạo dùng họ, kiên nhẫn dìu dắt họ, *nhưng không quên kiểm soát công việc họ*”. “Lúc này việc nước bề bộn. Cần động viên sức người, sức của và tài trí của nhân dân. Đừng bỏ sót một khả năng, một cố gắng nào”¹. Đồng chí Trường-Chinh nhận xét: Trong vấn đề cán bộ hiện nay, đang có một mâu thuẫn: phần đông cán bộ cứu quốc trung thành, hăng hái, hiểu chính trị, tháo vát nhưng phần nhiều thất học, trình độ văn hoá thấp; ngược lại cán bộ kỹ thuật, trí thức chuyên môn lại xuất thân ở trường Pháp đào tạo, có văn hoá chung nhưng lại

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sổđ*, t.I, tr. 418.

ít quan tâm đến chính trị. Phải xoá bỏ mâu thuẫn ấy, cần chỉ trích thái độ sai lầm của một số cán bộ Việt Minh coi thường trí thức và những nhà chuyên môn nhưng cũng phải phê phán quan niệm không đúng cho rằng nhiệm vụ giành chính quyền đã đạt được, cán bộ Việt Minh "nên "rút lui" để cho những người có bằng cấp, những nhà chuyên gia đứng ra tổ chức việc kiến thiết nước nhà"¹.

Trong phần kết luận, đồng chí Trường-Chinh khẳng định, trên con đường độc lập giải phóng, dân tộc Việt Nam đã tiến được một chặng khá xa. Tuy nhiên, mục đích vẫn chưa đạt, còn phải tiến nữa, tiến nữa. "Dân tộc Việt Nam sẵn sàng chiến đấu lâu dài, khắc phục mọi khó khăn, trở lực, quyết chiến thắng bọn thực dân tàn bạo và quét sạch bè lũ chó săn của chúng, kỳ cho nước Việt Nam được giải phóng hoàn toàn, dân tộc Việt Nam có đủ ĐỘC LẬP, TỰ DO và HẠNH PHÚC"².

Là tác phẩm sử học cách mạng đầu tiên ghi lại lịch sử của Cách mạng tháng Tám và, như đồng chí Trường-Chinh viết trong *Lời nói đầu*, - "làm cho bạn đọc tin tưởng thêm vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, hiểu rõ thêm nhiệm vụ công dân của mình, nhận đúng chủ trương của những người cộng sản nước ta trong giai

1, 2. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Đông Dương, Sđd*, t.I, tr. 420, 422.

đoạn trước mắt và phương pháp vận động quần chúng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được áp dụng vào hoàn cảnh Việt Nam”¹, cuốn sách *Cách mạng tháng Tám* của Tổng Bí thư Trường-Chinh nêu lên những nhiệm vụ căn bản có tính định hướng cho các hoạt động của Đảng ta trong giai đoạn này.

Để khắc phục tình trạng yếu kém về quân sự, tăng cường sức mạnh cho lực lượng vũ trang chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài, tiếp sau Hội nghị cán bộ Trung ương, ngày 19-10-1946, đồng chí Trường-Chinh chủ trì Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng. Đây là hội nghị quân sự lớn nhất của Đảng ta kể từ sau ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công. Tại hội nghị, đồng chí Trường-Chinh nhận định rằng: Việc thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm trên phạm vi cả nước sẽ diễn ra trong một ngày không xa. Vì vậy, phải tranh thủ thời gian, chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, trong đó đặc biệt chú ý xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang; thống nhất cơ quan chỉ huy quân sự (thống nhất Quân uỷ và Quốc phòng; chỉnh đốn các cơ quan chỉ huy và công tác hành chính), tổ chức chiến đấu; thực hiện việc điều chỉnh cán bộ quân sự và tăng cường lực lượng dân quân. Đó là những nhiệm vụ cần kíp mà Nghị quyết Hội nghị nhấn mạnh phải tiến hành khẩn trương.

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Đông Dương*, Sđd, t.I, tr. 342.

Hội nghị cho rằng để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, mỗi đại đội hay một cơ quan từ tiểu đoàn trở lên sẽ tổ chức một chi bộ; đồng thời phải kiện toàn chế độ chính trị viên và các cơ quan công tác chính trị trong quân đội.

Về vấn đề tăng cường “đoàn kết, kỷ luật, tăng cường Đảng tính”, Hội nghị nhấn mạnh “trước giai đoạn khó khăn, Đảng ta phải thống nhất ý chí, hành động và kỷ luật mới ứng phó mọi mặt quá trình đấu tranh dài dặc khó khăn và phức tạp; muốn thế, chúng ta những người đảng viên phải *đoàn luyện* lấy mình, *bỏ lợi ích cá nhân, phục tùng lợi ích Đảng*, bộ phận phục tùng toàn Đảng. Phải có tổ chức mới có sinh hoạt, có sinh hoạt phải có tập đoàn chỉ huy, có tập đoàn chỉ huy mới tránh được sai lầm và chắc chắn đi đến thắng lợi”¹.

Trước và sau Hội nghị, vấn đề tổ chức trong quân đội được củng cố, tăng cường thêm một bước. Quân sự uỷ viên hội thống nhất với Bộ Quốc phòng thành Bộ Quốc phòng. Trung ương Đảng cũng quyết định thành lập các khu uỷ để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho sát với đặc điểm của các chiến khu trong hoàn cảnh chiến tranh.

Hội nghị cũng đề ra một số biện pháp quân sự để đối

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 131.

phó với Pháp sau bản Tạm ước (14-9-1946) và lưu ý các cấp chỉ huy giải thích rõ cho bộ đội về bản Tạm ước chỉ là một thoả thuận tạm thời, do vậy phải đề phòng hơn trước, phải ráo riết học tập quân sự, tin tưởng vào tinh thần dẻo dai bền bỉ sẽ thắng, tẩy trừ quan niệm cho rằng có hiệp định rồi không còn đánh nhau nữa...¹.

1. Ngày 20-9-1946, đồng chí Trường-Chinh có bài “Tại sao cuộc đàm phán Việt - Pháp ở Phôngtennoblô bị bỏ dở” đăng trên báo *Sự thật*, số 54, phân tích nguyên nhân tan vỡ của hội nghị trên, chỉ ra tình hình sẽ diễn ra sau này và đề ra nhiệm vụ là phải giải thích rõ nguyên nhân thất bại của Hội nghị Phôngtennoblô để bóc trần âm mưu gian dối của phản động thực dân Pháp trước dư luận..., đả phá mọi thái độ hoài nghi; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Hồ Chủ tịch và phái đoàn chính phủ. Đả phá quan niệm của bọn dao động bi quan hay cơ hội, khiêu khích”... “Phải làm cho nhân dân nhận rõ chính sách ngoại giao thắng hay bại phần lớn ở ta, ở sức đoàn kết, phấn đấu của ta, chứ không phải ở “lòng tốt” hay ở “sự thành thật” của thực dân Pháp... sẵn sàng đối phó với bất cứ sự bất trắc nào”. Đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ: “Chuẩn bị mọi mặt để phá tan mưu mô phản Hiệp định sơ bộ, mưu mô lấn bước của thực dân Pháp, đề phòng phản động Pháp và Việt gian khiêu khích. Nhưng nếu phải đánh toàn thể thì tức thời có thể cho thực dân phản động Pháp những đòn chí tử; có thể chống nhau với chúng lâu dài, kỳ cho chúng suy nhược, bại liệt, phải thừa nhận nước Việt Nam độc lập và thống nhất mới thôi, kỳ cho nhân dân Pháp can thiệp mạnh mẽ bắt thực dân Pháp “trở về với lẽ phải””. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 118-119.

Ngày 21-10-1946, sau một thời gian sang thăm nước Pháp và đàm phán với Chính phủ Pháp về vấn đề Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh về đến Hà Nội. Ngày 23-10-1946, tuyên bố với quốc dân sau khi đàm phán ở Pháp về, Người nêu rõ những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam: “Chính phủ và nhân dân phải đồng tâm nhất trí, ra sức tổ chức, ra sức công tác, đoàn kết hơn nữa, mở mang kinh tế, xây dựng nước nhà, thực hành đời sống mới khắp mọi phương diện. Bất kỳ gái, trai, già, trẻ, bất kỳ sĩ, nông, công, thương, toàn thể quốc dân phải ra sức làm việc. Làm cho Chính phủ và nhân dân Pháp trông thấy, làm cho toàn thế giới trông thấy rằng: dân Việt Nam ta đã đủ tư cách độc lập, tự do, không thừa nhận ta tự do, độc lập thì không được”¹.

Trước tình hình đất nước sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Tạm ước 14-9-1946, cùng với nhiệm vụ lãnh đạo, củng cố Đảng về tư tưởng và tổ chức, xây dựng lực lượng quốc phòng đáp ứng tình hình mới, Tổng Bí thư Trường-Chinh đặc biệt quan tâm đến nhiệm vụ lãnh đạo củng cố nhà nước dân chủ mới thông qua kỳ họp Quốc hội cuối tháng 10-1946. Ngày 25-10-1946, đồng chí Trường-Chinh có bài “Quốc hội sắp họp”, đăng trên báo *Sự thật*, số 59, định hướng nội dung cho kỳ họp Quốc hội cần tập trung vào những nhiệm vụ căn bản sau:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 418.

Một là, phải ấn định Hiến pháp vì “Một nước tự do không thể không có Hiến pháp”. Có Hiến pháp để nhân dân biết được trách nhiệm, quyền hạn của họ và của chính phủ; để các nước khác biết tính chất chính thể của Việt Nam để quy định sự liên lạc với ta. Hiến pháp không những “củng cố chính quyền nhân dân, mà còn chỉnh đốn những quan hệ giữa nước ta với các nước”.

Hai là, phải cải tổ chính phủ¹, phải tổ chức lại “ê kíp cầm quyền”, làm cho nó cố kết, cứng cỏi và *thuần tuý hơn*. Chính phủ mới phải liên hiệp toàn dân, phải phản ảnh hình thức liên hiệp quốc dân rộng rãi và sẽ trình bày với Quốc hội một chính sách hợp với bốn khẩu hiệu của Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam: độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường.

Cuối tháng 10, đầu tháng 11-1946, kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá I đã thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Hiến pháp thật sự dân chủ, xác nhận quyền và nghĩa vụ làm chủ của nhân dân. Quốc hội đã trao quyền cho Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ liên hiệp quốc dân “căn cứ trên ba

1. Đồng chí Trường-Chinh viết: “Sao có thể kéo dài tình trạng chính phủ thiếu ghế như ngày nay được? Cụ Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần, ông Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam tự ý bỏ đi từ lâu; ông Vũ Hồng Khanh, Phó Chủ tịch Quân uỷ hội, cũng bỏ trách nhiệm. Việc cải tổ là dĩ nhiên mà toàn thể quốc dân đều mong muốn”.

nguyên tắc: *đoàn kết toàn dân; trọng dụng nhân tài*, nhất là nhân tài Nam bộ; *liêm khiết*". Việc công bố Hiến pháp và thành lập Chính phủ liên hiệp quốc dân *thuận tuý hơn* đã củng cố thêm chế độ mới, tăng cường niềm tin và sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân.

Sự ra đời của Hội Liên Việt cũng nảy sinh những thắc mắc và trong thực tế cũng có sự va chạm giữa Việt Minh và Liên Việt. Để thống nhất tư tưởng và chính đốn tổ chức Mặt trận thống nhất dân tộc, đồng chí Trường-Chinh đã viết một loạt bài¹ giải thích cụ thể về sự ra đời của Hội Liên Việt và mối quan hệ của Hội Liên Việt với Mặt trận Việt Minh. Đồng chí chỉ rõ: Dân tộc ta trước giờ vẫn có Việt Minh. Nay sau khi giành được chủ quyền, điều kiện của hoàn cảnh thay đổi, có thêm Hội Liên Việt. Cái đó không có gì lạ hết. Một gia đình có một cái nhà, nay anh em bà con sum vầy đông đúc hơn, làm một cái nhà to rộng hơn, mà cái nhà cũ biến thành một bộ phận, như thế càng hay chứ sao? Cùng theo đuổi một mục đích như Hội Liên Việt, Việt Minh phải là bộ phận của Hội ấy, bộ phận cơ bản vì Việt Minh kết tinh những tinh thần và năng lực cách mạng trội nhất của dân tộc,

1. Đăng trên mục "Nhấn nhủ bốn phương" của báo *Sự thật* như bài: "Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam và Việt Minh", số 62, ngày 15-11-1946 và bài "Hội Liên Việt phải chăng là một mặt trận chống Việt Minh?", số 63, ngày 22-11-1946.

không có mặt trận thống nhất giành độc lập nào có thể thành lập ngoài Việt Minh hay chống lại Việt Minh. Nói một cách khác, Hội Liên Việt không có Việt Minh là người không có xương sống”¹.

Mặc dù phải tập trung vào nhiệm vụ chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến trên cả nước đã tới gần kề, nhưng nhận thấy chương trình của Hội nghị văn hoá toàn quốc “còn ít thiết thực”, chưa có một chương trình về nhiệm vụ văn hoá trong công cuộc cứu quốc và kiến quốc cũng như “Không có một chương trình hành động của văn hoá Việt Nam trong giai đoạn trước mắt”, ngày 16-11-1946, đồng chí Trường-Chinh gửi thư đến Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xuất “Nhiệm vụ văn hoá Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng đất nước”.

Sau khi nêu lên nhiệm vụ cụ thể của văn hoá nước nhà trước, trong và sau cách mạng, đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ *thái độ* của các nhà văn hoá Việt Nam lúc này là phải tích cực tham gia mặt trận dân tộc, giành thống nhất và độc lập cho Tổ quốc; phải đem hết năng lực ra cứu nước và xây dựng nước; *lập trường* của các nhà văn hoá Việt Nam lúc này phải là *dân tộc và dân chủ*, nghĩa là *yêu nước và tiến bộ* và khẩu hiệu căn bản, rộng của văn hoá Việt Nam lúc này vẫn là *dân tộc hoá*,

1. Xem: Bài “Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam và Việt Minh”, báo *Sự thật*, số 62, ngày 15-11-1946.

khoa học hoá và đại chúng hoá; khẩu hiệu thiết thực lúc này là *dân tộc và dân chủ*.

Đồng chí Trường-Chinh chỉ ra bốn nhiệm vụ cụ thể của văn hoá Việt Nam trong giai đoạn này là:

“1) Phát triển tinh thần đoàn kết và yêu nước của dân tộc; củng cố đức tin của dân tộc ở sự nghiệp dân tộc giải phóng.

2) Phát triển những cái hay, cái đẹp trong văn hoá cổ truyền của dân tộc; đồng thời bài trừ những cái xấu xa hủ bại.

3) Ngăn ngừa sức thâm nhập và tấn công của văn hoá phản động, văn hoá thực dân; đồng thời học những cái hay, cái tốt của văn hoá thế giới, nhất là văn hóa Tàu và Pháp.

4) Kiến thiết một nền văn hoá mới cho nước Việt Nam Cộng hoà Dân chủ”¹.

Đồng chí Trường-Chinh cho rằng muốn làm tròn nhiệm vụ trên đây, lực lượng văn hoá Việt Nam phải “hợp lại thành mặt trận thống nhất văn hoá trên nền tảng dân tộc và dân chủ” và mặt trận này “phải là một bộ phận khăng khít của *mặt trận dân tộc thống nhất giành độc lập*”².

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trường-Chinh,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr. 145-146.

trong một thời gian ngắn, với muôn vàn khó khăn, Đảng đã lãnh đạo quân và dân ta ra sức đoàn kết, củng cố và phát triển thực lực toàn diện trên các lĩnh vực, chủ động chuẩn bị cho cả dân tộc đi vào cuộc trường kỳ kháng chiến.

Trước sự bội ước của thực dân Pháp, tình hình diễn biến ngày một hết sức khẩn trương. Ngày 5-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết Chỉ thị "Công việc khẩn cấp bây giờ" kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta hãy nêu cao tinh thần đoàn kết, một mặt đẩy mạnh công cuộc kiến thiết quốc gia, mặt khác đẩy mạnh công cuộc kháng chiến trên các mặt quân sự, kinh tế, chính trị, giao thông..., sẵn sàng đối phó với hành động gây chiến của thực dân Pháp. Người cũng nêu rõ cuộc trường kỳ kháng chiến sẽ "rất gay go cực khổ", song ta "có quân đội, có nhân dân", địa thế tốt, lực lượng nhiều hơn địch, nhất định kháng chiến được mấy năm, đến thắng lợi".

Tình hình hết sức căng thẳng do các động thái quân sự của thực dân Pháp. Đến tháng 11-1946, thực dân Pháp tăng quân đổ bộ lên Đà Nẵng, Đồ Sơn, đảo Cát Bà. Ngày 26-11-1946, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn...

Trong tình thế khẩn nguy đó, Tổng Bí thư Trường Chinh viết "Lời kêu gọi của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác ở Đông Dương", chỉ rõ: với sự kiện ở Hải Phòng và Lạng Sơn, thực dân Pháp đã "công nhiên xâm phạm

Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946” nhằm “Thi hành chính sách “việc đã rồi”, tấn công về quân sự hòng bắt ta nhượng bộ nhiều hơn, hòng đặt lại quyền thống trị trên khắp nước ta, trước khi một chính phủ mới cấp tiến hơn, thành lập ở Pháp”; mặt khác nhằm “Cướp lấy thuế quan của nước ta để tự giải quyết nạn tài chính thiếu hụt”¹ và gây khó khăn về tài chính cho ta.

Đồng chí Trường-Chinh khẳng định quan điểm “Tạm ước 14-9 là một bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền của nước, là hại quyền lợi cao trọng của dân tộc!” và kêu gọi toàn quốc đồng bào: “Tình thế vô cùng nghiêm trọng. Hãy sẵn sàng chiến đấu để tự vệ bất cứ nơi nào và chỗ nào! Mỗi người dân Việt Nam lúc này phải hăng hái gánh nhiệm vụ thiêng liêng: bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc”².

Ngày 4-12-1946, đồng chí Trường-Chinh viết bài “Đánh và sẵn sàng đánh” đăng trên báo *Sự thật*, số 65, tố cáo hành động quân sự của thực dân Pháp ở khắp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.8, tr. 148.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.148-149. Ngoài ra, đồng chí Trường-Chinh còn viết bài “Quan điểm chính thức của Pháp về vụ Hải Phòng” phân tích, phê phán thái độ vu cáo của đại diện Pháp - Lami về những sự việc diễn ra ở Hải Phòng.

Trung - Nam - Bắc đã xâm phạm Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, Tạm ước 14-9-1946 và khăng định: “Dân ta nín nhịn đã nhiều rồi. Giờ đây toàn dân đã sẵn sàng tử chiến, phá tan mưu mô xâm lược bất cứ lúc nào và ở đâu”. Đồng chí chỉ rõ: chúng ta phải thực hiện chiến thuật du kích làm cho bọn thực dân xâm lược tuy có máy bay, xe tăng, đại bác, tàu chiến, nhưng không phát huy được tác dụng. Lúc này chúng ta phải thủ tiêu những chủ trương thoái lui, dao động, thả tay trừng trị những kẻ làm tay sai cho địch. “Trong giờ phút nghiêm trọng quan hệ đến vận mệnh dân tộc, quốc gia Việt Nam phải tự vệ và có quyền tự vệ bằng mọi cách. Trước khi xông lên ngăn địch, phải chặt những dây dợ vướng chân”¹.

Trong tháng 12-1946, đồng chí Trường-Chinh còn viết nhiều bài triển khai quan điểm thực hiện cuộc chiến tranh du kích như các bài “Kháng chiến trong thành phố”², “Công tác phá hoại”³, “Bắn cho sền dạn”⁴. Đặc biệt, ngày 19-12-1946, báo *Sự thật* còn đăng bài của đồng chí Trường-Chinh nhan đề “Một cách đánh mạnh hơn bom đạn”, chỉ rõ tầm quan trọng của công tác tuyên truyền làm tan rã tinh thần quân địch.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 452-453.

2, 3, 4. Xem: Báo *Sự thật*, số 66, ngày 7-12-1946; số 67, ngày 11-12-1946; số 68, ngày 14-12-1946.

Công việc chuẩn bị kháng chiến được đẩy lên với nhịp độ hết sức khẩn trương. Ngày 13-12-1946, tại Hà Đông đã diễn ra Hội nghị các khu trưởng họp bàn biện pháp “chuẩn bị cấp tốc để tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện và trường kỳ”¹. Hội nghị đã thảo ra một kế hoạch phá hoại, làm “vườn không nhà trống”. Cũng trong ngày 13-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển đến ở và làm việc tại làng Vạn Phúc, tỉnh Hà Đông (nay thuộc tỉnh Hà Tây). Ngày 16-12-1946, Trung ương Đảng đã điện khẩn cấp cho Xứ uỷ Nam Bộ, nêu rõ “Tình hình rất căng” và “chỉ có một cuộc chiến tranh toàn diện, lâu dài, gay gắt khó khăn mới giải quyết được chủ quyền của Việt Nam. Chủ trương của Đảng đã nhất định gấp rút chuẩn bị”². Trung ương Đảng yêu cầu Xứ uỷ Nam Bộ phải nói rõ cho đồng bào Nam Bộ biết chỉ có trường kỳ kháng chiến mới bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng thuộc về ta. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Nam Bộ là “không để cho Pháp đem hết tài sản chiếm được ở Nam Bộ ra đánh Trung, Bắc”³.

1. Nghị quyết Hội nghị các khu trưởng ngày 13-12-1946. Tư liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sổđ*, t.8, tr. 156.

Sau vụ Hải Phòng, Lạng Sơn, giặc Pháp luôn khiêu khích khắp nơi chúng đóng quân. Mưu mô muốn chiếm lại nước ta của chúng càng lộ rõ. Ngày 16-12-1946, bọn trùm thực dân Pháp ở Đông Dương họp ở Hải Phòng.

Ngày 17-12-1946, quân Pháp gây hấn ở Thủ đô Hà Nội, đánh vào trụ sở tự vệ của ta, gây ra vụ thảm sát ở khu vực Yên Ninh, Hàng Bún.

Ngày 18-12-1946, quân Pháp lại chiếm hai công sở của ta thuộc Bộ Tài chính và Bộ Giao thông công chính. Đồng thời, đêm đó, Moóclie (Morliere) hạ tối hậu thư buộc Chính phủ ta phải tước vũ khí của các đội tự vệ. Như vậy bộ mặt thật của thực dân Pháp đã phơi bày hoàn toàn. Khả năng hoà hoãn không còn nữa.

Trước tình hình đó, trong hai ngày 18 và 19-12-1946, tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại cuộc họp, đồng chí Trường-Chinh đã phân tích hết sức sâu sắc âm mưu của thực dân Pháp, hiện tình đất nước; xác định rõ tính chất của cuộc kháng chiến và những nhiệm vụ phải tiến hành mau lẹ khẩn trương để toàn dân tộc bước vào cuộc kháng chiến một cách chủ động, chắc chắn.

Hội nghị quyết định phát động cả nước kháng chiến, đề ra những vấn đề cơ bản của đường lối và phương pháp tiến hành cuộc kháng chiến.

Tối 19-12-1946, Đài Tiếng nói Việt Nam phát đi bản *Mệnh lệnh toàn quốc kháng chiến*, thông báo cho đồng bào và chiến sĩ cả nước biết: bọn thực dân Pháp đã bội ước. Chúng liên tiếp tấn công Thủ đô Hà Nội. Tổ quốc đang lâm nguy. Quân đội, dân quân du kích toàn quốc hãy nhất tề đứng lên giết giặc cứu nước¹.

Đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

Sáng 20-12-1946, Lời kêu gọi của Người được phát trên làn sóng Đài tiếng nói Việt Nam:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!”²

Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã đứng lên anh dũng kháng chiến quyết liệt.

Cùng với *Lời kêu gọi* của Hồ Chí Minh là Chỉ thị

1. *Mệnh lệnh toàn quốc kháng chiến*. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 480.

"Toàn dân kháng chiến" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng do Tổng Bí thư Trường-Chinh soạn thảo. Chỉ thị này được đồng chí Trường-Chinh soạn thảo từ trước¹ và Hội nghị Thường vụ Trung ương đã thông qua ngày 19-12-1946. Ngày 22-12-1946, Chỉ thị chính thức được công bố. Chỉ thị xác định rõ tính chất, phương châm cuộc kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, nhằm mục đích đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất và độc lập. Cách đánh của ta phải triệt để dùng lối đánh du kích kết hợp với vận động chiến, tiêu hao sinh lực địch, vừa chiến đấu vừa củng cố và phát triển lực lượng. Chỉ thị phân tích rõ cuộc kháng chiến của quân và dân ta chống thực dân Pháp xâm lược chia thành ba giai đoạn là *Phòng ngự, Cầm cự và Phản công* và nhấn mạnh việc xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế; tiếp tục củng cố chế độ dân chủ cộng hoà; tăng gia sản xuất; xây dựng nền kinh tế kháng chiến. Chỉ thị cũng nêu cụ thể về cơ quan chức năng chỉ đạo cuộc kháng chiến, những điều cần phải chấp hành trong kháng chiến và khẩu hiệu thực hiện trong kháng chiến là "mỗi phố là một mặt trận, mỗi làng là một pháo đài", "vừa kháng chiến và kiến quốc", triệt để dùng chiến thuật du kích chiến và chiến thuật vận động...

1. Ngày 12-12-1946.

Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" là một văn kiện quan trọng của Đảng ta, đặt cơ sở cho việc tiếp tục hoàn thiện đường lối kháng chiến. Chỉ thị nhanh chóng được gửi tới các tổ chức cơ sở đảng để thảo luận và thi hành cho phù hợp với hoàn cảnh hiện tại của đất nước.

Mười sáu tháng kháng chiến và kiến quốc (tháng 9-1945 đến tháng 12-1946) đã cho nhân dân ta thời gian xây dựng lực lượng mọi mặt và đã cho Đảng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Trong tình thế cách mạng như “ngàn cân treo sợi tóc”, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bằng trí tuệ và nhãn quan chính trị sáng suốt, tầm nhìn chiến lược, Tổng Bí thư Trường-Chinh cùng Trung ương Đảng ta đã có những chỉ đạo chiến lược và sách lược đúng đắn, phân hoá và cô lập kẻ thù, tổ chức và phát huy cao độ sức mạnh đoàn kết dân tộc, tận dụng tối đa khả năng hoà bình, vừa chuẩn bị mọi điều kiện sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh.

Vì vậy, Đảng và nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc với tư thế chủ động, được chuẩn bị chu đáo về vật chất và tinh thần, đường lối và tổ chức lực lượng để bước vào cuộc kháng chiến với niềm tin tưởng vô cùng mãnh liệt: “Kháng chiến nhất định thắng lợi”.

TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC PHÁP (1946-1954)

5.1. Xây dựng đường lối kháng chiến

Thực dân Pháp cố ý gây chiến tranh và cắt đứt mọi ngã đường dẫn tới thương lượng hoà bình. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ khi quyền lợi dân tộc bị xâm hại và nhân dân Việt Nam không thể nhân nhượng mãi trước sự tấn công của quân đội thực dân Pháp.

Đáp lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện chủ trương kháng chiến đúng đắn của Trung ương Đảng, quân và dân cả nước đã nhất tề vùng dậy đánh giặc bằng mọi vũ khí có trong tay. Từ ngày 19-12-1946, cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân ta nổ ra ở Thủ đô Hà Nội và nhiều thành phố, thị xã: Nam Định, Hải Dương, Vinh, Huế, Đà Nẵng và lan rộng ra cả nước. Quân địch đã bị tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận và bị kìm chân trong các đô thị. Nhân dân ta triệt để thực hiện chính sách “vườn không nhà trống”,

tấn cù, phá hoại các nơi địch có thể đánh chiếm, xây dựng làng chiến đấu.

Đầu năm 1947, Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tổng tư lệnh quân đội và tất cả các cơ quan trung ương đã di chuyển an toàn lên Việt Bắc - nơi núi non hiểm trở, lòng người kiên trung, giàu truyền thống văn hoá và cách mạng. Đồng chí Trường-Chinh và Trung ương Đảng đóng trụ sở tại huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Bước vào cuộc chiến tranh ái quốc, hàng loạt vấn đề về thực tiễn đặt ra đòi hỏi phải có đường lối kháng chiến nhằm định hướng cho toàn Đảng, toàn dân. Đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến đấu, Tổng Bí thư Trường-Chinh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng khẩn trương thực hiện nhiệm vụ này.

Từ đầu Xuân Đinh Hợi (1947), Đồng chí Trường-Chinh đã viết một loạt bài dưới tiêu đề “Kháng chiến nhất định thắng lợi” đăng nhiều kỳ trên báo *Sự thật* từ ngày 4-3-1947 đến 1-8-1947, giải thích rõ chủ trương trường kỳ kháng chiến của dân tộc ta, thấy rõ tại sao dân tộc Việt Nam sẽ thắng và thắng bằng cách nào?¹. Ngày 19-9-1947, Nhà xuất bản Sự thật tập hợp những bài báo này và in thành sách *Kháng chiến nhất định thắng lợi*.

1. Lời toà soạn báo *Sự thật*, số 70, ngày 4-3-1946, số đầu tiên có bài dưới đầu đề “Kháng chiến nhất định thắng lợi”.

Tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng Bí thư Trường-Chinh phát triển có hệ thống lý luận về chiến lược kháng chiến toàn dân, toàn diện, về ba giai đoạn của cuộc kháng chiến trường kỳ và một số vấn đề về chiến thuật chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

Kháng chiến nhất định thắng lợi xác định tính chất “cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh tự vệ của dân tộc, là chiến tranh hợp chính nghĩa, chiến tranh tiến bộ”¹. Mục tiêu của cuộc kháng chiến là giành độc lập dân tộc và thống nhất, đó là cuộc chiến tranh cách mạng có “tính chất dân tộc độc lập và dân chủ tự do. Trong lò lửa kháng chiến, một nước Việt Nam mới đang được rèn đúc: nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh - một nước Việt Nam dân chủ mới”².

Về chính trị, đoàn kết toàn dân, thực hiện quân dân nhất trí, động viên nhân lực, vật lực, tài lực của cả nước; đoàn kết với dân tộc Lào, Campuchia anh em, với nhân dân Pháp, với các nước châu Á, với các dân tộc bị áp bức và các dân tộc yêu chuộng hoà bình, dân chủ trên thế giới; cô lập kẻ thù, tranh thủ thêm nhiều bầu bạn; củng cố chế độ cộng hoà dân chủ, lập ra uỷ ban kháng chiến các cấp.

1, 2. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, t.II, tr.28, 30.

Về kinh tế, toàn dân tăng gia sản xuất, tự túc tự cấp, xây dựng kinh tế theo hướng vừa kháng chiến vừa kiến quốc; ra sức phá kinh tế địch, không cho chúng lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Về văn hoá, đánh đổ văn hoá nô dịch, ngu dân, xâm lược của thực dân Pháp, xây dựng nền văn hoá mới, xoá nạn mù chữ; thực hiện cần kiệm liêm chính; động viên các nhà văn hoá tham gia kháng chiến.

Từ phân tích những điểm mạnh, yếu của ta, so sánh với địch để chỉ ra “chỗ mạnh của ta đều là gốc, chỗ mạnh của địch đều là ngọn”, đồng chí Trường-Chinh cho rằng ta càng đánh càng mạnh, địch càng đánh càng yếu; ta từ chỗ yếu hơn địch sẽ tiến tới cân sức và mạnh hơn địch, cuối cùng sẽ giành thắng lợi hoàn toàn. Do vậy, ta chủ trương đánh lâu dài để làm bộc lộ những chỗ yếu cơ bản của địch, hạn chế chỗ mạnh của địch, khắc phục chỗ yếu và phát huy chỗ mạnh của ta. "*Phương châm chiến lược của toàn bộ cuộc kháng chiến là đánh lâu dài. Đánh lâu dài, đó là bí quyết của sự thắng lợi*"¹.

Phương châm chiến thuật chung là du kích chiến, vận động chiến. Du kích chiến là cách đánh bằng những đội dân quân hay những đội quân chính quy nhỏ, vũ khí thô sơ, nhưng tinh thần quyết chiến cao, luôn sau lưng

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t. II, tr. 32.

địch mà đánh... làm cho địch mất ăn, mất ngủ... Còn vận động chiến là cách đánh chính quy hay dân quân du kích hợp lại thành đội tương đối lớn, phối hợp với quân chính quy, dùng vũ khí ít nhiều, tinh xảo, tập trung mau lẹ, tấn công chớp nhoáng, bao vây địch để tiêu diệt chúng, hoặc bức địch rút khỏi trận địa. Bên cạnh đó, cũng có thể kết hợp với trận địa chiến.

Đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh: Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh. Muốn kháng chiến thắng lợi phải đoàn kết toàn dân, huy động sức người, sức của và tài trí của nhân dân, phải dốc lực lượng của 25 triệu đồng bào vào cuộc chiến đấu¹ làm sao cho giặc đụng vào đâu cũng gặp sức kháng chiến của toàn dân Việt Nam cầm vũ khí trong tay chống lại chúng, thà chết không chịu làm nô lệ.

Sau khi phân tích kỹ tình hình địch - ta, xác định đúng hình thái cuộc chiến tranh, đồng chí Trường-Chinh xác định: cuộc kháng chiến của nhân dân ta sẽ trải qua ba giai đoạn: *Giai đoạn phòng ngự; Giai đoạn cầm cự; Giai đoạn tổng phản công.*

Lực lượng nòng cốt để cho toàn dân kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng là lực lượng vũ trang, gồm

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t. II, tr. 140.

nhiều hình thức (về sau được gọi là ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích).

Trong tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, đồng chí Trường-Chinh còn đề cập tới kháng chiến trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao... trong đó, trong quá trình kháng chiến có thể “có những cuộc đàm phán mới xen vào và cho rằng đó là *một trong những đặc điểm*¹ của cuộc kháng chiến.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Trung ương Đảng và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng bí thư Trường-Chinh, đặc biệt với những quan điểm về cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ, là nền tảng xây dựng lý luận và góp phần làm phong phú kho tàng lý luận về chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta².

Trong những tháng đầu tiên của cuộc chiến tranh, dù được trang bị vũ khí tối tân, thực dân Pháp không

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sđd*, t. II, tr.78.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết rằng: “Bác Hồ là linh hồn của cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng đề ra đường lối cụ thể, chỉ đạo cụ thể về lý luận với cuốn *Kháng chiến nhất định thắng lợi* là do anh Trường-Chinh”- Theo *Trường-Chinh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.31.

những không thể tiêu diệt được quân chủ lực của ta, mà còn phải trả một giá đắt mới chiếm được một số ít thành phố. Chiến tranh du kích của ta phát triển, lực lượng vũ trang với ba thứ quân hình thành. Nhân dân ta rất anh dũng, không ngại gian khổ, hy sinh, nhanh chóng thích ứng với hoàn cảnh vừa sản xuất, vừa chiến đấu.

Chiến tranh càng kéo dài, địch càng gặp nhiều khó khăn, lúng túng buộc chúng cố sức tìm cách nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh. Một mặt, chúng ráo riết chuẩn bị một cuộc tiến công lớn nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan kháng chiến đầu não của ta; mặt khác, chúng xúc tiến việc nặn ra một chính phủ bù nhìn và đưa ra những điều kiện bắt dân ta phải nộp vũ khí đầu hàng.

Để quán triệt chủ trương kháng chiến của Đảng đến toàn Đảng, Hội nghị cán bộ Trung ương đã được triệu tập và họp từ ngày 3 đến 6-4-1947. Tại Hội nghị, sau khi phân tích cụ thể tình hình trong và ngoài nước, đồng chí Trường-Chinh trình bày cụ thể hơn các chủ trương, chính sách của Đảng trong cuộc trường kỳ kháng chiến. Hội nghị đã ra nghị quyết để định hướng và thống nhất các hoạt động lãnh đạo kháng chiến của Đảng.

Nghị quyết chỉ rõ phải củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân phản động Pháp. Chính sách căn bản của Đảng là toàn dân đoàn kết, kháng chiến lâu dài. Bởi vậy, mọi hành động của Đảng

“phải nhằm vào mục đích thống nhất dân, được lòng dân, vì dân”¹ do đó phải chống bệnh hẹp hòi và hữu khuynh trong sử dụng và kết nạp người vào mặt trận. Nghị quyết cũng khẳng định chủ trương của Đảng là: "chỉ ngừng bắn khi nào Pháp nhìn nhận độc lập và thống nhất thật sự, chứ chúng ta không chủ trương tách Đông Dương ra khỏi khối Liên hiệp Pháp để ngã vào cánh tay của Anh - Mỹ"².

Trong điều kiện hiện thời, Đảng chủ trương kháng chiến lâu dài để vừa đánh, vừa cố gắng bồi bổ vũ khí cho bộ đội, chuyển thế yếu thành thế mạnh. Chiến thuật quân sự sử dụng chủ yếu là du kích vận động chiến. Chiến thuật này là cách đánh của toàn dân, không phải của riêng bộ đội, nên phải phát động phong trào dân quân và võ trang toàn dân, mở mặt trận ở bất cứ nơi nào có bóng địch, đánh ngay ở sau lưng địch, trong ruột địch và tổ chức căn cứ địa không những ở rừng núi mà cả ở đồng bằng; áp dụng chiến thuật tiêu thổ một cách rộng rãi.

Phải thi hành một chương trình kinh tế gồm hai mặt: phá hoại kinh tế địch, không cho chúng lấy chiến tranh nuôi chiến tranh; xây dựng kinh tế của ta vừa kháng chiến, vừa kiến quốc và lập nên kinh tế tự túc.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr. 178, 178-179.

Kinh tế trong kháng chiến phải phù hợp với điều kiện chiến tranh, chỉ sản xuất những thứ cần dùng cho mặt trận và đời sống của dân và do chính phủ điều khiển; thi hành chính sách kinh tế tăng gia sản xuất, rút bớt chi tiêu, giảm nhẹ sự đóng góp của dân, kêu gọi nhà giàu bỏ vốn, thi hành thưởng phạt, thống nhất tài chính, giữ vững giá đồng tiền Việt Nam.

Động viên giới trí thức, văn nghệ tham gia kháng chiến. Vừa kháng chiến... vừa dựng nên một nền văn hoá mới, có tính chất hợp với tinh thần dân tộc độc lập, hợp với khoa học, tiến bộ, hợp với tính tình và trình độ của đông đảo quần chúng và nhân dân¹.

Từ những định hướng trên, Nghị quyết của Hội nghị cán bộ Trung ương chỉ ra “Nhiệm vụ cần kíp của đoàn thể” trước hết là nhiệm vụ quân sự. Đó là phải tăng cường rèn luyện, kỷ luật đối với bộ đội; thực hiện chiến lược chiến thuật là duy trì cuộc kháng chiến lâu dài, chống khuynh hướng nóng vội; đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp nơi; tăng cường tổ chức huấn luyện võ trang dân quân; xây dựng và tạo ra các điều kiện để xây dựng, bảo vệ và phát triển căn cứ địa cả ở rừng núi và đồng bằng; đẩy mạnh chế tạo vũ khí phù hợp với điều kiện của ta; thực hiện việc bộ đội tham gia sản xuất xây dựng quân lương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 182.

Công tác chính quyền được coi là một trong những nhiệm vụ cần kíp trong lúc này, trong đó chú trọng thực hành chính trị dân chủ rộng rãi, tăng tính tự chủ cho địa phương, nhưng không được hại cho nguyên tắc lãnh đạo tập trung nằm trong tay chính phủ trung ương; tiếp tục lợi dụng cho hết khả năng của ngoại giao, làm cho cuộc đổ máu Việt - Pháp rút ngắn, nhưng không được chủ quan và sơ hở để cho địch lợi dụng đánh úp ta.

Các công tác tài chính kinh tế, di cư tản cư, vấn đề giáo dục, chống chính quyền bù nhìn cũng được đề cập cụ thể. Nghị quyết đặc biệt chú ý tới vấn đề dân vận, trong đó có việc tăng cường củng cố Việt Minh về tổ chức và cán bộ, tiếp tục củng cố vai trò của Hội Liên Việt và xem đó là nhiệm vụ hàng đầu của công tác dân vận. Đẩy mạnh công tác công vận, nông vận, phụ vận, vận động đồng bào có đạo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào Hoa kiều và tăng cường công tác địch vận trong điều kiện mới với những nhiệm vụ cụ thể.

Nghị quyết chỉ rõ, phải tăng cường tuyên truyền cổ động và động viên tinh thần toàn dân kháng chiến, coi trọng công tác phát triển và củng cố Đảng với những công tác cụ thể trong từng lĩnh vực.

Để tiếp tục củng cố lực lượng kháng chiến về mọi mặt, nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ, sau bức thư (tháng 3-1947) của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường-Chinh đã có những chỉ dẫn cụ thể nhằm chấn

chỉnh những khuyết điểm, yếu kém của cán bộ, đảng viên, đồng thời đề ra các biện pháp sớm khắc phục những hạn chế, yếu kém đó.

Từ ngày 16 đến 17-6-1947, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng đã được triệu tập và họp kiểm điểm công tác lãnh đạo sau nửa năm kháng chiến. Hội nghị đã ra nghị quyết củng cố hệ thống Đảng trong quân đội, định kế hoạch củng cố các bộ máy chính quyền; tổ chức tiếp tế, giao thông liên lạc với Nam Bộ và Nam Trung Bộ; tăng cường xây dựng căn cứ địa ở Khu IV, đồng thời nghiêm khắc phê bình những khuyết điểm của cán bộ Khu uỷ Khu IV (về cách làm việc và tinh thần kỷ luật kém, óc địa phương, bản địa), nêu ra các chỉ dẫn cho Khu uỷ Khu IV sớm có biện pháp ổn định tình hình, lãnh đạo quân và dân Khu IV đẩy cuộc kháng chiến lên một bước mới; đề ra giải pháp tăng cường công tác tổ chức, huấn luyện cán bộ và mở trường Đảng.

Hội nghị Ban Thường vụ nhắc lại việc thi hành Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương tháng 4-1947 và Chỉ thị của Trung ương về tờ *Sự thật* (8-6-1947) và trách nhiệm viết bài cho báo *Sự thật* của lãnh đạo các cấp theo quy định¹; các địa phương phải xuất bản Nội san

1. Ngày 8-6-1947, Trung ương Đảng ra Chỉ thị về "Nhiệm vụ các đồng chí đối với tờ *Sự thật*", phân tích tầm quan trọng và chỉ ra nhiệm vụ của báo chí cách mạng, nêu lên những khuyết điểm

*Sinh hoạt của đoàn thể*¹ và quy định các cấp lãnh đạo phải viết bài cho Nội san này². Trong dịp này, đồng chí Trường-Chinh viết bản “tự răn”, gồm 18 điều, cho những người làm công tác báo chí theo tinh thần của Đề cương về văn hoá Việt Nam³.

của tờ *Sự thật* và quyết nghị “lợi dụng hết mọi khả năng mà cải thiện tờ *Sự thật*” như tăng cường về cán bộ; quy định cán bộ phụ trách các ngành chính bắt buộc mỗi tháng phải viết một bài cho báo *Sự thật* bàn về phạm vi công tác của mình. Mỗi khu có ít nhất một khu uỷ viên là thông tin viên hay biên tập viên cho báo; cử phóng viên lưu động và chỉ ra những việc để mở rộng ảnh hưởng của tờ *Sự thật*.

1. Nội dung của Nội san là “bày vẽ cách làm việc, cách vận động quần chúng, cách lãnh đạo sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt của các ban chuyên môn, kinh nghiệm công tác, đặc biệt là công tác bí mật, thi hành kỷ luật đảng, vấn đề cán bộ, vấn đề đấu tranh chống những khuynh hướng sai lầm trong Đảng”. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr. 222.

2. Các đồng chí uỷ viên Trung ương mỗi tháng phải viết một bài, các xứ uỷ viên ít nhất ba tháng phải viết một bài cho Nội san.

3. Đầu năm 1947, đồng chí Trường-Chinh đã viết Bản “tự răn” cho báo chí:

“*Dân tộc hóa*:

1. Không dùng một chữ nước ngoài nếu không cần thiết.
2. Không viết một câu theo cách đặt câu của nước ngoài nếu không cần thiết.
3. Không dùng điển tích nếu không có lợi ích gì.

Tháng 3-1947, trong *Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ*

4. Không được xa rời truyền thống văn chương quý báu của dân tộc.

5. Không được coi thường vốn văn học của dân tộc.

6. Không được miệt thị cái hay của văn học, nghệ thuật nước ngoài.

Khoa học hóa:

1. Không viết một câu sai ngữ pháp Việt Nam.

2. Không dùng một chữ thừa, trừ trường hợp cố ý nhắc lại để nhấn mạnh.

3. Không viết một câu mà người đọc có thể hiểu lầm hóa hai cách.

4. Không làm cho văn của ta và lời nói của nhân dân xa cách nhau.

5. Không được viết lộn xộn.

6. Không được dùng câu sáo cũ ở trong nước và của nước ngoài (chớ lầm sáo cũ với phương châm, ngạn ngữ).

Đại chúng hóa:

1. Không sợ dùng những tiếng thường dùng của quần chúng.

2. Không viết một câu mà người đọc bình thường không hiểu được.

3. Không được viết chỉ để cho một ít “thượng lưu trí thức” xem mà thôi.

4. Không được viết dài dòng và dẫn sách vở một cách vô ích để lòe thiên hạ.

5. Không được vì muốn phổ cập mà sao lãng việc nâng cao trình độ của quần chúng nhân dân.

6. Không được vì đại chúng hóa mà viết một cách thô tục, khiếm nhã”.

(Theo *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, *Sđđ*, tr.383-384.

và *Thư gửi các đồng chí Trung Bộ*, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn các đoàn thể và mỗi đảng viên phải đem hết tinh thần, lực lượng, nhằm vào một mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp và làm cho nước nhà thống nhất, độc lập. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải tu dưỡng, gương mẫu về đạo đức, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, Người lưu ý những khuyết điểm cần sửa chữa ngay, như: địa phương chủ nghĩa; óc bè phái; óc quân phiệt quan liêu; óc hẹp hòi; ham chuộng hình thức; làm việc lối bàn giấy; vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm, ích kỷ, hủ hoá. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị phải “kiên quyết khắc phục những khuyết điểm vừa kể trên thì chúng ta mới chắc đi đến hoàn toàn thắng lợi”¹.

Hưởng ứng chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để tăng cường củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, ngày 7-7-1947, Tổng Bí thư Trường-Chinh đã viết Chỉ thị “*Về cách kiểm thảo bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh*” trong đó phê bình nhiều đảng bộ còn kiểm thảo “một cách chiếu lệ”, đồng thời nêu lên kế hoạch kiểm thảo với nội dung gồm những nguyên tắc, các bước thực hiện (trước, trong và sau kiểm thảo) cho cán bộ, đảng viên thực hiện. Đồng chí chỉ rõ: “Chúng ta là những người đã hy sinh tất cả cho sự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.74.

nghiệp của dân tộc, của hội, thì chúng ta phải nâng cao tinh thần tự ngã chỉ trích”¹.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trước sự phát triển của cuộc kháng chiến, vấn đề phát triển đảng được Đảng ta rất quan tâm.

Ngày 28-7-1947, Thường vụ Trung ương chủ trương mở đợt phát triển đảng viên “Lớp tháng Tám”. Qua đó, hàng ngàn công nhân, nông dân, trí thức cách mạng và chiến sĩ lực lượng vũ trang ưu tú đã gia nhập Đảng. Công tác Đảng trong quân đội được tăng cường một bước.

Trước sự phát triển của Đảng về số lượng và yêu cầu của cuộc kháng chiến, lại đặt ra vấn đề phải củng cố tổ chức Đảng.

Ngày 31-8-1947, đồng chí Trường-Chinh chủ trì Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương thông qua *Nguyên tắc tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, phương pháp làm việc của các tổ chức: Hội đoàn, các cơ quan chuyên môn của Hội, các chi bộ đặc biệt ở các cấp*². Ngày 1-9-1947, Thường vụ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.8, tr .228.

2. Tức là:

- Nguyên tắc tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn, phương pháp làm việc của đảng đoàn trong các đoàn thể, cơ quan;

- Nguyên tắc tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn, phương pháp làm việc của các cơ quan chuyên môn của Đảng như Tổ chức, Kiểm soát, Tuyên truyền, huấn luyện, Tài chính, Dân vận.

Trung ương ra Chỉ thị Về việc lập Ban tổ chức khu và tỉnh. Song song với công tác củng cố tổ chức của Đảng là củng cố và tăng cường bộ máy của công tác dân vận¹ và kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp một bước cho phù hợp tình hình thời chiến. Ngày 4-8-1947, Tổng Bí thư Trường-Chinh đã ký Nghị quyết "Về thống nhất các uỷ ban kháng chiến và hành chính từ xã đến tỉnh".

Chiến tranh càng kéo dài, thực dân Pháp càng gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Sau khi chiếm được một số thành phố, thị xã ở Bắc Bộ, quân Pháp tiến đánh Trung Trung Bộ, Tây Bắc, Đông Bắc và vùng Đồng bằng Bắc Bộ hòng mở rộng khu vực chiếm đóng và tạo vành đai an toàn cho các thành thị chúng đã chiếm được.

Ngày 1-9-1947, trước thái độ đố kỵ của thực dân Pháp,

- Nguyên tắc tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn, phương pháp làm việc đối với chi bộ, đặc biệt ở những nơi đặc biệt (văn phòng, giao thông, báo, in..) như chi bộ ở Văn phòng Trung ương, Tổng bộ Việt Minh.

1. Ngày 1-9-1947 Thường vụ Trung ương ra:

- Chỉ thị Thanh vận gửi các cấp bộ đề ra chủ trương và kế hoạch phát triển công tác thanh vận và vận động thiếu nhi

- Chỉ thị cho các cấp khu, tỉnh, huyện về công tác dân vận nêu rõ chủ trương, kế hoạch tổ chức các Ban dân vận; cách tổ chức ban dân vận các cấp và tiểu ban vận động các giới và sự phối hợp giữa các tổ chức này.

- Ngày 7-9-1947, Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị gửi các Bí thư Khu uỷ về việc vận động "Mùa Đông binh sĩ".

Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị về “Đề phòng cái bả độc lập thống nhất giả hiệu”. Tiếp đó, ngày 7-9-1947, đồng chí Trường-Chinh đã viết bài “Thái độ của Pháp - đối sách của ta”, đăng trên tờ *Sinh hoạt nội bộ*, số 2, tháng 9-1947, vạch rõ tâm địa của thực dân Pháp, với âm mưu lập “chính phủ” bù nhìn, dùng người Việt trị người Việt. Tổng Bí thư khẳng định: Ta đã đi guốc vào óc thực dân Pháp và bọn tay sai của chúng...lập trường của ta luôn luôn là giành thống nhất và độc lập. Thế trận chiến tranh nhân dân giăng khắp mọi nơi, khiến lực lượng địch bị tiêu hao, làm chậm bước tiến quân và ảnh hưởng xấu tới kế hoạch giữ gìn và phát triển lực lượng. Điều đó buộc chúng phải tìm kiếm những phương thức, thủ đoạn tiến hành chiến tranh mới. Một mặt, chúng ráo riết chuẩn bị một cuộc tiến công lớn nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta ở Việt Bắc, mặt khác, chúng xúc tiến việc nặn ra một chính phủ bù nhìn và đưa ra những điều kiện đòi nhân dân ta phải nộp vũ khí đầu hàng chúng.

Ngày 10-9-1947, Bôla (Bollaert) - Cao uỷ Pháp ở Đông Dương - đọc diễn văn tại thị xã Hà Đông, tuyên bố lập trường của Pháp là không công nhận nước Việt Nam độc lập và thống nhất, không công nhận Chính phủ Hồ Chí Minh là đại diện chính thức của nước Việt Nam.

Để vạch rõ bộ mặt thật của thực dân Pháp, ngày 15-

9-1947, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Bôla nói gì? Ta phải làm gì?” giải thích rõ: Bôla - “cái loa của thực dân phản động Pháp” không công nhận Chính phủ Hồ Chí Minh thay mặt chính thức cho nước Việt Nam, “Như thế là lập trường của thực dân Pháp lúc này đối với ta còn phản động hơn”¹. Về đối sách của ta, chỉ thị nhấn mạnh: “Mọi lực lượng của dân tộc ta phải được động viên vào việc chống mưu mô “dùng người Việt trị người Việt” của thực dân Pháp và sửa soạn phá những cuộc tấn công lớn của địch trong những tháng tới đây”².

Ngày 5-10-1947, đồng chí Trường-Chinh đến trường Ngoại ngữ, đóng tại xã Văn Lãng³, giảng bài về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, bị máy bay Pháp tấn công trúng trường. Hai sinh viên đã nằm đè lên che đạn cho Tổng Bí thư, đồng chí Trường-Chinh được bình an⁴.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr. 289-303.

3. Trường Ngoại ngữ là trường cao học đầu tiên do đồng chí Nguyễn Khánh Toàn làm Hiệu trưởng. Trường này lấy sinh viên có bằng tú tài.

4. Theo Thép Mới, trong bài viết “Ngày 5 tháng 10 năm 1947”, cho biết: chiều ngày 5-10-1947, chắc là có chỉ điểm, máy bay Pháp ném bom và bắn phá trường Ngoại ngữ, “Anh Trường-Chinh nép vào bụi cây, hai sinh viên nằm đè lên anh, lấy thân mình che đạn cho Tổng Bí thư của Đảng. Một trong hai người hy

Ngày 6-10-1947, sau khi chỉ đạo giải quyết hậu quả của đợt ném bom, đồng viên sinh viên giữ vững tinh thần học tập, đồng chí Trường-Chinh lên đường về huyện Đại Từ để dự Hội nghị thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam.

Ngày trong đêm ngày 6-10-1947, đồng chí Trường-Chinh lại đi lên thị xã Bắc Kạn để hôm sau, ngày 7-10-1947, giảng bài ở Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn.

Ngày 7-10-1947, gần một tháng sau lời tuyên bố của Bôla tại Hà Đông, theo một kịch bản đã được hoạch định từ trước, thực dân Pháp tập trung hai vạn quân mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc nhằm mục đích đánh phá vùng căn cứ kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

Sáu giờ sáng ngày 7-10-1947, quân Pháp đã nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn. Lúc này, đồng chí Trường-Chinh mới đến thị xã Bắc Kạn phải chạy ra rừng cùng với đồng bào, tìm cách bắt liên lạc với Tỉnh uỷ Bắc Kạn, đi về Chợ Đồn và trở về nơi an toàn của Trung ương¹.

sinh, đó là anh Phạm Đức Khang, bí thư chi bộ nhà trường, sinh viên khoa học, con một vị quan trọng chế độ cũ tham gia phong trào từ hồi Mặt trận Dân chủ ở Nam Định". Theo sách *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 417.

1. Thép Mới viết: "Thấy động, anh Trường-Chinh chạy ra rừng, cứ theo hướng tây mà chạy miết. Anh nấp vào một ngách hầm sâu cùng nhiều đồng bào và cán bộ, kêu gọi mọi người

Ngày 9-10-1947, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Trường-Chinh ra Chỉ thị "Cần kíp gửi các đồng chí Tỉnh uỷ Bắc Kạn và các đồng chí phụ trách quân, chính, dân Bắc Kạn", vạch rõ mục đích cuộc tấn công của giặc Pháp và xác định những nhiệm vụ cần kíp của các địa phương về quân sự, chính trị và kinh tế. Cuối bản chỉ thị, đồng chí nhấn mạnh: "Chúng ta có ba điều kiện để thắng: thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Điều cần thiết là chúng ta biết lợi dụng triệt để những điều kiện ấy để giành lấy thắng lợi"¹.

Ngày 15-10-1947, tám ngày sau khi quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn, Thường vụ Trung ương Đảng

không ai náo động để địch khỏi lòng sục đến.. Nhờ đêm không trăng, anh lặn từ trên đồi xuống khe sâu, rồi bò lách qua rừng cây rậm rạp, thoát ra khỏi vòng vây của giặc, băng mình vào rừng, nhờ đó mà thoát hiểm.

Có lẽ chính lần đó, người lãnh đạo kháng chiến đã trải qua đầy đủ nhất thực tế chiến đấu của nhân dân. Anh nhập vào dòng đồng bào tản cư, sống với du kích thị xã với con mắt của nhà lãnh đạo, hỏi chuyện người dân và người chiến sĩ bình thường. Rồi anh tìm gặp thị đội, tỉnh đội, cấp ủy xã, huyện. Tỉnh uỷ đón anh về, mời anh tham gia hội nghị tỉnh uỷ để anh cho thêm ý kiến về kế hoạch tiến hành chiến tranh nhân dân, chiến đấu trong lòng địch và phối hợp với các địa phương khác cản phá cuộc tiến công đại quy mô của giặc Pháp". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, Sđđ*, tr.417.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđđ*, t.8, tr.314.

ra Chỉ thị "Phải phá cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp"¹, trong đó nhấn mạnh: "Cuộc tấn công lần này của địch, tỏ ra chúng mạo hiểm và khinh thường lực lượng ta. Chúng ta phải *trấn tĩnh* đối phó, và phải giữ gìn chủ lực, nhưng đồng thời cũng phải nhè những chỗ yếu của địch mà đánh những trận vang dội, *những trận tiêu diệt* để nâng cao tinh thần bộ đội và củng cố lòng tin tưởng của nhân dân ở tiền đồ kháng chiến"².

Để tinh thần bản chỉ thị thấm sâu trong cán bộ, đảng viên và quân dân Việt Bắc, Tổng Bí thư Trường-Chinh viết bài phân tích "Tinh thần bản chỉ thị Trung ương ngày 15-10-1947". Đồng chí đánh giá "Bản Chỉ thị lịch sử này đặt cơ sở cho chiến thắng của chiến dịch Việt Bắc, chuyển cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta sang giai đoạn mới"³; tinh thần Chỉ thị 15-10-1947 là

1. Theo Thép Mới, chỉ thị này do đồng chí Trường-Chinh, trên đường đi từ Chợ Đồn về khu an toàn, đã dự thảo và được đánh máy ngay sau khi đồng chí Trường-Chinh về đến nơi Trung ương đóng. Người đánh máy là đồng chí Hoàng Yên Bình. Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, *Sđđ*, tr.421.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđđ*, t.8, tr.326.

3. Xem: Nội san *Sinh hoạt nội bộ*, số 3, tháng 10-1947. Theo *Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam* (Những bài viết trong thời kỳ kháng chiến đăng trên báo Đảng), *Sđđ*, tr.235-241.

tinh thần quyết chiến và quyết thắng với điều kiện toàn dân đoàn kết, bộ đội và nhân dân cùng đánh; cố gắng, luôn luôn cố gắng, cố gắng để biết địch và biết mình; cố gắng để giảm nhẹ những nhược điểm của mình, mở rộng nhược điểm của địch, cố gắng để thắng địch.

Tinh thần chỉ thị ấy phải truyền vào quân và dân ta một ý chí sắt đá, một sức mạnh: phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp¹.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, quân và dân ta ở khắp các chiến trường toàn quốc đã phối hợp chặt chẽ với quân và dân Việt Bắc chiến đấu anh dũng và chiến thắng vẻ vang. Sau hơn hai tháng bị thua đau, ngày 22-12-1947, thực dân Pháp buộc phải rút phần lớn quân khỏi Việt Bắc. Việt Bắc trở thành “mồ chôn giặc Pháp”. Đối với ta đây là một thắng lợi hết sức lớn lao, thắng lợi của năm mở màn cuộc kháng chiến trường kỳ.

Thắng lợi lớn đó không những biểu hiện ở chỗ tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mà còn đập tan âm mưu chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp. Bộ đội ta trưởng thành một bước về trình độ tác chiến. Đảng ta đã trưởng thành một bước về

1. Xem: Nội san *Sinh hoạt nội bộ*, số 3 tháng 10-1947. Theo *Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam* (Những bài viết trong thời kỳ kháng chiến đăng trên báo Đảng), *Sđđ*, tr.235-24.

chỉ đạo chiến tranh. Nhân dân ta tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng.

Một năm kháng chiến toàn quốc, lực lượng của quân và dân ta “ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhóm, chỉ có tiến, không có thoái”, còn lực lượng địch khác nào như “mặt trời vào lúc hoàng hôn, hống hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ”¹.

Từ ngày 15 đến 17-1-1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng bàn về đẩy mạnh kháng chiến và kiến quốc. Tổng Bí thư Trường-Chinh báo cáo về chiến thắng Việt Bắc, nhấn mạnh nguyên nhân dẫn tới chiến thắng vang dội đó là nhờ có sự đoàn kết và cố gắng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Hồ Chí Minh. Đánh giá thắng lợi chiến dịch Việt Bắc, Hội nghị nhận định: “Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc và chiến tranh nổi mạnh ở miền Nam đã gây thêm tinh thần nỗ lực phấn khởi trong toàn dân, tăng thêm tin tưởng ở tiền đồ kháng chiến vẻ vang của dân tộc. Nó chứng tỏ Việt Nam nước nhỏ, không có căn cứ địa chắc chắn, biên giới có thể bị bao vây, vũ khí kém, nhưng với sự đoàn kết và cố gắng của toàn dân, dưới chế độ dân chủ cộng hoà, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Hồ Chí Minh và của Hội, vẫn có thể kháng chiến thắng lợi”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.314.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.20-21.

Chiến thắng Việt Bắc tạo đà cho quân và dân ta chuyển sang giai đoạn mới. Vì vậy, Trung ương Đảng quyết định đề ra nhiều biện pháp về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá và xây dựng Đảng, nhằm thúc đẩy kháng chiến tiến lên.

5.2. Đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới

Tình hình quốc tế những năm 1948-1949 có nhiều chuyển biến lớn, ảnh hưởng trực tiếp tới cách mạng ba nước Đông Dương.

Tháng 1-1948, Quốc hội Mỹ thông qua kế hoạch Mácsan viện trợ kinh tế cho các nước Tây Âu. Một năm sau đó, ngày 4-4-1949, Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) được thành lập, do Mỹ đứng đầu. Sự kiện đó tạo điều kiện cho Mỹ xác lập vị trí đứng đầu thế giới tư bản và tiếp tục can thiệp sâu vào nội bộ các nước phương Tây và chống phá phong trào cách mạng ở các nước này.

Năm 1947, trong khi sản xuất công nghiệp của các nước tư bản tiếp tục giảm sút, chưa thoát khỏi khủng hoảng, công nghiệp Liên Xô đã đạt mức sản xuất trước chiến tranh. Ngày 3-9-1949, Liên Xô đã phá thế độc quyền nguyên tử của Mỹ. Trên thực tế, Liên Xô đã trở thành cường quốc thứ hai về kinh tế và trở thành một nước mạnh nhất về quân sự trên lục địa Âu - Á.

Được sự giúp đỡ của Liên Xô, các nước dân chủ nhân

dân ở Âu - Á đã thu được nhiều thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân và khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh.

Tháng 9-1948, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ra đời.

Tháng 10-1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập.

Nhiều nước châu Á, Trung Đông đã vùng lên đấu tranh để thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ. Ở châu Phi và Mỹ Latinh, một cao trào giải phóng mới cũng đã có những dấu hiệu bắt đầu.

Tại Việt Nam, sau chiến thắng của quân và dân ta ở Việt Bắc, cục diện chiến tranh có những thay đổi lớn.

Nước Pháp lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế và bế tắc về nhiều mặt. Những khó khăn vốn có của nước Pháp ngày càng trầm trọng. Phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp đòi giảm bớt ngân sách quân sự, chống âm mưu gây chiến, đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam tăng lên. Phong trào đòi độc lập của các dân tộc thuộc địa Pháp ở châu Phi cũng bắt đầu sôi nổi dưới khẩu hiệu ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam. Từ khi bắt đầu cuộc xâm lược cho đến đầu năm 1949, Chính phủ Pháp đã thay đổi tám lần. Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương cũng phải thay đổi ba lần. Quân Pháp ở Đông Dương lâm vào nạn thiếu quân thường xuyên và bị mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán.

Từ sau thất bại ở Việt Bắc, thực dân Pháp nhận thấy, không thể giải quyết chiến tranh bằng một vài cuộc hành quân lớn, bằng lực lượng của bản thân chúng. Vì vậy, từ năm 1948, chúng chuyển hướng chiến lược chiến tranh: từ mở rộng phạm vi chiếm đóng quay sang củng cố vùng chiếm đóng; từ tiến công Bắc Bộ quay ra củng cố Nam Bộ; thay thế những cuộc hành quân lớn bằng những cuộc hành quân nhỏ, không nhằm trực tiếp tiêu diệt chủ lực của ta mà nhằm phá hoại cơ sở kinh tế, chính trị. Chúng ra sức củng cố nguy quyền, phát triển nguy quân, tranh thủ viện trợ Mỹ; thực hành chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”.

Đối với ta, sau một năm kháng chiến và sau thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc, lực lượng của ta trưởng thành mau chóng. Lực lượng vũ trang của ta càng đánh càng mạnh. Năm 1948 là năm chiến tranh du kích phát triển mạnh ở vùng sau lưng địch. Nhiều cơ sở chính trị và quân sự được xây dựng ngay trong lòng địch ở Tây Bắc, Đông Bắc, Bình Trị Thiên và Tây Nguyên. Ở miền Nam, bộ đội ta được chỉnh đốn lại và cũng thu được nhiều thành tích trong chiến đấu.

Tuy nhiên, cuộc chiến đấu của quân và dân ta cũng bộc lộ những khuyết điểm: chủ quan mất cảnh giác, có nơi bị địch đánh mạnh và liên tiếp thì bị quan, hoang mang, nắm tình hình địch thiếu nhạy

bén và thiếu chính xác, phối hợp chưa chặt chẽ giữa các chiến trường, chưa thực hiện tốt chủ trương kết hợp chiến đấu giữa mặt trận phía trước và mặt trận sau lưng địch. Công tác củng cố Đảng chưa bắt kịp so với sự phát triển Đảng.

Trước tình hình đó, từ ngày 15 đến 17-1-1948, Tổng Bí thư Trường-Chinh chỉ đạo Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng nhằm kiểm điểm lại tình hình một năm kháng chiến và vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới. Sau khi phân tích đặc điểm tình hình cuộc kháng chiến, Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ trọng tâm trên các lĩnh vực:

Về quân sự, đánh mạnh để chuyển sang giai đoạn thứ hai, phát triển chiến tranh du kích, xúc tiến việc luyện quân lập công, học tập kinh nghiệm chiến dịch Việt Bắc; tập dượt đánh những trận vận động tiêu diệt địch; chuẩn bị những trận chiến đấu táo bạo hơn và chuẩn bị điều kiện đón thời cơ giành thắng lợi lớn.

Về chính trị, tiếp tục xây dựng khối đoàn kết toàn dân kháng chiến, củng cố Việt Minh, phát triển Liên Việt, chống chính sách “dùng người Việt trị người Việt” của thực dân Pháp và phá tan chính quyền bù nhìn, cảnh giác với can thiệp Mỹ.

Về kinh tế - tài chính, phá kinh tế - tài chính địch, thực hiện khẩu hiệu tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc, cải

thiện dân sinh, tịch thu tài sản của bọn phản quốc cấp cho dân nghèo, triệt để thực hiện giảm tô, chia lại công điền một cách hợp lý và công bằng hơn, khuyến khích tổ đổi công và thí nghiệm tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Về văn hoá, động viên mọi lực lượng văn hoá phục vụ kháng chiến, chấn chỉnh giáo dục, tiếp tục xoá nạn mù chữ, đào tạo nhân tài.

Về xây dựng đảng, nâng cao trình độ lý luận, chính trị cho cán bộ, đảng viên theo phương châm lý luận gắn liền với thực tiễn; chống chủ quan, giáo điều, hẹp hòi, hữu khuynh; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình; nâng cao trình độ tổ chức lên kịp trình độ chính trị, làm cho các chi bộ có thể tự động lãnh đạo mọi mặt công tác ở địa phương; tăng cường giáo dục ý thức giai cấp; phát triển Đảng đi đôi với tăng cường củng cố Đảng...

Tại Hội nghị, Tổng Bí thư Trường-Chinh cho ý kiến về những công việc cần chuẩn bị tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II để tổng kết kinh nghiệm, tiếp tục hoàn chỉnh đường lối đưa kháng chiến đến thắng lợi.

Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp đòi hỏi phải huy động được mọi nguồn lực, phải động viên toàn dân, toàn quân nâng cao nhiệt tình cách mạng và sức sáng tạo, ra sức thi đua kháng chiến và kiến quốc. Ngày 27-3-1948, Tổng Bí thư Trường-Chinh thay mặt

Ban Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại phiên họp Hội đồng Chính phủ đầu tháng 3-1948. Sau khi nêu lên những cơ sở để gây dựng phong trào, đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh mục đích của thi đua ái quốc là “làm sao cho kháng chiến mau thắng lợi, kiến thiết chóng thành công”¹. Từ mục đích đó, phạm vi thi đua phải mở rộng trên phạm vi cả nước và trên tất cả các mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá. Đồng chí đề cập tới nhiều vấn đề cụ thể về nội dung và kế hoạch thi đua, vấn đề tổ chức và nghệ thuật động viên thi đua như thế nào cho hiệu quả; những điều cần chú ý, cần tránh trong thi đua và khẩu hiệu hành động. Cuối cùng, Tổng Bí thư kết luận: “Hội ta (Đảng ta)² phải tích cực lãnh đạo phong trào thi đua trên mọi ngành hoạt động của dân tộc, thúc đẩy cuộc đấu tranh trên khắp các mặt trận...người hội viên (đảng viên) cũng phải làm gương mẫu đi tiên phong...

Cuộc kháng chiến sắp chuyển sang giai đoạn thứ hai. Tất cả những năng lực quốc dân phải được hướng vào mục đích chuyển sang giai đoạn thứ hai mà phát triển... Tất cả nhằm mục đích giữ nước, thắng địch”³.

1, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.71, 80-81.

2. Chữ trong ngoặc đơn ở đây là của Ban biên soạn (BT).

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh và thực hiện Chỉ thị của Tổng Bí thư Trường-Chinh về công tác thi đua, một phong trào thi đua yêu nước sôi nổi rộng khắp trong cả nước đã được phát động mạnh mẽ; cuộc đấu tranh trên mọi lĩnh vực của quân và dân ta ở các vùng sau lưng địch diễn ra sôi nổi, quyết liệt. Mọi năng lực, mọi cố gắng của nhân dân ở tiền phương cũng như hậu phương đã hướng vào mục đích chuyển cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta sang giai đoạn mới.

Từ đầu năm 1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng Bí thư Trường-Chinh đã bắt tay vào việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương - Đại hội có mục đích tổng kết kinh nghiệm kháng chiến, tiếp tục xác định và hoàn chỉnh đường lối để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Ngày 1-4-1948, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng Bí thư ra Quyết nghị về việc triệu tập đại biểu và chuẩn bị Hội nghị toàn quốc sẽ tổ chức vào tháng 8-1948. Mục đích của Hội nghị nhằm kiểm thảo đường lối, chính sách của Đảng ta từ Hội nghị Tân Trào (1945), nhất là từ ngày toàn quốc kháng chiến; trao đổi và đúc kết kinh nghiệm kháng chiến kiến quốc trên phạm vi cả nước; thống nhất tư tưởng và hành động; phân phối lại cán bộ toàn quốc; kiện toàn vai trò lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế - tài chính, văn hoá;

tiến hành chuẩn bị sửa đổi Điều lệ Đảng và vấn đề nhân sự cho Đại hội lần thứ II của Đảng.

Ngày 8-8-1948, Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ năm họp. Tổng Bí thư Trường-Chinh đã đọc bản báo cáo *Chúng ta chiến đấu cho độc lập và dân chủ* tại hội nghị. Bản báo cáo gồm nhiều nội dung lớn về những vấn đề lý luận chung của công cuộc xây dựng và phát triển nền dân chủ, của đường lối kháng chiến, kiến quốc, tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam và những nhiệm vụ cần kíp trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, trong ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, chính sách ruộng đất, củng cố hệ thống chính quyền cơ sở và vấn đề thi đua yêu nước.

Về vấn đề phát triển và củng cố Đảng, Tổng Bí thư cho rằng, bên cạnh những khuyết điểm như: kết nạp còn cầu thả, cơ sở đảng trong các vùng địch kiểm soát còn hạn hẹp hoặc chưa có; chính sách của Đảng đưa ra chưa được thực hiện đầy đủ; nội bộ Đảng có nơi lỏng lẻo, chia rẽ, bệnh cục bộ địa phương khá nặng; trong lãnh đạo còn bao biện, chính trị suông, còn kém về mặt tổ chức, trình độ lý luận và văn hoá của đảng viên còn hạn chế, kỷ luật Đảng có nơi thực hiện chưa nghiêm; đội ngũ cán bộ còn thiếu, v.v.; thì ưu điểm chính của Đảng là “đường lối chính trị nói chung là đúng, cho nên Đảng ta tuy còn bé mà đã lãnh đạo được cuộc Cách mạng tháng Tám, nắm được chính quyền và đang anh

dũng lãnh đạo cuộc toàn dân kháng chiến chống Pháp hiện nay”¹.

Đề cập tới việc chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, tại Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh giải thích rằng: "Từ năm 1935, Đảng ta chưa họp Đại hội, những cơ quan chấp hành của Đảng phần nhiều tổ chức theo lối chỉ định. Và hiện nay có nhiều vấn đề nội bộ chỉ có Đại hội mới có quyền quyết nghị... đến lúc phải dân chủ hoá bộ máy lãnh đạo của Đảng từ trên xuống dưới"², bằng một cuộc đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc.

Các đại biểu dự Hội nghị còn được nghe và thảo luận ba báo cáo quan trọng: “Kiểm thảo mùa Hè và chuẩn bị Thu Đông 1948”; “Công tác dân vận và công tác Mặt trận dân tộc thống nhất”; “Tình hình và nhiệm vụ mới của Đảng”.

Hội nghị tán thành các nhiệm vụ cốt yếu và cần kíp do Tổng Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra để củng cố và phát triển Đảng, chấn chỉnh tổ chức, thực hiện dân chủ, thống nhất tư tưởng, hành động, nâng cao trình độ lý luận của đảng viên, sửa đổi lỗi làm việc, thi hành một chính sách cán bộ đúng, đề cao uy tín của Đảng (mặc dù lúc đó Đảng chưa ra công khai). Hội

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.237.

ng nghị cũng đặc biệt lưu ý vấn đề tổ chức đảng trong quân đội, vấn đề thống nhất tư tưởng và hành động trong tình hình mới.

Bên cạnh việc lãnh đạo xây dựng nền kinh tế kháng chiến, đồng chí Trường-Chinh đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng đường lối văn hoá của Đảng. Với vai trò chỉ đạo của Tổng Bí thư, đường lối văn hoá kháng chiến đã được xây dựng và dần hoàn chỉnh.

Từ ngày 16 đến 20-7-1948, Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai (và tiếp sau đó là Hội nghị cán bộ văn hoá lần thứ nhất, tháng 1-1949) được tổ chức. Tại hội nghị, Tổng Bí thư Trường-Chinh xác định rõ đường lối, nhiệm vụ và phương châm công tác văn hoá kháng chiến.

Trong báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* trình bày tại Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai, Tổng Bí thư đã nêu lên những luận điểm biện chứng mácxít về nền văn hoá kháng chiến và kiến quốc, trong bối cảnh cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta ngày càng phát triển, đang trên đà thắng lợi.

Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam dựng lên tinh thần cơ bản về sự nghiệp xây dựng đất nước ngay trong khói lửa của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và nhất định thắng lợi. Với tính thống nhất, rất phong phú và chặt chẽ giữa logic và lịch sử, Tổng Bí thư Trường-Chinh phân tích đầy đủ,

toàn diện về mặt trận văn hoá, có thể suy rộng ra như là mặt trận cơ bản nhất về mặt kiến quốc, về sự nghiệp xây dựng đất nước với những giá trị cơ bản trong truyền thống văn hiến hàng ngàn năm của dân tộc ta. Đồng chí vạch rõ vị trí của văn hoá trong tính thống nhất giữa văn hoá và xã hội bằng luận điểm khoa học: “*Xét đến cùng thì phương thức sản xuất, hoặc nói rộng ra, kinh tế là nhân tố quyết định chủ yếu đời sống tinh thần của xã hội. Đương nhiên, kinh tế không phải là nhân tố quyết định duy nhất và nhiều khi không phải là nhân tố quyết định trực tiếp, nhưng phân tích đến cùng thì lần lần ta thấy hiện ra nhân tố kinh tế. Văn học, nghệ thuật, triết học, đạo đức, v.v. là kiến trúc thượng tầng xây dựng lên trên những điều kiện kinh tế nhất định và chịu ảnh hưởng sâu sắc của một bộ phận kiến trúc thượng tầng khác là chính trị, pháp luật. Kiến trúc thượng tầng nói trên có khi hình như phát triển riêng biệt. Nhưng thật ra, nó chịu sự quyết định của điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội rất chặt chẽ; đồng thời, nó ảnh hưởng lại đời sống vật chất của xã hội và góp phần vào công cuộc cải tạo xã hội không nhỏ*”¹.

Đồng chí Trường-Chinh nêu rõ lập trường văn hoá mácxít: “trong thời đại chúng ta hiện nay, văn hoá cách

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t. II, tr.149-150.

mạng nhất, là văn hoá hiện thực xã hội chủ nghĩa. Phương pháp của nó là khoa học. Lập trường của nó là duy vật. Nó trái hẳn với “văn hoá” ngu dân, “văn hoá” phản động của các giai cấp bóc lột (tư sản, địa chủ) mà mục đích là che đậy những chỗ xấu xa của xã hội cũ, cốt xuyên tạc sự thật và quét lên trên tấm gỗ mặt của xã hội đó một nước sơn bóng nhoáng. Văn hoá phản cách mạng là văn hoá sợ sự thật như con cú sợ ánh sáng mặt trời”¹.

Sau khi phân tích rõ văn hoá Việt Nam xưa và nay, đồng chí Trường-Chinh phân tích rõ tính chất và nhiệm vụ văn hoá dân chủ mới: “văn hoá dân chủ mới của nước ta hiện nay phải là *văn hoá có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng*. Ba tính chất ấy đồng thời tồn tại và quan hệ khăng khít với nhau, không thể tách rời nhau được”².

Nêu rõ “Cuộc đấu tranh cách mạng của giới văn hoá Việt Nam là một bộ phận của cuộc đấu tranh cách mạng chung của cả dân tộc”³, đồng chí xác định “mặt trận văn hoá thống nhất trong Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược”⁴. “Những người làm công tác văn hoá... không thể đứng ngoài *Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược*”⁵. Đồng chí khẳng

1, 2, 3, 4. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sđd*, t. II, tr.149-150, 157-158, 205, 209, 215.

5. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sđd*, t. II, tr.209.

định rõ: “Văn hoá xã hội chủ nghĩa và dân chủ mới thế giới là văn hoá chiến đấu và xây dựng. Nó chống lại cùng khốn, tối tăm và tội ác, mưu hoà bình, dân chủ và hạnh phúc cho loài người. Văn hoá xã hội chủ nghĩa và dân chủ mới thế giới chống tha hoá con người, đồng thời, dựng lại nhân cách con người, cải tạo con người, làm cho con người không còn là “chó sói với người” nữa. Nó đề xướng và thực hành *chủ nghĩa nhân đạo* chân chính”¹.

Bản báo cáo nhấn mạnh đến một trong những vấn đề mang tính nguyên tắc là mối quan hệ giữa văn nghệ và tuyên truyền. Đây là vấn đề rất nhạy cảm bao hàm mối quan hệ giữa văn nghệ với chính trị, giữa khái niệm tự do và tất yếu trong sáng tác, giữa nội dung và hình thức nghệ thuật, giữa phổ cập và nâng cao... Đồng chí Trường-Chinh cho rằng, không thể nói “văn hóa hoàn toàn trung lập”, “tự do tuyệt đối”, “đứng trên chính trị” và khẳng định: Bất cứ tác phẩm nghệ thuật nào cũng có ít nhiều tính chất tuyên truyền. Cho nên khi xã hội còn có áp bức, bóc lột, bất công, thì những văn nghệ sĩ tự do nhất chính là những văn nghệ sĩ đem nghệ thuật của mình phục vụ cho một lý tưởng cách mạng để đánh đổ chế độ người bóc lột người..., để mau dựng lên một xã hội bảo đảm tự do thật sự cho văn học và nghệ thuật.

1. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sổđ*, t. II, tr.220.

Tổng Bí thư Trường-Chinh xác định thái độ đúng đắn của những người làm công tác văn hoá là: Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với kháng chiến, không thoả hiệp với tư tưởng và văn hoá phản động, không trung lập, không giữ thái độ bàng quan; yêu khoa học, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho hành động, lý luận và thực tiễn kết hợp; một lòng một dạ phục vụ nhân dân; gần gũi quần chúng công nông binh, cảm thông với quần chúng, học hỏi nhân dân, giáo dục, dìu dắt nhân dân¹.

Về quan hệ giữa nghệ thuật và tuyên truyền, đồng chí Trường-Chinh cho rằng: “Nghệ thuật và tuyên truyền không hoàn toàn khác nhau, nhưng cũng không hoàn toàn giống nhau”, mà “Tuyên truyền cao tới một

1. Sau khi được nghe và thảo luận bản báo cáo trên, những nhân sĩ, trí thức, nhà khoa học nổi tiếng "như Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Tấn Gi Trọng đã nhận xét về đồng chí Trường-Chinh: “Chắc ông ấy phải qua trường đào tạo ở Nga - Xô”, “một bản báo cáo đầy ắp những nhận định khoa học, mới mẻ”, “một thái độ thẳng thắn”, “một tinh thần chiến đấu khá căng, nhưng lại chấp nhận được”, Ngày nay, đọc lại *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam*, nhiều người ngạc nhiên về tính khoa học và tinh thần cách mạng của một tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh kháng chiến Cho đến hôm nay đã ngót nửa thế kỷ, những vấn đề cụ thể được đề ra trong *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* chưa hết tính thời sự”. Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, *Sđd*, tr.388-390.

mức nào đó thì tuyên truyền trở thành nghệ thuật. Nghệ thuật thiết thực tới một mức nào đó thì nghệ thuật có tính chất rõ rệt là tuyên truyền”¹.

Trong phần kết luận, Tổng Bí thư viết: “*Chúng ta đang sống những ngày vĩ đại*. Thử thách nặng nề đang diễn ra. Bao nhiêu giá trị cũ bị đem ra khảo sát lại hết. Song nhiều giá trị mới đang nảy nở... Văn hoá Việt Nam lúc này phải là hình ảnh sinh động của dân tộc ta đang kháng chiến và kiến quốc, phá hoại và xây dựng, là muôn vàn tia lửa đốt cháy quân địch và chiếu rọi ánh sáng ra nước ngoài.

Những người mácxít chúng tôi xin nguyện làm đội quân xung kích của mặt trận văn hoá Việt Nam chống thực dân Pháp và làm kíp thợ tình nguyện đốt lò văn hoá Việt Nam dân chủ mới”².

Tiếp theo *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* là công trình hoàn thiện đặt cơ sở lý luận cho đường lối xây dựng nền văn hóa-văn nghệ cách mạng và giải quyết những vấn đề thực tiễn của văn hóa nước ta trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ. Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh kháng chiến khẩn trương, bề bộn, bao việc nước sôi, lửa nóng; các cơ quan chỉ đạo của Đảng phải ở trong

1, 2. Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam*, *Sổđ*, t.II, tr. 223, 236-237.

rừng, tài liệu tra cứu rất thiếu thốn, nhưng cho thấy trí tuệ và năng lực làm việc hết sức to lớn của Tổng Bí thư Trường-Chinh.

Theo chủ trương của Đảng ta, Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ hai đã quyết định thành lập Hội văn hoá Việt Nam. Sự ra đời của Hội là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử văn hoá nước nhà.

Ngày 19-9-1948, trong Chỉ thị về việc tham gia và giúp đỡ Hội Văn hoá Việt Nam, Tổng Bí thư Trường-Chinh đã nêu rõ mục đích và tôn chỉ của Hội là “Đoàn kết các nhà văn hoá nước ta, động viên mọi lực lượng văn hoá nước ta để phụng sự Tổ quốc, đánh đuổi giặc Pháp và xây dựng một nền văn hoá Việt Nam mới”¹. Chỉ thị này cùng với bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam* được gửi xuống các khu để thực hiện, trong bước chuyển mới của cuộc kháng chiến, đã tạo ra một động lực, một phong trào sôi nổi, mạnh mẽ, rộng khắp trong xây dựng nền văn hoá mới. Nền văn hoá đó đã đóng vai trò đặc lực trong cuộc đấu tranh chống lại văn hoá nô dịch và đồi trụy của địch ở vùng địch tạm chiếm, nhất là trong các đô thị lớn.

Theo tinh thần của Hội nghị Trung ương tháng 1 và tháng 8-1948, Tổng Bí thư Trường-Chinh cùng Trung

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.347.

ương Đảng tiếp tục chú trọng công tác củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và xúc tiến những công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ II của Đảng.

Căn cứ vào nhu cầu mới của cuộc kháng chiến, Đảng kịp thời bố trí lại lực lượng cán bộ, điều động hàng ngàn cán bộ bổ sung cho lực lượng vũ trang các cấp; tăng cường cán bộ cho vùng sau lưng địch; ổn định và tăng cường cán bộ cho ngành dân vận và kinh tế - tài chính, mạnh dạn cất nhắc nhiều cán bộ mới trưởng thành trong chiến đấu.

Qua cuộc vận động xây dựng chi bộ, tổ chức cơ sở Đảng được tôi luyện và trưởng thành trong khói lửa chiến tranh đã thật sự là hạt nhân lãnh đạo kháng chiến ở các địa phương. Các cấp uỷ đảng được kiện toàn, nhiều đảng viên nêu gương sáng về vượt mọi gian khổ, hy sinh, để hoàn thành nhiệm vụ. Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng còn khuyết điểm: nhiều trường hợp không bám chắc tính chất giai cấp công nhân của Đảng, không thấu suốt tiêu chuẩn đảng viên, chưa coi trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, công tác củng cố không theo kịp đà phát triển.

Trước tình hình đó, đồng chí Trường-Chinh ra chỉ thị chấn chỉnh tình hình; đồng thời chỉ ra những biện pháp nhằm củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Một trong những biện pháp ấy là tăng cường công tác kiểm tra của Đảng mà bước đi quan trọng là lập cơ quan kiểm tra trung ương.

Ngày 16-10-1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Quyết nghị (do đồng chí Trường-Chinh ký) thành lập Ban Kiểm tra Trung ương đã phân tích rõ: “Đảng ta hiện đang lãnh đạo cuộc kháng chiến và kiến quốc của dân tộc. Phong trào mỗi ngày một tiến nên công việc của Đảng mỗi ngày một phức tạp. Mỗi việc của Đảng cần phải thấu suốt từ trên xuống dưới, chính sách của Đảng phải được thi hành đầy đủ”¹, do đó, Trung ương Đảng quyết định thành lập Ban Kiểm tra để “đi xuống các khu xét xem chủ trương của Đảng có được thi hành và có sát đúng không, đồng thời xem xét sự thi hành kỷ luật trong Đảng để thu nhặt kinh nghiệm, giúp Trung ương bổ khuyết chính sách của Đảng”².

Bên cạnh việc tổ chức bộ máy kiểm tra của Đảng, công tác tài chính nói chung và việc chi tiêu trong Đảng cũng được quan tâm nhằm bảo đảm sự rõ ràng và thống nhất trong Đảng. Ngày 17-10-1948, Tổng Bí thư ra Chỉ thị giải thích việc thực hiện nguyên tắc chi tiêu trong Đảng nhằm chấm dứt cách chi tiêu lộn xộn, thiếu kiểm soát, không khoa học, tùy tiện... và chỉ rõ: “Muốn chấm dứt tình trạng ấy, chúng ta cần phải quy định ngay sự chi tiêu và chấn chỉnh lại các sổ sách kế toán cho hợp lý và tiện lợi. Chúng ta phải tích cực sửa đổi lỗi làm việc

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.369.

bừa bãi, không minh bạch từ trước tới giờ để hưởng ứng sự chi tiêu của Đảng đúng mực và để tránh cho túi tiền của đoàn thể khỏi phải chi phí những món vu vơ vô ích”¹.

Thực hiện Chỉ thị, từ tháng 1-1949 trở đi, công tác chi tiêu, công tác tài chính trong Đảng đã dần đi vào nền nếp, góp phần thuận lợi cho Trung ương kiểm soát tốt hơn các nguồn tài chính và công tác chi tiêu trong Đảng, từ bản kế hoạch dự chi, cách lĩnh tiền, sử dụng tiền đúng kế hoạch, mục đích cũng như công tác thanh quyết toán chi tiêu tài chính trong Đảng.

Sau một thời gian phát động phong trào thi đua ái quốc, bên cạnh những ưu điểm cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm, yếu kém trong lãnh đạo cần chấn chỉnh, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ đạo các cấp bộ Đảng nghiêm khắc sửa chữa khuyết điểm. Trong ngày 11 và 12-10-1948, Thường vụ Trung ương Đảng đã triệu tập Hội nghị thi đua để rút kinh nghiệm chung về thi đua ái quốc, vạch rõ chủ trương về vấn đề thi đua, chấn chỉnh các ban thi đua và xây dựng kế hoạch thi đua cho phù hợp với bước chuyển giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Tiếp sau Chỉ thị ngày 18-10-1948 về sửa chữa những khuyết điểm trong việc lãnh đạo thi đua ái quốc, ngày 23-10-1948, Tổng Bí thư Trường-Chinh đã gửi thư cho đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.372.

chí Lê Duẩn và Xứ uỷ Nam Bộ về việc củng cố phong trào cách mạng ở Nam Bộ và chỉnh đốn công tác Đảng.

Trong thư, Tổng Bí thư đánh giá đúng những đặc điểm của phong trào cách mạng ở Nam Bộ, những điểm mạnh, chỗ yếu và những vấn đề phức tạp nảy sinh. Từ những nhận xét về phong trào Nam Bộ và Đảng bộ trong Nam, đồng chí Trường-Chinh đã đề ra 12 nhiệm vụ quan trọng đối với Xứ uỷ Nam Bộ, với niềm tin tưởng mãnh liệt: “Cụ (Chủ tịch Hồ Chí Minh) và Trung ương tin rằng, với tinh thần hy sinh phấn đấu, chí công vô tư của các đồng chí, những chỉ thị của Trung ương sẽ được thi hành một cách tích cực, những khuyết điểm, sai lầm của Đảng bộ trong này sẽ được sửa chữa nhanh chóng và kịp thời... giải quyết được mọi vấn đề một cách đúng mức và thoả đáng”¹.

Căn cứ vào tình hình chuyển biến mới của cuộc kháng chiến, Ban Thường vụ Trung ương Đảng rất quan tâm chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội. Ngày 24-10-1948, theo đề nghị của Hội nghị cán bộ Đảng trong quân đội lần thứ hai và đề nghị của Hội nghị cán bộ lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Quyết nghị về tổ chức và hệ thống đảng trong quân đội với nguyên tắc tổ chức: “Đảng chỉ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.386-387.

có một hệ thống tổ chức... Bỏ *hệ thống cấp uỷ đảng* trong quân đội... Lập chế độ *chính trị uỷ viên*, đại diện đảng phụ trách trong quân đội"¹.

Bước vào năm thứ tư của cuộc kháng chiến toàn quốc, vai trò lãnh đạo của Đảng càng thể hiện rõ trên tất cả các lĩnh vực của cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện. Bên cạnh việc tập trung lãnh đạo mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta hết sức quan tâm chăm lo xây dựng Đảng, củng cố chính quyền cách mạng, phát triển văn hoá, giáo dục, đẩy mạnh phong trào thi đua ái quốc với khẩu hiệu: “Tất cả để chiến thắng, tất cả để chuẩn bị tổng phản công”.

Từ ngày 14 đến ngày 18-1-1949, Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu được triệu tập với sự tham dự của đông đảo đại biểu Bắc - Trung - Nam và cán bộ cao cấp trong các ngành. Tại Hội nghị, Tổng Bí thư Trường-Chinh trình bày bản báo cáo quan trọng “Tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công”, chỉ rõ cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược đang chuyển mạnh sang giai đoạn thứ hai - giai đoạn cầm cự. Tương quan lực lượng giữa ta và địch đã chuyển biến rõ rệt, giữa dân chủ và đế quốc trên thế giới cũng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.388.

đang chuyển biến mau lẹ và nêu lên những nhiệm vụ căn bản cho cuộc kháng chiến của dân tộc ta.

Về chính trị, “phải thắt chặt hàng ngũ kháng chiến, tiếp tục chính sách đại đoàn kết, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược, chống lại chính sách dùng người Việt hại người Việt, chống chính quyền bù nhìn, thực hành cải cách dân chủ cần thiết và có thể, động viên lòng sốt sắng kháng chiến, kiến quốc của nhân dân kiên nhẫn, khôn khéo và có kế hoạch gây cơ sở chính trị trong vùng địch kiểm soát, làm tan rã tinh thần quân địch, tuyên truyền quốc tế mạnh hơn.

Về quân sự, đánh mạnh để thu hẹp vùng địch kiểm soát, luồn vào sau lưng địch, chống càn quét, chống bao vây, phá chiến thuật “vết dầu loang” của địch, tiến tới đánh tập kích nhiều hơn phục kích, nặng đánh tiêu diệt và giảm bớt đánh tiêu hao...

Đặc biệt chú ý, lấy du kích chiến làm chính, vận động chiến làm phụ. Nhưng vì cách đánh của địch và địa thế của ta, nên phải sớm đẩy vận động chiến lên ngang hàng với du kích ngay trong giai đoạn cầm cự. Giành chủ động trong từng chiến dịch và chiến đấu để thực hiện chủ động chiến lược ở giai đoạn tổng phản công.

Về kinh tế, ra sức bao vây và phá kinh tế địch, phát triển kinh tế dân chủ mới của ta, thực hiện kế hoạch hoá bộ phận kinh tế nhà nước và hướng dẫn kinh tế toàn quốc. Cải thiện đời sống kinh tế nhân dân, làm cho dân

có sức và hăng hái đánh giặc hơn nữa. Đặc biệt chú ý nâng cao vai trò công nông trong việc sản xuất kinh tế”¹.

Tổng Bí thư đặc biệt lưu ý vấn đề nắm chắc diễn biến tình hình quốc tế, chủ động “hàng giờ hàng phút, theo dõi những biến cố bên ngoài và chuẩn bị sẵn sàng đón lấy những cơ hội tốt chuyển chiến lược, chiến thuật của ta để giành lấy thắng lợi cuối cùng”².

Trong báo cáo, đồng chí phân tích sâu sắc các nhiệm vụ cụ thể trước mắt về: quân sự, chính trị - hành chính, kinh tế - tài chính, văn hoá - giáo dục, thi đua ái quốc, vấn đề cán bộ và công tác xây dựng đảng.

Bản báo cáo “Tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công” của Tổng Bí thư Trường-Chinh cùng với các báo cáo về vấn đề quân sự, về chính quyền nhân dân, công tác mặt trận và dân vận, về Đảng và những nhiệm vụ kinh tế được các đại biểu dự hội nghị thảo luận kỹ và đi đến thống nhất nhận định rằng: giai đoạn cầm cự chiến lược đã bắt đầu từ năm 1948, sau chiến thắng Việt Bắc, và nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn chiến lược thứ hai là tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công. Trên cơ sở đánh giá tình hình, Hội nghị quyết định: cần phải nhân đà tiến bộ của bản thân ta, dựa vào sức giúp đỡ của các lực lượng bạn, lợi dụng sự lúng túng của địch,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.49-50.

trước mưu mô của đế quốc Mỹ, Anh mà gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công năm 1950 này. Ta phải tích cực phát huy khả năng của ta, triệt để lợi dụng nhược điểm của địch, làm cho thế lực của ta lớn mạnh hơn, để trong năm 1950 ta có thể chuyển mạnh sang tổng phản công được.

Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược chuyển sang tổng phản công, Hội nghị quyết định phải thực hiện nhiệm vụ quân sự, trước mắt là chiến đấu tiêu diệt sinh lực địch, gấp rút bồi dưỡng và xây dựng quân đội nhân dân; củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất và công tác dân vận; củng cố chính quyền nhân dân; tổng động viên toàn lực, thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến! Tất cả để chiến thắng!”, “Thi đua ái quốc” và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Hội nghị cán bộ toàn quốc lần thứ sáu đã tạo cơ sở cho mặt trận kháng chiến tiếp tục phát triển vững chắc và tiến lên giành những thắng lợi ngày càng to lớn hơn.

Tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đường lối kháng chiến kiến quốc, trong điều kiện cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân ta đã chuyển sang giai đoạn mới-giai đoạn tổng phản công, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng được triệu tập họp từ ngày 21 tháng 1 đến 3-2-1950.

Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng khẳng định trong hai năm cầm cự và chuẩn bị tổng phản công, thế

cầm cự về mọi mặt giữa ta và địch diễn ra rõ rệt và ngày càng có lợi cho ta: “Ta càng đánh, chính quyền nhân dân càng thêm vững chắc, tinh thần quân và dân càng cao, các lực lượng hoà bình và dân chủ thế giới càng ủng hộ nhiệt liệt”¹.

Tại Hội nghị, sau khi trình bày báo cáo *Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công*, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Trường-Chinh giải đáp những vấn đề lớn mà Đảng đặt ra như: “Làm thế nào để chuyển sang tổng phản công?”, “Bao giờ tổng phản công?” và “Tổng phản công như thế nào?”.

Để thực hiện những nhiệm vụ đó, Đảng chủ trương gấp rút xây dựng bộ đội chủ lực; đưa chiến tranh chính quy lên ngang tầm với chiến tranh du kích; hết sức tăng cường bộ đội địa phương và phong trào dân quân du kích; đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh du kích, phá tề, trừ gian, tăng cường công tác dân vận và công tác nguy binh trong vùng địch kiểm soát; xây dựng căn cứ địa chính ở Lào, Campuchia; xúc tiến phát triển Đảng bộ Lào, Campuchia; tất cả đảng viên phải học tập quân sự, học tập lãnh đạo chiến tranh. Hội nghị quyết nghị thực hiện chế độ động viên theo khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.197-198.

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thực hiện nhiệm vụ trung tâm của năm 1950 - “năm quyết định” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ trong Thư chúc Tết, nhân dân ta ở các vùng tự do đã hăng hái đóng góp nhân lực, vật lực cho kháng chiến. Việc chuẩn bị chiến trường cho những chiến dịch lớn được triển khai ngay sau Hội nghị. Những nhận thức không đúng của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng về tính chất lâu dài và dựa vào sức mình là chính đã được Trung ương Đảng chấn chỉnh vào mùa Hè năm 1950.

Do không thấy hết khó khăn sau khi địch mở rộng khu vực chiếm đóng, lại có xu hướng ỷ lại vào thuận lợi về mặt quốc tế, cho nên trong bộ đội có tư tưởng nóng vội khi thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị để chuyển mạnh sang tổng phản công. Để kịp thời uốn nắn những tư tưởng và hành động lệch lạc, nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấm nhuần hơn nữa ý thức kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, nhận thức rõ hơn nữa các loại kẻ thù, đồng chí Trường-Chinh đã viết bài *“Đế quốc Mỹ can thiệp thẳng vào vấn đề Đông Dương”* đăng trên báo *Sự thật*¹, và hàng loạt bài trên trang mục “Nhận định đúng để hành động đúng”, như bài “Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh

1. Xem: Báo *Sự thật*, số 129, ngày 15-3-1950.

sang tổng phản công”¹, phân tích rõ “Thế nào là tổng phản công”, “Muốn thực hiện tổng phản công, phải hoàn thành nhiệm vụ tổng phản công”, “Bao giờ chuyển sang phản công?”, đồng thời phê phán tư tưởng nóng vội muốn tổng phản công ngay và phê phán tư tưởng bi quan khi thấy địch có một số cố gắng mới và ta gặp khó khăn mới. Đồng chí Trường-Chinh cũng nêu lên phương châm đúng đắn về xây dựng lực lượng vũ trang, về tổng động viên, về công tác vùng sau lưng địch.

Giữa năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào và cán bộ Liên khu IV, phê bình về sai lầm của cán bộ trong tổng động viên. Trung ương Đảng chỉ thị cho Đảng bộ Liên khu IV và các liên khu khác, căn cứ vào Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà tự phê bình trước quần chúng. Nhờ đó, những lệch lạc về tư tưởng và hành động trong Đảng, trong nhân dân bước đầu được sửa chữa, ý thức kháng chiến trường kỳ, tự lực cánh sinh được quán triệt hơn, mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được tăng cường.

Mọi mặt trận kháng chiến tiếp tục phát triển vững chắc và giành những thắng lợi ngày càng to lớn, tạo điều kiện thuận lợi để Đảng ta triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II.

Tháng 9-1950, Tổng Bí thư Trường-Chinh gửi thư đến

1. Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 1, tháng 7-1950.

Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc này Người đang ở ngoài mặt trận) báo cáo về những công việc mà đồng chí cùng Trung ương Đảng đang tích cực chuẩn bị cho Đại hội Đảng. Đồng chí viết: “Hội nghị cán bộ lần thứ bảy đã nhận việc đổi tên Đ¹. Sau khi thảo luận đổi tên Đảng, thì thảo luận những điểm chính trong chính cương...Tôi chuẩn bị tài liệu trình Đại hội. Trọng tâm công tác của tôi từ nay đến Đại hội là chuẩn bị văn kiện cho Đại hội....”².

Ngày 25-10-1950, Tổng Bí thư chủ trì họp Hội nghị Thường vụ Trung ương bàn về công việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng. Đồng chí dự kiến số lượng đại biểu dự Hội nghị, đề nghị số lượng uỷ viên Trung ương (chính thức, dự khuyết) để Thường vụ cho ý kiến. Hội nghị Thường vụ cũng thảo luận và cho ý kiến về những văn kiện sẽ trình bày trước Đại hội³.

Càng gần đến ngày Đại hội Đảng, Tổng Bí thư Trường-Chinh càng phải tập trung trí tuệ và công sức để giải quyết nhiều công việc hệ trọng của Đảng.

Giữa tháng 1-1951, kế hoạch tổ chức Đại hội do đồng chí Trường-Chinh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng báo cáo lên Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Người đồng ý

1. Đổi tên “Đ”: Đổi tên “Đảng”.

2. Theo tài liệu lưu trữ tại Viện Hồ Chí Minh.

3. Năm 1950, đồng chí Trường-Chinh có thêm con trai là Đặng Việt Bắc. Năm 1972 đi bộ đội. Tiến sĩ Vật lý hạt nhân năm 1990.

trong thư gửi cho Đại hội trù bị của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu khi tổ chức Đại hội trù bị, các đại biểu cần nghiên cứu, thảo luận sâu sắc các văn kiện và nhấn mạnh: “Đại hội ta là Đại hội kháng chiến. Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Vậy việc thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó”¹.

Đến đầu năm 1951, công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ II của Đảng càng được tiến hành gấp rút. Ngày 18-1-1951, Trung ương Đảng triệu tập phiên họp trù bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng. Đồng chí Trường-Chinh báo cáo trước phiên họp trù bị tình hình chuẩn bị Đại hội. Sau khi nghe Tổng Bí thư và đồng chí Hoàng Quốc Việt báo cáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Các đại biểu dự Đại hội cần tập trung thảo luận những vấn đề chính; báo cáo cần tập trung phân tích sự cần thiết thống nhất Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt làm một.

Ngày 1-2-1951, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp một lần nữa để kiểm điểm lần cuối tình hình chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.

5.3. Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.150.

giữa lúc tình hình quốc tế và tình hình trong nước có những chuyển biến lớn.

Từ năm 1950, ba dòng thác cách mạng trên thế giới phát triển mạnh mẽ.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa được củng cố và tăng cường về mọi mặt. Sau khi hoàn thành khôi phục kinh tế, các nước xã hội chủ nghĩa bước vào thời kỳ phát triển kinh tế có kế hoạch. Liên Xô bắt tay thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ V (1951-1955), Trung Quốc hoàn thành khôi phục kinh tế sau chiến tranh và bước vào thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất. Các nước xã hội chủ nghĩa khác đã căn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp và đạt nhiều thành tựu trong xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Các nước xã hội chủ nghĩa ra sức ủng hộ về tinh thần và giúp đỡ về vật chất cho cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển, làm rung chuyển hậu phương của chủ nghĩa đế quốc. Phong trào bảo vệ hoà bình thế giới trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi.

Ở Đông Dương, trước sự lớn mạnh nhanh chóng của lực lượng kháng chiến của ta, thực dân Pháp ngày càng lâm vào tình thế hết sức khó khăn trong việc kéo dài chiến tranh.

Về quân sự, địch ở thế bị tấn công liên tiếp, nạn thiếu quân xảy ra ngày càng trầm trọng. Về chính trị,

cuộc chiến tranh phi nghĩa của chúng gặp phải sự phản đối ngày càng lớn của nhân dân Pháp và dư luận tiến bộ trên thế giới. Nội bộ thực dân Pháp mâu thuẫn, chia rẽ sâu sắc. Nội các Pháp thay đổi liên tiếp. Về kinh tế, nước Pháp ngày càng bị lệ thuộc vào Mỹ, nền tài chính của Pháp bị sa sút nghiêm trọng. Thực dân Pháp thấy rằng, có thể thua trong cuộc chiến tranh này nếu chỉ riêng với lực lượng của bản thân chúng. Do bản chất phản động, thực dân Pháp ngoan cố tiếp tục cuộc “chiến tranh bẩn thỉu” ở Đông Dương, dựa vào chính sách cướp của, bắt người ở nước ta để đánh lại nhân dân ta; gấp rút tăng cường lực lượng, chuẩn bị phản công để giành lại quyền chủ động sau thất bại trong chiến dịch Thu - Đông 1950.

Về phía ta, sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc đang trên đà thắng lợi. Sau chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, các thứ quân trưởng thành, phong trào kháng chiến trong cả nước lên cao, tư tưởng cách mạng tiến công phát huy mạnh. Sự chỉ đạo chiến lược quân sự của Đảng thu được nhiều kinh nghiệm quý trong quá trình lãnh đạo chiến tranh. Cách mạng Việt Nam nối liền với cách mạng thế giới và được sự cổ vũ của nhân dân nhiều nước, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô. Giai đoạn mới của cuộc kháng chiến đặt ra nhiều vấn đề lớn: tổ chức hậu phương để bảo đảm cho cuộc chiến tranh ở trình độ tác chiến tập trung trên quy mô lớn, nâng cao

sức chiến đấu của bộ đội; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến và xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Trải qua 15 năm kể từ khi Đảng tiến hành Đại hội lần thứ I (3-1935), biết bao biến đổi đã diễn ra trên thế giới và Đông Dương. Cách mạng và kháng chiến của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia đã giành được thắng lợi có ý nghĩa chiến lược và đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược đặt ra đòi hỏi Đảng phải xác định. Thực tiễn phong phú của cách mạng đòi hỏi Đảng phải kịp thời tổng kết, khẳng định. Tình hình mới đặt ra cho Đảng ta vấn đề phải tiếp tục hoàn chỉnh và bổ sung đường lối cách mạng cho phù hợp, đồng thời phải xác định kịp thời những chính sách và biện pháp đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Từ tháng 11-1945, mặc dù bị buộc phải rút vào hoạt động bí mật, nhưng trên thực tế, Đảng ta vẫn lãnh đạo cuộc kháng chiến về mọi mặt. Là một Đảng nắm chính quyền, chức năng, cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc và nguyên tắc sinh hoạt của Đảng cũng phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, nhưng trong điều kiện chưa hoạt động công khai, Đảng gặp không ít khó khăn, trở ngại. Từ năm 1930 trở đi, Đảng Cộng sản Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng ba nước Đông

Dương. Đến năm 1951, cách mạng và kháng chiến của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia có những bước phát triển riêng biệt, đòi hỏi phải có đường lối, chính sách và tổ chức Đảng phù hợp với đặc điểm mỗi nước và trên cơ sở phối hợp hành động chung giúp đỡ lẫn nhau. Điều đó đòi hỏi Đảng Cộng sản Đông Dương phải được tổ chức lại. Những vấn đề cấp thiết nêu trên của cách mạng và kháng chiến phải được giải quyết trong một Đại hội Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được triệu tập nhằm đáp ứng những đòi hỏi bức thiết đó.

Từ ngày 11 đến 19-2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 766.349 đảng viên trong toàn Đảng. Trong bức thư gửi Đại hội trù bị trước đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ nhiệm vụ của Đại hội: “Đại hội ta là Đại hội kháng chiến. Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Vậy việc thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó”¹.

Sau diễn văn khai mạc của đồng chí Tôn Đức Thắng, Đại hội đã nghe và thảo luận Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Báo cáo *Hoàn thành giải*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.150.

phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội (còn gọi là Luận cương cách mạng Việt Nam) của Tổng Bí thư Trường-Chinh; Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng; Báo cáo bổ sung về Mặt trận dân tộc thống nhất, chính quyền dân chủ nhân dân, quân đội nhân dân, kinh tế - tài chính, về văn nghệ và một số tham luận khác.

Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát cuộc vận động cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, khẳng định đường lối của Đảng là đúng, cán bộ đảng viên ta tận tụy, hy sinh, đi sát quần chúng. Nhiệm vụ chính của cách mạng Việt Nam lúc này là đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và đã đến lúc “chúng ta phải có một Đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và tình hình trong nước, để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi, Đảng đó lấy tên *Đảng Lao động Việt Nam*”¹.

Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn của hơn 20 năm lãnh đạo cách mạng nước ta, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới, trong báo cáo *Luận cương cách mạng Việt Nam*, đồng chí Trường-Chinh thay mặt Ban Chấp hành Trung ương trình bày trước Đại hội toàn bộ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.37.

đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Báo cáo phân tích xã hội Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp là xã hội có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến với hai vùng khác nhau là vùng tự do và vùng địch kiểm soát. Vì vậy, trong xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai của chúng; mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến; mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản trong nước. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc xâm lược cùng bọn bù nhìn tay sai của chúng là mâu thuẫn cơ bản nhất. Mâu thuẫn ấy đang diễn ra dưới hình thức quyết liệt là chiến tranh. Đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến.

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất, xoá bỏ hình thức bóc lột phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến khăng khít với nhau. Nhưng trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại là giải phóng dân tộc. Kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng là chủ nghĩa đế

quốc xâm lược và bè lũ tay sai. Mũi nhọn của cách mạng chủ yếu chĩa vào bọn đế quốc xâm lược.

Luận cương chỉ rõ: "Nhiệm vụ phản phong kiến nhất định *phải làm đồng thời với nhiệm vụ phản đế, nhưng làm có kế hoạch, từng bước, để vừa phát triển lực lượng cách mạng của nhân dân, vừa giữ vững được khối đại đoàn kết toàn dân đang kháng chiến, tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc*"¹. Nhiệm vụ dân tộc (phản đế) và nhiệm vụ dân chủ (phản phong) khăng khít với nhau. "Song lúc này phải tập trung mọi lực lượng để kháng chiến đang hoàn thành nhiệm vụ *giải phóng dân tộc*"². Đó là trọng tâm, song Luận cương cũng nhấn mạnh rằng: "Nhiệm vụ dân chủ cũng phải làm, nhưng *chỉ có thể làm trong phạm vi không có hại mà lại có lợi cho việc tập trung lực lượng, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc*"³.

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng lúc này, đồng thời căn cứ vào thái độ chính trị của các giai cấp trong xã hội Việt Nam, báo cáo *Luận cương về cách mạng Việt Nam* chỉ rõ lực lượng cách mạng Việt Nam bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân,

1. Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, *Sđd*, t.I, tr.69-70.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.76.

giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc. Động lực của cách mạng Việt Nam bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản, chủ yếu là công nhân và nông dân. Lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân.

Cuộc cách mạng nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến do nhân dân tiến hành, trong đó công nông là động lực chủ yếu và do giai cấp công nhân lãnh đạo gọi là *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*.

Bàn về triển vọng của cách mạng Việt Nam, *Luận cương* nêu rõ: con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhưng con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có những hình thái đặc biệt phù hợp với những điều kiện cụ thể của nó. Hình thức của Nhà nước Việt Nam hiện nay là cộng hoà dân chủ, nội dung của nó là chuyên chính dân chủ nhân dân. Khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì chuyên chính dân chủ nhân dân chuyển thành chuyên chính vô sản. Hình thức nhà nước cộng hoà dân chủ vẫn có thể tồn tại lâu dài, hoặc một thời gian khi nội dung của nó đã đổi thành chuyên chính vô sản.

Căn cứ vào tình hình thế giới và tình hình trong nước, căn cứ vào nhiệm vụ và tính chất của cách mạng nước ta, bản báo cáo nêu lên 12 chính sách của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân bao gồm:

- Đẩy mạnh kháng chiến đến toàn thắng, tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất.

- Thi hành từng bước chính sách ruộng đất, tiến tới thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng, xoá bỏ các hình thức bóc lột phong kiến và nửa phong kiến ở nước ta.

- Xây dựng, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân về chính trị, kinh tế và văn hoá; chuẩn bị tiến lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc xâm lược.

- Xây dựng và phát triển quân đội nhân dân.

- Chính sách dân tộc.

- Chính sách đối với tôn giáo.

- Chính sách đối với vùng địch chiếm.

- Chính sách đối với ngoại kiều.

- Chính sách đối ngoại.

- Ra sức ủng hộ cách mạng Cao Miên và cách mạng Lào.

- Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và độc lập dân tộc của nhân dân thế giới.

Luận cương về cách mạng Việt Nam là một văn kiện lịch sử rất quan trọng của Đảng, thể hiện sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam. Với tầm nhìn bao quát, tư duy chính trị sắc bén, Đảng ta đã bổ sung, hoàn chỉnh và

phát triển lý luận của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến hành trong điều kiện một nước thuộc địa, nửa phong kiến, trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, ở một dân tộc có truyền thống kiên cường, bất khuất hàng nghìn năm chống xâm lược. Điều đó định hướng cho những chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ, là phương hướng phấn đấu cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Nội dung cơ bản của *Luận cương về cách mạng Việt Nam* được đúc kết trong *Chính cương* của Đảng Lao động Việt Nam được Đại hội lần thứ II của Đảng thông qua.

Đại hội thảo luận và nhất trí thông qua Điều lệ mới của Đảng và Nghị quyết đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Điều lệ Đảng nêu rõ: “Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam và nhân dân lao động Việt Nam. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam”¹.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới gồm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.444.

19 uỷ viên chính thức và 10 uỷ viên dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương bầu ra Bộ Chính trị gồm bảy uỷ viên chính thức, một uỷ viên dự khuyết và bầu Ban Bí thư. Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường-Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng Lao động Việt Nam.

Tháng 2-1951, Tổng Bí thư Trường-Chinh tròn 44 tuổi.

Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu hợp thức trong một đại hội có đầy đủ đại biểu toàn quốc. Là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa hai kỳ đại hội, Ban Chấp hành Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội, bổ sung chủ trương, chính sách mới cho thích hợp với những biến đổi mới của tình hình, để biến Nghị quyết của Đại hội thành hiện thực, đưa kháng chiến đến thắng lợi¹.

Trong quá trình chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, Tổng Bí thư Trường-Chinh cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục giải quyết nhiều vấn đề do yêu cầu thực tiễn của cuộc kháng chiến đặt ra trên tất cả các lĩnh vực.

1. Đại hội đã quyết định thành lập Trung ương cục miền Nam thay cho Xứ uỷ Nam Bộ và cử đồng chí Lê Duẩn, Uỷ viên Bộ Chính trị, làm Bí thư, đồng chí Lê Đức Thọ, Uỷ viên Trung ương Đảng, làm Phó Bí thư.

Ngày 3-3-1951, thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ II, Đảng Lao động Việt Nam chính thức ra mắt quốc dân, công khai lãnh đạo cuộc kháng chiến, kiến quốc. Trong buổi lễ, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Trường-Chinh trình bày tôn chỉ, mục đích, chính cương mới của Đảng và nhấn mạnh: Đảng Lao động Việt Nam đứng trong Mặt trận dân tộc thống nhất, nguyên đoàn kết chặt chẽ, cộng tác thân mật với các đảng phái, các đoàn thể và nhân sĩ yêu nước trong mặt trận để kháng chiến và kiến quốc¹.

Đảng ta ra hoạt động công khai là sự kiện vô cùng quan trọng, đánh dấu thắng lợi mới của cách mạng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, một bảo đảm để đẩy mạnh cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Cùng với việc củng cố sức mạnh của Đảng, vấn đề tăng cường khối đoàn kết dân tộc, trên cơ sở liên minh công nông và trí thức vững chắc do giai cấp công nhân lãnh đạo được Tổng Bí thư Trường-Chinh hết sức quan tâm.

Sau ba năm chuẩn bị, theo chủ trương của Đảng, từ ngày 3 đến 7-3-1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt đã được tiến hành². Đại hội đã thống nhất tổ chức Việt Minh và Hội Liên Việt thành một

1. Xem: *Việt Nam - 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975)*, *Biên niên sự kiện*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.124.

2. Xem: *Báo Cứu quốc*, ngày 8-3-1951.

Mặt trận lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Mặt trận Liên Việt. Mặt trận bao gồm tất cả các đoàn thể, tôn giáo, đảng phái, các cá nhân yêu nước, nhằm kết chặt khối đại đoàn kết toàn dân.

Tuyên ngôn của Đại hội ghi rõ mục đích của Mặt trận Liên Việt là đánh đuổi thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và trừng trị bọn phản quốc, thực hiện một nước Việt Nam thống nhất, độc lập, dân chủ, tự do, phú cường và gây sức vào bảo vệ hoà bình, dân chủ thế giới.

Trong bài phát biểu tại Đại hội về “Chính sách Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng”, đồng chí Trường - Chinh phân tích: Mặt trận của chúng ta là Mặt trận dân tộc không phải là Mặt trận nhân dân. Mặt trận dân tộc thống nhất của ta là khối đoàn kết giữa bốn giai cấp trong nhân dân: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc và một số địa chủ yêu nước, dựa trên cơ sở liên minh công nông... Chính sách của mặt trận dựa trên nguyên tắc: đoàn kết thành thật, nhân nhượng lẫn nhau, hợp tác lâu dài, giúp nhau cùng tiến bộ. Đồng chí cho rằng: Muốn đoàn kết phải nhân nhượng lẫn nhau, nhưng nhân nhượng phải có nguyên tắc, tức là lấy lợi ích của cách mạng, quyền lợi của nhân dân làm tiêu chuẩn. Nhân nhượng cốt nâng cao ý thức cách mạng của quần chúng nhân dân, làm cho đại đa số nhân dân hăng hái, tích cực tham gia kháng chiến, kiến quốc và sự liên minh của

các tầng lớp nhân dân trong Mặt trận không phải bằng lời nói suông mà phải bằng hành động chung nếu không sẽ không thành mặt trận. Muốn hành động chung, Mặt trận cần có một Cương lĩnh chung dựa trên cơ sở dân tộc độc lập và dân chủ nhân dân. Sau khi nêu lên những nhiệm vụ trước mắt của Mặt trận ở Việt Nam, đồng thời chỉ rõ mối quan hệ giữa các Mặt trận dân tộc thống nhất ở Đông Dương, đồng chí Trường-Chinh xác định: Về tổ chức thì mỗi mặt trận có tổ chức độc lập của mình, nhưng hành động theo một cương lĩnh tối thiểu chung chống đế quốc, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ, hợp tác với nhau, tôn trọng lẫn nhau. Bên trên có thể tổ chức một cơ quan liên lạc của ba mặt trận.

Những tư tưởng chỉ đạo của Tổng Bí thư Trường-Chinh là một cơ sở quan trọng cho sự thống nhất mặt trận ở nước ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Cùng với đường lối kháng chiến được xây dựng trên mọi lĩnh vực, việc thống nhất mặt trận dân tộc làm cho lực lượng cách mạng nước ta phát triển lên một tầm cao mới.

Trung tuần tháng 3-1951, để triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ II của Đảng và giải quyết một số công tác cấp bách trước mắt, dưới sự chủ tọa của Tổng Bí thư Trường Chinh, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương phân tích tình hình và đề ra những nhiệm vụ trước mắt; quyết định về những vấn đề quân sự, kinh tế tài chính, về vấn đề bảo

vệ hòa bình thế giới và về bộ máy và lề lối làm việc của Trung ương Đảng¹.

Từ ngày 27 tháng 9 đến 5-10-1951, để tiếp tục hoàn chỉnh và cụ thể hoá đường lối kháng chiến, kiến quốc trong năm 1951-1952, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương đã họp và ra Nghị quyết *Về tình hình và nhiệm vụ chung* và *Về nhiệm vụ quân sự trước mắt*. Hội nghị xác định: Căn cứ vào tình hình của địch và ta, để đẩy cuộc kháng chiến tiến mạnh trong thời gian tới, phải làm ba nhiệm vụ là:

"- ... *ra sức tiêu diệt sinh lực của địch* tiến tới giành ưu thế quân sự, phá kế hoạch phòng ngự của địch ở trung châu Bắc Bộ.

- ... *ra sức phá âm mưu của địch: lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt*.

- ... củng cố và phát triển sức kháng chiến của toàn quốc, toàn dân, củng cố và phát triển đoàn kết"².

Các nhiệm vụ lớn này có liên quan mật thiết với nhau, bao trùm toàn bộ công tác của Đảng: quân sự, công tác ở vùng tạm bị chiếm và vùng du kích, công tác kinh tế tài chính, tuyên huấn - văn giáo, mặt trận và dân vận, bảo vệ hòa bình thế giới và công tác đảng...

1. Quyết định về bộ máy và lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Kiểm tra, Trung ương Cục miền Nam, các cơ quan giúp việc Trung ương và lề lối lãnh đạo.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.575-576.

Tiếp sau Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương, từ ngày 22 đến 28-4-1952, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp nhằm đẩy mạnh chuẩn bị tổng phản công. Hội nghị hoàn toàn tán thành ba nhiệm vụ lớn được xác định từ Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương và được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra: “Đánh địch về mặt quân sự và chính trị là để tiêu hao lực lượng địch. Tăng gia sản xuất và tiết kiệm là để nuôi dưỡng lực lượng ta; mà phải nuôi dưỡng lực lượng ta để tiêu diệt lực lượng địch. Cho nên ba nhiệm vụ ấy phải cùng tiến hành với nhau”¹.

Để hoàn thành ba nhiệm vụ lớn trên, Hội nghị xác định bốn công tác chính là: Thực hiện kế hoạch tăng gia sản xuất và tiết kiệm; Giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh vùng sau lưng địch; Chấn chỉnh quân đội và Chỉnh Đảng. Trong thời gian này, để đẩy mạnh kháng chiến, Đảng ta coi công tác chỉnh Đảng, chỉnh quân là công tác trung tâm.

Tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương, Tổng Bí thư Trường-Chinh trình bày bản báo cáo “Mặt trận dân tộc thống nhất và vấn đề đại đoàn kết”. Nhắc lại những quan điểm, chính sách lớn của Đảng về Mặt trận và về đại đoàn kết dân tộc đã được trình bày ở

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.165.

Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt, Tổng Bí thư khẳng định: “Chính sách Mặt trận dân tộc thống nhất là một trong những chính sách lớn của Đảng. *Mặt trận dân tộc thống nhất* là một trong những cái quyết định thắng lợi của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Mặt trận Liên Việt là một trong những trụ cột của Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Việt Nam; đồng thời là một bộ phận của khối liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào của Mặt trận hoà bình, dân chủ thế giới”¹.

Đồng chí Trường-Chinh cho rằng, vấn đề Mặt trận dân tộc thống nhất là vấn đề bạn đồng minh của giai cấp công nhân và “tranh thủ quần chúng, kiếm thêm nhiều bạn đồng minh cho giai cấp công nhân là một vấn đề quan trọng vào bậc nhất của ta”². Để Mặt trận dân tộc thống nhất kháng chiến ngày càng phát triển sâu rộng, Mặt trận đó phải “*đặt trên cơ sở vững chắc của khối công nông liên minh và dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng*”³.

Cùng với việc chỉ rõ những luận điểm hết sức quan trọng và cơ bản của Đảng ta về vấn đề mặt trận dân tộc thống nhất và vấn đề đại đoàn kết, đồng chí Trường-Chinh đã phê phán những nhận thức mơ hồ, coi nhẹ Mặt trận, từ đó “sinh ra nhiều khuynh hướng sai lầm trong khi thi hành chính sách Mặt trận của Đảng”, trong đó sai lầm, “khuyết điểm chính là *không chú trọng*

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.76,77,79.

củng cố công nông liên minh,... đoàn kết mà quên đấu tranh". Đồng chí cho rằng để chấn chỉnh những khuyết điểm, yếu kém đó, để tăng cường công tác Mặt trận, "cần chỉnh đốn tư tưởng cán bộ trước"¹.

Những luận điểm của Tổng Bí thư nêu lên trong bản báo cáo "*Mặt trận dân tộc thống nhất và vấn đề đại đoàn kết*" đã góp phần quan trọng khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong tư duy và hành động về xây dựng mặt trận và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, qua đó, thực hiện thống nhất hành động giữa các đoàn thể và cá nhân theo một chương trình chung của Mặt trận, nâng cao vai trò lãnh đạo và tác phong công tác của Đảng đối với Mặt trận, tăng cường tập hợp mọi lực lượng dân tộc và dân chủ vào một mặt trận thống nhất để trường kỳ kháng chiến, xây dựng nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường.

Thực hiện Nghị quyết các Hội nghị Trung ương, sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang, nền kinh tế - tài chính phục vụ kháng chiến, vai trò lãnh đạo của Đảng đã được củng cố và tăng cường, nhằm bảo đảm cho các yêu cầu mới của cuộc kháng chiến.

Trong những năm 1951-1953, đi đôi với những thắng lợi về chính trị, mặt trận quân sự cũng giành được nhiều trận thắng lớn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.13, tr. 82.

Tháng 2-1952, chiến thắng của quân và dân ta ở Hoà Bình và các mặt trận vùng sau lưng địch đã giải phóng một vùng rộng lớn liên hoàn ở các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ, làm phá sản ý đồ của thực dân Pháp hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.

Mùa Thu 1952, quân ta mở chiến dịch Tây Bắc nhằm ba mục đích: tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đồng bào Tây Bắc khỏi ách áp bức bóc lột, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn. Phối hợp với chiến trường chính Tây Bắc, quân ta còn mở các mặt trận ở đồng bằng và các tỉnh vùng sau lưng địch.

Cuối năm 1952, chiến dịch kết thúc thắng lợi. Chiến thắng Tây Bắc có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, giải phóng hầu hết khu Tây Bắc rộng lớn, một vùng chiến lược quan trọng, phá tan âm mưu lập “Xứ Thái tự trị” của thực dân Pháp.

Cùng với đà thắng lợi về quân sự, nhân dân ta cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng về mặt kinh tế. Phong trào tăng gia sản xuất được đẩy mạnh. Một nền kinh tế kháng chiến của nhân dân được xây dựng.

Xây dựng và tăng cường lực lượng kháng chiến là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Chính vì vậy, chủ trương thi hành chính sách giảm tô, giảm tức và nhiều chính sách khác nhằm hạn chế dần sự bóc lột của giai cấp địa chủ

phong kiến, cải thiện một phần đời sống nông dân - thành phần chủ yếu của lực lượng vũ trang lúc đó - đã được thực hiện.

Tuy nhiên, cuộc kháng chiến càng phát triển, những biện pháp giảm tô, giảm tức là không đủ để bồi dưỡng sức dân, tăng cường lực lượng. Do đó, vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, Đảng ta đã quyết định thực hiện cải cách ruộng đất tại một số nơi thuộc vùng tự do ở Việt Bắc, Liên khu IV, mở đầu cho các đợt cải cách ruộng đất sau này.

Bước vào năm 1953, trước những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên khắp các chiến trường, một cục diện mới được mở ra ngày càng có lợi cho ta và bất lợi cho thực dân Pháp. Điều đó đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với việc tăng cường tiềm lực mọi mặt lớn hơn nữa nhằm phục vụ cuộc kháng chiến đang trên đà thắng lợi.

Trước tình hình đó, từ ngày 25 đến 30-1-1953, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ tư.

Tại Hội nghị này, tiếp sau báo cáo về "Tình hình trước mắt và nhiệm vụ cải cách ruộng đất" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường-Chinh đọc báo cáo nêu rõ mục đích, ý nghĩa, phương châm, phương pháp và kế hoạch thực hiện chính sách cải cách ruộng đất. Đồng chí chỉ ra nhiệm vụ cụ thể trước mắt trong năm 1953 là phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chuẩn bị để sang năm 1954 sẽ tiến hành cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

Theo đề nghị của Tổng Bí thư Trường-Chinh, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương tập trung thảo luận công tác phát động quần chúng thực hiện giảm tô, giảm tức trong năm 1953 và thảo luận, góp ý cho *Dự thảo Cương lĩnh cải cách ruộng đất*.

Từ ngày 25 tháng 2 đến 1-3-1953, Ban Thường trực Quốc hội và Ủy ban Liên Việt toàn quốc đã họp Hội nghị liên tịch, nghiên cứu, thảo luận báo cáo “Phóng tay phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất” do đồng chí Trường-Chinh trình bày và đã nhất trí thông qua Nghị quyết về phát động quần chúng thực hiện chính sách này.

Sau khi *Dự thảo Cương lĩnh cải cách ruộng đất* được thảo luận trong toàn Đảng, được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tham gia góp ý, từ ngày 14 đến ngày 23-11-1953, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất (khóa II) của Đảng được triệu tập để bàn về cải cách ruộng đất.

Trên cơ sở nhất trí với báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Tình hình trước mắt và nhiệm vụ cải cách ruộng đất”, đồng chí Trường-Chinh đã trình bày báo cáo “Thực hiện cải cách ruộng đất”, làm rõ về nguyên nhân phải tiến hành cải cách ruộng đất, nội dung chính sách cải cách ruộng đất và phương pháp thực hiện cải cách ruộng đất ở nước ta trong điều kiện kháng chiến. Đồng chí chỉ rõ, chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ ta nhằm xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của thực

dân, phong kiến, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng; giải phóng sức sản xuất khỏi quan hệ phong kiến, tạo điều kiện phát triển các lĩnh vực sản xuất, xây dựng cơ sở kinh tế dân chủ nhân dân; cải thiện đời sống nông dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến; đập tan uy thế chính trị của địa chủ phong kiến, thực hiện ưu thế chính trị của nông dân, chinh đồn các tổ chức dân, quân, chính, Đảng. Việc thực hiện cải cách ruộng đất phải căn cứ vào tình hình cụ thể của cuộc kháng chiến, của từng địa phương để tiến hành theo ba bước:

"1. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian, chia lại ruộng công và sử dụng ruộng vắng chủ; tập trung mũi nhọn của chính sách ruộng đất vào bọn đế quốc và bè lũ phong kiến phản động nhất.

2. Giảm tô, giảm tức, hoãn nợ và xoá nợ, làm yếu thế lực kinh tế và bước đầu hạ uy thế chính trị của giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn, bước đầu bồi dưỡng lực lượng nông dân lao động.

3. Cải cách ruộng đất, xoá bỏ quyền phong kiến chiếm hữu ruộng đất, tiêu diệt thế lực chính trị của phong kiến, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng và nông dân lao động hoàn toàn làm chủ nông thôn"¹.

Ba bước trên có quan hệ biện chứng, tác động hữu cơ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.392.

lẫn nhau, “Bước thứ nhất chuẩn bị cho bước thứ hai, bước thứ hai chuẩn bị cho bước thứ ba”¹.

Phương pháp, phương châm của công tác phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất; vấn đề phân hoá giai cấp địa chủ; tập hợp mọi lực lượng chống phong kiến trong phát động quần chúng; vấn đề phân định thành phần giai cấp; chỉ rõ phạm vi cải cách ruộng đất ở những nơi có đủ điều kiện cũng được xác định rõ ràng². Vấn đề phát động quần chúng phải có kế hoạch, làm từng bước, có trật tự, có lãnh đạo; công tác chuẩn bị phải kỹ về mọi mặt (chuẩn bị chính sách; chuẩn bị tư tưởng; chuẩn bị tổ chức - kể cả chuẩn bị cán bộ); vấn đề giúp đỡ nông dân đẩy mạnh sản xuất sau cải cách ruộng đất, trong đó chú trọng ổn định quan hệ sản xuất mới ở nông thôn; giúp nông dân giải quyết khó khăn về sản xuất; vận động nông dân phát triển các tổ chức tổ đổi công, tổ sản xuất, và xã dân tín dụng; kế hoạch hướng dẫn cho nông dân sản xuất, giúp đỡ cải tiến kỹ thuật... cũng được chỉ ra.

Đồng chí Trường-Chinh xác định “mục đích của Đảng trong việc lãnh đạo nhân dân là do phát động quần chúng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.392-392.

2. Ba điều kiện là: tình hình chính trị và quân sự ổn định; đa số quần chúng thật sự yêu cầu; có đủ cán bộ để lãnh đạo cuộc phát động quần chúng. Theo sách: Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.II, tr.373.

thực hiện cải cách ruộng đất mà phát huy lực lượng to lớn của nông dân, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến. Song phải nhằm *đưa nông dân vào con đường xã hội chủ nghĩa* vì chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho nông dân được hoàn toàn giải phóng khỏi chế độ người bóc lột người và khỏi phương thức sản xuất lạc hậu”¹. Vì vậy, phải củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong cải cách ruộng đất, “phải thật sự chinh đốn chi bộ của Đảng ở nông thôn, khắc phục tư tưởng coi thường việc xây dựng chi bộ trong cải cách ruộng đất” và “*Tăng cường lãnh đạo và rèn luyện cán bộ trong cải cách ruộng đất*”². Trong công tác lãnh đạo cần đặc biệt chú ý, phải làm thế nào để vừa tiến hành cải cách ruộng đất thành công, vừa tiến hành mọi công tác kháng chiến được thuận lợi, đó là việc chinh đốn những tư tưởng sai lầm về cải cách ruộng đất (chống tư tưởng hữu khuynh và tả khuynh); lãnh đạo phong trào theo vết dầu loang và tiến hành từng đợt một; kết hợp công tác cải cách ruộng đất với các công tác khác; thành lập những uỷ ban cải cách ruộng đất từ trung ương đến tỉnh và “có nhiệm vụ thi hành Luật cải cách ruộng đất của Quốc hội và chỉ đạo cụ thể phong trào quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất”³.

Đồng chí Trường-Chinh kết luận: “Cải cách ruộng đất là tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến có từ hàng

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.444, 445, 453.

ngàn năm nay ở nước ta, là giải phóng hàng chục triệu nông dân nước ta khỏi ách địa chủ phong kiến, giải phóng lực lượng sản xuất ở nông thôn, tạo điều kiện cho kinh tế quốc dân phát triển, bảo đảm cung cấp cho kháng chiến, là phá tan cơ sở xã hội của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta, củng cố hậu phương của ta, củng cố liên minh công nông, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và mở rộng mặt trận, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân. Cũng như cuộc kháng chiến, cải cách ruộng đất sẽ thay đổi hẳn bộ mặt của xã hội Việt Nam; nó sẽ làm cho nông thôn nước ta đổi mới và xã hội Việt Nam tiến một bước dài trên con đường dân chủ nhân dân, con đường sẽ dẫn ta đến chủ nghĩa xã hội. Cải cách ruộng đất là một sự nghiệp vĩ đại hợp với quy luật phát triển của xã hội Việt Nam ta, hợp với nguyện vọng của toàn dân ta.

Phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất là mở một chiến dịch rộng lớn chống phong kiến, đồng thời là một cuộc rèn luyện lớn đối với toàn thể cán bộ và đảng viên chúng ta. Toàn đảng phải thống nhất ý chí và hành động để quyết thắng trong chiến dịch đó và trưởng thành nhanh chóng trong cuộc rèn luyện đó”¹.

Hội nghị Trung ương lần thứ năm và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất (khoá II) của Đảng đã nhất trí thông

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.455-456.

qua *Cương lĩnh ruộng đất*¹, đường lối chung của Đảng ở nông thôn, phương châm cải cách ruộng đất, chính sách tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất, nhằm xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến, chia ruộng đất cho nông dân.

Chủ trương cải cách ruộng đất, *Cương lĩnh ruộng đất* của Đảng đã được Ủy ban Liên Việt toàn quốc tán thành.

Ngày 4-12-1953, Quốc hội khoá I, kỳ họp thứ ba đã nhất trí thông qua *Luật cải cách ruộng đất*².

1. Cương lĩnh của Đảng Lao động Việt Nam về vấn đề ruộng đất ghi: “Để cải thiện đời sống của nông dân, để đẩy mạnh kháng chiến, đánh đuổi đế quốc Pháp, can thiệp Mỹ, đánh đổ nguy quyền, hoàn toàn giải phóng dân tộc... giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mở đường cho công thương nghiệp phát triển, lợi cho kháng chiến và kiến quốc... phải xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng”. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.499.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ trình bày trước Quốc hội bản báo cáo về “Tình hình trước mắt và nhiệm vụ cải cách ruộng đất” nêu rõ: “Then chốt thắng lợi của kháng chiến là *củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất*, củng cố công nông liên minh, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố và phát triển *quân đội*, củng cố *Đảng* và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, về mọi mặt. Chỉ có phát động quần chúng cải cách ruộng đất, ta mới tiến hành những công việc đó được thuận lợi”. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.179.

Ngày 19-12-1953, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký Sắc lệnh số 197/SL ban bố *Luật cải cách ruộng đất*¹.

Thực hiện nhiệm vụ trung tâm đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thành lập Ủy ban cải cách ruộng đất gồm các đồng chí: Trường-Chinh (Trưởng ban), Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương và Hồ Viết Thắng.

Từ tháng 4-1953 đến tháng 7-1954, Đảng lãnh đạo nông dân tiến hành năm đợt đấu tranh thực hiện giảm tô và một đợt đấu tranh thực hiện cải cách ruộng đất ở các vùng tự do. Phù hợp với nguyện vọng của nông dân và toàn thể nhân dân, đồng thời đáp ứng được yêu cầu bức thiết của kháng chiến, chủ trương cải cách ruộng đất trong hai năm 1953-1954 đã thúc đẩy mạnh mẽ tình

1. Luật cải cách ruộng đất có 5 chương, 38 điều khoản. Điều 1 ghi rõ mục đích và ý nghĩa của cải cách ruộng đất là:

Thủ tiêu quyền chiếm hữu ruộng đất của thực dân Pháp và của đế quốc xâm lược khác ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ.

Để thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân;

Để giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và mở đường cho công thương nghiệp phát triển;

Để cải thiện đời sống của nông dân, bồi dưỡng lực lượng của nhân dân- lực lượng của kháng chiến.

Để đẩy mạnh cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, củng cố chế độ dân chủ nhân dân, phát triển công cuộc kiến quốc. *Kỷ họp thứ ba Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, 1954, tr.11.*

thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta, tích cực chi viện cho chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ. Điều đó đã được Tổng Bí thư Trường-Chinh khẳng định tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (tháng 1-1953): “Thi hành cải cách ruộng đất thì sẽ mang lại ảnh hưởng tốt cho kháng chiến, đẩy kháng chiến tiến mạnh”¹.

Có thêm sức mạnh của hậu phương, cuộc chiến đấu của quân và dân ta trên các chiến trường diễn ra với quyết tâm lớn, hiệu suất chiến đấu cao. Những thắng lợi của quân và dân ta ở Hoà Bình, Tây Bắc và các chiến trường khác trên cả nước, cùng với thắng lợi của nhân dân Lào ở Thượng Lào đã đưa tới những thay đổi to lớn về lực lượng so sánh giữa ta và địch.

Đầu năm 1954, trải qua hơn tám năm chiến đấu, lực lượng vũ trang nhân dân của ta đã lớn mạnh không ngừng, bao gồm lực lượng dân quân du kích, bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực.

Ở chiến trường chính, quân ta luôn tập trung được ưu thế binh lực và giữ quyền chủ động tiến công. Hậu phương của ta được mở rộng và củng cố hơn trước; cuộc kháng chiến anh dũng của quân và dân ta tiếp tục nhận được sự cổ vũ về tinh thần và giúp đỡ về vật chất của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.57.

các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Những điều kiện tinh thần và vật chất cho việc giành thắng lợi quyết định cuộc kháng chiến đã được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ vào Đông - Xuân 1953-1954.

Về phía địch, thực dân Pháp bị mắc kẹt trong tình thế nguy ngập. Quân đội viễn chinh Pháp đang sa vào mâu thuẫn giữa tập trung quân và phân tán, giữa tiến công ra vùng tự do và phòng ngự ở vùng chúng kiểm soát, giữa tập trung ra miền Bắc và phân tán chiếm đóng ở miền Nam, giữa bảo vệ Đồng bằng Bắc Bộ và bảo vệ Thượng Lào.

Những khó khăn, bế tắc về kinh tế - xã hội trong nội bộ nước Pháp cũng phát triển song song với thất bại về quân sự trên các chiến trường, làm nhụt ý chí xâm lược của giới cầm quyền Pháp. Mùa Hè 1953, Chính phủ Pháp mưu tính một giải thoát “danh dự” để thoát khỏi cuộc chiến tranh Đông Dương - bên cạnh biện pháp quân sự, tính đến biện pháp thương lượng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhưng là phải thương lượng trên thế mạnh quân sự.

Tháng 5-1953, Chính phủ Pháp cử H.Nava làm Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Hội đồng Chính phủ và Hội đồng Quốc phòng Pháp thông qua kế hoạch quân sự Nava nhằm thực hiện ý đồ “chuyển bại thành thắng”.

Về phía ta, ngay từ Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp

hành Trung ương (tháng 1-1953), Đảng đã vạch rõ “Phương hướng chiến lược của ta là tạm thời “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu” để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do. Như thế để tạo điều kiện hoàn toàn giải phóng Bắc Bộ”¹.

Trên cơ sở đó, Trung ương Đảng xác định phương hướng tác chiến theo cách chủ động đáp ứng yêu cầu phát triển của kháng chiến “quân đội ta phải đánh địch ở những nơi địch sơ hở, đồng thời phải hoạt động mạnh sau lưng địch”².

Phương châm tác chiến của quân chủ lực được nêu rõ: Vận động chiến là chính, công kiên chiến là phụ. Trên chiến trường sau lưng địch ở Bắc Bộ và các chiến trường ở Trung và Nam thì du kích chiến là chính. Trong báo cáo trình bày tại hội nghị, Tổng Bí thư Trường-Chinh giải thích rõ phương châm chỉ đạo kháng chiến của Đảng: Ta không chủ quan, khinh địch, không nóng vội, không mạo hiểm. Đánh ăn chắc, tiến ăn chắc. Chắc thắng thì kiên quyết đánh cho kỳ thắng. Không chắc thắng thì kiên quyết không đánh. Nếu chủ quan, mạo hiểm mà một lần thua nặng, thì sẽ tai hại lớn.

Một trong những nhân tố quyết định để thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự trên là ra sức tăng cường quân đội

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.130.

ta về mọi mặt: về xây dựng và tác chiến cũng như về công tác chính trị, tham mưu và cung cấp. Phải đặc biệt chú trọng công tác chính trị, nâng cao giác ngộ chính trị cho cán bộ và chiến sĩ về ý thức giai cấp, về nhiệm vụ cách mạng của quân đội nhân dân. Đồng thời, phải rất coi trọng lãnh đạo công tác cung cấp, công tác giao thông vận tải và quyết định thành lập Hội đồng cung cấp mặt trận.

Cùng với việc tổ chức chỉnh huấn chính trị, chỉnh đốn tổ chức quân đội, Trung ương Đảng chỉ đạo công tác làm cầu đường và giao thông vận tải.

Các chủ trương và biện pháp chỉ đạo trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều hướng vào thực hiện khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”. Các hoạt động đó thể hiện tính chủ động, sẵn sàng làm thất bại kế hoạch chiến tranh mới của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Hạ tuần tháng 9-1953, khi biết được kế hoạch Nava, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã báo cáo kế hoạch của địch với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và nhận được ý kiến chỉ đạo của Người: Địch muốn chủ động, ta buộc chúng phải lâm vào bị động. Địch muốn tập trung quân cơ động thì ta có kế hoạch buộc chúng phải phân tán ra mà đánh.

Ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh được quán triệt trong quá trình hoạch định kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tham mưu để phá kế hoạch Nava.

Cuối tháng 9-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị đã họp tại Tỉn Keo (Điểm Mặc, Định Hoá, Thái Nguyên), để bàn về nhiệm vụ quân sự Đông Xuân 1953-1954. Bộ Chính trị đã đi đến kết luận chủ trương tác chiến Đông - Xuân 1953-1954 là sử dụng một bộ phận chủ lực mở các cuộc tiến công vào những hướng địch sơ hở, đồng thời tranh thủ cơ hội tiêu diệt địch ở những hướng địch có thể đánh sâu vào vùng tự do của ta; trong lúc đó, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp các chiến trường sau lưng địch và tích cực tiến hành mọi sự chuẩn bị cần thiết trong nhân dân và bộ đội địa phương, dân quân du kích các vùng tự do để cho chủ lực rảnh tay làm nhiệm vụ.

Trong tình hình chiến trường lúc bấy giờ, Bộ Chính trị vừa xác định phương châm chung cho hoạt động quân sự của ta là “tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”, vừa xác định cụ thể các nguyên tắc chỉ đạo chiến lược và tác chiến: tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta; đánh ăn chắc, đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt; chọn nơi địch sơ hở mà đánh, chọn nơi địch tương đối yếu mà đánh; giữ vững chủ động, kiên quyết buộc địch phải phân tán lực lượng.

Ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị xem xét và quyết định phương án tác chiến tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ do Tổng Quân uỷ báo cáo. Bản báo cáo nêu rõ chiến dịch này có nhiều khó khăn, cần ráo riết

tập trung lực lượng mới làm kịp, hoàn thành được chiến dịch thì thắng lợi này sẽ là một thắng lợi rất lớn.

Tiếp đó, Tổng quân uỷ trình bày cụ thể nhu cầu sử dụng binh lực, số lượng dân công, lương thực, thực phẩm, kế hoạch làm đường và phương tiện vận chuyển; thời gian tác chiến ở Điện Biên Phủ ước độ 45 ngày. Báo cáo nhấn mạnh: ta có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện chủ trương của Trung ương, nhưng đồng thời cũng có nhiều khó khăn, khó khăn lớn nhất vẫn là vấn đề cung cấp, mà chủ yếu là vấn đề đường sá.

Phương án tác chiến trên được Bộ Chính trị nhất trí thông qua và chỉ đạo gấp rút thực hiện. Có thể thấy quyết định trên thể hiện rõ quyết tâm của cấp lãnh đạo cao nhất theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc” để giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 1-1-1954, Bộ Chính trị đã chỉ đạo thành lập cơ quan lãnh đạo và chỉ huy chiến dịch do Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh quân đội làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng uỷ chiến dịch.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, trên các chiến trường, hậu phương và vùng sau lưng địch, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân dốc sức tiến hành nhiều hoạt động tổ chức lực lượng, huy động sức người, sức của với tinh thần quyết tâm giành thắng lợi tại chiến dịch Điện Biên Phủ.

Cùng với năm mũi tiến công lớn, ta tiến hành nhiều

hoạt động tiến công địch trên khắp các chiến trường và thu nhiều thắng lợi, buộc Nava phải lún sâu vào thế bị động, phân tán lực lượng để đối phó.

Từ cuối tháng 11-1953, công tác chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ rất dồn dập và khẩn trương. Ngày 26-11-1953, một bộ phận tiên phương Bộ Tổng tư lệnh lên Lai Châu nghiên cứu tình hình chiến trường, chuẩn bị phương án tác chiến. Ngày 9-12-1953, đồng chí Hoàng Văn Thái, Phó Tổng tham mưu trưởng, phụ trách tham mưu cùng cố vấn tham mưu Trung Quốc - Mai Gia Sinh và một số cán bộ bàn cách đánh, sau khi xem xét thuận lợi, khó khăn về nhiều mặt, đã nhất trí chọn phương án đánh nhanh thắng nhanh. Dự kiến sẽ đánh trong ba đêm hai ngày.

Ngày 5-1-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên đường tới Điện Biên Phủ. Trước lúc ra trận, Đại tướng đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người dặn: Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thì không đánh.

Chiều ngày 12-1-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tới Sở Chỉ huy ở hang Thảm Púa và triệu tập Hội nghị Đảng uỷ mặt trận. Tại Hội nghị, các đảng uỷ viên đều nhất trí chọn phương án đánh nhanh thắng nhanh với lý do quân ta đang sung sức, quyết tâm cao, có trọng pháo, cao xạ tham gia chiến đấu, việc cung cấp hậu cần có thể đáp ứng được nhu cầu chiến dịch... Còn đánh dài

ngày, sẽ gặp nhiều khó khăn về cung cấp lương thực, thực phẩm.

Đại tướng không tán thành ý kiến đó, bởi cách đánh nhanh, thắng nhanh chưa đủ cơ sở để thực hiện phương châm “chắc thắng mới đánh” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn kỹ và phương án tác chiến đã được Bộ Chính trị thông qua ngày 6-12-1953.

Ngày 26-1-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề nghị chuyển phương châm tác chiến “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” và được Bộ Chính trị đồng ý¹. Chuyển từ cách đánh ba đêm hai ngày sang cách đánh mới dài ngày kéo theo biết bao khó khăn, nhất là việc huy động lương thực, nhân lực vận chuyển để cung cấp cho hàng vạn chiến sĩ và dân công mà Đảng, Chính phủ và nhân dân phải gắng sức thực hiện.

Lãnh đạo thực hiện phương án đánh chắc, tiến chắc trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường-Chinh và Trung ương Đảng hết sức quan tâm chỉ đạo quân đội, các ngành, các địa phương hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến dịch.

Ngày 8-2-1954, Bộ Chính trị ra Chỉ thị động viên quân đội và nhân dân tiếp tục đánh giặc và phục vụ tiền tuyến. Về nhiệm vụ của quân đội, chỉ thị xác định: “Đảng

1. Xem: *Quân đội nhân dân Việt Nam - Biên niên sự kiện*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 127-128.

ủy và cán bộ chỉ huy các cấp của quân đội phải nhận rõ tình hình, thấm nhuần sâu sắc chủ trương quân sự của Trung ương, nhận rõ nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang của quân đội, phát huy truyền thống khắc phục khó khăn, vượt mọi gian khổ, liên tục chiến đấu anh dũng, ra sức thực hiện chủ trương quân sự của Trung ương và kế hoạch tác chiến của Tổng Quân ủy cho được thắng lợi”¹.

Đối với đảng ủy các cấp, Bộ Chính trị nêu rõ các nhiệm vụ phải lãnh đạo thực hiện: “cần phải nhận rõ chủ trương quân sự của Trung ương, phải đặt nhiệm vụ tác chiến và phục vụ tiền tuyến là nhiệm vụ trung tâm thứ nhất trong mọi công tác lúc này và phải quyết tâm huy động nhân lực, vật lực để phục vụ tiền tuyến. Đồng thời kết hợp chặt chẽ việc phục vụ tiền tuyến với việc phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất và việc tăng gia sản xuất”².

Ngày 22-2-1954, Tổng Bí thư Trường-Chinh thay mặt Bộ Chính trị ra Chỉ thị "Ra sức phá tan mưu mô đẩy mạnh chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp - Mỹ", nhấn mạnh: *"Công tác trung tâm trước mắt của toàn thể quân và dân ta là tập trung lực lượng đánh thắng địch trong những trận sắp tới, tiêu diệt nhiều sinh lực địch hơn nữa"*³.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.15, 32.

Ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tấn công địch tại Điện Biên Phủ.

Ngày 15-3-1954, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện động viên, khích lệ tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ tại mặt trận Điện Biên Phủ, nêu rõ: “Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng.

Địch sẽ ra sức đối phó, ta phải cố gắng, chiến đấu dẻo dai, bền bỉ, chủ quan khinh địch, quyết giành toàn thắng cho chiến dịch này”¹.

Sau khi đợt 1 (từ ngày 13 đến 17-3-1954) của chiến dịch kết thúc thắng lợi, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Trường-Chinh ra Chỉ thị "Về việc mở rộng tuyên truyền những chiến thắng của quân ta ở Điện Biên Phủ" để nhân đà chiến thắng quân sự đẩy mạnh các công tác khác. Thực hiện chỉ thị, các cấp uỷ và ban tuyên huấn các cấp, cùng với Việt Nam Thông tấn xã và các báo chí của Đảng đã xây dựng kế hoạch mở rộng tuyên truyền, động viên quân và dân ta phấn khởi thi đua đẩy mạnh các hoạt động như: phát triển chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, chống địch bắt lính để phối hợp với chiến trường chính và phục vụ tiền

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 53.

tuyển, phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, ra sức tăng gia sản xuất trên đồng ruộng, trong nhà máy, tích cực cải tiến công tác ở các cơ quan...

Những thắng lợi ban đầu ở Điện Biên Phủ đã khuyến khích mạnh mẽ bộ đội và dân công ở các mặt trận phấn khởi thi đua giết giặc, lập công.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng nảy sinh một số khuyết điểm trong đội ngũ cán bộ như: chủ quan khinh địch, tự mãn, ngại thương vong; công tác tuyên truyền và lãnh đạo công tác này của cấp uỷ các cấp cũng có nhiều khuyết điểm, hạn chế cần phải chỉnh đốn.

Trước tình hình đó, để bảo đảm cho tinh thần quyết thắng được phát huy cao độ, sự chắc thắng của mỗi trận đánh và toàn chiến dịch được bảo đảm, Tổng Bí thư Trường-Chinh cùng Bộ Chính trị thường xuyên theo dõi, quan tâm chỉ đạo sát sao và có những chỉ thị chấn chỉnh, uốn nắn những lệch lạc, yếu kém trong công tác lãnh đạo và trong các mặt hoạt động. Công tác phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến tiếp tục nhận được sự chỉ đạo sâu sát của đồng chí Tổng Bí thư. Đến giữa tháng 3-1954, cuộc vận động giảm tô đợt 3 đã căn bản hoàn thành; các mặt kinh tế, chính trị, tổ chức, tư tưởng đều thu được những thắng lợi lớn. Trình độ tư tưởng và lãnh đạo của cán bộ đã được nâng cao một bước tạo điều kiện thuận lợi cho đợt 4 phát động quần chúng giảm tô.

Ngày 20-3-1954, đợt 4 cuộc vận động phát động quần chúng giảm tô tiếp tục được mở rộng và tác động tích cực hơn nữa vào cuộc chiến đấu của quân và dân ta ngoài mặt trận, Tổng Bí thư Trường-Chinh đã ký Chỉ thị "Về mấy vấn đề cần chú ý trong phát động quần chúng giảm tô đợt 4". Chỉ thị đánh giá những thành tích đạt được qua ba đợt vận động giảm tô, nêu rõ những hạn chế, khuyết điểm như tự mãn, chủ nghĩa kinh nghiệm, sợ khó khăn, gian khổ,... và yêu cầu các cấp uỷ và các đoàn uỷ công tác quần chúng phải nắm vững việc tăng cường lãnh đạo tư tưởng cán bộ; giáo dục cho cán bộ quan điểm giai cấp vững vàng; tăng cường sự lãnh đạo của khu uỷ, tỉnh uỷ và đoàn uỷ, làm cho phong trào ở địa phương tránh được những khuyết điểm, sai lầm để phát triển đều và thu được nhiều thành tích, trở thành động lực quan trọng cho các chiến sĩ đang cầm súng và phục vụ chiến đấu trên các chiến trường, đặc biệt là ở Điện Biên Phủ. Chỉ thị yêu cầu các tỉnh uỷ và đoàn uỷ đều phải tăng cường công tác kiểm tra, tăng cường chế độ báo cáo và xin chỉ thị. Khu và tỉnh uỷ phải nắm vững tình hình để phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề mới.

Trong tháng 3-1954, Bộ Chính trị còn có Chỉ thị "Về vấn đề đẩy mạnh công tác ở vùng địch tạm chiếm", như đấu tranh chống chiến tranh xâm lược, chống bắt lính, bắt phu, vơ vét tài sản của nhân dân; ủng hộ Chính phủ

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đòi độc lập thật sự, ủng hộ lập trường của phái đoàn nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Giơnevơ... Gắn với việc chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các mặt trận, các vùng (tự do, tạm bị chiếm) là việc chỉ đạo kịp thời chấn chỉnh những khuyết điểm, sai lầm trong công tác tuyên huấn của các cấp uỷ đảng nhằm bảo đảm những nhiệm vụ trung tâm của Đảng được thi hành triệt để và đưa cuộc kháng chiến tiến lên giành những thắng lợi mới.

Ngày 19-4-1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết "Về tiếp tục thẩu triệt phương châm đánh chắc, tiến chắc, đề cao quyết tâm tích cực giành toàn thắng cho chiến dịch Điện Biên Phủ". Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của các cấp uỷ, các đảng viên và toàn thể cán bộ là phải "Nhận rõ những thắng lợi của hai đợt tấn công của quân ta vừa qua, nhận rõ những khả năng của quân đội và nhân dân ta hiện nay có đủ điều kiện tiêu diệt toàn bộ quân địch, đồng thời nhận rõ những khó khăn của ta về tư tưởng, về tác chiến, về cung cấp... Nhưng đó là những khó khăn ta hoàn toàn có khả năng khắc phục được.

Ra sức khắc phục tư tưởng hữu khuynh, củng cố và đề cao quyết tâm, đề cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, quân đội và Đảng, kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm vừa qua, tiếp tục thẩu triệt phương châm đánh chắc, tiến chắc, đồng thời tích cực tranh thủ thời gian, triệt để chấp hành mệnh lệnh, vượt qua mọi

khó khăn gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ, giành toàn thắng cho chiến dịch này”¹.

Quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Trường-Chinh, tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị được quán triệt và cụ thể hoá thành nhiệm vụ của các Đảng bộ Liên khu Việt Bắc, Khu Tây Bắc, Liên khu III và IV.

Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị đã động viên cao độ tinh thần quyết chiến quyết thắng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, ở tiền tuyến và hậu phương vào thời điểm cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và sự nghiệp kiến quốc đã phát triển đến trình độ cao. Sự đúng đắn và sáng tạo đó đã phát huy ý chí và quyết tâm chiến đấu của bộ đội trên chiến trường Điện Biên Phủ và các chiến trường phối hợp, đồng thời đã huy động được tối đa sự đóng góp sức người, sức của tại hậu phương phục vụ tiền tuyến; tranh thủ được sự ủng hộ tích cực của nhân dân Miên - Lào và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới.

Các nhân tố chủ quan và khách quan trên đã đưa tới chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta trong trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ, ngày 7-5-1954.

Dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 88.

cương vị Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam, đồng chí Trường-Chinh đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo toàn quân và toàn dân ta giành thắng lợi trong cuộc trường kỳ kháng chiến của dân tộc, mở ra một chương mới cho sự phát triển của cách mạng nước ta.

Chương VI

KHÔI PHỤC MIỀN BẮC VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG MIỀN NAM (1954-1960)

6.1. Chuyển hướng chiến lược

Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân ta chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi. Theo Hiệp định Giơnevơ, nước ta phải tạm chia làm hai miền, sau hai năm sẽ hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Tổ quốc. Cách mạng nước ta bước vào thời kỳ mới với những đặc điểm mới của tình hình quốc tế và trong nước.

Về quốc tế, Mỹ mưu toan thống trị thế giới bằng việc thúc đẩy cuộc chiến tranh lạnh nhằm ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội và tìm cách dập tắt phong trào giải phóng dân tộc. Sau thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ, Việt Nam trở thành một tiêu điểm trong chiến lược của Mỹ.

Ngày 7-7-1954 ở miền Nam, nội các bù nhìn tay sai Ngô Đình Diệm được Mỹ hỗ trợ đã thành lập.

Ngày 8-8-1954, Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đã ra quyết định NSC 5429/2 với nội dung Pháp phải nhanh chóng rút hết quân khỏi miền Nam và phải ủng hộ Diệm; Mỹ trực tiếp viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm không qua Pháp và từng bước thay thế Pháp thực hiện chế độ thực dân mới ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 17-7-1954, Ngô Đình Diệm tuyên bố không hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Ngày 20-10-1955, Diệm tổ chức trưng cầu dân ý phế truất Bảo Đại và lên làm tổng thống.

Với Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng và dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta bắt đầu hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng xã hội mới.

Trước tình hình mới, vấn đề đặt ra cho Đảng là phải xác định một chiến lược cách mạng mới, thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam trong điều kiện kẻ thù của dân tộc đã thay đổi. Trách nhiệm đó thuộc về Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà người đứng đầu là Chủ tịch Đảng Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường-Chinh.

Từ ngày 15 đến 17-7-1954, tại Việt Bắc, trước khi Hội nghị Giơnevơ kết thúc, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương mở rộng được triệu tập và họp

dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã báo cáo về "Tình hình mới và nhiệm vụ mới". Tổng Bí thư Trường Chinh báo cáo về "Để hoàn thành nhiệm vụ mới và đẩy mạnh công tác trước mắt". Hội nghị đã xem xét đánh giá tình hình mới và vạch ra phương châm, chính sách và sách lược đấu tranh cho phù hợp với điều kiện mới của cách mạng nước ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong báo cáo "Tình hình mới và nhiệm vụ mới" nhận định: sau chiến thắng Điện Biên Phủ, thế của ta và địch có nhiều thay đổi; đế quốc Mỹ âm mưu phá hoại Hội nghị Giơnevơ, tìm cách hất cẳng Pháp để độc chiếm Đông Dương, biến nhân dân ba nước Đông Dương thành nô lệ của chúng. Bởi vậy, "mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ. Bất kỳ người nào, nước nào không thân Mỹ đều có thể làm mặt trận thống nhất (dù là tạm thời) với ta"¹.

Người nêu lên ba nhiệm vụ chính là:

"1. Tranh thủ và củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc.

2. Tăng cường lực lượng quân đội nhân dân, xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ và thích hợp với yêu cầu của tình thế mới.

3. Tiếp tục thực hiện người cày có ruộng; ra sức phục hồi sản xuất, chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà"².

1, 2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, *Sđd*, t.7, tr.319, 318.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ mười công tác¹ cụ thể nhằm thực hiện thành công các nhiệm vụ lớn của Đảng trong giai đoạn mới.

Trong báo cáo “Để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt”, Tổng Bí thư Trường-Chinh bổ sung một số ý kiến về nhận định tình hình mới và nhiệm vụ công tác mới... đồng thời đề ra phương châm lãnh đạo để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt. Nhắc lại mười công tác mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra, đồng chí Trường-Chinh lần lượt nêu lên phương châm và nội dung tóm tắt của những công tác đó. Theo Tổng Bí thư, những công tác này là “dựa trên

1. Mười công tác đó là:

1. Thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân về tình hình và nhiệm vụ mới.

2. Tăng cường lãnh đạo đấu tranh ngoại giao.

3. Ra sức tăng cường lực lượng của quân đội nhân dân.

4. Tiếp thu vùng mới giải phóng, đặc biệt là tiếp thu và quản lý các thành thị.

5. Chuyển hướng công tác trong vùng địch tạm đóng quân.

6. Tiếp tục củng cố vùng tự do cũ.

7. Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất.

8. Tăng cường công tác kinh tế tài chính và chuẩn bị điều kiện để kiến quốc.

9. Giúp đỡ Pathét Lào và Khơme.

10. Tiếp tục chỉnh Đảng và cải tạo Đảng trong vùng mới giải phóng.

Theo sách: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.318-319.

hai khả năng phát triển của tình hình Đông Dương: một là hoà bình có thể lập lại, hai là chiến tranh có thể mở rộng và kéo dài”¹.

Để làm tròn những nhiệm vụ mới, đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh việc “phải ra sức tuyên truyền giải thích cho toàn Đảng hiểu rõ tình hình mới và nhiệm vụ mới, làm cho *toàn Đảng thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động*”. Do vậy, cần tăng cường công tác tuyên truyền và “chỉnh đốn những tư tưởng sai lầm tả khuynh, hữu khuynh để đề cao sức chiến đấu và tinh thần nhất trí của toàn Đảng”². Do vậy, phải tiến tới ra báo *Nhân dân* hàng ngày và Trung ương cần tăng cường lãnh đạo tờ báo này để nó làm tròn nhiệm vụ thống nhất tư tưởng và trở thành một vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chính trị phức tạp trước mắt.

Về ngoại giao, cần phải tránh tả khuynh, đặt yêu cầu quá cao cho cuộc đấu tranh ngoại giao, làm cho các cuộc đàm phán bị bế tắc. Nhưng cũng phải chống hữu khuynh, nhượng bộ cho địch quá mức, làm cho nhân dân chán nản và kẻ địch được đằng chân lân đằng đầu. Những nguyên tắc căn bản về đấu tranh ngoại giao của ta phải thực hiện là:

“1. Kết hợp nguyên tắc tính rất cao với linh động tính đúng mức.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.178, 183.

2. Yêu cầu của ta chủ yếu là căn cứ vào lực lượng so sánh giữa ta và địch mà định.

3. Đặt vấn đề Đông Dương vào trong vấn đề bảo vệ hoà bình và dân chủ thế giới đang giải quyết một cách thích đáng”¹.

Tổng Bí thư Trường-Chinh xác định, trong tình hình hiện thời phải có lực lượng vũ trang mạnh mẽ của nhân dân mới giành được hoà bình và mới có thể hoà bình đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập, phát triển dân chủ. Do vậy, nhiệm vụ tăng cường lực lượng quân sự là một trong những nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng và toàn dân, bây giờ cũng như sau đình chiến. *“Cho nên tăng cường lực lượng quân đội nhân dân, củng cố và bồi dưỡng ý chí chiến đấu, nâng cao trình độ tư tưởng, chiến thuật và kỹ thuật của quân đội, phấn đấu để xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh, thích hợp với yêu cầu của tình thế mới, đó là một nhiệm vụ trọng đại của Đảng ta hiện nay”*².

Đồng chí Trường-Chinh cho rằng, để hoàn thành các nhiệm vụ trước mắt cần phải chuyển dần trọng tâm công tác của Đảng vào vùng mới giải phóng và cần chú ý để học tập cách quản lý và kiến thiết đô thị; học đấu tranh chính trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao với bọn

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.185-186, 188.

đế quốc, với các đảng phái phản động, với giai cấp tư sản thành thị; *“phương châm chung của ta đối với những thành thị mới giải phóng là giữ gìn thành thị, thiết lập trật tự cách mạng, ổn định sinh hoạt của nhân dân, hướng về sản xuất để xây dựng mọi công tác cho thành thị và để dần dần phát huy tác dụng của thành thị đối với nông thôn”*¹. Những công tác chính nhằm ổn định vùng nông thôn mới giải phóng là tuyên truyền tình hình và chính sách một cách rộng rãi, ổn định lòng dân; quét sạch tàn binh đặc vụ, thổ phỉ còn sót lại, ổn định trật tự xã hội; đổi tiền tệ và kiện toàn các cơ quan lãnh đạo Đảng, chính, quân, dân...

Đối với vùng địch tạm đóng quân, phương châm hoạt động của ta là kết hợp chặt chẽ công tác hợp pháp và công tác không hợp pháp, nhưng lấy công tác không hợp pháp là chính, đồng thời phải hết sức lợi dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp mà tuyên truyền, giáo dục quần chúng đông đảo, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Tuyệt đối không nên bộc lộ lực lượng, song cũng không vin vào lý do bí mật mà thủ tiêu công tác. Tổ chức công khai phải thật rộng rãi, tổ chức bí mật phải thật trong sạch và vững chắc. Tuyệt đối không nên vì công tác ở thành thị mà làm xao nhãng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.190.

công tác ở những vùng nông thôn căn cứ cũ của ta, không được lúc nào xao nhãng công tác củng cố vùng tự do cũ.

Vấn đề đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất là công tác vô cùng quan trọng của Đảng, Chính phủ và cán bộ ta. Cán bộ ta đã có một số thành tích nhưng lập trường tư tưởng còn chưa vững, tác phong công tác không đi sâu, thiếu nghiên cứu cụ thể, ý thức tổ chức kỷ luật còn nhiều thiếu sót, thiếu dân chủ nội bộ. Về lãnh đạo, “hiện tượng làm sai chính sách và “thối cơm sống” trong giảm tô khá phổ biến”¹... Cho nên, phải khắc phục những tư tưởng và tác phong sai lầm của cán bộ và nhiệm vụ giảm tô, cải cách ruộng đất không chỉ bồi dưỡng dân, giải phóng nông dân khỏi ách phong kiến mà còn phải làm cho cơ sở của ta ở nông thôn thêm vững chắc.

Nhiệm vụ cần kíp của chúng ta trong lúc này là phải tranh thủ thời gian, tạo mọi điều kiện ra sức “*phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, phục hồi và phát triển công thương nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng nền tài chính vững chắc để đạt tới ổn định vật giá, ổn định tiền tệ, tạo điều kiện tiến tới thắng bằng thu chi*”². Phương châm công tác tài chính là: công, tư đều chú ý,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.203-204, 206.

chủ, thợ cùng có lợi, thành hương giúp đỡ lẫn nhau, trong ngoài lưu thông đều; việc phục hồi và phát triển nông nghiệp để cung cấp cho công nghiệp, cung cấp cho nhu cầu của cuộc kháng chiến và đời sống của nhân dân, phải căn cứ vào mười chính sách sản xuất nông nghiệp mà khôi phục sản xuất. Ngoài cây lương thực phải chú ý tới cây công nghiệp, quy định chính sách bảo vệ rừng, gây lại rừng. Trong lĩnh vực công nghiệp, phải có chính sách bảo hộ và khuyến khích các nhà công thương nghiệp, động viên họ bỏ vốn kinh doanh góp phần vào việc xây dựng và phát triển kinh tế quốc dân. Những chính sách trong các lĩnh vực lưu thông, giá cả và tiền tệ... đều phải nhằm mục đích phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ, muốn cho mọi ngành kinh tế được phát triển, trước tiên phải phục hồi, phát triển giao thông vận tải và để bù vào sự có hạn của lực lượng nhà nước, “phải *khuyến khích, giúp đỡ vận tải tư nhân phát triển*”¹.

Đối với cách mạng Đông Dương, sau khi điểm lại những thuận lợi và khó khăn của cách mạng Lào và Campuchia trước kẻ thù mới với những mưu toan mới của chúng, Tổng Bí thư Trường-Chinh xác định: phải

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.209.

tìm một giải pháp thích đáng có lợi cho nhân dân hai nước... giải pháp đó cần bảo đảm cho nhân dân hai nước quyền tự do, độc lập, thống nhất.

Về tổ chức cơ sở đảng, đồng chí Trường-Chinh cho rằng việc tiếp tục tiến hành chỉnh đốn chi bộ của Đảng là cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Đảng và phải kiện toàn đảng ủy cấp huyện về mặt tổ chức; bước đầu chỉnh đốn tổ chức đảng ở thành thị và nông thôn mới được giải phóng; thực hành chủ trương giải công tác, khéo che giấu lực lượng đối với tổ chức đảng ở vùng địch tạm đóng quân; tạm thời không phát triển tổ chức của Đảng ở vùng mới giải phóng, việc phát triển phải chờ Trung ương quyết định.

Để thực hiện những nhiệm vụ trước mắt rất nặng nề trên, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về các mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức. Trước tình hình chuyển biến lớn như lúc này, Đảng phải đặc biệt lãnh đạo tư tưởng để bảo đảm thống nhất tư tưởng, thống nhất nhận định, khắc phục những tư tưởng sai lầm, khiến cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nhất trí, trên dưới một lòng, ra sức chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính phủ. Lúc này, việc lãnh đạo tư tưởng là nhằm chống tả, phòng hữu. Phải chống tư tưởng “đánh đến cùng”, “phản đối đàm phán với Pháp”, đòi quá cao trong đàm phán, phản đối nhân nhượng, không chấp hành hiệp định đình chiến... Mặt

khác, phải phòng hữu khuynh: sợ Mỹ, sợ gian khổ mà nhân nhượng quá nhiều; coi nhẹ đấu tranh để củng cố hoà bình, cầu an và thoả hiệp vô nguyên tắc, tư tưởng hoà bình hưởng lạc... Bởi vậy, cần giải thích cho cán bộ hiểu sự nhất trí của cách mạng Việt Nam và của phong trào bảo vệ hoà bình thế giới, quan hệ giữa lợi ích cục bộ và toàn cục, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, quan hệ giữa nguyên tắc tính rất cao và linh động tính đúng mức... Các cấp uỷ đảng lấy công tác lãnh đạo tư tưởng làm công tác chủ yếu và không nên khoán trắng cho cơ quan tuyên huấn hoặc cơ quan tổ chức một cách đơn độc.

Về chính trị, “cần nhận rõ cương lĩnh đấu tranh trước mắt của Đảng ta hiện nay có chỗ thấp hơn Chính cương của Đảng do Đại hội đề ra năm 1951”¹, ta phải xét lại một số chính sách cụ thể của Đảng để tập hợp mọi lực lượng đấu tranh, gìn giữ và củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất bằng tổng tuyển cử, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. “Tuy vậy phải nhận rõ rằng: đường lối chung của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam không thay đổi. Nhưng vì tình hình đã thay đổi, cho nên Đảng ta phải sửa đổi một số chính sách và khẩu hiệu, đề ra cương lĩnh đấu tranh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.218.

trước mắt để tiến từng bước chắc chắn trên con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân”¹.

Do vậy, tăng cường lãnh đạo tổ chức là then chốt bảo đảm chấp hành thuận lợi nhiệm vụ của Đảng và để thực hiện tốt vấn đề này cần phải chuẩn bị cán bộ một cách đầy đủ, thích hợp với những công tác chủ yếu, công tác cấp bách hiện thời; phải kiện toàn chế độ đảng uỷ, thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; nhiệm vụ công tác, hình thức tổ chức, phương pháp lãnh đạo ở từng nơi, từng lúc khác nhau; phải thực hiện và tăng cường công tác kiểm tra.

Trên cơ sở mười nhiệm vụ trước mắt được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên và những chỉ dẫn cụ thể về phương châm và nội dung của từng nhiệm vụ do đồng chí Tổng Bí thư trình bày, với Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, quân và dân ta bước vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng mới.

Nhiệm vụ trước mắt với những công tác, phương châm cụ thể mà Tổng Bí thư Trường-Chinh trình bày tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa II) được thể hiện đầy đủ trong Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị họp từ ngày 5 đến 7-9-1954. Nghị quyết này nhấn mạnh nhiệm vụ cải cách ruộng đất và công tác

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.219.

miền Nam. Về cải cách ruộng đất, có sự điều chỉnh nói rõ “Hiệp định Giơnevơ và nhiệm vụ tranh thủ thống nhất nước nhà đòi hỏi chúng ta phải sửa đổi một vài điểm trong Luật cải cách ruộng đất và trong phương thức thi hành Luật đó”¹ nhằm một mặt tranh thủ sự ủng hộ của nông dân, mặt khác lại hết sức cần mở rộng Mặt trận. Về công tác miền Nam, Nghị quyết Bộ Chính trị cụ thể hoá và bổ sung Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, nêu rõ đặc điểm quan trọng nhất của tình hình mới là Nam - Bắc tạm thời phân làm hai vùng. Đế quốc Mỹ và tay sai toan tính phá hoại Hiệp định Giơnevơ nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải chuyển từ đấu tranh võ trang sang đấu tranh chính trị. Nghị quyết nhấn mạnh tới việc nhiệm vụ công tác ở miền Nam nên dựa trên khẩu hiệu hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, và chính sách mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để tranh thủ ảnh hưởng và đồng tình rộng lớn.

1. Ví dụ như trước quy định các đối tượng đế quốc Pháp và Việt gian bị tịch thu hoặc trưng thu ruộng đất nay đều *trưng mua*. Thay vì đấu địa chủ trong phát động quần chúng nay chuyển sang dùng phương thức toà án. Để tránh căng thẳng kéo dài, cần rút ngắn thời gian cải cách ruộng đất và “giảm bớt những nhiệm vụ có thể bớt được, hạ thấp yêu cầu có thể hạ thấp được”. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.297-298.

Về nhiệm vụ xây dựng miền Bắc, Nghị quyết Bộ Chính trị vạch rõ: trước mắt, trong thời kỳ tiếp quản, không phải là tiến hành những việc cải tạo xã hội mà cần ổn định xã hội, ổn định vật giá, ổn định thị trường làm cho mọi hoạt động của thành phố và nông thôn trở lại bình thường và sau đó sẽ tiến hành những cải cách cần thiết, từng bước một, thận trọng và vững chắc. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh; phục hồi nền kinh tế quốc dân, nhất là đối với việc phục hồi và phát triển nông nghiệp, đồng thời phục hồi, tăng cường và mở rộng hoạt động của giao thông vận tải.

Trên cơ sở nội dung bài phát biểu của Tổng Bí thư Trường-Chinh, cũng trong ngày 6-9-1954, Bộ Chính trị ra Chỉ thị riêng "Về tình mới và nhiệm vụ công tác mới của miền Nam"¹, dự báo khả năng không thuận lợi cho cách mạng miền Nam là Mỹ và tay sai phá hoại cuộc tổng tuyển cử thống nhất nước nhà và một số điều khoản của Hiệp định, chiến tranh có thể trở lại và việc chia cắt đất nước có thể kéo dài. Bộ Chính trị nêu lên ba nhiệm vụ cụ thể trước mắt cho cách mạng miền Nam là:

1. Đấu tranh đòi đối phương thi hành đúng Hiệp định đình chiến.

2. Chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện mới, sắp xếp cán bộ, bảo đảm vừa che giấu lực lượng, vừa lợi dụng khả năng mới mà hoạt động.

1. Chỉ thị này do đồng chí Trường-Chinh ký.

3. Tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hoà bình, thống nhất đấu tranh đánh đổ Chính phủ Ngô Đình Diệm thân Mỹ, lập ra một chính quyền tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, cải thiện dân sinh, tăng cường vận động nguy quân, nguy quyền.

Chỉ thị chỉ rõ tổ chức đảng phải bí mật, gọn nhẹ, vững chắc, trong sạch,...

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương và nghị quyết các hội nghị Bộ Chính trị, thay mặt Ban Bí thư, Bộ Chính trị, đồng chí Trường-Chinh đã ký các chỉ thị để thực hiện chủ trương của Đảng đối với cách mạng hai miền¹.

1. Đó là các chỉ thị:

- Chỉ thị của Ban Bí thư ngày 31-7-1954 "Gây điều kiện thuận lợi để thực hiện Hiệp định đình chiến".

- Chỉ thị của Ban Bí thư ngày 5-9-1954 "Về việc đấu tranh chống Pháp và bọn Ngô Đình Diệm dụ dỗ và bắt ép một số đồng bào ta vào miền Nam".

- Chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 6-9-1954 "Về tình hình mới và nhiệm vụ công tác mới của miền Nam".

- Chỉ thị của Ban Bí thư ngày 26-9-1954 "Về nhiệm vụ của các cấp uỷ đảng ở các địa phương thuộc Bắc vĩ tuyến 17 đối với Uỷ ban quốc tế".

- Chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 3-11-1954 "Về mấy vấn đề cần chú ý trong khi xử trí bọn địa chủ có tội ác trong phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất".

- Chỉ thị của Ban Bí thư ngày 6-11-1954 "Về việc đối phó với âm mưu của địch lừa phỉnh và áp bức đồng bào Công giáo di cư vào Nam".

Từ ngày 20 đến 26-3-1955, tại Hà Nội, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khoá I, kỳ họp thứ tư đã nhất trí thông qua nghị quyết tán thành toàn bộ chính sách của Đảng trong kháng chiến và những chủ trương và công tác trước mắt. Quốc hội cũng nhất trí thông qua một số chính sách về cải cách ruộng đất và tôn giáo.

Theo Hiệp định Giơnevơ, thực dân Pháp lần lượt rút quân khỏi miền Bắc, nhưng trước khi rút đi, chúng tìm cách huỷ hồ sơ, tài liệu, phá huỷ hoặc đem các thiết bị, máy móc chở vào Nam và cưỡng ép dân di cư vào Nam. Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương và để bảo đảm cho cuộc sống của nhân dân sớm ổn định, các công sở, nhà máy sớm hoạt động bình thường trở lại, đồng chí Trường-Chinh và Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tiến hành nhiều cuộc họp đề ra những chủ trương, biện pháp đấu tranh với địch nhằm bảo đảm an toàn trật tự xã hội cho các vùng mới giải phóng, đặc biệt là các thành phố lớn và giữ gìn máy móc thiết bị, công xưởng, hồ sơ tài liệu, không cho địch mang đi và làm thất bại âm mưu cưỡng ép dân di cư của địch. Đồng chí Trường-Chinh trực tiếp tham gia giảng dạy các lớp cán bộ làm công tác tiếp quản và trực tiếp chỉ đạo một số điểm khó khăn như ở Hải Phòng.

Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo, sự chỉ đạo chặt chẽ,

công tác tiếp quản các vùng mới giải phóng được bảo đảm. Hà Nội được tiếp quản vào tháng 10-1954, Hải Phòng vào tháng 5-1955. Cuộc sống của nhân dân nhanh chóng trở lại bình thường, các hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng dần đi vào ổn định. Do sự chuẩn bị từ trước của Đảng, cùng với tinh thần đấu tranh kiên quyết của nhân dân ta, những âm mưu phá hoại của địch bị ngăn chặn, thủ đoạn cưỡng ép dân di cư của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ bị hạn chế. Cách mạng miền Nam nhanh chóng có những định hướng cụ thể để có thể chủ động trong hoạt động trước sự biến đổi của tình hình và trước sự thay đổi kẻ thù.

Trên cơ sở của Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, trước sự phát triển của tình hình trong nước và quốc tế, Tổng Bí thư Trường-Chinh tiếp tục chỉ đạo các Hội nghị lần thứ bảy, tám Ban Chấp hành Trung ương, cụ thể hoá hơn nữa nhiệm vụ của mỗi miền. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua bản dự thảo Cương lĩnh của Mặt trận dân tộc thống nhất (Mặt trận Tổ quốc).

Những nhiệm vụ và công tác mới mà Tổng Bí thư Trường-Chinh và Đảng ta chỉ ra đã kịp thời đáp yêu cầu của thời kỳ cách mạng mới. Những hoạt động này mở đầu cho quá trình Đảng hoạch định chiến lược, sách lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn cách mạng mới.

6.2. Sửa sai cải cách ruộng đất

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (tháng 11-1953) và Hội nghị toàn quốc của Đảng (tháng 11-1953) thông qua bản *Cương lĩnh ruộng đất* đã được thể chế hoá trở thành *Luật cải cách ruộng đất* do Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thông qua trong kỳ họp thứ ba ngày 4-12-1953. Hoà bình lập lại, miền Bắc phải tiếp tục hoàn thành cách mạng dân chủ, trong đó nhiệm vụ cải cách ruộng đất được Đảng ta xác định là nhiệm vụ trung tâm, nhất là ở những nơi chưa tiến hành, để đem lại ruộng đất cho nông dân và thực hiện dân chủ ở nông thôn.

Đồng chí Trường-Chinh và một số đồng chí lãnh đạo khác được phân công trực tiếp chỉ đạo tiến hành cải cách ruộng đất theo *Cương lĩnh ruộng đất*, *Luật cải cách ruộng đất* và theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 7-1956, đợt 5 cải cách ruộng đất đã kết thúc ở vùng đồng bằng, trung du và 280 xã miền núi. Song song với đợt cải cách ruộng đất này, Đảng đã tiến hành cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi. Thông qua đó để tiến hành cuộc vận động cải cách ruộng đất, nhằm xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của các chủ đất, đem lại ruộng đất cho nông dân, thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng” và quyền làm chủ nông

thôn của nông dân miền núi. Đồng thời thông qua đó tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Tháng 4-1956, Trung ương Đảng phát hiện sai lầm của cải cách ruộng đất.

Ngày 1-7-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Hội nghị tổng kết cải cách ruộng đất đợt 5 đánh giá đợt cải cách này đã thu được *“thắng lợi căn bản to lớn”* nhưng *“phạm sai lầm cũng không ít”*¹.

Ngày 5-7-1956, thay mặt Ban Bí thư, Tổng Bí thư Trường-Chinh ký Chỉ thị “Về công tác chỉnh đốn tổ chức” nhận định những ưu, khuyết điểm của công tác chỉnh đốn tổ chức trong cải cách ruộng đất và chỉ ra những việc cần làm để tiếp tục sửa chữa khuyết điểm bảo đảm cho việc chỉnh đốn tổ chức thu được nhiều kết quả tốt.

Ngày 12-7-1956, Hội nghị Ban Bí thư bàn và giao nhiệm vụ cho đồng chí Trường-Chinh làm kế hoạch chuẩn bị Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương, trong đó có việc thảo luận về những thắng lợi và sai lầm của cải cách ruộng đất, để trình Ban Bí thư xem xét và quyết định.

Cũng trong tháng 7-1956, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Trường-Chinh ký Chỉ thị “Về việc tích cực phát huy thành tích và kiên quyết sửa chữa sai lầm của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.194.

cải cách ruộng đất đợt 5”, chỉ rõ những kết quả đạt được của cải cách ruộng đất đợt 5, kiểm điểm việc thực hiện cải cách ruộng đất trong đó chỉ ra những sai lầm trong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; vạch ra những nguyên nhân của tình trạng đó như: đánh giá quá cao địch, không dựa vào quần chúng; chấp hành chế độ báo cáo xin chỉ thị không nghiêm; việc xử án thiếu thận trọng; Ủy ban cải cách trung ương và các cấp chỉ nhấn mạnh đánh địch, không đánh giá đúng sự phức tạp của tình hình, coi nhẹ việc giáo dục chính sách cho cán bộ...

Về vấn đề chỉnh đốn đảng, Chỉ thị nêu lên những nguyên nhân sai lầm là: đánh giá sai lầm tình hình chi bộ ở nông thôn; không nắm vững yêu cầu chỉnh đốn chi bộ dẫn đến việc mở rộng xử trí đảng viên; “lấn lộn đấu tranh tư tưởng bằng phê bình tự phê bình trong chỉnh đảng với đấu tranh giai cấp ngoài xã hội, lấn lộn sai lầm khuyết điểm của đảng viên với hành động phá hoại của địch”¹; tư tưởng thành phần chủ nghĩa cũng là một thiên hướng gây nên những sai lầm trong chỉnh đốn tổ chức đảng. “Tư tưởng này đã cho rằng quyền lãnh đạo ở nông thôn là do bản cố nông nắm, nên đã coi quần chúng bản cố nông ngoài Đảng hơn đảng viên, nhất là đối với đảng viên không xuất thân bản cố nông”².

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.343.

Bản chỉ thị đánh giá những sai lầm trên là nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài, đã “gây nhiều tổn thất cho Đảng, chính quyền và mặt trận. Tình hình đó chẳng những ảnh hưởng không tốt đến việc củng cố miền Bắc mà còn ảnh hưởng không tốt đến việc tranh thủ miền Nam nữa”¹. Chỉ thị đã chỉ ra những nguyên nhân như Trung ương Đảng “xem nhẹ cải cách ruộng đất”, “chính sách thì không được cụ thể”, “xem nhẹ việc lãnh đạo tư tưởng”; Đảng tổ trong Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương “không nắm vững chính sách, không nắm vững phương châm sách lược của Đảng” và “không chấp hành đúng phương châm lãnh đạo tư tưởng của Trung ương”, quan liêu, làm việc thiếu tập thể và dân chủ²...

Trên cơ sở đó, “Bộ Chính trị quyết định phải kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm sai lầm ấy” để “giải quyết những tư tưởng thắc mắc trong Đảng, trong nhân dân, *nhằm ổn định nông thôn, đoàn kết cán bộ, đoàn kết nhân dân, đẩy mạnh sản xuất*”³, mà nội dung là uốn nắn lại việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng ở nông thôn, chấn chỉnh tổ chức, giải quyết những trường hợp bắt người oan sai, tìm ra những tên địch lọt lưới; lãnh đạo tốt tư tưởng cán bộ...

Một bản *Kế hoạch tiến hành sửa chữa sai lầm về*

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.345, 346-347, 348.

cải cách ruộng đất đã được vạch ra, nêu rõ ba bước công tác với yêu cầu, nội dung, cách làm cụ thể và phương pháp tiến hành cũng như vấn đề tổ chức thực hiện được xác định rõ nhằm tiến hành tốt việc sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất¹.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban Bí thư giao về chuẩn bị Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương, nhận rõ sự nghiêm trọng của tình hình, Bộ Chính trị đã tiến hành nhiều cuộc họp nhằm khẩn trương tìm ra nguyên nhân sai lầm trong cải cách ruộng đất và tiến hành những biện pháp cần thiết sửa chữa các sai lầm.

Ngày 30-7-1956, Tổng Bí thư Trường-Chinh báo cáo tại Hội nghị Ban Bí thư về việc chuẩn bị Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương mở rộng².

Ngày 11-8-1956, Bộ Chính trị họp về việc chuẩn bị Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương mở rộng³.

1. Tiếp theo các văn bản trên còn có các chỉ thị của Ban Bí thư ngày 23-8-1956 “Về việc sửa chữa sai lầm khuyết điểm trong công tác ổn định tình hình và ngăn ngừa âm mưu khiêu khích của bọn phá hoại”; Thông tri của Ban Bí thư ngày 31-8-1954 “Bổ sung một số vấn đề về lãnh đạo Hội nghị tổng kết đợt 5 cải cách ruộng đất”.

2. Xem: Biên bản Hội nghị Ban Bí thư. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

3. Xem: Biên bản Hội nghị Ban Bí thư. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Ngày 18-8-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào nông thôn và cán bộ nhân dịp cải cách ruộng đất ở miền Bắc căn bản hoàn thành, khẳng định cải cách ruộng đất thắng lợi to lớn nhưng đã mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng. Người kêu gọi cán bộ và nhân dân phát huy những thắng lợi đã đạt được đồng thời kiên quyết sửa chữa những sai lầm.

Từ ngày 25 tháng 8 đến 5-10-1956, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương mở rộng đã họp.

Ngày 26-8-1956, Tổng Bí thư Trường-Chinh trình bày Đề cương báo cáo của Bộ Chính trị về “Tình hình thế giới và tình hình trong nước; Kiểm thảo sự lãnh đạo của Trung ương; Nhiệm vụ và công tác trước mắt”.

Đề cương báo cáo dành một phần riêng kiểm điểm về vấn đề cải cách ruộng đất trong đó nêu ngắn gọn những thành tích đạt được¹, chỉ ra những sai lầm mà nguyên nhân là “ở chỗ sự lãnh đạo về đường lối và chính sách của Trung ương không xuất phát đầy đủ từ tình hình thực tế

1. Qua tám đợt giảm tô và năm đợt cải cách ruộng đất, ta đã làm xong cải cách ruộng đất ở 3.314 xã gồm trên 10 triệu dân, ở vùng đồng bằng miền Bắc. Chúng ta đã đánh đổ giai cấp địa chủ ở miền Bắc, xoá bỏ quan hệ sản xuất phong kiến, chia 70 vạn héc-ta ruộng đất tức là 44,6% ruộng đất ở vùng cải cách ruộng đất cho nông dân lao động, tổ chức gần bốn triệu hội viên nông hội, làm công tác chính đốn trong 2.810 chi bộ thuộc 16 tỉnh, tức là 3/4 chi bộ ở miền Bắc. Theo sách: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.425.

của nước ta, từ những yêu cầu bức thiết của nhiệm vụ cách mạng củng cố miền Bắc và đấu tranh để thống nhất nước nhà”¹. Chính sách phát động cải cách ruộng đất của Trung ương và Chính phủ, “trên đường lối lớn thì chính xác, nhưng trên một số chính sách cụ thể, và đi sâu vào tư tưởng chỉ đạo, thì đã phạm sai lầm tả khuynh”² biểu hiện như vấn đề quy định thành phần; tịch thu, trưng thu, trưng mua; vấn đề tỷ lệ giai cấp địa chủ; vấn đề chiếu cố địa chủ kháng chiến, nhận định địch và chủ trương làm tan rã về căn bản tổ chức phản động; vấn đề đánh giá tổ chức cũ... “Do không xuất phát từ thực tế, không nhận rõ những sự biến đổi về kinh tế và chính trị ở nông thôn, nên đã đánh giá địch quá cao, thậm chí coi đánh đổ địa chủ là khó hơn đánh đổ đế quốc.

Do không xuất phát từ thực tế, nên đã đánh giá sai chính quyền và chi bộ của ta, thậm chí coi một số chi bộ tốt là tổ chức của địch”³.

Nguyên nhân của tình hình trên bắt nguồn từ “tư tưởng tả khuynh trong cải cách ruộng đất đã chớm nở lúc đầu; nó đã đưa đến chỗ học tập kinh nghiệm nước bạn một cách máy móc và không chịu điều tra nghiên cứu đầy đủ tình hình xã hội ta để định chủ trương chính sách cụ thể cho thích hợp”. Trung ương Đảng đã thấy sai lệch đó nên đề ra phương châm lãnh đạo tư tưởng là

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.428, 429, 430.

đấu tranh chống sai lầm cả tả lẫn hữu “nhưng sự uốn nắn đó không được quán triệt, trong lúc thi hành thì một mực nhấn mạnh chống hữu khuynh trong khi những hiện tượng tả khuynh đã trở nên trầm trọng”¹.

“Về những sai lầm nói trên, Trung ương và trước hết là Bộ Chính trị phải chịu trách nhiệm đối với toàn Đảng và toàn dân... Một phần trách nhiệm rất quan trọng là do Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương và các ủy ban cải cách ruộng đất khu: không chấp hành đúng nghị quyết của Trung ương, thiếu báo cáo thỉnh thị, tư tưởng chỉ đạo lệch một chiều, lại tự mãn, tự cao, làm việc thì thiếu tập thể và mệnh lệnh độc đoán. Sau đó đến một số cán bộ đã phạm sai lầm đặc biệt nghiêm trọng”².

Đề cương phân tích và xác định “công tác chỉnh đốn ở xã đã phạm những sai lầm lớn nhất, nặng nhất trong cải cách ruộng đất. Công tác chỉnh đốn đảng ở cấp tỉnh và huyện là một thất bại lớn. Đảng ta đã bị tổn thất rất nặng, cơ sở cũ ở nông thôn nhiều nơi hầu như tan rã; tổ chức của Đảng ở huyện thì bị đảo lộn. Hàng vạn đảng viên tốt bị thanh trừ, hàng nghìn bị bắt, một số đảng viên có nhiều công lao bị xử oan. Phần lớn cán bộ và đảng viên bị bắt đều phải chịu những nhục hình rất tàn khốc, dã man”³.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.430, 431, 435.

Những sai lầm của chính đốn tổ chức cũng do không xuất phát từ thực tế, không điều tra nghiên cứu tình hình thực tế của Đảng, lại thiếu quan tâm đến sinh mệnh của đảng viên, lợi ích của Đảng và của phong trào; đường lối xây dựng đảng không được rõ ràng, tư tưởng thành phần chủ nghĩa nặng; phương pháp chỉnh đốn không đúng...

Đề cương báo cáo vạch rõ nguyên nhân chung của những sai lầm về lãnh đạo của Trung ương là “phạm vào kinh nghiệm chủ nghĩa, không tổng hợp và nâng cao kinh nghiệm cách mạng lên đến trình độ lý luận, đồng thời phạm giáo điều chủ nghĩa trong khi học tập kinh nghiệm của đảng bạn”¹. Bài học được rút ra là: “Xuất phát từ thực tế của nước ta, xuất phát từ những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, tìm ra đường lối và chính sách thích hợp với đặc điểm của tình hình nước ta, đó là một bài học rất lớn mà Đảng ta phải kiên quyết sửa chữa”².

Nguyên nhân thứ hai là “Bộ Chính trị rất coi nhẹ lãnh đạo về tổ chức”. “Công tác cải cách ruộng đất là công tác trung tâm số 1, nhưng vấn đề tổ chức thực hiện không được nghiên cứu kỹ lưỡng”, “tác phong lãnh đạo... là không chú trọng đường lối chính sách, mà nặng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.450, 451.

về sự vụ chủ nghĩa, không phải là tập trung dân chủ mà lại là tập trung quan liêu”¹.

Nguyên nhân thứ ba là những khuyết điểm về trình độ lý luận, lãnh đạo tổ chức và tác phong công tác, nói cho đúng là Bộ Chính trị “có tư tưởng tự mãn, trong phương pháp tư tưởng thì chủ quan một chiều, lại thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu quan tâm đầy đủ đến lợi ích của Đảng, của cán bộ, của nhân dân”².

Đề cương báo cáo nêu rõ: “Bộ Chính trị xin tự phê bình trước Hội nghị Trung ương”³.

Đề cương báo cáo chỉ ra nhiệm vụ và công tác trước mắt, trong đó “*Việc sửa chữa sai lầm trong chỉnh đốn tổ chức và cải cách ruộng đất phải gắn liền với nhau và là công tác quan trọng nhất*”⁴ và nêu lên nguyên tắc chỉ đạo, tổ chức chỉ đạo sửa chữa và các quy định về việc sửa chữa những sai lầm trong chỉnh đốn tổ chức⁵.

Ngày 8-9-1956, đồng chí Trường Chinh phát biểu về những sai lầm của Đảng tổ Ủy ban cải cách ruộng đất, nguyên nhân sai lầm, hậu quả và bài học kinh nghiệm và tự kiểm điểm trong việc lãnh đạo cải cách ruộng đất.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.17, tr.451-453, 454, 455, 457.

5. Hội nghị Trung ương lần thứ mười mở rộng ra Nghị quyết “Về công tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức” về căn bản nhất trí với sự phân tích đánh giá những sai lầm và nguyên nhân của nó trong bản báo cáo của đồng chí Trường-Chinh.

Với trách nhiệm là Tổng Bí thư của Đảng, là Ủy viên Bộ Chính trị được phân công cùng Đảng tổ Ủy ban cải cách ruộng đất chỉ đạo quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, trước sai lầm trong lãnh đạo cải cách ruộng đất, đồng chí Trường-Chinh tự phê bình nghiêm khắc trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trước Ban Chấp hành Trung ương và xin từ chức Tổng Bí thư¹.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua nghị quyết tự phê bình của Trung ương, đồng ý để đồng chí Trường-Chinh từ chức Tổng Bí thư, đồng chí vẫn là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng. Hội nghị cũng thông qua Kế hoạch sửa sai do đồng chí Trường-Chinh đích thân chỉ đạo².

1. Xem: Biên bản Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Hội nghị nhất trí bầu đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng kiêm Tổng Bí thư của Đảng và cử bốn đồng chí bổ sung vào Bộ Chính trị gồm: Hoàng Văn Hoan, Phạm Hùng, Nguyễn Duy Trinh và Lê Thanh Nghị. Cử lại Ban Bí thư gồm các đồng chí: Hồ Chí Minh (Tổng Bí thư), Trường-Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Duy Trinh. Hội nghị quyết định kỷ luật: đưa đồng chí Hồ Viết Thắng ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương, đồng ý để đồng chí Lê Văn Lương rút khỏi Bộ Chính trị, Ban Bí thư và đưa xuống làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương. Theo sách: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.575-577.

Bộ Chính trị giao cho đồng chí Trường-Chinh chỉ đạo việc thực hiện Kế hoạch sửa sai cải cách ruộng đất và đồng chí đã có nhiều biện pháp đúng đắn để kịp thời sửa chữa và khắc phục hậu quả nặng nề do cải cách ruộng đất để lại.

Tại các cuộc họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 3, ngày 5 và ngày 8-11-1956, đồng chí Trường-Chinh đã trình bày ý kiến về một số vấn đề cần giải quyết như chính sách sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và đề nghị Bộ Chính trị và Ban Bí thư phân tích kỹ những nguyên nhân sai lầm về sự lãnh đạo của Trung ương, về sai lầm của Ủy ban cải cách ruộng đất, về tình hình tư tưởng trong nhân dân, về vấn đề sửa chữa sai lầm, vấn đề chỉnh đốn tổ chức... và đề nghị cần có người chuyên trách vấn đề này¹.

Sau những cuộc họp trên, đồng chí Trường-Chinh công bố quan điểm của mình trên tạp chí *Học tập*, số tháng 11-12-1956, trong bài “Sửa sai và tiến lên” nhằm “góp vào việc đánh giá công tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, nhận định về tính chất những khuyết điểm của ta trong các công tác ấy, bàn về nguyên nhân sai lầm và trách nhiệm, đồng thời rút ra mấy bài học kinh nghiệm lớn trong vấn đề này và giúp cán bộ, đảng viên chúng ta nhận rõ nhiệm vụ trung tâm

1. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

đột xuất của Đảng ta hiện nay là *sửa chữa và tiến lên*¹.

Đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan, “*do chỗ không xuất phát từ thực tế Việt Nam*”; ngoài ra, tác phong lãnh đạo lại quan liêu, thiếu tập thể, dân chủ; cơ quan chỉ đạo chủ quan, tự mãn, độc đoán, chuyên quyền. Đồng chí xác định trách nhiệm đó thuộc về Trung ương và Bộ Chính trị (cơ quan lãnh đạo), Thường trực Ủy ban cải cách ruộng đất và Ban Tổ chức Trung ương Đảng (cơ quan chỉ đạo thực hiện chính sách). Đồng chí cũng giải thích việc thi hành kỷ luật đối với cá nhân không phải Trung ương dồn trách nhiệm cho mấy đồng chí uỷ viên Trung ương trực tiếp phụ trách cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Vấn đề không phải Trung ương dồn trách nhiệm cho người này hay người khác. Trung ương nhận trách nhiệm của mình. Nhưng tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cho nên trách nhiệm trực tiếp vẫn phải quy vào cá nhân những đồng chí lãnh trách nhiệm trước Trung ương. Về vấn đề kỷ luật nặng hay nhẹ đối với cán bộ, đồng chí cho rằng, đó là căn cứ vào trách nhiệm nhiều hay ít, tác hại của sai lầm, động cơ sai lầm và thái độ nhận sai lầm của cán bộ, vì Đảng ta thi hành kỷ luật Đảng theo “phương châm trị bệnh cứu người”, “giáo dục

1. Xem: Tạp chí *Học tập*, số tháng 11–12-1956, tr. 9.

làm chính” và “Việc thi hành kỷ luật với một số đồng chí phạm sai lầm là cần thiết; nhưng Đảng ta thi hành một chính sách sửa sai chứ không thi hành một chính sách báo thù”¹.

Đồng chí cũng nêu lên những “bài học kinh nghiệm lớn” đó là bài học về đấu tranh giai cấp trong điều kiện đã có chính quyền; về mối quan hệ giữa mở rộng dân chủ với giáo dục về dân chủ và kiện toàn không ngừng bộ máy chuyên chính; phải xuất phát từ thực tế trong công tác lãnh đạo, kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng nước ta; phải tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, phải phát huy trí tuệ của quần chúng; phải kiểm tra đôn đốc, tổng kết kinh nghiệm sửa chữa sai lầm; phải phát triển phê bình, tự phê bình vì “Phê bình là liều linh đan chữa bệnh quan liêu và chủ quan tự mãn của các cơ quan lãnh đạo và cán bộ”².

Để cho công tác sửa sai được tiến hành tốt, đồng chí Trường-Chinh cho rằng cần phải khắc phục tư tưởng bảo thủ tự mãn, không chịu nhận sai lầm, không kiên quyết sửa sai; bi quan tiêu cực, nhìn mọi cái đều hỏng, không tin ở thắng lợi của cải cách ruộng đất, không tin có thể sửa sai được hoặc thái độ bàng quan vô trách nhiệm, không quan tâm đến việc sửa sai...

1, 2. Xem: Tạp chí *Học tập*, số tháng 11–12-1956, tr.18-19, 21.

Đồng chí viết: Công tác cách mạng của chúng ta có thành tích và cũng có sai lầm. Điều cốt yếu là Đảng ta tránh được những sai lầm về đường lối cách mạng, và một khi phạm sai lầm dù lớn dù nhỏ đều thành khẩn nhận hết sai lầm và kiên quyết sửa chữa... Vì đường lối cách mạng của Đảng ta đúng, bản chất chế độ ta tốt, quần chúng nhân dân ta nói chung vẫn tin tưởng ở Đảng ta và Chính phủ ta, cho nên ta có điều kiện tốt để *sửa sai và tiến lên*¹.

Từ tháng 11-1956 đến những tháng đầu năm 1957, trong các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Trường-Chinh đưa ra nhiều ý kiến về việc sửa sai từng bước và đề nghị mở những hội nghị sơ kết nhằm kịp thời tổng kết kinh nghiệm để làm các bước tiếp theo. Qua các hội nghị sơ kết đó để đề ra các chính sách bổ sung về công tác sửa sai. Những vấn đề này được đồng chí Trường-Chinh cụ thể hoá trong bài viết “Kiểm điểm tình hình công tác sửa sai bước 1 và mấy ý kiến về công tác sửa sai bước 2” đăng trên tạp chí *Học tập*, số tháng 1-1957. Bài viết chỉ rõ tính chất quan trọng và phức tạp của công tác bước 2, nêu lên những nhiệm vụ cụ thể và yêu cầu của bước 2, những thuận lợi và khó khăn; chỉ ra phương châm, cách thức tổ chức bước 2 và việc thực hiện những bước công tác ngắn của bước 2.

1. Xem: Tạp chí *Học tập*, số tháng 11-12-1956, tr.23.

Trong các cuộc họp với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Trường-Chinh đề nghị tăng cường cán bộ giúp các tỉnh, huyện trong việc duyệt thành phần. Trong thực tiễn, đồng chí quan tâm lắng nghe ý kiến của các địa phương, yêu cầu Ban Bí thư phải lãnh đạo hàng ngày công tác sửa sai, và đề nghị phân công các đồng chí trong Bộ Chính trị theo dõi địa phương để giúp lãnh đạo tập thể được tốt hơn. Không những quan tâm chỉ đạo chung công tác sửa sai trên toàn miền Bắc, đồng chí Trường-Chinh còn quan tâm đến từng địa phương cụ thể, giúp họ tìm ra nguyên nhân sai lầm và hướng khắc phục¹.

Sau khi phát hiện ra sai lầm nặng nề trong cải cách ruộng đất, với tinh thần tự phê bình và trách nhiệm cao, đồng chí Trường-Chinh đã tích cực cùng với các cơ quan trung ương và địa phương ra sức sửa chữa sai lầm để đưa tình hình xã hội sớm trở lại ổn định, cán bộ,

1. Khi nghe báo cáo về tình hình sửa sai ở Hà Tĩnh, đồng chí Trường-Chinh đã chỉ ra tính chất sai lầm của lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh và chỉ ra cách làm cho Hà Tĩnh. Theo đó, tỉnh uỷ cần mở hội nghị bàn về vấn đề sửa sai, cần đánh giá tình hình cụ thể, tìm nguyên nhân và cách thức tiếp tục sửa sai.

Trong việc đền bù tài sản, đồng chí Trường-Chinh đóng góp ý kiến trong việc đề ra nguyên tắc trả, cách trả, thời hạn thực hiện và đề nghị Chính phủ cố gắng đền bù cho dân, đồng thời phải nắm công tác tư tưởng cho tốt để tránh việc ỷ lại.

đảng viên và các tầng lớp nhân dân lấy lại niềm tin đối với Đảng và Chính phủ để ra sức khôi phục và xây dựng đất nước¹.

Tháng 11-1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương đã đánh giá toàn bộ nhiệm vụ cải cách ruộng đất và công tác sửa sai. Hội nghị nhận định rằng Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương trên những nét lớn đã vạch rõ phần đúng, phần sai trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, đã phân tích, phê phán những sai lầm và đề ra những phương châm, chính sách và biện pháp sửa chữa. Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương đã có tác dụng lớn trong việc cải biến tình hình nghiêm trọng trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức gây ra, “qua sửa sai những sai lầm đó... những thành quả của cải cách ruộng đất đã được giữ vững và phát huy thêm”². “Việc sửa sai thành công chứng tỏ Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ mười (mở rộng) là đúng”³.

Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương đánh giá rằng: “Nhờ có *Nghị quyết của Hội nghị Trung ương*

1. Sau này, ngày 25-5-1994, khi kết luận một số vấn đề về lịch sử Đảng thời kỳ từ năm 1930-1975, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khoá VII cho rằng: Căn cứ tình hình thực tế nông thôn miền Bắc nước ta sau năm 1954... thì chủ trương cải cách ruộng đất như đã làm là không cần thiết.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.525, 560.

lần thứ mười (mở rộng), công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đã mang lại kết quả tốt. Cơ sở đảng ở nông thôn đã được củng cố và tăng cường; những đảng viên bị xử trí sai đã được khôi phục đảng tịch; những cán bộ bị xử trí sai đã được khôi phục chức vụ cũ. Các tổ chức chính quyền và quần chúng ở xã cũng được củng cố và kiện toàn thêm. Vai trò của bản, cố nông được nâng cao hơn và bản, cố, trung nông đoàn kết hơn. Những người bị quy sai và xử trí sai trong cải cách ruộng đất đã được sửa thành phần, khôi phục danh dự và đền bù tài sản một cách tương đối thích đáng. Không khí căng thẳng ở nông thôn trước sửa sai đã dần dần dịu đi, nông thôn dần dần bước vào thế ổn định về mọi mặt, sản xuất được đẩy mạnh, tinh thần phấn khởi của quần chúng được phục hồi và phát huy. Lòng tin tưởng của quần chúng đối với Đảng và Chính phủ được củng cố trở lại”¹.

Đi sâu phân tích những nguyên nhân sai lầm để rút ra những bài học kinh nghiệm cho Đảng, Hội nghị cho rằng: “Khi nào và ở đâu chúng ta xa rời phương pháp tư tưởng và phương pháp công tác của chủ nghĩa Mác - Lênin thì chúng ta đã phạm sai lầm... và do đó đã phạm phải chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa quan liêu”². Vì vậy, “bài học kinh nghiệm lớn thứ nhất”

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.558-559, 561.

mà Đảng ta rút ra từ cải cách ruộng đất là: “phải *kiên quyết chống chủ nghĩa chủ quan, khắc phục chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm*”¹; “phải *tôn trọng những nguyên tắc tổ chức và nguyên tắc sinh hoạt của một đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, giữ vững chế độ tập trung dân chủ và nguyên tắc lãnh đạo tập thể, củng cố sự đoàn kết trong toàn Đảng trên cơ sở nhất trí về tư tưởng và thống nhất về tổ chức, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa tự do, vô chính phủ, cũng như của chủ nghĩa tập trung quan liêu*”²; “phải *làm cho mọi công tác của chúng ta đều được tiến hành thật sự theo đường lối quần chúng*”³.

Hội nghị rút ra những bài học của sửa sai là: “với tinh thần phụ trách cao độ trước quần chúng, phải dũng cảm thừa nhận sai lầm và kiên quyết sửa sai, đồng thời phải giữ vững nguyên tắc;... một mặt phải chống những tư tưởng bảo thủ và ngoan cố, không chịu thành khẩn nhận sai lầm và kiên quyết sửa sai; mặt khác phải kiên quyết chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa xét lại, chống những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa, tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, lợi dụng lúc Đảng gặp khó khăn mà đả kích, chia rẽ, yêu sách với Đảng và tự đề cao mình; đồng thời ra sức khắc phục những tư tưởng và thái độ bi quan, tiêu cực, hoang mang, hoài nghi, mất tin tưởng đối với sự lãnh đạo của Đảng”⁴.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.19, tr. 567, 569, 570, 571.

Hội nghị đã thông qua Nghị quyết "Về tổng kết cải cách ruộng đất".

Những đánh giá và những bài học rút ra từ thực tiễn cải cách ruộng đất và sửa sai ở Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương cũng như Nghị quyết "Về tổng kết cải cách ruộng đất" phần nào nói lên bản lĩnh cách mạng, thái độ và trách nhiệm cao của đồng chí Trường-Chinh trong nhận thức và sửa chữa sai lầm trong lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn của mình trên cương vị là Tổng Bí thư của Đảng và cả khi từ chức Tổng Bí thư để lãnh đạo công tác sửa sai lấy lại uy tín của Đảng và niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta.

6.3. Khôi phục và cải tạo kinh tế miền Bắc

Song song với nhiệm vụ trung tâm ở miền Bắc là hoàn thành cải cách ruộng đất, Ban Chấp hành Trung ương Đảng cụ thể hoá nhiệm vụ khôi phục sản xuất, phục hồi kinh tế quốc dân, cải thiện một bước đời sống nhân dân được đề ra ở Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương.

Ngày 9 và 10-12-1954, Hội nghị Bộ Chính trị họp bàn về đường lối, phương châm và chương trình khôi phục kinh tế và bàn kế hoạch năm 1955. Tại Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh đã phát biểu bổ sung nhiều điểm vào dự thảo kế hoạch, nhất là về đặc điểm tình

hình và những khó khăn mà nước ta đang gặp phải; góp ý về phương châm, mục đích, kế hoạch cụ thể cũng như những điều kiện để bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch đã đề ra. Về phương châm, đó là phải phục vụ lợi ích của nhân dân, nâng cao mức sống của nhân dân lao động; phải thực hiện cân bằng giữa sản xuất - tiêu thụ, giữa kỹ thuật với trang thiết bị; phân biệt việc cần làm và chưa cần làm. Đối với cải tạo kinh tế ở nông thôn phải được tiến hành sau khi cải cách ruộng đất xong, sau đó củng cố và phát triển sản xuất từng bước và có kế hoạch, chuẩn bị điều kiện tiến lên thời kỳ kiến thiết và mở đường tiến tới chủ nghĩa xã hội; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, đồng thời phát huy khả năng phát triển kinh tế tư nhân. Về chính sách, cần nghiên cứu kinh nghiệm của các nước bạn để đưa ra đường lối, chính sách cho phù hợp với hoàn cảnh của nước ta và mỗi chính sách cụ thể phải được nghiên cứu kỹ, thông qua và định rõ thời gian thực hiện.

Tháng 3-1955, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, Tổng Bí thư Trường-Chinh nêu lên nhiệm vụ củng cố miền Bắc về mọi mặt. Bên cạnh việc hoàn thành cải cách ruộng đất phải ra sức phục hồi kinh tế, nâng cao sản xuất, hàn gắn những vết thương chiến tranh, bảo đảm cung cấp trong thời bình, nâng cao đời sống của nhân dân, tạo điều kiện để tăng cường lực lượng và kiến thiết nước nhà, tranh thủ sự đồng tình

và ủng hộ của đồng bào miền Nam. Đồng chí cho rằng, đối với điều kiện nước ta, nhiệm vụ phục hồi kinh tế nên bắt đầu từ việc phục hồi nông nghiệp, giao thông vận tải, khôi phục công nghiệp, củng cố tài chính, tăng thu, ổn định tiền tệ và bình ổn giá cả... Phục hồi và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là đầu mối để khôi phục kinh tế, do vậy cần phải tăng gia sản xuất, tích cực khai hoang, phục hồi diện tích trồng trọt. Do chiến tranh kéo dài, phải dốc tiền tài vật lực cho cuộc chiến tranh, những cơ sở sản xuất của ta bị địch phá hoại cũng khá nhiều, lại thêm thiên tai liên tiếp nên nạn đói đang phát triển và lan rộng, vì vậy, phải “cứu đói như cứu lửa”.

Trong tình hình đó, đồng chí Trường-Chinh đề nghị phải thi hành một số biện pháp gấp rút như vận động nông dân sản xuất hoa màu ngắn ngày, giúp nông dân giải quyết lương thực và hạt giống, vay thóc của người giàu cấp cho người nghèo, vận động nhân dân cho nhau vay, dùng các quỹ tình thương, quỹ đoàn thể cho nông dân vay ăn để sản xuất...

Để khôi phục sản xuất tốt, cải thiện đời sống cho cán bộ, nhân dân, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tiến hành nhiều cuộc họp bàn các biện pháp và quyết định thành lập ở nhiều nơi các nông trường quốc doanh với những nhiệm vụ, yêu cầu hết sức cụ thể; giải quyết vấn đề đào tạo cán bộ khoa học phục vụ sản xuất, vấn đề chống lụt, bảo vệ dê điều.

Cùng với việc lãnh đạo khôi phục kinh tế, trong nhiều cuộc họp Ban Bí thư bàn về vấn đề xây dựng các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, Tổng Bí thư Trường-Chinh đánh giá cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Đồng chí nêu nhiều ý kiến đối với việc phát triển nền văn nghệ nước nhà và cho rằng phải chấn chỉnh, xây dựng phong trào vệ sinh, chỉnh đốn các cơ sở chữa bệnh hiện có, đề phòng những dịch bệnh có thể xảy ra... khuyến khích phong trào thể dục toàn dân có hướng dẫn, có lãnh đạo.

Tổng Bí thư cũng chỉ ra các biện pháp cụ thể củng cố chính quyền và chỉ rõ để tăng cường sức mạnh của chính quyền phải ra sức sửa chữa khuyết điểm, liên hệ mật thiết với dân, quan tâm đến đời sống của nhân dân, tránh quan liêu mệnh lệnh. Các cấp uỷ đảng phải sử dụng chính quyền để thực hiện chính sách và đường lối của Đảng.

Từ ngày 13 đến 20-8-1955, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá II) đã họp bàn quyết định về một số nhiệm vụ trước mắt của hai miền. Sau lời khai mạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường-Chinh trình bày bản báo cáo: “Đoàn kết nhân dân toàn quốc đấu tranh thực hiện thống nhất Việt Nam trên cơ sở độc lập và dân chủ”. Trên cơ sở phân tích những thay đổi của tình hình trong nước và quốc tế,

Đảng ta đề ra nhiệm vụ trước mắt là ra sức tập hợp lực lượng toàn dân thành một mặt trận rộng rãi với một cương lĩnh chung thích hợp để chống đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai của chúng, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập, dân chủ và bằng phương pháp hòa bình; đồng thời đấu tranh để củng cố hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh trở lại Đông Dương.

Để tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà và đẩy mạnh việc củng cố miền Bắc, đồng chí Trường-Chinh xác định phải tăng cường lãnh đạo tư tưởng, củng cố Đảng và sửa đổi lối làm việc của Đảng. Đồng chí nhấn mạnh một số vấn đề cần phải làm để thích hợp với yêu cầu của tình hình mới là:

1. Đẩy mạnh khôi phục kinh tế, thiết thực chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà.

2. Đảm bảo hoàn thành cải cách ruộng đất và tổ chức nông dân sản xuất sau cải cách ruộng đất.

Mặt khác, do bọn thổ phỉ, biệt kích, gián điệp còn hoạt động ở nhiều nơi, như các vùng công giáo, dân tộc thiểu số, nên một nhiệm vụ cấp bách đặt ra là phải tiêu trừ bọn thổ phỉ, biệt kích và việc trấn áp bọn gián điệp, bọn phá hoại cũng cần được thực hiện tích cực.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền nhà nước được tăng cường sức mạnh, các lĩnh vực sản xuất dần ổn định và phát triển. Tổng sản lượng nông nghiệp và công nghiệp đã xấp xỉ bằng năm 1939. Sản lượng nông

nghiệp đã vượt nhiều so với trước chiến tranh, đạt 4.000.000 tấn. Thành phần kinh tế quốc doanh được củng cố, những đặc lợi, đặc quyền của bọn đế quốc bị xoá bỏ. Các hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại bình thường, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể và chuẩn bị bước sang thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Trước những chuyển biến quan trọng của đất nước sau khi hoà bình lập lại ở miền Bắc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận thấy phải sửa đổi Hiến pháp năm 1946 cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng nước ta. Bởi vậy, ngày 23-1-1957, Quốc hội nước ta đã quyết định sửa đổi Hiến pháp. Quốc hội đã bầu ra Ban sửa đổi Hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban, đồng chí Trường-Chinh là uỷ viên của uỷ ban này và đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc xây dựng Hiến pháp năm 1959. Tại các cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí nêu rõ rằng Hiến pháp được xây dựng lúc này phải xuất phát từ thực tế Việt Nam, phải dựa vào nguyên tắc cơ bản của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và phải có tác dụng vào việc đấu tranh thống nhất nước nhà và Hiến pháp của ta phải cân nhắc sao cho phù hợp với tình hình của đất nước ta.

Về vấn đề phân cấp quyền lực nhà nước cũng như việc phân cấp quản lý hành chính, đồng chí đề nghị nên có bốn cấp từ Trung ương xuống tới địa phương, ở cấp

huyện có Hội đồng nhân dân. Huyện có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là để khắc phục tình trạng cấp tỉnh xa xã, đồng thời để xây dựng huyện mạnh lên nhằm phát huy khả năng, sáng kiến trong công tác. Đồng chí cũng cho rằng Hiến pháp cần thừa nhận quyền tư hữu tài sản của tư bản với hình thức chủ yếu là tư bản nhà nước, bỏ việc tịch thu mà chỉ trưng mua hay trưng dụng. Đồng chí cũng nói rõ rằng, cần phải thống nhất trong Trung ương trước, sau mới trưng cầu ý dân và phải xác định quá trình thảo luận dự thảo Hiến pháp là một quá trình giáo dục cho nhân dân.

Ngày 4-10-1957, sau một năm kể từ Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương, nhận thấy đồng chí Hồ Chí Minh vừa là Chủ tịch nước, vừa là Chủ tịch Đảng lại phải kiêm thêm công việc của Tổng Bí thư sau khi đồng chí Trường-Chinh từ chức, đồng chí đề nghị Bộ Chính trị để Chủ tịch Hồ Chí Minh thôi chức Tổng Bí thư và không ở trong Ban Bí thư nữa để tập trung vào công việc chính. Đồng chí Trường-Chinh và một số đồng chí đề nghị Bộ Chính trị để đồng chí Lê Duẩn vào Ban Bí thư giữ chức Quyền Tổng Bí thư cho đến Đại hội toàn quốc của Đảng¹. Ngày 7-10-1957, Bộ Chính trị biểu quyết tán thành đề nghị đó².

1, 2. Xem: Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Đến cuối năm 1957, nhiệm vụ khôi phục kinh tế căn bản đã hoàn thành, miền Bắc bước vào thời kỳ phát triển kinh tế. Để thống nhất tư tưởng, đoàn kết trong toàn Đảng, hoàn thành nhiệm vụ trước mắt, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương đã họp từ ngày 19 đến 21-12-1957. Tại Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh đọc bản báo cáo “Thống nhất tư tưởng, đoàn kết toàn Đảng đẩy mạnh hoàn thành nhiệm vụ trước mắt”, nhấn mạnh: mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, lập trường của giai cấp công nhân, phải luôn trung thành với nguyên lý của chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống chủ nghĩa sô vanh. Bản báo cáo phân tích và nhận định về nhiệm vụ cách mạng trước mắt; giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam; nhận định về nền chuyên chính dân chủ nhân dân của ta; vấn đề khôi phục kinh tế; vấn đề quan hệ giữa lãnh đạo và quần chúng, chống bệnh quan liêu và vấn đề đoàn kết quốc tế. Bản báo cáo khẳng định “nhiệm vụ quan trọng của Đảng ta hiện nay là *phải thực hiện sự thống nhất tư tưởng, đoàn kết toàn Đảng* làm cho Đảng ta, muôn người như một, thống nhất hành động, chấp hành những nhiệm vụ công tác trước mắt và phát huy cao độ tác dụng lãnh đạo cách mạng của Đảng trong giai đoạn mới”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.799.

Giữa tháng 11-1958, tại Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương mở rộng, đồng chí Trường-Chinh phát biểu ý kiến về nhận định tình hình, nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch ba năm 1958 - 1960, chỉ rõ tình hình chuyển biến của miền Bắc sau khi quét sạch đế quốc và phong kiến, đồng thời chỉ ra các mâu thuẫn cơ bản ở miền Bắc và phác thảo ra đường lối chung cho toàn miền Bắc để Trung ương thảo luận.

Về nông nghiệp, đồng chí cho rằng, không phải chờ phát triển nông trường rồi mới phát triển nông nghiệp. Phải coi việc cải tạo quan hệ sản xuất là chính. Trên cơ sở tổ đổi công, chuyển dần sang hợp tác xã, ra sức cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất. Đến quý I năm 1959, phải giáo dục quần chúng và phát động quần chúng làm đổi công hợp tác và năm 1960 phải hoàn thành hợp tác xã cấp thấp, một nửa là hợp tác xã bậc cao và đề nghị tiến hành cải cách dân chủ ở miền núi nhưng cần có nội dung phù hợp và phải làm thí điểm trước.

Để Trung ương có thể nắm và chỉ đạo hợp tác hoá trong toàn quốc, đồng chí Trường-Chinh đề nghị Trung ương nghiên cứu tổ chức bộ máy để giúp Trung ương trong vấn đề này nhưng cho rằng phải hết sức cẩn thận, đề phòng chủ nghĩa lãng mạn trong kinh tế.

Về công thương nghiệp, tình hình có khác, không phải chờ cải tạo xong mới phát triển công nghiệp quốc doanh, trái lại phải phát triển công nghiệp và thương

ng nghiệp ở những nơi có điều kiện cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và thủ công nghiệp. Phát triển và cải tạo phải xoắn với nhau, kết hợp với nhau chặt chẽ.

Tại Hội nghị này, đồng chí còn nhận định rằng: về công nghiệp, lâu dài mà nói, không có con đường nào khác là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng nhưng trong bốn năm đầu ta phải chú trọng công nghiệp nhẹ, tư liệu tiêu dùng nhiều hơn. Từ năm thứ năm trở đi sẽ dần dần ngang nhau.

Về phần giáo dục, trong điều kiện của miền Bắc, các trường công lập chưa thể đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân, nên đề nghị Trung ương vận động nhân dân xây dựng thêm các trường dân lập.

Những ý kiến của đồng chí Trường-Chinh đã góp phần hình thành nên chủ trương của Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khoá II, tháng 11-1958, là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương đồng ý để các đồng chí Trường-Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp được rút khỏi nhiệm vụ Bí thư Ban Chấp hành Trung ương và chỉ làm nhiệm vụ Ủy viên

Bộ Chính trị vì hiện nay các uỷ viên Bộ Chính trị “cần để nhiều thì giờ và công sức vào việc nghiên cứu các vấn đề thuộc đường lối, phương châm, chính sách của Đảng, nếu lại phải đảm đương luôn việc chỉ đạo thực hiện thì không lợi”¹.

Kỳ họp thứ chín Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà họp từ ngày 9 đến 14-12-1958 đã phê chuẩn đề nghị của Hội đồng Chính phủ bổ nhiệm một số nhân sự của Chính phủ. Đồng chí Trường-Chinh được bổ nhiệm làm Phó Thủ tướng kiêm Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học nhà nước.

Từ ngày 16 đến 30-4-1959, Ban Chấp hành Trung ương đã họp Hội nghị lần thứ 16 (mở rộng) bàn về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp, cải cách dân chủ ở miền núi, cải tạo đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh và chuẩn bị Đại hội lần thứ III của Đảng. Tiếp tục chủ trương mà Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương đề ra, Hội nghị lần này đã thảo luận về vấn đề phát triển kinh tế quốc dân ở miền Bắc nước ta. Hội

1. Hội nghị cũng quyết định: “Đồng chí Hồ Chí Minh, Chủ tịch Đảng vẫn kiêm nhiệm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Nhưng hàng ngày, cần để nhiều thì giờ chủ trì công việc của Bộ Chính trị, mà không phải bận nhiều vào công việc của Ban Bí thư”; “Đồng chí Lê Duẩn, Uỷ viên Bộ Chính trị, được tạm thời uỷ nhiệm chủ trì công việc của Ban Bí thư”. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.583-584.

ng nghị đã thông qua ba nghị quyết quan trọng: Nghị quyết về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp; Nghị quyết về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc; và Nghị quyết về vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi. Đồng chí Trường-Chinh có bài phát biểu “Kiên quyết đưa nông thôn miền Bắc nước ta qua con đường hợp tác hoá nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội” và trình bày Dự thảo Nghị quyết về hợp tác hoá nông nghiệp.

Sau Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Trường-Chinh tham gia nhiều cuộc họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, nêu ra các vấn đề mâu thuẫn trong xã hội, một số vấn đề về phương hướng, nhiệm vụ, phương châm, chủ trương, cách thức tiến hành các nhiệm vụ trong phát triển hợp tác hoá và cải tạo công thương nghiệp ở nước ta.

Thực hiện các nghị quyết nói trên, nhiệm vụ phục hồi, phát triển sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã giành được những kết quả quan trọng¹. Sản xuất

1. Về nông nghiệp, đến đầu tháng 6-1960, đã có 55% tổng số hộ nông dân lao động tham gia hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, trong đó có 4% số hộ vào hợp tác xã sản xuất bậc cao.

Về thủ công nghiệp, 67,8% tổng số lao động thủ công

nông nghiệp và công nghiệp bị tàn phá nặng nề trong chín năm kháng chiến đã được phục hồi và phát triển khá nhanh¹.

Do sản xuất phát triển, thu nhập tính theo đầu người tăng đáng kể, đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ta đã được nâng cao thêm một bước. Nạn mù chữ cơ bản đã được xoá hết ở miền xuôi, phong trào bổ

chuyên nghiệp được tổ chức lại trong các hình thức hợp tác hoá. Một nửa tổng số người buôn bán nhỏ đã tham gia các loại tổ hợp tác và hợp tác xã định lãi định lương, và 5,5% chuyển hẳn sang sản xuất. Số hộ công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa đi vào công tư hợp doanh chiếm 97,2% tổng số hộ tư sản ở miền Bắc, bao gồm 97% tổng số vốn đăng ký.

Tính đến cuối năm 1959, công nghiệp quốc doanh đã chiếm 47,5% giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp; vận tải quốc doanh chiếm 70,3% tổng khối lượng hàng hoá luân chuyển; thương nghiệp quốc doanh chiếm 89% tổng mức bán buôn và 41,4% tổng mức bán lẻ. Ngân hàng hoàn toàn do Nhà nước quản lý.

Theo sách: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.560-561.

1. Năm 1959, tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 52,4% so với năm 1955; về công nghiệp, có 152 xí nghiệp trung ương và hơn 500 cơ sở công nghiệp địa phương. Công nghiệp và thủ công nghiệp mỗi năm tăng bình quân 28% kể từ năm 1956 đến 1959. Tỷ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp có bước thay đổi: năm 1955, nông nghiệp chiếm 83,1%; công nghiệp chiếm 10,9%. Đến năm 1959, nông nghiệp chỉ còn chiếm 64,5% và công nghiệp đã lên tới 35,5%.

Theo sách: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.561.

túc văn hoá phát triển mạnh mẽ. Số trường phổ thông tăng thêm 1.745 trường, số học sinh tăng 2 lần, tăng thêm 26 trường chuyên nghiệp trung cấp, tăng số học sinh lên 5 lần, tăng 6 trường đại học với số sinh viên tăng 6 lần. Đến cuối năm 1959, tổng số học sinh và sinh viên đã lên đến 2.400.000 người¹.

Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân cũng đạt được những bước tiến bộ quan trọng, phong trào thể dục toàn dân được phát triển rộng khắp.

Những thành tựu đạt được về mọi mặt trong những năm sau hoà bình lập lại chứng tỏ đường lối, chủ trương của Đảng ta về khôi phục và phát triển kinh tế, cải tạo kinh tế, phát triển văn hoá là đúng đắn. Là Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Trường-Chinh đã có những đóng góp quan trọng, cơ bản không những trong việc hình thành đường lối, chủ trương mà cả trong chỉ đạo thực hiện, đưa đường lối, chủ trương ấy của Đảng vào thực tế đời sống của nhân dân, mang lại những chuyển biến quan trọng về mọi mặt trên toàn miền Bắc và làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam.

6.4. Với cách mạng miền Nam

Báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Hội nghị

1. Những số liệu này dựa theo *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.562.

lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (tháng 7-1954) khẳng định kẻ thù chính, nguy hiểm nhất của nhân dân ta là đế quốc Mỹ. Báo cáo vạch rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng thay đổi nên ta phải thay đổi chính sách và khẩu hiệu cho phù hợp với tình hình mới.

Trong báo cáo “Để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt”, đồng chí Trường-Chinh nhận định “Tình hình Đông Dương có hai khả năng phát triển: khả năng chiến tranh kéo dài và mở rộng, khả năng lập lại hoà bình ở Đông Dương bằng phương pháp thương lượng hoà bình” và nêu rõ quan điểm là “Nhân dân ta đang ra sức đấu tranh làm cho khả năng thứ hai thực hiện.

Hòa bình thực hiện thì có lợi cho nhân dân Đông Dương và nhân dân thế giới, vì như thế là phá được âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương của đế quốc Mỹ, và làm cho tình hình Đông Nam Á và thế giới bớt căng thẳng.

Trước đây ta chủ trương trường kỳ kháng chiến tự lực cánh sinh là rất đúng. Nhưng nay do tình hình biến đổi ta chủ trương tranh thủ hoà bình, đồng thời chuẩn bị tiếp tục chiến tranh nếu cần thiết¹. Đồng chí chỉ rõ vì kẻ thù chính và nguy hiểm nhất của nhân dân ta là đế quốc Mỹ nên ta “phải chĩa mũi nhọn đấu tranh vào

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.175.

chúng, cô lập chúng và đánh đổ chúng”. Khẩu hiệu đề ra là *“hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ”*. Khẩu hiệu này và các chủ trương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Trường-Chinh được Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương nhất trí và trở thành mục tiêu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta.

Để cụ thể hoá và bổ sung thêm Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, từ ngày 5 đến 7-9-1954, Bộ Chính trị đã họp và ra Nghị quyết *“Về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng”*.

Ngày 6-9-1954, thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Trường-Chinh ký Chỉ thị *“Về tình hình mới và nhiệm vụ công tác mới của miền Nam”*¹ nêu rõ đặc điểm của tình hình, chỉ ra những thuận lợi và khó khăn của miền Nam do tình hình mới mang lại. Chỉ thị chỉ rõ kẻ thù chính, cụ thể trước mắt của ta và đề ra khẩu hiệu và nhiệm vụ chung của miền Nam là: *“Củng cố hoà bình, đòi tự do dân chủ và cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất và hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc”*². Tuy nhiên, có thể tuỳ tình hình và trường hợp cụ thể mà nêu điểm nào đó trong số những điểm trên thành khẩu hiệu đi kèm với khẩu hiệu chung. Từ nhiệm vụ chung đó, trong chỉ thị này đã chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể trước mắt.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.19, tr.271, 273-274.

Sách lược chung là tập trung mũi nhọn chĩa vào đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và tay sai của chúng. Tranh thủ mọi người không phân biệt xu hướng chính trị và tôn giáo, không thân Mỹ và tán thành chủ trương hoà bình, độc lập, thống nhất và dân chủ. Chỉ thị đã vạch ra phương châm chung cho cách mạng miền Nam và phương châm công tác ở miền Nam là:

- Kết hợp hài hoà giữa công tác hợp pháp và công tác bất hợp pháp. Các đoàn thể quần chúng thì lấy tổ chức hợp pháp hoặc nửa hợp pháp là chính, còn Đảng thì lấy tổ chức bất hợp pháp là chính.

- Hết sức lợi dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp mà tuyên truyền, cổ động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh; phải khéo che giấu lực lượng, đánh giá đúng địch, theo kiểu “biết địch, biết ta, trăm trận trăm thắng”, không chủ quan với địch; đẩy mạnh công tác ở thành thị, giữ vững và phát triển cơ sở nông thôn, đặc biệt là vùng căn cứ du kích cũ.

Chỉ thị đề ra công tác cho Mặt trận dân tộc thống nhất như: tên của Mặt trận, thành phần, chính cương, điều lệ, nhân sự lãnh đạo Mặt trận; chính sách đối với nguy quân, nguy quyền, vấn đề ruộng đất, vấn đề gây phong trào bảo vệ hoà bình, công tác tuyên truyền, công tác tổ chức quần chúng (công đoàn, nông hội, thanh niên, phụ nữ), tổ chức và lãnh đạo các đảng bộ ở miền Nam, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, công tác vận động đồng bào thiểu số, vận động tôn giáo, vận động

đồng bào miền Bắc đã di cư vào Nam. Chỉ thị nhấn mạnh việc các tổ chức đảng phải lấy bí mật làm chính; tổ chức đảng phải trong sạch, vững mạnh, nghiêm mật, tuyệt đối không để cho bọn gian tế, bọn bóc lột chui vào. Các cơ quan phải gọn nhẹ, bí mật.

Để lãnh đạo quần chúng đấu tranh theo mục tiêu đã vạch ra, Bộ Chính trị quyết định bỏ Trung ương Cục miền Nam mà thành lập Xứ uỷ Nam Bộ và các khu uỷ. Ở Liên khu V, giữ nguyên Khu uỷ và lập thêm ba liên tỉnh uỷ. Riêng Thừa Thiên, Quảng Trị, do Pháp đang đóng quân nên tạm thời giao cho Khu uỷ Khu IV phụ trách. Trung ương quyết định sẽ thành lập một bộ phận giúp Trung ương chỉ đạo miền Nam; bộ phận này do một đồng chí trong Bộ Chính trị phụ trách.

Những chủ trương mới trên đây của Đảng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương và các nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị đã được Đảng bộ miền Nam tổ chức nghiên cứu và vận dụng vào điều kiện cụ thể ở địa phương.

Trước tình hình Mỹ ngày càng trực tiếp can thiệp sâu phá hoại hòa bình ở Đông Dương và phá hoại mục tiêu thống nhất nước ta, từ ngày 3 đến 12-3-1955, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương họp để phân tích tình hình, kiểm điểm việc thi hành các nhiệm

vụ từ sau hòa bình lập lại và đề ra những nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân trong năm 1955.

Tại Hội nghị, Tổng Bí thư Trường-Chinh trình bày báo cáo “Tình hình hiện tại và nhiệm vụ trước mắt”, phân tích sâu sắc tình hình thế giới và trong nước; chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể trước mắt là phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chung mà Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9-1954 đã đề ra. Nhưng giờ đây, tình hình đã có nhiều thay đổi nên tính chất của cuộc đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của ta sẽ lâu dài, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi. Đồng chí Trường-Chinh chỉ ra nguy cơ của miền Nam Việt Nam đang bị đế quốc Mỹ biến thành căn cứ chiến lược của chúng, làm bàn đạp để tiến công ra miền Bắc và cả khu vực. Do đó, vấn đề hoà bình và thống nhất phải quan hệ mật thiết với nhau: không củng cố được hoà bình thì không thể thực hiện thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử và ngược lại, không thực hiện thống nhất bằng tổng tuyển cử thì cũng không củng cố được hoà bình. Hoà bình của Việt Nam gắn liền với hoà bình của khu vực và thế giới.

“Vì vậy, hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ là mục tiêu đấu tranh của chúng ta trong giai đoạn đấu tranh chính trị này; khẩu hiệu chung của cuộc đấu tranh chính trị của ta vẫn là củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong

toàn quốc”¹. Nhiệm vụ công tác lớn lúc này là: đấu tranh để tiếp tục thi hành Hiệp định đình chiến, củng cố hoà bình và tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà; củng cố miền Bắc về mọi mặt; giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào miền Nam; thực hiện mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất trong toàn quốc; tăng cường công tác ngoại giao. Trong những công tác phải thi hành, có một công tác lớn nổi bật là “*đấu tranh gian khổ chống đế quốc Mỹ, phái thực dân Pháp phản hiệp định và bọn Ngô Đình Diệm đang chuẩn bị gây lại chiến tranh Đông Dương và trường kỳ chia cắt Việt Nam*”². Do vậy, nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong năm 1955 là phải động viên quần chúng đấu tranh chống Mỹ can thiệp vào Đông Dương và chống bọn tay sai của chúng; thực hiện mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam, duy trì và phát triển phong trào bảo vệ hoà bình ở miền Nam; chuyển hướng công tác, ổn định tổ chức và tăng cường đoàn kết nội bộ. Hình thức đấu tranh là chính trị và kinh tế, không phải quân sự. Phương châm đấu tranh là phải có lý, có lợi và có mức. Mục tiêu đấu tranh của Mặt trận trong giai đoạn đấu tranh chính trị này là: hoà bình, thống nhất, độc lập,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.16, tr.129, 131.

dân chủ. Đó cũng là nội dung chủ yếu của Chính cương Mặt trận lúc bấy giờ.

Để thực hiện những nhiệm vụ trên, báo cáo nêu lên những khuyết điểm, thiếu sót trong sự lãnh đạo của Đảng trong thời gian qua và chỉ ra hướng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thời gian tới cả về lãnh đạo tư tưởng, chính trị và tổ chức. Muốn tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng trước hết phải thực hiện một việc cấp bách là cải tiến phương pháp lãnh đạo và sửa đổi lề lối làm việc, khắc phục những khuyết điểm, đồng thời phải kiện toàn cơ quan lãnh đạo các cấp và mạnh dạn đề bạt cán bộ. Những quan điểm trên được Hội nghị thảo luận kỹ và nhất trí đưa thành nội dung của Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương. Riêng về công tác tổ chức và cán bộ đã được cụ thể hoá bằng Nghị quyết số 17 của Ban Bí thư, ngày 3-6-1955 về công tác tổ chức năm 1955 và Nghị quyết số 18 của Ban Bí thư, ngày 3-6-1955 về công tác cán bộ năm 1955.

Từ ngày 7 đến 12-8-1955, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương họp nhằm thảo luận nhiều vấn đề trong đó có vấn đề đoàn kết nhân dân toàn quốc đấu tranh để thực hiện thống nhất Việt Nam trên cơ sở độc lập và dân chủ, thảo luận Dự thảo Cương lĩnh của Mặt trận dân tộc thống nhất... Trong Báo cáo chính trị “Đoàn kết nhân dân toàn quốc đấu tranh để thực hiện thống

nhất Việt Nam trên cơ sở độc lập và dân chủ”¹ đọc tại Hội nghị, sau khi phân tích tình hình thế giới, trong nước và đề ra nhiệm vụ cụ thể của cách mạng Việt Nam phù hợp với tình hình mới, đồng chí Trường-Chinh đề cập nhiệm vụ đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà bằng tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc và nhiệm vụ củng cố miền Bắc. Để thực hiện những nhiệm vụ đó phải tăng cường lãnh đạo tư tưởng, củng cố Đảng và sửa đổi lề lối làm việc của Đảng. Tình hình mới đã đặt ra trước mắt nhân dân ta một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng là đấu tranh kiên quyết và bền bỉ để thực hiện thống nhất nước nhà bằng tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc, đồng thời ngăn ngừa chiến tranh ở Đông Dương. Vấn đề đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ mấu chốt của cuộc đấu tranh chính trị trong thời kỳ mới này. Đây là cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ và phức tạp, muốn giành thắng lợi cần phải mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất trong cả nước, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình, tranh thủ được tất cả mọi lực lượng có thể tranh thủ, trung lập những người có thể trung lập, phân hoá và cô lập kẻ thù.

Do nước ta bị chia làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, mỗi bên đều có chính quyền riêng, quân đội riêng, muốn thống nhất bằng đường lối hoà

1. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

bình không thể ép buộc mà nên chiếu cố đến lợi ích và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân của cả hai miền một cách thích hợp. Muốn vậy, Mặt trận dân tộc thống nhất phải có một cương lĩnh chung phù hợp với tình hình thực tế của cả hai miền để đoàn kết, để tập hợp các đảng phái, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo vì một mục tiêu, một ý chí là: đập tan âm mưu của đế quốc Mỹ trong việc định chia cắt lâu dài nước ta làm hai miền. Cho nên cương lĩnh của Mặt trận phải ôn hoà mà đanh thép và phải kết hợp được nguyên tắc cứng rắn với tính linh hoạt cao độ để tranh thủ được nhiều nhất, rộng rãi nhất mọi tầng lớp nhân dân. Vấn đề mấu chốt là vấn đề chính thể và chính sách của nước Việt Nam sau khi thống nhất cũng được đề ra trong bản cương lĩnh này. Chủ trương của ta là sau khi tổng tuyển cử sẽ có một Quốc hội chung bao gồm tất cả các đảng phái, các dân tộc, các giai cấp, không phân biệt tôn giáo, không phân biệt xu hướng chính trị. Quốc hội ấy sẽ thông qua Hiến pháp chung cho cả nước và bầu ra Chính phủ liên hiệp của toàn dân chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Các vấn đề như nội trị, ngoại giao, phương châm thống nhất cũng được đề cập trong bản cương lĩnh này. Phương châm chung để thống nhất đất nước bằng phương pháp hoà bình là thống nhất từng bước. Khẩu hiệu chung là “Thống nhất Việt Nam trên cơ sở độc lập và dân chủ”.

Tinh thần nội dung báo cáo của đồng chí Trường-Chinh đã được Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương thảo luận kỹ, nhất trí và đúc rút lại thành nghị quyết.

Ngày 19-7-1956, Ban Bí thư phân công đồng chí Trường-Chinh chuẩn bị báo cáo về “Đường lối chung và đấu tranh thống nhất” để trình Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương mở rộng¹.

Ngày 26-8-1956, trong báo cáo “Tình hình thế giới và trong nước, kiểm thảo sự lãnh đạo của Trung ương, nhiệm vụ và công tác trước mắt”² tại Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương mở rộng bàn về việc thực hiện đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà, đồng chí Trường-Chinh nêu rõ: tuy phong trào đấu tranh ở miền Nam vẫn giữ được nhưng chính sách Mặt trận chưa thực hiện được rộng rãi, nhiều cơ sở đảng ở địa phương đã bị tổn thất. Sở dĩ tình hình như vậy là do khuyết điểm của Trung ương đã không nghiên cứu kỹ được đặc điểm, tình hình của miền Nam, bản chất của cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất là cuộc đấu tranh cách mạng nên không giáo dục kỹ quần chúng và đảng viên; không đề ra được một đường lối đấu tranh toàn diện. Nhiều vấn đề về lý luận chưa được làm sáng tỏ như tính chất xã hội của miền Nam, nhiệm vụ, đối

1, 2. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

tượng, lực lượng cách mạng cụ thể và khả năng của phương pháp hoà bình. Không quán triệt tính chất lâu dài và gian khổ của cuộc đấu tranh nên đã có lúc chủ quan, chưa đánh giá hết được âm mưu của Mỹ - Diệm, chưa thấu triệt phương châm giữ gìn lực lượng từ đầu nên đã dẫn đến tổn thất ở một số địa phương. Do không nhận thức sâu sắc bản chất cách mạng của nhiệm vụ đấu tranh thống nhất nước nhà nên đã nặng về đấu tranh pháp lý, chưa coi trọng quan hệ Bắc - Nam, chưa chiếu cố miền Nam, chưa có kế hoạch đấu tranh toàn diện... Báo cáo đã kiểm điểm những thiếu sót, khuyết điểm của Trung ương Đảng trong việc lãnh đạo cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà và đề ra nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng là :

“Trên cơ sở những kết quả công tác đã thu được, kiên quyết sửa chữa những sai lầm, phát huy thành tích, để đi đến trong Đảng thì thống nhất tư tưởng, đoàn kết chặt chẽ, đối với nhân dân thì ổn định lòng dân, mở rộng và củng cố mặt trận, gây tình thân phấn khởi công tác, bảo đảm đẩy mạnh củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam và tiếp tục đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà”¹.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, các đảng bộ ở miền Nam đã phát động phong trào đấu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.456.

tranh chính trị sâu rộng và mạnh mẽ đòi địch phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến hành hiệp thương vào ngày 20-7-1956. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử đã thu hút hàng triệu người từ nông thôn đến thành thị, đủ mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào các cuộc biểu tình, bãi công, bãi thị, lấy chữ ký, đưa kiến nghị đòi chính quyền Diệm phải thực hiện hiệp thương như Hiệp định Giơnevơ quy định. Phong trào đấu tranh này phát triển mạnh mẽ từ năm 1955 đến 1956, nhiều người tham gia phong trào đã bị bắt, bị giết. Tiếp đến là các cuộc đấu tranh chống thủ đoạn “trưng cầu dân ý” của bọn Mỹ - Diệm, chống bầu cử Quốc hội của chúng.

Để đối phó với phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi khắp nơi của đồng bào miền Nam, Mỹ - Diệm đã thi hành chính sách “tố cộng, diệt cộng”. Với chính sách này, chúng nhằm tiêu diệt đảng viên cộng sản, những người có lòng yêu nước, đã tham gia cách mạng, các cơ sở cách mạng hoặc gia đình có người tham gia cách mạng hoặc đi tập kết, những người tán thành hoà bình, thống nhất đất nước, tóm lại là tất cả những ai đối lập với Diệm. Chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” diễn ra ô ạt khắp mọi nơi và kéo dài nhiều năm gây ra các cuộc tàn sát đẫm máu những người cộng sản và những người yêu nước. Trước tình hình đó, nhiều đội vũ trang cách mạng đã ra đời và bắt đầu có những trận đánh đầu tiên tiêu

diệt quân nguy như ở Minh Thạnh, Thủ Dầu Một, Trại Tre, Lò Than, Biên Hoà...

Trước làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của đồng bào miền Nam, Mỹ - Diệm đã dùng chính sách phát xít, khủng bố trắng, bắt bớ, giam cầm và giết hại rất nhiều chiến sĩ và đồng bào yêu nước hòng bóp chết sự phát triển của cách mạng.

Do vậy, một yêu cầu cấp bách của cán bộ, đảng viên và quần chúng miền Nam là vũ trang chống lại sự khủng bố dã man của địch. Xuất phát từ yêu cầu cách mạng, Trung ương đã triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 để bàn về đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà và đường lối cách mạng miền Nam.

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15, (đợt 1 từ ngày 12 đến 22-1-1959), đồng chí Trường-Chinh phát biểu nhiều ý kiến quan trọng về Đề cương cách mạng miền Nam, nêu rõ đặc điểm tình hình nước ta hiện nay, chỉ ra những mâu thuẫn xã hội cơ bản trong cả nước và mâu thuẫn ở mỗi miền từ sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc. Đồng chí phân tích rõ hai khả năng thực hiện thống nhất nước nhà là khả năng võ trang và khả năng hoà bình. Phân tích về khả năng võ trang để thực hiện thống nhất nước nhà, đồng chí nêu hai trường hợp:

a) Nhân dân miền Nam võ trang đánh đổ Mỹ -

Diệm, đưa một chính quyền nhân dân lên, thực hiện thống nhất với miền Bắc.

b) Mỹ - Diệm khởi hân, Bắc tiến, nhân dân và quân đội miền Bắc đánh lại, Nam tiến, trong khi ấy nhân dân miền Nam khởi nghĩa vũ trang, phát động du kích hưởng ứng và cùng quân đội miền Bắc tiêu diệt địch, thực hiện thống nhất nước nhà.

Đồng chí Trường-Chinh cho rằng, ba bảo pháp đối với cách mạng miền Nam là Đảng, Mặt trận và lực lượng vũ trang. Đồng chí đề nghị giữ nguyên Đảng Lao động Việt Nam nhưng có Phụ trương điều lệ riêng cho Đảng bộ miền Nam. Đảng bộ phải được xây dựng trong sạch và vững mạnh, tổ chức nghiêm mật theo nguyên tắc dân chủ tập trung (có châm chúc đối với điều kiện bất hợp pháp), có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, đường lối chính trị và đường lối tổ chức đều đúng. Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi được củng cố dựa trên cơ sở công nông liên minh do Đảng lãnh đạo. Đồng chí cho rằng, Mặt trận nên lấy tên riêng, cương lĩnh riêng bao gồm các nội dung như: đánh đổ Mỹ - Diệm; thực hiện quyền tự trị dân chủ, xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ; cải thiện dân sinh; bảo đảm lương tối thiểu và công ăn việc làm cho người lao động, thực hiện giảm tô, giảm tức tiến tới “người cày có ruộng”; hoà bình thống nhất nước nhà theo Hiệp định Giơnevơ; hiệp thương với miền Bắc, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Đồng chí cũng nêu rõ các thành phần tham gia Mặt trận, tính chất của Cường lĩnh. Khẩu hiệu của Mặt trận là: “Hòa bình, dân chủ, độc lập, thống nhất”.

Theo đồng chí, lúc này cần phát triển thành quân đội giải phóng của nhân dân và cũng nên duy trì những đơn vị vũ trang tuyên truyền, tổ chức tự vệ vũ trang. Phải lập căn cứ địa cách mạng ở những nơi có đủ các điều kiện như: nhân dân tốt, tổ chức cơ sở vững; có lực lượng vũ trang tự vệ nhất định; có địa hình, địa thế lợi cho ta tiến có thể đánh, lui có thể giữ; có lương thực. Đồng chí Trường-Chinh nhất trí với ý kiến của đồng chí Võ Nguyên Giáp là phải lập căn cứ địa chính trị trước, tiến lên xây dựng căn cứ địa vũ trang sau và cho rằng không nên nhầm lẫn căn cứ địa với an toàn khu như Đảng ta đã tổ chức hồi Chiến tranh thế giới thứ hai.

Đồng chí nêu lên việc tổng kết công tác không hợp pháp ở miền Nam, đề ra phương châm chung công tác miền Nam là “Trường kỳ phấn đấu, tự lực cánh sinh, tránh phiêu lưu mạo hiểm nhưng phải tích cực và chủ động”¹. Về công tác đảng, cần lưu ý ba việc chính là công tác tổ chức, công tác tư tưởng - giáo dục chính trị và công tác đào tạo cán bộ, trong đó, công tác tổ chức là công tác quan trọng nhất. Đường lối tổ chức của Đảng phải đúng, tổ chức phải có kế hoạch, tỉ mỉ dựa trên tính nguyên tắc

1. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

rất cao, gọn ghẽ, nhẹ nhàng, có khi phải hoạt động đơn tuyến và phải nắm vững đường lối tổ chức.

Từ ngày 10 đến 15-7-1959, đồng chí Trường-Chinh dự Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương (đợt 2) bàn và thông qua Nghị quyết "Về đường lối đấu tranh thống nhất và đường lối cách mạng miền Nam". Đồng chí nhiều lần phát biểu đề nghị thảo luận kỹ và đánh giá khả năng thực hiện thống nhất đất nước: khả năng hoà bình và khả năng vũ trang; thảo luận kỹ về nhiệm vụ của cả nước, nhiệm vụ riêng của nhân dân miền Bắc, phương hướng cách mạng miền Nam cũng như nhiều vấn đề khác¹.

Đồng chí nêu rõ những điểm thay đổi của tình hình miền Nam đã khác so với trước và nhấn mạnh: Cương lĩnh của ta ở miền Nam phải tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân và nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách đế quốc, phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Đồng chí nêu lên chủ trương thành lập chính quyền liên hiệp cho phù hợp với thực tế và đề nghị nói rõ tính chất của cuộc đấu tranh của ta là gian khổ và lâu dài.

1. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Những ý kiến của đồng chí Trường-Chinh đã góp phần quan trọng giúp Trung ương hoàn chỉnh đề án về đường lối cách mạng miền Nam và ban hành Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 (khoá II) đã đáp ứng nhu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam, cứu phong trào cách mạng đang trong cơn nguy biến, đồng thời đáp ứng lòng mong mỏi, nguyện vọng tha thiết của quần chúng đang sục sôi căm thù Mỹ - Diệm, vùng lên đấu tranh đập tan xiềng xích của chúng, từng bước giành quyền làm chủ, tạo ra những bước phát triển tiếp theo ngày càng to lớn. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 có ý nghĩa to lớn trong lịch sử cách mạng miền Nam, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, làm xoay chuyển tình thế, dẫn đến cuộc “Đồng khởi oanh liệt trong toàn miền Nam, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 là một trong những yếu tố dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 thể hiện sự độc lập, tự chủ, linh hoạt của Đảng ta trong việc hoạch định đường lối và lãnh đạo cách mạng ở miền Nam.

Trên cương vị là Tổng Bí thư (đến tháng 10-1956), và sau đó là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Trường-Chinh tiếp tục có những đóng góp to lớn vào việc xây dựng đường lối đúng đắn cho cách mạng nước ta.

Chương VII

TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1960 - 1975)

7.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

Sau khi hòa bình được lập lại (1954), nhất là sau khi hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế 1955-1957, phát triển kinh tế 1958-1960, việc xây dựng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc được đặt ra như một đòi hỏi lớn và bức thiết trước cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta. Trên cơ sở thực tiễn của miền Bắc trong giai đoạn cách mạng mới, từ yêu cầu về xây dựng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng chí Trường-Chinh cùng Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẩn trương hoạch định và tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc và đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà.

Sau Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương (tháng 10-1956), Đảng và Nhà nước ta tiếp tục

phân công đồng chí Trường-Chinh đảm trách nhiều công việc quan trọng. Tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khóa I (từ ngày 16 đến 29-4-1958), đồng chí được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp phụ trách văn hóa, giáo dục, khoa học. Tiếp đó, tại kỳ họp thứ chín Quốc hội khóa I (họp từ ngày 9 đến 14-12-1958) đồng chí Trường-Chinh kiêm thêm chức Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước.

Ngày 8-5-1960, nhân dân miền Bắc từng bừng thực hiện bầu cử Quốc hội khóa II - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hai tháng sau, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa II, đồng chí được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Từ đó đến năm 1976, đồng chí Trường-Chinh liên tục được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội các khóa: III (1964-1971); IV (1971-1975); V (1975-1976).

Miền Bắc nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, lao động thủ công là chủ yếu, lại trải qua một thời kỳ dài bị tàn phá bởi chiến tranh, quá độ lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Theo quan điểm của đồng chí Trường-Chinh, trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, cần phải lấy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm, đồng thời bắt đầu xây dựng có trọng tâm, trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật

của chủ nghĩa xã hội. Quan điểm đó được đồng chí trình bày trong nhiều cuộc họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc được đặt ra từ sớm, ngay trong quá trình xác định đường lối phát triển kinh tế ngắn hạn ba năm (1955-1957; 1958-1960), nhưng được bổ sung và phát triển toàn diện hơn tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (tháng 9-1960). Việc chuẩn bị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc đã được thiết kế cùng với quá trình chuẩn bị cho Đại hội lần thứ III, được xúc tiến từ năm 1957. Kể từ tháng 7-1957 trở đi, đồng chí Trường-Chinh tham dự nhiều cuộc họp Bộ Chính trị để bàn việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ III: xây dựng các tổ (tiểu ban) trong Ban báo cáo chính trị; bàn về đường lối cách mạng miền Bắc, đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà; phát triển đảng viên; vấn đề nhân sự cấp cao; vấn đề chỉnh huấn cán bộ, đảng viên, v.v..

Để kịp thời đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới, nhằm đề ra đường lối chiến lược, bước đi ban đầu, định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đường lối công nghiệp hóa, kiện toàn sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, từ ngày 5 đến 10-9-1960, tại Thủ đô Hà Nội, Đảng ta đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III. Đây là Đại hội “xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”¹.

Tại Đại hội, đồng chí Trường-Chinh trình bày bản Báo cáo quan trọng về “Công tác tư tưởng của Đảng”. Báo cáo khẳng định đi đôi với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, cần phải đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nước ta và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, trên cơ sở đó mà xây dựng nền đạo đức mới. Phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, làm phong phú đời sống tinh thần của toàn dân.

Đại hội đã thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng, sống còn đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của đất nước trong thời điểm bước ngoặt. Đại hội thông qua đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm (1961-1965) và đường lối cách mạng miền Nam.

Với đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.951.

cách mạng, giải phóng miền Nam, xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, trong đó, cách mạng miền Nam có vị trí quyết định trực tiếp đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, hoàn thành độc lập, thống nhất; cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vị trí quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ sự nghiệp thống nhất nước nhà... Trong bối cảnh quốc tế phức tạp, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã giải quyết thành công những vấn đề chiến lược gai góc đang đặt ra cho cách mạng Việt Nam và đã thiết kế đúng đắn, chính xác con đường đi tới thắng lợi của cách mạng mỗi miền và cả nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng chí Trường-Chinh tiếp tục được bầu lại là Ủy viên Bộ Chính trị.

Không chỉ định hướng trên những vấn đề đường lối chung, nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ trên miền Bắc, đồng chí Trường-Chinh đã trình bày những ý kiến cụ thể về từng lĩnh vực và phải làm gì, tổ chức như thế nào việc thực hiện xây dựng và phát triển các lĩnh vực cụ thể về kinh tế - xã hội. Đồng chí lưu ý: trong kế hoạch cần phân biệt việc gì làm gấp, việc gì chưa nên làm, việc gì cần chuẩn bị cho kế hoạch dài hạn về sau. Những vấn đề yêu cầu Bộ Chính trị đưa ra bàn bạc để quyết định là những vấn đề thiết thực và cấp bách trong kinh tế nông nghiệp: kế hoạch hướng dẫn quần chúng

làm thủy lợi vừa và nhỏ gắn với tăng cường kiểm tra, quản lý các công trình sẵn có; lãnh đạo chặt chẽ việc thi công xây dựng công trình thủy nông Bắc Hưng Hải; nghiên cứu hệ thống chống úng khu vực Hà - Nam - Ninh (nơi có đông đồng bào Công giáo và kinh tế khó khăn); nghiên cứu quy hoạch sông Hồng, quy hoạch trị thủy ở miền núi; mời chuyên gia nước ngoài tham gia tư vấn, xây dựng kế hoạch...¹

Để phục vụ đắc lực cho việc xây dựng và thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế, vấn đề đặt ra là phải sớm xây dựng và từng bước phát triển một nền khoa học - kỹ thuật mới, tại Hội nghị Bộ Chính trị ngày 14-12-1958 bàn về khoa học kỹ thuật, đồng chí Trường-Chinh nêu rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của khoa học kỹ thuật trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội và chỉ ra phương châm xây dựng nền khoa học kỹ thuật mới. Đồng chí cho rằng, việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật phải theo sát và phục vụ đường lối chung của Đảng trong thời kỳ quá độ, phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng. Đường lối phát triển khoa học kỹ thuật của ta là đường lối của giai cấp công nhân, khác hẳn đường lối của giai cấp tư sản.

Phương châm phát triển khoa học kỹ thuật được

1. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 5-9-1958. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

đồng chí Trường-Chinh nêu rõ: Lý luận liên hệ với thực tiễn, đại chúng hóa việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật, học tính sáng tạo của quần chúng. Phát triển khoa học kỹ thuật phải có trọng điểm nhưng cũng phải có chiến lược lâu dài, phải có kế hoạch cụ thể, tăng cường học tập kinh nghiệm của các nước anh em; tổ chức cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật v.v.. Đây có thể coi là những chỉ dẫn, định hướng quan trọng cho việc đặt những viên gạch nền móng xây dựng và phát triển nền khoa học kỹ thuật non trẻ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa¹.

Để cụ thể hóa đường lối kinh tế của Đại hội lần thứ III của Đảng, đồng chí Trường-Chinh cùng Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung bàn tại nhiều cuộc họp, hội nghị chuyên đề: *Về phát triển nông nghiệp* (tháng 7-1961), *Về phát triển công nghiệp* (tháng 6-1962), *Về kế hoạch nhà nước* (tháng 4-1963), *Về lưu thông, phân phối và giá cả* (tháng 12-1964)... Vấn đề quản lý kinh tế, xây dựng quan hệ sản xuất mới trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế cũng được đồng chí Trường-Chinh rất quan tâm. Đó cũng là nội dung quan trọng để vào đầu năm 1963, Bộ Chính trị đề ra ba cuộc vận

1. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 14-2-1958. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

động lớn: cuộc vận động cải tiến hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp; cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, ý thức trách nhiệm, chống quan liêu, lãng phí, tham ô, gọi tắt là cuộc vận động “ba xây, ba chống” trong công thương nghiệp; và cuộc vận động phát triển nông nghiệp ở miền núi...

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội lần thứ III của Đảng đề ra đã được toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tích cực thực hiện có hiệu quả, thông qua các phong trào thi đua sôi nổi. Cả miền Bắc đẩy lên phong trào thi đua “Tinh nguyện vượt mức kế hoạch năm năm”, xây dựng tổ, đội lao động chủ nghĩa xã hội, phong trào “Sóng Duyên Hải”, “Gió Đại Phong”, “Cờ ba nhất”, “Dạy tốt, học tốt”... xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tinh thần tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta ngày càng được phát huy mạnh mẽ. Nhờ đó, chỉ trong một thời gian ngắn, miền Bắc nước ta đã có những đổi thay to lớn, “đất nước, xã hội, con người đều đổi mới”.

Giữa lúc nhân dân ta đang đẩy mạnh thực hiện thắng lợi kế hoạch năm năm lần thứ nhất và Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng, đế quốc Mỹ tăng cường và mở rộng chiến tranh ra miền Bắc. Từ khí thế hào hùng thi đua lao động sản xuất, đến năm 1964, nhân dân ta đã đi vào cuộc kháng chiến chống Mỹ trên

phạm vi cả nước, với khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ đã phá hủy nhiều công trình kinh tế, văn hóa mà nhân dân ta mới xây dựng. Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, đồng chí Trường-Chinh cùng tập thể Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo miền Bắc nhanh chóng chuyển từ thời bình sang thời chiến, động viên lực lượng toàn dân, phát triển lực lượng vũ trang nhân dân, chuyển hướng xây dựng kinh tế theo yêu cầu chiến tranh.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, vấn đề đặt ra là trong điều kiện của một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, làm thế nào phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp, cải tiến quản lý hợp tác xã, nâng cao mức sống của nông dân và nhân dân? Nhiều quan điểm kinh tế của đồng chí Trường Chinh trong lĩnh vực này đã được cụ thể hóa trong sản xuất: vừa làm vừa kịp thời kiểm điểm rút kinh nghiệm một cách toàn diện, từ việc đề ra đường lối, chủ trương; xử lý mối quan hệ giữa cải tạo và phát triển; chính sách hợp tác hóa; chính sách đầu tư cho nông nghiệp, thu mua, giá cả; khai hoang; phát triển lâm nghiệp; vấn đề bộ máy tổ chức... Do đó, trong bàn về phương hướng phát triển, đồng chí Trường-Chinh rất lưu ý vấn đề *kiểm điểm cái gì làm được, cái gì chưa làm được; phải kiểm điểm xem*

*đường lối chủ trương đề ra có đúng không và thực hiện có đúng không*¹.

Trên tinh thần đó, khi tổng kết quá trình phát triển nền nông nghiệp của nước ta trong 10 năm (1958-1968) và bàn phương hướng, nhiệm vụ của nông nghiệp trong chặng đường tiếp theo, đồng chí Trường-Chinh cho rằng, phải quán triệt đúng đường lối phát triển nông nghiệp mà Đảng đã đề ra tại Đại hội lần thứ III. Trong đó chú ý “kiểm điểm” những nội dung lớn như cải tạo và phát triển sản xuất; chính sách đầu tư và cho vay trong nông nghiệp; chính sách thu mua, giá cả; chính sách khai hoang; công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện, vấn đề đào tạo cán bộ... Quá trình tổng kết phải khẳng định thắng lợi to lớn và căn bản, vạch rõ khuyết điểm, nguyên nhân trách nhiệm, kiểm điểm lãnh đạo về tư tưởng, đường lối chính sách và tổ chức, phương hướng nhiệm vụ và biện pháp trước mắt”, trong đó có nội dung cách mạng phải đề ra phương hướng nhiệm vụ với tầm nhìn “một thời gian dài hơn khoảng 10 năm”². Đó là một quan điểm rất đúng đắn về mặt nhận thức luận, về đức kết thực tiễn để từ đó sửa đổi, bổ sung chủ trương, chính sách cho phù hợp.

Có một thực tế lúc bấy giờ là, việc chuyển sang hợp tác xã bậc cao diễn ra ồ ạt, có nhiều mặt chưa phù hợp

1, 2. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị và Ban Bí thư, ngày 15 và 30-4-1970. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Đến cuối năm 1965, có 89% số hợp tác xã nông nghiệp đã chuyển lên bậc cao; cuối năm 1967, số hộ nông dân đã vào hợp tác xã đạt 93,7%, trong đó hợp tác xã bậc cao chiếm 88,8% số hộ. Quy mô hợp tác xã được mở rộng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện sự phân công lao động mới, phân phối mới... Phân tích những ưu điểm của công tác cải tiến tổ chức quản lý của các hợp tác xã, đồng chí Trường-Chinh đã chỉ rõ: trong khi tăng cường tính tập thể, nhiều hợp tác xã đã chú ý hướng dẫn xã viên phát triển kinh tế phụ gia đình để bổ sung, hỗ trợ cho kinh tế tập thể và góp phần nâng cao đời sống xã viên. Nhiều hợp tác xã đã thực hiện chế độ ba khoán (khoán sản lượng, khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm) cho đội sản xuất và tùy theo tính chất các loại công việc, đội sản xuất đã thực hiện khoán việc cho nhóm lao động. Đánh giá chung phong trào hợp tác hóa, đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh: Phong trào hợp tác hóa gần đây có tiến bộ. Tính hơn hản của hợp tác xã được thể hiện trên nhiều mặt. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia chỉ đạo đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, đồng chí Trường-Chinh cũng sớm cảnh báo những cách làm nóng vội, chủ quan duy ý chí, không phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất trên miền Bắc lúc bấy giờ. Đồng chí cho rằng, việc chuyển từ hợp tác xã bậc thấp

lên bậc cao chúng ta tiến hành quá nhanh, trong khi tư tưởng chưa kịp chuyển biến. Theo đồng chí, “quy mô hợp tác xã toàn xã là quá to” so với trình độ quản lý của cán bộ, cơ sở vật chất, kỹ thuật... Bởi vậy, những năm 1966 - 1967, trước những khó khăn, yếu kém của hợp tác xã nông nghiệp, đã xuất hiện hiện tượng “phá rào”, “làm chui” về tổ chức và quản lý hợp tác xã nông nghiệp ở Vĩnh Phú và rải rác một số nơi. Bên cạnh mặt tích cực, “khoán chui” cũng có những hạn chế và đặc biệt là cần phải chấn chỉnh nhiều điểm không phù hợp với điều kiện thời chiến. Đồng chí Trường-Chinh đã có bài phát biểu xung quanh vấn đề, cách làm này, để kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp vững bước tiến lên.

Đồng chí Trường-Chinh nhận thấy, trong quá trình đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa, nhiều khó khăn nảy sinh đã không sớm được khắc phục kịp thời, những hiện tượng tiêu cực trong các hợp tác xã nông nghiệp ngày càng nhiều. Quyền làm chủ của xã viên chưa được củng cố vững chắc; chưa phát huy được tinh thần tự chủ, sáng tạo của quần chúng trong sản xuất... Điều này có thể thấy rõ trong bài phát biểu của đồng chí tại Hội nghị cán bộ của tỉnh Vĩnh Phú, ngày 6-11-1968. Khi đề cập bốn “nhược điểm, khuyết điểm, sai lầm” của phong trào hợp tác hóa, đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ “khâu yếu nhất” thuộc về công tác quản lý hợp tác xã. Trong khâu yếu nhất đó, thì

“sai lầm nghiêm trọng” là vấn đề “ba khoán cho hộ” hay còn gọi tắt là “khoán hộ” trong một số hợp tác xã rải rác ở nhiều tỉnh trên miền Bắc. Đồng chí đã phân tích sâu những nhược điểm, sai lầm của “khoán hộ”:

- Hợp tác xã khoán ruộng cho đội sản xuất, đội giao diện tích cho hộ tùy theo lao động của mỗi hộ, rồi khoán một hoặc nhiều khẩu trong mỗi vụ hoặc một thời gian tương đối dài. Đây là cách khoán việc cho hộ.

- Hợp tác xã khoán sản lượng cho hộ: chia ruộng đất cho hộ làm, đến mùa hộ phải nộp một phần sản lượng cho hợp tác xã theo kiểu “phát canh thu tô”.

- Hợp tác xã khoán trắng ruộng đất cho hộ xã viên làm được bao nhiêu hưởng bấy nhiêu, không phải nộp bất kỳ một khoản nào cho hợp tác xã...

Trong điều kiện lúc bấy giờ, khoán hộ không được sự chấp thuận của Trung ương, vì theo đồng chí Trường-Chinh, sẽ dẫn đến tình trạng mạnh ai nấy làm, hợp tác xã không quản lý được lao động, không sử dụng hợp lý được sức lao động. Phong trào thi đua tập thể và cải tiến kỹ thuật bị sút kém dần. Hộ nhiều lao động và lao động khỏe thu nhập nhiều hơn; những gia đình neo đơn hoặc có chồng con đi chiến đấu, đi công tác thì thu nhập sút kém, gây nên ảnh hưởng không tốt về nhiều mặt. Hợp tác xã không quản lý chặt chẽ được sản phẩm nông nghiệp, ảnh hưởng không tốt đến việc ổn định giá cả, quản lý thị trường. Công tác đào tạo, bồi dưỡng những

người lao động tập thể, có kỹ năng lao động, lao động với tinh thần tự giác, có ý thức tổ chức kỷ luật cũng bị giảm sút. Vai trò chỉ huy đội sản xuất bị hạn chế nhiều, vì khoán cho hộ, tự xã viên điều khiển lấy công việc làm ăn của gia đình họ, ban chỉ huy đội không thể kiểm tra được công việc của từng người. Hơn nữa chính bản thân họ cũng lao vào công việc mà đội đã khoán cho gia đình họ nên công việc tập thể và tính tập thể bị lơ lửng.

Trong điều kiện lịch sử lúc này, với những quan điểm trên, đồng chí Trường-Chinh thể hiện sự chú ý vào việc chấn chỉnh những lệch lạc, sai lầm trong thực hiện “ba khoán” *không theo đúng những nguyên tắc* đã định mà có thể dẫn tới làm suy giảm, thậm chí triệt tiêu sức mạnh của hợp tác xã, của phong trào tập thể hóa và điều đó cũng đồng nghĩa với làm suy giảm sức mạnh tổng hợp của một lực lượng đông đảo trong nông nghiệp - nông thôn - nông dân Việt Nam, hạn chế khả năng tổ chức và huy động sức mạnh vật chất cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - mục tiêu chủ yếu của dân tộc vào lúc này¹.

1. Thực tế đó cho thấy, quá trình tìm tòi đổi mới phải có cơ sở xã hội, phải phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội đất nước, với điều kiện lịch sử cụ thể và phải có sự đồng thuận từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên và toàn xã hội. Điều này có thể thấy rõ hơn trong tư duy đổi mới của đồng chí Trường-Chinh đối với vấn đề đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp - nông thôn những năm 1981-1988.

Đồng thời với tham gia tổ chức chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp, trên cương vị của mình, đồng chí Trường-Chinh đã có nhiều đóng góp vào những quyết sách xây dựng và phát triển nền công nghiệp nước ta thời chiến, bước đầu phát triển nền công nghiệp quốc phòng, lấy phát triển công nghiệp để phát triển nông nghiệp và phục vụ đời sống nhân dân. Ngay khi miền Bắc chuyển mọi hoạt động sang điều kiện cả nước có chiến tranh, bàn về chuyển hướng công nghiệp, đồng chí Trường-Chinh đã nêu rõ phương châm: Phải căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ mới mà định hướng phát triển công nghiệp; trong phát triển phải đề phòng “chiến tranh cục bộ” xảy ra, nên phương châm xây dựng và phát triển công nghiệp phải là “phân tán, không nên tập trung”, phát triển công nghiệp theo “quy mô vừa và nhỏ là chính”, nhằm “phục vụ nông nghiệp, quốc phòng, đời sống, giúp cho thủ công nghiệp tiến lên”. Và trong điều kiện chiến tranh, phải “mạnh dạn phát triển công nghiệp quốc phòng”, “vừa sản xuất vừa chiến đấu, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng”¹. Chính sách xây dựng và phát triển nền công nghiệp miền Bắc tiếp tục được Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn thảo, bổ sung, từng bước hoàn chỉnh cho

1. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 30 và 3-5-1965. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

phù hợp với các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong công tác lãnh đạo phát triển kinh tế, với điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc lúc này, vấn đề đồng chí Trường-Chinh quan tâm là về tổ chức quản lý, phân phối lực lượng lao động cho phù hợp với điều kiện thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam - Bắc. Trong các cuộc họp Bộ Chính trị bàn về nhiệm vụ công tác kế hoạch hàng năm, đồng chí nêu nhiều vấn đề để thảo luận nhằm giải quyết và định hướng quán triệt như mối quan hệ giữa sản xuất và chiến đấu, (chú trọng cung cấp sức người cho chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, nhưng đồng thời phải chú trọng sản xuất cho đúng đắn, thấu suốt chân lý ăn no đánh thắng¹); là mối quan hệ song hành giữa quản lý lao động và cải tiến kỹ thuật nhằm tăng năng suất lao động và sử dụng hợp lý sức lao động. Hai cái đều cần, đều phải cùng làm. Có nơi chưa có máy móc phải lấy cải tiến quản lý lao động làm chính để tăng năng suất lao động. Cho nên, cái phổ biến nhất là nơi nào cũng phải cải tiến quản lý lao động và các cơ sở phải có bộ phận chuyên lo cải tiến kỹ thuật, phải sử dụng hợp lý sức lao động và bồi dưỡng sức lao động.

1. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 25 tháng 3, 3 tháng 6 và 4-6-1966. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Trong điều kiện ác liệt của chiến tranh, nền kinh tế miền Bắc vẫn phát triển. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu, miền Bắc vừa nỗ lực chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam, làm tròn vai trò của hậu phương lớn xã hội chủ nghĩa đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

Trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, đồng chí Trường-Chinh được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị phân công trực tiếp phụ trách công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Đây là một trọng trách lớn mà Đảng đã tin cậy và giao phó cho đồng chí. Với kinh nghiệm và bề dày hoạt động thực tiễn, đồng chí đã có những hoạt động đa dạng và đóng góp quan trọng vào công tác tư tưởng, lý luận của Đảng.

Những năm 60 của thế kỷ XX, phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đạt những thành tựu to lớn trong việc khẳng định tính ưu việt của mình. Phong trào giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ dẫn đến sự tan rã của hệ thống thuộc địa kiểu cũ và sự ra đời của hàng loạt quốc gia độc lập non trẻ ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ. Phong trào đấu tranh cho dân sinh, dân chủ và hòa bình phát triển tấn công vào chủ nghĩa tư bản ngay trên “sân nhà” của nó. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật diễn ra kèm theo những hệ quả to lớn và đa dạng của nó... buộc các nước, các dân tộc phải tìm kiếm con đường

phát triển thích hợp. Nhiều học thuyết kinh tế chính trị ra đời. Chủ nghĩa Mác và các nước xã hội chủ nghĩa đứng trước những thách thức do các biến đổi to lớn, khác thường của thế giới và do cả những toan tính, quyền lợi dân tộc đang nảy sinh, phát triển cùng sự lớn mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa... Nguy cơ phân rã cả về lý luận và thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và trong các nước xã hội chủ nghĩa về hàng loạt các vấn đề lý luận, thực tiễn đang diễn ra. Đã xuất hiện những luận thuyết mới về khả năng chung sống hòa bình với chủ nghĩa đế quốc, về “chủ nghĩa cộng sản châu Âu”, sự thịnh hành của xã hội chủ nghĩa dân chủ ở một số nước mà Đức, Áo là ví dụ nổi bật. Lại có xu hướng không kém phần nguy hại là chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa xét lại.

Cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận của Đảng không chỉ nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế - đặc biệt là của Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Trung Quốc, và các nước xã hội chủ nghĩa - cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của nhân dân ta, mà còn góp phần bảo vệ và tăng cường khối đoàn kết, thống nhất trong phong trào công nhân và trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Đứng vững trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng chí Trường-Chinh cho rằng Đảng ta phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giai cấp và

dân tộc, dân tộc và quốc tế. Một mặt, bằng việc đẩy mạnh cuộc đấu tranh xây dựng miền Bắc và giải phóng miền Nam, lấy thực tiễn của cách mạng Việt Nam để chứng minh và bảo vệ các nguyên lý phổ biến của lý luận mácxít, mặt khác, độc lập, tự chủ, sáng tạo, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, tổng kết lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, coi đó là một đóng góp lý luận tham gia vào việc giải quyết và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn đang đặt ra cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Từ đó, đồng chí Trường-Chinh có nhiều hoạt động phong phú chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận của Đảng.

Ngày 26-11-1960, đồng chí Trường-Chinh dự cuộc họp Bộ Chính trị bàn về công tác tuyên huấn và góp một số ý kiến về mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp... tổ chức tiến hành đợt chỉnh huấn nhằm tạo ra chuyển biến mới về tư tưởng, tạo ra khí thế mới trong Đảng, trong nhân dân nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng, đẩy mạnh đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược. Tiếp đó, trong bản báo cáo tại Hội nghị chỉnh huấn ở Trung ương, ngày 13-3-1961, đồng chí đã trình bày một cách cụ thể, sâu sắc những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam, làm rõ hơn đường lối chiến lược của cách mạng nước ta mà Đại hội lần thứ III của Đảng đề ra, xác định quyết tâm chính trị

của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta ở hai miền Nam - Bắc trong tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Ngày 29-1-1962, trong cuộc họp của Bộ Chính trị bàn về công tác giáo dục lý luận, đồng chí Trường-Chinh đã nêu và bổ sung một số đề nghị đối với việc học tập của các cán bộ trong Trung ương Đảng. Theo đồng chí, trong công tác này cần vận dụng nhiều chương trình, nhiều hình thức giáo dục, đào tạo: dài hạn, tập huấn, tại chức; đào tạo phải luôn gắn với công tác kiểm tra; quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên để dần có thể thay thế các chuyên gia nước ngoài. Mục đích của công tác giáo dục lý luận là làm cho cán bộ đảng viên nắm vững kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng để giải quyết những vấn đề cụ thể của Việt Nam. Phương châm học tập là kết hợp lý luận với thực tiễn Việt Nam. Tại hội nghị, đồng chí Trường-Chinh đã cho ý kiến về chương trình của Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc và đặt mục tiêu đến giữa kế hoạch năm năm (1961-1965) đội ngũ giảng viên Việt Nam phải đảm nhiệm được 70% công tác giảng dạy lý luận.

Ngày 24-12-1962, trong cuộc họp Bộ Chính trị bàn về công tác cải tiến học tại chức và cải tiến giáo dục ở trường Đảng sơ cấp và cơ sở, đồng chí Trường-Chinh chỉ

rõ cần kế hoạch hóa việc bồi dưỡng, giáo dục cán bộ, đa dạng hóa các hình thức học tập và chú trọng tính thực tế của việc học tập. Đồng chí đề nghị Bộ Chính trị nên có một hội đồng để giải đáp được một số vấn đề lý luận mà ngay cả Bộ Chính trị cũng chưa nhất trí. Đây là một sáng kiến của đồng chí Trường-Chinh để sau này đi đến thành lập Hội đồng Lý luận trung ương.

Là một nhà sử học, đồng chí đã dành nhiều thời gian và tâm huyết cho việc biên soạn và tổng kết lịch sử của Đảng và lịch sử dân tộc, rút ra những bài học kinh nghiệm quý từ lịch sử để chỉ đạo thực tiễn. Trên tạp chí *Học tập*, số 1 (tháng 1-1960), khi tổng kết ba mươi năm kinh nghiệm đấu tranh gian khổ của Đảng, đồng chí rút ra bài học lớn về phương châm chiến lược. Đó là bài học về thực hiện đúng đắn hai nhiệm vụ phản đế và phản phong trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, và từ khi hòa bình được lập lại, kết hợp đúng đắn nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc với nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và nhiệm vụ đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (tháng 9-1960), Đảng chủ trương việc tổng kết kinh nghiệm công tác phải đi dần vào nền nếp, có tác dụng nâng cao trình độ lý luận, tư tưởng trong Đảng và giúp ích thiết thực cho công tác lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách

mạng hiện nay. Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương tổ chức việc biên soạn lịch sử Đảng, định ra chế độ tổng kết kinh nghiệm từ nay về sau. Từ chủ trương đó, ngày 24-1-1962, Bộ Chính trị khóa III đã ra Nghị quyết số 41-NQ/TW thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương và quy định các nhiệm vụ cụ thể của Ban. Đồng chí Trường-Chinh được cử làm Trưởng ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương. Với trách nhiệm là người lãnh đạo cao nhất, đồng chí đã đặt nền móng cơ bản, vững chắc định hướng cho hoạt động của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương và cho cả môn khoa học Lịch sử Đảng, cũng như việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác này. Nhiều tác phẩm nghiên cứu lịch sử Đảng của đồng chí lần lượt ra đời, góp phần quan trọng vào công tác tuyên truyền, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Trong bài tổng kết “Một số vấn đề về Cách mạng tháng Tám Việt Nam”¹, đồng chí đã nhấn mạnh đến những vấn đề về đối tượng của cách mạng, hình thức khởi nghĩa giành chính quyền, quan hệ giữa khởi nghĩa ở nông thôn và khởi nghĩa ở thành thị... Những tổng kết này có ý nghĩa thực tiễn đối với cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam của quân dân ta lúc bấy giờ. Năm 1963, Nhà xuất bản Sự thật xuất bản cuốn sách

1. Xem: Tạp chí *Học tập*, số 9, 1963.

Chiến tranh du kích của đồng chí Trường-Chinh, trong đó phản ánh tính chất, đặc điểm, hình thức, phương pháp đấu tranh độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Trong chỉ đạo hoạt động báo chí, đồng chí Trường-Chinh có nhiều đóng góp với những dấu ấn sâu sắc. Tại cuộc họp Ban Bí thư ngày 16-2-1962 và tại cuộc họp Bộ Chính trị ngày 3-3-1962, đồng chí đã nêu ý kiến cụ thể về cải tiến hoạt động của tạp chí lý luận chính trị của Đảng, về đối tượng của tạp chí, về chế độ lãnh đạo, về tổ chức và quy chế làm việc, kỹ năng viết bài, xây dựng đội ngũ những người làm công tác báo chí cách mạng...

Ngày 10-3-1962, trong cuộc họp Bộ Chính trị bàn về báo *Nhân dân*, đồng chí chỉ rõ những hạn chế của báo: tính phê bình, tính tư tưởng, lý luận, tính chiến đấu, tính nhân dân của báo chưa cao và đề nghị phải mở rộng phạm vi phản ánh của báo, tăng cường số bản, tăng cường bộ biên tập, mạng lưới phóng viên và thông tin viên, đặt trọng tâm tuyên truyền cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhưng không coi nhẹ nông nghiệp.

Nhiều ý kiến tâm huyết và ý tưởng mới của đồng chí Trường-Chinh về tổ chức các hội nghề nghiệp (như Hội nhà báo Việt Nam), Đại hội văn nghệ toàn quốc, hoạt động của giới sử học... là những chỉ dẫn quan trọng trong định hướng hoạt động, theo chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức này.

Là một nhà lý luận và nhà tổ chức có bề dày kinh

nghiệm làm công tác tư tưởng từ những năm 1930, đồng chí Trường-Chinh đã dày công xây dựng bộ máy và đội ngũ những người làm công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, định hướng đúng đắn và chỉ đạo sâu sát hoạt động của các cơ quan tư tưởng, lý luận. Nhờ đó, công tác tư tưởng, lý luận đã góp phần quan trọng trang bị thế giới quan, phương pháp luận cho cán bộ, đảng viên, giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn của cuộc chiến đấu và xây dựng ở hai miền Nam - Bắc, tạo nên sự nhất trí, đồng thuận rất cao trong Đảng và trong quần dân ở hai miền Nam - Bắc, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân phát huy cao nhất sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, hướng vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ miền Bắc và hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam, giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Trước việc đế quốc Mỹ mở rộng leo thang chiến tranh trên cả hai miền Nam - Bắc, trước sự phức tạp của tình hình thế giới và các nước xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi phải tạo ra một sự nhất trí cao và khí thế chống Mỹ, cứu nước ở tầng bậc mới trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Là người trực tiếp phụ trách công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, đồng chí Trường-Chinh đã góp phần cùng toàn Đảng và đội ngũ những người làm công tác tư tưởng - lý luận xây dựng ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất cứ tình huống nào, trước mắt là đánh bại chiến tranh cục bộ của chúng, động viên quần dân miền

Nam “tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”, thừa thắng xốc tới đánh bại các cuộc phản công chiến lược của đế quốc Mỹ, làm phá sản các chiến lược chiến tranh của chúng. Ở miền Bắc, động viên và tổ chức quần dân chuyển hướng xây dựng kinh tế sang thời chiến, “tay cày, tay súng”, “tay búa, tay súng”, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam. Định hướng cho công tác tư tưởng, đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ: Công tác tư tưởng cần chú ý nêu cao tinh thần yêu nước, đấu tranh cho độc lập dân tộc, đấu tranh giai cấp. Tinh thần yêu nước và quốc tế phải gắn với nhau. Phải lấy thắng lợi quân sự động viên xây dựng kinh tế, lấy thành tích kinh tế động viên quân sự. Mọi hoạt động của công tác tư tưởng phải chuyển biến theo tình hình nhiệm vụ mới. Ban Tuyên huấn Trung ương, các hoạt động thông tin tuyên truyền trên báo chí, đài phát thanh, thông tấn xã, xuất bản, giáo dục chính trị lý luận, văn hóa, văn nghệ... phải được tăng cường. Công tác xây dựng đảng, cuộc vận động xây dựng “chi bộ bốn tốt” được tiến hành, góp phần bồi dưỡng ý chí quyết tâm và sự đoàn kết thống nhất, sức chiến đấu của lực lượng hạt nhân lãnh đạo.

Với tầm nhìn sâu rộng, để giải đáp những vấn đề lý luận mà thực tiễn đang đặt ra, ngay trong thời điểm quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngày 24 và

25-9-1965, Bộ Chính trị đã họp bàn về đề án thành lập Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương do đồng chí Trường-Chinh trình bày. Khi Ban Nghiên cứu lý luận được thành lập, đồng chí yêu cầu trong hoạt động, Ban phải có chế độ thường xuyên tổng kết thực tiễn, đúc rút lý luận nhằm phục vụ hiệu quả nhiệm vụ cách mạng cả trước mắt và lâu dài.

Hoạt động tuyên truyền đối ngoại được đồng chí Trường-Chinh chú ý mở rộng, hướng vào nêu cao lập trường chính nghĩa của dân tộc ta, cô lập bọn phản động hiếu chiến Mỹ, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế đối với cuộc kháng chiến của ta, góp phần hình thành một mặt trận nhân dân thế giới chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, hoạt động tư tưởng, lý luận của đồng chí góp phần làm cho các đảng cộng sản thấy sự cần thiết phải thống nhất hành động đấu tranh, gạt bỏ những bất đồng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng chí Trường-Chinh cho rằng có thể thông qua vấn đề then chốt là Việt Nam mà đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa, đoàn kết nhân dân thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thời gian này, nhiều tác phẩm của đồng chí Trường-Chinh được xuất bản, có giá trị định hướng tư tưởng, lý luận sâu sắc. Tháng 11-1967, nhân kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng Mười Nga, đồng chí Trường-Chinh

viết bài “Mấy kinh nghiệm lớn của Cách mạng tháng Mười Nga”, khẳng định Cách mạng tháng Mười đã mở ra kỷ nguyên mới cho loài người, cho các dân tộc bị áp bức, đồng thời cũng nói lên quyết tâm của các dân tộc đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười. Cùng năm 1967, tác phẩm *Thơ* được xuất bản, trong đó tác giả Trường-Chinh, với bút danh Sóng Hồng, xuất hiện với tư cách của một nhà thơ đồng thời cũng là một nhà chính trị, với những “tuyên ngôn” có tính cách mạng về thi ca: Thơ là một viên ngọc long lanh dưới ánh sáng mặt trời. Thơ là thơ, đồng thời cũng là vẽ, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng... Thơ chính trị là thơ trăm phần trăm như là các thơ khác. Đó chính là loại thơ có “thép” như Hồ Chủ tịch đã nói, chứ không phải là những bài xã luận bất thành văn¹. Trong tác phẩm *Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi con đường Các Mác đã vạch ra*, năm 1968, đồng chí tiếp tục khẳng định, có được tính đúng đắn và những thành tích to lớn như ngày nay là vì Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn cho giai cấp công nhân và nhân dân nước ta. “Đó là *đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”.

1. Sóng Hồng: *Thơ, Sđd*, tr. 5.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng và các hoạt động văn hóa, văn nghệ phát triển sâu rộng, phong phú, khơi dậy sức mạnh tinh thần và nền văn hiến ngàn năm của dân tộc, tạo nên hào khí cả nước một lòng, kết hợp với sức mạnh quốc tế, sức mạnh thời đại để chống Mỹ, thắng Mỹ.

Kế thừa và phát triển trong điều kiện mới những quan điểm về văn hóa từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943), *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* (1948), những chỉ dẫn định hướng và các hoạt động tư tưởng, văn hóa trong những năm chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Trường-Chinh luôn thể hiện vai trò là một trong những nhà lý luận xuất sắc của Đảng, có những đóng góp to lớn vào việc hình thành đường lối, quan điểm tư tưởng lý luận và văn hóa của Đảng. Đồng thời, đồng chí có công lớn trong việc đào tạo, giáo dục cả một thế hệ cán bộ cách mạng, góp phần hình thành những con người mới trong chiến đấu và xây dựng đất nước thời đại Hồ Chí Minh. Trong điều kiện ác liệt của chiến tranh, miền Bắc vẫn tiếp tục đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ... Đời sống văn hóa miền Bắc đổi mới theo hướng tiến bộ, lành mạnh. Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng tiếp tục được đồng chí Trường-Chinh, trên cương vị của mình, bổ sung, phát triển, chỉ đạo tổ chức thực hiện đúng định hướng chính trị tư tưởng và bảo đảm tự do sáng tạo của giới văn

nghệ sĩ. Nhiều quan điểm của đồng chí về phê bình văn học, nghệ thuật vẫn mang giá trị khoa học cho việc chỉ đạo xây dựng nền phê bình văn học nghệ thuật Việt Nam đương đại. Điều đó có thể thấy rõ trong bài phát biểu với các đại biểu dự Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ IV, tháng 1-1968. Tại đại hội đó, đồng chí đã luận giải một vấn đề lớn đang gây tranh luận trong giới văn nghệ miền Bắc nước ta lúc đó là trong phê bình văn nghệ, khen là chính hay chê là chính?. Theo đồng chí: *trong công tác phê bình, hay thì khen, dở thì chê; khen để phát huy ưu điểm, chê để sửa chữa khuyết điểm....* Không nên đặt cho phê bình nhiệm vụ chủ yếu là ca ngợi, biểu dương, mà phải phản ánh đúng thực tế khách quan của xã hội miền Bắc nước ta, điều đó tránh cho phê bình văn nghệ rơi vào chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa chủ quan, tự mãn trong sáng tác văn nghệ. Để góp phần vào cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận, thực hiện những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, hướng tới Chân - Thiện - Mỹ, đồng chí Trường-Chinh nêu rõ nhiệm vụ của phê bình văn nghệ và của nhà phê bình là phải đấu tranh để bảo vệ đường lối văn nghệ của Đảng, góp phần vào việc chỉ đạo sáng tác và nghiên cứu văn nghệ, nâng cao chất lượng của các tác phẩm nghệ thuật, nâng cao tư tưởng, nhận thức và trình độ thẩm mỹ của quần chúng nhân dân; phê bình là một phương thức chỉ đạo cụ thể của Đảng trong lĩnh vực văn nghệ; phê bình là

một vũ khí bảo vệ đường lối văn nghệ của Đảng, một hình thức giáo dục tư tưởng, tình cảm, giáo dục thẩm mỹ và nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân... bồi dưỡng con người mới, đẩy phong trào cách mạng của quần chúng tiến lên. Theo quan điểm của đồng chí Trường-Chinh, làm tốt điều đó chính là góp phần tích cực vào việc giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng và ý thức xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản, bồi dưỡng những con người yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, những anh hùng trong lao động và chiến đấu của thời đại Hồ Chí Minh.

Trong khoảng những năm 60 của thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Sự phân liệt trong phong trào cộng sản đã diễn ra công khai giữa Liên Xô và Trung Quốc; Trung Quốc lâm vào khủng hoảng kéo dài do tiến hành các phong trào “công xã nhân dân”, “đại nhảy vọt” và về sau là cách mạng văn hóa... Trong khi đó, ở miền Nam nước ta, sau thất bại của chiến tranh đơn phương, những năm 1960-1965, đế quốc Mỹ ráo riết thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” hòng đè bẹp cách mạng miền Nam và chuẩn bị gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Trước tình hình đó, đồng chí Trường-Chinh và Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta phân tích rõ đặc điểm tình hình thế giới, nêu lên trách nhiệm của Đảng ta phải tham gia cuộc đấu tranh bảo vệ sự

trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chống chủ nghĩa xét lại, đồng thời phê phán chủ nghĩa giáo điều và giáo dục cho cán bộ, đảng viên đề cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm của các nước anh em vào hoàn cảnh cụ thể nước ta. Điều đó được phản ánh trong nhiều phiên họp Bộ Chính trị (tháng 10-1963) và Hội nghị Trung ương lần thứ chín (tháng 12-1963). Những quan điểm của đồng chí Trường-Chinh và Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với công tác tư tưởng, lý luận là định hướng đúng đắn cho nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta theo tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Đặc biệt, nhằm củng cố và tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, Bộ Chính trị quyết định ra một nghị quyết về vấn đề quốc tế và giao cho đồng chí Trường-Chinh chuẩn bị dự thảo nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nghị quyết này phải tập trung phân tích sự biến động của tình hình thế giới; vạch rõ âm mưu của đế quốc Mỹ đẩy mạnh cuộc chạy đua vũ trang, tiến hành cuộc chiến tranh lạnh bao vây Liên Xô, Trung Quốc và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, tiến hành cuộc chiến tranh thực dân mới ở nước ta, hòng chặn đứng phong trào giải phóng dân tộc; kiểm chế cuộc đấu tranh của các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã

hội... trên thế giới. Do đó, các lực lượng cách mạng trên thế giới phải tập hợp lực lượng vào cuộc đấu tranh chung, phát triển thế tiến công, chống lại và làm thất bại âm mưu của đế quốc Mỹ. Nghị quyết nhấn mạnh sự chia rẽ là nguyên nhân làm suy yếu phong trào cách mạng và đoàn kết quốc tế là nhiệm vụ của Đảng. Nêu lên lập trường, quan điểm của Đảng về một số vấn đề có tính nguyên tắc trong chiến lược, sách lược của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, từ đó đồng chí Trường-Chinh khẳng định phải bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đoàn kết các lực lượng cách mạng, tập trung mũi nhọn chống chủ nghĩa đế quốc. Đây là một đóng góp quan trọng của đồng chí Trường-Chinh trên lĩnh vực tư tưởng lý luận và đoàn kết quốc tế.

7.2. Thực hiện đường lối cách mạng ở miền Nam

Những năm 1954-1959 là một thời kỳ lịch sử đặc biệt khó khăn của cách mạng miền Nam. Đế quốc Mỹ và tay sai ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Chúng đẩy mạnh đánh phá cách mạng miền Nam bằng chính sách tổ cộng, diệt cộng hết sức tàn bạo. Lực lượng cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề. Phong trào cách mạng miền Nam bước vào thời kỳ hết sức khó khăn. Vấn đề đặt ra lúc này là phải tìm ra một con đường đấu tranh thích hợp, bảo đảm cho cách mạng miền Nam vượt qua thời đoạn khắc nghiệt

và tiếp tục đi lên, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Khi xây dựng phương án đấu tranh, trong nhiều phiên họp của Bộ Chính trị, đồng chí Trường-Chinh đã nhấn mạnh mối liên hệ giữa nhiệm vụ chung của cả nước và nhiệm vụ của mỗi miền. Đồng chí nêu rõ: chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập và giàu mạnh không phải chỉ là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mà còn là cách mạng xã hội chủ nghĩa - đó là nhiệm vụ chung của cả nước. Đối với miền Bắc, phải chú ý chống bọn đế quốc, tay sai bên ngoài với tay sai của Ngô Đình Diệm; chống những lực lượng chống đối chủ nghĩa xã hội. Đối với miền Nam, phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ, chống chính quyền Ngô Đình Diệm, thực hiện thống nhất nước nhà. Hình thức đấu tranh mà đồng chí Trường-Chinh đưa ra lúc đó là ta phải tranh thủ thực hiện khả năng hòa bình nhưng vẫn chuẩn bị khả năng vũ trang¹. Cách mạng miền Nam vẫn có hai khả năng để tiến lên là hòa bình và vũ trang; phải tranh thủ khả năng hòa bình, nhưng trong điều kiện kẻ thù tàn ác, phản ứng dữ dội thì phải đấu tranh vũ trang². Đường lối đấu tranh cách mạng miền Nam là: Tiếp tục hoàn

1, 2. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 6, 13 và 14-6-1958.

thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đoàn kết đấu tranh chống Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam, cùng nhân dân cả nước xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh¹. Đồng chí cũng phân tích khả năng tiến lên của cách mạng Việt Nam; vấn đề xây dựng lực lượng, nội dung và tên gọi của Mặt trận ở miền Nam; vấn đề dân tộc, vấn đề tổ chức Đảng ở miền Nam..., để cùng Bộ Chính trị cân nhắc, xem xét thận trọng².

Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị đã khẩn trương chuẩn bị một hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng để thảo luận và quyết định đường lối cách mạng miền Nam.

Đáp ứng đòi hỏi của tình hình cách mạng miền Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) từ ngày 12 đến 22-1-1959 để đề ra “Đường lối cách mạng ở miền Nam”. Tại Hội nghị, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương phân tích sâu sắc tính chất xã hội miền Nam, xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội miền Nam; thái độ các giai cấp ở miền Nam... để từ sự phân tích đó, đi đến xác định rõ nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong thời kỳ mới: *Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập*

1, 2. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 6, 13 và 14-6-1958.

dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". "Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới"¹.

Về phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam, hội nghị nêu rõ: “con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”². Nghị quyết lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng khẳng định, cách mạng ở miền Nam “vẫn có khả năng hòa bình phát triển, tức là khả năng dần dần cải biến tình thế, dần dần thay đổi cục diện chính trị ở miền Nam có lợi cho cách mạng”, “*Khả năng đó hiện nay rất ít, song Đảng ta không gạt bỏ khả năng đó, mà cần ra sức tranh thủ khả năng đó*”. Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho rằng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.20, tr.81, 82.

“đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ”¹. Như vậy, Đảng ta dự kiến ba khả năng của con đường cách mạng miền Nam. Trên thực tế, khả năng thứ nhất đã xảy ra với phong trào Đồng khởi toàn miền Nam, đánh dấu bước phát triển mới của thời kỳ đấu tranh vũ trang ở miền Nam.

Có thể khẳng định, đến Hội nghị Trung ương lần thứ 15, đường lối cách mạng ở miền Nam đã được hoạch định một cách căn bản và những nội dung đó đã được khẳng định lại trong Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960).

Sau thất bại trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, năm 1965, đế quốc Mỹ đã ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam, tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, phát động chiến tranh bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam đã trực tiếp phải đối đầu với đế quốc Mỹ hiếu chiến và hùng mạnh nhất thế giới.

Từ ngày 25 đến 27-3-1965, đồng chí Trường-Chinh dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11; tiếp đó ngày 27-12-1965, dự Hội nghị Ban Chấp hành

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.83-85.

Trung ương lần thứ 12. Đây là hai hội nghị có ý nghĩa chỉ đường cho quân và dân ta đánh thắng chiến tranh cục bộ của địch, là sự phát triển rất quan trọng đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tình thế mới.

Tại các hội nghị trên, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất nhận định: với việc đế quốc Mỹ đưa hàng chục vạn quân viễn chinh vào miền Nam trực tiếp tham chiến và gây chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc, chúng đã leo đến nấc thang rất nguy hiểm. Cả hai miền Nam - Bắc nước ta đều có chiến tranh. Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người dân Việt Nam yêu nước. Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Toàn thể dân tộc Việt Nam đoàn kết triệu người như một quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Đối với cách mạng miền Nam, việc quân viễn chinh Mỹ tham chiến ô ạt gây khó khăn, thử thách rất lớn cho quân và dân ta, tương quan lực lượng ta - địch có thay đổi, nhưng xét trên thế tấn công của lực lượng cách mạng, không có thay đổi lớn. Do đó, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là cần kiên trì, tiếp tục và đẩy tới thế tấn công Mỹ - nguy.

Chiến tranh càng trở nên quyết liệt ở miền Nam thì nhiệm vụ của miền Bắc đối với miền Nam càng nặng nề, quan trọng. Miền Bắc phải chuyển hướng sang thời chiến - đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, công nghiệp

địa phương, phát triển kinh tế vùng, vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ miền Bắc, đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, động viên sức người, sức của chi viện cho cách mạng miền Nam, tích cực chuẩn bị đánh thắng địch nếu chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra miền Bắc. Đồng thời, tích cực giúp đỡ toàn diện cho cách mạng Lào.

Nhiệm vụ chung của quân dân hai miền Nam - Bắc là động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, phải hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.

Để động viên, tổ chức toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cố gắng vượt bậc, tập trung lực lượng, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trên chiến trường chính miền Nam, trong các cuộc họp trên, đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh tư tưởng chủ động và thắng địch ở miền Nam, phương châm đánh lâu dài, lợi dụng thời cơ, phát huy ưu thế quân sự, chính trị của ta để giành thắng lợi, kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị và đề nghị cần nghiên cứu lập chính phủ lâm thời ở miền Nam bên cạnh Mặt trận dân tộc giải phóng, mở rộng và tăng cường đoàn kết quốc tế với các nước xã hội chủ nghĩa, với phong trào

giải phóng dân tộc và các lực lượng tiến bộ, hòa bình chống Mỹ.

Để đánh thắng chiến lược chiến tranh đặc biệt, đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh cần phải đẩy mạnh chống phá ấp chiến lược, đánh rã nguy quân để làm mất chỗ dựa của Mỹ, buộc chúng phải rút quân ra khỏi miền Nam. Khi địch leo thang chiến tranh, đồng chí đã khẳng định và dự kiến chiều hướng phát triển tất yếu của chiến tranh cách mạng, và chỉ rõ, muốn giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh thì cần “Phải có những đòn tiêu diệt chiến lược lớn như Điện Biên Phủ, và cũng chỉ cần vài ba đòn như vậy kẻ địch sẽ sụp đổ ngay. Phải nắm chắc quyền chủ động, đánh vào những chỗ buộc địch phải đổ, khi đó chúng sẽ rơi vào cạm bẫy của ta”¹. Cuộc Tổng tiến công Xuân 1968, “trận Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 là minh chứng cho nhận định đúng đắn của đồng chí Trường-Chinh.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, buộc phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam (29-3-1973) nhưng đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ âm mưu kéo dài chiến tranh. Chúng tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn nhằm

1. "Văn Tiến Dũng: Đồng chí Trường-Chinh - người học trò xuất sắc, ý hợp tâm đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, *Sđd*, tr.52-53.

tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Chính quyền ngụy được Mỹ góp sức đã ngoan cố tiến hành “lấn chiếm”, “bình định”, vi phạm Hiệp định Pari, cố gắng giành lại quyền chủ động trên chiến trường. Tình hình đó cho thấy, con đường phát triển của cách mạng ở miền Nam vẫn phải là con đường tiến hành chiến tranh cách mạng đánh bại ngụy quân, ngụy quyền tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Để thúc đẩy sự nghiệp cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới đi tới thắng lợi cuối cùng, đồng chí Trường-Chinh cùng Bộ Thống soái tối cao đã nhiều lần họp bàn để xác định đúng đắn và hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam cho phù hợp đặc điểm, yêu cầu mới của cách mạng. Tháng 5-1973 đồng chí Trường-Chinh dự cuộc họp Hội nghị Bộ Chính trị (mở rộng) để nghiên cứu, thảo luận những vấn đề chủ yếu trong Báo cáo chính trị sẽ trình Hội nghị Trung ương lần thứ 21 (khóa III). Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 21 (đợt I họp từ ngày 19 tháng 6 đến 6-7-1973, đợt II họp từ ngày 1 đến 4-10-1973), Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã tổng kết 18 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta, đề ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Hội nghị phân tích rõ âm mưu lâu dài của đế quốc Mỹ và tay sai về cơ bản vẫn như thời kỳ sau năm 1954, Mỹ vẫn muốn áp đặt chế

độ thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, thế và lực của cách mạng miền Nam sau Hiệp định Pari đã phát triển khác xa thời kỳ sau năm 1954.

Ban Chấp hành Trung ương nhận định: Sau 18 năm tiến hành can thiệp và xâm lược, đế quốc Mỹ đã thất bại thảm hại và phải rút quân xâm lược về nước, tình hình đó tạo nên một sự thay đổi căn bản trong lực lượng so sánh giữa ta và địch. Hội nghị khẳng định những mặt mạnh cơ bản của ta, đồng thời cũng nhận thấy chỗ mạnh đáng kể của ngụy quân, ngụy quyền, từ đó xác định quyết tâm cao hơn nữa để tạo thế và lực mạnh mẽ hơn bảo đảm chắc thắng. Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận định cách mạng miền Nam có thể phát triển theo hai khả năng:

- Hiệp định Pari được thi hành từng bước.

- Địch gây chiến tranh trở lại, ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng để giành toàn thắng.

Trong mỗi khả năng phát triển của tình hình sẽ còn có nhiều tình huống phức tạp. “Song dù tình hình phát triển theo khả năng nào, *con đường tiến lên giành thắng lợi của cách mạng miền Nam chỉ có thể là con đường bạo lực diễn ra dưới hình thức này hay hình thức khác. Ta phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó chắc thắng với khả năng xấu nhất là địch gây lại chiến tranh*”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.34, tr.160.

Trung ương xác định nhiệm vụ cách mạng miền Nam vẫn là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; đồng thời đề ra những biện pháp cơ bản để thúc đẩy cách mạng miền Nam phát triển đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 (khóa III) có ý nghĩa lịch sử quan trọng, mở đường đưa cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21, quân dân miền Nam đã kiên cường chiến đấu, đánh bại các cuộc hành quân “bình định”, “lấn chiếm” của địch, chủ động mở những cuộc tiến công mới.

Giữa năm 1974, nguy quân, nguy quyền ở miền Nam suy yếu nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, Bộ Chính trị đã có những kỳ họp quan trọng để đi tới quyết định sáng suốt và quyết đoán về đường lối cách mạng miền Nam. Đặc biệt, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10-1974 và tháng 1-1975 đã đi đến những kết luận lịch sử: Chúng ta đang đứng trước thời cơ lớn, có đầy đủ các điều kiện về quân sự và chính trị để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà. Từ những nhận định chính xác đó, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên nỗ lực lớn nhất của quân và dân cả hai miền thực hiện kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975-1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so

sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam”¹. Bộ Chính trị chỉ rõ, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của tiến công quân sự, chính sự, binh vận và ngoại giao, ngoài chiến lược cơ bản giành thắng lợi trong hai năm và dự kiến phương án nếu thời cơ đến vào đầu năm 1975 hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975. Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10-1974 và tháng 1-1975 là điển hình của tư duy cách mạng khoa học, sáng tạo lớn, là bó đuốc soi đường cho quân và dân ta trong Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 toàn thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng, giang sơn thu về một mối. Đồng chí Trường-Chinh lại cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đi tiếp trên con đường cách mạng mới: cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

1. Lê Mậu Hãn: *Đảng Cộng sản Việt Nam các Đại hội và Hội nghị Trung ương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 110.

7.3. Xây dựng và tăng cường hoạt động của Nhà nước

Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và đẩy mạnh cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, cũng như trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cương vị Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội các khóa: II (1960-1964), III (1964-1971), IV (1971-1975), V (1975-1976), đồng chí Trường-Chinh đã cùng với Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp và tổ chức bộ máy nhà nước, tăng cường các hoạt động quốc tế, góp phần quan trọng huy động và tổ chức quân dân cả nước đoàn kết một lòng, phấn đấu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, củng cố miền Bắc về mọi mặt, đánh thắng các kiểu chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, dốc sức chi viện cho cách mạng miền Nam đến ngày toàn thắng; đồng thời tích cực, chủ động chuẩn bị kế hoạch để tái thiết đất nước sau chiến tranh.

Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhiều vấn đề thực tiễn của đất nước đặt ra trước Đảng và Nhà nước cần phải được phản ánh, thể chế hóa bằng đạo luật có tính pháp lý tối cao, để tổ chức và động viên quân và dân ta thực hiện thắng lợi hai chiến lược cách mạng trên cả miền Bắc và miền Nam. Yêu cầu lịch sử đó đặt ra vấn đề sửa đổi Hiến pháp năm

1946 cho phù hợp đặc điểm tình hình giai đoạn cách mạng mới. Là thành viên Ủy ban dự thảo Hiến pháp sửa đổi năm 1946, do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, đồng chí Trường-Chinh đã thể hiện rõ sự am hiểu sâu sắc trên lĩnh vực luật pháp, đặc biệt là khả năng tư duy nhạy cảm chính trị trên những vấn đề phức tạp cần phải thể hiện rõ trong Hiến pháp. Theo đồng chí, việc sửa đổi Hiến pháp năm 1946 phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và trong bối cảnh tình hình quốc tế phức tạp lúc đó thì việc thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng như thế nào trong Hiến pháp là vấn đề cần phải chú ý và thể hiện vấn đề đó trong Hiến pháp cần “mềm mỏng”; “Lời nói đầu thì nói đến lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân”. Tinh thần cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc cũng cần “rất mềm mỏng”; chữ trong Hiến pháp cũng nên dùng “mềm mỏng, thậm chí những chữ của dân chủ tư sản cũng được, nhưng về thực chất vẫn là giai cấp công nhân lãnh đạo”¹.

Nhiều vấn đề thuộc về chế định tổ chức bộ máy hành chính (đặc biệt là lập Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân cấp huyện) được đồng chí Trường-Chinh phân tích, lý giải một cách khoa học trên cơ sở thực tiễn, và phải làm sao thể hiện rõ trong Hiến pháp, nhằm đi tới khắc phục hiện tượng “cấp tỉnh khỏi xa xã”; các chế

1. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 27-2-1958.

định kinh tế, văn hóa cũng được đồng chí cho ý kiến cụ thể với tinh thần khoa học, linh hoạt và “mềm mỏng” trong ngôn từ, nhưng thực tế nội dung chứa đựng tinh thần “ta vẫn đi tới chủ nghĩa xã hội” và xuất phát từ thực tế “công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; nước nhà tạm chia hai miền”¹ mà xây dựng, sửa đổi Hiến pháp góp phần vào cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Cuối tháng 12-1959, Dự thảo Hiến pháp năm 1946 sửa đổi, trải qua 27 lần họp trao đổi, tu chỉnh của Ủy ban dự thảo Hiến pháp, sau bốn tháng lấy ý kiến nhân dân, đã được Quốc hội khóa I kỳ họp thứ 11 nhất trí thông qua. Ngày 1-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh công bố Hiến pháp mới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hiến pháp năm 1959. Việc xây dựng dự thảo và thông qua bản Hiến pháp có vai trò và sự đóng góp quan trọng của đồng chí Trường-Chinh. Hiến pháp năm 1959 đã thể hiện sinh động và tập trung ý chí, nguyện vọng của nhân dân hai miền Nam - Bắc; định hướng miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội; cổ vũ, động viên mạnh mẽ đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đồng thời với quá trình tham gia xây dựng, sửa đổi

1. Tóm tắt nội dung Hội nghị Trung ương bất thường, ngày 3-3-1959. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Hiến pháp, đồng chí Trường-Chinh còn cho nhiều ý kiến trong việc xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam.

Nhằm tăng cường pháp chế của Nhà nước, Quốc hội đã thông qua những đạo luật cơ bản về tổ chức nhà nước: Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ, Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Tòa án nhân dân (tháng 7-1960). Ngày 27-10-1962, Quốc hội thông qua Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp. Ngày 26-10-1962, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi và bổ sung Luật nghĩa vụ quân sự.

Trên cương vị Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Trường-Chinh đã cùng Quốc hội khóa II (1960 - 1964) quyết nghị những vấn đề hết sức quan trọng về củng cố và tăng cường tiềm lực của miền Bắc: thông qua các kế hoạch hàng năm và kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965), theo tinh thần Đại hội lần thứ III của Đảng, nhằm mục tiêu đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp 72 phiên, thông qua 261 nghị quyết và pháp lệnh nhằm kiện toàn và bảo vệ nhà nước, bảo vệ quyền lợi và mở

rộng dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù. Quốc hội cũng tiến hành kiện toàn tổ chức bộ máy và bổ nhiệm cán bộ cấp cao của Nhà nước, điều chỉnh một số địa giới hành chính cho phù hợp, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo, kém hiệu lực. Các quyết định khen thưởng của Quốc hội đã góp phần cổ vũ toàn Đảng, toàn dân thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà, tăng cường đoàn kết quốc tế.

Những nghị quyết mà Quốc hội ban hành, như đồng chí Trường-Chinh đã nói, là pháp lệnh của Nhà nước. Đó là mục tiêu phấn đấu trước mắt của nhân dân miền Bắc nước ta, đồng thời là chỗ dựa vững chắc để Chính phủ và các cơ quan nhà nước của ta tiến hành mọi công tác trong thời gian thực hiện kế hoạch¹.

Là Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Trường-Chinh chủ trì các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các kỳ họp của Quốc hội các khóa. Căn cứ vào đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường-Chinh và Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có những hoạt động chỉ đạo định hướng tư tưởng và tổ

1. Xem: Trường-Chinh: Diễn văn bế mạc Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kỳ họp thứ sáu, khóa II. Tài liệu lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

chức, chuyển hướng trong xây dựng kinh tế và tăng cường tiềm lực quốc phòng miền Bắc, sẵn sàng chiến đấu và đánh thắng các bước mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ ra miền Bắc trong những năm 1965-1968 và 1972; chỉ đạo hoạt động chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Quốc hội và các cơ quan nhà nước đã tiến hành các hoạt động định hướng tư tưởng và tổ chức chuyển toàn bộ hoạt động của miền Bắc sang thời chiến một cách chủ động và kịp thời. Quốc hội các khóa II, III, IV và V do đồng chí Trường-Chinh làm Chủ tịch, đã quyết định các kế hoạch kinh tế thời chiến; bổ sung, sửa đổi và ban hành các luật, pháp lệnh, phê chuẩn sự phân công, bổ nhiệm nhân sự cấp cao của Hội đồng Chính phủ, điều chỉnh bộ máy cán bộ, địa giới hành chính, tuyên dương công trạng của quân và dân ta trong kháng chiến, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; v.v..

Trong những thời điểm lịch sử quan trọng có tính bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, những bài phát biểu của Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh có sức động viên to lớn quân và dân ta xốc tới trên trận tuyến xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Đồng chí luôn nhấn mạnh: “Quốc hội ta quyết động viên toàn dân, toàn quân ra sức thi đua đánh thắng hoàn

toàn giặc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, thực hiện cho kỳ được Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch”¹. Theo đồng chí, Quốc hội ta là Quốc hội của nhân dân, thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân dựa trên cơ sở liên minh công nông do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Những quan điểm của đồng chí về Quốc hội đã phản ánh trung thực ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta; thể hiện sự nhất trí về chính trị và tư tưởng của xã hội miền Bắc, đáp ứng yêu cầu cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Quốc hội luôn dành những tình cảm ruột thịt và sự cổ vũ, động viên to lớn cho nhân dân miền Nam. Tháng 10-1962, khi đoàn đại biểu nhân dân miền Nam ra thăm miền Bắc, đến chào mừng Quốc hội, trong đáp từ, đồng chí Trường-Chinh đã tỏ rõ niềm tin vào cuộc đấu tranh tất thắng của đồng bào miền Nam, kêu gọi đồng bào miền Nam đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, chống Mỹ - ngụy, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc; đồng bào miền Bắc lao động quên mình, xây dựng và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam.

Khi chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ngày càng thất bại, đế quốc Mỹ chuẩn bị tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, gây chiến tranh phá hoại đối với miền

1. Báo *Nhân dân*, ngày 14-6-1971, tr.3.

Bắc, để động viên toàn quân, toàn dân ứng phó với tình hình mới, ngày 27-3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì Hội nghị chính trị đặc biệt tại Thủ đô Hà Nội. Tại Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh đọc lời khai mạc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Báo cáo chính trị. Đây là cuộc “Hội nghị Diên Hồng” trong thời đại Hồ Chí Minh, khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Những biến động của tình hình quốc tế, bước tiến mới của công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam... đặt ra những yêu cầu mới về tăng cường các hoạt động đối ngoại nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ quốc tế cho cách mạng nước ta.

Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã lần lượt cử nhiều phái đoàn đi thăm các nước và đón các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam. Quan hệ giữa Quốc hội nước ta và quốc hội các nước, đặc biệt là quốc hội các nước xã hội chủ nghĩa được mở rộng và tăng cường.

Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi miền Bắc đẩy mạnh chi viện sức người, sức của cho miền Nam chuẩn bị bước vào thời điểm quyết định của tiến trình giải phóng, đồng chí Trường-Chinh thay mặt Quốc hội khóa IV đã kịp thời động viên quân và dân miền Bắc: “chúng ta hãy ra sức

phấn đấu, tạo ra một chuyển biến mới, một khí thế mới, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định mau chóng đời sống của nhân dân, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam anh hùng”¹.

Càng về cuối cuộc kháng chiến, với trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Trường-Chinh tăng cường các hoạt động đối ngoại nhằm góp phần tăng cường tình đoàn kết giữa Nhà nước và nhân dân ta với Chính phủ và nhân dân các nước trên thế giới. Những cuộc tiếp đón, hội đàm với các đoàn đại biểu Đảng Cộng sản các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa; các đảng anh em, các tổ chức hữu nghị, tổ chức phi chính phủ; nhiều phóng viên, nhà báo, nhà văn... thuộc nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới, đã góp phần xây dựng hình ảnh nước Việt Nam kiên cường và giàu truyền thống văn hóa, cách mạng trong lòng bè bạn và nhân dân yêu chuộng hòa bình khắp năm châu, kể cả nhân dân Mỹ. Các hoạt động quốc tế nổi bật trong những chuyến thăm nước ngoài và những cuộc tiếp xúc, tọa đàm với đoàn đại biểu các nước anh em và bè bạn quốc tế của đồng chí Trường-Chinh góp phần nâng cao

1. Báo *Nhân dân*, ngày 10-2-1974, tr. 3.

ảnh hưởng và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, cũng như xây dựng được trên thực tế Mặt trận đoàn kết quốc tế ủng hộ, giúp đỡ công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

Đối với vấn đề xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, đồng chí Trường-Chinh luôn nhấn mạnh vai trò hết sức quan trọng của Mặt trận trong lịch sử cách mạng nước ta, coi đó là “một trong những nhân tố thắng lợi của cách mạng, là vũ khí chính trị không thể thiếu được để nhân dân ta phát huy sức mạnh tổng hợp của mình trong cuộc đấu tranh đánh đổ kẻ thù của dân tộc, giành lại độc lập tự do và xây dựng cuộc sống mới”¹. Để phát huy cao nhất sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước và tiến bộ trong một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi nhằm thực hiện mục tiêu chung của cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, theo đồng chí, điều quyết định là phải có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dựa trên cơ sở liên minh công nông. Đó là một tất yếu khách quan của cách mạng nước ta. Sự lãnh đạo đó không phải là do sự tình cờ, cũng không phải do một ý muốn chủ quan nào, mà là lịch sử cách mạng Việt Nam đã đặt lên vai giai cấp công nhân nước

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Đại hội lần thứ ba Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tháng 12-1971.

ta sứ mệnh lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Vấn đề dân tộc và dân chủ bao giờ cũng mang một nội dung giai cấp cụ thể. Giai cấp nào tiêu biểu nhất cho lợi ích dân tộc và dân chủ của quần chúng nhân dân thì giai cấp ấy và chỉ có giai cấp ấy mới lãnh đạo được cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mới lãnh đạo được Mặt trận dân tộc thống nhất. Ngày nay, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp đứng trung tâm của thời đại mới, đó là giai cấp tiêu biểu nhất cho lợi ích dân tộc và dân chủ, là giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ đến thắng lợi hoàn toàn. Đối với nước ta, độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân không thể tách rời chủ nghĩa xã hội. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là tiền đề của cách mạng xã hội chủ nghĩa và chế độ dân chủ nhân dân là bước quá độ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cho nên, ngay trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Mặt trận dân tộc thống nhất đã phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Giai cấp công nhân thông qua đảng của mình mà lãnh đạo Mặt trận. Đảng của giai cấp công nhân đứng trong Mặt trận bình đẳng với các đảng bạn và được các thành viên của Mặt trận *tự nguyện* thừa nhận quyền lãnh đạo của mình¹.

1. Xem: Trường-Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Sđd*, t.II, tr.535-538.

Quan điểm biện chứng đó của đồng chí Trường-Chinh về vai trò, vị trí của Mặt trận, về sự lãnh đạo của một chính đảng cách mạng đối với Mặt trận dân tộc thống nhất là sự quán triệt và vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận, về “địa vị lãnh đạo” của Đảng trong Mặt trận. Thực hiện đường lối Mặt trận của Đảng, đồng bào miền Bắc đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sát cánh cùng đồng bào miền Nam đoàn kết trong Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, phát huy cao độ mọi sức mạnh tiềm tàng của dân tộc, phối hợp chặt chẽ những cố gắng lớn nhất của nhân dân hai miền Nam - Bắc, tăng cường đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia anh em, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân toàn thế giới để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta trong cả nước, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân ta đi tới thắng lợi cuối cùng.

Sau những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong các chiến dịch mùa khô 1965-1966; 1966-1967 và cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, làm thất bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam, đánh thắng chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc, đế quốc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pari từ tháng 5-1968 và từ tháng 11-1968 phải chấm dứt ném bom miền

Bắc nước ta, mở ra cục diện mới *vừa đánh vừa đàm*, đồng thời đánh dấu thời kỳ đi xuống không gì cứu vãn nổi của Mỹ - ngụy.

Kiên quyết đánh thắng chiến lược chiến tranh xâm lược mới của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, nhưng Đảng và Chính phủ ta cũng luôn bày tỏ rõ thiện chí giải quyết chiến tranh thông qua đàm phán hòa bình. Mặt trận ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được mở ra đã góp phần quan trọng vào từng bước phát triển của cách mạng nước ta trên cả hai miền Nam-Bắc. Đồng chí Trường-Chinh đã có những quan điểm rất đúng đắn về nhận định tình hình, phương châm, sách lược ngoại giao và thể hiện lập trường kiên quyết nhưng mềm dẻo, linh hoạt, có nguyên tắc và thể hiện thiện chí hòa bình của nhân dân ta.

Đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những quan điểm của đồng chí Trường-Chinh về đấu tranh ngoại giao cho thấy những dự cảm, sự phân tích chính xác xu thế vận động và phát triển của lực lượng cách mạng, sức mạnh chính nghĩa và sự thất bại không tránh khỏi của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, từ đó xác định chiến lược, sách lược, phương châm ngoại giao đúng đắn, cách mạng và khoa học, kết hợp đánh và đàm, nhằm mục tiêu “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Quan điểm về ngoại giao, về đàm phán ngoại giao

của đồng chí Trường-Chinh tiếp tục được bổ sung, phát triển theo tiến trình ngày càng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Từ rất sớm khi đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam và mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, khi bàn về đàm phán ngoại giao với Mỹ, trong nhiều phiên họp Bộ Chính trị và Trung ương, đồng chí đã nêu rõ một mặt ta cần “chủ động về quân sự, cần tiếp tục chủ động về chính trị để tranh thủ sự đồng tình của nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ”, nhưng mặt khác phải kiên quyết đấu tranh với đế quốc Mỹ và nêu rõ việc ta tiếp xúc với Mỹ nhằm thăm dò và là bước quá độ để đi đến đàm phán. Qua chiến đấu, lực lượng so sánh miền Nam thay đổi hơn nữa, ta thắng Mỹ ở miền Bắc hơn nữa mới có thể đi đến đàm phán để giải quyết vấn đề¹. Điều kiện đàm phán là: *Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn mọi hoạt động bắn phá và xâm phạm vùng trời, vùng biển nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Mỹ thừa nhận bốn điểm của Chính phủ ta là cơ sở giải quyết vấn đề Việt Nam; Mỹ phải công nhận Mặt trận dân tộc giải phóng là đại biểu của nhân dân miền Nam Việt Nam. Nếu Mỹ thừa nhận thì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tán thành dự một hội nghị quốc tế.*

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968

1. Xem: Biên bản họp Bộ Chính trị, ngày 6-8-1965 và 28-1-1966. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

đã làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Trong nhiều phiên họp của Bộ Chính trị bàn về đấu tranh ngoại giao với Mỹ tại Hội nghị Pari, đồng chí Trường-Chinh có những nhận định, ý kiến trên các vấn đề về nguyên tắc đàm phán mà trước hết là cuộc *hòa đàm Pari phải là một hội nghị bốn bên, gồm: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, Mỹ và Cộng hòa miền Nam Việt Nam*. Ta phải đòi Mỹ chấm dứt ném bom “không điều kiện” và mọi hành động chiến tranh khác trên “*toàn bộ lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*”.

Cùng với việc đề ra các nguyên tắc và yêu cầu Mỹ phải tôn trọng mới có thể thoả thuận ngồi vào bàn đàm phán, đồng chí Trường-Chinh còn đưa ra những nhận định và dự báo đúng về âm mưu, thủ đoạn, thực chất đàm phán của đế quốc Mỹ; khẳng định tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong đàm phán của ta, từ đó góp phần định hướng cho đấu tranh ngoại giao một cách khoa học. Sau ngày Tổng thống Mỹ L. Giônxon phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn ném bom, bắn phá và mọi hành động chống phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chấp nhận ngồi vào đàm phán bốn bên tại Pari, đồng chí có nhận định chung: Chiều hướng chung của Mỹ là xuống dốc do chiến tranh ở Việt Nam có nhiều khó khăn. Níchxon lên

cũng phải đi vào quỹ đạo ấy, nhưng có thể nó đánh mạnh rồi mới rút ra theo kiểu “đàm phán trên thế mạnh”¹. Từ nhận định chung đó, và trong tình hình quốc tế rất phức tạp lúc bấy giờ, nhất là quan điểm của một số đảng anh em về đường lối kháng chiến của ta, đồng chí Trường-Chinh đề ra yêu cầu “phải tỉnh táo, thận trọng, chủ động trong vấn đề của ta, ý kiến đảng anh em ta tham khảo, ta phải từ thực tiễn của ta mà phân tích tình hình và chủ trương. Phải đánh mạnh, phải đánh đổ nguy quyền”². Thực tế lịch sử ngoại giao và thực tế chiến tranh xâm lược Việt Nam khi Níchxơn trở thành tổng thống Mỹ và tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Mỹ hóa” trở lại bằng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc, đặc biệt là cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972 với thất bại thảm hại trong trận “Điện Biên Phủ trên không”, Mỹ phải trở lại bàn đàm phán và ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam (27-1-1973) là minh chứng sinh động về sự đúng đắn và thắng lợi của đường lối ngoại giao cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Thống soái tối cao của dân tộc đã vạch ra và nhất quán, kiên trì chỉ đạo thực hiện.

1, 2. Biên bản họp Bộ Chính trị "Bàn về đấu tranh ngoại giao", ngày 9-11-1968, và 8-12-1968. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Từ những năm 1960 đến 1975, thông qua lãnh đạo của tập thể Bộ Chính trị, Chính phủ và Quốc hội, đồng chí Trường-Chinh tham gia vào việc hoạch định đường lối chiến lược của hai miền Nam - Bắc, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hoà bình, thống nhất Tổ quốc. Trên cương vị lãnh đạo Quốc hội, đồng chí đã lãnh đạo soạn thảo hệ thống pháp luật, xây dựng và hoàn thiện thể chế và bộ máy nhà nước, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với hoàn cảnh nước ta trong giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, thích hợp với hoàn cảnh thời chiến. Đồng chí được Bộ Chính trị phân công trực tiếp phụ trách và góp phần bảo đảm sự vững vàng của mặt trận chính trị, tư tưởng, động viên toàn dân đoàn kết một lòng, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương VIII

TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975-1982)

8.1. Tổ chức Quốc hội thống nhất

Chiến thắng mùa Xuân năm 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta. Sự kiện vĩ đại đó đánh dấu bước ngoặt trong bước đường phát triển của lịch sử dân tộc, mở ra thời kỳ mới của cách mạng nước ta - thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt Nam từ tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng, chuyển sang thực hiện một nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

Bước vào thời kỳ mới, đất nước ta đứng trước những thuận lợi hết sức cơ bản.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đem lại cho nhân dân ta quyền làm chủ đất nước. Đó là tiềm năng lớn nhất để huy động sức mạnh toàn dân

tộc vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, bởi vì: “Sau bao năm chiến đấu đầy gian khổ hy sinh, nhân dân ta không có nguyện vọng nào tha thiết hơn là được sống độc lập, tự do để xây dựng đất nước trong hoà bình, tạo lập một cuộc đời ấm no, hạnh phúc và hợp tác hữu nghị với các nước láng giềng, cũng như với các dân tộc khác trên thế giới”¹.

Những kinh nghiệm sau 21 năm tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là những vốn quý để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Mặt khác, chúng ta bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội với nguồn tài nguyên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào. Với việc ra đời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Tính đến ngày 19-8-1976, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 97 nước trên thế giới. Nhiều tổ chức quốc tế đã đặt quan hệ với Việt Nam và tích cực giúp đỡ nhân dân ta sớm khắc phục hậu quả chiến tranh; ổn định sản xuất và đời sống.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản đó, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, đất nước ta còn phải đương đầu với nhiều khó khăn.

Cuộc chiến tranh khốc liệt do đế quốc Mỹ tiến hành

1. Lê Duẩn: *Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, tr.185.

đã tàn phá đất nước và con người Việt Nam. Bom đạn Mỹ đã giết hại và làm bị thương 8 triệu người¹. Ở miền Bắc, đế quốc Mỹ đánh phá gần như toàn bộ các thành phố, thị xã, trong đó có 12 thị xã, 51 thị trấn bị phá huỷ hoàn toàn; 4.000 trong tổng số 5.783 xã bị đánh phá, trong đó 30 xã bị huỷ diệt. Tất cả các khu công nghiệp bị đánh phá, các nhà máy điện bị đánh hỏng, 5 triệu m² nhà ở 3.000 trường học, 350 bệnh viện bị phá huỷ². Ở miền Nam, trong cuộc chiến tranh, đế quốc Mỹ đã ném 3.770 tấn bom napan, giết hại 415 nghìn người, gây thương tật cho 935 nghìn người khác, làm cho khoảng 7 triệu người phải bỏ nhà cửa và trở thành nạn nhân của chiến tranh. Chất độc da cam do quân đội Mỹ rải xuống nước ta gây tác hại nghiêm trọng và lâu dài tới môi sinh và con người Việt Nam.

Nước ta bước vào thời kỳ mới với cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Miền Bắc chưa ra khỏi tình trạng sản xuất nhỏ. Mặt khác, mô hình kinh tế thời chiến với phương thức cơ chế quản lý cũ được xây dựng hơn 20 năm ở miền Bắc không còn phù hợp với tình hình, hoàn cảnh mới và đang trở thành trở lực kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội khi đất nước thống nhất. Nền kinh tế sản xuất nhỏ ở miền

1, 2. Thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tháng 10-1993.

Nam lệ thuộc nặng về vốn, kỹ thuật, vật tư, hàng hoá vào nước ngoài. Bởi vậy, khó khăn lớn nhất của miền Nam trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội là do những hậu quả trầm trọng của chiến tranh xâm lược và chính sách thực dân mới của Mỹ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội; mặt khác rất quan trọng là đặc điểm của cách mạng miền Nam từ một xã hội thực dân kiểu mới và nửa phong kiến đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, từ một nền sản xuất nhỏ cá thể tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Từ giữa thập kỷ 70 thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân, các nước xã hội chủ nghĩa bắt đầu gặp những khó khăn về kinh tế, chính trị, xã hội. Do vậy, nguồn viện trợ cho Việt Nam bị cắt giảm, trong khi các thế lực thù địch dùng mọi thủ đoạn bao vây về chính trị và cấm vận về kinh tế đối với nước ta. Ngay sau khi miền Nam được giải phóng, bọn Pôn Pốt - Iêng Xary từng bước tiến hành cuộc chiến tranh trên toàn tuyến biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc.

Trước tình hình đó, yêu cầu đặt ra đối với đất nước và dân tộc ta là: tập trung mọi lực lượng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước để tạo ra sức mạnh mới cho Tổ quốc, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đẩy lùi cuộc chiến tranh biên giới của kẻ thù; đồng thời từng bước phá thế

bao vây, cô lập của kẻ thù, từng bước tìm tòi con đường đổi mới, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thời kỳ cách mạng mới, đồng chí Trường-Chinh đã gần 70 tuổi, song với tài năng, đức độ của một chiến sĩ cộng sản, đồng chí vinh dự được Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng bầu là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và được Quốc hội khoá VI bầu làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội khoá VII bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trên cương vị công tác được giao, đồng chí cùng với Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau ngày 30-4-1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước đã thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, về mặt hình thức còn tồn tại hai chính phủ: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở miền Bắc và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ở miền Nam; hai mặt trận, các đoàn thể quần chúng chưa thống nhất và chưa có Quốc hội chung cho cả nước. Để xây dựng đất nước, việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước trở thành một yêu cầu cấp thiết. Đó cũng là

nguyện vọng thiết tha của đồng bào cả nước sau hơn 30 năm liên tục đấu tranh, anh dũng hy sinh theo tiếng gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹.

Nắm bắt được yêu cầu của đất nước và nguyện vọng chính đáng của toàn dân tộc, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) đề ra chủ trương: “Hoàn thành thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”². Hội nghị nhấn mạnh: “Thống nhất đất nước tạo ra sức mạnh mới, những thuận lợi mới để phát triển kinh tế, văn hoá và củng cố quốc phòng. Thống nhất đất nước càng tăng cường ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế. Vì vậy, *thống nhất càng sớm thì càng phát huy nhanh sức mạnh toàn diện của Tổ quốc*”³.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ tích cực chuẩn bị mọi mặt cho việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Từ ngày 3 đến 6-6-1975, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá V họp và bầu đồng chí Trường-Chinh làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.511.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.391, 395.

Phát biểu bế mạc kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá V, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh kêu gọi: “Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta quyết tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, phát huy tinh thần dựa vào sức mình là chính, chuyển khí phách anh hùng trong chiến đấu sang lao động hoà bình, tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cách mạng trước mắt”¹.

Ngày 12-6-1975, trong phiên họp đầu tiên của kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá V, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định chương trình công tác của Uỷ ban từ tháng 6-1975 đến cuối năm 1976, trong đó chương trình trọng tâm là hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước trên cơ sở tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước.

Ngày 27-10-1975, thực hiện chương trình công tác của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội họp phiên đặc biệt dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh. Tại phiên họp, Chủ tịch Trường-Chinh trình bày những biện pháp cụ thể để thực hiện việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Quốc hội thảo luận và thông qua đề án về thực hiện thống nhất đất nước và quyết định thành lập một đoàn đại biểu miền Bắc gồm 25 thành viên đại diện cho các

1. Báo *Nhân dân*, ngày 7-6-1975, tr.1.

đảng phái, tầng lớp nhân dân do đồng chí Trường-Chinh làm Trưởng đoàn vào Sài Gòn - Gia Định hiệp thương với Đoàn đại biểu miền Nam nhằm tiến tới thực hiện tổng tuyển cử trong cả nước, bầu ra Quốc hội và các cơ quan lãnh đạo nhà nước chung của nước Việt Nam thống nhất.

Sáng ngày 12-11-1975, đồng chí Trường-Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội dẫn đầu Đoàn đại biểu miền Bắc lên đường vào thành phố Sài Gòn - Gia Định dự Hội nghị hiệp thương chính trị với Đoàn đại biểu miền Nam do đồng chí Phạm Hùng làm Trưởng đoàn để bàn những biện pháp cụ thể thực hiện việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.

Từ ngày 15 đến 21-11-1975, tại Sài Gòn đã diễn ra Hội nghị hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Nam - Bắc. Phát biểu khai mạc Hội nghị, Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ nêu rõ: “Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc... phản ánh thắng lợi vĩ đại của cách mạng nước ta, đồng thời thể hiện ý chí và nguyện vọng của toàn dân ta. Hội nghị có nhiệm vụ bàn bạc để đi đến quyết định về vấn đề nhanh chóng hoàn thành thống nhất Tổ quốc về mặt Nhà nước, thực hiện tổng tuyển cử trong cả nước, bầu Quốc hội và các cơ quan lãnh đạo nhà nước chung của nước Việt Nam thống nhất”¹.

1. Báo *Nhân dân*, ngày 18-11-1975, tr.2.

Tại Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh đọc Báo cáo chính trị khái quát quá trình đấu tranh lâu dài của nhân dân ta vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, đồng thời nhấn mạnh ý nghĩa của thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và chỉ ra những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam. Đồng chí nhấn mạnh: Ngay từ khi mới thành lập, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng ta đã đặt vấn đề thống nhất Tổ quốc trong phạm trù cách mạng vô sản. Ngày nay, cách mạng đã thắng lợi trong cả nước, chế độ thực dân mới bị đập tan, đương nhiên cả nước ta độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm của Đảng ta, sự nghiệp thống nhất đất nước chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở độc lập thực sự, vì có giành được độc lập hoàn toàn thì mới có sự thống nhất trọn vẹn. Đó là sự thống nhất vĩnh viễn, non sông thu về một mối, Bắc - Nam sum họp một nhà, dưới sự quản lý của một Nhà nước Việt Nam thống nhất do Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo.

Đề cập đến những nội dung, yêu cầu của việc hoàn thành thống nhất nước nhà là phải hoàn thành thống nhất giữa hai miền về chế độ chính trị và xã hội, cụ thể là về cơ cấu kinh tế, quan hệ sản xuất, thành phần xã hội, tổ chức nhà nước, hiến pháp và pháp luật, văn hoá và tư tưởng¹.

1. Trường-Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr .30.

Trong quá trình hiệp thương, phần lớn đại biểu đều mong muốn thống nhất ngay, tuy nhiên vẫn có một số ý kiến cho rằng, không nên vội vàng thống nhất đất nước ngay vì còn có sự khác nhau về kinh tế và các vấn đề khác. Cuối cùng, Hội nghị nhất trí cho rằng, mặc dù hai miền vẫn còn những chỗ khác biệt nhưng không phải vì thế mà trì hoãn việc thống nhất đất nước. Vấn đề là ở chỗ, phải tăng cường và hoàn thiện những mặt đã giống nhau căn bản, đồng thời từng bước xoá bỏ những mặt khác nhau giữa hai miền. Muốn làm tốt nhiệm vụ đó, trước mắt phải đẩy mạnh việc thống nhất quản lý kinh tế, tài chính để hai miền mau chóng bổ sung cho nhau, phát huy tiềm lực vốn có, sử dụng hợp lý sức người, sức của trong cả nước, đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên mạnh mẽ.

Hội nghị nhất trí tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước để bầu ra Quốc hội chung cho cả nước. Cuộc tổng tuyển cử sẽ tiến hành trong nửa đầu năm 1976 theo đúng nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Sau khi bầu Quốc hội chung cả nước, Quốc hội sẽ xác định chế độ nhà nước, bầu các cơ quan lãnh đạo và quy định Hiến pháp mới của nước Việt Nam thống nhất.

Sáng ngày 21-11-1975, đồng chí Trường-Chinh, Trưởng Đoàn đại biểu miền Bắc và đồng chí Phạm Hùng, Trưởng Đoàn đại biểu miền Nam đã ký Thông cáo chung

khẳng định: Nước Việt Nam ta, dân tộc Việt Nam ta đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước cùng làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn cách mạng mới “Cần hoàn thành thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sự thống nhất trọn vẹn và vững chắc nhất”¹.

Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước thành công tốt đẹp với những quyết định phản ánh đầy đủ thực tiễn cách mạng nước ta, thể hiện ý chí của dân tộc ta và xu thế tiến lên của cách mạng Việt Nam.

Sáng ngày 20-11-1975, đồng chí Trường-Chinh, Trưởng Đoàn đại biểu miền Bắc tham gia Đoàn Chủ tịch cuộc mít tinh của nhân dân Sài Gòn - Gia Định mừng thắng lợi Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc do Thành uỷ, Uỷ ban Mặt trận dân tộc giải phóng Sài Gòn - Gia Định tổ chức.

Ngày 22-11-1975, trong phiên họp khai mạc kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá V, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh báo cáo trước Quốc hội về kết quả Hội nghị hiệp thương thống nhất Tổ quốc, nêu rõ các bước tiến hành quá trình diễn ra hội nghị, các ý kiến thảo luận tại hội nghị và kết quả của hội nghị được đúc kết lại trong hai văn kiện chính thức là: *Thông cáo của Hội nghị hiệp*

1. Thông cáo của Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc. Báo *Nhân dân*, ngày 21-11-1975, tr.1.

thương chính trị thống nhất Tổ quốc và Những vấn đề đã được hai đoàn đại biểu nhất trí thông qua trong Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc.

Đánh giá kết quả và ý nghĩa của Hội nghị hiệp thương thống nhất Tổ quốc, Chủ tịch Trường-Chinh khẳng định: “Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc đã giải quyết một cách tốt đẹp tất cả các vấn đề nhằm thực hiện thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân ta. Hai đoàn đại biểu đã đi đến hoàn toàn nhất trí trên tất cả mọi vấn đề, về quan điểm cũng như về biện pháp cụ thể. Điều đó phản ánh hùng hồn sự đoàn kết, nhất trí của toàn dân ta trước nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới mà Hội nghị lần thứ 24 của Trung ương Đảng đề ra”¹.

Tại kỳ họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí phê chuẩn kết quả của Hội nghị hiệp thương chính trị và thông qua Nghị quyết thống nhất Tổ quốc nói lên ý chí mạnh mẽ và nguyện vọng thiết tha của toàn dân ta là hoàn thành thống nhất Tổ quốc trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam quyết định lấy ngày

1. Trường-Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd, tr.49.

25-4-1976 là ngày tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước Việt Nam thống nhất và thành lập Hội đồng bầu cử toàn quốc gồm 22 người (miền Bắc 11 người và miền Nam 11 người), do đồng chí Trường-Chinh làm Chủ tịch, đồng chí Phạm Hùng làm Phó Chủ tịch.

Để tổng tuyển cử bầu Quốc hội thực sự là cuộc vận động chính trị rộng lớn, ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về lãnh đạo tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước, khẳng định ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc tổng tuyển cử.

Ngày 21 và 22-2-1976, tại thành phố Sài Gòn, Chủ tịch Hội đồng bầu cử Trường-Chinh chủ trì phiên họp toàn thể lần thứ nhất của Hội đồng bầu cử toàn quốc.

Phát biểu tại phiên họp, đồng chí nêu bật ý nghĩa và yêu cầu của cuộc tổng tuyển cử, những thuận lợi và khó khăn của cuộc Tổng tuyển cử, những nhiệm vụ của Hội đồng bầu cử. Đồng chí nhấn mạnh: **“Quốc hội biểu hiện tập trung và cao nhất quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Việc bầu cử Quốc hội phải do nhân dân tự nguyện, tự giác tham gia... Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội lần này phải là một cuộc động viên các tầng lớp nhân dân trong nước ra sức xây dựng lại nước nhà, ổn định đời sống, phục hồi và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá”**¹.

1. Lời phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị Hội đồng bầu cử toàn quốc (ngày 21-2-1976). Báo *Nhân dân*, ngày 25-2-1976, tr.1.

Ngày 17-4-1976, tại thành phố Sài Gòn, dưới sự chủ trì của đồng chí Trường-Chinh, Thường trực Hội đồng bầu cử toàn quốc đã họp kiểm điểm công tác chuẩn bị bầu cử. Thay mặt Hội đồng bầu cử toàn quốc, Chủ tịch Trường-Chinh kêu gọi đồng bào, cử tri trong cả nước phát huy tinh thần làm chủ tập thể, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, tích cực tham gia cuộc tổng tuyển cử để lựa chọn những người xứng đáng làm đại biểu Quốc hội của nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Tối 22-4-1976, tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh tham dự lễ mít tinh chào mừng cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước và chào mừng những vị ứng cử đại biểu Quốc hội tại Hà Nội.

Thay mặt các vị ứng cử đại biểu Quốc hội tại Hà Nội, đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh: “Cuộc tổng tuyển cử sắp tới là một cuộc biểu dương lực lượng của những người Việt Nam yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, chống bọn đế quốc và bè lũ tay sai.

Đồng bào hãy nhiệt liệt tham gia bầu cử làm cho ngày tổng tuyển cử tới thật sự là ngày hội lớn của toàn dân ta, đánh dấu một phong trào cách mạng sôi nổi của đồng bào cả nước”¹.

1. Trường-Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd, tr. 62

Ngày 25-4-1976 thực sự trở thành ngày hội thống nhất non sông của dân tộc Việt Nam, ngày hội đoàn kết của tất cả các dân tộc anh em cùng sống trên dải đất Việt Nam yêu dấu. Trong không khí của người chiến thắng, đồng bào cả nước đã nô nức đi bầu cử Quốc hội chung cả nước.

Thực hiện nghĩa vụ công dân của mình, đúng 7 giờ sáng ngày 25-4-1976, đồng chí Trường-Chinh đi bỏ phiếu tại Phòng bỏ phiếu số 36 thuộc Câu lạc bộ Thống nhất, khu phố Hoàn Kiếm, Hà Nội. Cuộc bầu cử trên cả nước diễn ra sôi nổi, thật sự dân chủ và đúng pháp luật. Số cử tri đi bỏ phiếu đạt tỷ lệ 98,82%, trong đó miền Bắc: 99,36%, miền Nam: 98,59%, Hà Nội: 99,82%, Sài Gòn: 98,14%.

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước là sự biểu thị hùng hồn ý chí của toàn dân ta đối với việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Nhằm tổng kết cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng bầu cử toàn quốc, ngày 7-5-1976, tại Nhà khách Chính phủ, Hội đồng bầu cử toàn quốc họp phiên toàn thể lần thứ hai dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hội đồng bầu cử Trường-Chinh.

Phát biểu khai mạc phiên họp, đồng chí Trường-Chinh khẳng định: Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội đã

thành công rực rỡ. Khắp nơi trong cả nước, đông đảo nhân dân đã tích cực tham gia bầu cử, lựa chọn những đại biểu xứng đáng của mình. Các cử tri đã đi bỏ phiếu, làm nghĩa vụ công dân với tư thế người chiến thắng.

Từ ngày 24 tháng 6 đến 3-7-1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất họp kỳ thứ nhất tại Hà Nội. Trong ngày khai mạc, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh đọc Báo cáo tổng kết cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước, nêu bật ý nghĩa thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử là “thắng lợi chính trị to lớn nhất của nhân dân ta từ sau chiến thắng mùa Xuân 1975... là thắng lợi của quyền làm chủ tập thể của nhân dân ta tự mình nắm lấy vận mệnh của mình để xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mình và cho con cháu muôn đời mai sau. Thắng lợi đó khẳng định ý chí sắt đá của toàn dân ta quyết tâm khắc phục khó khăn, xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa”¹.

Đồng chí nêu rõ những nhiệm vụ của kỳ họp thứ nhất Quốc hội chung của cả nước là: Xác nhận kết quả cuộc tổng tuyển cử; quyết định thể chế nhà nước trong khi chưa có Hiến pháp mới; thảo luận về tình hình và nhiệm vụ, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước

1. Trường-Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, *Sổđ*, tr. 120-121.

ta, về chính sách đối nội và đối ngoại của Nhà nước ta; quyết định tên nước, quốc huy, quốc kỳ, quốc ca... bầu các cơ quan lãnh đạo và bầu các đồng chí đứng đầu Nhà nước...

Quốc hội ra Tuyên bố: “cuộc tổng tuyển cử ngày 25-4-1976 đã đánh dấu bước thắng lợi quyết định của nhân dân ta trên con đường thống nhất nước nhà về mặt nhà nước”¹, nêu rõ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội”².

Ngày 2-7-1976, Quốc hội quyết định lấy tên nước là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng; Quốc huy là hai bông lúa chín và nửa bánh răng cưa trên nền Quốc kỳ với dòng chữ: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô: Hà Nội, thành phố Sài Gòn - Gia Định được vinh dự mang tên Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Trường-Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, *Sđd*, tr. 123.

2. Tuyên bố của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VI, kỳ họp thứ nhất. Báo *Nhân dân*, ngày 7-7-1976, tr.1.

Quốc hội công nhận Quốc hội chung cả nước là Quốc hội khoá VI và quyết định thành lập Uỷ ban dự thảo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước, các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ được bầu làm Phó Chủ tịch nước. Đồng chí Trường-Chinh được bầu làm Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Đồng chí Phạm Văn Đồng được bầu làm Thủ tướng Chính phủ.

Thắng lợi của kỳ họp thứ nhất Quốc hội chung cả nước (Quốc hội khoá VI) đã hoàn thành quá trình thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam độc lập, thống nhất ra đời là một mốc lịch sử vô cùng quan trọng mà nhân dân ta đã hy sinh bao xương máu, phấn đấu liên tục trong suốt mấy chục năm trường mới thực hiện được. Thắng lợi đó thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất và ý chí quyết tâm của mọi tầng lớp nhân dân xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong một thời gian ngắn, việc chuẩn bị và thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã thành công tốt đẹp. Góp phần vào thắng lợi chung đó có sự đóng góp to lớn của đồng chí Trường-Chinh. Trên cương vị là Trưởng Đoàn đại biểu miền Bắc tại Hội nghị hiệp thương thống nhất Tổ quốc, Chủ tịch Uỷ ban bầu cử toàn quốc, Chủ tịch Uỷ ban

Thường vụ Quốc hội, đồng chí đã lãnh đạo hoàn thành Hội nghị hiệp thương hai miền Nam - Bắc, chỉ đạo thành công cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước và tổ chức thắng lợi kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, hoàn thành xuất sắc sự nghiệp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, mở ra kỷ nguyên mới cho nước Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

8.2. Xây dựng Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Sau khi hoàn thành sự nghiệp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh được kỳ họp thứ nhất Quốc hội chung cả nước bầu làm Chủ tịch Uỷ ban dự thảo Hiến pháp.

Ngày 5-7-1976, đồng chí chủ trì phiên họp toàn thể lần thứ nhất của Uỷ ban dự thảo Hiến pháp để bàn kế hoạch công tác, quy trình soạn thảo Hiến pháp cho đến khi trình Quốc hội thông qua.

Ngày 26-9-1976, đồng chí chủ tọa phiên toàn thể lần thứ hai của Uỷ ban dự thảo Hiến pháp thảo luận về việc xây dựng Hiến pháp mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phát biểu tại phiên họp, Chủ tịch Trường-Chinh chỉ rõ: “Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là *Luật cơ bản của Nhà nước*, quy định chế độ

chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội của nước ta; xác định và thể chế hoá quyền làm chủ tập thể của nhân dân ta, những quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân; quy định cơ cấu tổ chức của Nhà nước, chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, quan hệ giữa các cơ quan đó với nhau và quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân. Hiến pháp mới của nước ta nêu rõ những nguyên tắc cơ bản mà tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị và xã hội, tất cả mọi người dân đều phải tuân theo, bảo đảm xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Hiến pháp mới của nước ta là *một bản tổng kết* cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân ta chống bọn đế quốc, thực dân và các giai cấp bóc lột trong nước¹; là *“một văn kiện có tính chất cương lĩnh* nhằm phục vụ sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội mới...; là *Hiến pháp xã hội chủ nghĩa chung cho cả nước*. Nó thể hiện nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, những quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và đường lối chung của Đảng ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nó phản ánh những đặc điểm của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện tại².

1, 2. Trường-Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sđd*, tr. 129-130, 130-131.

Đồng chí nêu rõ quan điểm xây dựng Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thể hiện chân lý “nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”; phải thấm nhuần chính sách đoàn kết dân tộc; phải thể hiện rõ nội dung của chuyên chính vô sản ở nước ta là dân chủ với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù của nhân dân, kẻ thù của chủ nghĩa xã hội; bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân thông qua Nhà nước của dân, do dân và vì dân; bảo đảm cho nhân dân tiến hành tốt ba cuộc cách mạng: quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng - văn hoá; thể hiện rõ mối quan hệ: Đảng lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng, nhân dân thật sự làm chủ, Nhà nước quản lý kinh tế - xã hội và đời sống.

Tháng 12 -1976, Đại hội lần thứ IV của Đảng được tổ chức tại Hà Nội.

Ngày 18-12-1976, Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh đọc tham luận tại Đại hội nêu lên một số ý kiến về nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, về vấn đề tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản Việt Nam và xây dựng Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đồng chí nhấn mạnh nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới là hoàn

thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

“Để Nhà nước ta có hiệu lực thực tế cao, đồng chí nêu... Bảo đảm thực hiện chế độ thật sự dân chủ trong việc bầu cử của cơ quan quyền lực nhà nước; bảo đảm quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan dân cử, kiện toàn và hợp lý hoá tổ chức bộ máy của Chính phủ, các uỷ ban nhân dân, các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội; đẩy mạnh việc xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa; tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong nhân dân và trong các cán bộ của Đảng và Nhà nước về bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa¹.

Ngày 11-6-1977, tại Thành phố Hồ Chí Minh, dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Trường-Chinh, Uỷ ban dự thảo Hiến pháp họp phiên toàn thể lần thứ ba để thảo luận việc xây dựng Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phát biểu tại phiên họp, đồng chí nêu rõ những vấn đề cụ thể của Hiến pháp mới: tính chất của nhà nước, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, chế độ kinh tế và xã hội; vấn đề xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; những quyền lợi và nghĩa vụ của công dân; cơ cấu tổ chức của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ

1. Báo *Nhân dân*, ngày 18-12-1976, tr. 1.

Trung ương đến địa phương; mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý.

Các thành viên trong Ủy ban dự thảo Hiến pháp phát biểu ý kiến chung về toàn bộ dự thảo và từng chương của bản dự thảo Hiến pháp, đồng thời nhất trí nhận định rằng, bản dự thảo Hiến pháp đã thể hiện đường lối của Đại hội lần thứ IV Đảng Cộng sản Việt Nam, phản ánh được tình hình thực tế và yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, đã kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959.

Trong ba ngày 16 đến 18-1-1978, Hội nghị toàn thể lần thứ tư của Ủy ban dự thảo Hiến pháp đã họp dưới sự chủ tọa của đồng chí Trường-Chinh. Đồng chí Trường-Chinh đã đọc báo cáo nêu rõ một số vấn đề cụ thể thuộc nội dung của bản dự thảo Hiến pháp mà bộ phận thường trực đề nghị Ủy ban thảo luận thêm, đồng thời đề nghị về vấn đề tổ chức thảo luận dự thảo Hiến pháp trong cán bộ và nhân dân trong thời gian tới. Về việc lấy ý kiến đóng góp cho bản dự thảo Hiến pháp, đồng chí chỉ rõ: Cuộc thảo luận trong cán bộ và nhân dân sẽ chia thành hai bước:

- *Bước 1:* Tổ chức thảo luận trong cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội và mặt trận, các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nhằm thu thập ý kiến bổ sung, chỉnh lý dự thảo Hiến pháp trước khi công bố cho nhân dân thảo luận, góp ý kiến.

- *Bước 2*: Công bố dự thảo Hiến pháp ra toàn dân và động viên toàn thể cán bộ, công nhân, nông dân, quân đội và các tầng lớp khác trong nhân dân tham gia thảo luận, góp ý kiến vào dự thảo Hiến pháp, làm cho Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thật sự phản ánh ý chí sắt đá và nguyện vọng tha thiết của toàn dân ta là: xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Tại Hội nghị, Ủy ban dự thảo Hiến pháp nhất trí cho rằng: Việc thảo luận dự thảo Hiến pháp trong cán bộ và nhân dân là một cuộc sinh hoạt chính trị hết sức quan trọng, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, nâng cao nhận thức về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong việc góp phần xây dựng đạo luật cơ bản của Nhà nước ta. Nếu tiến hành tốt, cuộc thảo luận sẽ mang lại những kết quả thiết thực và to lớn trong việc xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân, đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa nhằm hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước. Ủy ban dự thảo Hiến pháp nhất trí sẽ kiến nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuẩn y kế hoạch và quyết định đưa dự thảo Hiến pháp ra cán bộ và nhân dân thảo luận, góp ý kiến bắt đầu vào khoảng giữa tháng 2-1978.

Theo đề nghị của Hội nghị toàn thể lần thứ tư của Ủy ban dự thảo Hiến pháp, ngày 23-1-1978, Ủy ban

Thường vụ Quốc hội họp phiên thường lệ dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh đã phê chuẩn đề nghị của Ủy ban dự thảo Hiến pháp về việc đưa Dự thảo Hiến pháp ra cán bộ, nhân dân thảo luận, góp ý kiến và giao cho Ủy ban dự thảo Hiến pháp thực hiện cuộc thảo luận đó.

Nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đối với việc góp ý kiến vào dự thảo Hiến pháp mới, ngày 4-2-1978, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ thị về việc thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân. Chỉ thị nêu rõ: Hiến pháp mới của nước ta là Hiến pháp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì vậy, xây dựng Hiến pháp mới không chỉ là công việc của một cơ quan chuyên môn, mà còn phải có sự đóng góp tích cực của nhân dân, người chủ chân chính của nước nhà. Do vậy “Cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân ta là một cuộc sinh hoạt chính trị và vận động dân chủ xã hội chủ nghĩa rất quan trọng, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân ta, nâng cao tinh thần trách nhiệm và lòng tha thiết của nhân dân ta đối với chế độ xã hội chủ nghĩa và nền chuyên chính vô sản... Vì vậy, tất cả các tổ chức Đảng, toàn thể cán bộ và đảng viên có nhiệm vụ vận động nhân dân và cùng nhân dân tích cực tham gia thảo luận dự

thảo Hiến pháp, bảo đảm cho cuộc thảo luận giành được thắng lợi lớn”¹.

Ngày 3-2-1978, Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp Trường-Chinh đã trình bày bản dự thảo Hiến pháp mới tại Hội nghị cán bộ cao, trung cấp toàn quốc. Đồng chí nêu rõ lý do soạn thảo Hiến pháp mới: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hiến pháp của nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội IV lần thứ của Đảng, Hiến pháp đó quy định mục tiêu cách mạng và phương hướng phấn đấu của nhân dân ta trong giai đoạn mới, bảo vệ độc lập dân tộc, hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội.

Để giúp cho cán bộ trung, cao cấp trong toàn quốc nắm được tinh thần cơ bản của dự thảo Hiến pháp, đồng chí Trường-Chinh đã trình bày những nội dung cơ bản của Hiến pháp (gồm: Lời nói đầu và nội dung chính của 11 chương) và nêu rõ mục đích, yêu cầu của cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn này.

Ngày 17-4-1978, đồng chí Trường-Chinh chủ trì phiên họp thường lệ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị về việc tổ chức thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân. Báo *Nhân dân*, ngày 9-2-1978, tr.1.

Thay mặt Uỷ ban dự thảo Hiến pháp, đồng chí báo cáo sơ bộ kết quả bước một thảo luận dự thảo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Uỷ ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu Uỷ ban dự thảo Hiến pháp tổ chức tốt việc nghiên cứu, tổng hợp các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh bản dự thảo Hiến pháp trước khi công bố cho nhân dân thảo luận trong bước hai.

Đến đầu tháng 5-1978 đã có 44.541 cán bộ cao, trung cấp tham gia thảo luận với 240.583 lượt người phát biểu ý kiến.¹

Từ ngày 15 đến 21-6-1979, dưới sự chủ tọa của đồng chí Trường-Chinh, Uỷ ban dự thảo Hiến pháp họp phiên toàn thể lần thứ năm thông qua dự thảo Hiến pháp đã được chỉnh lý dựa trên những ý kiến của cán bộ cao, trung cấp và quyết định kế hoạch đưa dự thảo Hiến pháp ra cho nhân dân thảo luận, góp ý kiến.

Tối 14-8-1979, đồng chí Trường-Chinh phát biểu trên Đài Truyền hình trung ương nêu rõ tầm quan trọng, ý nghĩa của bản Hiến pháp chung của cả nước và chỉ rõ: Hiến pháp là luật cơ bản của nước ta, nó quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của nước nhà; những quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân; cơ cấu tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ của những cơ

1. Trường-Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, *Sđd*, tr.281.

quan nhà nước; quy định Quốc huy, Quốc kỳ, Quốc ca, Thủ đô...

Hiến pháp mới tổng kết những thành quả đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trong nửa thế kỷ qua, thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn mới. Hiến pháp mới là vũ khí sắc bén của nhà nước chuyên chính vô sản để hoàn thành ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng văn hoá. Hiến pháp mới kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 của nước ta trong điều kiện mới. Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang được xây dựng là Hiến pháp xã hội chủ nghĩa của nước Việt Nam độc lập và thống nhất. Sứ mệnh của nó là phục vụ việc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Tiếp đó, Chủ tịch Uỷ ban dự thảo Hiến pháp nêu những nội dung cơ bản của dự thảo Hiến pháp gồm: Lời nói đầu, 12 chương và 143 điều, đồng thời nêu rõ mục đích, yêu cầu của cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp trong cán bộ và nhân dân nhằm:

- Làm cho cán bộ và nhân dân nắm được và hiểu nội dung cơ bản của Hiến pháp, đóng góp những ý kiến thiết thực xây dựng Hiến pháp mới.

- Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân,

biểu thị tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nhận thức đúng đắn về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân.

- Thông qua quần chúng thảo luận dự thảo Hiến pháp mới, đảng bộ và chính quyền các cấp, các ngành kịp thời liên hệ và sửa chữa những việc vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa, có kế hoạch để khắc phục mọi biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.

Kết thúc bài phát biểu, đồng chí Trường-Chinh kêu gọi: “Đồng bào hãy tích cực tham gia thảo luận dự thảo Hiến pháp mới. Đây là một dịp tốt chẳng những để nhân dân ta nâng cao tinh thần trách nhiệm, sử dụng quyền làm chủ tập thể, mà còn cần thiết để hiểu biết Hiến pháp và mai đây thi hành đúng Hiến pháp, đem tài năng và sức lực xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình”¹.

Ngày 24-8-1979, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp Trường-Chinh họp báo tại Hà Nội.

Phát biểu trong cuộc họp báo, đồng chí vạch rõ sự cần thiết phải nắm vững mục đích, yêu cầu trọng tâm của cuộc thảo luận và nhấn mạnh: “Báo chí cần dành

1. Toàn dân hãy hăng hái tham gia thảo luận dự thảo Hiến pháp mới. Báo *Nhân dân*, ngày 15-8-1979, tr.1.

một khuôn khổ nhất định cho cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp, hơn nữa, thông tin, báo chí cần tìm ra những hình thức, thể loại tin bài khác nhau, định ra những chuyên mục, chuyên đề để đưa tin, giải thích, giải đáp thắc mắc, phản ánh ý kiến và quyết tâm của nhân dân trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể, nâng cao nhiệt tình yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh phong trào thi đua mọi mặt”¹.

Ngày 18-9-1979, đến dự buổi thảo luận dự thảo Hiến pháp mới của cán bộ và công nhân Nhà máy Điện Yên Phụ, Hà Nội, đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ: “bản Hiến pháp mới chỉ có giá trị thật sự khi mọi người dân đều tự giác chấp hành, vì vậy, ngay từ giờ, mỗi người dân, mỗi cán bộ, công nhân, nhân viên cần tiếp tục nghiên cứu thảo luận để trước mắt góp được nhiều ý kiến đúng để xây dựng Hiến pháp mới hoàn chỉnh và nghiêm chỉnh, tự nguyện thi hành các điều sau khi bản Hiến pháp mới được Quốc hội thông qua”².

Cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp bước hai bắt đầu từ ngày 15-8-1979 và kết thúc ngày 30-10-1979. Đến hết

1. Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh trong cuộc họp báo ngày 24-8-1979. Báo *Nhân dân*, ngày 25-8-1979, tr.1.

2. Đồng chí Trường-Chinh tới dự buổi thảo luận dự thảo Hiến pháp mới của cán bộ và công nhân Nhà máy điện Yên Phụ, Hà Nội. Báo *Nhân dân*, ngày 20-9-1979, tr.1.

ngày 30-12-1979, có 39/40 tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và các cơ quan Trung ương đã gửi báo cáo kết quả cho Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Theo thống kê chưa đầy đủ, đã có 16 triệu 750 nghìn người đã tham gia thảo luận dự thảo Hiến pháp, đạt tỷ lệ trung bình 70-90% tổng số cử tri trong cả nước, riêng các lực lượng vũ trang nhân dân đạt từ 90-95% quân số. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban dự thảo Hiến pháp còn nhận được hơn 4.200 thư của cán bộ và nhân dân góp ý kiến vào dự thảo Hiến pháp.

Ngày 30-12-1979, Ủy ban dự thảo Hiến pháp họp phiên toàn thể lần thứ bảy dưới sự chủ tọa của đồng chí Trường-Chinh.

Tại phiên họp, Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp Trường-Chinh báo cáo về tình hình và kết quả cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong nhân dân và dự kiến công tác của Ủy ban dự thảo Hiến pháp trong thời gian tới. Đồng chí nêu rõ kết quả và những ý kiến đóng góp quý báu của nhân dân đối với các nội dung của bản dự thảo Hiến pháp.

Ủy ban dự thảo Hiến pháp báo cáo kết quả thảo luận dự thảo Hiến pháp trong nhân dân do đồng chí Trường-Chinh trình bày và nhất trí cho rằng, cuộc thảo luận trong nhân dân vừa qua là một cuộc sinh hoạt chính trị quan trọng được tổ chức chu đáo, lãnh đạo chặt chẽ, đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân

tham gia và đạt kết quả tốt. Thông qua cuộc thảo luận Hiến pháp đã góp phần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, nâng cao một bước sự hiểu biết của công dân về chế độ ta, về Đảng và Nhà nước, về Hiến pháp và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Ủy ban dự thảo Hiến pháp cũng đã nhất trí về những công tác sắp tới và giao cho bộ phận thường trực chính lý dự thảo Hiến pháp dựa trên cơ sở nghiên cứu những ý kiến đóng góp của nhân dân, chuẩn bị cho việc hoàn chỉnh dự thảo Hiến pháp trình Quốc hội quyết định.

Từ ngày 9 đến 12-6-1980, tại Hà Nội, Ủy ban dự thảo Hiến pháp họp hội nghị toàn thể lần thứ tám dưới sự chủ tọa của đồng chí Trường-Chinh. Trong ngày đầu của phiên họp, Chủ tịch Trường-Chinh báo cáo về việc chính lý dự thảo Hiến pháp mới sau cuộc thảo luận trong nhân dân và đề xuất một số công tác trong thời gian tới. Phần lớn thời gian còn lại, Ủy ban dự thảo Hiến pháp quyết định những vấn đề quan trọng được đông đảo cán bộ và nhân dân quan tâm, góp ý kiến xây dựng. Ủy ban đã tiếp thu một cách có chọn lọc ý kiến của hàng triệu cán bộ và nhân dân. Bản dự thảo Hiến pháp đã thể hiện rõ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, phản ánh ý chí, nguyện vọng của nhân dân và thể chế hoá đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn mới. Ủy ban dự thảo Hiến pháp quyết định, sau khi chỉnh lý, bản dự thảo Hiến pháp sẽ được

trình lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ ngày 4 đến 10-9-1980, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp Hội nghị lần thứ tám (khoá IV) để xem xét bản dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyết định những biện pháp bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp sau khi được Quốc hội thông qua.

Hội nghị nhất trí với nội dung cơ bản của dự thảo Hiến pháp mới và cho rằng: “Dự thảo Hiến pháp mới đã thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với tinh thần và nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xác định mối quan hệ khăng khít giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý... Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước... Hiến pháp mới là đạo luật cơ bản của Nhà nước ta. Nó thể chế hoá đường lối và những chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn mới; cho nên nó có tác dụng chỉ đạo hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”¹.

1. Báo *Nhân dân*, ngày 25-12-1980, tr.1.

Để Hiến pháp được thi hành nghiêm chỉnh, có hiệu lực và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, hội nghị yêu cầu cần làm tốt những việc sau:

- Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về Hiến pháp và pháp luật trong cán bộ và nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật, kiện toàn pháp chế xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý xã hội theo pháp luật.

- Kiện toàn bộ máy nhà nước.

- Ra sức phấn đấu tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành Hiến pháp, đạt một chuyển biến tốt trong kinh tế và đời sống.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) nêu những điểm cần bổ sung, hoàn chỉnh Hiến pháp, trước khi trình Quốc hội phê duyệt.

Từ ngày 13 đến 16-10-1980, Ủy ban dự thảo Hiến pháp họp Hội nghị toàn thể lần thứ chín. Đồng chí Trường-Chinh đã báo cáo về việc chỉnh lý dự thảo Hiến pháp sau khi Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho ý kiến và kế hoạch trình dự thảo Hiến pháp ra Quốc hội.

Ủy ban dự thảo Hiến pháp vui mừng vì bản dự thảo Hiến pháp đã được Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) xem xét, xác nhận dự thảo Hiến pháp đã thể hiện đúng đường lối, chính sách của Đại hội lần thứ IV Đảng Cộng sản Việt Nam, phản

ánh được ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Ủy ban dự thảo Hiến pháp nhiệt liệt hoan nghênh những ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong dự thảo Hiến pháp, đồng thời Ủy ban đã rà soát lại toàn bộ bản dự thảo Hiến pháp và quyết định những vấn đề cần thiết để hoàn chỉnh bản dự thảo Hiến pháp.

Ủy ban dự thảo Hiến pháp nhất trí khẳng định: Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và được sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, sự tham gia tích cực của đông đảo cán bộ và nhân dân trong cả nước và sự cộng tác chặt chẽ của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, Ủy ban dự thảo Hiến pháp đã hoàn thành về cơ bản việc soạn thảo xong bản dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để trình Quốc hội xem xét và thông qua trong kỳ họp tới.

Ngày 12-12-1980, trong diễn văn khai mạc kỳ họp thứ bảy Quốc hội khoá VI, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường-Chinh nhấn mạnh: “Quốc hội khoá VI có nhiệm vụ trọng đại là thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước”¹.

1. Báo *Nhân dân*, ngày 13-12-1980, tr.1.

Kỳ họp thứ bảy Quốc hội khoá VI dành nhiều thời gian để các đại biểu thảo luận, góp ý kiến với dự thảo Hiến pháp. Sau nhiều ngày thảo luận với hàng trăm lượt ý kiến phát biểu, 15 giờ 25 phút ngày 18-12-1980, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được 100% đại biểu Quốc hội biểu quyết thông qua.

Ngày 19-12-1980, quyền Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ ký Lệnh công bố Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp năm 1980 gồm: Lời nói đầu, 12 chương và 147 điều. Hiến pháp quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan nhà nước. Nó thể hiện mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý trong xã hội Việt Nam.

Nội dung cơ bản của Hiến pháp gồm một số vấn đề sau:

- Bản chất Nhà nước và vai trò lãnh đạo của Đảng: Vấn đề cơ bản nhất là xác định bản chất giai cấp của nhà nước. Đây là vấn đề cơ bản quyết định các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. Hiến pháp quy định: “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước chuyên chính vô sản” (Điều 2). Bản chất giai cấp của nhà nước là “thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động” (Điều 2). Hiến pháp mới thể hiện mối

quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý trong xã hội Việt Nam. “Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam, được vũ trang bằng học thuyết Mác - Lênin, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội, là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam” (Điều 4).

- Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động: Đây là vấn đề xuyên suốt toàn bộ Hiến pháp. Hiến pháp quy định nhân dân làm chủ bằng nhà nước, bằng các tổ chức xã hội và tham gia trực tiếp vào công việc nhà nước, công việc xã hội. Hiến pháp quy định: “tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân” (Điều 6). Để phát huy thực sự quyền làm chủ đó, Hiến pháp quy định: “Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín” (Điều 7).

- Thể chế hoá đường lối xây dựng kinh tế mới, văn hoá mới, con người mới và xây dựng quốc phòng toàn dân: Hiến pháp đã dành một vị trí quan trọng cho vấn đề kinh tế và dân sinh. Chương I và Chương II của Hiến pháp xác định mục tiêu và mục đích kinh tế của nhà nước ta căn cứ vào tính đặc thù của nước ta. Hiến pháp

thể chế hoá những vấn đề quan trọng khác trong đường lối kinh tế của Đảng như: cách mạng về quan hệ sản xuất và quyền làm chủ tập thể của nhân dân về kinh tế, chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa, quản lý kinh tế và kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, tăng cường pháp luật kinh tế, đấu tranh chống tội phạm, quan hệ kinh tế đối ngoại... Hiến pháp quy định quyền sở hữu toàn dân đối với đất đai, rừng núi, sông hồ, hầm mỏ, tài nguyên... (Điều 19).

Về lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, Hiến pháp xác lập địa vị thống trị của chủ nghĩa Mác - Lênin “là hệ tư tưởng chỉ đạo sự phát triển của xã hội Việt Nam” (Điều 38): Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng tư tưởng - văn hoá là xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Chương IV của Hiến pháp đã thể chế hoá đường lối xây dựng quốc phòng nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: Chương V của Hiến pháp xác định: “Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân. Nhà nước bảo đảm các quyền của công dân; công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước xã hội chủ nghĩa” (Điều 54).

- Cơ cấu tổ chức nhà nước: Từ Chương VI đến Chương X, cơ cấu tổ chức nhà nước nhằm bảo đảm cho Nhà nước ta thật sự là của dân, do dân và vì dân, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Hiến pháp

năm 1980 quy định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, quyết định những chính sách cơ bản của Nhà nước về đối nội, đối ngoại, những mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, những nguyên tắc tổ chức và hoạt động chủ yếu của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Hiến pháp năm 1980 cũng quy định cụ thể về tổ chức, bộ máy và hoạt động của Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sự ra đời của Hiến pháp năm 1980 đánh dấu bước phát triển mới trong lịch sử pháp luật Việt Nam, song Hiến pháp của nước ta chỉ thật sự có giá trị khi nó tác động đến tư tưởng và hành động hàng ngày của quần chúng và được các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân và mọi công dân nghiêm chỉnh thi hành.

Ngày 18-12-1980, sau gần bốn năm, Uỷ ban dự thảo Hiến pháp làm việc thận trọng dưới sự lãnh đạo chặt chẽ, trực tiếp của đồng chí Trường-Chinh và sự quan tâm, góp ý kiến của cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức được kỳ họp thứ bảy Quốc hội khóa VI

thông qua. Hiến pháp năm 1980 là thành quả cách mạng của trí tuệ tập thể toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, thể hiện ý chí và nguyện vọng, tình cảm của nhân dân ta trước vận mệnh dân tộc. Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Nó tổng kết và xác định những thành quả đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trong nửa thế kỷ qua, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, bảo đảm bước phát triển rực rỡ của xã hội Việt Nam trong thời gian tới. Nó quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Thực tế đất nước trong thập kỷ 1990 chứng tỏ Hiến pháp năm 1980 trở thành nhân tố góp phần ổn định trong đời sống xã hội Việt Nam và là nguồn lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

8.3. Bước đầu hình thành tư tưởng đổi mới

Cùng với việc đảm trách nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước và chủ trì việc soạn thảo Hiến pháp năm 1980, trên cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

đồng chí Trường-Chinh cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nhà nước đã lãnh đạo xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá - xã hội, tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trên thế giới và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Đảng Cộng sản Việt Nam (từ ngày 14 đến 20-12-1976), đồng chí Trường-Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội đọc tham luận nêu rõ những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam: “Tăng cường nhà nước chuyên chính vô sản... Thực hiện thống nhất từng bước các chính sách và chế độ giữa hai miền nước ta. Đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Thống nhất kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân và thống nhất quản lý nền kinh tế cả nước”¹.

Tối 22-12-1976, tối dự và khai mạc lễ mít tinh trọng thể kỷ niệm các ngày lễ lớn do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội, đồng chí Trường-Chinh kêu gọi “Hãy dấy lên một cao trào cách mạng sôi nổi của toàn dân, ra sức thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa

1. Báo *Nhân dân*, ngày 21-12-1976, tr.3.

xã hội, hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm năm lần thứ hai. Hãy biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động và bảo vệ Tổ quốc, đem hết tinh thần và lực lượng xây dựng nước Việt Nam ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc”¹.

Phát biểu khai mạc kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá VI, đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh: Thay mặt nhân dân cả nước, Quốc hội nhiệt liệt chào mừng thành công rực rỡ của Đại hội lần thứ IV của Đảng, bày tỏ lòng tin tưởng sâu sắc vào đường lối, chính sách mà Đại hội đã vạch ra cho giai đoạn mới của cách mạng nước ta, quyết tâm cùng các cơ quan nhà nước, các đoàn thể trong Mặt trận dân tộc thống nhất và toàn dân, toàn quân đem hết sức mình để thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đó.

Chiều 15-1-1977, trong diễn văn bế mạc kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá VI, đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ: “Kế hoạch nhà nước mà Quốc hội vừa thông qua là kế hoạch thống nhất chính thức đầu tiên của cả nước ta. Việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đó có ý nghĩa hết sức quan trọng: đáp ứng yêu cầu trước

1. Báo *Nhân dân*, ngày 23-12-1976, tr.6.

mất và tạo ra những cơ sở cần thiết để thực hiện tốt kế hoạch các năm sau và toàn bộ kế hoạch năm năm lần thứ hai”¹. Thay mặt Quốc hội, đồng chí kêu gọi: “Các giới đồng bào hãy phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, ra sức thi đua phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng và kế hoạch nhà nước”².

Trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, đồng chí Trường-Chinh nêu rõ, “Điều kiện quyết định trước tiên của mọi thắng lợi trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là thiết lập và tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động”³, đồng thời nêu bật sự cần thiết phải xây dựng nông nghiệp và công nghiệp cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại.

Trong bối cảnh mới, để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân hãy tập trung... phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, kết hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội với cải tạo xã hội chủ nghĩa, kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, vừa xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, vừa cải thiện một bước đời sống nhân dân.

1, 2, 3. Báo *Nhân dân*, ngày 16-1-1977, tr.1; ngày 3-5-1977, tr.6.

Những năm cuối thập kỷ 1970, trong bối cảnh cuộc chiến tranh diễn ra ở hai đầu biên giới, trên cương vị Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Trường-Chinh cùng Trung ương Đảng, Nhà nước và Chính phủ vừa lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn để xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa tích cực đẩy lùi cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch.

Ngày 23-2-1979, tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sau khi nghe Thủ tướng Phạm Văn Đồng báo cáo về chiến sự ở biên giới nước ta, thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Trường-Chinh kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước hãy tuân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, đoàn kết triệu người như một dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quyết chiến, quyết thắng bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Ngày 23 và 24-4-1979, nhằm kịp thời động viên quân và dân cả nước, thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Trường-Chinh biểu dương các lực lượng vũ trang và đồng bào chiến sĩ các tỉnh biên giới đã anh dũng chiến đấu; biểu dương quân và dân cả nước đoàn kết một lòng, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước hãy tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể, khí

thế cách mạng tiến công, ý thức tự lực, tự cường dấy lên một cao trào thi đua xã hội chủ nghĩa, hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1979, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu kiên quyết, kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng bảo đảm yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia anh em, đối với sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Cùng với việc lãnh đạo xây dựng kinh tế, từ sau ngày thống nhất đất nước, đồng chí Trường-Chinh luôn chú trọng lãnh đạo phát triển sự nghiệp văn hoá - xã hội và đẩy mạnh công tác đối ngoại.

Đồng chí Trường-Chinh rất chú trọng đến các hoạt động văn hoá nghệ thuật, các triển lãm mỹ thuật, hội họa, kiến trúc. Đến thăm và nói chuyện với các nhà lãnh đạo, quản lý văn hoá, đồng chí luôn nhắc nhở ngành văn hoá phải quan tâm và đi sâu vào đời sống nhân dân để tổ chức các hoạt động văn hoá và sáng tác các tác phẩm nghệ thuật phản ánh trung thực, sinh động cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu của nhân dân ta trong giai đoạn cách mạng mới.

Trong điều kiện, hoàn cảnh mới, đồng chí khẳng định: Văn hoá từ chỗ là công cụ của bọn thực dân và phong kiến dùng để nô dịch, đầu độc, truy lạc hoá nhân

dân, nay đã trở thành chất dinh dưỡng tinh thần, bồi dưỡng tình cảm và đạo đức cách mạng, xây dựng nếp sống mới cho nhân dân.

Để tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước về văn hoá và để thúc đẩy văn hoá phát triển, Chủ tịch nhấn mạnh: Nhà nước ta phải có một kế hoạch toàn diện và đồng bộ xây dựng kinh tế và phát triển văn hoá trong cả nước. Phải có quy hoạch tổng thể để phát triển sự nghiệp văn hoá, có một cơ chế quản lý nhà nước tương ứng, mạnh mẽ, một hệ thống pháp luật và chính sách, một cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện.

Trong quan hệ với các nước và các dân tộc trên thế giới, đồng chí Trường-Chinh luôn coi trọng tăng cường mối đoàn kết, hợp tác hữu nghị với các nước láng giềng, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Trong những năm 1975-1980, trên cương vị là Chủ tịch Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam đi thăm và làm việc tại một số nước xã hội chủ nghĩa. Tiêu biểu là chuyến thăm chính thức Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết (từ ngày 1 đến 11-8-1977); thăm Cộng hoà Bungari (từ ngày 12 đến 19-8-1977); thăm Cộng hoà Nhân dân Mông Cổ (từ ngày 23 đến 28-8-1977). Trong các chuyến thăm, làm việc và hội đàm với Đảng, Nhà nước và Quốc hội các nước xã hội chủ nghĩa anh em,

thay mặt Đảng, Nhà nước, Chính phủ và nhân dân Việt Nam, đồng chí Trường-Chinh bày tỏ lòng biết ơn sự giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và nhân dân các nước anh em đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam trước đây và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Bên cạnh đó, Chủ tịch Trường-Chinh luôn tiếp đón trọng thể các đoàn đại biểu Đảng, Nhà nước, Quốc hội các nước xã hội chủ nghĩa, các đoàn đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế, đoàn đại biểu các tổ chức kinh tế - chính trị - xã hội của các nước; các đại sứ các nước... Trong các buổi tiếp, hội đàm với đoàn đại biểu các nước thăm hữu nghị chính thức Việt Nam, đồng chí luôn khẳng định, chuyển thăm và làm việc của các đại biểu Đảng, Nhà nước, Quốc hội... các nước anh em sẽ góp phần tăng cường sự hiểu biết, mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai Đảng, hai Nhà nước, hai tổ chức và nhân dân hai nước. Thông qua hoạt động đối ngoại của đồng chí Trường-Chinh và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta, mối quan hệ hữu nghị, hoà bình và hợp tác giữa Việt Nam và các nước ngày càng được tăng cường và củng cố.

Xuất phát từ nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu và còn chưa kịp hàn gắn vết thương sau hai mươi năm chiến tranh và chia cắt, hoà bình chưa được bao lâu, đất nước ta lại phải đương đầu với chiến sự biên giới và sự bao

vây cấm vận của các thế lực thù địch. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong hoàn cảnh đó chưa có tiền lệ phải học hỏi kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước. Nhưng trong thời gian này, chính các nước xã hội chủ nghĩa cũng bắt đầu lâm vào khó khăn với những biểu hiện khác nhau. Trong khi đó nhu cầu chi cho quốc phòng tăng đột biến, tích lũy trong nước giảm sút, nguồn viện trợ từ bên ngoài ít dần. Khó khăn chồng chất khó khăn làm cho nước ta rơi vào tình trạng sa sút về kinh tế, làm không đủ ăn, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập. Người lao động không tích cực làm việc, nhiều nguồn lực xã hội bị bỏ phí. Bọn làm ăn bất chính và phi pháp ngang nhiên hoạt động. Nhân dân lo lắng, giảm sút lòng tin do đời sống hết sức khó khăn và tiêu cực trong xã hội có tính nghiêm trọng gia tăng. Kẻ địch lợi dụng tình hình kinh tế và đời sống khó khăn để phá rối ta trên nhiều mặt sản xuất và thị trường, tâm lý và dư luận, trong nước và ngoài nước¹.

Đứng trước những khó khăn về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và để giải quyết yêu cầu bức thiết đặt ra lúc này là làm thế nào thoát ra khỏi những khó khăn về kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, Ban Chấp hành

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.40, tr.358.

Trung ương Đảng (khoá IV) quyết định triệu tập Hội nghị lần thứ sáu. Hội nghị họp từ ngày 15 đến 23 -8-1979.

Trước khi tiến hành hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương chủ trương tập trung bàn về phương hướng phát triển hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương nhằm khắc phục tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng thiết yếu và thúc đẩy công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển. Nhưng do cấp bách của đời sống và do yêu cầu của nhiều đồng chí ủy viên Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương đã bổ sung, thảo luận, đánh giá tình hình và nhiệm vụ cấp bách.

Do yêu cầu bức bách của tình hình, lãnh đạo một số địa phương đã mạnh dạn thí điểm thực hiện một số chủ trương về quản lý kinh tế khác với chủ trương của Trung ương như bán vật tư, hàng hóa cho nông dân và mua nông sản của nông dân theo giá thị trường, hay cho phép xí nghiệp nhà nước mua thêm vật tư ngoài thị trường và bán sản phẩm làm ra từ những vật tư đó theo giá thị trường tự do... Những thử nghiệm này thu được một số kết quả khả quan mà trước hết là người lao động hưởng hái sản xuất hơn, sản xuất phát triển, xã hội có thêm hàng hóa, đời sống được cải thiện hơn. Mặc dù vậy, tại Hội nghị, những cách làm này đúng hay sai là vấn đề tranh luận sôi nổi trong Ban Chấp hành Trung ương.

Tham gia thảo luận tại hội nghị, đồng chí Trường-Chinh cho rằng, do xuất phát điểm về kinh tế của nước

ta thấp, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta sẽ đòi hỏi thời gian dài hơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Trong thời kỳ quá độ hiện nay, chúng ta không nên thi hành những chủ trương, chính sách của thời kỳ đã thực hiện chủ nghĩa xã hội hẳn hoi rồi. Vận dụng các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải thực hiện nhiều biện pháp, chính sách mang tính quá độ. Từ tư tưởng chỉ đạo đó, đồng chí ủng hộ những cách làm mới và kiến nghị với Trung ương một số chủ trương như phải sử dụng nhiều thành phần kinh tế, trong đó có cả kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân (ở miền Nam); thực hiện kế hoạch hóa phát triển kinh tế, đồng thời phải coi trọng vận dụng quy luật giá trị và vấn đề quan trọng phải coi lương thực là vật tư chiến lược.

Là vật tư chiến lược, Nhà nước phải nắm lấy hầu hết lương thực hàng hóa để đáp ứng nhu cầu của người không sản xuất lương thực và thực hiện mục tiêu này phải có một quá trình và bằng giải pháp kinh tế, không thể nóng vội chỉ dùng biện pháp hành chính. Trước mắt, Nhà nước phải bảo đảm thu thuế, làm tốt việc thu mua lương thực, bán hàng hóa, vật tư theo hợp đồng hai chiều, mua thêm lương thực ngoài hợp đồng theo giá thỏa thuận, đồng thời để nông dân bán phần lương thực thừa ra thị trường, chấp nhận lưu thông tự do và thị trường tự do về lương thực để khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất và để người không sản xuất lương

thực vẫn mua được lương thực mà họ cần trên thị trường, nhưng Nhà nước chưa cung cấp đủ.

Những kiến nghị trên của đồng chí Trường-Chinh phù hợp với đa số các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và được thể hiện vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương.

Với chủ trương đổi mới chính sách lương thực và nhiều chủ trương khác khuyến khích sản xuất, mở rộng lưu thông chấp nhận thị trường, đặc biệt là thị trường tự do về lương thực mà đến lúc này Nhà nước vẫn cấm, tạo điều kiện cho sản xuất “bung ra”, Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IV đã đánh dấu một bước đột phá đầu tiên về đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta. Đồng chí Trường-Chinh đã đóng góp tích cực vào bước đi đầu tiên này¹.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) là tín hiệu của sự đổi mới, được nhân dân cả nước đón nhận.

Giữa năm 1980, phong trào khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, mà thực chất là khoán hộ trong nông nghiệp xuất hiện trở lại và lan rộng rất nhanh ở nhiều nơi, trong đó Hải Phòng đi đầu trong phong trào khoán hộ ở miền Bắc. Thành ủy Hải

1. Phan Diễn: *Đồng chí Trường Chinh với công cuộc đổi mới đất nước*. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Phòng đã ra nghị quyết khẳng định chủ trương mở rộng thực hiện kinh nghiệm của Đồ Sơn về việc này. Khi đi nghỉ ở Đồ Sơn và được nghe về vấn đề này qua Bí thư thành uỷ Hải Phòng là Bùi Quang Tạo, nhưng đồng chí Trường-Chinh không hỏi sâu thêm.

Ngày 13-1-1981, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn đang diễn ra ở nông thôn, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100-CT/TW về mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Chỉ thị 100), đánh dấu một mốc quan trọng về đổi mới tư duy kinh tế và chính sách phát triển nông nghiệp của Đảng ta.

Khi xem dự thảo Chỉ thị 100, đồng chí Trường-Chinh không góp ý kiến sửa gì lớn, nhưng lại quyết định đi khảo sát tình hình kinh tế hợp tác xã ở một số địa phương.

Từ ngày 29 đến 31-1-1981, đồng chí về Hải Hưng khảo sát hợp tác xã Đức Hợp, một hợp tác xã khoán việc làm ăn giỏi của tỉnh, sản xuất và đời sống đều khá, gương mẫu đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước¹, nhưng lại khó khăn trong việc nhân rộng mô hình này. Sau Đức Hợp, đồng chí về thăm một số hợp tác xã có truyền thống làm vụ Đông giỏi ở huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương.

1. Xem: Báo *Nhân dân*, ngày 3-2-1981.

Từ ngày 27 tháng 2 đến 5-3-1981, đồng chí đi khảo sát ở hai huyện Hải Hậu và Xuân Thủy, tỉnh Nam Định. Tại đây, khi phát biểu với cán bộ tỉnh, lần đầu tiên đồng chí Trường-Chinh chủ động đề cập tới Chỉ thị 100 và vấn đề khoán sản phẩm đến hộ trong nông nghiệp. Đồng chí căn dặn địa phương cần nghiên cứu kỹ Chỉ thị 100 của Ban Bí thư để thực hiện cho tốt, nhất là bảo đảm đúng ba mục đích và năm nguyên tắc của việc khoán được nêu trong Chỉ thị, bàn bạc dân chủ trong hợp tác xã để chọn hình thức khoán cho thích hợp, kết hợp hài hòa ba lợi ích; không được khoán trắng và chia ruộng đất manh mún cản trở sử dụng kỹ thuật mới¹.

Đầu tháng 8-1981, đồng chí Trường Chinh đi khảo sát ở tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Nói chuyện với cán bộ ở hai tỉnh về vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đồng chí nhắc nhở các cấp, các ngành phải nắm vững phương châm “tích cực và vững chắc”, đồng thời tôn trọng nguyên tắc “tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ” trong phong trào tập thể hóa nông nghiệp. Cần làm tốt việc thí điểm khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác

1. "Phan Diễn: Bác Thận với Chỉ thị 100 của Ban Bí thư". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr. 86-91.

xã và tập đoàn sản xuất. Đồng chí căn dặn cần phải tổng kết rồi hãy mở ra diện rộng¹.

Không trực tiếp tham gia vào việc nghiên cứu và ban hành Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Quyết định 25-CP của Hội đồng Bộ trưởng (ngày 21-1-1981), nhưng cũng không vội vã bày tỏ ý kiến mà đã nghiêm túc đi khảo sát thực tiễn để làm cơ sở cho việc nhìn nhận, đánh giá của mình, đồng chí Trường-Chinh đã từng bước, nhưng rất nhanh chóng khẳng định, cùng với Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu khóa VI, Chỉ thị 100 và Quyết định 25-CP là những bước đầu tiên trên con đường tìm tòi hướng đi mới trong hoạt động kinh tế.

Tư duy đổi mới của đồng chí Trường-Chinh còn tiến xa hơn khi ngày 30-12-1981, đồng chí phát biểu ý kiến tại phiên bế mạc kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa VII rằng: “Biện pháp có ý nghĩa quyết định để chuyển biến tình hình kinh tế hiện nay là kiên quyết **đổi mới công tác quản lý kinh tế**, xóa bỏ lối quản lý hành chính quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, gắn kế hoạch với kinh doanh; tổ chức ba cấp làm kế hoạch (đặc biệt ở cấp huyện); thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Trong toàn bộ việc thực hiện kế hoạch nhà nước và

1. Báo *Nhân dân*, ngày 9 và 10-8-1981, tr.1.

những nhiệm vụ đổi mới quản lý kinh tế, vai trò tổ chức, chỉ đạo và điều hành của các cấp chính quyền, đặc biệt là của Hội đồng Bộ trưởng, có ý nghĩa rất quan trọng”¹.

Đây là những bước tiến quan trọng trong tư duy của đồng chí Trường-Chinh trước khi bước vào Đại hội lần thứ V của Đảng.

Từ ngày 27 đến 31-3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Đảng Cộng sản Việt Nam đã được tiến hành. Đồng chí Trường-Chinh tiếp tục được Đại hội bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, giữ chức Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

1. Báo *Nhân dân*, ngày 31-12-1981, tr.1.

Chương IX

TRƯỜNG-CHINH VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1982-1988)

9.1. Hình thành đường lối đổi mới toàn diện

Mặc dù với nhiều nỗ lực của Đảng, Nhà nước và nhân dân, nền kinh tế nước ta tuy có một số tiến bộ nhưng còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, mục tiêu tổng quát trong những năm 80 thế kỷ XX mà Đại hội lần thứ V của Đảng là vẫn đặt lên hàng đầu vấn đề đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của nhân dân, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết là giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm.

Tuy nhiên, đợt điều chỉnh giá cuối năm 1981, nâng giá hàng loạt mặt hàng nhưng không điều chỉnh tiền lương một cách tương ứng, càng làm cho giá cả tăng vọt, lạm phát phi mã, khiến cho đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang giảm sút nghiêm trọng. Tình hình đó ảnh hưởng đến mọi hoạt động sản

xuất, nền kinh tế trở nên tiêu điều, tác động đến toàn bộ đời sống xã hội. Tệ nạn tiêu cực phát triển, nguy cơ tha hóa con người và xã hội ngày càng lộ rõ. Tháng 12-1982, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba chỉ xác định mục tiêu trong ba năm từ 1982 đến 1985 là cơ bản ổn định được tình hình kinh tế - xã hội, mà nhiệm vụ hàng đầu là tập trung giải quyết nhu cầu ăn và mặc.

Trong thời gian này, nhiều thông tin từ các cơ quan, các cấp, ngành, địa phương cũng như thư từ của cán bộ, đảng viên và nhân dân khắp nơi gửi về văn phòng đồng chí Trường-Chinh, phản ánh về tình hình kinh tế - xã hội khó khăn và về vai trò lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước ta.

Trước tình hình đó, đồng chí Trường-Chinh trầm trồ suy nghĩ tìm cách đưa đất nước thoát khỏi tình thế khó khăn và nhận thấy rằng, đã đến lúc không thể tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng những chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý như trước đây nữa. Nhưng, tìm ra cái mới đúng đắn để thay thế cái cũ phải có cơ sở lý luận, thực tiễn, phải dựa vào sự sáng tạo của nhân dân và nhất là phải thuận lòng dân.

Đáp ứng yêu cầu đó, cuối tháng 11-1982, đồng chí Trường-Chinh quyết định:

Một là, thành lập một nhóm các nhà khoa học để nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn nước ta, làm căn cứ phương pháp luận cho việc xác định con

đường, bước đi sắp tới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Hai là, tổ chức đi thực tế ở các địa phương, tìm ra những bài học thành công và thất bại của cơ sở, phát hiện những yêu cầu và sáng tạo trong nhân dân cả nước, để trên cơ sở đó đổi mới cách nghĩ, cách làm trong xây dựng và phát triển đất nước.

Tháng 12-1982, nhóm nghiên cứu gồm tám người đã được hình thành¹ với nhiệm vụ cụ thể là nghiên cứu, nhận thức lại những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; nội dung cơ bản *Chính sách kinh tế mới* của Lênin và việc vận dụng những luận điểm đó vào thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh mới; nhận thức lại chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; vấn đề phân kỳ thời kỳ quá độ; đặc điểm, nội dung, nhiệm vụ cơ bản của mỗi chặng đường, đặc biệt là những chặng đường đầu để từ đó đề ra đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hợp với thực tiễn Việt Nam; phân tích khách quan, toàn diện cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài và suy nghĩ, xem xét phải

1. Nhóm này gồm các đồng chí: Lê Xuân Tùng (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), Trần Đức Nguyên, Lê Văn Viện, Nguyễn Thiệu (Ban Kinh tế trung ương), Võ Đại Lực, Dương Phú Hiệp (Viện Khoa học xã hội Việt Nam), Hà Nghiệp, Trần Nhân (Văn phòng đồng chí Trường-Chinh).

bắt đầu từ đâu và làm thế nào để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng đó; xác định điểm bắt đầu của đổi mới kinh tế là đổi mới cơ chế quản lý và hướng tấn công chính là cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; đột phá khâu cần phải mở cho cuộc tấn công là vấn đề giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ, đòn bẩy của cơ chế quản lý kinh tế và nhiều vấn đề cơ bản khác.

Việc thành lập một nhóm nghiên cứu có năng lực phân tích, khái quát vấn đề giúp cho lãnh đạo là phát hiện mới của đồng chí Trường-Chinh trong quá trình khoa học hoá sự lãnh đạo của Đảng.

Cùng với việc thành lập nhóm nghiên cứu, từ năm 1983 đến 1985, đồng chí Trường-Chinh bố trí một chương trình khảo sát thực tế rất chặt chẽ, hợp lý ở các địa phương trên cả ba miền đất nước.

Từ ngày 10 đến 14-4-1983, đồng chí tiến hành khảo sát và làm việc với tỉnh Đắk Lắk.

Từ ngày 15 đến 19-4-1983, đồng chí tìm hiểu và làm việc ở tỉnh Gia Lai - Kon Tum¹.

Tại tỉnh Đắk Lắk và Gia Lai - Kon Tum, đồng chí Trường-Chinh yêu cầu lãnh đạo ở đây phải làm rõ đặc điểm cơ bản về lịch sử, về kinh tế, về văn hoá - xã hội mà từ điểm xuất phát đó, Tây Nguyên đi lên chủ nghĩa xã hội không giống với hình thức, bước đi của các khu

1. Lúc này còn hợp nhất.

vực khác. Nếu không làm rõ vấn đề này, Tây Nguyên sẽ dẫm chân tại chỗ, không thể tiến lên được. Đồng chí nói: “Vấn đề có ý nghĩa then chốt trước mắt để thúc đẩy ba cuộc cách mạng... (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa), là phải vận động, tổ chức đồng bào các dân tộc **định canh, định cư**, sử dụng đất và rừng với cơ cấu sản xuất hợp lý theo phương thức **nông - lâm kết hợp**, cải tiến công cụ lao động và kỹ thuật sản xuất, gắn liền với từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới; mạnh dạn giao đất cho các hộ người dân tộc để phát triển kinh tế vườn và làm nhà ở riêng trên mảnh vườn đó; đưa một số đồng bào các dân tộc vào làm công nhân nông trường, lâm trường quốc doanh và các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở những nơi có điều kiện; dùng các hình thức quá độ với cách quản lý và quy mô thích hợp để đưa đồng bào các dân tộc từng bước đi vào làm ăn tập thể”¹

Sau cuộc khảo sát này, đồng chí Trường-Chinh có tờ trình đề nghị Bộ Chính trị ra Chỉ thị "Về một số vấn đề trước mắt trong sự nghiệp đưa các dân tộc Tây Nguyên tiến lên chủ nghĩa xã hội", trong đó nêu lên những đặc điểm xuất phát của các dân tộc Tây Nguyên và kiến nghị về các hình thức, bước đi, trong đó có hình thức

1. Báo *Nhân dân*, ngày 28-4-1983, tr. 4.

phát triển kinh tế vườn và khoán hộ rất chi tiết¹. Sau các hội nghị Bộ Chính trị ngày 10 tháng 5 và ngày 2-6-1983 bàn về nội dung, đề án chuẩn bị Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương về tư tưởng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội cấp bách, tại Hội nghị Bộ Chính trị ngày 16-6-1983, đồng chí đề nghị Bộ Chính trị cho ý kiến về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp, chế độ xã hội, cách mạng khoa học - kỹ thuật, vấn đề cán bộ, xây dựng đảng... ở Tây Nguyên.

Ngày 18-7-1983, đồng chí tiếp tục đi khảo sát và làm việc ở tỉnh Lâm Đồng².

Ngày 20-7-1983, tại Đà Lạt, đồng chí Trường-Chinh và đồng chí Phạm Văn Đồng làm việc với đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và một số giám đốc công ty, xí nghiệp, nghe báo cáo thực tế về hoạt động kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh. Qua những cuộc làm việc này, đồng chí Trường-Chinh thấy rõ hơn vai trò chủ động, sáng tạo của địa phương, của cơ sở và của quần chúng nhân dân trong khắc phục khó khăn, tìm hướng đi lên. Thực tế đó đã củng cố thêm tư duy đổi mới của đồng chí.

1. Dự thảo chỉ thị đó chưa được Bộ Chính trị thảo luận và thông qua.

2. Đồng chí Trường-Chinh làm việc ở Lâm Đồng đến ngày 22-7-1983.

Tháng 8-1983, đến thăm vùng kinh tế mới Hà Nội ở tỉnh Lâm Đồng, phát biểu với nhân dân và lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng, đồng chí nói: “phương hướng cơ bản phát triển kinh tế ở đây là phấn đấu xây dựng thành một vùng kinh tế mới có cơ cấu nông, lâm, công nghiệp kết hợp, phát huy các thế mạnh về phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi đàn gia súc lớn. Về hình thức tổ chức kinh tế, thì kết hợp tổ chức kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể và kinh tế phụ gia đình. Ba hình thức kinh tế đó đều phải đặt trong quỹ đạo kinh tế xã hội chủ nghĩa và nằm trong cơ cấu kinh tế thống nhất của vùng”. Đồng chí chỉ rõ: “Phải biết vận dụng phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng làm; phải đẩy mạnh ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, làm cho vùng kinh tế mới Hà Nội thật sự là tấm gương tốt, có sức cổ vũ mạnh đối với các vùng kinh tế khác trong cả nước”. Đồng chí nhắc nhở: “đồng bào đi trước giúp đồng bào đi sau, gia đình làm ăn khá giả giúp gia đình có khó khăn. Phải tăng cường công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội”¹.

Từ ngày 21 đến 22-8-1983, đồng chí Trường-Chinh nghiên cứu thực tế ở Đồng Nai, tỉnh có khu công nghiệp

1. Báo Nhân Dân, ngày 13-8-1983, tr.4.

Biên Hoà với nền sản xuất công nghiệp khá phát triển và đang xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp. Nói chuyện với cán bộ và nhân dân ở đây về cải tạo xã hội chủ nghĩa, đồng chí căn dặn: “Trong quá trình cải tạo, cần tỉnh táo xem xét những hiện tượng tiêu cực xảy ra trong đời sống kinh tế - xã hội bằng quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp của Đảng. Khi bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn làm ăn phi pháp, bọn ăn cắp, bọn phá rối thị trường đang dùng mọi thủ đoạn để xâm lấn kinh tế xã hội chủ nghĩa thì các cơ sở sản xuất và kinh doanh thuộc thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa cần tổ chức cuộc tiến công quyết liệt, đánh bại chúng, chứ không thể bị lôi cuốn vào cơn lốc tự phát tư bản chủ nghĩa”¹.

Từ ngày 23 đến 25-8-1983, đồng chí đi khảo sát đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

Từ ngày 11 đến 15-1-1984, đồng chí đi khảo sát ở tỉnh Long An². Đồng chí đi nghiên cứu một số điển hình tốt, rút ra những bài học kinh nghiệm về từng bước xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp để chuyển sang

1. Báo *Nhân dân*, ngày 31-8-1983, tr.4.

2. Sau khi dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta dự Lễ kỷ niệm lần thứ năm Quốc khánh nước Cộng hoà Nhân dân Campuchia về nước (từ ngày 6 đến 9-1-1984), đồng chí Trường-Chinh đã ghé về Thành phố Hồ Chí Minh và làm việc ở tỉnh Long An.

mô hình mới, cơ chế mới, đặc biệt là vấn đề bù giá vào lương ở tỉnh Long An. Thực tiễn đó đã tác động mạnh đến tư duy đổi mới của đồng chí Trường-Chinh. Phát biểu với đại biểu cán bộ và nhân dân Long An, đồng chí khen ngợi những kinh nghiệm quý báu của tỉnh trong đổi mới cơ chế quản lý và cổ vũ Long An đã rút ra bài học về bù giá vào lương để phổ biến rộng ra các nơi. Sau này, kinh nghiệm khởi đầu của Long An đã biến thành cuộc vận động lớn trong cả nước.

Từ ngày 3 đến 10-7-1984, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đã bàn và ra Nghị quyết "Về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế". Hội nghị đã đưa vấn đề giá - lương - tiền vào hàng đầu của chương trình nghị sự và cho rằng chính sách giá - lương - tiền hiện tại không còn phù hợp với thực tế, thị trường tự do còn quá rộng, giá cả biến động mạnh, hệ thống tiền lương có nhiều bất hợp lý, tài chính thiếu hụt, đồng tiền liên tục mất giá.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh đề xuất: nền kinh tế nước ta hiện nay đòi hỏi phải có một cơ chế quản lý năng động, có khả năng bãi bỏ tập trung quan liêu, bảo thủ, trì trệ và bao cấp tràn lan, thực hiện đúng đắn tập trung dân chủ. Cơ chế bao cấp trong những năm qua làm cho bức tranh kinh tế của chúng ta trở thành giả tạo, nay phải tiến hành hạch toán kinh doanh thật sự. Trước hết, phải hạch toán giá thành,

phản ánh đầy đủ và đúng đắn các chi phí sản xuất, xoá bỏ cách làm hình thức và nửa vời lâu nay, khôi phục tính chân thực của các hoạt động kinh tế. Với lập trường nguyên tắc, thái độ kiên trì và nhẫn nại, từ Hội nghị lần thứ sáu, bảy, tám Ban Chấp hành Trung ương và đến Đại hội lần thứ VI của Đảng, đồng chí Trường-Chinh đều kiên quyết đề nghị Đảng bãi bỏ mô hình kinh tế hiện vật và cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp.

Đồng chí cho rằng, khâu chính cần nắm lấy và phải giải quyết là vấn đề giá - lương - tiền, một vấn đề đang chứa đựng những mối mâu thuẫn gay gắt trong hoạt động kinh tế - xã hội ở nước ta. Giải quyết mắt khâu này sẽ đột phá vào nơi ẩn nấp của tệ quan liêu, bao cấp và đánh trúng vào tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật đang đè nặng lên hoạt động của nền kinh tế nước ta, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, lập lại trật tự trong nền kinh tế và trong đời sống xã hội, tăng cường hiệu lực của pháp luật, khôi phục giá trị phẩm chất đạo đức, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân¹.

Với chính sách giá cả hiện hành, sản xuất, kinh doanh không thể tiến hành bình thường; kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể bị kìm hãm, đình đốn không phát triển được. Chính sách đó tự bó tay mình lại, để cho bọn đầu cơ,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.45, tr.252.

buôn lậu, bọn ăn cắp, tham ô ngang nhiên hoành hành, lũng đoạn nền kinh tế, tha hoá cán bộ, nhân viên nhà nước. Việc thiết lập một hệ thống giá cứng nhắc và quá thấp, trên thực tế còn gây thiệt hại lớn đến lợi ích quốc gia và người lao động vì giá định ra càng thấp, khoảng cách càng xa với giá thị trường thì thiệt hại của Nhà nước càng lớn, đời sống của người lao động càng khốn đốn¹.

Điểm qua sự vận động của chính sách giá, đồng chí Trường-Chinh khẳng định đã đến lúc phải sửa chữa, trở về với *chính sách một giá*². Tuy nhiên, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng mới chỉ đặt vấn đề, thời điểm chưa chín muồi cho việc thực hiện chính sách một giá. Do vậy, để tránh gây ra biến động đột ngột, đồng chí cho rằng, trước mắt cần thi hành chính sách hai giá, coi đó là một bước tiến so với tình trạng nhiều giá hiện nay. Chính sách hai giá chỉ là giải pháp tạm thời, là bước quá độ và phải chuẩn bị trở lại hệ thống một giá, khôi phục tính chân thật của nền kinh tế, của sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Với sự phân tích sâu sắc, đồng chí Trường-Chinh khẳng định phải xếp tiền lương vào phạm trù sản xuất và coi đó là *một trọng điểm đầu tư - đầu tư vào tiềm năng quý nhất* là lao động sống. Giải quyết đúng vấn đề

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.45, tr.253-254, 256.

tiền lương là tác động trực tiếp vào sản xuất, khuyến khích người lao động hăng hái làm việc, tạo ra nhiều sản phẩm, giảm bớt tiêu cực, thất thoát hàng hoá của Nhà nước¹. Dựa vào luận đề của C. Mác về tiền lương của người lao động, đồng chí nhận xét rằng: hệ thống tiền lương ở nước ta được thiết lập từ năm 1960 đã phản ánh tương đối đúng đắn luận điểm trên của C. Mác, nhưng đến nay tình hình đã có nhiều thay đổi làm cho tiền lương trên thực tế đã sai hẳn luận đề đó.

Việc trả lương bằng cung cấp hiện vật, với giá quá thấp, gần như cho không của cơ chế bao cấp ở nước ta đã gây nên tình trạng của quyền, ban ơn, bố thí; mặt khác, nó tạo ra tâm lý mặc cảm, ỷ lại, đòi hỏi. Trên thực tế, nó phá vỡ quy luật phân phối, không bảo đảm công bằng xã hội, gây mất đoàn kết nội bộ, khuyến khích thói hư tật xấu và là nguyên nhân đẻ ra nạn đầu cơ, tích trữ, tạo ra tình trạng khan hiếm, căng thẳng giả tạo về hàng hoá².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd*, t.45, tr.258.

2. Hiện vật hóa việc trả lương còn nảy sinh những việc làm tùy tiện như trả lương cho giáo viên bằng phân bón. Giáo viên mang phân bán ra thị trường để lấy tiền chênh lệch chi cho sinh hoạt. Như vậy, trả lương bằng hiện vật đã biến cán bộ, công nhân, viên chức thành người buôn bán, nuôi sống thị trường tự do, làm giàu cho tư thương, gây rối loạn thị trường, đẻ ra nhiều tệ nạn xã hội.

Phân tích về thực trạng tiền lương của người lao động, đồng chí chỉ ra rằng tiền lương đó quá thấp, chỉ đủ sống trong 10 ngày và đang có xu hướng giảm hơn nữa. Tình hình đó không chỉ làm đời sống khó khăn mà còn làm cho việc đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất, chất lượng lao động đến chỗ không thực tế.

Theo đồng chí, giữa giá cả và tiền lương có mối quan hệ rất chặt chẽ, tác động tương hỗ lẫn nhau. Đối với người ăn lương, vấn đề không phải ở việc định giá mà là tiền lương thực tế, ở khả năng thanh toán đối với những nhu cầu sinh hoạt. Trong điều kiện chưa thể bãi bỏ chế độ cung cấp, còn phải duy trì một thời gian, nhưng phải thay đổi giá cung cấp hiện nay để hạn chế những mặt tiêu cực phát sinh từ các khâu do việc định giá thấp. Làm như vậy là vừa duy trì chế độ cung cấp, vừa khắc phục phần nào tính bao cấp trong tiền lương. Giải quyết vấn đề tiền lương lúc này, chính là giải quyết sản xuất, đồng thời cứu lấy giai cấp công nhân¹. Có một thực tế là, khi Nhà nước còn chưa quyết tâm giải quyết vấn đề tiền lương, thì từ lâu, các ngành, các địa phương đã tự động “xé rào” để lo cho đời sống của công nhân, viên chức.

Đồng chí cho rằng, với chính sách giá và lương hiện

1. Khi nghe đồng chí Trường-Chinh nói “cứu lấy giai cấp công nhân”, cả hội trường của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đều vỗ tay hoan nghênh.

hành, không thể quản lý tốt thị trường, không thể nắm được hàng và tiền vào tay nhà nước. Theo số liệu, có đến 50% hàng đổi lưu với nông dân bị nhân viên thương nghiệp ăn chặn. Chênh lệch giá được khai thác triệt để bằng mọi cách và cuối cùng cũng là rút từ trong túi nhà nước. Tình trạng các cơ sở xí nghiệp giữ hàng lại để phân phối với giá “nội bộ”, thưởng hiện vật, để đổi lưu lấy nông sản, tìm cách mua hàng với giá thấp để giảm bớt khó khăn cho cán bộ, công nhân, viên chức đã dẫn tới tình trạng của quyền trong ngành thương nghiệp. Nắm trong tay hàng hoá nhà nước để bán lẻ cho người tiêu dùng, nhưng nhân viên thương nghiệp đã tuồn một khối lượng hàng không nhỏ theo lối bán buôn cho tư thương, cho bọn đầu cơ trục lợi và ở nhiều nơi, chính những người lãnh đạo lại chỉ huy việc làm đó. Tự điều chỉnh thu nhập bằng cách bán tem phiếu, hàng được cung cấp, được mua giá nội bộ, được thưởng hiện vật... ra thị trường, cộng với tệ tham ô, ăn cắp vật tư, hàng hoá của Nhà nước cho thấy một lượng tiền hàng rất lớn của nhà nước đã bị thất thoát, để cho tư thương giành quyền kiểm soát trong lúc ta có cả một bộ máy Nhà nước với lực lượng hùng hậu¹. Điều này cho thấy tình trạng rối loạn trong xã hội là rất lớn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.45, tr.261-262.

Tuy chưa đưa ra những biện pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề tiền lương, nhưng những ý kiến của đồng chí Trường-Chinh đã tác động tới Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị tích cực, khẩn trương giải quyết vấn đề này. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương ra một nghị quyết riêng "Một số vấn đề cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế" nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển sản xuất; ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân lao động, trước hết là công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang; điều tiết hợp lý thu nhập của các tầng lớp dân cư; củng cố nền tài chính quốc gia, bảo đảm dự trữ nhà nước, từng bước tích lũy cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa; thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối, lưu thông¹.

Phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương báo hiệu cuộc tiến công vào mô hình và cơ chế tập trung quan liêu, hành chính bao cấp bắt đầu.

1. Để đạt được mục tiêu đó, Nghị quyết chỉ rõ phải: *Một là*, phát triển sản xuất, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tích cực cải tạo và quản lý thị trường tự do, cấm tư thương kinh doanh những mặt hàng do nhà nước thống nhất quản lý, chống đầu cơ buôn lậu, loại trừ chợ đen; *Hai là*, khẩn trương điều chỉnh các chính sách về giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ cho phù hợp với tình hình kinh tế - tài chính đã thay đổi và chưa ổn định, nhằm phục vụ tốt hơn sản xuất, kinh doanh và đời sống của người lao động. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.45, tr.291.

Tuy nhiên, năm 1984, nhịp độ phát triển kinh tế ở nước ta chậm hơn những năm 1981-1982, năng suất, chất lượng, hiệu quả đều thấp, tiêu hao vật tư, năng lượng ngày càng lớn, giá thành tăng hơn năm trước, giá cả thị trường diễn biến phức tạp, bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt quá nhiều.

Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, họp từ ngày 11 đến 17-12-1984, bàn về *Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1985* và *Công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện*, cho thấy sự cấp bách phải đổi mới cơ chế quản lý, chuyển từ cơ chế quản lý bao cấp sang hạch toán kinh doanh, phát huy quyền chủ động của các ngành, địa phương và cơ sở.

Phát biểu tại Hội nghị, với thái độ kiên quyết, một lần nữa đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh: để tạo chuyển biến tích cực, chuẩn bị tốt Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, không có con đường nào khác là phải nhanh chóng chuyển từ bao cấp sang hạch toán, kinh doanh, loại bỏ tính chất hình thức, giả tạo, khôi phục tính chân thực của mọi hoạt động kinh tế nhằm thực hiện bằng được bước chuyển đổi¹. Đồng chí kiến nghị các biện pháp là:

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 11 đến 17-12-1984.

- Từng bước nhưng khẩn trương hạch toán đầy đủ giá thành sản phẩm, phản ánh đúng chi phí thật sự của sản xuất. Tính lại định mức và đơn giá một cách đúng đắn theo mặt bằng giá mới...

- Sửa đổi tỷ giá hối đoái. Tỷ giá hiện thời gây nhiều trở ngại như hạn chế kiều hối, không khuyến khích xuất khẩu, làm cho bù lỗ ngoại thương trở thành bệnh kinh niên. Tỷ giá đó cũng không khuyến khích tiết kiệm vật tư nhập trong quá trình sản xuất, vì chi phí về vật tư nhập chiếm phần quá thấp trong giá trị của sản phẩm.

- Tính lại giá bán vật tư nhập khẩu cũng như giá nguyên liệu trong nước kể cả năng lượng. Đây là một biện pháp quan trọng, thiết thực để khuyến khích tiết kiệm vật tư, năng lượng.

- Xác định đúng khấu hao về thiết bị, công trình, từ đó mà tính lại giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, và giá bán lẻ vật tư, hàng hoá.

- Trong khi vẫn duy trì cung cấp một phần cho người ăn lương và thu mua nông sản theo hợp đồng hai chiều, phải tính lại giá cung cấp và mức giá trao đổi với nông dân (cả giá mua nông sản và giá bán vật tư, hàng tiêu dùng, hoặc giá bán thực phẩm cho vùng cây công nghiệp...) cho phù hợp với mặt bằng giá mới.

- Riêng phần mua của nông dân bằng tiền thì theo giá thoả thuận đúng với nghĩa của nó, không nên đặt giá mua quá thấp để nông dân bị lỗ, năm sau họ sẽ

không sản xuất hoặc sản xuất ít đi và sẽ không có gì để bán cho nhà nước.

- Định lại giá gia công thoả đáng cho khu vực tiểu thủ công nghiệp, bảo đảm sản xuất có lãi, nhằm khuyến khích tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ.

Đồng chí chỉ rõ: những biện pháp này nhằm thiết lập mặt bằng giá mới để bãi bỏ bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh thật sự, chấm dứt bù lỗ ở mọi khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong mua và bán, trong bán buôn và bán lẻ, tiến tới thanh toán tệ nạn tiêu cực phát sinh do chênh lệch giá¹.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng chấp nhận ý kiến của đồng chí Trường-Chinh và đưa vào Nghị quyết Hội nghị.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương đã trình ra dự án tiền lương để xem xét, nhưng còn nhiều ý kiến khác nhau. Đồng chí Trường-Chinh phát biểu cho rằng, phải giải quyết vấn đề tiền lương trong mối quan hệ chung về giá - lương - tiền. Quyết định cải tiến tiền lương trước thì chỉ sau một thời gian ngắn sẽ gặp vướng mắc khi quyết định mặt bằng giá mới. Nếu vì lương mà giữ giá sẽ không đẩy được sản xuất lên, không nắm được

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, ngày 11 đến 17-12-1984.

hàng, được tiền, đời sống lại tiếp tục giảm sút. Đây là nhược điểm cơ bản của đề án mà bài học kinh nghiệm của năm 1981 vẫn còn đó - không giải quyết lương tương ứng với việc điều chỉnh giá - và đã phải khắc phục hậu quả của việc làm khập khiễng đó trong một thời gian dài, nay không nên lặp lại khuyết điểm đó.

Do vậy, cần giải quyết giá - lương - tiền một cách đồng bộ, theo trình tự mà trước hết là thiết lập mặt bằng mới về giá để từ đó tính toán lương và tiền. Cần giải quyết lương trên cơ sở hệ thống giá được thiết lập, không làm ngược lại là chỉ xét một số giá bán lẻ liên quan trực tiếp đến tiền lương. Cải tiến tiền lương không chỉ nhằm vào đời sống mà trước hết nhằm đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quản lý thị trường, thực hiện một bước phân phối theo lao động. Hơn nữa, giải quyết tiền lương cũng không nhằm mục đích gì khác hơn là bảo đảm tái sản xuất sức lao động của người ăn lương¹.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương nhất trí với ý kiến và theo đề nghị của đồng chí Trường-Chinh đã thành lập *Tiểu ban nghiên cứu giá - lương - tiền* để chuẩn bị đề án tổng hợp trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương để giải quyết đồng bộ cả ba vấn đề này.

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, ngày 11 đến 17-12-1984.

Sau Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, nhiều địa phương triển khai thực hiện nghị quyết khá tích cực. Một số tỉnh, thành, đặc biệt là các tỉnh, thành phía Nam, bước đầu làm thủ bù giá vào lương và tính đủ giá thành vào sản phẩm đã hứa hẹn một sự đổi mới và phát triển lành mạnh. Nhưng lúc này vẫn còn diễn ra hiện tượng chuyển biến nửa vời, không đồng bộ, tư tưởng chưa dứt khoát, còn do dự, nên kết quả đạt được không như mong muốn.

Để đánh giá đúng việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Trường-Chinh lại quyết định đi khảo sát thực tế ở tỉnh Nghĩa Bình¹ và Quảng Nam - Đà Nẵng - nơi có nhiều thế mạnh về kinh tế và có những điển hình tốt

1. Tại Nghĩa Bình, đồng chí Trường-Chinh đã đi thăm Bảo tàng Quang Trung và có bài thơ “Thăm nhà Bảo tàng Quang Trung”:

“Hào khí Tây Sơn toả núi sông,
Anh hùng áo vải phát cờ hồng.
Cứu dân, giữ nước, yên bờ cõi,
Sự nghiệp muôn năm tạc chữ đồng.

Con cháu ngày nay rất tự hào,
Phát huy truyền thống, chí càng cao.
Nước non hùng vĩ, hoa thơm ngát,
Bảo táp qua rồi, đẹp biết bao!”.

Báo *Nhân dân*, ngày 15-1-1985, tr.1.

trong việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, bảy Ban Chấp hành Trung ương.

Từ ngày 16 đến 19-1-1985, đồng chí trở lại làm việc với Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, nơi đi đầu trong cả nước về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, bảy Ban Chấp hành Trung ương nhanh chóng, tích cực và sáng tạo. Đồng chí đi thăm một số nhà máy, xí nghiệp đã áp dụng phương thức sản xuất mới, thăm một số nông trại bắt đầu làm thí điểm, những nơi có triển vọng phát triển ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 23 đến 24-1-1985, lần thứ hai, đồng chí trở lại làm việc ở Long An.

Trong những ngày cuối tháng Giêng, đồng chí khảo sát ở tỉnh An Giang và Đồng Tháp.

Từ ngày 3 đến 5-2-1985, đồng chí làm việc tại tỉnh Cần Thơ¹.

Chuyến đi nghiên cứu khảo sát thực tế kéo dài ba tuần lễ lần này ở năm tỉnh, thành phía Nam đã giúp đồng chí Trường-Chinh nhìn thấy sự thật trong phát triển kinh tế của nước ta; lựa chọn và trân trọng những sáng kiến của các địa phương, của nhân dân để tìm được câu trả lời thích đáng cho con đường đi lên của đất nước. Đây là cơ sở thực tiễn hết sức sinh động tạo ra chuyển

1. Lúc này còn là Hậu Giang.

biến có tính chất bước ngoặt trong tư duy đổi mới và sáng tạo của đồng chí Trường-Chinh.

Trở về miền Bắc, ngày 23-3-1985, đồng chí đi thăm Nhà máy cơ khí nông nghiệp Hà Sơn Bình.

Ngày 1-4-1985, đồng chí đến thăm huyện Đan Phượng, Hà Nội.

Từ ngày 23 đến 26 và từ ngày 29 đến 30-4-1985, đồng chí Trường-Chinh dự họp hai hội nghị Bộ Chính trị bàn về chuẩn bị đề án giá - lương - tiền và vấn đề cân đối lương thực sáu tháng đầu năm 1985.

Từ ngày 13 đến 31-5-1985, đồng chí lại dự hai cuộc họp nữa của Bộ Chính trị bàn về giá - lương - tiền để chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương khoá V.

Trong cuộc họp Bộ Chính trị từ ngày 13 đến 15-5-1985, đồng chí Trường-Chinh có bài phát biểu phân tích tính chất nửa vời, không đồng bộ của việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, bảy Ban Chấp hành Trung ương và rút ra bài học lớn nhất từ thực tế của những năm qua, đó là: đến lúc phải dứt khoát bãi bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, phải mở xẻ và loại bỏ cái nhọt nguy hiểm này càng sớm càng tốt. Đồng chí đề nghị lần này phải dứt khoát chuyển, dù khó khăn bao nhiêu cũng kiên quyết khắc phục cho bằng được, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình huống; tìm cách sửa chữa, uốn nắn những khuyết điểm, lệch lạc có thể

xảy ra trong quá trình thực hiện trên cơ sở bãi bỏ quan liêu bao cấp chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh. Bãi bỏ bao cấp từng phần, chuyển sang hạch toán kinh doanh từng phần là việc làm nửa vời, thực chất là vẫn duy trì bao cấp, sẽ đưa tới nguy cơ lại diễn ra tình hình như từ năm 1981. Nếu do dự sẽ bị thực tế bỏ xa và lâm vào tình trạng hoàn toàn bị động trước sự phát triển nhanh chóng của tình hình.

Đồng chí khẳng định, đến lúc phải từ bỏ phương thức cung cấp hiện vật trực tiếp, thay vào đó là cách trả lương bằng tiền... Đây là một bước tiến lớn trong quan niệm và cách phân phối, nó phù hợp với bước chuyển sang cơ chế mới; là cách thật sự phát huy quyền làm chủ của người lao động trên thực tế. Cách làm này sẽ giảm được nhu cầu giả tạo, căng thẳng về hàng, giữ cho quỹ hàng hóa đỡ bị thất thoát ra thị trường tự do.

Để giải quyết đúng đắn vấn đề lương, đồng chí đề nghị trước hết phải xử lý hợp lý vấn đề giá, đó là phải nhanh chóng chuyển về hệ thống một giá trên toàn bộ nền kinh tế, cả trong sản xuất và trong phân phối, lưu thông, cả trong mua và bán. Phải xác định hệ thống một giá, lấy giá thóc thoả thuận làm giá chuẩn, qua đó mà xác định giá một số vật tư chủ yếu để định ra tỷ giá hối đoái. Trên cơ sở một số giá chuẩn được xác định sẽ hình thành mặt bằng giá mới để từ đó thiết

lập hệ thống tiền lương chung cho cả nước và theo chỉ số giá mà điều chỉnh tiền lương, điều chỉnh phụ cấp một cách tương ứng, tùy theo tình hình cụ thể. Đơn phương giải quyết vấn đề lương mà không trên cơ sở xử lý mặt bằng giá, hoặc ngược lại, hậu quả sẽ như đợt điều chỉnh giá cuối năm 1981. Đây là hai việc có liên quan chặt chẽ, ràng buộc lẫn nhau trong một thể thống nhất và phải tiến hành đồng thời. Nếu không cải tiến giá - lương - tiền, hoặc chỉ làm nửa vời thì hạch toán kinh doanh vẫn chỉ là giả tạo, không thể phản ánh hiệu quả thật sự, không thể tiến hành hạch toán kinh doanh được. Song, nếu chỉ điều chỉnh giá - lương - tiền trên cơ sở duy trì bao cấp mà không tiến hành hạch toán kinh doanh, tình hình rối ren sẽ lặp lại như mấy năm trước¹.

Đồng chí Trường-Chinh nhắc lại các quan điểm kinh tế chính trị học Mác - Lênin, đã từng bị lãng quên, đó là giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ, trước hết là những vấn đề của sản xuất, gắn chặt với mọi khâu của quá trình sản xuất. Nó nằm trước, trong và sau sản xuất để bảo đảm cho quá trình tái sản xuất tiếp theo. Những vấn đề lý luận này dường như ai cũng biết, nhưng đến

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị Bộ Chính trị bàn về vấn đề giá - lương - tiền, ngày 13 đến 15-5-1985.

khi thực hiện lại tách giá - lương - tiền ra khỏi quá trình sản xuất¹.

Trước những khó khăn ngày càng tăng của nền kinh tế, lúc này có ý kiến muốn quay về chính sách hai giá. Đồng chí Trường-Chinh kiên quyết bác bỏ ý kiến đó và cho rằng làm như vậy chệnh lệch giá sẽ lại phát sinh, tiêu cực lại tăng lên, hàng - tiền lại thất thoát, lại đưa xã hội đi thụt lùi và tiếp tục mắc sai lầm của thời kỳ bao cấp... Đồng chí đề nghị phải kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, giữ cho được chính sách một giá và phải phấn đấu để năm 1986 là năm ra đời và xác lập cơ chế một giá. Việc mở rộng, hoàn chỉnh cơ chế đó sẽ làm dân trong thời gian tiếp theo.

Từ ngày 11 đến 17-6-1985, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương hợp với nội dung quan trọng đặc biệt là quyết định việc cải cách một bước về giá, tiền lương, tài chính và tiền tệ để bãi bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong giá và lương để chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế

1. Sau này, trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 4-4-1986 để chuẩn bị nội dung Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Trường-Chinh nói rõ căn cứ thực tiễn và lý luận cũng như cơ sở phương pháp về vấn đề bù giá vào lương. (Biên bản họp Bộ Chính trị ngày 4-4-1986, lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

hoạch hóa. Theo sự ủy nhiệm của đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trường-Chinh đã chủ trì điều khiển Hội nghị.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh xác định ngay: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương sẽ chấm dứt thời kỳ điều khiển nền kinh tế bằng những mệnh lệnh hành chính, biểu hiện đặc trưng của cách quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang thời kỳ điều khiển nền kinh tế trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, thông qua kế hoạch hoá gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đồng chí đề nghị Ban Chấp hành Trung ương có nghị quyết nhất trí về nguyên tắc để thật sự chuyển sang hạch toán kinh doanh, cần đưa đủ ở đầu vào, có chính sách ở đầu ra khi bán lẻ, thi hành chính sách một giá trên toàn bộ hoạt động của nền kinh tế.

Nói rõ quan điểm về mối quan hệ giữa đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị, đồng chí cho rằng chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, một vấn đề có tầm quan trọng quyết định là tổ chức bộ máy và công tác cán bộ. Cần tiến hành ngay việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác cán bộ, trước hết đối với những bộ phận liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu không làm như vậy, sẽ khó vượt qua và thoát khỏi tình hình khó khăn gay gắt lúc này.

Đồng chí chỉ rõ: trong nhiều năm qua, chúng ta đã lập ra bộ máy rất công kênh để đáp ứng yêu cầu của chế độ quan liêu, bao cấp. Mặc dù đã nhiều lần khẳng định phải tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế, song trên thực tế, cùng với chế độ bao cấp, bộ máy cứ tiếp tục phình ra và từ đó đẻ ra nhiều tiêu cực. Bộ máy rất lớn, nhưng không kiểm soát được nền kinh tế - xã hội, các bộ phận trong bộ máy đó lại chống chéo về chức năng, mất khả năng cơ động, linh hoạt đối phó với các tình huống... Bộ máy đó thích ứng với chế độ tập trung quan liêu, bao cấp, nhưng chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh thì không phù hợp, nó đòi hỏi một bộ máy tương ứng với nó: gọn nhẹ, năng động, hướng vào năng suất, chất lượng, hiệu quả. Kiến trúc thượng tầng phải thích ứng với sự phát triển của nền kinh tế. Do vậy, chuyển từ bao cấp sang kinh doanh thì việc tinh giản biên chế, bố trí đúng việc, đúng người là một tất yếu khách quan¹.

Đến Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, với quan niệm trên, đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ hơn tính tất yếu khách quan và yêu cầu cấp bách của đổi mới chính trị, kiện toàn tổ chức, bộ máy và sự tác động tích cực của nó đối với đổi mới tư duy kinh tế.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.46, tr.99.

Trung ương coi việc giải quyết giá - lương - tiền là *khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, là cái mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng ta trên mặt trận kinh tế. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng xác định phương châm trong tình hình kinh tế đang trong quá trình chuyển biến, chưa ổn định, thì thấy *cần phải làm ngay, làm tích cực, khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán kỹ lưỡng các phương án vững chắc gắn liền với việc phát triển sản xuất, xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới*. Nghị quyết cũng chỉ rõ: “*Các chủ trương và việc tổ chức thực hiện ngay trong mỗi bước phải đồng bộ, quán triệt quan điểm xóa bỏ quan liêu bao cấp*”¹.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng giao cho Bộ Chính trị ban hành nghị quyết để cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) là sự đổi mới tư duy trên lĩnh vực lưu thông, phân phối với nét nổi bật là thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương như một luồng gió hồi sinh thổi đi khắp nước tạo ra sức sống mãnh liệt trong các hoạt động của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.46, tr.66-67.

toàn xã hội. Các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước đón nhận Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương với thái độ đồng tình, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương. Đây là nghị quyết được triển khai nhanh và đi vào lòng dân có khí thế nhất.

Cuối tháng 7 đầu tháng 8-1985, đồng chí Trường-Chinh đi thăm tỉnh Lâm Đồng và công trình thủy điện Trị An. Phát biểu với Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), đồng chí nói: Bên cạnh niềm tin tưởng, phấn khởi một số đồng chí còn những băn khoăn, lo lắng về tiền, hàng, giá cả, về tổ chức và cán bộ. Đó là điều khó tránh khỏi khi chúng ta từ bỏ những thói quen cũ, chuẩn bị bước vào một thời kỳ mới. Cơ chế mới, hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa đang trong quá trình hình thành. Không ai mang lại cơ chế mới cho ta mà chính chúng ta phải tự xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế mới đó. Vì vậy, trong bước đầu thực hiện, tất nhiên sẽ gặp nhiều khó khăn. Song, chúng ta dứt khoát không ngập ngừng, chờ đợi, phải tin tưởng, phải lạc quan cách mạng¹.

Từ Lâm Đồng trở về Hà Nội, đồng chí lại đi nghiên cứu tình hình thực tế ở các tỉnh phía Bắc: từ ngày 15

1. Báo *Nhân dân*, ngày 27-7-1985, tr.4.

đến 18-8-1985, đồng chí đi thăm tỉnh Thanh Hoá và từ ngày 19 đến 22-8-1985, thăm tỉnh Nghệ Tĩnh.

Từ ngày 5 đến 6-8-1985, Bộ Chính trị họp bàn và quyết định một số vấn đề cụ thể về giá - lương - tiền, ra dự thảo Nghị quyết số 93 của Bộ Chính trị về phê chuẩn mức giá mua thóc, bán vật tư nông nghiệp, tỷ giá kết toán, bán buôn một số vật tư cơ bản, cước vận tải, giá bán lẻ, phê chuẩn mức lương, phụ cấp và trợ cấp xã hội¹.

Ngày 10-8-1985, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 28-NQ/TW về việc phê chuẩn các phương án giá và lương, đưa ra kế hoạch thay đổi hệ thống giá của Nhà nước, trước hết phải lấy thóc làm chuẩn và chỉ rõ “Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương là một quá trình phấn đấu toàn diện, đồng bộ, kiên quyết, khẩn trương, có bước đi vững chắc; việc tính đủ chi phí, xóa bỏ bao cấp, xóa bỏ bù lỗ trong nền kinh tế quốc dân cũng phải làm từng bước, phù hợp với tình hình cụ thể trước mắt, tiến lên thực hiện đầy đủ các nguyên tắc mà Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương đề ra”².

Nhưng vào nửa sau tháng 8-1985, tình hình đột nhiên

1. Xem: Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.46, tr.236.

có sự thay đổi so với phương châm của Nghị quyết 28, việc đổi tiền và sửa đổi giá được đặt ra ngay.

Ngày 29-8-1985, trước tình hình đó, đồng chí Trường-Chinh gửi thư đến các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công, Tố Hữu, Đỗ Mười, phân tích tình hình và đề nghị không đổi tiền. Bức thư có đoạn:

“... Riêng về tiền, sắp tới có 12 tỷ đồng tiền mới, tương đương với 120 tỷ đồng hiện nay. So với lương mới và giá mới sắp tới thì số tiền đó là chưa đủ, tiền sẽ tiếp tục căng thẳng. Nên chẳng đề nghị các anh tính lại, không đổi tiền mà cho lưu hành song song hai đồng tiền với tỷ lệ: 1 đồng mới ăn 10 đồng cũ. Như vậy, có thêm hơn 60 tỷ đồng hiện nay cứ cho tiếp tục lưu hành, lặt lể thu hồi và hủy dần khi có tiền mới về tiếp, tránh được căng thẳng về tiền mặt, bảo đảm yêu cầu của sản xuất, thu mua, kinh doanh đang chuyển theo cơ chế mới, không gây xáo trộn về tâm lý”.

“Đổi tiền thì có thể thu hồi được một số, song theo tôi biết thì yếu tố bất ngờ trong đổi tiền đến nay không còn nữa; một số người có nhiều tiền bất chính đã phân tán rồi, chắc không làm được bao nhiêu. Còn đối với người có nhiều tiền do lao động chính đáng như sản xuất giỏi, do đi công tác chuyên gia, đi lao động ở nước ngoài mà xử lý không phù hợp sẽ thành vấn đề không lợi. Tốt hơn là giao cho các cơ quan có trách nhiệm đi sâu, đánh trúng bọn làm ăn bất chính, bọn phá hoại,

dầu cơ, buôn lậu... có nhiều tiền, không làm tràn lan trên diện rộng”.

“Có nhiều việc lớn phải gỡ ra, phải làm lần lượt, sức ta có hạn mà làm liên một lúc sẽ phân tán lực lượng. Đổi tiền ngay bây giờ thì sẽ dồn sức vào việc xử lý có tính chất kỹ thuật mà không tập trung... lực lượng vào cuộc vận động để bãi bỏ quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh, đặc biệt là trong khu vực sản xuất”.

“Chúng ta sẽ làm cải cách tiền tệ vào một thời gian khác thích hợp hơn;... lúc đó có điều kiện tốt hơn để làm, không bị rối và làm tập trung một việc dứt điểm sẽ giữ được bí mật. Như vậy tốt hơn nhiều. Nhân đây, tôi xin nhắc lại một đề nghị về việc cần sớm tổ chức tự in lấy tiền để chủ động về tiền tệ”.

“.... Trên đây là một số đề nghị để các anh xem xét và cho ý kiến...”¹.

1. Trần Nhân: *Trường-Chinh với hành trình đổi mới tư duy*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.117-119.

Ý kiến của đồng chí Trường-Chinh cũng giống như ý kiến của đồng chí Võ Văn Kiệt trong thư ngày 4-9-1985 gửi đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Trường-Chinh. Đồng chí Võ Văn Kiệt viết: “Kết quả của việc đổi tiền cho thấy tiền nằm trong nhân dân tương đối ít, số hộ có số tiền đổi thấp là khá đông, cho chúng ta một kết luận đáng suy nghĩ và day dứt về mức sống của nhân dân lao động hiện nay. Một kết quả khác cho thấy tiền

Thư của đồng chí Trường-Chinh gửi đi và chưa được trả lời.

Trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 1-9-1985, đồng chí Trường-Chinh nhắc lại đề nghị như trong thư một

nằm trong tay tư sản không đáng kể, chúng ta đã “đánh hụt” vì để cho bọn chúng quá nhiều thì giờ để chuẩn bị đối phó, thắng tay thu gom, vơ vét hàng của Nhà nước và chuyển tài sản từ tiền ra những giá trị khác... Một khám phá nữa là phần lớn tiền lại nằm trong tay các công ty, xí nghiệp và các địa phương. Điều này vừa chứng tỏ sự mất tin tưởng nghiêm trọng đối với quy chế của ngân hàng ngay từ những đơn vị nhà nước vừa cho thấy sự thiếu kỷ luật trong quản lý thuộc khu vực nhà nước đã đến mức đáng báo động, và hoạt động kinh tế “bí mật” của các đơn vị kinh tế là khá lớn.

Chúng ta có nhiều sơ hở trong vụ đổi tiền, gây nên những hậu quả bất lợi đáng quan tâm. Về thời điểm, việc đổi tiền thực hiện đồng thời với cải cách lương và điều chỉnh giá làm cho tình hình hết sức phức tạp, hiệu quả của việc cải cách lương có nguy cơ bị giảm, việc điều chỉnh giá thêm khó khăn, ngành thương nghiệp càng thêm lúng túng trong nỗ lực làm chủ thị trường. Nếu đổi tiền vào một thời điểm khác, áp lực đối với việc mua bán chắc là không ở mức độ này. Sự thiếu bảo mật đã làm cho hàng của Nhà nước tuần hết về người có tiền, tiền của các hộ buôn bán lớn chuyển hết cho các xí nghiệp, công ty nhà nước, và thương nghiệp bị rút hết hàng nhanh chóng, suy yếu khả năng chống đỡ trên thị trường... Theo sách: *Trường-Chinh với hành trình đổi mới tư duy*, *Sđd*, tr. 120-121.

lần nữa, nhưng mọi việc đã chuẩn bị xong và không thể dừng lại được.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị mới được thực hiện, vấn đề bù giá vào lương chưa được tổng kết rút kinh nghiệm, nhưng đầu tháng 9-1985 lại có phương án sửa đổi giá, tức là hạ thấp giá vật tư, hạ thấp khấu hao cơ bản và hạ thấp tỷ lệ giá kết toán nội bộ để cho sản xuất có thể chịu đựng được.

Tại cuộc họp Bộ Chính trị ngày 12-9-1985, đồng chí Trường-Chinh phân tích và chỉ ra thực chất của phương án sửa đổi giá là từ bao cấp nhiều giảm xuống bao cấp ít, từ bao cấp tràn lan chuyển sang bao cấp một phần. Đồng chí thông báo cho Bộ Chính trị biết nhiều nơi phản nản rằng: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã mở cổng, nhưng các chính sách, thể lệ, quy định hiện hành về kế hoạch, vật giá, vật tư, tài chính, ngân hàng v.v. vẫn chưa được sửa đổi hoặc sửa đổi rất ít đang tiếp tục trói buộc cơ sở. Đồng chí đề nghị Bộ Chính trị phê chuẩn đề nghị sửa đổi phương án giá mà Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Ban Bí thư đã chuẩn bị và trình ra lần này, nhưng chỉ có thể xem đó là những số liệu tạm thời để các cơ sở, xí nghiệp căn cứ vào đó mà tiến hành sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, chuẩn bị ngay một Hội nghị Bộ Chính trị để bàn và ra nghị quyết về quyền chủ động cho cơ sở

xí nghiệp trong sản xuất, kinh doanh. Các cơ quan có liên quan cần khẩn trương xây dựng chính sách mới nhằm thực hiện nghị quyết đó của Bộ Chính trị¹.

Phương án sửa đổi giá trong cuộc họp của Bộ Chính trị ngày 12-9-1985 báo hiệu sự bùng nổ của cuộc tổng điều chỉnh giá, lương và đi kèm là sự kiện đổi tiền ngày 14-9-1985 làm chấn động cả nước.

Sáng ngày 13-9-1985, chấp hành quyết định của Bộ Chính trị, nhân danh Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Trường-Chinh ký *Lệnh công bố Pháp lệnh về việc phát hành tiền ngân hàng mới, thu đổi tiền ngân hàng cũ*.

Ngày 14-9-1985, cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ hai bắt đầu bằng việc đổi tiền, ban hành một số giá mới, xoá bỏ hoàn toàn cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại sổ gạo cho những người ăn lương. Chủ trương đổi tiền nhằm tăng khả năng chi trả của ngân hàng, bảo đảm yêu cầu đủ tiền cho tăng lương, tăng giá.

Nhưng việc thu đổi tiền đã mắc phải nhiều khuyết điểm: kế hoạch bị lộ sớm, nhiều nơi bị lộ cả về thời gian và mức đổi. Mức đổi cho hộ độc thân và cá nhân quá cao, do đó tạo kẽ hở cho bọn đầu cơ và kẻ xấu lợi dụng phân tán tiền mua vét hàng làm rối loạn thị trường, giá

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị Bộ Chính trị ngày 12-9-1985.

cả và trật tự xã hội. Sau đổi tiền, giá cả tăng lên 10 lần, tạo ra nguyên nhân lạm phát, ảnh hưởng tới sản xuất, đời sống và gây lo lắng trong nhân dân.

Ngày 29 tháng 10 và 1-11-1985, Bộ Chính trị nghe Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Ban Bí thư báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 28 của Bộ Chính trị về giá - lương - tiền¹.

Trong các ngày 5 đến 7; 14 đến 16 tháng 11; 4 đến 6-12-1985, Bộ Chính trị họp bàn về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm năm 1986-1990 chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương².

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương, họp từ ngày 9 đến 16-12-1985, nhằm kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1985 và bàn về phương hướng kế hoạch năm 1986, đã kiểm điểm sâu sắc những sai lầm trong việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị.

Tại Hội nghị này, đồng chí Trường-Chinh đã phân tích và chỉ rõ các sai lầm, khuyết điểm đó như sau:

1, 2. Xem: Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Một là, tách rời giữa xoá bỏ bao cấp với xoá bỏ tập trung quan liêu ngay trong từng bước, điều chỉnh một bước giá - lương - tiền không tiến hành đồng thời với việc mở rộng một bước quyền chủ động của cơ sở để chuyển sang hạch toán, kinh doanh... Đã bước một bước dài trong giảm bớt bao cấp, nhưng gần như chưa nhích được bước nào trong giảm bớt tập trung quan liêu, gây nên tình trạng mất thăng bằng nghiêm trọng. Như vậy, đã nặng về điều chỉnh mặt bằng giá và lương mà coi nhẹ đổi mới cơ chế quản lý.

Hai là, mất đồng bộ trong việc ra chủ trương mới với việc bố trí người thực hiện. Chủ trương mới xoá bỏ quan liêu, bao cấp, chuyển dứt khoát sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi người thực hiện phải thông suốt về quan điểm, nhiệt tình, luôn luôn tìm mọi biện pháp khắc phục khó khăn để thực hiện tốt. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương có đề cập đến vấn đề này, song trên thực tế chúng ta không làm đúng như vậy.

Ba là, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương chưa được triển khai thực hiện tốt, cơ chế quản lý mới chưa được hình thành, chúng ta đã tiến hành đổi tiền trong thế bị động. Có thể giải quyết việc thiếu tiền theo cách khác. Khi đổi tiền lại mắc nhiều khuyết điểm cả về phương pháp và nghiệp vụ; không xuất phát từ yêu cầu thúc đẩy sản xuất mà thiên về yêu

cầu quản lý tiền mặt theo kiểu tập trung quan liêu.

Đồng chí cho rằng, từ cách nghĩ chủ quan, ta đã nhảy từ cực nọ sang cực kia: trước kia, định giá rất thấp, tạo ra chênh lệch giá rất lớn, gây thiệt hại cho Nhà nước, làm phát sinh nhiều tiêu cực; nay lại sửa bằng cách ngay một lúc tăng giá lên rất nhiều lần, đội giá thị trường trong khi hầu như chưa đi được bước nào chống tập trung quan liêu trong sản xuất và quản lý. Kết quả là, ta đã đem hết tất cả những định mức và chi phí bất hợp lý lâu nay nhân với giá mới và tiền lương mới, nên giá thành vống lên rất cao, không mua được cũng không bán được, gây đình đốn sản xuất, bế tắc lưu thông, tiền vừa đổi đã mất giá ngay, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước.

Trên cơ sở phân tích sai lầm, khuyết điểm như trên, đồng chí Trường-Chinh rút ra kết luận có tính chất phương pháp luận: về tư tưởng chiến lược, phải triệt để xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; song về sách lược, trong mỗi bước đi, cần có tính toán, cân nhắc cẩn thận.

Tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương, vấn đề một giá và hai giá lại được đặt ra một cách gay gắt. Đồng chí Trường-Chinh phân tích rõ việc có thể điều chỉnh một số giá, điều chỉnh phụ cấp tiền lương, nhưng không thể thay đổi toàn bộ hệ thống giá đã hình

thành, vì như vậy sẽ làm cho tình hình càng thêm rối. Theo đồng chí, vấn đề quan trọng nhất là thay đổi ngay cách làm hiện nay vẫn theo kiểu tập trung quan liêu, trên ngồi bàn định giá từ một trung tâm, tiếp tục xa thực tế và không chịu trách nhiệm gì về những quyết định của mình, dưới thì hoặc phải chờ đợi, không mua, không bán, không sản xuất được, hoặc để hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao thì phải “trợ giá”, “kê hàng”, “mua chui” và “bán chui”, tình hình sẽ tiếp tục rối, không gỡ ra được¹.

Đồng chí phân tích rõ, nước ta chưa trải qua một nền sản xuất hàng hóa phát triển (miền Nam có chừng nào, miền Bắc rất ít), sản xuất nhỏ mang tính tự cấp, tự túc, khép kín còn đang in dấu khá rõ trong nền kinh tế. Vì vậy, ta càng phải ra sức phát triển sản xuất hàng hóa, cả trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp; hệ thống lưu thông phải được tổ chức thích ứng với nền sản xuất hàng hóa đó. Nhà nước ta cần và hoàn toàn có khả năng kiểm soát, chỉ đạo, hướng dẫn và chi phối nền sản xuất hàng hóa thông qua kế hoạch hóa, hợp đồng kinh tế, hệ thống pháp luật, hệ thống chính sách. Sự kiểm soát, quản lý hướng dẫn đó phải nhằm mục tiêu

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương, ngày 9 đến 16-12-1985.

làm cho sản xuất hàng hóa phát triển với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, giá thành ngày càng hạ, hàng hóa ngày càng trở nên phong phú, dồi dào về chủng loại và khối lượng, theo đúng quỹ đạo đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cần phải xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ do tình hình thực tế của giai đoạn hiện nay đề ra, phải giải quyết để có thái độ đối với sản xuất hàng hóa, đối với việc sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, đối với thị trường, đối với vấn đề liên minh công nông... và hàng loạt vấn đề khác. Giải quyết đúng thì đất nước ra khỏi khó khăn, ngược lại, có thể lâm vào tình trạng khó khăn hơn nữa. Đồng chí Trường-Chinh đặt vấn đề: "các thành phần kinh tế ở nước ta có vị trí, vai trò khác nhau trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhưng có mục đích giống nhau là làm cho dân giàu, nước mạnh nên phải thay đổi những quan niệm, định kiến và sự phân biệt đối xử tồn tại lâu nay trong xã hội ta về lao động ở các khu vực kinh tế khác nhau. Điều này phải được thể hiện trong chính sách: không phân biệt đối xử, mọi thành phần kinh tế, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực hiện quyền làm chủ của mình. Đó chính là thực hiện công bằng xã hội"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.46, tr.367.

Đồng chí Trường-Chinh còn trình bày rõ quan điểm về kiện toàn bộ máy nhà nước, việc tách chức năng quản lý hành chính ra khỏi chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh và cho rằng phải làm rõ khái niệm, nội dung, giới hạn của quản lý hành chính để bảo đảm cho Nhà nước giữ vững được quyền điều hành, kiểm soát hoạt động của toàn bộ nền kinh tế, bảo đảm luật pháp được thi hành nghiêm minh, định ra chiến lược phát triển ở từng địa phương, từng ngành và trong cả nước... Chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh giao cho cơ sở, xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp, các công ty, tổng công ty kinh doanh. Thực hiện chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, các đơn vị kinh tế phải nghiêm chỉnh thi hành pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt kế hoạch thông qua hợp đồng kinh tế; tìm mọi cách khắc phục khó khăn, bảo đảm làm ăn có lãi, góp phần tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước¹.

Công tác kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương còn tiếp tục ở các cuộc họp Bộ Chính trị sau Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương.

Từ ngày 20 đến 25-1-1986, Bộ Chính trị đã họp để chuẩn bị ra Nghị quyết 31 về những biện pháp cấp bách

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.46, tr. 375-376.

nhằm thực hiện đúng dẫn Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương. Đồng chí Trường-Chinh phát biểu phân tích kỹ các nguyên nhân dẫn tới sai lầm khi vội vàng đổi tiền và bác bỏ ý kiến biện hộ cho việc đổi tiền là do thiếu tiền bù giá vào lương. Đồng thời, xác định rằng, dự kiến đổi tiền đã có từ sớm (khoảng tháng 3-1985) trước khi tiến hành bù giá vào lương và không phải vì bù giá vào lương mới đẻ ra đổi tiền. Đồng chí cũng nhắc lại việc đổi tiền hoàn toàn không phải là biện pháp bắt buộc duy nhất trong tình hình vừa qua và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương không có yêu cầu bắt buộc phải đổi tiền. Đó là một việc ngoài dự kiến của Trung ương¹.

Đồng chí cảnh báo: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương vừa được Trung ương biểu quyết thông qua hôm trước, trong đó nêu rõ chủ trương bù giá vào lương, thì ngày hôm sau đã có ý kiến yêu cầu sửa ý đó trong Nghị quyết nhằm ngăn không để cho các địa phương làm. Trong thực tế, Nghị quyết đã bị sửa theo hướng hạn chế việc mở rộng bù giá vào lương. Cái sai lớn nhất bắt nguồn ngay từ đó, *sai cả về nhận thức, bước đi, cách làm, sai cả về nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, coi ý kiến của một số đồng chí*

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại cuộc họp Bộ Chính trị, ngày 20 đến 25-1-1986.

cao hơn ý kiến của Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương. Từ bước thứ nhất, bù giá vào lương làm chưa đúng mức đã đi quá nhanh sang bước thứ hai (tức là việc đổi tiền và tổng điều chỉnh giá với mức độ rất cao) trong tư thế chưa được chuẩn bị sẵn sàng, vì vậy mà bị động và rối ren, suốt từ đó đến nay¹.

Thực tế đó cho thấy, cuộc đấu tranh giữa cái cũ và mới hết sức phức tạp. Ngay khi Nghị quyết Trung ương và Nghị quyết Bộ Chính trị đã được ban hành, nhưng các quan điểm khác nhau vẫn dai dẳng tồn tại và khi quan điểm chưa nhất trí thì hành động không thống nhất.

Tiếp tục trình bày ý kiến tại Hội nghị này về việc tách hai chức năng trong quản lý hành chính với quản lý sản xuất và phê phán cơ chế định giá tập trung quan liêu, đồng chí Trường-Chinh cho rằng: vì cơ chế đó mà các nơi đã tìm ra giải pháp “an toàn” nhất là giữ hàng không bán. Do đó, hàng trong lưu thông vốn đã ít, càng trở nên khan hiếm hơn; sự căng thẳng do thiếu hàng có một phần, nhưng nạn săn lùng và găm hàng phổ biến làm cho mức độ căng thẳng về hàng hóa càng trở nên nghiêm trọng. Có thể nói, thông qua việc giữ hàng, chờ giá, thương nghiệp quốc doanh mặc nhiên trở thành

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại cuộc họp Bộ Chính trị, ngày 20 đến 25-1-1986.

người tích trữ lớn nhất, bỏ trống trận địa gần như để cho thị trường mặc sức trôi nổi.

Tình trạng này là do cơ chế của ta thiếu năng động, chính sách tiếp tục gò bó làm cho lưu thông bế tắc, không điều hòa được hàng từ chỗ thừa đến chỗ thiếu, từ nơi có nhu cầu ít đến nơi có nhu cầu cao. Tính năng động trong kinh doanh quá yếu, tiêu cực trong nội bộ còn rất nhiều, cộng thêm tình trạng chia cắt thị trường làm cho giá cả ở mỗi nơi mỗi khác, không hình thành được thị trường thống nhất ngay trong từng khu vực, khiến cho tiền - hàng ngày càng mất cân đối, cung - cầu ngày càng thêm căng thẳng, nhất là ở các trung tâm kinh tế như Hà Nội, Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Cuối năm 1985, đầu 1986, tình hình kinh tế - xã hội càng khó khăn, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải đánh giá đúng và có biện pháp xử lý kiên quyết, đúng đắn nhằm xoay chuyển tình thế, đưa hoạt động kinh tế - xã hội tiến lên theo hướng các Nghị quyết lần thứ sáu, bảy và tám Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra.

Ngày 24-2-1986, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết 31 về những biện pháp cấp bách nhằm thực hiện đúng đắn Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, đã phân tích những khuyết điểm dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng nói trên là ở sự chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị.

Nguyên nhân là do không quán triệt đầy đủ và đúng đắn nội dung hai nghị quyết này; chưa nghiên cứu và thảo luận đầy đủ để đạt được sự nhất trí hoàn toàn về một số chủ trương quan trọng; không nắm vững phương châm chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương là phải tiến hành khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán thận trọng các phương án vững chắc, gắn chặt với việc xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới, và chưa coi việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương là một quá trình, từng bước, nên đã phạm sai lầm chủ quan nóng vội, giản đơn trong việc xây dựng, quyết định và tổ chức thực hiện các phương án cụ thể...

Nghị quyết 31 còn nhấn mạnh: việc đổi tiền đã phạm nhiều sai lầm, tiếp đó lại làm ngay cuộc tổng điều chỉnh giá và lương với mức độ rất cao (nâng giá thu mua, tỷ giá kết toán, giá bán và quỹ lương lên nhiều lần) trong tình hình kinh tế - xã hội còn rất khó khăn và phức tạp, đã dẫn đến những biến động lớn về thị trường, giá cả, những chấn động lớn về tư tưởng, tâm lý trong các tầng lớp nhân dân, gây thêm khó khăn cho sản xuất và đời sống.

Nghị quyết 31 xác định việc để xảy ra những khuyết điểm lớn về chủ trương và chỉ đạo điều hành thực hiện Nghị quyết lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 28 Bộ Chính trị, với những hậu quả nghiêm

trọng về kinh tế - xã hội, trách nhiệm trước hết về các cơ quan chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ở Trung ương, đồng thời các ngành và các địa phương cũng có phần trách nhiệm. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, các cấp, các ngành phải nghiêm khắc tự phê bình, nhận rõ trách nhiệm của mình, kiểm điểm rút kinh nghiệm để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, ra sức thực hiện tốt hơn nữa các Nghị quyết sáu, bảy, tám và chín của Trung ương¹.

Về phần mình, tại Hội nghị Bộ Chính trị ngày 4-4-1986, đồng chí Trường-Chinh tự phê bình trước Bộ Chính trị và cho rằng, chúng ta không sợ sai lầm, mắc sai lầm thì kiên quyết sửa chữa. Cái đáng sợ hơn là không thấy khuyết điểm, sai lầm, do đó sẽ không sửa được. Đồng chí cho rằng, riêng về Bộ Chính trị, trong đó có đồng chí, đã “thông qua một số quyết định sai, đã bố trí cán bộ mà không kịp thời sửa, đã không thẳng thắn nói hết được ý kiến để cùng nhau thảo luận nhất trí, đã không kiên trì cái đúng, phân tích đầy đủ cái sai... thì đó là khuyết điểm của Bộ Chính trị”².

Sự tự phê bình chân thành, khẩn thiết đó thể hiện bản lĩnh và nhân cách của đồng chí Trường-Chinh.

1. Xem: Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, ngày 24-2-1986.

2. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại cuộc họp Bộ Chính trị, ngày 4-4-1986.

Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị cho thấy sự phức tạp của cuộc đấu tranh giữa những quan điểm, cách nghĩ, cách làm mới với những quan điểm cũ kỹ, lỗi thời, bảo thủ, trì trệ và bộc lộ một hiện tượng trái ngược giữa việc tán thành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương với việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

Nhằm cụ thể hoá hơn nữa nội dung cốt lõi của Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, bảy, tám Ban Chấp hành Trung ương, tiếp tục tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý, từ ngày 18 đến 23-3-1986, Bộ Chính trị đã họp để thảo luận dự thảo Nghị quyết *"Về bảo đảm quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở"*.

Tại Hội nghị này, đồng chí Trường-Chinh đã nhắc lại tư tưởng chiến lược là phải dứt khoát trong việc chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, nhưng về sách lược phải làm từng bước thận trọng, không vội vàng, qua làm thử, sơ kết, tổng kết, mở rộng dần ra và phải bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ ngay trong từng bước¹. Đối với việc sửa đổi, bổ sung chính sách, quyết định để bảo đảm cho cơ sở tiến hành hạch toán kinh doanh cũng vậy, phải xác định rõ hướng đi; những thể chế, chính sách,

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị Bộ Chính trị, ngày 18 đến 21-3-1986, thảo luận dự thảo Nghị quyết Bộ Chính trị *"Về bảo đảm quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở"*.

quy định nào cản trở cơ sở chuyển sang hạch toán kinh doanh đều phải lần lượt bãi bỏ, sửa đổi, hoặc thay vào đó bằng những chính sách, quy định cho phép đẩy mạnh hạch toán kinh doanh, mở rộng lưu thông, phát triển sản xuất. Đồng chí phê phán quan điểm cho rằng, phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, mở rộng quyền chủ động của cơ sở là một việc làm chia cắt nền kinh tế ra từng mảnh, ngược lại, chính đó lại bảo đảm sự tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, quản lý của Nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Theo đồng chí, Nhà nước quản lý kinh tế - xã hội bằng pháp luật, bằng cách tạo ra một hành lang pháp lý nhằm phát huy quyền tự chủ của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, kích thích sự năng động, sáng tạo của các thành phần kinh tế, tháo gỡ những ràng buộc, giải phóng các nguồn lực, phát huy động lực, khơi dậy tiềm năng phát triển; đồng thời, hạn chế đến mức tối đa tác động tiêu cực, ngăn chặn các mặt trái có thể xuất hiện sau khi cơ chế mới hình thành. Nhà nước không nên can thiệp quá sâu vào quyền điều hành hoạt động sản xuất của các đơn vị cơ sở, mà hướng vào việc hình thành và hoàn chỉnh hệ thống các thể chế, chính sách, sử dụng các công cụ quản lý vĩ mô, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương và xử lý kịp thời các vấn đề cấp bách như lạm phát, suy thoái, khủng hoảng, xác định đúng khâu then chốt, đưa ra những giải pháp toàn diện

để tấn công vào tận gốc rễ các vấn đề bức xúc trong từng thời điểm và từng giai đoạn phát triển của đất nước. Chuyển sang cơ chế quản lý mới không cho phép Nhà nước tiếp tục quản lý theo lối cũ mà đòi hỏi phải đổi mới nhận thức, quan niệm cũng như tổ chức và phương thức hoạt động. Nhà nước phải có một tầm nhìn bao quát, tổng thể các vấn đề cần giải quyết, có thể cân đối được những yêu cầu trái ngược nhau về các nguồn lực, nắm bắt xu thế vận động của các khả năng, dự báo triển vọng phát triển của tình hình trong một tương lai nhất định.

Những quan điểm đổi mới tư duy kinh tế, chính trị của đồng chí Trường-Chinh phần lớn được đưa vào Nghị quyết của Bộ Chính trị. Nghị quyết này như một luồng gió mới thổi vào các đơn vị kinh tế cơ sở của cả nước, tiếp thêm sức mạnh, tạo ra niềm tin và triển vọng phát triển mới¹.

Những cũng trong các cuộc họp vào cuối tháng 3, đầu

1. Thể chế hoá Nghị quyết của Bộ Chính trị, ngày 26-6-1986, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành chín văn bản pháp quy, quy định tạm thời cho các đơn vị kinh tế cơ sở được quyền tự chủ về kế hoạch, vật tư kỹ thuật, tài chính; về cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa; về giá cả, lao động, tiền lương; về tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ; về nhập khẩu và thực hiện hợp đồng kinh tế. Nghị quyết này là cơ sở cho sự ra đời của Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VI.

tháng 4-1986, khi thảo luận những vấn đề có ý kiến khác nhau về các quan điểm kinh tế, có ý kiến phê phán gay gắt là “chạy theo chủ nghĩa xã hội thị trường”, “say sưa với cơ chế thị trường”, “bất chúc các quan điểm của nước ngoài”, cho rằng phải “cẩn thận với những con ngựa thành Troia”, “chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh”, v.v..

Ngày 18-5-1986, trong bài phát biểu tại Hội nghị Bộ Chính trị, đồng chí Trường-Chinh cho rằng: trong quá trình đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, không thể không sử dụng các phạm trù sản xuất hàng hoá, quy luật giá trị, đòn bẩy kinh tế, quan hệ hàng hoá, tiền tệ, giá cả, thị trường, v.v., là những phạm trù chính trị kinh tế học được các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin đúc kết và khái quát, thì tại sao lại không dùng được. Vấn đề là những phạm trù kinh tế ấy có phù hợp với điều kiện cụ thể, phản ánh được những quy luật kinh tế khách quan của nước ta hay không, chứ không phải là vấn đề bất chúc hay không bất chúc quan điểm của nước ngoài¹.

Trong Hội nghị này, đồng chí cũng nêu rõ quan điểm: Đoàn kết là sức mạnh và là truyền thống quý báu của Đảng ta như Bác Hồ đã dạy, nhưng không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau. Những ý kiến khác nhau,

1. Xem: Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Hội nghị Bộ Chính trị, ngày 18-5-1986.

thông qua thảo luận, trao đổi thẳng thắn, có tinh thần trách nhiệm, sẽ dẫn đến sự nhất trí. Nếu còn những vấn đề chưa nhất trí thì phải chờ đợi nhau, qua quá trình thực tiễn, nhận thức được nâng cao và thay đổi dần dần được sự nhất trí. Điều tuyệt đối tránh là không vì ý kiến khác nhau mà quy chụp, quy kết, nhất là quy kết về chính trị mà dẫn đến chia rẽ, bè phái. Điều đó chỉ có hại chứ không giúp gì cho sự đoàn kết, nhất trí.

Những ý kiến đúng đắn và kiên định của đồng chí Trường-Chinh đã góp phần quan trọng giúp cho Đảng giữ vững được định hướng đổi mới kinh tế đúng đắn và tránh được bước quanh co dao động quay trở lại con đường quan liêu, bao cấp. Thực tế trên cho thấy, quá trình hình thành đường lối đổi mới của Đảng không dễ dàng, mà phải trải qua đấu tranh gay gắt giữa cái cũ và cái mới, giữa quan điểm bảo thủ lỗi thời với quan điểm đổi mới. Đây là một thử thách lớn lao của tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh của Đảng và dân tộc mà đồng chí Trường-Chinh sẵn sàng chấp nhận và vượt qua.

9.2. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam - chuẩn bị Đại hội đổi mới

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được chuẩn bị từ năm 1984.

Ngày 14-9-1984, Hội nghị Bộ Chính trị đã kết luận về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Đảng, trong đó

đề cập đến các vấn đề xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cho 10 năm, 15 năm; xác định thời kỳ quá độ, chặng đường đầu tiên của chủ nghĩa xã hội¹...

Cuối tháng 5, đầu tháng 6-1986, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khoá V thảo luận, góp ý kiến và thông qua Dự thảo báo cáo chính trị lần thứ nhất và chủ trương đưa dự thảo ra thảo luận ở Đại hội vòng 1 các cấp sau khi được Bộ Chính trị xem xét bổ sung, hoàn chỉnh².

Ngày 10-7-1986, giữa lúc toàn Đảng, toàn dân đang ra sức tháo gỡ khó khăn, khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội lần thứ VI, đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, qua đời.

Ngày 14-7-1986, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp phiên đặc biệt để bầu Tổng Bí thư của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí bầu đồng chí Trường-Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị, làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam. Phát biểu với Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh chân thành cảm ơn Ban Chấp hành

1. Xem: Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Hội nghị này đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ Chính trị vào Ban Bí thư Trung ương Đảng và giữ trọng trách Thường trực Ban Bí thư.

Trung ương Đảng đã tín nhiệm và giao trọng trách Tổng Bí thư, nguyên đem hết sức mình cùng các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện đường lối do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đề ra. Đồng chí kêu gọi Ban Chấp hành Trung ương Đảng hãy biến đau thương thành sức mạnh, xiết chặt hàng ngũ, giữ vững kỷ luật Đảng, đoàn kết nhất trí trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đó là cơ sở để tăng cường khối đoàn kết toàn Đảng, toàn dân nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Lần thứ ba là Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Trường-Chinh ở tuổi 79.

Nhận rõ trách nhiệm trên cương vị mới, trước sự chờ đợi của toàn Đảng, toàn dân trong thời điểm khó khăn của đất nước và dân tộc, đồng chí Trường-Chinh đã làm hết sức mình chuẩn bị cho Đại hội lần thứ VI của Đảng. Nhiều suy tính, quan điểm, khuynh hướng khác nhau đòi hỏi được quy về một mối. Với quỹ thời gian eo hẹp, đồng chí đã tổ chức làm việc chặt chẽ, bảo đảm mở Đại hội đúng thời gian.

Theo kế hoạch đã định, từ giữa năm 1986 đến tháng 11-1986, Đại hội vòng 1 các cấp cơ sở quận, huyện đến tỉnh, thành phố và các đảng bộ trực thuộc Trung ương

góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội, phản ánh những vấn đề nóng bỏng của thực tế xã hội.

Tháng 7-1986, sau khi sơ bộ tổng hợp ý kiến đóng góp của Đại hội Đảng bộ vòng 1 các cấp, Tổng Bí thư Trường-Chinh thấy Dự thảo báo cáo chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; chưa rút ra được những bài học cơ bản từ thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; chưa đề ra được nội dung đổi mới về kinh tế có thể làm chuyển biến tình hình. Sau khi nghiên cứu bản Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ VI, đồng chí Trường-Chinh không tán thành và đề nghị dự thảo lần thứ hai và trực tiếp chỉ đạo công việc quan trọng này.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ chín, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị mà trực tiếp là đồng chí Trường-Chinh, Tiểu ban văn kiện đã đi sâu nghiên cứu các vấn đề lớn về kinh tế còn nhiều ý kiến khác nhau: cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư, về xây dựng quan hệ sản xuất mới với nền kinh tế nhiều thành phần, về cơ chế quản lý...

Từ ngày 7 đến 10-7-1986, Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Hội nghị cán bộ cấp cao để nghiên cứu Dự thảo báo cáo chính trị. Tại Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh có bài giải đáp quan trọng về một số điểm cơ bản trong Dự thảo báo cáo. Đồng chí nhấn mạnh điểm xuất phát của chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội là rất thấp vì cơ sở vật chất kỹ thuật được xây dựng trước đây, trải

qua 30 năm chiến tranh đã bị tàn phá nặng nề; vì một nền tiểu sản xuất là phổ biến, cho nên gây tình trạng mất cân đối về lương thực, thực phẩm, năng lượng, nguyên liệu, vật tư..., đều gay gắt và nghiêm trọng. Bên cạnh đó, những khuyết điểm, sai lầm chủ quan của chúng ta khiến cho tình hình vốn đã rất khó khăn lại càng khó khăn, phức tạp thêm.

Vì vậy, theo đồng chí, nhiệm vụ nặng nề đặt ra cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng là phải tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc. Trên cơ sở đó mà cụ thể hoá thêm một bước đường lối, chủ trương đã đề ra từ Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V. Với ý nghĩa cực kỳ quan trọng đó, chúng ta quyết tâm chuẩn bị tốt, bảo đảm sự thành công của Đại hội, đáp ứng lòng mong mỏi của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Trên cơ sở cụ thể hoá đường lối, phương hướng chiến lược phát triển của đất nước đã được Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V nêu lên, Đảng ta sẽ lãnh đạo nhân dân kiên trì phấn đấu, dũng cảm trong lao động và bảo vệ Tổ quốc, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện đường lối của Đảng đã được Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V nêu ra, đồng chí cho rằng, “quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi chúng ta phải đổi mới trên nhiều mặt: *đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm*

việc, đổi mới tổ chức và cán bộ. Đại hội lần thứ VI của Đảng ta phải đáp ứng yêu cầu đó. Bước đổi mới phải được thể hiện trong nội dung các văn kiện của Đảng, trước hết là trong Báo cáo chính trị và trong phương hướng bố trí nhân sự của Trung ương, của các cấp uỷ đảng tại đại hội các cấp và Đại hội toàn quốc lần này.

Sự đổi mới đó dựa trên những bài học được đúc kết từ những thắng lợi đã đạt được và những khuyết điểm, sai lầm mà chúng ta đã phạm trong 11 năm qua, khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội”¹.

Đại hội lần thứ VI của Đảng phải nhận thức sâu sắc vấn đề này, trên cơ sở đó mà định ra một đường lối mới, phù hợp. Trong buổi nói chuyện này, đồng chí Trường-Chinh nêu ba bài học kinh nghiệm quan trọng:

Một là, “sức mạnh của một nước, của cách mạng *chính là ở nhân dân*”. Từ tiền đề này, đồng chí cho rằng, để thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phải tin tưởng ở nhân dân, mọi chủ trương, chính sách đều phải lấy dân làm gốc và chỉ rõ: "Cha ông ta từ xưa đã nghĩ và làm như vậy. Trong thời đại ngày nay, từ tiền khởi nghĩa đến Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống bành

1. Bài nói tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu Dự thảo báo cáo chính trị sẽ trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, báo *Nhân dân*, ngày 26-7-1986.

trưởng, bá quyền, Đảng ta đều làm như vậy. *Đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay lại càng phải làm như vậy*"¹.

Do vậy, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và trình độ của dân. Đánh giá chính sách đúng hay sai, tốt hay xấu là phải nhìn ở chỗ đa số quần chúng nhân dân có phấn khởi, đồng tình, hăng hái thực hiện hay không? Sản xuất có được đẩy mạnh, kinh tế có phát triển, đời sống có ổn định và từng bước được cải thiện, quốc phòng, an ninh có vững mạnh hay không? Ngay cả trong trường hợp chính sách đúng rồi mà nhân dân chưa hiểu, chưa đồng tình thì cũng không làm được. Khi đó phải ra sức giáo dục, giải thích cho dân, phải biết chờ đợi dân. Có khi phải điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tế và với trình độ của quần chúng.

Đồng chí Trường-Chinh khẳng định: “Bài học *“cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”* trước đây quan trọng, *bây giờ càng quan trọng*, đó là bài học lịch sử vô giá của cách mạng nước ta”².

Hai là, trong công tác lãnh đạo, *“phải tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng nó vào thực tế”*³.

Đồng chí chỉ rõ, muốn chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội, *“trước hết phải thay đổi nhận thức, thay đổi tư duy, đặc biệt là tư duy kinh tế*. Chủ nghĩa Mác - Lênin

1, 2, 3. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 10, 12.

nêu lên những nguyên lý chung có tính phổ biến. Song vận dụng những nguyên lý đó vào hoàn cảnh Việt Nam như thế nào là việc của chúng ta phải làm; không ai có thể làm thay chúng ta được. Muốn vậy, “phải xuất phát từ thực tế Việt Nam, với những con người Việt Nam cụ thể, với điều kiện phát triển cụ thể của lịch sử, của nền kinh tế, của điều kiện xã hội, của những truyền thống Việt Nam”¹.

Tiêu chuẩn đánh giá trình độ và khả năng vận dụng đúng đắn hệ thống quy luật, thông qua các chính sách, là sản xuất phải phát triển, giao lưu thông suốt, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân phải ổn định và từng bước được cải thiện, xã hội phải lành mạnh, văn minh, các giá trị đạo đức và tinh thần ngày càng được nâng cao, quốc phòng, an ninh vững mạnh. Mọi chính sách làm giảm nhiệt tình lao động của quần chúng, gây trở ngại, thậm chí làm đình đốn sản xuất, bế tắc lưu thông, làm cho đời sống khó khăn, tiêu cực phát triển, xã hội rối loạn, là biểu hiện của sự vận dụng không đúng đắn các quy luật khách quan, đều phải bãi bỏ hoặc sửa đổi.

Đồng chí Trường-Chinh khẳng định: “Có thể nói ngay rằng làm sai quy luật thì không thể đi lên chủ nghĩa xã hội được, càng sai quy luật thì con đường đi lên

1. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđđ*, tr. 12.

chủ nghĩa xã hội càng kéo dài ra, chứ không hề gần lại với chúng ta. Đốt cháy giai đoạn, làm trái quy luật, tưởng như vậy là đi nhanh hơn, kỳ thật sẽ đi rất chậm.

Tóm lại, *tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng đúng đắn, hành động theo quy luật* chính là cách đi lên chủ nghĩa xã hội đúng nhất và nhanh nhất, không có con đường nào khác. Đó là bài học thứ hai của chúng ta”¹.

Ba là, để bảo đảm huy động được đầy đủ sức mạnh của nhân dân trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho việc tự giác vận dụng các quy luật, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tác dụng tích cực của chúng, nhất thiết phải **giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.**

Đảng lãnh đạo phải nắm vững hệ thống quy luật tác động lên xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Trên cơ sở nhận thức đúng hệ thống quy luật đó, sự lãnh đạo của Đảng phải nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, hướng họ vào việc tự giác hành động theo quy luật. Sức mạnh của quy luật là vô địch. Lực lượng hùng hậu của chuyên chính vô sản, tiềm năng to lớn của nhân dân lao động có được phát huy đầy đủ hay không chính là ở chỗ lực lượng đó, tiềm năng đó có được hướng vào việc hành động hợp quy luật hay không.

1. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđd*, tr.18.

Đồng chí Trường-Chinh khẳng định: “Làm đúng quy luật chính là hợp với lòng dân, hợp với xu thế đi lên của đất nước và của thời đại. Vì vậy, làm đúng quy luật thì nhất định sản xuất sẽ phát triển, giao lưu sẽ thông suốt, tình hình sẽ ổn định dần và từng bước đi lên”¹.

Sau Hội nghị cán bộ tháng 7-1986, Ban Chấp hành Trung ương nhận được nhiều bản góp ý bổ sung và góp phần làm sáng tỏ một số luận điểm nêu trong Dự thảo báo cáo. Vì vậy, sau khi nghe báo cáo của Tiểu ban văn kiện, đặc biệt là những ý kiến khác nhau đối với các vấn đề lớn về kinh tế, đồng chí triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị và Ban Bí thư để thảo luận kỹ về ba vấn đề kinh tế thời kỳ quá độ (cơ cấu sản xuất; cải tạo xã hội chủ nghĩa; cơ chế quản lý kinh tế) để trên cơ sở đó đổi mới và hoàn chỉnh Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ VI và giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt. Đồng thời, đây còn là sự đổi mới tư duy về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mở đường đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Từ ngày 25 đến 30-8-1986, Tổng Bí thư Trường-Chinh chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị và Ban Bí thư thảo luận về những vấn đề do đồng chí Trường-Chinh đã đề nghị.

Ngày 20-9-1986, trước khi Bộ Chính trị thông qua

1. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sổ*, tr.19.

kết luận về một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế, đồng chí Trường-Chinh đã có bài phát biểu “nhấn mạnh một số điểm cần thiết” về vấn đề cơ cấu kinh tế; vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới; vấn đề cơ chế quản lý kinh tế.

Phân tích tình trạng khó khăn kéo dài về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng, không tạo được nguồn hàng lớn cho xuất khẩu, không ổn định được tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, trước tình hình đó đòi hỏi bức thiết phải chuyển hướng, đồng chí Trường-Chinh xác định phải kiên quyết và dứt khoát chấm dứt cách bố trí kế hoạch và lối làm ăn cũ, không thể duy trì cơ cấu sản xuất và đầu tư bất hợp lý, với hiệu quả rất thấp như hiện nay. Tiếp tục cách làm cũ thì nền kinh tế sẽ gặp khó khăn lớn hơn, không thể củng cố được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và cũng không thể xây dựng cơ chế quản lý một cách thuận lợi.

Đồng chí chỉ rõ, chuyển hướng là việc rất khó khăn, đòi hỏi chúng ta phải đổi mới tư duy, thay đổi cách nghĩ, cách làm, dám thừa nhận và thay đổi những quyết định sai lầm trước đây của mình, dám dũng cảm xử lý những việc phức tạp. Sắp xếp lại, giãn tiến độ, đình, hoãn, cắt bỏ những công trình đã từng chăm lo, đã tốn công sức, tiền của để xây dựng, rõ ràng là đau đớn nhưng nhất định phải “giải phẫu” thì mới chữa được căn bệnh trầm trọng. Phải dũng cảm, phải chịu đựng.

Để làm được nhiệm vụ đó, cần làm cho quan điểm chuyển hướng và đổi mới thấu suốt trong toàn Đảng; làm cho tất cả các ngành, các cấp chủ động, quyết tâm thực hiện việc bố trí lại sản xuất và đầu tư trong phạm vi ngành và địa phương mình; đồng thời cùng với Trung ương thực hiện việc bố trí đầu tư trong phạm vi ngành, địa phương mình và cùng với Trung ương thực hiện việc bố trí lại cơ cấu kinh tế trong cả nước.

Đồng chí Trường-Chinh chỉ ra rằng, cùng với việc kiên quyết chuyển hướng bố trí đầu tư, cần đặc biệt chú trọng xác định đúng cơ cấu xã hội của nền kinh tế, tức là cơ cấu thành phần kinh tế.

Phân tích tình hình nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ tình trạng nghèo nàn, lạc hậu với hàng triệu người chưa có việc làm, bởi vậy, theo đồng chí Trường-Chinh “không có con đường nào khác hơn là chúng ta phải thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế”¹, kết hợp Nhà nước tạo ra việc làm với người lao động tự tạo ra việc làm, phát huy những nghề truyền thống, mở mang thêm nghề mới trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... nhằm phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, giải quyết nạn thất nghiệp, để cho mọi người lao động đều có cơ hội được có việc làm, tạo ra sản

1. Trường Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđđ*, tr.29.

phẩm, làm cho nguồn của cải xã hội tăng lên, hàng hoá phong phú, dồi dào. Xác định đúng cơ cấu xã hội của sản xuất là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, là giải pháp đúng đắn, vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội.

Vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là những tư tưởng của Lênin về thời kỳ quá độ vào hoàn cảnh thực tế Việt Nam, đồng chí Trường-Chinh khẳng định: từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, tiểu sản xuất là phổ biến, có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, *song nhất thiết không thể bỏ qua phát triển sản xuất hàng hoá*. Nhưng sản xuất hàng hoá ở đây là sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và của nhà nước vô sản, nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân, từng bước thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa được kế hoạch hoá với trình độ lúc đầu còn thấp, và sẽ ngày càng được nâng cao hơn. Điều đó hoàn toàn có thể thực hiện được với việc kết hợp đúng đắn kế hoạch hoá trực tiếp và kế hoạch hoá gián tiếp, kết hợp sử dụng các chỉ tiêu pháp lệnh thích hợp với các đòn bẩy kinh tế để hướng dẫn sản xuất, điều tiết tiêu dùng, để kiểm soát hoạt động của toàn bộ nền kinh tế.

Đồng chí cho rằng, các thành phần kinh tế còn tồn tại lâu dài và chấp nhận sự tồn tại của các thành phần

kinh tế thì đồng thời phải chấp nhận đối phó với xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của nền sản xuất, đối phó với mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế của các thành phần đó. Chính điều đó đặt ra nhiệm vụ cho Đảng ta phải tăng cường sức mạnh của Nhà nước, làm cho nó đủ sức kiểm soát toàn bộ hoạt động của nền kinh tế. Kiểm soát không phải bằng con đường xoá bỏ các thành phần kinh tế, mà bằng con đường “sử dụng để đào tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn”, làm cho hoạt động kinh tế ngày càng năng động và có hiệu quả hơn, từng bước hướng vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Theo đồng chí Trường-Chinh, vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới phải được đặt ra trong điều kiện cụ thể của nước ta. Lâu nay, sai lầm của ta là thường đối lập cải tạo với phát triển. Cứ mỗi lần mở chiến dịch cải tạo thì sản xuất lại giảm sút, lưu thông lại đình đốn, chợ búa lại tiêu điều, hàng hoá lại trở nên khan hiếm. Hậu quả là càng cải tạo thì tư thương, người buôn bán lại càng tăng thêm. Do vậy, phải thay đổi cách nghĩ, cách làm về cải tạo. Phải lấy phát triển làm mục đích, cải tạo làm phương tiện, gắn phương tiện với mục đích. Tiến hành cải tạo phải nhằm mục đích làm cho sản xuất phát triển hơn trước khi cải tạo, và khi sản xuất phát triển với mức độ cao hơn thì lại tiếp tục tiến hành cải tạo với bước đi và hình thức thích hợp để thúc đẩy sản xuất phát triển cao hơn nữa.

Đó chính là vận dụng đúng đắn quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, được nêu lên trong bản kết luận này.

Nói về cơ chế quản lý kinh tế, vấn đề đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta, đồng chí Trường-Chinh cho rằng, đây là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu. Nhưng khó nhất vì đây là cuộc đấu tranh với chính bản thân mình - đấu tranh trong nội bộ Đảng và cơ quan nhà nước. Chúng ta phải đấu tranh với tư tưởng bảo thủ, muốn quay trở lại cơ chế cũ đã quen thuộc, đồng thời phải ngăn ngừa và khắc phục khuynh hướng này vẫn đang tồn tại ở các ngành, các cấp, đặc biệt là trong giai đoạn “giao thời” hiện nay, khi cái cũ chưa bị xoá bỏ, cái mới chưa hình thành rõ nét.

Trong bài phát biểu này, đồng chí Trường-Chinh đã trình bày rõ quan điểm đối với nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế và chỉ rõ tập trung và dân chủ là hai mặt của một thể thống nhất, không đối lập nhau, không thể coi mặt nào là chủ yếu. Quản lý tập trung, thống nhất nền kinh tế quốc dân là một ưu thế của chủ nghĩa xã hội. Song, ưu thế đó chỉ có thể phát huy trong sự thống nhất với việc xây dựng và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Không nên coi sự quản lý tập trung, thống nhất là tiêu chuẩn cao nhất, rồi cho rằng mọi sự thay đổi về phương pháp, hình thức quản lý, phát huy tính chủ động của

địa phương và cơ sở là xa rời những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện nguyên tắc “tập trung dân chủ” không thể theo một khuôn mẫu nhất định, cứng nhắc mà phải tùy thuộc trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và mức độ hoàn thiện của quan hệ sản xuất. Các quy định về tập trung và phân cấp quản lý phải nhằm mục tiêu tạo ra động lực phát huy vai trò làm chủ và nhiệt tình của mọi người lao động, tạo ra phong trào quần chúng hăng hái thực hiện ba cuộc cách mạng, sử dụng tốt nhất mọi năng lực sản xuất, khai thác tiềm năng phát triển kinh tế, để đạt mục đích cuối cùng là sản xuất tốt, phân phối tốt, đời sống khá hơn và tích lũy nhiều hơn.

Đồng chí chỉ rõ, muốn lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế - xã hội, không thể quay trở lại cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, mà phải kiên quyết và từng bước xoá bỏ nó, phải tiếp tục phân cấp quản lý cho địa phương và cơ sở theo cơ chế hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mở rộng quyền hạn đi đôi với nâng cao trách nhiệm, giải quyết thoả đáng lợi ích gắn liền với nghĩa vụ. Đó không phải là “phi tập trung hoá”, ngược lại, chính là nhằm tăng cường vai trò quản lý tập trung, thống nhất mà lâu nay chúng ta đã buông lỏng do bị cuốn hút vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể lẽ ra Trung ương không cần và không nên can thiệp quá sâu. Trong một thời gian dài thực hiện cơ chế

tập trung quan liêu, Trung ương đã bỏ việc chính của mình để đi làm thay việc của địa phương và cơ sở.

Đồng thời, phải chống tình trạng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, cục bộ, khắc phục có hiệu quả tình trạng phân tán vốn có trong lòng của nền sản xuất nhỏ và phát triển trong cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Một nguyên nhân quan trọng gây nên tình trạng phân tán, vô tổ chức, làm yếu sự quản lý tập trung, là sự thiếu nhất trí và không nhất quán, không kịp thời, không nghiêm chỉnh trong việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của Bộ Chính trị. Nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ cương của Đảng đã bị vi phạm ngay từ chỉ đạo, điều hành. Các quyết định ở cấp trên không ăn khớp với nhau, thậm chí trái ngược nhau, tất sẽ dẫn đến tình trạng cấp dưới tùy tiện trong thực hiện.

Đồng chí nhấn mạnh, lần này Bộ Chính trị dành thời gian thảo luận và kết luận một số quan điểm lớn về kinh tế, chính là nhằm khắc phục tình trạng đó, phải thực hiện nghiêm chỉnh tập trung dân chủ ngay trong phong cách lãnh đạo và chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thì mới lập lại được trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội.

Trong bài phát biểu này, đồng chí Trường-Chinh đã nói thêm về khái niệm *cơ chế thị trường* và chỉ rõ: Cơ chế thị trường là sự hoạt động của thị trường theo các

quy luật vận động của quan hệ hàng hoá - tiền tệ. Cơ chế thị trường không chỉ hoạt động trong lĩnh vực lưu thông mà còn tác động đến toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội. Có sản phẩm hàng hóa thì có thị trường và có cơ chế thị trường, đó là tất yếu khách quan. Trong điều kiện sản xuất hàng hoá dưới chủ nghĩa xã hội, cơ chế thị trường không hoạt động biệt lập, mà chịu sự chi phối của cơ chế kế hoạch; các quy luật của quan hệ hàng hoá - tiền tệ không vận động một cách riêng lẻ, mà trong sự thống nhất với các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội, cơ chế thị trường hoạt động trên toàn bộ thị trường xã hội, bao gồm cả thị trường có tổ chức và thị trường tự do. Thị trường tự do có khuynh hướng vận động tự phát, song sử dụng sức mạnh của kinh tế xã hội chủ nghĩa và với chính sách đúng đắn, Nhà nước vẫn cần phải và hoàn toàn có thể chi phối được nó, hướng nó đi theo quỹ đạo của kế hoạch nhà nước bổ sung cho thị trường có tổ chức. Cần phải nghiên cứu việc một số nước chấp nhận cả sự phá sản của những xí nghiệp xã hội chủ nghĩa làm ăn thua lỗ...

Đồng chí cho rằng, hiểu như vậy thì không thể né tránh, kiêng kỵ cơ chế thị trường, vì đó là sự vận động của quy luật khách quan ngoài ý muốn của ta. Tìm hiểu, nắm chắc để chủ động vận dụng cơ chế thị trường trong sự thống nhất với cơ chế kế hoạch hoá, lấy kế hoạch hoá làm trung tâm, nhằm mang lại lợi ích của

chủ nghĩa xã hội, là điều cần thiết. Trong cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chúng ta đã bác bỏ cơ chế thị trường, làm trái quy luật khách quan, gây ra những hậu quả nghiêm trọng kéo dài; rồi cuộc vẫn phải bị động chạy theo tính tự phát của thị trường tự do. Đó là sai lầm cần khắc phục.

Bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh là cơ sở để chỉnh lý Dự thảo báo cáo chính trị trình Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đồng chí Trường-Chinh thông báo với Hội nghị về việc đề nghị gửi bản kết luận chính thức tới các đồng chí uỷ viên Trung ương, tới lãnh đạo các địa phương và các ban, ngành, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương để giúp các đồng chí uỷ viên Trung ương có thời gian tham khảo ý kiến tập thể và chuẩn bị tốt cho Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương.

Bộ Chính trị đã thông qua kết luận về những quan điểm kinh tế trên cơ sở bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh.

“Kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế” đã tạo ra sự thống nhất quan điểm của cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng về những vấn đề quan trọng nhất, cơ bản nhất trong lĩnh vực kinh tế. Đây là sự đổi mới cực kỳ quan trọng về tư duy kinh tế của Đảng, là cơ sở để hình thành cơ chế quản lý mới, cơ cấu kinh tế mới. Kết luận

của Bộ Chính trị là cơ sở để đổi mới, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, đồng thời cũng là căn cứ để giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt, mở đường đưa đất nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Ngày 24-9-1986, nhằm thu thập thêm những đóng góp của nhân dân và để cho toàn dân nắm được những quan điểm mới về kinh tế của Đảng, đồng chí Trường-Chinh đến phát biểu tại Hội nghị đặc biệt Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nghiên cứu và đóng góp ý kiến vào Dự thảo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương. Đồng chí giải thích rõ quan điểm “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Chân lý đó không chỉ đúng trong trường hợp nhân dân ta là người thực hiện những chủ trương và nhiệm vụ do Đảng đề ra, mà đúng cả trong trường hợp, với tư cách là người làm chủ đất nước, nhân dân ta cần phải và hoàn toàn có khả năng tham gia ý kiến ngay trong quá trình xác định những chủ trương và nhiệm vụ đó.

Đồng chí chỉ rõ, "tổ chức việc tham khảo ý kiến rộng rãi của toàn Đảng, của các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội và của toàn thể nhân dân ta đóng góp vào việc xây dựng và hoàn chỉnh bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng sẽ trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Ý nghĩa của việc đó hết sức quan trọng, nhằm tạo điều kiện mỗi người

chúng ta trực tiếp tham gia vào quá trình chuẩn bị tiến tới Đại hội Đảng, đóng góp ý kiến vào việc xác định nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong thời gian tới. Nhiệm vụ đó là của Đảng và cũng là nhiệm vụ của mỗi người Việt Nam chúng ta"¹.

Ngày 13-10-1986, tới dự Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn quân lần thứ IV, phát biểu tại Đại hội, đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ tầm quan trọng của Đại hội lần thứ VI và việc Bộ Chính trị thông qua những kết luận quan trọng về một số quan điểm kinh tế của Đảng, đồng thời chỉ rõ tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng chính là ở chỗ: “Phải kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, khắc phục tư tưởng “vừa chủ quan, nóng vội, vừa bảo thủ, trì trệ” trong bố trí cơ cấu kinh tế và trong việc xác định những nhiệm vụ cụ thể cũng như trong việc bố trí đội ngũ cán bộ để bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đó”.

Đồng chí yêu cầu Đại hội toàn quân, với tinh thần trách nhiệm cao, thẳng thắn, cởi mở và xây dựng, phát huy dân chủ “phải có những đóng góp thích đáng vào việc bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo chính trị sẽ trình ra Đại hội VI”².

1, 2. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđd*, tr.50-51, 56.

Ngày 17-10-1986, đồng chí Trường-Chinh tới dự và phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ X. Đồng chí chỉ rõ, *với tinh thần tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật*, cần phân tích một cách sâu sắc những khuyết điểm, sai lầm, trên cơ sở đó mà đề ra chủ trương, biện pháp kiên quyết và thực tế để đưa cách mạng nước ta nhanh chóng vượt qua khó khăn và tiếp tục vững bước tiến lên. Đồng chí khẳng định: “Đối với nước ta, *đổi mới* càng là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có *tâm quan trọng sống còn*. Yêu cầu đó vừa là đòi hỏi bên trong của nền kinh tế nước ta, vừa phù hợp với xu thế đổi mới của thời đại. Chỉ có đổi mới cách nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ, chúng ta mới có khả năng thoát khỏi tình hình khó khăn gay gắt hiện nay”¹.

Đồng chí chỉ rõ: Đại hội lần thứ VI có nhiệm vụ trọng đại là trên cơ sở đổi mới tư duy, thay đổi cách nghĩ, cách làm mà hạ quyết tâm chuyển hướng bố trí cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý nhằm giải phóng năng lực sản xuất hiện có, khai thác và phát huy mọi tiềm năng của đất nước để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất. Để thực hiện tư tưởng chiến lược trên

1. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sổ*, tr. 66.

đây, phải gắn phát triển lực lượng sản xuất với đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục suốt thời kỳ quá độ, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Có thể coi điều vừa nói trên là bước đổi mới tư duy kinh tế quan trọng nhất của Đảng ta.

Trong chỉ đạo thực hiện, về sách lược, phải tính toán những bước đi, cách làm thích hợp, hết sức tránh nôn nóng, vội vàng như đã làm vừa qua. Song, về quyết tâm chiến lược thì phải kiên quyết, dứt khoát đi theo hướng đổi mới, phù hợp với quy luật khách quan là: xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ hiện nay của chúng ta là phải từ những kinh nghiệm thành công và không thành công vừa qua mà tìm ra biện pháp thiết thực, có hiệu quả để khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm, sai lầm theo hướng kiên trì tiếp tục đổi mới, với những bước đi đồng bộ, tích cực, vững chắc và ngày càng mở rộng hơn, quyết không thể trở lại con đường cũ. Trở lại tập trung quan liêu, bao cấp là trở về cái ngõ cụt mà từ nhiều năm nay chúng ta đã loay hoay trong đó, không có lối thoát. Xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa chính là lối ra đúng đắn, không có con đường nào khác.

Đồng chí cho rằng: “Chống tập trung quan liêu, bao cấp là cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa tính năng động của yêu cầu đổi mới và tư tưởng bảo thủ, sức ỳ của những thói quen, giữa yêu cầu thiết lập quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa *thật sự* của toàn thể nhân dân lao động với chủ nghĩa cá nhân trong một số người, nhân danh bảo vệ chủ nghĩa xã hội để cố bám giữ đặc quyền, đặc lợi. Đây là cuộc đấu tranh diễn ra trong nội bộ Đảng, trong bộ máy nhà nước và các đoàn thể, trong nội bộ nhân dân,... trong chính bản thân mỗi người chúng ta”¹.

“Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại” - bài phát biểu của đồng chí Trường-Chinh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội đã đi đúng vào tình cảm và suy nghĩ của toàn Đảng và toàn dân ta đang băn khoăn lo lắng đến vận mệnh của đất nước, đã thúc đẩy toàn Đảng, toàn dân ta kiên quyết tiến lên con đường đổi mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Từ ngày 17 đến 25-11-1986, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương đã họp để hoàn thành công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ VI. Đồng chí Trường-Chinh khai mạc Hội nghị. Hội nghị đã dành nhiều thời

1. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđđ*, tr.69-70.

gian thảo luận về Dự thảo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khoá V trình Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Sau khi thảo luận, Tổng Bí thư Trường-Chinh thay mặt Bộ Chính trị và Đoàn chủ tịch Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương đã kết luận, nêu rõ: Dự thảo báo cáo chính trị lần này đã được nâng cao về chất lượng, phản ánh được những ý kiến đóng góp của đại hội đại biểu đảng bộ các cấp, các hội nghị cán bộ, các tầng lớp nhân dân, kết luận của Bộ Chính trị về một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế; những chủ trương của Đảng về quốc phòng và đối ngoại trong tình hình mới. Đề nghị viết lại hoặc làm rõ thêm một cách cụ thể một số chỗ, một số ý trong Dự thảo báo cáo:

- Về đánh giá thành tựu, sai lầm khuyết điểm,
- Về bố trí cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư,
- Về củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng các thành phần kinh tế,
- Về quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân,
- Về chính sách đối ngoại,
- Về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng.

Hội nghị cũng thảo luận và nhất trí thông qua dự thảo văn kiện về *Nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội năm năm 1986-1990; Những điểm bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng*. Hội nghị lần thứ 11 đã thảo luận kỹ vấn

đề nhân sự và quyết định sẽ triệu tập Đại hội lần thứ VI của Đảng vào ngày 15-12-1986¹.

Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ và cụ thể của đồng chí Trường-Chinh, kết quả của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) có ý nghĩa quyết định đối với thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Sau Hội nghị, đồng chí Trường-Chinh tiếp tục chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo chính trị theo những vấn đề mà Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ ra. Đồng chí “trực tiếp chỉ đạo soạn thảo và đích thân sửa chữa từng câu, từng chữ trong dự thảo văn kiện”². Cuối cùng, “báo cáo đã được sửa đổi, bổ sung khá cơ bản... đã được toàn Đảng, toàn dân hân hoan đón nhận, tìm thấy ở đấy con đường sáng tỏ giải phóng sức sản xuất, khai thác và phát huy mọi tiềm năng to lớn của nhân dân, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và phát triển đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa”³.

1. *Biên niên sự kiện Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (5-1975–12-1995)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 306.

2. Võ Văn Kiệt: "Đồng chí Trường-Chinh - Tổng Bí thư của đổi mới". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr.40.

3. Đỗ Mười: "Trường-Chinh - một nhà lãnh đạo tài năng của cách mạng Việt Nam". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr.26.

9.3. Tổ chức thành công Đại hội đổi mới - Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành tại Hà Nội từ ngày 5-12-1986.

Về dự Đại hội lần thứ VI có 1.129 đại biểu chính thức, thay mặt cho gần 1,9 triệu đảng viên cả nước, 35 đoàn đại biểu các đảng anh em, các tổ chức cách mạng và bầu bạn khắp năm châu, 300 nhà báo trong và ngoài nước.

Đại hội nội bộ tiến hành từ ngày 5 đến 14-12-1986. Đồng chí Tổng Bí thư Trường-Chinh đã đọc Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa V trình Đại hội lần thứ VI.

Trong nhiều phức tạp của tình hình, Báo cáo chính trị do đồng chí Trường-Chinh trình bày đã phân tích và làm cho sáng tỏ bằng các luận điểm khoa học có giá trị lịch sử và đặt ra trước những người cộng sản về thái độ đối với việc đánh giá tình hình và xem đó như tiền đề cho việc giải quyết khó khăn và xây dựng quyết sách của Đảng: “Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*. Cùng với việc đánh giá đúng những thành tích đã đạt được, ở Đại hội này, chúng ta chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm, vạch rõ nguyên nhân, nêu ra biện pháp khắc phục, xác định nhiệm vụ và mục

tiêu phẩn dấu cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ”¹.

Từ đó, báo cáo nêu rõ tính chất nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội: sản xuất tăng chậm, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch năm năm không đạt được; tài nguyên bị lãng phí; phân phối lưu thông rối ren, nhiều người lao động chưa có việc làm, hàng tiêu dùng không đủ, nhà ở và điều kiện vệ sinh thiếu thốn. Thiếu sót lớn nhất là chưa thực hiện được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân - mục tiêu hàng đầu do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V đề ra. Nguyên nhân chủ quan của tình hình trên là những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn; về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện của Đảng và Nhà nước. Sai lầm thể hiện trên các mặt: xác định mục tiêu và bước đi không sát thực tế nước ta, không coi trọng khôi phục kinh tế là nhiệm vụ cấp bách; nông nghiệp vẫn chưa thực sự là mặt trận hàng đầu; muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa trong vòng năm năm; chưa biết kết hợp kế hoạch hóa với quan hệ hàng hóa - tiền tệ; mắc sai lầm rất nghiêm trọng trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.47, tr.346.

Trên lĩnh vực tư tưởng đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận, chậm tổng kết kinh nghiệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong công tác tổ chức, chậm thực hiện đổi mới công tác cán bộ. Lựa chọn và bố trí cán bộ chỉ nhấn mạnh học vị, bằng cấp mà không chú ý đến thực chất năng lực làm việc và kinh nghiệm rèn luyện thực tế. Phong cách lãnh đạo mang nặng chủ nghĩa quan liêu. Việc điều chỉnh địa giới lãnh thổ thiếu căn cứ khoa học, dẫn đến nhiều tỉnh, huyện quá lớn, hợp tác xã quá rộng.

Báo cáo chính trị nêu rõ: “trước hết thuộc về trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng”¹.

Từ nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, bốn bài học kinh nghiệm mà Đảng ta rút ra là:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.47, tr.362.

Báo cáo chính trị khẳng định việc dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, sửa chữa những sai lầm trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư mà trước đây thường chỉ xuất phát từ ý chí chủ quan muốn đi nhanh, không tính đến điều kiện và khả năng thực tế, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, chưa sử dụng có hiệu quả quan hệ kinh tế với nước ngoài, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công nghiệp quy mô lớn, không tập trung giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Trong xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; xác định đúng cơ cấu thành phần kinh tế, sửa chữa những khuyết điểm trong việc chưa xác định rõ ràng, nhất quán những quan điểm, chủ trương và chính sách chỉ đạo công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, nóng vội, muốn xóa bỏ ngay các thành phần phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh, nhấn mạnh việc thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà không coi trọng giải quyết các vấn đề về tổ chức quản lý và chế độ phân phối.

Trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải sửa chữa những khuyết điểm do thiếu hiểu biết và ít kinh nghiệm quản lý, khắc phục cả hai khuynh hướng bảo thủ trì trệ

không muốn đổi mới và nóng vội giản đơn, muốn giải quyết xong mọi vấn đề trong một thời gian ngắn. Suốt năm năm qua, lĩnh vực phân phối, lưu thông luôn luôn căng thẳng và rối ren, hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố cùng tác động trong nền kinh tế và đời sống xã hội, tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp tồn tại nhiều năm trong quản lý kinh tế, chưa có chính sách cơ bản về tài chính gắn liền với chính sách đúng đắn về giá cả, tiền tệ, tín dụng, tiền lương, giải quyết vấn đề giá - lương - tiền đã phạm sai lầm, thiếu biện pháp đồng bộ có hiệu quả để Nhà nước nắm được hàng và tiền.

Báo cáo chính trị khẳng định: “Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông... Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn, thực hiện những mục tiêu do Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra... Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận... đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 125.

Báo cáo chính trị xác định rằng: “Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài. Tính bảo thủ, sức ỳ của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học; tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý; hệ thống thông tin chính xác; tự phê bình và phê bình được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc v.v.. Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy”¹.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Báo cáo chính trị nêu ra sáu yêu cầu:

1. Đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng. Coi trọng công tác lý luận, cung cấp nội dung cho sự nghiệp đổi mới. Đổi mới cả về nội dung, hình thức, phương pháp, con người và phương tiện làm công tác tư tưởng. Đổi mới đội ngũ cán bộ giảng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI*, *Sđd*, tr.126.

dạy, viết lại sách giáo khoa và đổi mới cách dạy học ở các trường của Đảng, Nhà nước và đoàn thể.

2. Đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý. Trước hết phải đổi mới công tác cán bộ, bộ máy, cơ chế và đội ngũ những người làm công tác cán bộ. Tiêu chuẩn để đánh giá cán bộ là hiệu quả công tác. Chấm dứt tình trạng bổ nhiệm cán bộ không có hiểu biết, hoặc kém chuyên môn vào các cương vị lãnh đạo và quản lý cơ quan chuyên môn. Thực hiện chế độ bãi miễn đối với cán bộ vô trách nhiệm, thiếu năng lực.

3. Đổi mới phong cách làm việc, mở rộng dân chủ, khuyến khích năng động, sáng tạo trên cơ sở nguyên tắc, đường lối của Đảng. Hoàn chỉnh các chế độ hội nghị, kiểm tra, tự phê bình và phê bình, điều tra nghiên cứu, nắm thông tin nhanh chóng, chính xác, lắng nghe ý kiến quần chúng, tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo tập thể.

4. Nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực.

5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở. Tạo điều kiện để quần chúng tham gia xây dựng đảng.

6. Tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng.

Kết thúc Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VI của Đảng, đồng chí Trường-Chinh đã nói những câu tâm huyết như những lời nhắn nhủ đối với những người cộng

sản kế tục sự nghiệp của thế hệ những người cộng sản đi trước:

Hãy giữ gìn và nâng cao danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản. Mọi người hãy suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích cách mạng chứ không phải vì địa vị và tư lợi. Lý tưởng ấy phải được thực hiện cụ thể trong lao động, chiến đấu, học tập và trong lối sống của mỗi đảng viên. Trung thực, không giả dối, nói ít làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, không giấu giếm khuyết điểm - phẩm chất ấy phải được thường xuyên nhấn mạnh và rèn luyện.

Báo cáo chính trị xác định nhiệm vụ chung của chặng đường đầu tiên là: ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, xây dựng những tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo.

Mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội của chặng đường đầu tiên là:

1. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.
2. Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý hướng vào việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.
3. Làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa giữ vai trò chi phối, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ, dưới sự lãnh đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tiến

hành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người lao động.

4. Tạo ra chuyển biến về mặt xã hội, việc làm, công bằng xã hội, chống tiêu cực, mở rộng dân chủ, giữ kỷ cương phép nước.

5. củng cố quốc phòng và an ninh.

Về chính sách đối ngoại, Báo cáo chính trị nêu rõ: Góp phần phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Về phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, Báo cáo chính trị đề ra khẩu hiệu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” và nêu rõ : tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu bảo đảm huy động lực lượng to lớn của quần chúng.

Báo cáo chính trị do đồng chí Trường-Chinh trình bày được Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh.

Báo cáo chính trị và Nghị quyết của Đại hội lần thứ VI là đỉnh cao của thái độ cầu thị, dám nhìn thẳng vào

sự thật và nói rõ sự thật, dũng cảm phê bình và tự phê bình một cách nghiêm túc, giải phóng được sức mạnh của dân tộc, sự thông minh, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, của cán bộ, đảng viên chúng ta, chấp cánh cho chúng ta vươn đến những thắng lợi vĩ đại¹.

Đại hội họp công khai từ ngày 15 đến 18-12-1986.

Ngày 15 tháng 12, đồng chí Trường-Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khóa V trình bày tóm tắt Báo cáo chính trị.

Chiều ngày 17 tháng 12, đồng chí Trường-Chinh (và các đồng chí Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ) đề nghị với Đại hội không tham gia ứng cử vì điều kiện sức khỏe. Đại hội tuyên dương công trạng to lớn vì nước, vì dân của ba đồng chí đã làm nổi bật truyền thống cao đẹp của dân tộc ta: truyền thống thế hệ trước ân cần dìu dắt thế hệ sau, thế hệ sau kế tục trung thành với sự nghiệp của thế hệ trước. Đại hội nhất trí trao trách nhiệm cao cả cho đồng chí Trường-Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

1. Đại tướng Mai Chí Thọ còn viết: “Tôi cho rằng: *Nghị quyết đổi mới của Đại hội VI do đồng chí Trường-Chinh dự thảo là chiến lược lâu dài của Đảng ta sau chiến tranh. Nó phải là tài liệu gối đầu giường của mỗi cán bộ, đảng viên. Chúng ta phải đọc đi, đọc lại để thấm nhuần và thực hiện cho được những tư tưởng cơ bản ở trong đó*”. Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, Sđđ*, tr.82.

Ngày 18 tháng 12, Đại hội thông qua Nghị quyết về Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế và Báo cáo xây dựng Đảng.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VI khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ VI của Đảng có ý nghĩa lịch sử trọng đại, đánh dấu một bước ngoặt trong sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Với tầm nhìn thấu rõ thực trạng đất nước, tổng kết được những kinh nghiệm từ thực tiễn thành công và thất bại; với ý thức trách nhiệm vì dân, vì nước, dũng cảm thừa nhận sai lầm, khuyết điểm, với tinh thần đoàn kết, nhất trí cao, Đại hội lần thứ VI đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, mở ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam viết: “Trong khi đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, đồng chí Trường-Chinh với trách nhiệm Tổng Bí thư đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Đảng - Đại hội “đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức và có ý nghĩa to lớn, tăng cường hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất của toàn

Đảng, toàn dân” như văn kiện của Đảng đã xác định. Báo cáo chính trị tại Đại hội VI do đồng chí trình bày đã khẳng định “đối với nước ta, đổi mới là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn”; những khẩu hiệu và phương hướng nêu lên trong Báo cáo trình Đại hội như “lấy dân làm gốc”, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, “luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan”... để lại những dấu ấn cực kỳ sâu sắc, là những khẩu hiệu có tính chỉ đạo hành động trong suốt quá trình đổi mới đất nước”¹.

Với những đóng góp to lớn về lý luận và thực tiễn, với trách nhiệm quyết định trong chuẩn bị các văn kiện và tổ chức thành công Đại hội lần thứ VI của Đảng, đồng chí Trường-Chinh là *kiến trúc sư vĩ đại của sự nghiệp đổi mới* xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, đồng chí Trường-Chinh tiếp tục cống hiến cho Đảng trong vai trò Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí đặc biệt

1. Nông Đức Mạnh: Một tấm gương lớn của những người cộng sản trong thời đại Hồ Chí Minh". Theo sách: *Trường-Chinh, một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 22.

chú ý tới việc tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết đổi mới của Đại hội lần thứ VI.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa VI (họp từ ngày 1 đến 9-4-1987), giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Trường-Chinh phát biểu ý kiến xác định: những bài học dù thành công hay thất bại trong phân phối, lưu thông vừa qua đều góp phần hun đúc thêm chí khí và quyết tâm chiến lược của chúng ta theo hướng đổi mới, quyết không thể làm cho chúng ta thoái chí, nản lòng. Vì vậy, vấn đề đặt ra tại Hội nghị này chỉ có thể bổ sung theo hướng nâng cao, chứ không thể hạ thấp tinh thần và nội dung Nghị quyết của Đại hội lần thứ VI. Trên tinh thần đó, về mặt chỉ đạo sách lược chúng ta phải thận trọng và vững chắc, tích cực, liên tục, thường xuyên theo hướng phát triển, chứ không thể "bàn lùi" hay đưa ra một quá trình vô hạn định.

Đồng chí chỉ rõ nguyên nhân làm cho nền kinh tế nước ta lâm vào tình trạng lạm phát và bội chi ngân sách là do chúng ta chủ quan duy ý chí, phủ nhận quy luật khách quan, bác bỏ quan hệ hàng hoá - tiền tệ và nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng không ổn định về kinh tế chính là cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Theo đồng chí, muốn thoát khỏi tình trạng này, phải xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế

mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế đất nước như Đại hội lần thứ VI đã đề ra.

Đồng chí đề nghị Trung ương nghiên cứu thực hiện bốn giảm: giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động. Vấn đề này chỉ có thể thực hiện được khi sức sản xuất được giải phóng, khi chuyển được hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí đề nghị Đảng hãy quan tâm hơn nữa đến công tác cán bộ, mà yêu cầu cấp bách và lâu dài là mỗi cán bộ phải tự đổi mới bản thân mình. Đây là việc khó khăn nhất trong toàn bộ các khâu của quá trình đổi mới, đồng thời, cũng là điều đầu tiên và điều quan trọng bậc nhất cho đổi mới. Nếu Đảng không đổi mới được cán bộ, mỗi người không đổi mới được bản thân thì rốt cuộc sẽ không đổi mới được gì hết.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam về việc xúc tiến xây dựng cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh làm Trưởng ban. Ban này chia làm hai tiểu ban: Tiểu ban Cương lĩnh do đồng chí

Trường-Chinh làm Trưởng tiểu ban và Tiểu ban Chiến lược do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng tiểu ban.

Công việc soạn thảo Cương lĩnh được tiến hành từ giữa năm 1987. Đồng chí Trường-Chinh quán triệt trong Tiểu ban chuẩn bị Cương lĩnh: Cương lĩnh mới của Đảng phải tổng kết được những bài học của cách mạng Việt Nam. Ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đã biết dựa vào lực lượng nhân dân, đã kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Về chính trị, Cương lĩnh phải thể hiện một bước dân chủ hóa xã hội, dân chủ hóa trong Đảng. Nguyên tắc tập trung dân chủ cần được thể hiện đúng trong Cương lĩnh.

Tiếp thu ý kiến của đồng chí Trường-Chinh, các thành viên trong Tiểu ban tiến hành xây dựng đề cương. Khi đề cương tổng quát được thông qua, các thành viên tiến hành dự thảo lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba. Sau khi góp ý cho dự thảo lần thứ ba, đồng chí Trường-Chinh đột ngột qua đời.

Trong những tháng ngày làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mặc dù tuổi cao sức yếu, đồng chí Trường-Chinh nhiều lần đến thăm và làm việc ở nhiều địa phương và các cơ sở cách mạng, đặc biệt là những nơi đã đùm bọc, chở che đồng chí trong những năm tháng

trước Cách mạng tháng Tám như Đồng Kỵ, Từ Sơn (Bắc Ninh); Hiệp Hòa (Bắc Giang); Tiên Thù, Phổ Yên (Thái Nguyên); Xuân Đỉnh - Từ Liêm (Hà Nội) và trong chín năm chống thực dân Pháp xâm lược như Vạn Phúc - Hà Đông; Định Hóa - Thái Nguyên...

Tại các nơi đến thăm, đồng chí Trường-Chinh nhắc nhở lãnh đạo địa phương phải kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, đi đôi với việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế, nhằm khai thác mọi tiềm năng, giải phóng sức sản xuất, gắn với từng bước củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Phải thấy đổi mới là một quá trình liên tục, từ thấp đến cao, từ từng mặt đến toàn diện, khẩn trương, táo bạo nhưng thận trọng. Phải đẩy mạnh sản xuất và thi hành tốt chính sách xã hội, nâng cao đời sống của người lao động.

Về thăm làng Tiên Thù, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, nơi đồng bào đã cứu đồng chí thoát khỏi sự truy sát của kẻ thù năm 1941, đồng chí đã viết bài thơ:

“Tiên Thù cơ sở năm xưa,
Che chở, đùm bọc, nắng mưa ân cần.
Tình dân, nghĩa nước nồng nàn,
Bốn mươi năm ấy, muôn vàn nhớ mong.
Giờ đây lúa chín đầy đồng,
Non sông thống nhất, cờ hồng tung bay.
Gặp nhau, tay xiết chặt tay,

Cùng nhau ôn lại những ngày gian truân.
Một lòng vì nước vì dân,
Xa nhau vẫn thấy như gần bên nhau.
Tiên phong hãy gắng đi đầu,
Dựng xây hạnh phúc muôn màu thắm tươi.
Mang theo ánh mắt nụ cười,
Ra về vương vấn, bồi hồi vấn vương.
Lòng ta lo việc bốn phương,
Lòng ta ấp ủ tình thương đồng bào”.

Trong những tháng năm đầu của sự nghiệp đổi mới, những chuyến thăm địa phương của đồng chí Trường-Chinh đã giúp cho cán bộ và nhân dân các địa phương hiểu rõ và tin tưởng sâu sắc vào đường lối đổi mới của Đảng, kiên quyết tháo gỡ khó khăn đưa Nghị quyết Đại hội lần thứ VI vào cuộc sống. Vì vậy, các chuyến đi này đã để lại ấn tượng và cảm tình sâu sắc trong cán bộ và nhân dân các địa phương.

Ngay sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước thống nhất, đồng chí Trường-Chinh nhiều lần vào thăm và làm việc với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam Bộ: đến nơi từng đặt các cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ - vùng đất mũi Cà Mau, tới thăm quê hương Đồng khởi Bến Tre, tới thăm vùng đất Tiên Giang - một trong những cái nôi của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, đi thăm Chiến khu Đ của miền Đông gian khổ trong suốt hai cuộc kháng chiến chống

xâm lược Pháp - Mỹ. Năm 1978, đồng chí đã ra thăm Côn Đảo - nơi đã từng được mệnh danh là chốn “địa ngục trần gian”, nơi bọn xâm lược giam cầm, dọa dẫm, giết hại hàng vạn đồng bào yêu nước và biết bao đảng viên ưu tú của Đảng ta. Đồng chí đã hai lần đến thăm và cảm ơn đồng bào, đồng chí ở Bà Điểm, Hóc Môn (năm 1978 và 1981), nơi Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Xứ uỷ Nam Bộ đã từng thiết lập căn cứ địa cách mạng, nơi đã diễn ra ba hội nghị quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương (ngày 25 tháng 8 đến 4-9-1937; 29 và 30-3-1938; và 6 đến 8-11-1939), nơi các đồng chí Tổng Bí thư lỗi lạc Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, và nhiều đồng chí lãnh đạo ưu tú của Đảng như Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai... đã hy sinh.

Tháng 1-1987, đồng chí Trường-Chinh chính thức vào thăm Thành phố Hồ Chí Minh lần cuối cùng. “Cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam mãi mãi thương yêu và quý trọng đồng chí Trường-Chinh và đã gọi đồng chí bằng cái tên thân thiết: “*Anh Năm mới*”¹.

Từ năm 1985, đồng chí Trường-Chinh đã có ý định muốn viết một cuốn *Hồi tưởng*, ghi lại quãng đời

1. Nguyễn Minh Triết: "Đồng chí Trường-Chinh với Nam Bộ, với Đảng bộ và nhân dân Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr.102.

hoạt động cách mạng của mình và đã dành thời gian kể cho một số cán bộ làm công tác lịch sử ghi chép lại.

Ngày 28-9-1988, tại Nhà khách số 8, phố Chu Văn An, Hà Nội, đồng chí làm việc với nhóm viết *Hồi tưởng*, nói rõ hơn mục đích làm cuốn sách:

“Năm nay tôi đã ngoài 80 tuổi, muốn có một cuốn "Hồi tưởng" ghi lại cuộc đời hoạt động của mình gắn bó với quá trình hoạt động cách mạng của Đảng ta và của Bác Hồ. Đáng lẽ cuốn "Hồi tưởng" này có thể làm sớm hơn, nhưng trước đây, vì hoàn cảnh công tác không cho phép nay mới có điều kiện làm được.

Gần 60 năm qua, kể từ khi thành lập Đảng đến nay, biết bao sự kiện trọng đại của đất nước, của Đảng và nhân dân vẫn còn in sâu trong ký ức của nhiều người, trong đó có tôi. Do vậy, viết cuốn "Hồi tưởng" là một việc làm có ý nghĩa, không chỉ nói lên sự đóng góp của cá nhân tôi mà chủ yếu còn nói lên chủ nghĩa anh hùng cách mạng tuyệt vời của nhiều đồng chí, đồng bào ta đã hiến cả cuộc đời mình vào sự nghiệp chung của dân tộc.

Năm 1990, năm kỷ niệm lần thứ 60 Ngày lập Đảng, lần thứ 45 ngày dựng nước và lần thứ 100 ngày Bác Hồ ra đời. Tôi muốn trong dịp này sẽ cho ra mắt bạn đọc cuốn "Hồi tưởng" của tôi.

Để hoàn thành tốt công việc, cần có sự đóng góp và giúp đỡ của các đồng chí.

Tôi đề nghị đặt tên cuốn sách là "Hồi tưởng", vì

dùng chữ "hồi tưởng" có phần sâu sắc hơn chữ "hồi ký".

Về yêu cầu của cuốn sách, tôi muốn rằng, nó phải bảo đảm được tính chính xác của lịch sử. Vừa qua, có một số cuốn hồi ký hoặc một số bài hồi ký đã bị người đọc có ý kiến, cũng chỉ vì nó không phản ánh trung thực lịch sử. Vì vậy, việc phản ánh chân thực lịch sử là một yêu cầu số một..."¹.

Ngày 30-9-1988, đồng chí Trường-Chinh làm việc đến 11 giờ. Đó là buổi làm việc cuối cùng của đồng chí cho Đảng và dân tộc. Đồng chí Trường-Chinh đột ngột đi vào cõi vĩnh hằng. Cuốn "Hồi tưởng" được xếp lại.

Cả nước để tang đồng chí từ ngày 2 đến 6-10-1988.

Đồng chí Trường-Chinh an nghỉ tại nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội.

1. Phản ánh chân thực lịch sử là yêu cầu số một của cuốn "Hồi tưởng", báo *Nhân dân*, ngày 3-10-1988, tr.1.

Chương X

NHÀ LÃNH ĐẠO KIẾT XUẤT CỦA ĐẢNG TA

10.1. Người cộng sản kiên cường

Sớm tham gia phong trào yêu nước từ năm 1925 và gia nhập Hội Việt Nam thanh niên cách mạng năm 1927, đồng chí Trường-Chinh là một trong những người tiên phong tham gia vận động thành lập Đảng và trở thành một trong những chiến sĩ cộng sản lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930). Những hoạt động đó đã góp phần đưa cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới, giai đoạn giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta phát huy vai trò quyết định xu thế phát triển của đất nước theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin¹.

Vào những năm ba mươi, trong ngục tù đế quốc cũng như khi hoạt động công khai, đồng chí đã đem hết

1. Xem: Điều văn do đồng chí Nguyễn Văn Linh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Trường-Chinh, báo *Nhân dân*, ngày 6-10-1988.

ng nghị lực, trí tuệ và nhiệt tình cách mạng tham gia truyền bá cương lĩnh, đường lối của Đảng, và góp phần to lớn vào cuộc vận động dân chủ do Đảng ta lãnh đạo trong những năm 1936-1939.

Năm 1940, trước sự khủng bố ác liệt, hầu hết uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta bị thực dân Pháp bắt và giết hại, đồng chí đã vượt qua sự truy lùng của kẻ thù, góp phần tổ chức lại Ban Chấp hành Trung ương, kiện toàn bộ máy của Đảng và đón đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Cuộc gặp gỡ lịch sử và sự thống nhất toàn diện giữa lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Quyền Tổng Bí thư Trường Chinh ở Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (tháng 5-1941) đã dẫn tới những quyết sách đúng đắn, sáng tạo, để Đảng lãnh đạo nhân dân ta chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện và tiến hành thắng lợi Cách mạng tháng Tám, mở ra kỷ nguyên mới cho sự phát triển của dân tộc.

Trong những năm 1945-1946, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí cùng Trung ương Đảng lèo lái con thuyền cách mạng vượt qua thác ghềnh hiểm nghèo; tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, giữ vững thành quả cách mạng; chuẩn bị toàn diện các điều kiện chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao cho việc phát động cuộc chiến tranh ái quốc và đã đưa cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân

Pháp xâm lược đến thắng lợi Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Là thành viên trong Bộ Chính trị, đồng chí có nhiều đóng góp vào sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Năm 1986, sớm nhận rõ được xu thế của thời đại, trước thực trạng của đất nước, yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân, đồng chí có nhiều đóng góp quan trọng với Đảng trong việc khẳng định chủ trương đổi mới. Vang mãi trong lòng đồng bào ta lời phát biểu của đồng chí trong quá trình chuẩn bị Đại hội lần thứ VI: Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại. Đổi mới là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với đất nước và dân tộc ta. Tinh thần đó đã, đang và sẽ tiếp tục thúc đẩy những người cộng sản và nhân dân ta tiến lên.

Trên cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã dành hết trí lực góp phần xây dựng Cương lĩnh của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chuẩn bị nội dung cho Đại hội lần thứ VII của Đảng.

Là nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà lý luận, nhà báo, nhà thơ... đồng chí là sự thể hiện cực kỳ sinh động lương tâm, trí tuệ, tình cảm cách mạng cao đẹp và văn hoá của người chiến sĩ cách mạng, một nhà lãnh đạo

cộng sản suốt đời phấn đấu theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng chí luôn là tấm gương sáng về sự kiên cường cách mạng, nguyên tắc và ý thức kỷ luật cộng sản, tình cảm chân thành với đồng bào, đồng chí, khiêm tốn, giản dị, phương pháp làm việc khoa học, thận trọng, cụ thể và thiết thực.

Trong ngục tù đế quốc, trước án tử hình hay những hoạt động ám hại liên tục của kẻ thù, hoặc trước những khó khăn nghiệt ngã của cuộc cách mạng giải phóng con người - cách mạng xã hội chủ nghĩa - chưa có tiền lệ, vừa mở đường vừa tiến lên, đồng chí luôn vượt lên tất cả, không ngừng nghỉ đấu tranh vì sự nghiệp độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho con người Việt Nam.

Là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được rèn luyện và trưởng thành trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, đồng chí trở thành nhà lãnh đạo có uy tín của Đảng và Nhà nước, được nhân dân ta và bạn bè trên thế giới tin yêu, kính trọng, là một tấm gương sáng của người cộng sản kiên cường.

10.2. Kiến trúc sư chiến lược - nhà tổ chức tài năng

Ba lần được tin nhiệm làm Tổng Bí thư - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1941-1951), Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam (1956) và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) - trước hết, Trường-Chinh

không chỉ là một chiến lược gia đã hoạch định đúng đắn và chính xác đường lối, chính sách mới của Đảng, mà đồng chí còn là nhà tổ chức tài năng đã góp phần lãnh đạo, tổ chức toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện thắng lợi đường lối giải phóng dân tộc, bảo tồn, phục hưng và phát triển đất nước trong thế kỷ XX.

Cuộc gặp gỡ và thống nhất tư tưởng giữa Nguyễn Ái Quốc – Trường-Chinh tại Pác Bó (tháng 5-1941), mà kết quả là sự ra đời của Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá I) đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Nghị quyết này, được đồng chí Trường-Chinh chuẩn bị theo tư tưởng Hồ Chí Minh, là bước hoàn chỉnh về sự “thay đổi chiến lược”, là “chính sách mới” của Đảng, đã giải quyết đúng đắn mâu thuẫn chủ yếu giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược, đặt cơ sở cho việc tập hợp hết thảy mọi lực lượng của dân tộc dưới lá cờ của Đảng, tiến hành cuộc cách mạng giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Tư duy lý luận độc lập, tự chủ, sáng tạo và sự linh hoạt trong quá trình chỉ đạo thực tiễn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Tổng Bí thư Trường-Chinh đã tạo ra bước phát triển nhảy vọt của lực lượng cách mạng nước ta, dẫn tới thành công của Cách mạng tháng Tám.

Là linh hồn của cách mạng, nhưng vì những nhiệm vụ quốc tế, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc hai lần phải vắng

mặt ở trong nước (từ tháng 8-1942 đến tháng 10-1944 và từ tháng 2 đến tháng 5-1945), trách nhiệm to lớn của Đảng và cách mạng đặt lên vai Tổng Bí thư của Đảng. Đồng chí Trường-Chinh đã trực tiếp chỉ đạo tổ chức triển khai Nghị quyết lần thứ tám, phát triển mạnh mẽ lực lượng chính trị với sự ra đời của các đoàn thể cứu quốc rộng rãi trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng các an toàn khu và trên cơ sở đó, tổ chức lực lượng vũ trang. Nhờ đó, trên cơ sở nắm chắc tình hình thế giới và trong nước, với lực lượng cách mạng được tổ chức, chuẩn bị chu đáo, đồng chí và Thường vụ Trung ương Đảng đã phát hiện đúng sự đột biến của tình hình, kịp thời ra Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, thống nhất các lực lượng vũ trang, kiện toàn các chiến khu đã có, lập thêm các chiến khu mới, cử ra Ủy ban quân sự, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, kịp thời để khi thời cơ tới, tiến lên tổng khởi nghĩa.

Khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, đồng chí gấp rút tổ chức thành công Hội nghị toàn quốc của Đảng, Đại hội quốc dân ở Tân Trào và thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí trực tiếp phụ trách. Với sự chuẩn bị chu đáo đó, chỉ trong nửa tháng, tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trong cả nước.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí trực tiếp

lãnh đạo tổ chức “kháng chiến và kiến quốc”, góp phần thực hiện thành công sách lược “Hoà để tiến”, vượt qua cam go của tình thế “ngàn cân treo sợi tóc,” giữ vững thành quả cách mạng, xây dựng thành công nhà nước dân chủ mới, tạo cơ sở pháp lý để động viên, tổ chức toàn dân chuẩn bị và bước vào cuộc chiến đấu bảo toàn nền độc lập non trẻ.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng chí đã nhanh chóng vạch ra chiến lược chiến tranh ái quốc với tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* (1947) và chỉ ra con đường phát triển của cách mạng Việt Nam qua báo cáo *Luận cương về cách mạng Việt Nam* (1951), góp phần đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến ái quốc vĩ đại của dân tộc.

Đảng ta khẳng định: "Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, từ năm 1941, cùng với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, đồng chí Trường-Chinh đã có nhiều quyết sách đúng đắn, sáng tạo, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng, vai trò của đồng chí nổi bật là một trong những người lãnh đạo kiệt xuất đã đưa cuộc Cách mạng tháng Tám đến thành công và đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng"¹.

1. Báo *Nhân dân*, ngày 6-10-1988, tr.1.

Trong chỉ đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ, đồng chí có nhiều đóng góp lớn lao vào việc xây dựng hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa vững chắc, cùng Bộ Chính trị chuẩn bị và đưa ra các quyết sách chiến lược lớn, dẫn tới thắng lợi trọn vẹn của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Là người hoạt động nhà nước, đồng chí có những đóng góp nổi bật trong sự nghiệp xây dựng nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh: là Ủy viên Ủy ban dự thảo Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1959), đến vị trí Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1980) và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (1981), đồng chí đã tham gia chỉ đạo soạn thảo và công bố nhiều đạo luật, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật ở nước ta, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.

Trước thực tế khủng hoảng kinh tế - xã hội của đất nước (1979-1986), đồng chí thâm nhập thực tế, tổng kết kinh nghiệm, tập hợp sáng kiến của nhân dân, tìm tòi lý luận và đề nghị với Đảng ta khởi xướng công cuộc đổi mới. Đại hội lần thứ VI khẳng định đường lối đổi mới toàn diện nhằm đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội ở nước ta trước sự đổ vỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Đây là

sự nghiệp vĩ đại, đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta. Thắng lợi của công cuộc đổi mới khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội lần thứ VI đề ra mà Trường-Chinh là một trong những người *đề xướng công cuộc đổi mới*¹, là *“Tổng Bí thư của đổi mới”*².

Trường-Chinh - một kiến trúc sư chiến lược mới, nhà tổ chức tài năng của Đảng và dân tộc ta.

10.3. Nhà lãnh đạo chính trị kiệt xuất, nhà lý luận, nhà văn hóa lớn

Ba lần trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí đã có những cống hiến đặc biệt xuất sắc về lý luận và chỉ đạo thực tiễn khởi nghĩa giành chính quyền, về chiến tranh nhân dân - toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính; lý luận và tổ chức về xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, đoàn kết toàn dân, thêm bạn, bớt thù; lý luận và chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng đảng, xây dựng nhà nước và pháp luật; về công tác tư tưởng, công tác văn hóa, văn nghệ...

1. Đỗ Mười: "Trường-Chinh - một nhà lãnh đạo tài năng của cách mạng Việt Nam". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr.26.

2. Võ Văn Kiệt: "Đồng chí Trường-Chinh - Tổng Bí thư của đổi mới". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr.36.

Những cống hiến đó thể hiện việc nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp chặt chẽ với sự hiểu biết sâu sắc thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời tỏ rõ năng lực tư duy sáng tạo và đúng đắn của đồng chí Trường-Chinh. Vì vậy, những chiến lược, sách lược mới do đồng chí đề xuất và những vấn đề thực tiễn do đồng chí tổng kết đã trở thành lý luận và những bài học lớn của Đảng ta.

Những người cộng sản Việt Nam khắc sâu di huấn của đồng chí Trường-Chinh: Với tinh thần tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, chúng ta cần phân tích một cách sâu sắc những khuyết điểm, sai lầm, trên cơ sở đó mà đề ra chủ trương, biện pháp kiên quyết và thực tế để đưa cách mạng nước ta nhanh chóng vượt qua khó khăn và tiếp tục vững bước tiến lên.

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta luôn ghi nhớ ba bài học lớn mà đồng chí đã tổng kết:

1. *“Sức mạnh của một nước, của cách mạng chính là ở nhân dân”*. Để thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phải tin tưởng ở nhân dân, mọi chủ trương, chính sách đều phải lấy dân làm gốc. Cha ông ta từ xưa đã nghĩ và làm như vậy. Trong thời đại ngày nay, từ tiền khởi nghĩa đến Cách mạng tháng Tám, chống mọi kẻ thù xâm lược, Đảng ta đều làm như vậy. Đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay lại càng phải làm như

vậy¹. “Bài học “*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*” trước đây rất quan trọng, *bây giờ càng quan trọng*, đó là bài học lịch sử vô giá của cách mạng nước ta”².

2. Là người lãnh đạo, do vậy bài học lớn thứ hai Đảng cần phải nắm vững là *phải tôn trọng quy luật khách quan*, phải vận dụng nó một cách đúng đắn vào thực tế cách mạng nước ta.

Đồng chí lưu ý chúng ta rằng: “Chủ nghĩa Mác - Lênin nêu lên những nguyên lý chung có tính phổ biến. Song vận dụng những nguyên lý đó vào hoàn cảnh Việt Nam như thế nào là việc của chúng ta phải làm; không ai có thể làm thay chúng ta được. Muốn vậy, phải xuất phát từ thực tế Việt Nam, với những con người Việt Nam cụ thể, với điều kiện phát triển cụ thể của lịch sử, của nền kinh tế, của điều kiện xã hội, của những truyền thống Việt Nam”³.

Chúng ta phải vận dụng đúng đắn, trải qua sự kiểm nghiệm của thực tế mà điều chỉnh các chính sách nhằm vận dụng ngày càng nhuần nhuyễn và đúng đắn hơn cả hệ thống các quy luật đó, không chỉ vận dụng riêng một quy luật nào.

Rất thực tế khi đồng chí chỉ ra rằng: tiêu chuẩn đánh giá một chính sách, tiêu chuẩn xác định trình độ

1, 2, 3. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđd*, tr.10,12.

và khả năng vận dụng đúng đắn hệ thống quy luật, thông qua các chính sách của chúng ta là sản xuất phải phát triển, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân phải ổn định và từng bước được cải thiện, xã hội phải lành mạnh, văn minh, các giá trị đạo đức và tinh thần ngày càng được nâng cao, quốc phòng, an ninh vững mạnh. Mọi chính sách làm giảm nhiệt tình lao động của quần chúng, gây trở ngại, thậm chí làm đình đốn sản xuất, bế tắc lưu thông, làm cho đời sống khó khăn, tiêu cực phát triển, xã hội rối loạn, là biểu hiện của sự vận dụng không đúng đắn các quy luật khách quan, đều phải bãi bỏ hoặc sửa đổi¹.

Đồng chí khẳng định: *“tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng đúng đắn, hành động theo quy luật chính là cách đi lên chủ nghĩa xã hội đúng nhất và nhanh nhất, không có con đường nào khác. Đó là bài học thứ hai của chúng ta”*².

3. Để huy động được đầy đủ sức mạnh của nhân dân trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho việc tự giác vận dụng các quy luật, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tác dụng tích cực của chúng, đồng chí Trường-Chinh căn dặn chúng ta: *“nhất thiết phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng”*³.

1, 2, 3. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđd*, tr.13, 18.

Đảng lãnh đạo phải nắm vững hệ thống quy luật tác động lên xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Trên cơ sở nhận thức đúng hệ thống quy luật đó, sự lãnh đạo của Đảng phải nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, hướng họ vào việc tự giác hành động theo quy luật. Lực lượng hùng hậu của nhà nước xã hội chủ nghĩa, tiềm năng to lớn của nhân dân lao động có được phát huy đầy đủ hay không chính là ở chỗ lực lượng đó, tiềm năng đó có được hướng vào việc hành động hợp quy luật hay không.

Làm đúng quy luật chính là hợp với lòng dân, hợp với xu thế đi lên của đất nước và của thời đại. Vì vậy, làm đúng quy luật thì nhất định sản xuất sẽ phát triển, tình hình sẽ ổn định dần và từng bước đi lên.

Đồng chí cho rằng quá trình lãnh đạo cách mạng dày dặn của Đảng ta trong những năm qua đã chứng minh tính đúng đắn và sáng tạo trong việc kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, các yếu tố chủ quan và sức mạnh của nhân dân với yếu tố khách quan về sự vận động của hệ thống quy luật. Do đó, cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, cần tăng cường đoàn kết trong Đảng trên cơ sở của chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng. Trước tình

hình khó khăn phức tạp, có những ý kiến khác nhau là lẽ bình thường. Chúng ta cần chân thành, thẳng thắn, có thái độ xây dựng trong khi thảo luận để tìm ra chân lý, nhằm đạt tới nhất trí cao, hết sức tránh vội vàng quy chụp. Tình hình hiện nay đòi hỏi Đảng ta phải có bước đổi mới trong phong cách làm việc theo tác phong Hồ Chí Minh, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ. Phải giữ vững tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng cũng như trong lãnh đạo kinh tế - xã hội.

Đồng chí kết luận: Chúng ta đang đứng trước tình hình đặc biệt, bên cạnh những thuận lợi, có rất nhiều khó khăn phải vượt qua. Để bảo đảm hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược trong tình hình mới, việc củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng có ý nghĩa quyết định. *Đó là bài học thứ ba của chúng ta.*

Ba bài học này hoàn toàn có giá trị hiện thực với chúng ta ngày nay.

Quyết tâm chiến đấu cho độc lập dân tộc với tư cách của một người cộng sản, một nhà chính trị, nhưng trong quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí Trường-Chinh đã kế thừa và không ngừng hoàn thiện, nâng cao vốn văn hóa của mình bằng những giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại để luyện thành một nhân cách văn hóa lớn.

Bởi vậy, không chỉ là nhà hoạt động chính trị cộng sản mà đồng chí Trường-Chinh còn là một nhà văn hoá,

một nhân cách văn hoá lớn có nhiều đóng góp quan trọng hình thành đường lối lãnh đạo và lý luận của Đảng về văn hóa.

Từ trong vận động Cách mạng tháng Tám, đồng chí đã sớm đặt cơ sở lý luận cho việc xây dựng một nền văn hoá mới Việt Nam theo phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng. Các tác phẩm *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* được coi là những tác phẩm đặt cơ sở lý luận cho đường lối xây dựng nền văn hóa - văn nghệ cách mạng của Việt Nam. Trường-Chinh là hiện thân của công tác tư tưởng và công tác văn hóa - văn nghệ của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng con người ở nước ta.

Vừa là nhà báo cách mạng nổi tiếng, vừa là người tổ chức, chỉ đạo báo chí của Đảng, đồng chí đã trực tiếp viết nhiều bài báo với tính chiến đấu cao, có sức thuyết phục mạnh mẽ và cổ động cách mạng sâu rộng. Những bài báo đó là một bộ phận trọng yếu trong di sản tư tưởng và lý luận của đồng chí Trường-Chinh và giữ một vị trí đặc biệt trong lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam.

Với bút danh Sóng Hồng, đồng chí Trường Chinh là một nhà thơ cách mạng với những bài thơ thể hiện sức chiến đấu cao và lòng nhân ái sâu sắc. Những người cầm bút, các nhà hoạt động văn hoá - văn nghệ và báo chí không thể nào quên tuyên ngôn của đồng chí:

“Dùng bút làm đòn chuyễn xoay chế độ,

Mỗi vần thơ: bom đạn phá cường quyền!”.

Đồng chí căn dặn các nhà nghiên cứu khoa học “cần tiếp tục nghiên cứu nắm vững những đặc điểm và quy luật phát triển của xã hội Việt Nam, dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam trong quá trình tiến lên làm chủ đất nước mình... Cần tổng kết những bài học lịch sử của sự nghiệp dựng nước và giữ nước, giáo dục truyền thống đoàn kết, đấu tranh kiên cường, bất khuất, lao động cần cù và sáng tạo của nhân dân Việt Nam. Đặc biệt cần tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để giáo dục rộng rãi trong nhân dân; nghiên cứu và giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phẩm chất con người mới xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng...”¹.

Là nhà lãnh đạo chính trị cộng sản, đồng chí luôn đứng ở tầm cao văn hoá của dân tộc và nhân loại để suy nghĩ và sáng tạo.

Là nhà văn hoá lớn, đồng chí đã hiến dâng toàn bộ trí tuệ và tài năng cho mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Do vậy, ở đồng chí, văn hoá đã làm phong phú thêm chính trị và chính trị đã soi đường cho văn hoá².

1. Báo *Nhân dân*, ngày 6-12-1983, tr.4.

2. Vũ Khiêu: "Trường Chinh - nhà văn hóa lớn". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam*, *Sổd*, tr.400.

Là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí đã phát huy sức mạnh của cả chính trị và văn hoá để trở thành “không những là một nhà lãnh đạo chính trị kiệt xuất của Đảng, của Nhà nước ta, mà còn là nhà lý luận, nhà văn hóa, nhà báo lớn của nước nhà”¹.

10.4. Phẩm chất chính trị kiên định của một trí tuệ sáng tạo

Là Tổng Bí thư của Đảng, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau của cách mạng nước ta, lúc nào đồng chí cũng đem hết sức lực, trí tuệ để cống hiến cho Đảng và dân tộc, luôn trau dồi kiến thức, lắng nghe ý kiến đồng bào, đồng chí và quan tâm tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ và góp phần xây dựng đường lối của Đảng.

Trước những biến đổi phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, là người hoạch định và quyết định chiến lược mới trong cách mạng giải phóng dân tộc, hoạch định đường lối kháng chiến, đề xuất đường lối đổi mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, là người chịu trách nhiệm trước Đảng và dân tộc tổ chức thực thi những đường lối ấy, đồng chí luôn tỏ rõ thái độ dứt khoát, khẳng định bản lĩnh chính trị và trí tuệ khoa học của người Tổng Bí thư của Đảng.

1. Nông Đức Mạnh: "Một tấm gương lớn của những người cộng sản trong thời đại Hồ Chí Minh". Theo sách: *Trường-Chinh một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, Sdd*, tr.22.

Trong thời kỳ đầu của mỗi giai đoạn cách mạng, đặc biệt là trước những bước ngoặt lịch sử, việc tỏ rõ thái độ và khẳng định những vấn đề, quan điểm có tính nguyên tắc, có giá trị quan trọng trong thống nhất tư tưởng của toàn Đảng, toàn dân trong đấu tranh cách mạng và giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong hoà bình, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí luôn lưu ý Đảng phải nhìn thẳng vào sự thật, phải thấy những thuận lợi, nhưng đồng thời phải thấy được các thiếu sót chủ quan và Đảng phải luôn có tinh thần dũng cảm tự phê bình mạnh mẽ và triệt để. Đối mới cũng “dựa trên những bài học được đúc kết từ những thắng lợi đã đạt được và những khuyết điểm, sai lầm”¹.

Theo đồng chí, để không mắc tiếp các sai lầm, Đảng phải thật sự đổi mới tư duy và phong cách, có như vậy mới hiểu được thực chất của hiện trạng, phân biệt rõ đúng sai, phát huy được nhân tố tiến bộ, gạt bỏ được những sai lầm. Từ đấy mở ra một trình độ mới trong nhận thức và vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin, khơi dậy được tính chủ động sáng tạo vô tận của nhân dân lao động, phát huy được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước tiến lên.

1. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđđ*, tr.16.

Đồng chí xác định, để tiến hành công cuộc đổi mới ở bất cứ lĩnh vực nào của đời sống xã hội, cần phải chuẩn bị trước về lý luận, làm cơ sở cho sự đổi mới trong hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở lý luận đúng đắn dẫn đường, tiến hành thiết kế các cơ chế quản lý cụ thể cũng như soạn thảo các chính sách, biện pháp phù hợp đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống.

Đồng chí cho rằng, phương pháp tư duy đúng đắn không thừa nhận sự cường điệu hoá, nhấn mạnh mặt này coi nhẹ mặt kia, hoặc nhân danh đổi mới để phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và đề xuất những giải pháp không phân biệt nguyên tắc, xoá nhoà ranh giới có tính nguyên tắc giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Do vậy, Đảng phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo của mình để xứng đáng là người lãnh đạo chính trị đối với xã hội, xứng đáng với niềm tin yêu và hy vọng của nhân dân. Phải hết sức coi trọng và đặt lên trước hết vấn đề soạn thảo chiến lược và sách lược của Đảng, đáp ứng đúng yêu cầu cách mạng trong từng thời kỳ để định hướng cho xã hội tiến lên. Trước sự phát triển mới của tình hình, Đảng lại càng phải nâng cao các phẩm chất đó lên một trình độ mới.

Thường xuất hiện ở những bước ngoặt của cách mạng, để đề xướng và tổ chức thực hiện thành công các nghị quyết của Đảng, đồng chí Trường-Chinh thể hiện

nổi bật phẩm chất chính trị kiên định, sự tận tụy, lòng trung thành của người cộng sản, tài năng tổ chức và trí sáng tạo của một nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và dân tộc ta.

10.5. Tấm gương nhân cách của nhà lãnh đạo cộng sản

Đồng chí Trường-Chinh luôn có mặt ở những nơi nguy hiểm, khó khăn, chung lưng đấu cật với đồng chí, hòa mình vào nhân dân, vượt lên ngục tù và án tử hình của chế độ thực dân, suốt đời phấn đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân, vì hạnh phúc của con người Việt Nam.

Năm 1941, khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, đồng chí đã đề nghị Người giữ trách nhiệm là Tổng Bí thư của Đảng.

Cách mạng tháng Tám thành công, đồng chí không nhận một chức vụ nào của chính quyền.

Trước những sai lầm của Đảng trong cải cách ruộng đất, đồng chí nhận trách nhiệm, xin từ chức Tổng Bí thư để nhận nhiệm vụ Trưởng ban sửa sai và hoàn thành nhiệm vụ này một cách nghiêm túc, giữ vững uy tín của Đảng.

Những người cộng sản luôn nhớ di huấn của đồng chí: “Công tác cách mạng của chúng ta có thành tích và cũng có sai lầm. Điều cốt yếu là Đảng ta tránh được những sai lầm về đường lối cách mạng, và một khi

phạm sai lầm dù lớn dù nhỏ đều thành khẩn nhận hết sai lầm và kiên quyết sửa chữa... Vì đường lối cách mạng của Đảng ta đúng, bản chất chế độ ta tốt, quần chúng nhân dân ta nói chung vẫn tin tưởng ở Đảng ta và Chính phủ ta, cho nên ta có điều kiện tốt để *sửa sai và tiến lên*¹

Đổi mới - lúc đầu, ở nước ta còn có ý kiến khác nhau. Đồng chí đã tỏ rõ nhân cách của người cộng sản: kiên trì, thẳng thắn đấu tranh vì mục tiêu của Đảng, mà không gì khác hơn là sự phục hưng dân tộc và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, để vượt lên mọi khó khăn dấn dặt toàn Đảng tiến lên và trở thành một trong những nhân vật hàng đầu khởi xướng công cuộc đổi mới.

Là người chan hòa rộng lượng, đồng chí lấy đoàn kết làm trọng và bảo vệ sự thống nhất trong Đảng như bảo vệ con người của mắt mình.

Đồng chí là một người chồng, người cha, người ông mẫu mực, nghiêm nghị và nhân từ.

Đó là một nhân cách cao thượng và trong sáng, một tấm gương đem lại niềm tự hào cho những người cộng sản.

*

* *

1. Trường-Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, *Sđd*, tr.23.

Tám mươi một tuổi đời, sáu mươi ba năm hoạt động cách mạng kiên cường và liên tục, đồng chí Trường-Chinh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng và của dân tộc, cùng với những sự kiện trọng đại của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX.

Với những cống hiến xuất sắc cho cách mạng, Đảng và dân tộc ta đã tôn vinh đồng chí là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Luôn xuất hiện đúng lúc trong mỗi bước ngoặt của lịch sử nước ta trong thế kỷ XX, góp phần thúc đẩy cách mạng nước ta tiến lên những chặng đường phát triển mới phù hợp với sự tiến hoá của nhân loại và của thời đại mới - với vai trò đó - Trường-Chinh là một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Chương I: QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ</i> (1907-1927)	9
1.1. Hành Thiện, Xuân Trường	9
1.2. Họ Đặng ở Hành Thiện và chi họ Đặng Xuân	22
1.3. Tuổi trẻ học đường	35
<i>Chương II: TRƯỞNG THÀNH TRONG CÁCH MẠNG</i> (1927-1940)	53
2.1. Trở thành người cộng sản	53
2.2. Trong ngục tù đế quốc	62
2.3. Lãnh đạo báo chí của Đảng	80
2.4. Viết sách <i>Vấn đề dân cày</i> và chủ trương lập Hội truyền bá Quốc ngữ	106
2.5. Quyền Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương	115
<i>Chương III: CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH CÁCH MẠNG</i> THÁNG TÁM THẮNG LỢI (1941-1945)	127
3.1. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương	127
	703

3.2. Mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, sửa soạn khởi nghĩa	156
3.3. Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta	185
<i>Chương IV: LÃNH ĐẠO GIỮ VỮNG THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945-1946)</i>	213
4.1. Kháng chiến và kiến quốc	213
4.2. Hoà để tiến	252
4.3. Chuẩn bị cho kháng chiến	280
<i>Chương V: TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC PHÁP (1946-1954)</i>	307
5.1. Xây dựng đường lối kháng chiến	307
5.2. Đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới	330
5.3. Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam	358
<i>Chương VI: KHÔI PHỤC MIỀN BẮC VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG MIỀN NAM (1954-1960)</i>	401
6.1. Chuyển hướng chiến lược	401
6.2. Sửa sai cải cách ruộng đất	418
6.3. Khôi phục và cải tạo kinh tế miền Bắc	437
6.4. Với cách mạng miền Nam	450
<i>Chương VII: TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1960-1975)</i>	469
7.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc	469
7.2. Thực hiện đường lối cách mạng ở miền Nam	500
7.3. Xây dựng và tăng cường hoạt động của Nhà nước	512

<i>Chương VIII: TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975-1982)</i>	529
8.1. Tổ chức Quốc hội thống nhất	529
8.2. Xây dựng Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	547
8.3. Bước đầu hình thành tư tưởng đổi mới	568
<i>Chương IX: TRƯỜNG-CHINH VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1982-1988)</i>	585
9.1. Hình thành đường lối đổi mới toàn diện	585
9.2. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam - chuẩn bị Đại hội đổi mới	635
9.3. Tổ chức thành công Đại hội đổi mới - Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng	661
<i>Chương X: NHÀ LÃNH ĐẠO KIẾT XUẤT CỦA ĐẢNG TA</i>	681
10.1. Người cộng sản kiên cường	681
10.2. Kiến trúc sư chiến lược - nhà tổ chức tài năng	684
10.3. Nhà lãnh đạo chính trị kiệt xuất, nhà lý luận, nhà văn hóa lớn	689
10.4. Phẩm chất chính trị kiên định của một trí tuệ sáng tạo	697
10.5. Tấm gương nhân cách của nhà lãnh đạo cộng sản	700

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. LÊ MINH NGHĨA

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập: ThS. NGUYỄN KHÁNH HOÀ

BÙI HỒNG THUÝ

PHẠM NGỌC BÍCH

Biên tập kỹ, mỹ thuật: PHẠM NGỌC BÍCH

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in: BAN SÁCH QUỐC TẾ

Đọc sách mẫu: PHẠM NGỌC BÍCH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

24 Quang Trung - Hà Nội
E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

ĐT: 9422008 FAX: 84-4-9421881
Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

• HỒ CHÍ MINH - BIẾN NIÊN TIỂU SỬ (Gồm 10 tập)

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

• HỒ CHÍ MINH - TIỂU SỬ

Chương trình viết tiểu sử các đồng chí
lãnh đạo của Đảng và Nhà nước

• TRẦN PHÚ - TIỂU SỬ

• LÊ HỒNG PHONG - TIỂU SỬ

• HÀ HUY TẬP - TIỂU SỬ

• NGUYỄN VĂN CÚ - TIỂU SỬ

• LÊ DUẬN - TIỂU SỬ

• NGUYỄN VĂN LINH - TIỂU SỬ

• TÔN ĐỨC THẮNG - TIỂU SỬ

• PHẠM VĂN ĐỒNG - TIỂU SỬ

• PHẠM HÙNG - TIỂU SỬ